

HƯ HƯ LỤC

Thiền Viện VIÊN CHIẾU 6-8 Nhâm Tuất, 1982



Ns. Thích Nữ Như Thủy

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 10-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Tựa

Có bao giờ bạn thấy rằng dù chung sống với bao nhiêu người, ta vẫn cô đơn như ở một mình, dù nói chuyện huyền thuyên suốt ngày mình vẫn như câm nín? Ngày trôi qua như mơ, đêm đến tràn mộng寐.

Quyển vở này được soạn ra từ những cơn mơ bất kể đêm ngày như thế là lời độc thoại của một kẻ chiêm bao tự nói với mình hơn là với độc giả.

Thiền viện VIÊN CHIẾU
6-8 Nhâm Tuất, 1982
NHƯ THỦY

Mục Lục

Tựa

Phần 1

Chuyện Tình Không Đoạn Kết

Thằng Cu Trắng

Cành Trâm Mơ Ước
Chiếc Cùm Bằng Ngọc
Cách Xử Thế Của Người Xưa
Của Quý
Ngày Mai Ăn Khỏi Trả Tiền
Cây Đèn Đã Tắt
Phật Ở Đâu
Bồ Tát Và Chúng Sanh
Phật Của Ngoại
Bà Chủ Hiền Thục
Sống Mất Khuynh Thành
Tái Ông Thất Mã
Người Mù Sờ Voi
Chuyện Âm Phủ
Người Mang Châu
Ba Câu Hỏi Của Đức Vua
Mối Dây Thân Ái
Người Yêu Muôn Thuở

Phần 2

Bát Báu Của A Tu La
Bà Chúa Xứ
Khi Người Đẹp Trả Thù
Chim Cú Mèo
Người Trong Mộng
Năm Tay Không
Lợi Danh
Tình Nghĩa
Vậy Sao???
Cầu Được Ước Thấy
Người Bốc Vác
Cô Lái Đò
Kiếm Khách Lùng Danh
Ông Phật Mũi Đen
Sư Đệ
Thiền Trong Mọi Phút
Ryonen
Dòng Suối Trường Xuân

Phần 3

Gương Mặt Hoa Mè
Con Cọp Dễ Thương
Mở Mắt Chiêm Bao
Cóc Và Rắn
Trò Chơi Bắt Dế
Khắc Châu Cầu Kiếm
Người Hóa Xà Niêng
Những Người Bệnh Tưởng

Bốn Bà Vợ Quý
Khi Thần Chết Đến
Chú Ngựa Tinh Khôn
Chồn Hôi
Ông Hoàng Lưu Lạc
Chiếc Áo Mới
Vô Minh Từ Đâu Ra?
Con Công
Thả Mồi Bất Bống
Bát Phong Suy Bất Động
À Ra Thế

Phần 4

Chiếc Áo Kỳ Diệu
Dải Áo Đứt
Thân Giáo
Hóa Thân Bò Tát
Những Điều Vô Lý
Ông Thầy Kỳ lạ
Mạng Đèn Mạng
Chum Vàng Bất Được
Tri Dị Hành Nan
Chấp Chỉ Vọng Nguyệt
Lý Do Giản Dị
Tên Cướp Độc Đoán
Con Chó Vô Ổn
Cách Làm Một Hạt Ngọc Trai
Đạt Ý Vong Ngôn
Bản Kinh Kỳ lạ
Thuận Nghịch
Chàng Rê Đa Sự

Phần 5

Thằng Bạ Bất Lương
Một Cách Trả Thù
Thuốc Thành Bệnh
Bất Chước Thầy
Một Bông Hồng Cho Em
Ba Bà Hoàng Hậu
Làm Sao Đây
Ba Cái Bánh Ít
Kỹ Thuật Nhà Nghề
Đông Thi Nhãn Mặt
Ăn Trộm Dạy Con
Quyển Kinh Đi Lạc
Người Hướng Đạo
Khi Người Về
Chỉ Một Giới Thôi

Thiền sư Tịnh Giới
Dasaka
Bảng Chỉ Đường
Bát Cháo Lú
Bát Cháo Lú
Hai Thằng Đệ Tử
Ô Sào Thiền Sư

Phần 6

Cuộc Chiến Hai Bàn Tay
Chiếc Lu Vô Tận
Chú Chuột Vô Hình
Bàn Tay Đã Mất
Mối Tình Có Duyên
Tươi Dưa Cho Người
Câu Hỏi Khó Trả Lời
Phá Táo Đọa
Tử Uyên Thê
Khi Quạ Trở Tài
Chiếc Gương Soi Mặt
Ngựa Nhà
Cụ Già Tu Mướn
Ương Quật Ma La
Vakkali
Khi Công Tử Chê Tiền
Ni Đề
Pháp Sư Đậu Hũ
Xa Đầu Tụ Lạc
Tôn Giả Thất Lai

Phần 7

Châu Lợi Bàn Đặc (Cù Lapanthaka)
Einstein Giải Thích Thuyết Tương Đối
A Xà Thế (Ajatasattu)
Ca Lư Đà Di
Hai Bà Hàng Xóm
Hòa Thượng Cua
Chúa Và Quý
Viên Ngọc
Bảy Mươi Năm Cuộc Đời
Ma Đãng Già Mục Đế Lệ
Quả Bí Đầu Mùa
Dây Vạn Niên Thanh
Chiếc Giày Chờ Đợi
Giá Trị Lời Nói
Chùm Nho Mơ Ước
Ván Cờ Định Mệnh
Ba Tội Đáng Chết

Hoa Vương
Công Chúa Xử Kiện
Phần 8
Những Con Ngựa Dữ
Chú Đũa Vô Tội
Thế Nào Là Thượng Tọa
Người Được Ca Ngợi
Bài Thơ Của Phật
Người Học Trò Hư Nhất
Sự Khiêm Tôn Của Một Thiên Tài
Danh Và Thực
Tướng Tự Tâm Sinh
Ý Kiến Thống Nhất
Ba Con Búp Bê
Cái Chết Của Chim Ưng
Chim Sẻ Mái
Dê Hóa Chó
Lòng Mẹ
Tại Ai
Đời Ưoi
Tri Âm
Kiếm Sư Munenori
Đôi Mắt Người Giác Ngộ

Phần 9
Chiếc Chăn Còn Lại
Đồng Một Chiếc Xiêm
Năm Con Lừa
Chiếc Gương Khả Ố
Một Nhà Bác Học
Người Đi Chợ
Ba Loại Học Trò
Huyền Sư
Chú Sói Thông Minh
Cặp Kính Mới
Những Chiếc Ngục Vô Hình
Một Ngón Tay
Kẻ Mạnh Nhất
Con Người Hạnh Phúc
Chàng Xạ Thủ
Mũi Tên Vàng
Tu Hành
Trăng Sao
Khi Phật Làm Thầy Đám

Phần 10
Hoa Thủy Tiên
Con Ma

Cổ Nhân
Máy Điện Tử
Đại Sư Bất Nhị
Cây Bên Đường
Bó Cỏ Xanh
Lời Đáp Sau Lung
Người Chào Hàng
Phù Hoa
À Ra Thế
Đôi Dép Da
Thầy Và Trò
Vùng Trời Mơ Ước
Xử Tội
Rửa Tai
Nước Cam Lò
Chàng Ghê
Sa Môn Hạnh
Phần 11
Người Vợ Góa
Mẹ Thầy Tăng
Thị Kính
Không Chịu Nói Dối
Thiền Sư Duy Chánh
Ni Liễu Nhiên
Đức Sơn Tuyên Giám
Thiền Sư Tiếp Khách
Huệ Nam Thiền Sư
Bài Học Sau Cùng
Chó Diên
Mê Tín
Cái Bướu
Tiếng Chim Đầu Núi
Trái Cắm
Gánh Nặng Trên Vai
Vàng Trắng Năm Ngón

---o0o---

[Phần 1](#)

Chuyện Tình Không Đoạn Kết

Ngày xưa, ngày xưa, có một cô công chúa út con gái yêu của hoàng đế La Mã - một ông hoàng giàu sang độc tài và rất hung bạo.

Lúc lớn lên, nàng công chúa lại đem lòng thầm yêu trộm nhớ một chàng trai trẻ tuổi trong đội Ngự lâm quân của cha mình. Nhà có ngạch vách có tai, câu chuyện tình thơ mộng này chẳng bao lâu lại lọt vào tai ông hoàng. Sau một hồi xoắn râu giận dữ, ông hoàng ra lệnh đưa chàng trai tốt phước (nhưng đang tái sanh mặt mũi) ra trước đầu trường.

Chàng trẻ tuổi được dẫn đến trước hai gian phòng và được quyền mở một trong hai cánh cửa.

Nếu chàng vô tội, thần linh sẽ giúp chàng mở cánh cửa hạnh phúc: một giai nhân đang chờ chàng cùng với số của hồi môn đồ sộ.

Nếu chàng có tội, cánh cửa sẽ mở lối cho một ả sư tử đói bụng, đang chờ chàng bằng hai hàm răng bén nhọn.

Trong giây phút định mệnh chàng ngự lâm bối rối nhìn quanh... và nơi khán đài danh dự, chàng bỗng bắt gặp ngón tay diêm chỉ của công chúa. Lòng đang hy vọng chàng liền mở một trong hai cánh cửa.

Nhiều thế hệ đã trôi qua, các ông hoàng bà chúa đã biến mất... Nhưng người ta vẫn chưa đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện.

---o0o---

Thằng Cu Trắng

Thuở xưa, có một thiếu nữ gia đen kết hôn với một người gia trắng, cuộc hôn nhân dị chủng này gây sự bất bình cho cả hai dân tộc da đen lẫn gia trắng. Người vợ bị gia đình cô từ bỏ, trong khi xã hội da trắng cũng không chấp nhận cô, tất cả đều khinh rẽ và đối xử với cô rất đen bạc.

Đứa con đầu lòng của người thiếu phụ đáng thương này chào đời như một ân sủng của Thượng đế. Chú bé trắng trẻo khôi ngô khiến ai trông thấy cũng phải nựng nịu. Chúng ta gọi nó là thằng cu Trắng cho tiện. Cu Trắng được nhận vào lớp học dành riêng cho dân da trắng lúc nó lên 5 tuổi. Sự thông minh đỉnh ngọ của thằng bé khiến mọi người phớt lờ đi nguồn gốc da đen của nó.

Cu Trắng đi học được ít lâu thì người mẹ hạ sanh thêm một đứa em. Lần này Thượng đế không thiên vị nữa, một thằng cu đen thui đen thui chào đời. Chúng ta gọi nó là thằng cu Đen cho tiện.

Cu Trắng đem lại cho bố mẹ nó bao nhiêu niềm vui thì cu Đen đem đến cho họ bấy nhiêu khổ sầu. Cu Đen biết thân mình chỉ lẩn quẩn ở bên mẹ, không dám và không được đi chơi với bố cùng anh.

Lên 5 tuổi, cu Đen cũng được bố mẹ chạy chọt cho vào học chung trường với cu Trắng. Nó bị bạn bè da trắng trêu chọc, hành hạ dữ dội. Cu Trắng cũng khổ sở vì sự hiện diện của thằng em không ít. Cuối cùng cả hai anh em đều bị chủng tộc da trắng đuổi ra khỏi trường.

Túng thế, bố mẹ của chúng phải sắp xếp như thế này: Cu Trắng được gửi đến một trường học nội trú của dân da trắng, thật xa để không ai biết đến nguồn gốc da màu của mẹ và em nó. Còn cu Đen thì được gửi về quê ngoại theo học tại một trường nô lệ dành riêng cho dân da màu. Ông bố tiếp tục đi làm, bà mẹ thui thủi một mình ở nhà mà lòng nhớ con khôn tả. Sự hợp chủng kỳ diệu của hai dòng máu bất chấp sự kỳ thị của loài người đã khiến cu Trắng thành một đứa bé thông minh vượt bậc. Điều này là nguồn an ủi cho bà mẹ và nàng thiếu phụ đáng thương này đặt hết hy vọng vào đứa con đầu lòng. Riêng thằng cu Đen, màu da đen đứa đã xác định hẳn số phận hẩm hiu của nó.

Ở trường học dành riêng cho dân da trắng, cu Trắng được thầy cô yêu mến, bạn bè kính nể, không một ai có mảy may ngờ vực về nguồn gốc da màu của nó. Riêng thằng cu Trắng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ mọi người biết được sự thật về mẹ và em mình, sẽ tổng cổ nó ra khỏi trường. Vì thế cu Trắng rất lầy lăm khổ sở khi phải tiếp xúc với mẹ và em. Những ngày nghỉ học, cu Trắng thường la cà ở nhà bạn bè để cho bà mẹ ở nhà mỗi mòn trông đợi, và bà đã chết trong nỗi buồn thương đó, bố chúng cũng không sống được bao lâu. Sau khi bố mẹ qua đời, cu Trắng liền cắt đứt liên lạc với em.

Về sau, cu Trắng trở thành một chàng trai học thức, đẹp trai... Nó vào lính làm đến đại úy, rồi giải ngũ về làm biên lý tại một thành phố lớn, sống một cuộc đời giàu sang danh vọng như bao nhiêu người Âu khác, có khác chăng là lòng lúc nào cũng hồi hộp lo sợ người ta khám phá ra dòng máu lai đen của mình, dù cu Trắng đã khôn khéo thay tên đổi họ.

Riêng thằng cu Đen, thì không được may mắn như anh, màu da của nó đã xác định sẵn địa vị của cu Đen trong xã hội. Biết anh không thích mình nên cu Đen chỉ làm bạn với sách vở và những người bạn cùng màu da. Hai anh em đều khô ngô, thông minh như nhau. Có khác chăng là hai màu da

và cu Đen sống hoàn toàn thoải mái không có nỗi lo sợ bị lộ tung tích ám ảnh suốt ngày đêm như cu Trắng.

Sau mười mấy năm trời cách biệt, một hôm cu Đen tình cờ đến gần anh. Được cu Trắng chấp thuận cu Đen đến thăm anh. Vì cuộc gặp gỡ này một tai nạn xảy ra, mọi người đều biết chàng cu Trắng là dân da màu. Tất cả những gì cu Trắng đã dày công gây dựng như danh vọng, tình yêu, sự nghiệp đều nhất loạt sụp đổ.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây được rút ra từ quyển sách “Hãy để ngày ấy lụi tàn” của một văn sĩ người Anh. Ở đây tôi không cốt ý kể cho em nghe về một chuyện tình bi thảm của thế giới giới, tôi chỉ muốn hỏi em về tâm trạng của anh chàng cu Trắng trong mỗi con người chúng ta – tôi và em – Có phải dù chúng ta có cố gắng gìn giữ tập luyện tu hành để tạo cho mình một dáng dấp đàng hoàng thuần hậu, thánh thiện đến đâu đi nữa.... thì trong tận cùng thâm tâm em và tôi đều phải đau khổ và ghi nhận rằng cái lý lịch đen, tức phần ác xấu, bất thiện vẫn còn ngấm ngầm ở đó. Và y hệt như anh chàng cu Trắng, nếu màu da bên ngoài của chàng ta được xã hội ưu đãi, mến chuộng bao nhiêu thì dòng máu lai đen nằm trong thân thể tạo thành một nỗi mặc cảm dày vò, bứt rứt, bấy nhiêu. Có bao giờ em thấy điều đó không? Sau những đức tính từ bi hỷ xả, tế nhị dịu dàng, đắc nhân tâm... những điều kiện ắc có và đủ để tạo thành con người hợp thời trang, lịch sự nhất mực đó, có phải em đã từng xót xa ghi nhận rằng những mầm móng tham sân, ganh ghét, độc ác, ích kỷ vẫn còn nằm sờ sờ ra đó... Có lạ chẳng là mọi người chưa nhận thấy... Và vì thế, người chung quanh càng thương mến, ái mộ bao nhiêu thì em càng thấy mình lộ bịch, giả dối bấy nhiêu.

Trong câu chuyện khi nào cu Đen gặp gỡ hay liên lạc với cu Trắng thì cái thế giới hư danh, ảo vọng của chàng cu Trắng liền bị đe dọa sẽ sụp đổ. Chúng ta cũng thế sau biết bao là công khó tập luyện để có một phong thái tu hành rất mực thì chỉ cần một cơn giận, một nụ cười mỉa mai, một cái nhìn ganh tị đến viếng thăm... là tất cả cái bề ngoài sơn son thếp vàng đó liền sụp đổ tan tành.

Bi kịch của câu chuyện ở chỗ chàng cu Trắng chối bỏ dòng máu lai đen của chàng, cố gắng khóa lấp để mạo nhận mình là da trắng 100% nên lúc nào chàng ta cũng phải nơm nớp lo sợ bị lộ tung tích.

Tại sao chàng trai lại cam chịu sống một cuộc đời đầy sợ hãi, giả dối và bấp bênh như thế? Chính cái thế giới phù hoa, những đặc quyền ưu tiên dành cho dân da trắng đã khiến chàng thêm thù ghét và ao ước được hưởng như họ.

Trở lại của chúng ta ngay từ thơ bé, chúng mình đã được ba mẹ và thầy cô giảng dạy rằng... phải cố gắng làm sao để trở thành một đứa bé ngoan ngoan, tử tế, dễ thương. Lúc dần dần lớn lên, xã hội lại cho ta một cái khuôn: thế nào là một người lịch sự, đăc nhân tâm, được mọi người yêu mến. Và khi em bước chân vào chùa, người xung quanh liền khen em là đại trượng phu, là sa môn, là thầy của mọi người v.v...

Hơn lúc nào hết đây là lúc em chôi bỏ cái bản ngã thật sự của mình để cố gắng rập khuôn theo một hình bóng, một nhân dáng nào mà người chung quanh em chờ đợi và ca tụng. Đó là lúc mà chàng cu Trắng đang cố gắng chứng tỏ mình là dân da trắng 100%.

Em thân mến!

Nếu em đã thành công nghĩa là em đã trở thành một bậc chân tu thánh thiện, trắng bạch như vỏ ốc, không ai có thể tìm ra một chút xíu tỳ vết nào... và nhất là em rất bằng lòng về con người của em, và những đức tính mà em đã dày công tập luyện, cùng những quyền lợi phụ tùng mà thế nhân đã cung kính dành cho cái vỏ khả kính ấy, thì câu chuyện này xin ngừng lại nơi đây.

Nhưng nếu em thoáng thấy đã có một cái gì trục trặc, bất ổn, giả dối... trong con người đầy mâu thuẫn của mình, thì đâu hãy thử một lần, lấy hết can đảm nhìn kỹ mình, nó ra sao thì nhận như thế đó. Hãy thử đừng nỗ lực, cố gắng biến cái bản ngã khác mà em cho là tốt đẹp hơn. Chàng cu Trắng mà dám nhìn nhận mình là dân da màu thì ... hơi đau thật đấy, có nghĩa là chàng sẽ mất tất cả những uy danh và quyền lợi mà xã hội đã dành cho thế cấp da trắng... Cũng thế khi em chịu nhận mình là một tôn giả chúng sanh đầy đủ tham sân si... như trăm ngàn chúng sanh tầm thường khác thì em sẽ đánh mất hết lòng ái mộ, tôn kính của người chung quanh đã dành cho em. Nhưng bù lại chàng cu Trắng được sống hồn nhiên, thoải mái... không còn phải phòng lo sợ bị lộ tẩy... em sẽ thấy có một khung trời kỳ diệu mở ra trước mặt. Đau đớn biết bao khi ta phải chứng kiến ngày lâm chung của cái huyền ngã mà ta đã khổ công che đậy, tập luyện... nhưng bù lại ta sẽ không còn sợ hãi lo ngại... nghĩa là “vô hữu khủng bố, vô quái ngại” (không còn sợ hãi, lo ngại... cái quái gì hết).

Chấp nhận mình có những tánh xấu không có nghĩa là em sống si mê, buông mình theo vô minh dục vọng, mà chấp nhận có nghĩa là bình thân quán sát, theo dõi để thấu đáo toàn thể cái cơ cấu được mệnh danh là TA, là “bản ngã” của ta. Đây cũng chính là chỗ mà ngài Huyền Giác quả quyết khẳng định: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh” đó em!

---o0o---

Cảnh Trâm Mơ Ước

Thuở xưa, có một cô gái miền quê tên gọi là Bông. Một hôm, đến ngày chợ phiên Bông được mẹ sai đi bán mật.

Trên đường đi đến chợ, Bông vừa đi vừa nghĩ ngợi lan man...

“Khi sáng, mẹ có hứa rằng... nếu bán được giá hời, mẹ sẽ cho riêng Bông một quan tiền để tùy ý sử dụng. Bông sẽ mua cái gì nhỉ? À Bông sẽ mua nửa chục con gà, những chú gà lông nồn như tơ, vừa bằng cái chén Tống ấy mà... Đàn gà gặp tay Bông biết nuôi thì phải biết... con nào con nấy mau lớn như thổi... Chúng sanh con đẻ cháu nhiều vô kể, chỉ hiềm một nỗi là chúng hay bơi xối cả ngày... cho nên một hôm, Bông bực mình bán quách đi cả, để mua hai chú lợn con ỉn ỉn về nuôi cho tiện. Phiên chợ cuối năm Bông lùa lợn đi bán. Đạo cận Tết lợn bát rất được giá... Bông mua một chiếc áo dài màu hoa cà, một chiếc quần sa teng trắng, một đôi hài cườm như lũ con gái ở xóm lò lu thường mang. Vẫn còn nhiều tiền, mình mua cái gì nhỉ? Một chiếc lược cài hay khăn voan choàng đầu? Một chiếc dù hay một thỏi son?... À, phải rồi! Một chiếc trâm cài tóc. Tết đến Bông sẽ mặc quần áo mới, đi hài cườm, chiếc trâm có nhận hạt thủy tinh lấp la lấp lánh trên mái tóc nhung đen. Một chàng trai trẻ tuổi đến ngõ chuyện làm quen với Bông... Bông e thẹn nép mình dưới một khóm lá... để đỡ ngượng. Bông đưa tay cài lại chiếc trâm, nghiêng đầu, xoa tóc che bớt đôi má đỏ bừng vì thẹn... thì... xoảng! Bông ngỡ ngác thấy mình đang đứng giữa đường làng, hũ mật đổ nhào xuống đất vỡ làm ba bốn mảnh... Áo lượt, quần là, cảnh trâm cùng chàng trẻ tuổi đều tan biến đâu mất... Cô thiếu nữ hay mơ mộng này không biết làm gì hơn là ôm mặt khóc òa...

PC: Cái này gọi là: “Bùng con mắt dậy thấy mình tay không!”

---o0o---

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa, có một nàng công chúa bị quân địch bắt về giam giữ tại một hang núi nọ. Quân giặc trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối âm ỉ, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng vào một chiếc lều sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm bằng sắt bằng chiếc cùm vàng nạm ngọc... Nạn nhân liền đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu cả một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Em thân mến!

Những chiếc cùm dù có làm bằng phẩm lượng khác nhau đi nữa, chúng cũng có cùng mục đích là trói buộc, tước đoạt sự tự do của chúng ta. Cởi bỏ một chiếc cùm bằng sắt, bằng gỗ... tuy là khó thật nhưng so với chiếc cùm bằng vàng bạc, kim cương... thì mới là thiên nan vạn nan. Những người bị trói bằng chiếc cùm quý có thể tự tử chết nếu được giải thoát. Em có thấy điều ấy không?

Có lẽ vì thế mà kinh Kim Cang có câu:

“Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp”, nghĩa là “Cùm vàng cũng phải cởi nữa là cùm bằng kềm gai chằng?”

---o0o---

Cách Xử Thế Của Người Xưa

Xưa, có một chú học trò được dịp lên phố chơi. Nhằm ngày chợ phiên một cuộc mất cắp xảy ra tại quán trọ. Chú học trò liền bị quan huyện bắt nhốt vì người ta nghi ngờ chú là thủ phạm.

Sau khi trải qua những thủ tục tra hỏi phiền phức, quan huyện tìm ra thủ phạm chính, chú học trò được trắng án ra về.

Khi về làng gặp lại vị thầy dạy học, chú nhỏ tức tưởi kể lại tự sự, bộc lộ nỗi hàm oan của mình.

Ông thầy im lặng nghe xong câu chuyện, nghiêm nghị ra lệnh đánh đê tử 10 roi phạt. Đương sự rất ngạc nhiên nhưng không dám cãi lời thầy, riu riu leo lên bộ phận nằm chờ trận đòn mà lòng hoang mang vô kể.

Các bạn chú ý thế ngạc nhiên thừa:

- Thừa thầy, trò này vô tội sao lại bị đòn?

Ông thầy từ tốn giải thích:

- Đành rằng nó vô tội. Nhưng tại sao giữa phố chợ đông đảo, chỉ có mình nó bị tình nghi là kẻ cắp? Ta đánh đây là phạt cái tội nó đã có bộ vó của thằng ăn cắp để cho người ta nghi ngờ. Nếu nó không chỉnh đốn tư cách lại ta e rằng nó sẽ bị hàm oan nhiều lần nữa!

Em thân mến!

Đây là một trong những cách xử thế tuyệt diệu của người xưa. Cổ nhân đào luyện thế hệ đàn em phải sống sao cho “cúi không thẹn đất, ngẩng không thẹn trời.” Đành rằng chú bé trên đây không hề gian tham, nhưng vì thầy không bằng lòng khi thấy học trò mình chưa đủ tư cách chính nhân quân tử khiến người ta mất lòng tin nơi mình. Trong khi đức Phật cũng đã từng dặn dò chúng ta rằng: “Không phải nhờ ở lời khen của thế nhân mà con được đạo giải thoát, cũng không phải vì lời chê của thế nhân mà con bị rơi vào địa ngục, mà chính những ý nghĩ, lời nói và hành động của con sẽ quyết định cảnh giới thiện hay ác tương xứng.”

Thông thường chúng ta rất dễ nhẫn nhịn những lời khen (mà mình hoàn toàn không xứng đáng) và ngược lại chúng ta không tài nào kham nhẫn nổi những lời vui oan trách mắng vô căn cứ... Đã bao lần em tức tưởi thuật lại nỗi hàm oan của mình cùng bè bạn... Và có lẽ chưa lần nào em bị đánh đòn như chú bé trong câu chuyện trên đây. Có lẽ vì thế mà chúng ta kém xa người xưa chăng?

Có hôm nào lỡ bị một nỗi hàm oan, em hãy thử một lần tự tìm xem mình đã có những tác phong, cử chỉ, cung cách như thế nào để cho người ta phải nghĩ về mình xấu tệ như thế đó. Nếu tìm thấy nguyên do nằm nơi mình, thì em đã bắt đầu nắm được chìa khóa giải thoát rồi đó. Giải thoát cái gì em biết không? Giải thoát em khỏi niềm sầu, nỗi khổ, những tư tưởng bi quan, hắc ám vì thấy trên cõi đời này sao mà không có ai chịu hiểu mình hết tron hết tội...

---o0o---

Của Quý

Nước Tống có người nhặt được viên ngọc quý. Anh mang đến biểu quan Tư Thành là Tử Hân. Tử Hân không nhận, người được ngọc cố nài:

- Bẩm thượng quan, đây là viên ngọc rất quý và hiếm có, ai cũng công nhận điều ấy, xin ngài nhận cho tôi được vui.

Tử Hân đáp:

- Chú cho ngọc là quý, còn ta, ta cho tánh không tham là của quý. Chú mang ngọc cho ta nếu ta nhận thì cả hai đều mất cái mà mình cho là quý nhất, chỉ bằng của quý ai thì người ấy giữ.

Người được ngọc thưa:

- Chúng tôi là thường dân mà được ngọc thì dù biết là của quý, nhưng nếu cố giữ thì sẽ thành họa. Vì thế mới mạo muội đến dân lên Ngài.

Tử Hân bèn gọi thợ ngọc đến bán dùm viên ngọc. Xong ông trao tiền cho người được ngọc mang về.

PC: Tổ Bát Nhã Ba La được nhà vua dâng cúng một hạt bảo châu vô giá. Vua có ba vị hoàng tử. Tổ cầm ngọc hỏi các vị hoàng tử rằng:

- Trên thế gian này còn cái gì quý hơn viên ngọc này không?

Hay vị hoàng tử lớn đều đồng ý nhau rằng viên ngọc là quý nhất. Duy có vị hoàng tử út thưa:

- Bạch thầy còn có một thứ quý hơn nữa đó là trí tuệ!

- Làm sao chúng mình được điều đó?

- Thưa, viên ngọc này chỉ là một vật vô tri, nó không thể tự xác định là quý hay tiện. Phải nhờ trí huệ của loài người nhận định, nó mới trở thành một viên bảo châu vô giá, bằng không, nó chẳng hơn một hòn sỏi.

Tổ khen nhận. Về sau vị hoàng tử thông minh này xuất gia. Đó chính là Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

Em thân mến!

Với thế nhân “của quý” là ngũ dục, tức là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ. Kẻ sĩ biết đạo thì cho “của quý” là những đức tánh như không tham, không sân... Riêng tăng đồ nhà Phật thì quý nhất là trí huệ. Chính nhờ có trí huệ soi thấu bản chất của vạn hữu mà chúng ta mới biết được tánh chất vô thường, huyễn ảo của ngũ dục. Cũng nhờ trí huệ mà chúng ta hiểu ra rằng thiện ác, tốt xấu, thị phi... chỉ là những phân chia giả định của loài người. Và cũng chính trí huệ là cái bền vững còn lại giữa thế gian vô thường sinh diệt này. Có lẽ vì thế mà trong kinh điển nhà Phật thường nhắc đi nhắc lại rằng: “Duy tuệ thị nghiệp” nghĩa là: “Chỉ có trí tuệ là sự nghiệp” chẳng?

---o0o---

Ngày Mai Ăn Khỏi Trả Tiền

Xưa, có một ông già bán kẹo, đề trên thùng xe như thế này: “Ngày mai ăn khỏi trả tiền”. Trẻ con xem thấy thích lắm, rủ nhau mua kẹo và định bụng rằng: “Ngày mai mình sẽ ăn kẹo đã thèm. Vì ông bán kẹo đã nói vậy mà.”

Nhưng ngày mai, ngày mai... ngày mai rồi ngày mai. Ông bán kẹo vẫn bắt bọn trẻ phải đưa tiền mới trao kẹo cho. Vì ngày mai là một ngày không bao giờ có.

Em thân mến!

“Ngày mai ăn khỏi trả tiền” chỉ là một lời nói gạt trẻ con, vì ngày mai sẽ không bao giờ đến, thật chẳng là chính cái khoảng khắc ngăn ngủ hiện tại này đây.

Nếu ta bảo rằng: “Ngày mai ta sẽ học hành đàng hoàng, sẽ giúp đỡ người này kẻ nọ, sẽ bắt đầu tu hành cẩn thận, sẽ thực thi những cải cách vĩ đại v.v... và v.v... thì coi chừng đó có thể là lời hứa hẹn suông để ta được phép duy trì tình trạng bê bối hiện tại... cho khỏi áy náy, cắn rứt lương tâm mà thôi.

Ngày mai rồi sẽ y hệt như ngày hôm nay mà thôi. Vậy thì, những gì có thể làm được bây giờ, chúng ta hãy một, hai, ba bắt tay làm liền chứ đừng hẹn vào ngày mai, là một ngày chỉ có trong ảo tưởng mà thôi.

---o0o---

Cây Đèn Đã Tắt

Xưa, có một chú bé bị mù cả hai mắt. Mỗi khi đi đâu chú đều phải cầm gậy dò đường. Ngày và đêm chú đều sống trong bóng tối như nhau.

Một hôm chú bé đến thăm bạn. Lúc ra về trời đã tối. Người bạn đốt một chiếc đèn lồng trao cho chú, chú bé cười nói:

- Tôi hay sáng đối với tôi đều như nhau, anh trao đèn cho tôi làm gì?

- Đành rằng anh không cần đèn nhưng người khác phải nhờ cây đèn này mới không đâm bổ vào anh chứ.

Chú bé mù cầm cây đèn ra về, đi được một quãng chú bị người khác đụng phải, chú bé tức giận quát:

- Bộ dui sao mà không thấy cây đèn của người ta?

Người kia cười to:

- Đèn của anh tắt rồi anh dui ơi!

Em thân mến!

Giá trị của cây đèn là do ánh sáng, thiếu ánh sáng thì cây đèn chỉ là một vật vô dụng mà thôi. Một pháp môn hay nhất là chỗ nó giúp hành giả thấu rõ thực tướng của mình và muôn pháp, tiêu sạch phiền não, đem lại an lạc cho mình và người chung quanh.

Nếu chúng ta cứ cho rằng mình đã dựa vào hàng ngũ xuất gia, thuộc vào hàng tông môn chính phái, thầy tổ là bậc chân tu lỗi lạc, bạn bè mình là hạng anh tài xuất chúng... chúng ta đã được học những pháp môn tối thượng thừa, cao siêu hi hữu... và chúng ta cho thế là đủ, sanh tật khen mình chê người, phiền não mỗi ngày một tăng trưởng thì... coi chừng chúng ta sẽ giống cậu bé mù trên đây, cầm một cây đèn lồng thật tốt, thật đẹp... nhưng... tắt queo cho mà coi!

---o0o---

Phật Ở Đâu

Thuở xưa có anh chàng đọc kinh, nghe nói về Phật thích lắm, nhất định đi tìm cho gặp Ngài mới nghe. Anh chàng khăn gói quả mướp ra đi. Sau khi trải qua không biết cơ man nào là núi sông, hầm hố, gian nguy hiểm trở... chàng vẫn chưa được gặp Phật giống như hình dáng trong kinh đã diễn tả: “Thân Phật sắc vàng, cao một trượng sáu, đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp hào quang sáng chói.”

Hôm nọ tại một triền non, chàng trai tình cờ gặp một cụ già râu tóc bạc phơ cốt cách siêu phàm. Mừng quá chàng khẩn khoản:

- Thưa cụ, cụ có biết Phật đang ngụ ở đâu không? Xin chỉ dùm con với.

Ông lão mỉm cười:

- Ồ, chỗ nào mà không có Phật? Trên quảng đường vừa qua chả lẽ con không gặp được Ngài.

- Thưa cụ trên đường đi con đã từng gặp vô số người, nhưng đều là hạng phàm phu tục tử cả... con chưa từng thấy người nào có được vài tướng tốt như trong kinh đã mô tả về Phật cả.

Ông cụ cười ha hả:

- Chú mày ngọc ngách thật! Chú không biết rằng cái thân đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp đó, dân Ấn đã đốt thành tro và chia nhau xây tháp thờ cúng cả rồi ư?

- Thưa thế thì Phật chết rồi sao?

- Hiện giờ đức Phật đang phân thân ở khắp mọi nơi. Ngài cũng mang thân tồi và xấu như chúng sanh vậy. Con còn có muốn gặp Ngài nữa không?

- Thưa dù với bất cứ hình dạng nào, nếu đích thực là Ngài thì con vẫn vô cùng khác ngưỡng.

- Vậy thì để ta mách nước cho con nhé... Con hãy quay về... Trên đường về, nếu gặp một người nào mang guốc trái ở chân phải, guốc phải ở chân trái thì chính người đó là một hóa thân của Phật. Hãy thừa sự và cúng dường vị Phật ấy như trong kinh đã dạy...

Chàng trai hồi hả quay về, suốt quãng đường dài chàng không gặp đức Phật nào mang hình dáng như cụ già điên tả. Chán nản chàng quay về nhà. Trời đã khuya, bà mẹ còn chong đèn ngồi đợi con. Nghe tiếng gọi cửa bà mừng quá, tụt xuống phản quờ quạng tìm đôi guốc rồi chống gậy tất tả ra mở cửa. Chàng trai thấy mẹ tiều tụy, nước mắt chảy dài trên đôi má nhăn nheo, mang lộn chiếc guốc trái qua chân mặt, guốc mặt sang chân trái. Chàng ôm chầm lấy mẹ nghẹn ngào:

- Ôi! Đức Phật yêu quý của con.

Em thân mến!

Trong kinh Phật có dạy: “Gặp thời không có Phật thì hai vị Phật đáng tôn thờ là cha và mẹ của mình, phải cung kính và thờ phụng hai vị này như tôn thờ đức Phật Thích Ca và Di Lặc vậy.” Đó là lời dạy cho hàng Phật tử tại gia.

Riêng chúng ta hàng xuất gia đã lìa bỏ cha mẹ của xác thân này và để thừa sự cúng dường tất cả chúng sanh là những cha cùng mẹ trong vô lượng kiếp của mình.

Ngày xưa, trong hàng môn đồ của Đại sư Trí Khải - một danh tăng đời Đường – có một vị sư nhớ nhung cha mẹ, bèn bày tỏ cùng Ngài. Đại sư dạy:

- Là người xuất gia ông chớ nên vì cha mẹ một đời mà xao nhãng bốn phận đối với cha mẹ nhiều đời, là tất cả chúng sanh đó vậy.

Câu chuyện anh chàng đi tìm Phật trên đây do người Trung Hoa đặt ra để nhắc nhở về chữ hiếu và bốn phận làm con. Nhưng qua câu chuyện này, em có thấy rõ chỗ oái oăm của nó là chúng ta bôn ba đi tìm Phật khắp nơi, trong khi Ngài ở kề cận bên mình mà chẳng hay. Vì thế mà có lẽ khi tăng Huệ Hải hỏi Mã Tổ về Phật, Mã Tổ đáp:

- “Hết kẻ cỡi trâu đi tìm trâu” Em có thấy như thế không?

Bồ Tát Và Chúng Sanh

Trời vừa dứt mưa, một bà cụ khoác áo toi đi ra phố. Gặp một chú bé đang nghịch nước bắn bên vệ đường, bà cau mặt quát:

- Thăng Cu! Mày có lên ngay không. Khiếp!

Thằng bé phản đối:

- Cháu xí cái vũng này từ hồi mới mưa lặn. Bà kiếm cái khác đi, thiếu gì!

Em thân mến!

Bồ Tát là những vị sách vở định nghĩa là “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” (Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh). Riêng chúng ta có thể hiểu một cách giản dị như thế này: “Nếu chúng ta tin rằng mình và tất cả chúng sanh đều có khả năng giác ngộ thì ta đã có mầm Bồ Tát trong lòng rồi. Trên đường tu chùng nào thành Phật hãy hay, còn hiện tại chúng ta hãy tùy thuận giúp đỡ người chung quanh bằng tất cả khả năng hạn hẹp của mình... Vì tin tưởng nơi Phật tánh của mình và người nên Bồ Tát không bao giờ mệt mỏi trên bước đường tự lợi, lợi tha...”

Nhưng... tâm Bồ Tát thì khó phát nhưng rất dễ thoái thất... Em có biết tại sao không? Em đừng tưởng là khi hành Bồ Tát hạnh đi đến đâu thiên hạ cũng rải hoa và trái chiếu bông đón tiếp mình hết đâu... mà coi chừng vỡ mộng đấy nhé! Như trường hợp của bà cụ trên đây chẳng hạn. Nếu các tôn giả chúng sanh đang ưa thích điều gì mà mình cản trở thì coi chừng họ có thể nghi là mình muốn đoạt cái sở thích ấy, trong trường hợp đó, nếu ta chưa đủ tài thuyết phục họ thì phải chạy cho thật lẹ kéo... u đầu, nếu em có giúp đỡ ai điều gì thì... chớ nên hí hửng chờ người tuyên dương công trạng của mình vì có hàng khối kẻ bàng quan đang bĩu môi phẩm bình rằng:

“Đồ ngu! Chuyên môn làm mọi thiên hạ.”

Hoặc là:

“Cái số cực...” “Cái nghiệp nặng”. Chà coi bộ em muốn thoái tâm rồi phải không? Nếu mình là Bồ Tát thứ thiệt thì khỏi nói, đàng này thật kẹt cho hàng Bồ Tát sơ tâm như bọn mình, có lẽ vì thế mà trong các kinh, đức

Phật đã không tiếc lời ca ngợi hạnh Bồ Tát, và Ngài cũng đã từng nhắc nhở với chúng ta rằng:

“ Muốn giảng kinh Pháp Hoa, tức là đi gieo rắc niềm tin rằng “Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật”, Pháp sư phải ngồi tòa Như Lai, mặc áo Như Lai, tòa Như Lai là tâm từ bi, áo Như Lai là giáp nhu hòa nhẫn nhục đó em ơi!

---o0o---

Phật Của Ngoại

Bé đi chùa về chào ngoại, ngoại hỏi:

- Con đi chùa có gì hay kể cho ngoại nghe với!

- Ngoại à! Thầy dạy con niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, ngoại nhớ niệm nghe.

Bà ngoại ngần ngừ hồi lâu đáp:

- Xưa nay ngoại niệm Đức Quán Thế Âm, bữa nay đổi niệm Đức Di Đà... Sao ngoại sợ ông Phật kia giận ngoại quá...!

PC: Điều này phải hỏi lại Đức Quán Thế Âm mới rõ thực hư.

Bà Chủ Hiền Thục

Kasi là một nữ chủ được nhiều người ca tụng là hiền thục, nàng không bao giờ nói lớn tiếng hay cau mặt với bọn gia nhân trong nhà.

Những lời đồn đãi về Kasi khiến cho Asy, một cô tớ gái dâm ra nghi ngờ, Asy nghĩ bụng: “Có thật là tiểu thơ của mình hiền thục hay không chứ? Hay là nhờ mình chu toàn bốn phận nên tiểu thơ không có dịp lộ vẻ bất bình, điều này phải trải nghiệm lại mới được.” Và Asy liền tìm cách thử nữ chủ.

Một hôm Asy cố tình thức dậy muộn, cô bé thấy nữ chủ cau mày khi cô dâng bữa điểm tâm. Sáng hôm sau, Asy lại dậy muộn, nữ chủ của cô vừa cau mày, vừa quát mắng ầm ĩ.

Sáng hôm sau nữa, Asy lại dậy muộn, còn đang nằm nán trên giường thì cô bé đã thấy nữ chủ chưa kịp chải tóc, nghiêng răng, trợn mắt, vào tận giường lôi cô dậy. Sáng ngày thứ tư, Asy lại dậy trễ, lần này cuộc trắc nghiệm lại thành công mỹ mãn: nữ chủ đã vớ lấy cây cài cửa... và cô bé Asy ôm chiếc đầu chảy máu, chạy thẳng ra khỏi nhà la khóc âm ỉ:

- Ôi làng nước ơi! Xem đây. Xem đây! Hãy xem nữ chủ rất hiền thực đánh tôi đây này...

Em thân mến!

Trong Trung Bộ Kinh, đức Phật đã kể lại câu chuyện trên cho các thầy tỳ kheo nghe, và Ngài kết luận:

- Đây các tỳ kheo! Như Lai không gọi một vị tỳ kheo nào là dễ nói, dễ dạy, tu hành đắc lực khi vị ấy còn nhận được đầy đủ tứ sự cúng dường (quần áo, thực phẩm, thuốc men, mền mùng). Nếu nữ chủ Kasi phải thử thách qua bốn lần mới chứng tỏ được mức độ hiền thực của cô ta, thì một thầy tỳ kheo đệ tử của Như Lai, phải được thử thách khi chịu đựng sự thiếu thốn của những nhu cầu cần thiết, mà vẫn không sờn lòng nản chí thì Như Lai và các bạn đồng phạm hạnh của vị ấy mới có thể kết luận rằng: “Đây là một vị tỳ kheo phạm hạnh thanh tịnh dễ dạy, dễ nói... đã xuất gia vì sự giải thoát cho mình, cho người chứ không phải vì cơm ăn áo mặc.”

Em thân mến!

Bọn chúng ta trong cảnh sống hiện tại đầy đủ hơn người xưa rất nhiều, chúng ta chưa đến nỗi thiếu thốn vì cơm ăn, áo mặc, thuốc men, mền mùng... nhưng không vì thế mà cuộc sống của chúng ta hạnh phúc hơn, tâm tư được thoải mái hơn các vị tỳ kheo thời trước. Nếu em không tỉnh giác kịp thời thì, một cơn bệnh dai dẳng, một lời nói trái tai, một chuyện bất như ý, vẫn có đầy đủ mãnh lực biến chúng ta từ một tu sĩ dễ dạy, dễ nói, dễ thương... thành một nhân vật không giống ai hết, có giống chăng là giống nữ chủ Kasi thôi. Có phải thế không nào?...

---o0o---

Sống Mất Khuynh Thành

Xưa có một cô gái mù, nghèo nàn, xấu xí tên gọi là Mai. Đến tuổi dậy thì Mai không ngớt than khóc cầu trời khẩn Phật, ước ao sao cho được sáng mắt để làm lụng nuôi thân.

Tiếng than thở của cô làm động lòng một cô tiên nhỏ trên thượng giới. Cô tiên nghĩ thầm: “Thật là bất công khi để cho một mình cô gái này chịu đến mấy tai họa, mình mà không ra tay giúp thì còn ai trông khoai đất này.”

Một hôm thừa dịp các bà tiên lớn ngủ say, nàng tiên bé bỏng liền ăn cắp chiếc đĩa thần vôi vãi bay xuống trần và gõ lên đầu cô gái xấu số... xong cô tiên cũng vôi vãi bay về thượng giới lòng vui khôn tả xiết.

Việc đầu tiên của Mai khi sáng mắt là hối hả chạy ra bờ suối để soi mặt. Thấy khuôn mặt xấu xí của mình lung linh qua ánh nước, Mai lại khóc nức nở, vật vãi than trách:

- Cô tiên nào ác thì thôi! Cho tui sáng mắt làm chi để thấy cái bản mặt xấu xí thế này. Hu hu, thà chết quách cho rồi còn sướng hơn. Cô tiên bé bỏng điếng hồn, cô không hồn giỗi khi nghe những lời vong ân bội nghĩa của Mai. Cô chỉ sợ nàng Mai nhảy xuống suối tự vận thì các nàng tiên lớn sẽ khám phá ra hành động nhanh nhẩu đoán của cô. Cô tiên ngẫm nghĩ:

- Cô ta than khóc cũng phải. Nếu gương mặt mình mà xấu như cô ấy thì có lẽ mình cũng sẽ than khóc suốt ngày. Thôi, thì làm ơn cho trót... trước sau gì người lớn cũng biết chuyện này thôi kia mà.

Và nàng tiên thơ ngây lại vung đĩa thần lên. Mai liền biến thành một thiếu nữ khá mặn mà sống bằng nghề gánh nước mướn.

Như một nghệ sĩ lưu tâm đến tác phẩm nghệ thuật của mình, nàng tiên bé bỏng cũng vén mây theo dõi đời sống của Mai bằng tất cả tấm lòng từ ái. Cô xót xa không ít khi thấy Mai nhịn ăn nhịn uống, không dám mua gạo mà lại để dành tiền mua dưa chuột, cà chua... đắp mặt cho nó mịn màng... xót xa cả ruột, cô tiên lại vung chiếc đĩa thần lần nữa... Mai liền có một làn da đẹp như hoa đào.

Lần này Mai vẫn nhịn ăn để mua quần áo, giày dép và đồ trang sức... Cô tiên lại cảm thấy chạnh lòng, cô liền đánh cắp chiếc đĩa thần lần nữa... nàng Mai liền biến thành một tiểu thư cành vàng lá ngọc, lược giắt trâm cài, quần

là áo lượt, nhiều không biết cơ man nào mà kể, không phải làm lụng mà vẫn có ăn. Mai dành hết thì giờ cho việc trang điểm trau chuốt... suốt ngày cô ngồi trước gương để tô lức chuốt hồng, chuyện mới lạ hơn là Mai nảy ra ý định kén chồng... lần này khỏi cần sự trợ giúp của đũa thần nữa, cái nhan sắc yêu kiều, tuổi trẻ cùng một gia tài kếch sù đã giúp Mai kén chọn được một người bạn trăm năm ưng ý: một thanh niên đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi. Cô tiên an lòng, mỉm một nụ cười hiền hậu rồi chấp cánh bay về thượng giới.

Đến cổng nhà trời, cô gặp bà tiên trưởng nhìn cô một cách nghiêm khắc, cô tiên không hề nao núng, việc làm của cô tuy có sai nguyên tắc thật, nhưng mọi việc há chẳng tốt đẹp, xuôi chèo mát mái đó sao? Một thiếu nữ tàn tật xấu xí nghèo nàn nay đã trở thành một mệnh phụ phu nhân yêu kiều, sang giàu tốt bực... mà chẳng tốn hao công của gì của trần gian hết... Nếu bà tiên già cho phép, cô tiên bé bỏng sẽ chẳng hề ngại lao ngọc mang đũa thần xuống hạ giới, giúp cho thế nhân người nào cũng cầu được ước thấy cả... cõi hồng trần sẽ hóa ra miền tiên cảnh cho mà xem...

Như đọc được luồng tư tưởng của cô bé ngây thơ bà tiên già lạnh lùng lột đôi kính trắng trao cho cô bé. Qua cặp kính cô sẽ nhìn thấy tương lai của nàng Mai. Không đợi bà tiên ra lệnh cô tiên bé nhỏ vội vã mang kính vào... Người đàn bà vô hạnh lại có nhan sắc khuynh thành đã gây không biết bao nhiêu là điều rắc rối cho trần thế... Mai thay chồng như thay áo, con cái vất vả... Cô tiên nhỏ bỗng òa lên khóc, những giọt lệ tiên lóng lánh như hạt trân châu lăn tròn trên đôi má bầu bĩnh. Nàng Mai đang xui chồng, người chồng thứ mười bảy này là một tướng lãnh quân phiệt, mở cuộc xâm lăng trừng phạt nước láng giềng vì nghe đâu ông vua nước này bảo rằng bà hoàng hậu của ông là một giai nhân vừa đẹp người vừa tốt nết hơn hẳn nàng Mai gấp bội. Hai nước đang chuẩn bị chiến tranh, lệnh tổng động viên ban hành, các trường học đều đóng cửa... Cô tiên nhỏ không còn thấy gì nữa, lệ trào tuôn như suối làm nhoè cặp kính. Bà tiên già lại lạnh lùng vung chiếc đũa thần lên và ra lệnh cho cô tiên lau sạch nước mắt. Nàng Mai trở lại nguyên hình như cũ. Một cô gái mù xấu xí đang ngồi than thở trong chòi tranh dột nát. Tất cả giống hệt như thuở ban đầu có khác chẳng là những điều vừa xảy ra kỳ diệu quá... khiến cô gái không thể nào chấp nhận được sự thực phũ phàng... cô hóa điên từ đó. Sau khi sự vụ của nàng Mai xảy ra, Thượng đế bèn ban sắc lệnh cấm chỉ chư tiên giao tiếp với người trần. Ý của đấng tối cao muốn rằng mọi việc phải diễn tiến bình thường. Phép lạ mà đem trình diễn ở cõi hồng trần thì chỉ đem lại những hậu quả bất bình thường mà thôi. Vì thế mà ngày hôm nay chúng ta không có được chiêm ngưỡng dung nhan

một nàng tiên nào hết. Chư tiên mà có giáng trần thì cũng vút hết đũa ngọc và cánh đi, cũng đổ mồ hôi sôi nước mắt hết như chúng ta - những con người phàm phu tục tử vậy.

Và trên đường đời, nếu gặp phải một cô gái xấu nét nào có sắc đẹp khuynh thành, người ta lại ngờ rằng đó là tác phẩm hư hỏng của một cô tiên bé nhỏ nào đó. Nhưng may mắn là những người đẹp thường chóng già hoặc chết sớm, nên cõi hồng trần này sau những ngày gió mưa giông bão, mây giăng đen nghịt... vẫn còn có khối ngày trời xanh nắng ấm, gió mát trăng thanh... nữa là!

---o0o---

Tái Ông Thất Mã

Thuở xưa, có ông lão họ Tái bị mất một con ngựa quý. Mọi người đến chia buồn, han hỏi và tiếc dùm cho ông. Ông lão điềm nhiên nói:

- Không sao! Mất của là điều rủi ro thật nhưng biết đâu trong cái rủi có cái may!

Ít lâu sau con ngựa trở về nhà và còn dắt theo một con ngựa khác - bạn của nó - đẹp và quý hơn nhiều.

Bà con lại tụ họp, tâm tặc:

- Ông cụ thật có phước, tưởng đâu mất con ngựa quý, ai dè lại được thêm con nữa.

Ông lão họ Tái vẫn thản nhiên:

- Biết đâu trong các may lại có cái rủi. Và cái rủi đó đã đến, cậu con ông lão rất thích cỡi ngựa mới, dong ruổi cả ngày trên lưng ngựa nên bị té gãy một chân. Thân bằng quyến thuộc đều đến chia buồn về tai nạn đáng tiếc vừa xảy ra. Ông cụ vẫn mỉm cười:

- Biết đâu trong cái rủi lại có cái may!

Chiến tranh bùng nổ, các thanh niên đều phải ra chiến trường, cậu con trai nhờ tàn tật nên được ở nhà hủ hỉ với cha già.

Tái ông thất mã là thế đó!

---o0o---

Người Mù Sờ Voi

Thuở xưa có một đám người mù từ thuở sơ sinh, nghe nói đến con voi nhưng chưa từng thấy nó ra sao cả. Một hôm nghe đồn có một con voi đi qua làng, đám người mù liền nhờ người dẫn đường đến xem voi. Anh nài dễ dãi cho phép họ được sờ rẫm con voi tùy thích. Lúc trở về đám người mù kháo nhau rằng:

- Bác ạ! Lạ quá nếu không phải chính tay tôi sờ thì tôi không thể nào tin được, con voi hết như cái cột nhà... kinh thật! (Anh chàng này sờ nhầm chân con voi).

- Bác bảo sao? Con voi còn lâu mới giống cây cột nhà..." Anh mà sờ nhầm chiếc đuôi quả quyết:

- Nó giống cây chổi chứ lại...

Anh sờ tai voi cãi:

- Tôi thấy nó giống cây quạt mo.

Anh sờ nhầm bụng bảo:

- Tôi cho rằng nó giống cái chum tương.

- Hừm, mắt với mũi các anh ra sao đây. Tôi thì thấy nó như cái ống điếu, anh chụp nhầm cái vòi hét.

Anh chàng sau cùng sờ nhầm cái ngà cười khẩy:

- Thật là đồ ngu, vừa đui vừa ngốc... con voi chẳng khác chi cái sừng trâu mà lại khéo tưởng tượng.

Tức thì cả bọn nhao nhao lên:

- Sao? Mà dám bảo ông đui à... hử thẳng kia...

- Vừa đui vừa ngốc mới ăn nói ầm ớ như thế!

- Này... ngu này... ngu này...

Đoàn người mù bèn lẫn xả vào nhau đánh, thụi, cào cấu... Ai cũng cho là mình đúng còn người kia đều là sai cả, nên kết quả là anh chàng nào cũng bị nện một trận đích đáng.

Em thân mến!

Chúng ta đã từng nghe kể câu chuyện người mù sờ voi này từ thuở còn bé... Nhưng em có nhận thấy rằng mình cũng giống hệt như anh chàng mù kia không?

Cái tâm hư vọng sinh diệt liên miên của chúng ta cũng giống như con voi nọ mà chúng ta là những anh chàng mù khờ khạo. Vì không quan sát được hành tung cùng hình tướng của tâm thức nên chúng ta hay khoát lên cho bản ngã mình những nhân dáng riêng, tùy theo các hình tướng của vọng niệm mà chúng ta bắt gặp được. Chẳng hạn như vừa thấy loáng thoáng các vọng niệm có vẻ từ bi, hỷ xả... chúng ta liền hãnh diện nhủ thầm: “Ta đây là một nhân vật từ bi hỷ xả cùng mình chứ không phải như anh kia chị nọ.” Gặp một người bạn đang nóng giận ta liền hạ một từ ngữ: “Thật là một anh chàng cộc cằn, đê tiện.” Những ý tưởng tự tôn và tự ty đều được thành hình từ đó.

Thấu đáo rõ toàn thể tầm vóc của con voi để phá vỡ những kiến thức thiên lệch của mình là chữa được tật... cãi lộn của bọn người mù. Thấu rõ được toàn thể quá trình sinh diệt, đường lối về của các vọng niệm... là chuyện cần thiết và cấp bách của người tu Phật. Muốn thấu đáo cho rõ ràng chúng ta phải bình tĩnh quan sát không thiên vị, lo sợ hốt hoảng hay muộn phiến trước những vóc dáng đặc tính nào của vọng tâm hết.

“Tham, sân, phân, hận, phú, não, tật, xan” là những món phụ tùng mà cái bản ngã nào của nhân loại cũng có... Giống như một chú voi thì phải có đầy đủ cả đầu đuôi, bụng, lưng, ngà, tai vạy. Một con voi thiếu một bộ phận sẽ là một con voi dị dạng có tật.

Nếu chúng ta còn ngạc nhiên khi bắt gặp một tánh xấu của mình, khó chịu khi thấy hành vi của người khác... là chúng ta chưa hiểu rõ tường tận về chú voi của mình. Các chú voi đều giống nhau ở hình vóc đại cương kia mà. Chính chỗ này một thiền sư đã bảo “như nhau dọc mũi ngang mày.” Thấy rõ tướng của con voi, theo dõi những biến chuyển đa dạng của vọng tâm, quả là một kỳ công lý thú, nhưng chuyển một con voi ngang tàng

bướng bỉnh thành một con voi ngoan ngoãn tốt nết là một chuyện đòi hỏi khá nhiều thời gian và nhân lực. Cũng như biến đổi một cái tâm hỗn tạp, rắc rối đa sự thành một cái tâm Phật không phải là chuyện dễ... không dễ nhưng không phải là bất khả. Vì các kinh điển thường nhắn nhủ chúng ta rằng: “Phiền não tức bồ đề, tâm chúng sanh tức là tâm Phật vậy.”

---o0o---

Chuyện Âm Phủ

Tại âm phủ một hồn ma đang quỳ đối chất với Diêm chúa, giữa hai vị công an của diêm phủ là Ngưu Đầu và Mã Diện.

Diêm chúa ngồi trên chính bệ đồng dặc ra lệnh:

- Phán quan đầu đọc hồ sơ của tên này xem.

Phán quan liền cất giọng đọc rõ ràng và chậm rãi:

- “Trần Văn Trụi, 82 tuổi, du thủ du thực, vô gia cư lẫn nghề nghiệp, trúng gió chết tại chợ Bến Thành...”

Hồn ma lễ phép đưa một tay lên xin góp ý:

- Muôn tâu Diêm chúa cho con được phép cải chính.

- Hử

- Thưa, con đúng tên là Trần Văn Trụi thật nhưng mới 28 tuổi chứ không phải 82 đâu ạ!

- Sao! Phán quan đầu hử nói thế có đúng không?

Phán quan giật mình, kéo áo lau kiếng, xem lại sổ bộ, ấp úng:

- Dạ... Dạ...

- Đúng hay sai chứ dạ cái gì?

- Bẩm... đúng ạ!

- Chèn đéc ơi! Mấy người làm ăn kiêu này thì chết tôi rồi. Ngru Đầu đâu?

- Dạ, có con đây ạ!

- Mau lên giữ xác nó để người ta đem chôn bây giờ.

Tại làm sao mà ra có sự này hử?

Ngru Đầu vội vã ra đi. Phán quan gãi đầu ấp úng:

- Dạ, dạ... tại mới mua chiếc kính nhìn chưa quen mắt nên ngu thần đọc nhầm 82 thành 28 ạ... Xin thánh thượng bớt giận... thần sẽ đi thay kính lập tức...

- Nó sống đến bao nhiêu tuổi?

- Muôn tâu... 82 ạ!

- Vậy thì còn chờ đợi gì mà không dắt nó đi nhập xác?

Hồn ma liền xen vào:

- Tâu Diêm chúa! Những tướng nhân gian mới làm ăn bê bối... dè dàu đây cũng vậy. Con đang đi ăn phở với người yêu ở chợ Bến Thành thì thấy hai cha nội này đến thộp cổ dắt đi... có lẽ bây giờ người yêu của con đã uống thuốc chuột chết theo con rồi cũng không biết chừng.

Diêm vương hạ giọng:

- Thôi “Thiên tai nhất thì” mới có một vụ làm lẫn, mũi đại lái chịu đòn. Ngru cho ta xin lỗi vậy, về dương gian đi, vui vẻ nhé!

- Muôn tâu, xin ngài hãy bồi thường thiệt hại cho con.

- Mi muốn gì? Giấy tiền vàng bạc nơi đây đâu thể đem lên dương gian xài được...

- Thưa... con chỉ muốn xin rằng luôn tiện ngài cho con liếc sơ qua cái phiếu lý lịch số 3, tức là cung tình duyên gia đạo của con ấy, liệu con có lấy được người mình yêu và nàng có thành thật yêu con không ạ!

- A thằng nhãi... ! Biết trước vị lai để làm gì... chẳng sướng ích chi đâu con ạ!

- Muôn tâu... Nếu ngài không bằng lòng khi về dương gian con nhất định sẽ làm âm lên về cái chuyện này, con sẽ...

- Tặc, thằng ranh! Đừng có dở trò hăm dọa ta không ngán mi đâu... Mà thôi! Phán quan đâu?

- Dạ có thần đây.

- Đọc phiếu số 3 cho nó nghe đi...!

- Vâng ạ.

Phán quan liền lau kính hắng giọng đọc:

- “Trần Văn Trụi, sinh ngày... tại Cao Lãnh, con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi. Đương sự có số công danh, khoa cử, thi đâu đậu đó. Năm 27 tuổi tốt nghiệp kỹ sư công chánh hạng bình được bổ nhiệm về Sài Gòn.

Năm 28, y cưới vợ là hoa khôi ở cầu Bông.

Năm 29 tuổi làm Trưởng ty công chánh ở Tây Ninh.

Năm 30 tuổi bị gọi nhập ngũ gấn lon trung úy.

Năm 31 tuổi có con trai đầu lòng.

Năm 32 tuổi có con gái.

Năm 33 tuổi bị giật mình chết phanh thây ở cầu Ông Phủ.

Nếu còn âm đức y sẽ thoát chết chỉ gãy một chân và mù một mắt, vinh thăng đại úy rồi giải ngũ.

Năm 40 tuổi... hai đứa con lớn của y bị chết đuối ở Vũng Tàu.

Năm 45 tuổi bị tê liệt, sốt nằm nhà thương hai năm.

Năm 50 tuổi nhà cháy, vợ hóa điên.

Năm 82 tuổi y mất trí nhớ, du thủ du thực, đi xin ăn lẫn quẩn ở các chợ Cầu Muối, Bến Thành rồi trúng gió chết...

Phán quan đọc xong, hồn ma tháo mồ hôi hột, đứng chết sững. Diêm vương thúc:

- Sao? Đủ chưa... xong rồi đó, đi đi cha nội...

Hồn ma vẫn còn chân chờ. Phán quan hỏi:

- Lè lẹ lên, ở đó mà dang ca hoài, cái xác mi mà sinh lên thì chỉ còn nước đem chôn.

Trần Văn Trụi đáp một cách xuôi vị:

- Bẩm, hay là để cho thiên hạ chôn quách đi cho rồi.

Em thân mến!

Biết rõ vị lai không phải là một chuyện dễ chịu cho lắm. Hèn chi Phật và chư tổ thường căn dặn chúng ta rằng: “Trong khi tu nếu chưa sạch phiền não mà rủi ro có được thần thông, biết được quá khứ vị lai thì phải buông bỏ cho lè lẹ kéo phải lâm vào cảnh ngộ như chàng Trần Văn Trụi trên đây.

---o0o---

Người Mang Châu

Xưa, tại một làng ven biên giới có xảy ra tai nạn binh đao. Dân chúng phải bồng bế nhau đi lánh nạn. Trong đoàn người di tản đó, có một thanh niên, con nhà giàu, của cải vô số. Anh mặc vào người đến ba bộ đồ, mang theo một túi da cùng bốn bao vải lớn chứa đầy ngọc ngà châu báu, ai thấy anh cũng bật cười. Một vài người tốt bụng khuyên:

- Con đường mình đi ty nạn rất hoang vắng, trộm cướp nhiều như rươi. Anh mà mang hành lý công kênh như thế này, tôi e lành ít dữ nhiều đa!

Anh chàng biện hộ:

- Đây là tài sản của riêng tôi, chưa chắc ai có được, người đâu của đó, thà chết chứ tôi không bỏ lại được.

- Nào ai có bắt chú vứt bỏ đâu... Có điều mang đi ngò ngò thế này thì e rước họa vào thân đấy!

Giặc tan, mọi người lục tục kéo về tất cả đều đủ mặt, duy có anh chàng nhà giàu nọ thì không có ngày về. Anh đã bị cướp giết dọc đường.

Em thân mến!

Cõi đời mà chúng ta đang sống đây thuộc về dục giới, nghĩa là chúng sanh xem ngũ dục là của báu. Đó là những món sắc, thanh, hương, vị, xúc làm đẹp ý vừa lòng thiên hạ. Chúng sanh thường chém giết nhau để tranh dành ngũ dục. Hàng tu sĩ chúng ta cũng giống như đoàn người di tản nọ. Thật là hiểm nguy cho kẻ nào trong bọn chúng mình còn đeo queo theo trong mình một ít tiền của, tài năng, danh tiếng hoặc sắc đẹp mà lại cố tình biểu diễn cho người khác thấy. Một tôn giả chúng sinh nào mà đã trông thấy “của báu” của chúng ta rồi thì sinh mạng của khổ chủ quả là như chỉ mảnh treo chuông... Hành giả khó mà vượt bể sinh tử được.

Đức Phật đã không phải là không có tâm ý khi bảo tăng đồ nhà Phật phải sống bần hàn, vô sản và cạo quách đi mái tóc, ăn mặc xuề xoàng để “nếu còn một tí tí sắc đẹp nào cũng tèm lem hết.” Và thật là khó coi khi có vị tu sĩ nào cứ lo tô lục chuốt hồng bệ ngoài, suốt ngày xăm soi, ve vuốt cái nhan diện của mình. Nó cũng chường mắt hết như ta bắt gặp các hình ảnh công kênh của anh chàng nhà giàu trên đường chạy giặc trên. Riêng đối với các nhà hành giả nào không có lấy một tí tài sắc, xin quý vị cũng chớ lấy làm bi quan, mặc cảm, hờn duyên tội phận... mà nên vui mừng vì con đường trở về rất là an toàn. Đã lên đường đi thì thế nào cũng có ngày đáo bỉ ngạn 100% đấy, thừa chư hiền hữu.

---o0o---

Ba Câu Hỏi Của Đức Vua

Thuở xưa có một vị vua thuộc vào hành minh quân, thương dân như con đẻ. Nhưng dù là minh quân, Ngài vẫn không sao tránh được một ít lỗi lầm đáng tiếc.

Lúc tuổi đã cao, nhà vua nghĩ rằng già mà thời niên thiếu Ngài được các bậc hiền tài chỉ dẫn cho ba điều thắc mắc sau đây thì có lẽ Ngài tránh được rất nhiều khuyết điểm. Đó là những nghi vấn sau:

1. Thời gian nào quan trọng nhất của một công việc?
2. Nhân vật nào cần chú ý nhất đối với ta?
3. Công việc nào là tối quan trọng và khẩn thiết nhất?

Đức vua cho nêu ba câu hỏi trên trước hoàng thành, truyền rao khắp các thị trấn, làng mạc và hứa sẽ trọng thưởng cho người nào có lời giải đáp khôn ngoan nhất.

Bồ cáo vừa được niêm yết thì các bậc hiền tài tuấn kiệt, thạc học minh triết lũ lượt kéo nhau về kinh thành. Mỗi người đưa ra một ý kiến. Triều đình phải thành lập một ban giám khảo, các quan thị lang làm việc tận lực, suốt hai tháng liền mới đúc kết các khuynh hướng thiên sai vạn biệt thành một vài trường phái nhất trí và dâng lên đức vua - vị chánh chủ khảo tối cao của cả nước.

Đáp lại câu hỏi đầu tiên có người bảo rằng: Muốn biết thời gian nào quan trọng nhất của một công việc, người ta phải thiết lập chương trình kế hoạch, thời dụng biểu hẳn hoi. Xong ta sẽ thực hành diễn tiến công việc theo từng thời điểm đã qui định sẵn đó... Nhưng ý kiến ấy liền bị nhà vua bác bỏ vì không ai có thể tiên đoán những điều sẽ xảy ra mà lập một khuôn mẫu sẵn, công việc đòi hỏi phải linh động mới được. Có trường phái lại cho rằng: Một người không thể khôn ngoan hơn tập thể. Đức vua nên thành lập một hội các gồm nhiều đại biểu để soạn thảo kế hoạch trước khi thi hành và làm theo quyết định chung. Một trường phái khác lại đề nghị đức vua cần thành lập một hội đồng tiên tri để xử quyết trước khi thực thi một công việc...

Như thế đại để mọi người đều đồng ý với nhau rằng: Thời gian quan trọng nhất của công việc là thời gian chuẩn bị nghĩ suy về công việc ấy.

Về câu hỏi thứ hai, người ta càng bất đồng ý kiến với nhau: Thượng đế, đức vua, quan tể tướng, các giáo sĩ, bác sư... được đề nghị là những nhân vật quan trọng nhất.

Câu hỏi thứ ba cũng được giải đáp trong một tình trạng tương tự - công việc nào phải được xem là quan trọng nhất? Thừa đó là việc nước, việc nhà, việc ăn, việc mặc, học hành, giao tế, tâm linh, hành chánh, kinh tế, quân sự hay là tôn giáo? Các đề mục đều được các khối óc khôn ngoan tinh tế nhất đề cập đến...

Và vị chánh chủ khảo - tức là đức vua ấy không chấp nhận câu giải đáp nào cả...

Nhiều năm trôi qua... ba câu hỏi rơi dần vào quên lãng... cho đến một hôm, nhà vua nghe đồn rằng ở trên một đỉnh núi phủ đầy mây nọ có vị đạo sĩ được coi là bậc giác ngộ, nhưng vị chân tu này không bao giờ chịu hạ sơn để giao tiếp với các nhà quyền quý. Tiếng đồn về đạo sĩ khiến nhà vua để ý và một hôm ngài quyết định cải dạng thường dân đến tham vấn vị ẩn tu.

Đến nơi nhà vua gặp đạo sĩ đang cuốc đất. Vua vái chào và nêu lên ba câu hỏi. Đạo sĩ chỉ mỉm cười đưa tay vỗ nhẹ nhà vua rồi tiếp tục công chuyện. Đã được báo trước về tánh khí lạ lùng của đạo sĩ, đức vua không nản lòng, ngồi xuống một tảng đá chờ đợi. Hồi lâu, buồn tay, đức vua mời đạo sĩ nghỉ tay trao cuốc cho vua làm giúp. Nhiều giờ trôi qua đức vua vẫn xới đất, còn đạo sĩ thì nhổ cỏ quanh quần bên am tranh. Khi đôi tay vương giả bắt đầu chai phỏng đức vua ngừng cuốc, nghỉ một giây lâu và nói với đạo sĩ:

- Tôi từ xa lặn lội đến đây cầu thầy chỉ giáo cho ba điều nghi vấn. Nếu thầy biết xin vui lòng chỉ dẫn cho, bằng không cũng xin cho biết để tôi trở về kéo tới. Đạo sĩ mỉm cười định nói câu gì đó thì chợt cả hai người cùng nghe tiếng chân chạy dồn dập. Nhà tu bảo đức vua:

- Bác xem có ai đến kìa!

Nhà vua quay lại thì thấy một người vừa ngã quỵ xuống đất, toàn thân nhuộm máu. Hai người già không ai bảo ai, đều hối hả đến bên người bị nạn. Nạn nhân chỉ còn thoi thóp thở. Vua phụ lực với đạo sĩ băng bó các vết thương. Hai người im lặng làm việc cho đến lúc ngừng tay thì mặt trời đã lặn ở đỉnh núi bên kia.

Đưa nạn nhân vào thảo am, đặt người bệnh trên chiếc chõng tre độc nhất của căn lều, họ chia nhau mấy củ khoai rừng luộc và vì quá mệt đức vua ngã mình xuống nền đất thiếp đi.

Sáng hôm sau khi nhà vua giật mình thức giấc thì nắng đã nhuộm hồng chiếc thảo am và chim rừng kêu rộn rã. Đức vua phải bàng hoàng hồi lâu mới rõ mình đang ở đâu và làm gì... Đạo sĩ đã đi làm vườn sau khi đặt một rổ khoai luộc bên cạnh ông khách.

Trên chõng tre nạn nhân đã hồi tỉnh và đang nhìn đức vua bằng cặp mắt long lanh. Đức vua đến bên người bệnh, đặt một bàn tay lên vầng trán nóng như lửa của anh ta và cất tiếng thăm hỏi bệnh tình. Nạn nhân bỗng òa lên khóc:

- Xin bệ hạ tha tội cho ngu thần...

Vô cùng ngạc nhiên đức vua bảo:

- Khanh là ai mà lại biết trẫm?

- Bệ hạ không biết thần đâu. Hạ thần chính là em trai của võ tướng Trần Đoàn, người bị bệ hạ giết oan trong mùa thu năm Tân Dậu. Thần đã thề trước linh cửu của anh là sẽ giết bệ hạ để báo thù. Biết bệ hạ lên núi này thần mai phục sẵn. Không ngờ đợi đến tối mà bệ hạ vẫn chưa xuống núi, thần liền đi tìm... và bị chột chân té xuống triền núi. Nếu không nhờ bệ hạ ra tay cứu chữa thì có lẽ thần đã mất mạng. Từ đây oan cừ xin giải hết... Thần cúi mong bệ hạ tha tội chết cho hạ thần.

- Câu chuyện đáng tiếc năm xưa đã làm ta hối tiếc khôn nguôi, nhưng việc đã dĩ lỡ rồi, trẫm không biết tính sao. Bây giờ chẳng những trẫm tha lỗi cho Khanh, mà trẫm còn phục hồi chức tước và chu cấp cho gia đình Trần Đoàn nữa. Khanh hãy yên tâm mà tịnh dưỡng đi.

Đức vua ra hiệu gọi vệ sĩ đến, cho khiêng nạn nhân xuống núi và vờn ngự y tới để chăm sóc vết thương. Sắp xếp đâu đó xong xuôi, vua đi tìm đạo sĩ. Nhà tu đang lúi húi trồng rau trên vạt đất mới cuốc hôm qua. Đức vua ngỡ ý cáo từ và lập lại ba câu hỏi::

- Xin đạo sĩ giải đáp cho...

Nhà tu mỉm cười:

- Bần đạo đã trả lời cho bệ hạ rồi đó. Đức vua ngạc nhiên:

- Hỏi nào đâu?

- Ngay lúc bệ hạ vừa nêu câu hỏi.

- ???

- Nay nhé “thời gian nào là thời gian quan trọng nhất” đó là lúc bệ hạ cuốc đất giúp cho bản đạo, nếu thiếu khoảng thời gian này thì bệ hạ đã bị chết về tay anh chàng kia rồi nhé. “Nhân vật quan trọng nhất” chính là bản đạo đây, quan trọng đến nỗi bệ hạ phải trèo non lội suối đi tìm có phải không? Và câu hỏi thứ ba “Công việc nào là cần thiết nhất?” Thưa đó là cuốc đất, việc mà hai chúng ta đã làm ngày qua...

Rồi sau đó, khi chàng thanh niên xuất hiện, anh ta biến thành nhân vật quan trọng nhất, công việc cần thiết nhất là cấp cứu cho anh ta và thời gian cứu chữa là thời gian quan trọng nhất. Có phải thế không nào?

Nhà vua cúi đầu ngẫm nghĩ giây lâu, cất tiếng:

- Thưa đạo sĩ, trẫm đã hiểu. Thời gian quan trọng nhất là thời gian hiện tại. Nhân vật cần thiết nhất là người mà ta cần gặp gỡ trong hiện tại và công việc khẩn thiết nhất cũng là công việc trong hiện tại. Quá khứ là những điều đã qua rồi vĩnh viễn, vị lai chỉ là những ảo tưởng mơ hồ... chỉ có khoảng khắc ngắn ngủi trong hiện tại là giúp đỡ người chung quanh ngay trước mắt ta trong cái giây phút ngắn ngủi quý báu đó. Thưa có phải thế không ạ?

Đạo sĩ mỉm cười và nụ cười đó thay lời tổng biệt đưa nhà vua xuống núi, nơi mà triều đình và thần dân đang đón chờ ngài.

Em thân mến!

Hiện tại là cái khoảnh khắc ngắn ngủi mà chúng ta luôn luôn bỏ quên vì mãi lo hoài bão về tương lai, tiếc thương cho quá khứ, không ngờ nó lại là thời gian quan trọng nhất. Chư Tổ thiên tông cũng dạy chúng ta rằng:

“Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến đừng lo
Việc hiện tại chớ đem lòng vọng tưởng.”

Lời dạy này cũng đồng nghĩa với câu giải đáp của đạo sĩ trên. Nếu chỉ sống với giây phút hiện tại, thì dù ta đang gánh nước, bữa củi, uống trà, mặc áo, ăn cơm... tất cả những chuyện tầm thường nhất, không hành vi nào mà không phải là đạo.

Những điều thú vị của câu chuyện trên là lời giải đáp cho câu hỏi thứ ba “Công việc nào là cần thiết nhất.” Thưa đó là giúp đỡ những người chung quanh ta, cũng ngay trong hiện tại.

Trong cuộc sống hàng ngày mãi lo ngong ngóng đến tương lai, chúng ta thường bỏ quên hiện tại. Có lẽ vì mãi nghĩ đến những chúng sanh mà mình sẽ độ sau này (khi đã thành Phật hay Bồ tát chính hiệu), nên em không thấy được rá rau của người bạn tri nhật đang hôi hả lật cho kịp giờ cơm, quên luôn nền nhà đầy rác đang cần quét, chiếc ly uống nước đầy cáu bẩn v.v...

Tương lai đã che khuất em không thấy được những người bạn đồng tu của mình đang nhễ nhại mồ hôi, đầu tắt mặt tối vì công việc... và điều này khi nói ra e làm em bất bình, nhưng tôi xin chân thành xin lỗi em trước, cũng như tôi đã sám hối và ân hận mãi vì đã có một thời tôi và em, những người mãi miết lo nghĩ đến tương lai đã biến chuyện tu hành của mình thành một gánh nặng cho bè bạn. Và chúng ta đã đặt tên cho những hành động lạ lùng đó bằng các danh từ thật kêu như “hạ thủ công phu,” “giải quyết sinh tử,” “miên mật tu hành.” Hỡi ơi, nếu trong hiện tại chúng ta nhẫn tâm lợi dụng sức lao động của bạn bè mình, để làm bàn đạp tiến thân, tiến đến quả vị Phật tổ là những quả vị không còn dấu vết của bản ngã (và những phụ tùng của nó là tham, sân, si). Chúng ta thảo nhiên nhắm mắt làm ngơ trước những công việc cần thiết cấp bách cho mình và cho người chung quanh để chỉ lo thực hiện cho kỳ được những hoài vọng do cái bản ngã đa sự của chính mình, với một lời hứa hẹn trấn an lương tâm là: “Chừng nào mình hoá thành đại ngộ hay thành Phật chẳng hạn, tôi sẽ độ cho quý vị hết trơn hết trọi.” Và chúng ta sẽ nhấn nhủ thậm rằng: “Còn bây giờ quý vị nên làm công quả cho tui, chuyện tu hành khó khăn lắm, cần phải có những căn cơ siêu việt mới có thể đảm đương được (như tui đây chẳng hạn)... chừng nào cuộc thí nghiệm của tôi thành công, công lao của quý vị sẽ được đền bù gấp trăm, gấp nghìn lần.”

Em thân mến!

Trong kinh Kim Cang, Ngài Tu Bồ Đề có hỏi Phật rằng:

- Những người thiện nam hay thiện nữ khi đã phát tâm vô thượng bồ đề rồi thì làm sao hàng phục được tâm mình?

Ngài đã đại diện cho chúng ta nêu lên cái nguyện vọng, nổi băn khoăn nghìn đời là “làm thế nào để con được thành Phật?” Câu trả lời của đấng đạo sư đã khiến ta bối rối hết sức:

- Con nên độ cho hết thầy chúng sinh vào vô dư niết bàn mà không thấy có một chúng sinh nào được diệt độ.

Câu đáp trở thành khó hiểu khi chúng ta ngỡ rằng “thành Phật tức là thành một đấng gì đó” cao hơn hết thầy chúng sinh, một “khô” gì đó... chẳng hạn. Còn nếu chúng ta chỉ hiểu một cách giản dị rằng: Phật chính là sự giác ngộ. Thành Phật tức là thành một chúng sinh giác ngộ - nhưng giác ngộ cái gì mới được chứ. Thưa, giác ngộ rằng “bản ngã” không thật bền, không có...

Nỗi bận tâm duy nhất và tha thiết nhất của chúng ta là cái bản ngã của chính mình. Từ lâu chúng ta mê mãi tìm cầu ngũ dục cho nó hưởng thọ... Không ngờ cái dư vị của ngũ dục quá đắng cay khiến chúng ta đắm hoảng... Và thay vì say mê tham đắm ngũ dục, chúng ta lại xoay qua mê tu tham đắm niết bàn giải thoát. Đối tượng có thay đổi, nhưng lòng tham lam tính toán vẫn còn đó... Ngày xưa chúng ta bon chen, thủ lợi, giành giật ngũ dục ra sao thì bây giờ ta cũng tính toán để tóm cho bằng được Niết bàn hay quả vị Phật hết như vậy.

Thế nên, nếu Đức Phật đưa ra một đường lối, một phương pháp để đạt... Niết bàn thì chúng ta sẽ chịu lắm. Ta sẽ sẵn sàng hy sinh tất cả... để giật cho được cái Niết bàn lè lẹ kéo thiên hạ phủng tay trên hết. Vì thế câu trả lời của Đức Từ phụ đã làm chúng ta chung hững và thất vọng biết bao! Hỏi làm cách nào để được giải thoát. Ngài lại bảo: “Hãy lo độ sanh đi, tức khắc tâm con được an, tâm an tức được giải thoát.”

Bàn về huyền nghĩa của kinh Kim Cang chúng ta có đến hàng khối kinh luận sớ và sao, giảng giải... Thế nên nơi đây tôi không dám bàn thêm. Tôi chỉ xin kể cho em nghe về chuyện thiền sư Triệu Châu, một Tổ sư Trung Hoa cũng có một câu đáp “lãng quẻ” tương tự.

Có một bà lão đến hỏi sư. “Già này mang thân đàn bà ô uế, bị đủ thứ ràng buộc... làm sao để thoát thân nữ?”

Sư đáp:

- Bà hãy phát tâm nguyện như thế này: Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được thân tướng trang nghiêm của đại trượng phu, còn riêng thân tiện tỳ này thì vĩnh kiếp trầm luân nơi địa ngục.

Lão tử cũng có câu tương tự:

- Những ai muốn đứng trước thiên hạ thì hãy đặt mình đứng sau thiên hạ.

Và cũng có lẽ vì thế mà Đại thừa Phật giáo đã không tiếc lời ca ngợi hạnh nguyện Bồ tát chẳng? Xin mở một ngoặc đơn (chúng sanh: là người tìm đủ mọi cách để thỏa mãn tham vọng của riêng mình. Bồ tát: là người giác ngộ được chút đỉnh, nên dù vẫn thiết tha cầu Phật đạo mà vẫn không bỏ việc lợi sanh, nhưng Bồ tát không có phụng sự cho dục vọng của chúng sanh đâu nghen!) Em nghĩ sao? Ừ nhỉ ý vâng hà? Nếu những lời lẽ trên đây có làm em khó chịu thì tôi xin cáo lỗi và xác định lại: Đây chỉ là lời lải nhải, độc thoại tự nhủ của một người hơn là ngộ cùng độc giả vậy.

---o0o---

Mối Dây Thân Ái

Visakha là một nữ đệ tử tục gia của Phật. Một hôm bà đến thăm Phật tại tịnh xá Kỳ viên với nước mắt ràn rụa. Đức Phật hỏi:

- Nay Visakha! Sao hôm nay con có vẻ buồn thảm thế?
- Bạch Thế Tôn, con mới vừa mất đi một cháu trai dễ thương, không ai trông thấy cháu mà không mến yêu cho được.
- Nay Visakha! Nếu như toàn thể cư dân thành Xá Vệ này là thân quyến của con... thì con cảm thấy thế nào?
- Bạch Thế Tôn, ước mong sao được như thế, con vẫn thầm mong rằng bất cứ người nào cũng đều là thân bằng quyến thuộc của mình.
- Nhưng này Visakha! Ở thành Xá Vệ này mỗi ngày có khoảng bao nhiêu người chết?
- Bạch Thế Tôn có lẽ khoảng hàng chục người...
- Nếu vậy thì... có ngày nào con được ráo nước mắt đâu?
- Bạch Thế Tôn! Thật là vừa đủ cho con với ngần ấy cô cháu, con đi, chú bác nội ngoại... để mà sầu lo buồn khóc...
- Nay Visakha! Những ai có 100 người thân, kẻ ấy có 100 mối sầu, những ai có 50 người thân, kẻ ấy có 50 nỗi lo buồn.. những ai không chấp

thủ rằng đây là ta, đây là người thân của ta, kẻ ấy không có sự khổ. Ta xác nhận rằng đó là người không sầu, không tham đắm, không có ưu não. Và đức Thế Tôn liền đọc kệ:

“Sầu than với đau khổ
Sai biệt có ở đời
Do thân ái chúng có
Không thân ái chúng không
Do vậy người an lạc
Được không sầu không than
Chớ làm thân làm ái
Vớ một ai ở đời.”

---o0o---

Người Yêu Muôn Thuở

Ba Tư Nặc là đức vua trị vì vương quốc Kosala, một quốc gia hùng cường ở Ấn Độ, trong thời Phật còn tại thế.

Đức vua có một vị hoàng phi xinh đẹp tên là Mạt Lợi, mỹ nhân này là một cô công chúa của giòng họ Thích Ca, đức vua Ba Tư Nặc đặc biệt sủng ái.

Một hôm nhà vua hỏi nàng Mạt Lợi:

- Trên đời này, ái khanh yêu ai nhất?
- Muôn tâu... dĩ nhiên là thiếp quý bệ hạ nhất.
- Trẫm cùng đoán là khanh sẽ trả lời như vậy.

Mạt Lợi mỉm cười:

- Muôn tâu, nếu thánh thượng cho phép thần thiếp sẽ nói khác đi một tí, nhưng xác thật hơn.
- Ái khanh cứ nói.
- Muôn tâu, người mà thần thiếp yêu quý nhất chính là thần thiếp.
- Sao? Mình lại yêu mình? Trẫm không hiểu ái khanh muốn nói gì?

- Tâu bệ hạ, vì có ái trọng tự ngã của mình nên thần thiếp mới yêu thương bệ hạ... Vì bệ hạ là người đã đem lại hạnh phúc cho cái tự ngã này.

- Trẫm đồng ý điều đó, nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý của ái khanh.

- Muôn tâu, thần thiếp xin mạn phép nêu ra một câu hỏi: “Trên đời này bệ hạ yêu quý ai nhất?”

- Ái khanh chứ còn ai nữa?

- Nhưng giả sử như thần thiếp lại đi yêu thương chịu chuộc, ve vuốt một người đàn ông khác thì bệ hạ sẽ tính sao... Muôn tâu, thần thiếp chỉ giả dụ vậy thôi.

- À... à... trẫm sẽ, trẫm sẽ...

- Nghĩa là bệ hạ sẽ nổi trận lôi đình và chém đầu thần thiếp ngay lập tức?

- Ái khanh hỏi rắc rối thật!

- Muôn tâu, có đúng thế không ạ?

- À... à...

- Đúng... phải không bệ hạ?

- Ờ... ờ... có lẽ đúng như vậy.

- Thế thì... bệ hạ đã hiểu rõ câu đáp của thần thiếp rồi chứ?

Nhà vua im lặng giây lâu rồi lặng lẽ gật đầu:

- Có lẽ, khanh nói đúng, mình chỉ yêu thương có mình mà thôi.

Hôm sau, đức vua xa giá đến Kỳ Viên thăm Phật và trình bày tự sự câu chuyện đối đáp giữa vua và hoàng phi Mạt Lợi. Đức Phật đã xác nhận ý kiến của hoàng phi Mạt Lợi bằng một bài kệ trong kinh Phật Tự thuyết:

Tâm ta đi cùng khắp
Tất cả mọi phương trời
Cũng không tìm thấy được

Ai thân hơn tự ngã.

Và đức Thế Tôn cũng nhấn nhủ luôn đức vua Ba Tụ Nặc cùng số thánh chúng đang hiện diện.

Tự ngã đối mọi người
Quá thân ái như vậy
Vậy ai yêu tự ngã
Chớ hại tự ngã người

---o0o---

Phần 2

Bát Báu Của A Tu La

Tương truyền rằng A Tu La là một loài chúng sanh ở khoảng giữa loài người và loài trời. Nam A Tu La thì hung bạo, xấu xí, còn nữ A Tu La thì trái lại cực kỳ xinh đẹp.

Các tôn giả A Tu La cũng có phước báu như chư thiên, nghĩa là không phải lao động vất vả như chúng ta mà vẫn có cơm ăn. Mỗi A Tu La đều có một chiếc bát báu, màu sắc và hương vị khác nhau, không ai có thể ăn ké của ai được hết.

Điểm đặc biệt của dân chúng A Tu La là họ rất dễ nổi giận. Vì vậy mà hầu hết đàn ông con trai A Tu La đều dùng thì giờ rảnh rỗi để đánh lộn với chư thiên thay vì trồng trọt mua bán như loài người. Phụ nữ A Tu La thì không bận nấu nướng giặt giũ, tề gia nội trợ như phụ nữ của loài người nên rất ư là diễm lệ...

Nhưng mà... ấy chứ! Xin các tôn giả loài người chớ nghe nói thế mà vội vã phát nguyện sinh về thế giới của A Tu La. Cũng theo tương truyền rằng chiếc bát báu của loài A Tu La là một vật dụng kỳ dị. Nghĩa là trong giờ ăn khi các tôn giả A Tu La đang xực phàn một cách ngon ơ thì bỗng dưng thức ăn của họ bỗng biến thành đồ bất tịnh, đầy dẫy những bùn đất dòi bọ... Vì thế mà các A Tu La cảm thấy nhàm chán, thống khổ kịch liệt khi phàm phá ra mình đang ngậm và nhai những của quý ấy!

Như thế loài A Tu La chỉ được ăn có nửa bát mà thôi... Nếu kẻ nào húp hết cạn tàu ráo máng thì không sao tránh khỏi tình trạng trên.

Em thân mến!

Truyện thuyết trên đây hư thực thế nào chúng ta chưa rõ được nhưng em có nhận thấy loài người chúng ta chỉ hưởng được có phần nửa hạnh phúc trần gian, hết chiếc bát báu của loài A Tu La chăng!

Từ lúc chúng ta chào đời thân bằng quyến thuộc đầy đủ, nhà cửa sung túc, cầu được ước thấy. Đó chính là nửa bát trên và nếu phần trên ngon ngọt dễ chịu bao nhiêu thì phần dưới lại đắng cay ê chề bấy nhiêu. Đó chính là lúc chúng ta vật vã khóc than chôn cất hết người thân này đến người thân khác, phải đối diện với cái già, cái chết, những tai biến thành linh xảy đến. Cũng giống hết như loài A Tu La, chúng ta không biết phải nên dùng đũa nào để khỏi ăn nhầm đồ bất tịnh.

Mỗi lần vớ được ngũ dục là chúng ta hưởng thụ một cách mê ly cho đến bao giờ bị chúng làm cho đau khổ khốc liệt, nuốt không xong mà nhả chẳng ra... đợi đến lúc ấy chúng ta mới chịu dừng đũa thì ôi thôi... quá muộn rồi!

Các thứ tình đời, tình bạn, tình yêu... đều là những món nhắm khó chịu như thế cả. Em có thấy vậy không?

Hãy thử nhìn các cặp tình nhân mới yêu nhau thì biết, khoé mắt, làn môi, giọng cười tiếng nói của họ đều biểu lộ một niềm hỷ lạc, hạnh phúc sung mãn tràn trề. Đó là nửa bát trên. Và sau em hãy cố gắng nhìn tiếp, khi họ bắt đầu hần học tru tréo, chửi rủa, đánh đập... tìm đủ các hành hạ nhau cho thỏa tức. Đó là nửa bát dưới.

Điều oái oăm nhất là loài người chúng ta cũng như loài A Tu La, không ai tìm được ranh giới phân chia giữa khoái lạc và đau khổ để có thể dừng lại kịp thời. Trong lúc đang hưởng hạnh phúc nếu có ai ngăn cản, bắt chúng ta dừng lại đương sự sẽ đòi... uống thuốc chuột tự vận ngay... và thật là tội nghiệp khi người ta đang phản đối âm ỉ, tìm đủ trăm phương nghìn kế để được tiếp tục hưởng món ăn ngon thì... dùng một cái thức ăn hóa thành độc dược...

Nhận chân được điều đó Đức Phật khuyên chúng ta rằng: “Thọ là khổ,” nghĩa là cảm giác nào cũng khổ hết, kể cả các cảm giác gây khoái lạc vì bản chất của chúng là sinh diệt vô thường. Và Ngài cũng dạy chúng ta rằng nên

thọ dụng những nhu cầu cần thiết sao cho diệt được thọ khổ mà đừng nảy sinh thọ lạc... nghĩa là nên dừng lại ở nơi đâu nhỉ?

- Thưa, ở nơi mà chúng ta thấy có đấm trước, triu mên, lưu luyện thì phải một, hai, ba ngưng ngay lập tức... nguyên tắc thì như thế đó, nhưng khi thực dụng thì còn tùy theo sự không ngoan, mê hay tỉnh của từng người...

Nhưng mà có nhiều chúng sanh đã tình nguyện rằng: “Thà sống bên nhau (để được gây gỗ, đánh đập hoài hoài) còn hơn là cô đơn gổ lẻ,” nghĩa là họ tình nguyện nốc chén của mình cho đến giọt cuối cùng đó em ơi!

---o0o---

Bà Chúa Xứ

Thuở xưa có một anh chàng xấu xí kia, con nhà nghèo, thất học phải sinh sống bằng nghề khuân vác mướn ngoài chợ. Người ta gọi anh là thằng Bu.

Bu làm việc siêng năng giỏi giẩn nên cuộc sống của anh không lấy gì làm chật vật cho lắm. Có điều anh rất buồn khi chung quanh chẳng có ai coi trọng nể vì anh hết. Cũng như hầu hết mọi người, anh thèm thường được quyền uy, lòng ái mộ khát ngưỡng của đồng loại. Mặt mũi anh đã không thuộc loại đẹp trai, anh lại không có một làn hơi thiên phú để ca vọng cổ hay tân nhạc, nên anh không thể tiến thân bằng con đường văn nghệ. Anh lại tứ cố vô thân không tiền của nên khó mà mua danh vọng chức tước, chữ nghĩa lại chẳng bằng ai... Vậy thì phải làm cách nào cho thiên hạ ngán mình đây? Suy nghĩ suốt một đêm chàng Bu nảy ra một sáng kiến.

Một hôm, sau vài ly ba xì đế, Bu đến ngồi trước miếu Bà Chúa Xứ, một vị thần không được thiêng cho lắm, nên nhang tàn khói lạnh, mỗi năm chỉ được người ta cúng cho một lần. Bu đến trước cửa miếu, ngồi lắc lư ợ ngáp liên hồi... Ban đầu chỉ có bọn trẻ con tụ tập chung quanh anh sau đó là các bà vô công rồi nghề, rồi dần dần có đến cả hội đồng bô lão của làng nữa. Người ta nhìn nhau thì thầm:

- Bà về! Bà về!

Vài mục đàn bà góp ý:

- Khoảng nửa tháng nay đêm nào tôi cũng thấy có cục lửa to xẹt lên xuống ngang chòm cây này. Tui sinh nghi trong bụng mà không dám nói ra chớ.

Mỗi người góp một ý, vàng hương hoa quả được mang đến và chàng Bu nghiêng nhiên thành cái xác của Bà Chúa Xứ.

Từ đó, Bu không còn phải đi khuôn vác mướn nữa, người gọi anh bằng “Bà,” bằng “Ngài,” xúm xít cười và lả, đón rước những lời nũng nịu, ông ẹo thốt ra từ đôi môi xạm xít của Bu. Anh mặc áo lụa quân sa ten trắng, đi hài cườm, thoa son phấn và đeo đồ trang sức.

Một tháng sau, Bu đã có vô số người ái mộ, những kẻ trước kia dòm Bu chỉ bằng nửa con mắt bây giờ lại kính cẩn lễ bái đón nhận từng mệnh lệnh của anh. Người ta đến xin bùa phép của anh để mua may bán đất, để được sinh con trai, con gái, đánh đề, đánh bạc, đua ngựa, đá gà v.v... Bởi vì chư Phật và Bồ Tát thường ít khi chịu khó chịu lòng những tham vọng ấy của chúng sanh, thánh thần thì bận thương thiện phạt ác, ma quỷ thì đòi ăn hối lộ. Duy có anh Bu không đòi hỏi gì cả, ngoài việc ước mong được thiên hạ chịu chuộng, tăng bốc vuốt ve lòng tự ái của mình.

Ba tháng trôi qua, những cuộc lên đồng cầu đảo bất kể đêm ngày đã khiến Bu xuống sắc rõ rệt. Lớp son phấn dày cộm không che khuất đôi mắt đầy quầng đen. Càng đông người tín mộ, anh càng phải lên đồng thật xuất sắc... Anh không còn đủ thì giờ để ăn uống ngủ nghỉ... Những lúc mệt quá, anh cũng muốn nghỉ ngơi “thăng” đồng để trở lại đời sống bình thường của anh... nhưng những lúc ấy anh phải trở lại chấp nhận cái bản thân bình thường thấp kém của anh Bu khuôn vác mướn, một điều mà anh muốn chối bỏ, anh phải chịu đựng những ánh mắt lạnh nhạt khinh bỉ của người chung quanh. Người ta sẽ gọi anh bằng “thằng,” bằng “mày.” Vì thế, dù mệt mỏi anh vẫn phải đồng hóa mình với Bà Chúa Xứ, một nhân vật do cư dân trong vùng lập ra và tôn thờ, chỉ ăn hương, uống hoa, sống bằng giọng đàn, tiếng địch cùng lời xưng tụng của người chung quanh.

Em thân mến!

Số phận của anh chàng Bu này sẽ ra sao? Điều này tùy thuộc vào anh. Nếu Bu khám phá ra rằng chính mình là nạn nhân của trò chơi lên đồng ấy, rằng sau những lúc trà nghiêng rượu nhạt... anh cũng phải trở về đối mặt với con người thật của anh: một anh Bu tầm thường, vô danh tiểu tốt. Nếu anh nhận thấy rằng anh đang bày trò điên loạn và trong cảnh giới cuồng điên đó

anh đã được sự tung hô tán tụng của những người điên khác. Và nhất là những danh vọng hào huyền đó cũng chẳng thú vị gì cho lắm. Tại sao anh không trở về với anh Bu khuôn vác thường ngày dù không được sự nể vì kính trọng của bång dân thiên hạ nhưng ít ra anh cũng còn có cái thế giới tinh táo chân thật của con người tầm thường và bình thường.

Mặt khác nếu anh không thể nào chấp nhận con người chân thật của mình, thì anh cứ tiếp tục bám vào cái vỏ Bà Chúa Xứ bôi son trét phấn, hò hét ban phúc giáng họa cho được đông người ái mộ. Tín đồ càng đông thì “Bà” càng phải thiêng. Và nếu Bà Chúa Xứ không còn hợp thời trang nữa thì anh có thể đổi danh hiệu thành Bà Ngũ Hành, Cửu thiên huyền Nữ, hay là cô... cậu... nào đó.

Nước đời lắm nổi, chúng ta chỉ có thể đoán chắc một điều là... giữa lớp danh vọng hư huyền phù hoa đó, anh chàng Bu sẽ chết lần chết mòn. Thế xác mệt mỗi tinh thần điên đảo... Nếu trò chơi cứ tiếp tục thì chung cuộc anh sẽ vào nhà thương dành cho bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây tôi đã đau xót viết cho riêng mình, nói với em cũng có nghĩa là tôi độc thoại một mình. Vì tôi không tin tưởng rằng có một cuộc đối thoại thực sự cảm thông khi chúng ta mỗi người còn đang ngóng về một hướng, mãi miết đuổi bắt những lý tưởng tận đâu đâu... Tôi chỉ muốn hỏi em đã có lúc nào em thấy mình giống hệt anh Bu trên đây không?

Riêng tôi, tôi còn nhớ rất rõ ràng thuở bé tôi rất là hồn nhiên, không nhớ mình là trai hay gái, đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, giỏi hay dở gì hết. Tôi sống thoải mái và vô tư như một chú gà con thì bỗng nhiên, dần dần tôi nghe người chung quanh nhận xét rằng tôi không đẹp bằng chị tôi, không giàu bằng nhà hàng xóm, không giỏi bằng bạn bè chung quanh... và cũng dần dần từ đó, tôi bắt đầu cảm thấy thống khổ kịch liệt khi thấy sao mà mình tầm thường quá đỗi... Không có một sở trường gì để tự “lãng xê” mình, làm nổi bật mình lên trước bång dân thiên hạ. Rất nhiều đêm tôi niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cầu mong sao cho mình được đẹp, được sang, được giỏi hơn thiên hạ. Mặt khác tôi cố gắng thức khuya dậy sớm bỏ ngủ quên ăn để học cho bằng bạn bè, những người hơn tôi cả tài lẫn sắc... để ít ra mình cũng chứng tỏ được cái khả năng của mình, rằng mình không phải là con số 0.

Em ạ!

Đó chỉ là một thí dụ, một phần rất nhỏ trong cuộc đời đa thủ phức tạp của chúng ta. Điều khổ tâm nhất của chúng ta hằng ngày không phải là chuyện sanh, già, bệnh, chết, vì đó là một lý đương nhiên, không ai tránh khỏi, chúng ta thường khốn khổ, bứt rứt vì cái bản ngã của mình, sao mà mình nhỏ nhoi tầm thường quá, không có tí ti nào khả ái, khá kính dưới mắt ta và người chung quanh hết. Những lúc đối mặt với chính mình, ta phải cay đắng mà nhận chân rằng ta chỉ là một nhân vật quá mức tầm thường, một con số 0 to tướng. Thế là anh chàng Bu trong ta bắt đầu tham gia vào trò “lên đồng.” Từ con số 0 tùy theo cơ hội, hoàn cảnh và nhu cầu của người ái mộ chung quanh mà chúng ta sẽ thành một cái gì đó... Mỗi người đội một danh hiệu khác nhau nhưng cùng giống nhau ở một điểm là - chối bỏ con người tầm thường chân thật của mình để sống dưới lớp áo của những nhân vật rất mực phù hoa và giả dối... và em ơi! Một điều kỳ thú là chỗ chúng ta lẫn trốn sợ hãi, lại chính là chỗ mà các thiên sư đại ngộ. Lục Tổ há chẳng xác định một cách hùng hồn rằng: “Bản lai vô nhất vật” đó sao? Dưới bất cứ lớp áo nào và nhãn hiệu nào, em và tôi đều phải công nhận rằng, trong những giây phút chiếu soi nhìn lại mình, ta thấy mình quả là “vô nhất vật”, nghĩa là “ta không là gì cả, ta không phải là Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, cô cậu... gì hết. Không là gì hết... nhưng ta vẫn thấy nghe hiểu biết rất rõ ràng, cái khả năng “kiến văn giác tri” ấy chúng ta đều bình đẳng như nhau. Đây chính là Lục Tổ nói: “Đâu ngờ tánh mình bản lai thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ cả v.v... đó em!”

Khi anh chàng Bu không còn lên đồng nữa, không còn là ông kia bà nọ thì không phải là anh ta chết, anh ta chỉ mất - mất hết những cái gì giả dối không phải là mình thôi.

Nếu em thấy rằng “bà đồng” của mình hãy còn thiêng lắm, và thà rằng em đội lốt, mang mặt nạ, chịu theo thị hiếu của bần dân thiên hạ, để được thờ phụng tung hô... và được vô vàn quyền lợi phụ tùng khác, thì em cứ tiếp tục. Không có ai, sẽ không có ai dám lên án, chỉ trích hay cười cợt em đâu... Vì lên án Bà Đồng cũng có nghĩa là lên án luôn đám quần chúng đang ái mộ, và ai mà đại gì đứng ra chọc giận thiên hạ nhiều như thế. Em có thể yên tâm mà tiếp tục...

Nhưng... nếu như có hôm nào, quá mệt mỏi với cái trò chơi xóc nôi ấy, mặt nhìn tận mắt, soi lại lòng mình giữa cảnh hoang tàn của trà ôi, rượu nhạt, hoa héo, hương phai, nhìn thấy người chung quanh cũng chán chường mệt mỏi không kém mình... thì, em hãy thử một lần, làm sống lại con người năm xưa của chính mình, của anh chàng Bu khuân vác thử xem. Điều này

đòi hỏi nơi em rất nhiều can đảm và hy sinh, vì em sẽ mất hết uy danh, quyền lợi, mất hết những người ái mộ cung nghinh, em sẽ bị xem thường, khinh rẽ... Em phải hy sinh hết vàng son, phấn sáp, danh lợi cùng uy quyền để đi may thuê cuộc mướn, phải đổ mồ hôi nước mắt mới có miếng ăn.

Thế nhân thường đi tìm sự thực, nhưng sự thực lại quá ư phũ phàng không giống như ta hằng mơ tưởng... nên... thà rằng, cứ nhắm tít mắt lại để còn có một thế giới hoa mộng, huyền ảo, mê ly.

Câu chuyện này xin dừng lại nơi đây, vì tôi bất chợt nhận ra rằng, dường như tôi đang lên một cơn đồng xuất sắc hơn, hợp thời trang hơn... bà đồng thường, đôi khi ta ngỡ rằng mình đã thức dậy, đi ra khỏi cơn mơ, nhưng sau đó thật lâu, ta mới vỡ lẽ ra rằng mình chỉ thay đổi tình tiết của giấc mơ mà thôi và điều mà ta thấy mình đang lên đồng thật xuất sắc là... khi có một hành động nào đó của ta được nhiều người vỗ tay tán tụng, khi mà từ cái Không, ta trở thành Có, và cái Có này, ngày càng bành trướng nảy nở ra. Chính những tràng pháo tay đã báo hại chúng ta không ít, nó xui ta cứ tiếp tục... chiêm bao, để được khen hoài khen mãi, em có thấy như vậy không? Hèn chi mà trong kinh Duy Ma Cát, Bồ Tát khuyên ta cứ làm đi, làm mọi việc để lợi mình và lợi người, nhưng phải làm sao để cả “Tam luân” đều không tịch, nghĩa là không thấy có mình, có người và có pháp nữa, chỉ đem thân huyễn làm việc huyễn(dĩ huyễn thân tác huyễn sự) mà thôi. Các Ngài khôn quá phải không?

---o0o---

Đi Trắng Về Đen

Xưa, có anh chàng thanh niên, đến nhà bạn chơi, lúc về gặp trời mưa ướt hết quần áo, chàng phải mượn y phục của bạn mặc rồi ra về.

Thấy chủ về con chó đã không mừng mà còn chạy ra cắn sủa ầm ỉ. Chàng trai tức giận cầm gậy định đánh chó, thòi cha anh ta can:

- Ấy chó! Không phải lỗi của nó đâu. Nếu con chó nhà ta đi đâu về màu lông trắng hóa thành đen thì con có đánh đuổi nó không đả?

Em thân mến!

Chỉ trách người thay đổi mà không thấy sự thay đổi của mình là một trong những chuyện thường xảy ra ở cái trần gian điên đảo này. Có lẽ vì vậy mà cô nhân đã để lại cho ta một lời khuyên thật khôn ngoan:

“Trách người một trách ta mười
Bởi ta tậ trước nên người bực sau.”

---o0o---

Khi Người Đẹp Trả Thù

Mạn La Hoa là cô gái đẹp nhất của kinh thành U Du. Vừa đẹp để lại vừa giàu sang thuộc dòng danh giá vọng tộc nên cô được không biết bao nhiêu Vương tôn công tử gắm ghé cầu hôn. Cha mẹ cô thuộc dòng dõi danh giá vọng tộc và rất giỏi nghề tướng số. Như bao nhiêu đấng sanh thành khác, song thân của Mạn La Hoa rất lấy làm hãnh diện về cô con gái cưng của mình. Họ nhất định phải chọn cho được chàng trai nào có đầy đủ 32 tướng tốt, bất kể giàu nghèo để gả con gái cho.

Khi ấy đức Thế Tôn của ta mới ngoài 30 tuổi. Trên đường hoằng pháp Ngài đi ngang qua kinh thành U Da. Nhạc công thấy từ dung của Đức Đạo Sư, thân phụ cô Mạn La Hoa đã giật mình sửng sốt. Đây quả là chàng rể đông sàng mà ông bà thâm ao ước. Nhìn tới ngắm lui thấy Ngài quả thật hết chỗ chê, ông Bà la môn thân phụ của Mạn La Hoa liền bước tới ngõ lời:

- Này cậu sa môn! Không nói giầu gì cậu, già đây cũng là người có chút đỉnh danh vọng ở vùng này, già hiếm hoi chỉ được một gái, tuổi vừa đôi tám, bộ dạng cũng huê mỹ mặn mà... không biết bao nhiêu người đã gắm ghé cầu hôn mà già đây chưa nhận lời. Bữa nay chợt gặp cậu đây, già liền sanh lòng yêu mến. Vậy, cậu hãy chịu khó đứng đây, già về dắt má bày trẻ đến bàn chuyện.. và đem quần áo tốt cho cậu thay đổi rồi về gia trang của già.

Đức Thế Tôn làm thinh không đáp.

Ông Bà la môn hồi hả chạy về nhà, gọi vợ:

- Này má nó ơi! Hỷ tín! Chàng rể nhà ta đã đến rồi.

Bà vợ tất tả chạy ra, ông liền thuật lại tự sự rồi dắt vợ đi tìm Đức Thế Tôn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang ngồi thọ thực dưới bóng mát của một tàng cây. Ông lão sốt ruột lắm lắm:

- Ủa! Đâu rồi cà... Rõ ràng là tôi dặn y đứng chờ, y làm thỉnh có mòi chịu lắm mà!
- Hồi nãy, ba nó gặp ở chỗ nào?
- Thì ngay đây nè! Đó... dấu chân y còn in rõ nơi đây... má nó thấy không? Bàn chân này có một không hai trên đời này...
- Ông à! Sao tui thấy dấu chân này lạ quá...
- Thì tui đã nói với bà rồi, còn lạ lùng gì nữa... Y đẹp trai số dzách, tướng hảo vô song, xứng đôi vừa lứa với con Hoa nhà mình lắm.
- Ông à... tui thấy không ổn rồi...
- Sao? Bà thấy cái giống gì mà không ổn?
- Cái dấu chân này có vân thiên luân... chứng tỏ người này đã dứt lòng dục nhiễm rồi.. Hạng này không chịu lập gia đình đâu ông.
- Thôi đi bà ở đó mà tương với số. Y đã bằng lòng rồi mà. Kia kia! Y đang ngồi dưới tàng cây kia.

Hai ông bà liền đến gặp Phật nhắc lại chuyện trăm năm. Đức Thế Tôn liền tùy cơ nói pháp, sau thời pháp cả hai ông bà đều đắc quả Tu Đà Hoàn, xin quy y làm đệ tử tục gia của Phật.

Trong khi ấy, Mạn La Hoa ở nhà trang điểm kỹ lưỡng theo lời cha mẹ dặn dò, hồi hộp chờ đợi vị hôn phu thì con hầu gái đã tắt tả chạy về mách lẻo trước.

- Tiểu thư ơi! Tiểu thư.
- Cái gì?
- Dạ... dạ hồng rồi!
- Cái gì hồng? Cá khô hay là cơm khét?

- Dạ... hồng phải chuyện đó...
- Chứ chuyện gì?
- Dạ... chuyện trăm năm của tiểu thư đó...
- A! Con bé này láo thật, mi dám xen vào chuyện của chủ nhân à?

Cô hầu gái, bị rầy, tiu nghỉu:

- Xin tiểu thư tha lỗi cho... từ rày về sao con không dám thế nữa...
- Được rồi lần đầu cô tha cho... lần sau thì phải đòn đấy. Mà này, em biết gì... nói cô nghe thử...
- Dạ... dạ cái ông sa môn đó, tuy có đẹp trai thật nhưng mà khinh người số một. Con núp đằng sau cội cây nghe ông đối đáp với lão gia rõ mồn một... ông chê rằng... nhưng ... con không dám nói đâu...
- Em cứ nói, cô cho phép...
- Thưa tiểu thư, ông bảo rằng thân thể của tiểu thư bản thủ, hôi thiu lắm...

Mạn La Hoa tái mặt, lần đầu tiên cô mới nghe một lời phẩm bình về cô quá khó nghe như thế. Con hầu gái vẫn thản nhiên nói:

- Ông nói là: Cô con gái của hai ông bà chỉ có thể mê hoặc những tên đàn ông ngu ngốc thôi... ông nói là... cơ thể của cô ngày đêm rỉ chảy đủ thứ đồ ô uế như đàm dãi, phân tiểu... Là lúc ông tu hành ở trong rừng, mấy bà tiên ở trên trời xuống đòi làm hầu thiếp mà ông còn hồng thềm... Là, cái thể xác của tiểu thư, cho ông đụng tới bằng ngón chân, ông cũng không thềm là...

Quá sức chịu đựng, Mạn La Hoa ném ngay lọ hoa xuống đất, hét:

- Im ngay! Im ngay! Ta cấm mi không được lập lại những lời này với một kẻ thứ hai nào hết... Nếu trái lời, đừng trách ta độc ác... Nghe rõ chưa?
- Dạ rõ!

Thấy nữ chủ nổi trận lôi đình, con hầu gái vội vàng lẩn mất. Mạn La Hoa nằm vật xuống giường òa lên khóc nức nở.

Hồi lâu, cô hậm hực nhìn về phía Đức Thế Tôn đang ngự, chỉ tay gằn giọng:

- Nay ông sa môn ngạo mạn kia hãy mở con mắt chống lỗ tai lên mà xem Mạn La Hoa này, ông phải trả giá cho những lời nói hỗn xược của ông... Làm như ta đây là thứ ế ẩm để dành bán sol... không bằng.

Với chủ tâm trả thù Phật, ngày hôm sau Mạn La Hoa cho bắn tin với đại vương thành U Du rằng cô đã băng lòng. Một tuần sau cô trở thành hoàng phi của vua U Du, đệ nhất phu nhân của vùng Kosambi.

Nhiều năm trôi qua, ngày mà hoàng phi Mạn La Hoa chờ đợi đã đến, đức Phật cùng A Nan du hóa qua vùng Kosambi. Những tay chủi lộn mươn chua ngoa nhất của kinh thành đều được tu tập lại... để đón chào đấng Đạo Sư. Ngài điềm nhiên đi qua những con đường vang rền các âm thanh thô tục như không có chuyện gì xảy ra. Riêng tôn giả A Nan, tối mắt tối mũi trước những âm thanh kỳ quái ấy, bèn bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn... chúng ta đi về thôi...
- Về đâu? Hỡi A Nan...
- Thưa... đi đến một thành phố khác như thành Đề Xá chẳng hạn.
- Nhỡ nơi ấy cư dân lại đón tiếp thầy trò y hệt nơi đây thì ông tính sao?
- Thưa, chúng ta sẽ đi qua thành Hoa Thị...
- Và nếu tình trạng của thành Hoa Thị lại tương tự như đây thì ông tính sao?
- Bạch Thế Tôn... chúng ta sẽ đi và sẽ đến những nơi nào mà người ta không bực đãi mình như thành Vương Xá, thành Tỳ Xá Ly chẳng hạn.
- Nay A Nan! Tại sao cư dân các thành phố đó lại ưu ái và ân cần với thầy trò mình?

- Thưa... vì họ đã nghe pháp, hiểu pháp, đã có trí huệ để biết đâu là hành động lành, đâu là hành động dữ... nên rất khát khao được chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

- Và này A Nan! Còn cư dân vùng này tại sao lại đón tiếp thầy trò mình kiểu này?

- Bạch Thế Tôn, vì họ chưa hề biết đến Phật pháp, chưa phân biệt rõ đâu là nghiệp lành hay nghiệp dữ nên họ mới hành động như thế.

- Này A Nan! Ví như có một vị đại lương y tài giỏi, thương bệnh nhân như con đẻ. Vị lương y này có bao giờ dán bố cáo trước cổng rằng:

“Nơi đây bốn hiệu chỉ nhận chữa bệnh cho người lành mạnh hoặc ít bệnh. Còn ai đau nặng thì xin miễn tiếp” hay không?

- Bạch Thế Tôn! Không bao giờ, vì thấy thuốc hay cần cho người bệnh nặng chứ không phải dành riêng cho người khoẻ mạnh.

- Này A Nan, cũng thế, Như Lai ra đời là vì lợi ích cho những chúng sanh si ám chưa phân biệt rõ thiện và ác, chuyên tạo nghiệp dữ để chiêu vời những quả khổ trong ba đường ác. Những người bệnh nặng cần lương y như thế nào thì cư dân nơi đây cũng cần đến sự hiện diện của Như Lai như thế đó. Cư dân của các thành Tỳ Xá Ly cùng Vương Xá giống như những người khoẻ mạnh hay ít bệnh, các đệ tử Như Lai hiện diện nơi đó cũng đủ rồi, còn nơi đây nếu Như Lai không đích thân giáo hóa thì còn ai dám đến nữa hở A Nan?

- Nhưng bạch Thế Tôn ở đây có ai thèm nghe Thế Tôn nói Thế pháp đâu? Họ đã đón tiếp Thế Tôn bằng những gì tồi tha bản thủ nhất. Những người bệnh nặng cả mà không cần thầy thuốc thì dù lương y có sẵn lòng từ tâm cũng chỉ luống công vô ích mà thôi.

- Này A Nan! Một người bị bệnh nặng, thân lẫn tâm bị xúc não, thống khổ... không thể nào có những tâm niệm, ngôn ngữ và hành vi như một người bình thường được. Vị lương y phải tận tâm hành nghề không xao xuyên vì lời nói và cử chỉ bất nhã của bệnh nhân, cho đến bao giờ, thấy rằng cư dân vùng này thật sự không còn cần đến Như Lai nữa, Như Lai sẽ đi ngay.

Ngay lúc ấy tên chúa trùm du đấng, thủ lĩnh các tay anh chị chửi lộn mướn, liền bước ra nói:

- Thưa sa môn Cồ Đàm! Con xin đại diện cho cư dân vùng này nói chung, và toàn thể anh chị em chửi lộn mướn chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư nói riêng, xin được ngỏ lời xin lỗi Ngài cùng ông thầy đây. Qua câu chuyện đối đáp giữa thầy trò của Ngài chúng con vô cùng hối hận... Vậy xin Ngài Cồ Đàm đừng giận, mà hãy ở lại đây để dạy dỗ chúng con, những bệnh nhân đang hấp hối.

Một tuần lễ sau dân chúng thành U Du lại cư xử với đấng đạo sư hệt như cư dân thành Vương Xá, thành Tỳ Xá Ly.

Ngày đức đạo sư cùng tôn giả A Nan lên đường đi du hóa nơi khác dân chúng lũ lượt kéo nhau đi tiễn đưa, rải hoa và khóc than rất là bi thiết.

Tất cả những sự kiện ấy đều đến tai hoàng phi Mạn La Hoa, bà hoàng này không biết làm gì hơn là trút cơn giận vào những thái giám và thị nữ dưới tay mình.

Em thân mến!

Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh, đầy đủ trí huệ như Phật không khác... nhưng có lẽ điểm khác nhau rõ rệt giữa Ngài và chúng ta là: Đức Thế Tôn chuyển nghịch thành thuận không nề gian khổ trong chuyện độ sanh... còn chúng ta hàng đệ tử Phật – thì gặp phải nghịch cảnh thì vừa chạy vừa khóc, thối thất tâm bồ đề.

Có lần Đức Thế Tôn đã dạy Sa di La Hầu La như thế này: “Nếu con đòi rằng, mỗi lần đi đến đâu chúng sanh phải trải chiếu bông để đón chân con, để con khỏi dẫm lên gai góc... thì điều đó thật là khó thực hiện... Vì làm sao người ta có thể tìm ra đủ số chiếu để làm vừa lòng con? Chi bằng hãy mang một đôi giày vào chân thì tha hồ mà xông bờ lướt bụi.”

Đôi giày này tức là đức nhẫn nhục đó em ơi! Bọn mình có thể thêu câu này vào chiếc khăn tay (thường được dùng để quạt nước mắt và hỉ mũi) hay không, hờ nhỏ?

Chim Cú Mèo

Xưa có con chim Cú mèo làm tổ chung trên một cây với chim Gáy.

Một hôm Cú mèo đến từ già chim Gáy để dọn đi nơi khác, Gáy ngạc nhiên hỏi:

- Bác đi đâu thế?
- Tôi dời nhà sang phương Tây.
- Sao thế? Có việc gì làm trở ngại cho bác? Tôi trông nơi đây sinh sống dễ dàng, mát mẻ, sao bác lại bỏ đi?

Cú mèo buồn rầu đáp:

- Dân cư vùng này không ưa tôi.

Chim Gáy dịu dàng bảo:

- Này bác ạ! Chỗ thân tình với nhau tôi nói cho bác nghe... sở dĩ người ta không ưa bác là vì tiếng kêu của bác. Nếu sang phương Tây bác cũng kêu như thế thì người ta cũng ghét bác thôi... Chi bằng bác đổi tiếng kêu thì đông tây gì cũng tốt như nhau, chẳng ai ghét bác nữa đâu mà sợ.

Cú mèo nghe nói, giận dữ bỏ đi đến miền Tây ở. Đúng như lời tiên đoán của chim Gáy, dân chúng miền Tây cũng ghét bỏ nó, Cú mèo đâm ra hận đời, nhất định đi vào thâm sơn cùng cốc, lánh xa loài người, loài vật, mặt trời, mặt trăng...

Em thân mến!

Đôi chỗ ở bao giờ cũng dễ dàng hơn sửa đổi một số tật của mình, phản ứng nhất thời của chúng ta mỗi khi gặp trở ngại, bị bác đả là giận dữ bỏ đi. Ta chỉ muốn giữ lại mối tương giao nào mà cái huyền ngã của chúng ta được ái mộ chịu chuộng vượt ve, những hành động của ta được tung hô vạn tuế... Bằng ngược lại, ta hờn, ta dỗi, ta hận đời đen bạc, than rằng sao người ta không hiểu mình, rằng sao mà mình cô đơn quá v.v...

Vậy thì nên đổi cảnh hay đổi tâm đây? Em có để ý rằng chư vị Bồ Tát dù ở địa ngục mà vẫn hỷ lạc như cảnh trời đệ tam thiên, còn chúng ta ở giữa

cảnh đời này trắng thanh gió mát, hoa thắm lá xanh, bụng no thân ấm mà vẫn muộn phiền khôn nguôi chẳng?

Và có lẽ cứ mang cái mạng mộc của mình đi lang thang từ nơi này sang nơi khác, dù gặp được những chốn thông dong như cõi Cực lạc của Đức Phật A Di Đà đi nữa, chúng ta cũng chỉ tự làm phiền mình và các chúng sanh lân cận mà thôi. Em nghĩ sao?

---o0o---

Người Trong Mơ

Xưa, có một anh chàng họa sĩ tài ba đẹp trai nhưng phải cái tội nghèo.

Một hôm thừa hứng, chàng họa nên một bức tranh giai nhân tuyệt đẹp. Chàng họa sĩ say sưa ngắm nhìn người trong tranh, tô lục chuốt hồng vào, càng nhìn càng thêm ngơ ngẩn...

Nhìn tới ngẩn lui, lâu ngày chày tháng họa sĩ đâm ra si tình người trong tranh... Suốt ngày chàng chỉ lẩn quẩn bên tranh để tỏ tình, quên cả ăn ngủ và làm việc để kiếm tiền mua gạo.

Tình trạng càng ngày càng bết tắc, sợ chàng họa sĩ chết mòn vì đói, song thân chàng tìm cách cho chàng một người vợ, nhưng khôn nổi... Làm sao tìm cho được người trong mơ cho chàng họa sĩ tài ba này đây?

PC: Xin hỏi nhỏ: Khi chúng ta cảm thấy yêu (hay ghét) một người nào, là chúng ta yêu ngay đương sự hay là vợ nhằm một cái bóng do chính mình họa nên về nhân vật đó. Thừa chư hiền hữu!

Và trong tình trạng này thì phải “làm sao để giết được người trong mơ đây?”

---o0o---

Nắm Tay Không

Bé Xí rất khoái ăn bánh kẹo.

Một hôm, má đi chợ vắng, hũ bánh lại ở ngay tầm tay còn gì bằng, Xí thò tay bốc ngay một nắm thật to. Nhưng eo ôi! Sao hũ bánh níu chặt lấy tay bé... dùng hết sức bình sinh mà bé lôi bánh ra cũng không được... cả con nô cũng bó tay. Xí đành khóc đợi mẹ về.

Lúc mẹ về, mẹ chỉ cần bảo: “Con thả nắm bánh ra.” Cái tay không có nắm bánh nào, chui ra khỏi hũ một cách dễ ợt! Sao lạ vậy?

Hèn chi có người làm thơ rằng: “Thà không nắm bắt còn hơn buộc ràng.” Nhưng ai buộc ai đây?

---o0o---

Lợi Danh

Lão tử tuy nghèo khổ, có khi phải đói khát nhưng lại là một bậc hiền nhân của nước Trịnh. Vua Trịnh sai người chở đến cho Liệt Tử mấy chục xe thóc, ông chấp tay bái dài không nhận. Bà vợ Liệt Tử đấm ngực than, ông bảo:

- Vua mà thương ta không do chỗ thâm tình mà nhờ người mách lẻo. Vì thế mà ta không nhận lộc. Vả chẳng nếu chịu bổng lộc của người gặp lúc người hoạn nạn mà mình không liều chết để giúp kẻ vô đạo thì thuộc loại bất nhân. Vì vậy mà ta không nhận. Thôi! Má bày trẻ đừng có làm phiền ta nữa. Lời bàn

Kiểm được chút đỉnh lợi danh không phải là chuyện dễ. Được lợi thì mất danh, có danh thì hết lợi.

---o0o---

Tình Nghĩa

Xưa, nước Tề đem quân đi đánh nước Lỗ. Vừa đến biên giới, quân Tề thấy một người đàn bà nước Lỗ tay bồng tay dắt hai đứa bé đi lánh nạn.

Tướng quân giặc kéo đến, người thiếu phụ vội bỏ đứa bé đang bồng trên tay xuống, bế đứa kia chạy trốn. Đứa bé bị bỏ rơi chạy theo kêu khóc, người thiếu phụ vẫn không ngoảnh lại.

Tướng quân nước Tề cho bắt người thiếu phụ lại hỏi:

- Đứa bé chị đang bế là con ai? Đứa chạy theo là con ai?

Thiếu phụ thưa:

- Đứa tôi bế là con người anh tôi, đứa tôi bỏ lại là con ruột tôi. Sức tôi không thể nào bảo toàn cả hai đứa nên đành bỏ nó lại.

Tướng giặc ngạc nhiên hỏi:

- Phụ tử tình thâm, sao chị nỡ bỏ con mình để giữ lấy con của người?

Thiếu phụ đáp:

- Con tôi là tình riêng, con anh tôi là nghĩa công... Bỏ con để tuy đau lòng quặn ruột thật, nhưng tôi không thể “bắt nghĩa” mà sống được... Và con tôi, có lẽ cũng không muốn có một người mẹ vô nghĩa như thế.

Tướng quân nước Tề bèn tâu với vua xin bãi binh. Vì một người đàn bà ở vùng biên địa còn giữ gìn được như thế huống là các hàng sĩ phu. Vua Tề đồng ý.

Vua nước Lỗ biết chuyện, thương cho thiếu phụ 100 tấm lụa và phong cho hai chữ: “Nghĩa Cô”

---o0o---

Vậy Sao???

Thiền sư Hakuin là một tăng sĩ được cư dân quanh vùng ca tụng và kính trọng như một ông Phật sống.

Gần tịnh thất của sư có một thiếu nữ rất đẹp. Một hôm cha mẹ mỹ nhân chợt khám phá ra con mình có mang.

Qua biết bao là phiền phức, mỹ nhân thú thật rằng: thiền sư chính là người tình vụng trộm của mình. Bao nhiêu danh thơm tiếng tốt của sư đều đổ xuống bùn như cá. Bà mẹ dẫn cô gái đến gặp thiền sư. Đáp lại trận mưa ngôn ngữ thịnh nộ của khách, sư chỉ mở mắt hỏi:

- Vậy sao?

Khi đưa bé chào đời, nó được bà ngoại mang đến tịnh thất với những lời sỉ vả cay đắng kèm theo. Từ dạo đó cư dân thường thấy thiền sư đi trì bình với một đứa bé trên tay. Sư nuôi nấng đứa bé rất tử tế... Chứ bé lớn lên rất bụ bẫm... chú tập bò, đứng và đi lẫm lẫm chung quanh chiếc thiền sàng của sư. Chỉ khi nào chú bé ngủ say, sư mới đi tọa thiền được.

Hơn một năm sau, mỹ nhân thú thật rằng: cha chú bé không phải thiền sư Hakuin.

Sau bao nhiêu lời sám hối dài dòng và phiến toái, thiền sư trao chú bé lại cho bà ngoại chú, cũng với hai tiếng “Vậy sao?”

Ngôi tịnh thất im lìm trở lại, vắng bật tiếng u ơ của trẻ thơ và thiền sư khi đi trì bình chỉ còn vồn vện cái bình bát.

Cư dân lại ca tụng và kính trọng sư như một ông Phật sống.

Lời bàn:

Có muốn bắt chước theo... cũng khó.

---o0o---

Câu Được Ước Thấy

Xưa, có một chúng sanh đang chịu quả khổ ở địa ngục. Trong cơn đau tận mạng y niệm Phật luôn miệng, van:

“Xin Ngài cứu con thoát khỏi cái chảo dầu sôi này. Làm thân nạ quý cho đỡ khổ hơn...”

Bụt và Diêm vương nghe van mũi lòng, bèn cho y được như nguyện.

Làm nạ quý được vài hôm, y lại kỳ kèo:

“Xin Ngài làm phúc cho con được làm thân súc sanh, một con chó... cũng được, chứ làm nạ quý... khổ quá trời ơi!

Y liền được mang thân một con chó tên là Nô. Nô lại than van:

“Hỡi ơi! Thân chó nào có sướng ỨC gì... ước chi con được thân người... Gâu... gâu... gâu!

Nô liền được như nguyện... mang thân một chị đàn bà xấu xí, bán ve chai sống qua ngày. Chị ve chai lại rên rỉ:

“Trời Phật ơi! Khổ thân tôi xấu xí thế này sống chi thêm cho nhục... ước chi tôi dễ coi một chút để kiếm một ông chồng mà nương tẩm thân liễu yếu. Hu, hu!

Chị ve chai lại biến thành một thiếu nữ khá mặn mà... Và có vô số anh hùng rập rình bán sê. Sau mấy năm kén cá chọn canh, treo cao giá ngọc, chị lên xe hoa với một người trong mộng. Mười năm sau chị lại than thở:

“Trời ơi, chồng với con ước gì tôi được như thời con gái, không có cả đống phụ tùng rắc rối, tui sẽ cạo đầu vô chùa tu quách. Ư hự!

Cầu được ước thấy, chị thành một tu sĩ.

Người ta lại nghe sư cô này than van:

- Ư hự! Phải chi mình được “sinh phùng trung quốc, hội ngộ minh sư” (sinh ra gặp chôn may mắn, gặp thầy sáng suốt dẫn dắt) thì tu mới không ngán, đàn này không ai chỉ dạy tu gì mà chỉ thấy phiền với nã.

Sở cầu hợp pháp này được chuẩn y lập tức. Sư cô được gởi vào một Phật học ni viện, lần này các ni sinh bạn cô lại nghe kể lể:

“Học chi mà lảm thế. Học mà không tu thì như mang dải sách, đói ăn mà không no... ước chi tôi được gặp một thiền sư, ở trong một thiền viện để vừa tu vừa học, tri thành hợp nhất... hi... hi...

Bụt liền giúp cô trở thành một thiền sinh trong một thiền viện “Bất tác bất thực.” Thiền sinh này thường chống cuốc than thở:

“Chèn ơi! Quanh năm chỉ thấy cào bới với cuốc cày. Làm mãi không có thì giờ để tu. Ước gì tôi được nhập thất để giải quyết sinh tử, nhất đao đại hoạn, hừ hừ!

Bụt lại ra tay, một cái thắt được dựng lên cấp tốc, một, hai, ba, bốn thí chủ hùn tiền giúp cô an tu. Ngồi bó rọ trong thắt đương sự loay hoay tính toán:

- Phải chi có ai tu giùm, mình ké vô để thành Phật thì sướng biết mấy. Su chưa kịp ao ước thì bỗng bắt được cái điện tín của Diêm vương gửi qua cái răng sâu... và cả tiếng thì thầm của bọn quỷ sứ dưới âm phủ:

- Tâu Diêm chúa, chảo dầu này hai đứa con chụm sắp sôi rồi, chừng nào Diêm chúa lòi cái tên đa sự đó về đây?

PC: Xin hãy đọc câu chuyện này giống như đọc một cuốn sách thuộc loại “khoa học giả tưởng.”

Trân trọng!

---o0o---

Người Bốc Vác

Xưa, có hai thiên sinh có việc phải hạ sơn. Trên đường đi đôi bạn gặp một thiếu nữ xinh xắn ngồi buồn rầu bên vệ đường.

Chả là cô ta muốn đi ăn cỗ cho sáng sủa, mà lại bị một vũng bùn to ngang đường chẹn mất lối đi.

Vị thiên sinh trẻ tuổi nhất liền giúp cô ta qua đường. Sau lời cảm ơn đường ai nấy đi.

Buổi chiều vừa về đến cổng tu viện, vị thiên sinh lớn tuổi đã khều tay bạn hỏi một cách bực dọc:

- Này chú, tại sao hồi sáng chú dám cả gan bẻ một thiếu nữ xinh đẹp thế kia qua vũng bùn mà không sợ ô nhiễm đến giới thể ư?

Vị thiên sinh trẻ tuổi ngạc nhiên:

- Ô hay! Em đã đặt cô nàng xuống bên kia vệ đường rồi cơ mà! Sao sư huynh còn cõng cô ta về tận nơi đây?

PC: Vác một cô nàng như thế từ sớm đến chiều thì kể cũng nặng thật.

---o0o---

Cô Lái Đò

Xưa, có một thiên sinh có việc phải sang sông. Ngồi trên đò, sư cũng hơi kinh ngạc vì nhan sắc dễ coi của cô gái miền quê.

Đến lúc lên đò, hành khách mỗi người phải trả một quan. Sư cũng định thế, không ngờ cô gái hóm hình bảo:

- Xin thầy trả cho tôi hai quan.

Sư còn đang ngạc nhiên thì cô gái đã tiếp:

- Một quan tiền đi đò và một quan cho về khoản nhìn người lái.

Vốn không ưa tranh cãi lời thôi, sư liền trả cô hai quan tiền nhưng trong bụng hơi tấm tức. Bận về sư cứ dí mũi xuống sàn thuyền không dám nhìn lên. Nào ngờ lần này cô lái bảo:

- Xin thầy cho em 5 quan.

Không nhận được nữa, nhà sư cãi:

- Nhưng tôi có nhìn cô đâu nào?

Cô gái cười mỉm:

- Đồng ý là thầy không nhìn tôi bằng mắt, nhưng thầy lại nhìn bằng tâm... Vì thế mà tôi tăng giá gấp đôi lên cơ chứ!

PC: Nếu mỗi móng tâm động niệm của chúng ta đều phải trả tiền kiểu này thì có lẽ chỉ còn nước đi ở đợ mới thanh toán nổi!

---o0o---

Kiểm Khách Lùng Danh

Xưa, có một chàng trai, con của một kiếm sư lùng danh. Dưới sự đào tạo của ông cha vô số kiếm khách đại tài xuất hiện. Nhưng điều lạ lùng là

kiếm sư từ chối không truyền nghề cho con. Điều này khiến chàng trai rất buồn và cảm thấy lòng tự ái bị tổn thương.

Một hôm chàng bỏ nhà ra đi, tìm một kiếm sư lừng danh khác xin thọ giáo. Kiếm sư này lại từ chối y hệt như ông thân sinh của chàng:

- Chú không đủ tiêu chuẩn để học nghệ thuật này đâu!

Chàng trai đau khổ khăn khoản:

- Kính bạch tôn sư... nhưng nếu con cố gắng chuyên cần nhất mực, thì sẽ mất bao nhiêu lâu mới đủ tiêu chuẩn để thành một kiếm khách?

- Cả cuộc đời còn lại của chú.

- Nhưng bạch tôn sư... con không chờ đợi lâu như vậy... con còn cho mẹ già phải phụng dưỡng. Con sẽ hiến thân làm một người giúp việc cho tôn sư và con không từ nan bất cứ một việc khó khăn nào... thì con phải mất bao lâu mới thành tài?

- Có lẽ khoảng 10 năm...

- Bạch tôn sư... thời gian ấy vẫn quá dài đối với con... Nếu chuyên cần hơn nữa, thì phải mất bao nhiêu lâu?

- Có lẽ... 30 năm.

- Bạch tôn sư! Người muốn đùa con chăng? Sao trước Ngài bảo con 10 năm, bây giờ lại tăng lên 30 năm? Con tha thiết học và sẽ không từ nan bất cứ trở ngại nào... Con xin tôn sư chiếu cố đến tấm chân tình của con... tha bớt thời gian lại.

- Thôi được! Mi nóng nảy, bộp chộp quá. Ta giảm xuống 3 năm... Mi phải ở đây tối thiểu là 7 năm.

Chàng trai chợt hiểu ra khuyết điểm của mình là thiếu kiên nhẫn. Chàng vội vã kêu lên:

- Con đội ơn tôn sư vô cùng...

Từ đó chàng trai ở lại bên thầy, tận tụy lo cơm nước, rửa chén, quét nhà, làm vườn, đi chợ v.v...

Ba năm cực khổ trôi qua, kiếm sư vẫn chưa truyền cho chàng một bí quyết nào và chàng cũng không được sờ đến thanh kiếm. Một hôm, đang nấu cơm, thỉnh linh chàng bị vị kiếm sư rón rén đến sau lưng và tặng cho một nhát kiếm gỗ vào mạng sườn đau điếng. Và từ đó lúc nào chàng cũng lưu ý đề phòng những cú đánh lén của thầy... dù là đang gánh nước, bửa củi, cuốc đất hay ngủ nghỉ. Chẳng bao lâu chàng trai trở thành một tay kiếm lừng danh, tên chàng là Matajuro.

PC: Nghệ thuật học thiền cũng học y như vậy đó. Người thiền sinh cũng phải làm những chuyện xem ra chẳng dính dáng gì đến thiền hết như nấu cơm, cuốc ruộng, trồng rau, tĩa lúa chẳng hạn...

Và cuộc đời là một ông thầy vô cùng tận tâm lúc nào cũng sẵn sàng đâm lén chúng ta bằng những thanh (kiếm gỗ) bát phong trí mạng. Hỡi ơi! Kiếm gỗ còn có thể đón được chứ bát phong thì dễ có mấy ai?

Ông Phật Mũi Đen

Xưa, có một sư cô trên đường tìm giác ngộ sư cô có một tượng Phật bằng vàng y rất quý... đi đâu cũng mang theo bên mình, và đốt hương cúng hoa mỗi ngày.

Một hôm trên đường hành cước, sư phải tá túc chung với một hội chúng đông đảo. Và ông Phật vàng cũng phải ở chung với một đại chúng Phật đá, Phật đồng v.v...

Sư cô chỉ muốn xông hương trầm cho một mình ông Phật vàng thôi. Sau nhiều đêm suy nghĩ sư tìm ra một cách khiến hương trầm chỉ bay thẳng vào mũi ông Phật vàng, các ông Phật khác khó mà ngửi ké được.

Nửa tháng trôi qua... chiếc mũi được xông trầm hương của ông Phật vàng bỗng đen thui thúi!

PC: Được chúng sanh ái mộ chưa chắc là điều dễ thờ...!

---o0o---

Sư Đệ

Thiền sư Bankei có rất nhiều đệ tử doanh vậ để học pháp. Trong số đó có một chú đệ tử nhỏ thường hay ăn cắp vặt và đã bị bắt quả tang nhiều lần.

Thấy thiền sư cứ bỏ qua không đá động gì đến tội phạm, các sư huynh của chú tiểu phạm tội liền họp nhau làm một tờ đơn thỉnh nguyện, dâng lên sư phụ, dọa rằng họ sẽ bỏ ra đi tất cả nếu thiền sư còn làm ngơ không xử tội tên ăn cắp.

Đọc xong tờ khiếu nại, thiền sư bèn họp chúng tuyên bố:

- Tốt lắm, cứ theo tờ thỉnh nguyện thư này thì các con đều là những người thông minh phân biệt rành rẽ về thiện và ác... các con có thể đi bất cứ nơi nào cũng xuôi chèo mát mái cả... Và thầy cũng không có gì để lo ngại. Duy có thằng đệ tử đáng thương này là chưa biệ rõ tà chánh... Thầy có bốn phậ phải dạy dỗ nó. Các con cứ lên đường, nó phải ở lại đây với thầy. Chú tiểu ăn cắp òa lên khóc... Và từ đó chú không bao giờ tái phạm lỗi cũ. Tất cả môn đồ đều xin ở lại, và họ sống bên thiền sư cho đến ngày khi người viên tịch.

PC: Tìm được một bậc thầy như thiền sư Bankei không phải là chuyện khó. Khó nhất là tìm người đệ tử biết hỏi cái như chú tiểu trên đây.

---o0o---

Thiền Trong Mọi Phút

Teno là một thiền sư vừa hạ sơn, sau 10 năm khổ luyện công phu, sư đến yết kiến thiền sư Nanin, một đại thiền sư nổi danh thời ấy.

Vừa gặp mặt Nanin đã hỏi:

- Lúc nãy nhà thầy bỏ chiếc dù bên phải hay bên trái đôi guốc trước khi vào thiền thất của ta?

Teno bối rối thú nhận rằng đã không nhớ rõ và đành ở lại xin thụ giáo với sư Nanin. Một lần khác Nanin lại hỏi:

- Khi nãy thầy bỏ dép trước khi vào thất thầy đã bỏ dép ở chân nào trước?

Teno cũng không thể trả lời được. Nhiều năm trôi qua Nanin vẫn không dạy dỗ gì thêm ngoài chuyện dù dếp. Cho đến một hôm tự thấy mình đã hoàn toàn hành thiền được trong bốn oai nghi. Teno đến từ già thầy ra đi. Nhưng lại thêm một lần rủi ro nữa. Thầy mở cửa hơi mạnh tay khiến nó vang lên một tiếng động nhỏ... điều này chứng tỏ thầy đã dụng một sức lực quá mức cần thiết... Teno lại phải ở bên thầy thêm vài năm để học về cách đóng cửa... Và sau 6 năm ở với Nanin, sư trở thành một thiền sư lừng danh của nước Nhật.

PC: Rốt cuộc cũng chỉ là chuyện dù với dếp, tay với chân... Sao không là chuyện có chút gì là cao siêu huyền bí hết? Vậy mà Teno đã dám bỏ ra 6 năm dài để học những chuyện vật vãnh ấy. Muốn bắt chước Teno còn khó hơn là bắt chước Tây Thi nhả mặt nữa... Hỡi ai! Những điều mà chúng ta bỏ qua và khinh thường luôn luôn là những điều cổ nhân lưu ý nhất.

---o0o---

Ryonen

Ryonen là một thiếu nữ xuất thân từ một gia đình vương giả. Nàng được gia đình cho phép xuất gia vào năm 25 tuổi và hãy còn rất đẹp.

Sắc đẹp của Ryonen gây ra nhiều rắc rối không một thiền sư nào dám nhận nàng vào tu viện vì một lý do duy nhất là dung nhan của Ryonen sẽ gây xáo trộn cho đời chúng họ.

Ryonen liền lấy cái bàn ủi nóng xóa đi cái chương ngại cuối cùng ấy. Nàng đã viết lên tấm gương soi những dòng chữ đánh dấu sự thành công của mình:

“Ngày xưa ta đốt hương trầm
Ướt xông những chiếc quần hồng áo sa
Muốn làm khát sĩ ta bà
Chính tay ta đốt mặt hoa của mình.”

Về sau, Ryonen trở thành một thiền sư đặc đạo.

Sư tịch vào năm 66 tuổi.

PC: Có vô số thiền sư ni, khỏi đốt mặt cũng không gây rắc rối cho ai ngoài chính mình.

---o0o---

Dòng Suối Trường Xuân

Xưa, có hai vợ chồng già yếu, hiền lương nhưng không có con cháu cấp dưỡng nên vẫn phải làm việc lam lũ.

Một hôm sau khi cuốc đất ông cụ than thở:

- Ước chi mình được khoẻ mạnh như thời trai tráng thì dù có vất vả mấy cũng không ngại... đàng này...

Nghe lời cụ than thở, bụt hiện ra bảo:

- Ta có thể giúp con thực hiện lời mong ước giản dị đó. Cách đây 5 dặm về hướng Đông, có một dòng suối nhỏ. Ngày mai con xuống đó tắm sẽ cải lão hoàn đồng trở lại.. như ý con muốn.

Ông cụ mừng rỡ ra về, giữ kín chuyện và sáng hôm sau tất tả đi tìm dòng suối màu nhiệm nọ. Quả nhiên là kỳ diệu. Vừa ngâm mình vào làn nước, cụ đã cảm thấy trong người dâng lên một sức sống kỳ diệu... Cụ thấy số tuổi mình giảm dần... từ 60 xuống đến 50 rồi 40... 30 cho đến lúc vừa trở thành một thanh niên 25 tuổi thì cụ già... (í quên)... chàng thanh niên chứ, bước lên bờ tự nhũ:

- Bây giờ mình đã đủ sức cầm một chiếc rìu rồi... phải về nhà báo tin cho bà nó mới được.

Lại đến lượt cụ bà tất tả chống gậy ra đi... giòng suối vẫn còn đó và sự màu nhiệm lại tái diễn...

Từ số 70, bà cụ dần dần thực lui đến 60, 50, 40, 30 rồi 25. Đáng lẽ phải bước ngay lên bờ như lời đấng phu quân căn dặn.. bà cụ... (í quên)... cô nàng lại ngẫm nghĩ:

- Dễ gì dịp may trở lại hai lần... mình là đàn bà thế nào cũng mau già hơn đàn ông... phải tắm thêm chút nữa đã. Dòng suối vẫn còn màu nhiệm một cách vô hình, người thiếu phụ bước sang tuổi 20, rồi 19, 18, 17...

Buổi chiều chàng trai đợi mãi không thấy vợ về... nóng ruột... đi tìm, đến bờ suối chàng gặp phải một bé gái... và chỉ còn biết thở dài bế nó về nhà.

PC: Lo ra, lo xa và nhanh nhẩu đoán là một trong những sở trường của phe ta ấy mà!

---o0o---

Ảo Ảnh

Thuở xưa có một vị hoàng tử chào đời trong niềm vui mừng của nhà vua, hoàng hậu và thần dân cả nước. Nhưng không may cho cậu bé, hoàng hậu mất đi rất sớm, bà mẹ kế muốn dành ngai vàng cho con trai mình nên âm mưu cho bộ hạ mang hoàng tử vào rừng giết đi.

Vị thái giám mang chú bé vào rừng nhưng không nỡ xuống tay, đành giao đứa bé ngây thơ lại cho một bọn thợ săn sống nơi triền núi. Chú bé lớn lên vô tư như một cây xanh dưới nắng và gió... hoàn toàn không hay biết gì đến nguồn gốc vương giả của mình.

Thời gian trôi qua, chẳng bao lâu chú bé trở thành một thanh niên cường tráng... Chàng trai vẫn vô tư sống giữa đoàn thợ săn như một cội tùng non xanh tâm tư hoàn toàn thoải mái như thú rừng. Chàng không hề biết đến những ai khổ lụy của những con người phố thị. Cho đến một hôm người trưởng đoàn thợ săn cho phép chàng theo ông ta xuống núi.

Những bước chân vô tư của chàng hoàng tử có cội nguồn vương giả này thản nhiên đặt chân trên những nẻo đường của đế đô nơi mà trước kia dân chúng đã đặt hương án chào mừng ngày sinh của chàng.

Chàng trai vô cùng kinh ngạc về sự xa xỉ của dân phố thị, chàng không hiểu tại sao thế nhân lại có thể chìm đắm cười khóc theo những trò đời, mà theo chàng nhận xét có vẻ ấu trĩ và điên rồ khôn tả.

Sau hai tháng rong chơi ở thành phố, thấy mãi mãi những màu sắc vinh hoa phú quý của trần đời, chàng theo người trưởng đoàn trở về, lòng không vương một hạt bụi nhỏ, rừng núi gió trăng và kiếp sống hạc nội mây ngàn tưởng chừng là một thế giới riêng biệt thân yêu nhất của chàng. Trên đường về hai thầy trò dừng chân bên một bờ suối vốc nước uống... khi bắt chột ngẩng mặt lên chàng trai trẻ sững sờ kinh ngạc, chưa bao giờ chàng trông thấy một thiếu nữ quyến rũ như thế. Trong khoảnh khắc, núi rừng trở nên

âm u tế nhạc... một cái gì chợt thức dậy trong lòng chàng... một sức sống mãnh liệt bùng dậy khắp mọi nơi, chàng trai tưởng chừng như mình mới mở mắt lần đầu tiên... dường như chàng mới thức dậy sau giấc ngủ nghìn năm mê mệt... Trời xanh hơn, mây trắng bồng bênh, cây cỏ lá hoa đều đậm đà màu sắc một cách kỳ diệu. Thần ái tình đã bắn mũi tên định mạng. Người trưởng đoàn đã thấy niềm xao xuyến của chàng tuổi trẻ... Ông bồi hồi nhớ lại thời thanh xuân của mình và bất giác rung mình, cánh chim đại bàng vương giả sắp đến ngày ra ràng... những hốc đá hoang vu của ông không đủ rộng cho đại bàng giăng cánh, ông chỉ thấy lòng đau xót lẫn đắng cay. Có phải đây là đoạn đường mà ai cũng phải một lần hăm hở bước qua? Và mấy ai qua đó mà không thân bại danh liệt, nước mắt tràn mặt mày?

Vì thế khi chàng trai trẻ lúng túng ngỡ ý xin rời đoàn ít lâu, ông chỉ im lặng nhìn chàng... Và sau cái nhìn lặng lẽ của ông, con chim đại bàng liền tung cánh.

Người thiếu nữ đã đánh thức giấc ngủ bình an của chàng thanh niên quả là một nhan sắc hiếm có, và cũng giống hết như bao nhiêu mỹ nhân khác nàng rất tự kiêu về mình. Chàng trai đã bao lần quỳ gối trước mặt nàng xin suốt đời làm kẻ nô lệ nhưng nàng vẫn lạnh lùng. Song thân cô gái khám phá ra nơi kẻ si tình có một sức mạnh vô địch và họ không bỏ qua điều đó. Để lấy lòng ông bà nhạc tương lai và nhất là người đẹp, chàng trẻ tuổi đã làm quần quật suốt ngày, phá rừng vỡ núi... chàng không từ nan một trở ngại nào miễn sao được thấy mặt nàng là đủ... Chàng cũng mơ hồ cảm thấy mình đã đặt mối đam mê vào một khoảng trống... nhưng hết như tất cả kẻ si tình khờ dại khác, chàng trai mới lớn này đã hăng say lao đầu vào bể khổ với tất cả sự vụng dại lẫn thật thà. Niềm hy vọng của chàng sống leo lét cho đến một ngày kia nhà vua mở cuộc đi săn... qua vùng đất Hứa và như một định luật thiên nhiên, cô gái đẹp nhất vùng đã tìm đến đấng quân vương trẻ tuổi.

Mọi người đã không khám phá ra tài thiện xạ của chàng trai miền núi... mãi đến khi nhà vua trẻ tuổi của họ ngã gục dưới mũi tên của kẻ tình địch thì chàng trai đã nhanh chân chạy mất, lẹ như một con cheo. Chàng chạy trốn như một tên điên, toàn thân ướt đầm mồ hôi và vết cào xước của cây rừng... cho đến lúc kiệt sức, ngã gục bên bờ suối, chàng mới chợt thấy mình đang ở bước đường cùng... Cuộc đời chàng há không đã chấm dứt rồi sao? Hình bóng mỹ nhân như một mũi tên cắm sâu vào lòng ngực. Đó là một nỗi niềm đau nhức mới lạ và khó chịu... số ngôn từ ít ỏi và chất phác của chàng không đủ để diễn tả nỗi u uất sâu khổ, chàng chỉ có cảm giác như một con thú rừng bị trúng tên độc và đang thoi thóp thở những hơi cuối cùng... Chưa đến một

năm mà chàng đã đi đến cuối đoạn đường, chàng trai trẻ hồn nhiên vô tư của rừng núi đã ngã gục bên kia bờ suối... Con đại bàng vương giả vừa giăng cánh đã gục chết trên cây.

Khi chàng trai tỉnh dậy chàng không biết mình ở đâu, mê hay tỉnh. Chàng đang nằm trên một đệm rơm, và bên bực đá là một vị sư đang ngồi tĩnh tọa. Gương mặt của người dường như phảng phất một nụ cười. Đôi mày của nhà sư bạc trắng như một cách hạc nhưng màu da lại hồng hào. Khuôn mặt ấy có một cái gì vừa hồn nhiên vừa ngây thơ như trẻ nít. Chàng đưa mắt quan sát vẻ đơn sơ của một nơi ẩn dật và bắt gặp một củ khoai nấu chín còn âm ấm, nằm trong tầm tay với của mình.

Mãi đến chiều hôm sau nhà sư mới xuất định. Người nhìn chàng trẻ tuổi với ánh mắt của một người thân, chàng trai đọc được niềm thương hại lẫn chế nhạo trong nụ cười của nhà tu. Chàng kính cẩn dâng nước cho ông như một chú tiểu sơ cơ vào đạo. Hai thầy trò không nói với nhau một lời. Trò không dám mở miệng trước và thầy sau khi uống một ngụm nước đã đi nhập định trở lại.

Nhìn gương mặt bình an của nhà tu, chàng trai thấy dường như nỗi thống khổ cay đắng của mình chỉ là một trò chơi trẻ dại. Chàng nhớ lại những ngày thơ ấu cùng bọn mục tử chơi đùa, trò chơi thường kết thúc bằng tiếng cãi vã, gậy gỗ, lắm khi lại đem đến những màn ấu đả phải nhờ đến sự can thiệp của người lớn mới chấm dứt được.

Thuở ấy chàng đã nhiều lần tự hỏi không hiểu tại sao mình đã để những quy luật ăn thua giả tạo của trò chơi gây buồn phiền uất hận. Khi từ già đoàn mục tử để đeo đuổi mỹ nhân, chàng há đã không hăng say lao đầu vào một cuộc chơi mới đó sao? Trò chơi vẫn chưa kết thúc... Và chàng thì đã mất hết sức sống.

Thế giới của nhà tu bình an như một mặt nước, có phải nhờ họ bỏ cuộc chơi hay đã nắm vững trò đùa không bị nao núng bởi những qui ước giả tạo của thế gian?

Bây ngày trôi qua, nhà sư ngoài những lời tĩnh tọa vẫn im lặng như một tảng đá. Chàng trẻ tuổi không thể nào chịu nổi nữa... Một hôm chờ lúc nhà tu vừa xả thiền, chàng tấn công ngay, bằng cách kể lại câu chuyện mình cùng những nỗi u uất, chán chường đang rút mòn sinh khí của chàng. Nhà sư im lặng lắng nghe và khi chàng trai đòi hỏi một câu nói, sư chỉ thốt lên hai tiếng “ảo ảnh”. Chàng trai thất vọng nhiều hơn là tức giận. Chàng

những tường đã tìm đâu đó một lối thoát qua phong cách thoát tục của nhà tu, nào ngờ sư chỉ buông hai tiếng nhẹ như một làn gió. Chàng gần giọng:

- Sao có thể là huyền hóa được?

Nhà sư bật cười, với tay lấy bình nước trao cho chàng trẻ tuổi:

- Ta khát quá, không thể nói nhiều được, con cho ta một ít nước suối mát.

Chàng trai ôm bình ra suối múc nước. Đến lúc ngẩng mặt lên, ô kìa! Chàng có mơ chăng? Mỹ nhân đang đứng ở bên kia, mắt đảo đảo như muốn tìm ai. Nhác trong thấy chàng, nàng đã nhanh như một con sóc, chạy đến quỳ ôm hôn chàng khóc tức tưởi...

Chàng trai mềm lòng... Chàng còn được biết thêm rằng sau khi nhà vua băng hà, quan thái giám tiết lộ tông tích của chàng và quần thần đang chờ tôn chàng lên ngôi cửu ngũ.

Và hết như một chuyện đời xưa, chàng trai được rước về lên ngôi vua, mỹ nhân làm hoàng hậu. Họ sinh ra những đứa con khéo khinh và đẹp như tiên đồng ngọc nữ. Mười lăm năm trôi qua. Sau một trận chiến bại, đức vua bị quân giặc bắt giam vào ngục đá với bà hoàng gào khóc phát điên và bảy con chết nằm la liệt chung quanh...

Nhà vua thấy tim mình như vỡ ra từng mảnh... những sợi dây mắt xích, bà vợ điên, đám con chết nằm doanh vây, tất cả đè nặng lên con tim già nua của ông.

Ngay lúc đó ông bỗng nghe tiếng nói nhẹ nhàng của thiền sư:

- Chỉ múc có một bình nước mà đã nửa giờ hơn... sao lâu vậy chú?

Chàng trai mở bừng mắt, chàng thấy mình còn đang đứng bên bờ suối, tay ôm bình nước... và tóc hãy còn xanh.

Nhà tu mỉm cười:

- Ảo ảnh là thế đó chú ạ!

Từ đó chàng trai không bao giờ rời núi nên không ai biết chàng tịch lúc nào và ở đâu!

PC: Áo ảnh là như vậy đó em ơi!

---o0o---

Phần 3

Gương Mặt Hoa Mè

Thuở xưa, có một vị tiểu thư xinh đẹp, con quan tri huyện. Nhân một chuyến lễ chùa, nhan sắc mặn mà của nàng làm động tâm một nhà sư trẻ tuổi.

Vừa trông thấy cô gái, trống ngực sư đã nện inh ỏi. Sư kêu gọi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đến lúu cả lưỡi mà hình bóng của giai nhân cứ lảng vảng quanh sư. Nghĩ mình đã xuất gia đầu Phật, nhất định cắt đứt đường tơ mà nghiệp chướng tiền khiên quá sâu nặng. Sư đổi pháp môn tu, nhờ một chàng thư sinh có đôi tay tài hoa vẽ dùm hai bức tranh. Một là dung nhan chim sa cá lặn của giai nhân, còn bức kia thì tô lên mặt hoa những nỗi đau mùa để sư quán “bất tịnh.” Chàng thư sinh vui vẻ nhận lời trợ giúp cho nhà sư đáng thương tha thiết cầu đạo này. Để bức họa linh động chàng tìm cách gặp gỡ giai nhân. Ngờ đâu thần ái tình lại bắn luồng mũi tên còn lại, chàng đâm ra yêu thiếu nữ mê mết. Và sau khi hoàn thành hai bức tượng chàng nhờ nhà sư chúc phúc cho mình, chàng trở về cây người đánh tiếng xin cầu hôn người đẹp.

Sao bao nhiêu lễ lộc rắc rối, chàng thư sinh được giai nhân nhận lời. Hôn lễ được dự định cử hành vào mùa đông sắp tới... Mọi chuyện tưởng đâu sẽ xuôi chèo mát mái thì thành linh có dịch đậu mùa bò đến.

Giai nhân vì chưa quá tuổi vị thành niên nên đã vướng phải bệnh này và gương mặt đẹp như ngọc của nàng bỗng trở nên giống hệt bức tranh thứ nhì mà nhà sư đang quán tưởng.

Nghĩ rằng dung nhan của vợ mình từ đây sẽ không gây rắc rối cho ai, nhất là chư sư, nên sau tuần trăng mật chàng đưa vợ đến lễ chùa và luôn tiện thăm nhà sư si tình đạo nọ.

Nhác trông thấy “người xưa” nhà sư sững người kinh ngạc và sau đó sư vui mừng khôn tả.

Đêm hôm ấy nhà sư lúi húi dựng một giàn hỏa và viết một phong thư gửi lại cho Hòa thượng trụ trì, báo tin rằng sư đã đắc đạo nhờ phép quán bất tịnh, rằng mỗi tình si, sự vô minh của sư đã được giải tỏa... bằng cơ là khi chạm mặt giai nhân, sư chỉ thấy dung nhan của nàng qua bức tranh mặt rỗ của sư... Và đó là một bằng chứng hiển nhiên để sư tin rằng khi bước lên giàn hỏa, sư sẽ vào Niết bàn lập tức. Bức thư được gửi đi trước khi giàn hỏa được nhen lên, nên sau đó, Hòa thượng trụ trì bắt sư khuôn hết số củi dựng giàn hỏa vào nhà trù rồi sắm hành lý cho sư lên đường tham học.

PC: Đây là một trong những trục trặc khi dùng lối quán chiếu, đối trị... của chúng sanh. Có lẽ vì thế mà chư vị Tổ sư của dòng thiền đốn ngộ không bằng lòng cho đệ tử dùng lối này tu tập. Khi gặp trường hợp bị một “cú đờ fút” như nhà sư trên đây, các ngài thường xúi đệ tử có thương yêu gì thì cứ bắc ghế ngồi chò hờ trước mặt đối tượng của mình, dòm cho kỹ xem họ là ai? Mình là ai? Và ai yêu ai đây? Khám phá cho ra cái “ai” đó là xong chuyện... Vì sự đắc đạo không tùy thuộc vào cái mặt đẹp hay xấu của “người bị thương” và thông thường đối tượng đam mê của chúng ta có thể thay đổi từ một cái mặt miêng bầu sang gương mặt trái soan, chiếc mũi dọc dừa sang bệ dừa, nhưng cái mãnh lực đam mê đó mới là vấn đề chính yếu, là cái mà chúng ta cần thấu đáo rõ ràng chớ không thể gác qua một bên, tìm cách quan sát một cách méo mó như nhà sư trên đây.

Con Cọp Dễ Thương

Xưa, có một thiền sư sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc nọ. Trong một dịp tình cờ sư nhặt được một chú bé bị bỏ rơi, đem về hang núi nuôi dưỡng.

Chú bé lớn lên dưới sự chăm sóc của nhà sư giàu lòng bi mẫn, giữa những động đá thâm u, dưới các cội tùng xanh lá. Tâm tình chú cũng đơn sơ và bình yên như con nước trong chảy róc rách qua các hòn cuội trắng. Ngoài vị sư phụ ra chú không hề thấy một nhân vật vào khác. Bạn bè thân thuộc của chú là những thú rừng hiền lành thường doanh vây quần quít chung quanh chú như hươu, nai, khỉ, vượn...

Chú tiểu lớn lên giữa khung trời bao la của thiên nhiên... Và mãi đến lúc trưởng thành chú vẫn có màu mắt trong xanh như trẻ thơ, chú chưa từng biết buồn lo là gì cả!

Giang sơn của chú chỉ có một nhân vật đáng đề phòng là con cọp chúa, thỉnh thoảng mò ra ven suối uống nước ngắm trăng và kêu “cà um” inh ỏi. Mỗi lần vị chúa rừng này về chú thường theo lệnh thầy, rút lên cội cây cao cho an toàn... Và theo óc tưởng tượng của chú, cọp là một con thú có bộ dáng dữ dằn ghê lắm. Nhưng chú chưa từng giáp mặt nó lần nào, nên rừng núi còn là một tổ ấm an lành, hồn nhiên che chở cho chàng trai mới lớn.

Cho đến một hôm, vị thiền sư được tin người bạn cố tri của mình lâm bệnh nặng. Sư liền quảy túi hạ sơn và chú tiểu cũng được dịp theo thầy xuống núi để học khôn luôn thể. Những trần cảnh xô xao đa diện của thế nhân kêu gọi óc hiếu kỳ của chàng trai hơn là ham muốn. Chàng bỡ ngỡ nhìn ngắm và lắng nghe tất cả với một thái độ lạnh nhạt của người ngoài cuộc. Dòng đời vẫn miên man trôi trãi và chàng đã nhìn nó với cặp mắt xanh xao của tuổi thơ. Tất cả đều có vẻ lạ lùng đến buồn cười. Và trên đường trở về hai thầy trò tình cờ gặp một thiếu nữ bán lụa... Chàng trai kinh ngạc say sưa nhìn gương mặt của người khác phái mà lần đầu tiên chàng thấy có một sự thu hút kỳ lạ... Thấy vẻ sùng sờ của đệ tử nhà tu vội vàng nắm tay chàng rào bước, chàng trai bỡ ngỡ hỏi thầy:

-Bạch tôn sư! Đây là con gì vậy?

Nhà sư buông thông:

-Con cọp đó, đi lẹ lên kéo mắt mạng bây giờ.

Hai thầy trò trở về sơn động... Vị sư để ý thấy sau chuyến viễn du, người đệ tử của mình đâm ra thờ thần, bỏ ăn, bỏ ngủ... Và có một cái gì thay đổi trong tâm tư chàng trẻ tuổi... Và một hôm, sau cơn đần vật tột độ, chàng tìm đến thầy thú thật:

-Bạch tôn sư! Sao mà con nhớ con cọp... hôm ấy quá... con có cảm tưởng rằng... thà rằng... con tìm đến gặp nó cho nó nhai xương con cho rồi. Tán thân mất mạng về tay con cọp dễ thương ấy còn dễ chịu hơn là ở đây mà vắng vặc nhớ thương nó... từ hai mươi năm qua, chưa bao giờ con nếm phải một sự đau đớn kịch liệt như thế này. Con phải làm sao đây?

PC: Trong cuộc đời các nhà tu trẻ tuổi ít ra cũng phải có một lần chúng ta đòi nạp mạng cho một con cọp nhai xương như thế này (ngoại trừ các bậc thánh và những nhà tu bằng ciment hay nylon). Phải làm sao đây, thưa chư hiền hữu?

---o0o---

Tôn Giả Nan Đà

Tôn giả Nan Đà là người em trai đồng cha khác mẹ với đức Phật. Tôn giả xuất gia ngay trong ngày hôn lễ, trong một phút bốc đồng hơn là phát tâm cầu đạo... Vì thế chỉ được vài hôm tôn giả cảm thấy nhớ nhung khôn tả nếp sống vương giả nhất là vị tân nương mới cưới... Tôn giả nhất định hoàn tục nên tìm đến đức Thế Tôn ngỏ ý:

-Bạch Thế Tôn! Con không thể nào tiếp tục đời sống xuất gia trong sạch như vỏ ốc được. Bất cứ lúc nào và ở đâu con cũng nhớ đến hình bóng diễm lệ của tân nương. Con còn nhớ rõ lúc con theo Thế Tôn ra khỏi kinh thành, nàng hồi hải chạy theo tóc chải được một nửa, lệ tuôn đầy má gọi thất thanh:

-Hỡi hoàng tử yêu quý! Mau về với em không có chàng thì em chết mất... Con lo ngại cho nàng quá!

Để khuyến khích người em trẻ tuổi, đức Phật bèn dùng thần thông cho Nan Đà được trông thấy hình bóng của một số cô tiên trên cung trời Đâu Suất. Sau đó Ngài hỏi sư:

-Này Nan Đà, những tiên nữ này có đẹp bằng tân nương không?

Tôn giả bối rối:

-Bạch Thế Tôn! Tân nương Kalyani của con tuy là hoa hậu thành Ca Tỳ La nhưng so với các tiên nữ trên nàng vẫn kém xa.

-Vậy thì, này Nan Đà! Nếu em cố gắng tu hành không đòi hoàn tục nữa... thì khi nào đắc đạo, Như Lai hứa sẽ đền bù cho em 500 tiên nữ xinh đẹp như thế, còn tân nương em đừng lo lắng gì cho nàng ta hết, phụ hoàng và đình thần sắp xếp cho nàng tìm chỗ trao thân gởi phận xứng đáng cả rồi.

-Bạch Thế Tôn, con rất an tâm khi được chuẩn hứa như thế... con sẽ ở lại tu tập để được 500 tiên nữ không đòi về hoàng cung nữa.

Và tôn giả Nan Đà ở lại tinh cần tu tập, không bao lâu, Ngài đắc quả A La Hán.

Khi về gặp đức đạo sư để báo cáo thành quả tốt đẹp của mình, tôn giả cung kính thưa:

-Bạch Thế Tôn, xin Ngài hủy bỏ lời hứa sẽ đền cho con 500 tiên nữ.-
Lành thay! Lành thay! Nan Đà, Như Lai rất hoan hỷ khi hủy bỏ một lời hứa như thế.

Trưởng lão kệ còn ghi lại bài thơ của tôn giả, sau khi đắc đạo như sau:

“Có một thưở nào
Vừa dễ duôi vừa nông cạn
Tâm trí của ta
Chỉ chăm chú lòng can đảm được biểu hiện bên ngoài
Ta thật nhẹ dạ và nông nổi
Tất cả những tháng ngày đều bị tiêu phí.
Trong nhục dục phóng dăng và si tình
Nhưng
Nhờ lòng từ bi quảng đại
Cùng sự khôn khéo của đức Thế Tôn
Ta đã được dẫn dắt
Từ hoàng cung đến đời sống thanh cao này
Nhờ thế
Ta được thoát ra khỏi vòng sanh tử
Triền miên và chứng đạt Niết bàn.”

---o0o---

Mở Mắt Chiêm Bao

Thuở xưa, có một chú sa di tên là Tăng Hộ. Tăng Hộ xuất gia với vị thầy tế độ, một vị La Hán, nguyên là cậu ruột của chú.

Một hôm Tăng Hộ được thí chủ dâng cúng hai xấp vải thật đẹp, chú mừng lắm định về dâng lên thầy để tỏ lòng biết ơn và kính mộ của mình. Ngờ đâu khi mới mở lời, vị thầy tế độ của chú đã gạt đi:

-Thôi! Ta đã đủ ba y rồi, con hãy giữ lấy mà xài hoặc dâng cúng những vị nào còn thiếu. Chú Tăng Hộ năn nỉ đến ba lần nhưng thầy chú vẫn một mực từ chối. Tăng Hộ đâm ra buồn rầu, bực bội, vừa đứng quạt hậu cho thầy, chú vừa để dòng tư tưởng trôi lan man... mình tứ cố vô thân chẳng có ai để nương tựa... Chỉ có cậu mình là người thân nhất trên đời. Vậy mà cậu cũng không thương ta, vậy ta còn sống ở đây chỉ cho bận lòng ông. Ta đã

năn nỉ ông ba lần mà ông cứ lạnh lùng từ chối... Thôi, ta đi khuất mắt cho rồi... nhưng ta đi đâu bây giờ? Lấy gì mà sinh sống... À! Phải rồi! Mình sẽ bán xấp vải lấy tiền mua một con bê để nuôi, hằng ngày mình dắt bê đi ăn cỏ bên vệ đường vừa thanh thản, vừa ít tốn kém. Loài thú này sanh sản rất mau nên chừng vài năm là mình đã có một bầy gia súc. Mình sẽ bán bớt đi để tậu nhà cửa, ruộng đất, giường chõng... đồ đạc trong nhà cho khang trang và đến lúc trưởng thành mình sẽ cưới một cô vợ. Khi đưa con đầu lòng chào đời, mình sẽ bế nó đến quy y với cậu mình... Ô! Thăng bé mới kháu khỉnh làm sao... Đường xa trời nắng ngó mụ vợ đã mỏi tay, ta bảo:

-Đưa thăng cu anh bế cho, nhưng nó không nghe cứ dành ẵm trên tay... bắt chợt... mụ vợ vấp một rễ cây, thăng bé rớt xuống đất... giận quá, ta với lấy một cành cây, gõ cho mụ vợ một cái nên thân:

-Đã bảo đưa ta bế mà cứ không nghe... cái thứ đàn bà hư... chỉ biết có cãi lời.

Dòng tư tưởng của chú sa di còn đang tiếp tục trôi chảy như thế thì bỗng nhiên chú nghe tiếng nói điềm đạm của thầy chú, vị La Hán, cất lên:

-Này chú! Chú đánh không trúng cái mụ vợ hư thân ấy đâu mà lại trúng ngay cái đầu trọc của ta kêu cái “tróc” đây này!

Tăng Hộ bừng tỉnh cơn mơ, chú hốt hoảng co giò chạy, vừa ngẫm nghĩ:

-Chết rồi... Ta nghĩ trong bụng ông cũng biết hết tội... phải chạy cho lẹ mới được.

Thấy chú khi không bỏ chạy như ma đuổi, các bạn chú vội vã chạy theo bắt lại.

Đương sự được dẫn đến gặp đức Phật. Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, Ngài an ủi chú tiểu:

-Này chú, cái tâm của phàm phu thường hay lén lút đi chơi như thế, nó thường đi rất xa, vô hình, vô dạng... Người thiện trí nên khéo léo như gã mục đồng dùng dây xỏ mũi con trâu hoang, dẫn nó về chuồng cũ, chặn dất cho đến lúc nào buông lơi dây mà nó không lén đi rong nữa mới tạm yên.

Được lời dạy dỗ của đức Thế Tôn, chú Tăng Hộ bình tĩnh ở lại tu viện và tu cho đến ngày đắc quả A La Hán... tuy lâu lâu, chú vẫn bị lâm vào cảnh mở mắt chiêm bao, nhưng không khi nào chú trở cán quạt gõ vào đầu sư phụ như lần trước vì chú đã biết cách chặn trâu và cột trâu rồi.

Em thân mến!

Cái cảnh “nhắm mắt chiêm bao” thì bọn mình ai cũng biết rõ, nhưng cái cảnh “mở mắt chiêm bao” đây thì chúng ta ai cũng làm hết trội, cũng vì thế mà mỗi lần để giấc mơ dẫn đi xa, chúng ta thường khổ lắm lên đầu các tôn giả chung quanh mình kêu cái tróc và đổ thừa “tại người này làm tôi phiền não đây.” Vì vậy cách khôn nhất là tự mình tỉnh giấc chiêm bao ấy đi và coi chừng phải đứng cách xa những chúng sanh đang “mở mắt chiêm bao” một cách an toàn, kéo ăn phải cán quạt của họ đó nhen!

Loay hoay đã nửa kiếp người
Thu bay trên nửa nụ cười xanh xao
Rõ ràng mở mắt chiêm bao
Biết như mộng huyễn vẫn đau xé lòng
Ngửa tay có được gì không?
Họa chẳng mấy hạt bụi hồng phiêu linh
Dường như mình chẳng phải mình
Rừng thiêng đầy đọa dạng hình long đong.
Mây bay qua khu rừng đông
Người thông dong ngắm nắng hồng trên cây
Mây bay qua rừng tây
Rêu xanh in nửa dấu hài bỏ quên.

---o0o---

Cóc Và Rắn

Xưa, có hai vị sư cùng ở chung tại một thâm sơn cùng cốc nọ. Một vị siêng năng tu tập tọa thiền ngồi hoài không nằm... trong khi vị kia thì cứ ngủ li bì, nằm hoài không chịu tu hành gì ráo trội.

Ngày tháng dần qua, mỗi người đều tiếp tục công việc của mình, không ai dám đá động đến ai.

Cho đến một hôm, thấy bạn đồng hành của mình cứ ngủ mãi không chịu tụng kinh tọa thiền gì hết, vị sư tinh tấn chịu hết nổi, phải mở miệng

định nhắc bạn, nhưng sự nhớ đến qui luật tịnh khẩu của mình, sư bèn viết câu cảnh ngữ lên vách. Bốn câu ấy như thế này:

“Đời người quá ngắn
Sao cứ năm hoài
Kiếp sau thành rắn
Chớ bảo tại ai?”

Ông sư hay nằm, sau giấc ngủ no nê thức dậy, che miệng ngáp hồi lâu, sự thấy bài kệ trên liền đáp lễ:

“Ngồi hoài sanh nhọc
Có ích chi đâu
Kiếp sau thành cóc
Rầu ơi là rầu!”

Vị tọa thiền trông thấy bài kệ liền hoá thiên đại ngộ.

PC: Thử hỏi ông ngộ cái gì?

---o0o---

Trò Chơi Bất Đắc

Potthila là vị giáo thọ của một tăng đoàn ở tịnh xá Đại Lâm.

Sư tinh thâm tam tạng, uy nghi cốt cách sư phạm rất đường bệ... chỉ hiềm một điều là sư chưa chứng quả, dù sư đã được đức Phật cất đặt công việc trùng tuyên kinh luật cho một hội chúng tỳ kheo đông đảo.

Vì thế, mỗi lần sư Potthila đến hầu thăm Phật, đức Thế Tôn liền gọi một cách thân ái lẫn trêu chọc:

-À đây! Cái ông sư rỗng đã đến!

Và khi sư cáo từ, Ngài liền bảo đại chúng:

-Cái sư thầy rỗng đó đi rồi!

Những lời nói này lọt vào tai Potthila làm cho sư vô cùng đau xót. Biết đức từ phụ muốn khuyến khích mình, tôn giả Potthila lấy làm bối rối, không

biết làm cách nào để hạ thủ công phu sao cho thành một ông sư “đặc” hẳn hoi.

Cho đến một hôm lòng buồn tột độ, tôn giả bỏ hội chúng vào rừng, nhà sư đáng thương này đi hoài đi mãi cho thật xa cái nơi mà uy danh giáo thọ đã làm ngài cực lòng khôn tả đó. Và cuối cùng sư gặp phải 30 vị La Hán đang ẩn cư trong rừng, vốn là học trò cũ của sư.

Tôn giả Potthila đến đánh lễ với vị thủ tòa, khiêm tốn xin vị này chỉ cho cách hạ thủ công phu.

Vị thủ tòa mỉm cười:

-Ồ! Làm sao tôi dám làm điều đó bạch thượng tọa? Khi Ngài là vị giáo thọ của tôi.

Tôn giả bị đẩy xuống đệ nhị tòa cũng bị từ chối... cuối cùng tôn giả đến trước vị La Hán thứ 30, nhỏ tuổi nhất, mới lên 7, van nài một cách khẩn thiết:

-Bạch đại đức! Xin đại đức thương xót chỉ cho con cách “hạ thủ công phu.”

Vị La Hán trẻ tuổi im lặng tiếp tục vá áo. Tôn giả Potthila tiếp tục van nài một cách tuyệt vọng... đến nỗi vị thánh tăng tí ton này phải mở lời:

-Ồ! Thượng tọa, tuy Ngài nói thế nhưng tuổi tác và sở học của tôi kém Ngài rất xa... e rằng lời tôi hãy còn nhẹ lắm liệu Ngài có tin nổi hay không?

-Bạch đại đức! Lòng con tha thiết khẩn cầu mỗi lời chỉ bảo của đại đức là một lời vàng ngọc đối với con, thì dù đại đức bảo con nhảy vào lửa con cũng “y giáo phụng hành.”

-Thôi, đừng nhảy vào lửa mà toi mạng, đằng kia có cái hồ nước mát, thượng tọa thử nhảy xuống xem. Vị La Hán chưa dứt lời, tôn giả Potthila đã nhảy ùm xuống nước. Đợi tôn giả Potthila vừa ngoi đầu lên, vị La Hán trẻ đồng dục ra lệnh:

-Hãy leo lên đây!

Tôn giả Potthila lồm cồm bò lên, vị thánh tăng lại bảo:

-Nhảy xuống hồ mau!

-Leo lên đây!

Sau khi bắt tôn giả Potthila nhảy xuống leo lên hơn 3 lần như thế, vị thánh tăng mới đến ngòi kiết già trên một tảng đá, và tôn giả Potthila ướt như chuột lột, thành kính quỳ trước mặt La Hán giảng giải:

-Này Thượng tọa lúc còn sống đời tại gia ta thường chơi đá đé với bạn, thượng tọa có biết con đé không?

-Thưa biết ạ!

-Ồ, tốt lắm. Giả sử như có một cái hộp vuông chứa đầy đé. Nếu cái hộp ấy có 6 cửa ngõ, cửa nào cũng để hé ra hết, thì các chú đé sẽ thò râu hoặc chân tay ra ngoài các ngõ ấy. Có phải thế không nào?

-Thưa vâng!

-Và nếu cửa ngõ nào mở rộng thì có thể các chú đé sẽ chui ra mất theo các ngõ ấy... phải không?

-Thưa đúng như vậy.

-Bây giờ, muốn quan sát các chú đé ấy cho kỹ, chúng ta có thể bịt kín đi năm lỗ, chỉ chừa một cửa thôi... Và nhìn chăm chăm vào cửa ấy... Thượng tọa có theo kịp không?

-Thưa kịp ạ!

-Chỉ nhìn thôi chứ không thò tay chân vào trong hộp ấy nhé...

-Vâng!

-Nhìn thật rõ ràng, chăm chú vào các sinh hoạt của bầy đé trong hộp, ta sẽ biết rõ về chúng hơn, từng đũa một... đé than, đé lửa, đé com tất cả đều rõ ràng tách bạch... đấy nhé!

-Thưa vâng!

-Này Thượng tọa, các cửa của cái hộp đé ấy dụ cho 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ta... Những vọng tưởng lao xao và rộn ràng không

khác nào bày để kia. Muốn điều phục chúng không cách nào tốt hơn là ngồi yên lặng giảm bớt các hoạt động của ý thức... bình thần nhìn một cách rõ ràng chăm chú như đứa trẻ chơi để nhìn bày để lao xao trong hộp. Có thể nào Thượng tọa áp dụng trò chơi này một cách bình an, thoải mái, quan sát theo dõi những vọng niệm của mình mà không xen vào những ước muốn lấy bỏ, loại trừ... chẳng?

-Bạch đại đức, con đã hiểu rồi...

Và tôn giả Potthila, sau khi từ già 30 vị La Hán, đi tìm một trú xứ thích hợp để tọa thiền... Để khuyến khích sư, Đức Thế Tôn gửi đến một bài kệ:

“Tu thiền trí huệ sanh
Bỏ thiền trí huệ diệt
Biết con đường hai ngã
Đưa đến hữu, phi hữu
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí huệ tăng trưởng.”
(Pháp cú 282)

Chẳng bao lâu, tôn giả Potthila đắc quả A La Hán. Từ đạo đó Đức Phật không trừu ông là “ông sư rồng” nữa.

PC: Ngồi mãi chẳng nằm, điều này tuy khó nhưng chúng ta còn có thể thực hiện được... nhưng còn vụ “hoát nhiên đại ngộ” hay “chứng đạo” như vậy thì ... vô phương bắt chước rồi!

---o0o---

Khắc Châu Cầu Kiếm

Xưa, có một người có việc phải đi thuyền sang sông. Giữa đường anh làm rơi thanh kiếm quý xuống nước, vội vã anh đánh dấu nơi bệ thuyền. Người đồng hành ngạc nhiên hỏi:

-Anh đánh dấu nơi bệ thuyền chi vậy?

Anh chàng đáp:

-Tôi đánh rơi thanh kiếm quý ngay chỗ này nhưng chưa rảnh rồi để tìm được. Vì vậy tôi phải làm dấu nơi bẹ thuyền, để lúc trở về sẽ tìm lại nó dễ dàng hơn.

Mọi người nghe nói đều mỉm cười.

Em thân mến!

Chúng ta đã hiện diện trên cõi đời này như anh chàng dong thuyền sang sông nọ. Mỗi lần làm lỗi nhất là những lỗi lớn, em thường xuýt xoa đau xót, xoay qua tự hành hạ lấy mình: cắt máu viết lời thề hoặc lấy hương đốt thân chẳng hạn.

Dòng đời luôn luôn trôi chảy, những gì đã qua rồi không bao giờ trở lại... Và trên cái dòng sông miên man bất tận đó, ta phải luôn luôn giáp mặt với những hoàn cảnh mới mẻ hơn, sống động hơn... có thể nào đem những tâm thức cũ để áp dụng cho một hoàn cảnh mới hay không? Người bạn ngày hôm qua mà ta gặp gỡ chuyện trò thân mật lưu luyến đó... ngày hôm nay gặp lại đã mang một tâm thức mới mất rồi. Vậy mà ta vẫn mang hình bóng cũ phủ lấp con người hiện thực và bao nhiêu tầng ái khổ sâu đều bắt nguồn từ nơi mê lầm này chăng?

Em đã mỉm cười khi nghe chuyện anh chàng khắc chu cầu kiếm... còn đối với chuyện khắc thân thể mình để... cầu giải thoát khỏi một lỗi lầm của quá khứ thì em tính sao đây?

“Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến đừng lo
Việc hiện tại chớ đem lòng vọng tưởng.”

---o0o---

Người Hóa Xà Niêng

Thuở xưa có một chàng trai dũng cảm, sống tại một bản làng hiền hòa... Tuy mới lớn lên nhưng đã từ lâu chàng là chỗ nương tựa của cha mẹ, các em cũng như những thân quyến gần xa. Cha chàng hài lòng về những đức tính quả cảm cương quyết không lùi bước trước một trở lực nào của chàng. Bà mẹ thường nhìn những bắp thịt rắn chắc của con bằng tấm lòng từ ái pha lẫn niềm tự hào. Chàng trai đã sinh ra và lớn lên giữa ruộng lúa nương khoai trong tình yêu của cha mẹ, sự tin cậy của đàn em cùng những bạn bè đồng trang lứa trong thôn làng.

Ngày tháng êm đềm trôi qua như dòng sông nhịp nước hiền hòa vẫn đều đặn lên xuống nuôi sống đồng lúa và những người dân quê an phận chất phác. Cho đến một hôm khi nhìn những tia nắng rực rỡ bốc lên từ rặng núi xa xa... những đọt cây lay động trên nền trời im lặng, chàng trai bỗng thấy lòng dấy lên một ước muốn kỳ lạ. Trong thoáng chốc chàng nghe từng giọt máu cuộn sôi trong huyết quản... Có một niềm ao ước mãnh liệt thúc đẩy dữ dội. Cuộc sống quá bình an đến độ tẻ nhạt, làm chàng chán ngán... Núi rừng thêm hùng vĩ, đậm màu hứa hẹn. Và như một cánh chim sổ lồng chàng khăn gói ra đi, theo gót chân những kẻ tìm trầm để lại trong lòng thân quyến sự lo âu, niềm ái ngại và nhớ nhung khôn tả...

Như bao kẻ ngậm ngải tìm trầm khác để chống những sơn lam chương khí, thú dữ của rừng thiêng chàng trai đã phải nuốt một thứ ngải kịch độc... nhờ đó mà chàng có thể thoát khỏi miệng hùm, nanh sói cũng như những con bệnh chết người của rừng già. Nhưng... cũng như bao nhiêu con dao hai lưỡi khác, chất ngải thiêng nó vừa giúp chàng trai bảo vệ thân thể, vừa tàn phá cùng biến đổi thể xác kẻ tìm trầm...

Nhiều tuần trăng trôi qua bóng người ra đi vẫn biến biệt... Thân nhân chàng trai cứ dõi mắt nhìn về phía mặt trời lặn để tìm chàng. Niềm hy vọng của họ sống mong manh như một màu lá úa. Cho đến một hôm, trời vừa chập choạng tối, họ hãi hùng thấy xuất hiện trên ngưỡng cửa một bóng dáng nửa người nửa ngợm: chàng trai đã hóa xà niêng.

Em thân mến!

Đang sống êm ấm trong vòng tay của ba má bên sách vở cùng những bạn bè đồng trang lứa... Em bỗng khởi lên một ý nghĩ đi tìm chân lý và em đã sổ lồng bay theo lý tưởng ấy chẳng khác nào chàng trai đi tìm trầm nọ.

Để đối phó với ngũ dục bát phong trên con đường tìm đạo, em đã “nuốt” không biết bao nhiêu là pháp môn... Những pháp môn này giúp em an tâm đi tìm chân lý... giữ vững tinh thần niềm tin của mình và cho đến một ngày nào đó, em chợt nhận ra rằng sao mà mình hồng giống ai hết, sao mà mình khó chịu, khó ưa đến nỗi mình chịu mình cũng hết nỗi rồi. Ngày xưa em thơ ngây, dịu dàng, tế nhị, dễ thương bao nhiêu thì bây giờ em cộc cằn, héo úa, thô lỗ, khả ố bấy nhiêu. Những người chung quanh thờ dài nhìn em và em cũng thờ dài với mình. Em đã hóa xà niêng... Cái pháp môn giúp em chống chọi với ngũ dục bát phong thật tài tình cũng là một con dao hai

lưỡi, y hết như cục ngải thiêng nọ. Nó làm cho em càng ngày càng u ám, uể oải, mất hết sinh khí, buồn rầu, chán nản. Em có thấy như thế không?

Nếu em chưa nhận ra điều này... và vẫn thấy mình còn đầy năng lực sức sống, đang cố gắng và không ngừng cố gắng, nỗ lực áp dụng một pháp môn nào đó mà em đã lựa chọn với bao nhiêu là đắn đo và nhiệt huyết. Nếu như thế thì em đừng đọc thêm gì nữa. Hãy gấp quyển vở này lại và cứ tiếp tục con đường em đang đi: em chưa đến giai đoạn khủng hoảng bế tắc... có nghĩa là chưa hóa xà niêng... thì những dòng chữ sau này sẽ làm em ngờ vực, tức tối và nổi giận cho mà coi.

Nhưng, nếu em đang bước đến giai đoạn đường cùng... vô vọng, em chỉ muốn được thở một hơi dài, được ngủ một giấc an lành không mộng mị. Và vì những ước mơ này chưa bao giờ được thỏa mãn nên đã hơn một lần em nghĩ đến chuyện hủy hoại thân em! Cái chết đối với em không còn ghê tởm mà em lại coi như một ân huệ cuối cùng.

Nhưng hỡi ơi! Làm sao mà chết được? Có phải em đang lâm vào tình trạng này không? Đích thị là em đã hóa xà niêng mất rồi... Hay nói theo kinh điển thì em là kẻ đã cho ngón tay là mặt trăng, ôm chiếc bè sang sông cho là bờ bên kia... Vì làm lẫn như thế nên em đã làm méo mó cả bàn tay lẫn mặt trăng, chiếc bè lẫn bến đỗ... vậy thì còn chần chờ gì nữa mà em không buông bỏ tất cả, quẳng hết đi những lý tưởng xa và gân, những toan tính lo âu, cầu xin, chờ đợi, những nỗ lực cố gắng v.v... Em hãy nằm xuống nhắm mắt để thân và tâm mình thư giãn hoàn toàn như những ngày thơ bé em nằm ngủ say trong tay mẹ giữa nệm ấm chăn êm của một thời chưa cất bước phiêu lưu. Em đừng sợ mất hết những sở đất của mình. Đây là chỗ kinh Kim Cang đã nhấn mạnh “Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp.” Có nghĩa là những gì tốt cũng phải bỏ huống nữa là xấu.

Sau giấc ngủ em sẽ hồi sinh... và chung quanh em mọi người sẽ đón em trở về với một nụ cười... cũng như chú xà niêng nọ cỡi lột trở lại hình người trong những giọt lệ, tiếng cười của thân quyến.

Những giòng chữ tôi viết trên đây nếu có làm em khó chịu thì xin nhận nơi đây lời tạ lỗi... Em vẫn chưa mất mát gì... nên tôi không lấy làm ân hận lắm... Quyển “Hư hư lục” này xin khép lại nơi đây, nằm đúng vị trí khiêm tốn của nó “hư hư” có nghĩa là “không có thật, không có thật” đó em!

Người ta kể rằng chỉ có chất trầm mới giải được cái độc kịch liệt của cục ngải thiêng, chất trầm này nằm trong cây, trong rừng, ngoài thân thể của

con người (cũng vì vậy mà tôi không thể kể cho em nghe chuyện chàng trai đã cởi lột xà niêng như thế nào...)

Riêng chúng ta, chất thuốc giải độc không nằm trong rừng, trong cây hay bất cứ chôn sơn cùng thủy tận nào... mà ở nơi chính mình... dễ dàng và giản dị đến nỗi thành khó tin. Cũng vì thế mà Ngài Sa Di Cao trong thiên sử đã than:

“Chớ bảo họ không có
Chỉ tại họ không tin”

Em nghĩ sao?

---o0o---

Những Người Bệnh Tưởng

Thuở xưa, có một đoàn người lính giặc phải ẩn náu trong rừng sâu. Họ ăn uống ngủ nghỉ và làm việc hoàn toàn trong bóng tối. Nhiều năm trôi qua giặc tan đoàn người tản cư nọ được tin lục đục kéo ra khỏi hang.

Phản ứng đầu tiên của họ khi chạm phải ánh sáng của mặt trời là rú lên một tiếng đau đớn rồi nhắm tít mắt lại. Ai cũng yên trí là mình đã mù hẳn rồi, nên hè nhau đi tìm thầy lang chữa mắt. Lang y, lang tây, lang ta và lang bả đều được tìm đến, tùy theo số tiền túi, các nạn nhân người nào cũng rịt thuốc vào mắt và hết lòng hy vọng... thốc thỏm chờ ngày được sáng mắt trở lại nhưng khổ nỗi lần nào cũng thế, mỗi lần gỡ khăn bịt mắt, hé mắt nhìn, bệnh nhân người nào cũng rú lên và nhắm tít mắt lại... Nhiều lần như thế xảy ra đoàn người đành sống trong bóng tối với cây gậy và chó dẫn đường, với một ít hy vọng le lói rằng một ngày đẹp trời nào đó, họ sẽ gặp một danh y mát tay và tài ba như Hoa Đà, Biền Thước. Và họ sẽ phục hồi trở lại ánh sáng huyền diệu ngày xưa.

Cho đến một hôm, anh chàng Ba, một trong những người bệnh mắt nọ, tình cờ làm sút dải khăn bịt mắt trong một giấc ngủ say. Giữa đêm khuya Ba giật mình tỉnh giấc. Và dưới ánh trăng sáng êm dịu của con trăng hạ tuần, anh đưa mắt nhìn quanh. Thân quyền anh chợt nghe tiếng cười rộn rã nổi lên, niềm vui đột ngột khiến anh như người mê sảng. Ba đi lay tỉnh từng người trong nhà dậy, khoa tay múa chân nói lấp bắp “tôi sáng mắt rồi... ồ không tôi chưa từng mù bao giờ... chỉ tại dải khăn bịt mắt chết tiệt này thôi,

tôi không mù. Từ đây tôi có thể đi bất cứ nơi nào... Tôi không cần đến chó, gậy và người dắt đường nữa...

Mọi người nhìn anh vừa sững sờ vừa thương hại... tiếng cười của anh vang dội trong đêm khuya. Ba lái nhái nói hoài một câu xác định: “Tôi không mù! Tôi không mù! Chưa bao giờ bị mù.” Một người thân thấp một cây đèn dầu mang lại. Anh lấy tay che mắt cố nén sự đau đớn. Anh không thể quen với ánh sáng chói chang của ngọn đèn. Ba hơi thẳng thốt, anh xoay lưng vào vách. Qua kẽ tay anh thấy ánh trăng vẫn dịu dàng lung linh trên từng kẽ lá. Anh lấy lại được niềm tin: mình không mù, chỉ vì sống trong bóng tối quá lâu nên mắt không chịu nổi ánh sáng chói ấy thôi. Nếu làm quen dần với ánh sáng có cường độ từ yếu sang mạnh, anh sẽ nhìn được ánh sáng mặt trời, thế thôi!

Vài ngày sau Ba có thể sử dụng đôi mắt như bất cứ một con người nào. Khi đã lấy được niềm tin đầy đủ nơi nhãn quan của mình, Ba tức tốc chạy bay đến những người bạn cũ, những người đang tuyệt vọng vì đôi mắt của mình, quờ quạng trong bóng tối với chó, gậy và một ít hy vọng le lói về thứ thuốc mình đang chữa mắt. Ba đến gặp họ lấp bấp trình bày chuyện của mình... bạn bè của anh đua nhau phỏng vấn:

-Sao? Anh nói sao? Anh đã sáng mắt lại rồi à?

Ba đáp:

-Nói thế cũng chưa đúng, mắt tôi chưa từng bị mù, thì làm gì có hết mù hay sáng lại.

Người bạn cười khẩy:

-Thế... có nghĩa là bọn chúng tôi mới thật sự đui...còn anh thì vô sự đấy phỏng?

-Không, tôi và các bạn hoàn toàn giống hệt nhau, chúng ta chỉ bị bệnh tưởng thôi!

-Thôi, chả nhẽ người ta bỏ bao nhiêu công của, thời giờ để chữa một chứng bệnh không có thật à!

-Xin nghe tôi! Các bạn hãy vứt hết thuốc men đi... chịu khó làm quen với ánh sáng mờ nhạt... dần dần đến ánh sáng chói các bạn sẽ thấy sự thật. Đa số bạn bè của Ba không tin bỏ đi sau khi đã thốt nhiều lời mai mỉa!

-Chỉ có mình anh là khôn ngoan, còn bọn chúng tôi đều là lú lẫn cả có phải?

-Cái trứng muốn dạy khôn con gà... Vài người trẻ tuổi nghe anh đã bỏ gậy lẩn chó, liền bắt chước theo nhưng họ vẫn giữ nguyên dải khăn bịt mắt nên hậu quả là kẻ u đầu, người vỡ trán... và đều không tiếc lời nguyên rủa anh. Một số khác nghe lời anh gỡ khăn bịt mắt ra, nhưng ánh sáng chói chang làm cho họ vô cùng khốn khổ. Và cứ thế... không một ai có thiện cảm với Ba. Mọi người kết luận: “Tên Ba là một gã điên không nên thân cận với hắn.”

Trước tình cảnh đó, Ba tức tối bỏ về, anh vừa đi vừa lẩm bẩm: “Đã thế thì đây đích cần.”

Anh vừa giận vừa thương. Sau khi cặp mắt bình phục hẳn, anh thấy mình dường như mới chào đời, vừa gộp mặt trên trái đất đầy màu sắc kỳ ảo này lần đầu. Lòng anh lúc nào cũng bùi ngùi nhớ đến những người bạn cũ của mình.

Cho đến một hôm, Ba nghĩ ra một diệu kế: anh thay hình đổi tiếng giả dạng làm một ông thầy lang lành nghề, nhờ người quảng cáo và tìm đến những người bạn cũ trong hình dạng mới ấy. Dùng một thứ thuốc vô hại, anh chữa bệnh cho bọn họ. Mỗi đêm anh đều bắt họ mở khăn bịt mắt ra nhỏ thuốc xong rồi đi ngủ.

Dần dần nhiều người đã có thể đi quờ quạng dưới ánh trăng dịu dàng mà không cần chó hay gậy.

Nhiều ngày trôi qua, Ba thay dần ánh trăng bằng ánh đèn giấy hồng êm dịu... Cho đến khi các bệnh nhân của anh đã có thể nhìn ánh đèn dầu thì Ba không cần tốn công thuyết phục nữa. Bạn bè anh đã lấy lại niềm tin... Chẳng bao lâu họ đều sáng mắt như xưa.

Em thân mến!

“Chúng sanh đều có Phật tánh.” Đó là lời xác định của Đức Phật trong các kinh điển Đại thừa. Đức Phật của chúng ta cũng như chư tổ thiên tông

đều mỗi miệng khi phải nhắc đi nhắc lại điều đó mà chúng ta nào chịu nghe. Làm sao ta có thể tìm được khi cái vọng tâm của mình đầy nhóc các vọng tưởng ác ôn, như tham lam, sân hận, ganh ghét, thù hằn. Làm sao ta có thể tin được những con người khổ đau điên loạn tầm thường chung quanh ta lại có đầy đủ đức tướng trí huệ của Như Lai được? Làm sao ta có thể tin rằng mình không bị sa vào hầm hố ác đạo khi vứt hết tất cả niệm ác lẫn thiện. Làm sao ta có thể tin rằng tâm mình bỗng lại thanh tịnh trong khi mình đang quay quắt với não phiền, làm sao ta có thể tin rằng những kẻ “lòng dạ xoa” hôm nay đã đổi thành “mặt bồ tát.” Làm sao ta có can đảm vứt hết những thứ niệm ác niệm thiện đang rịt chặt vào mình và liệu ta có thể chịu đựng được sự đau đớn chói chang khi giáp mặt với ánh sáng chân thật, thấy mình “vô nhất vật” không là gì hết?

Bọn người bệnh tướng trên đây đã cởi bỏ dải khăn bịt mắt khó khăn thế nào, thì chúng ta cũng cởi bỏ kiến chấp của mình khó khăn và đau đớn dường ấy. Nói đúng hơn: việc vứt bỏ không khó mà khó là niềm tin chưa đủ. Tin cái gì em biết không?

-Tin rằng mình bỗng lại là Phật đó em và như thế em đã hiểu tại sao người xưa lại nói:

“Tẩy trừ phiền não trùng tăng bệnh” (Tẩy trừ phiền não càng thêm bệnh) hay chưa?

---o0o---

Bốn Bà Vợ Quý

Thuở xưa, có một ông trưởng giả có đến bốn bà vợ. Thói thường người ta bảo: “Một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ ngủ chuồng heo...” Thế nhưng ông trưởng giả của chúng ta là một người tốt số và khéo cư xử nên đối với bốn bà ông đều được thương yêu quý trọng.

Bà thứ nhất tức là bà cả ấy là người mà bố mẹ ông đã chọn và làm lễ đính hôn từ tấm bé, dù nhan sắc không diễm lệ lắm ông cũng hết dạ thương yêu, bao nhiêu thức ngon vật lạ ông đều tìm về cung cấp cho bà đầy đủ. Quần là áo lượt, bông tai phấn sáp, thứ chi cũng có. Trời vừa oi bức ông đã vội vàng quạt lấy quạt để, nữa đêm mưa gió lạnh lùng, dù bất cứ nơi đâu ông cũng vội vã tìm về để đắp chăn sưởi ấm cho bà.

Bà vợ thứ hai là người mà trường giả để tâm yêu dấu một cách lạ lùng. Tuy không sốt sắng quạt nồng ấp lạnh như bà thứ nhất, ông vẫn quyên luyện không rời một bước. Nói đại nếu bà đi đâu vắng, ông khổ sở đến phát điên. Và có lẽ ông sẽ uống thuốc chuột mà tự vận nếu phải sống thiếu bà.

Bà vợ thứ ba tuy không được tốt phúc như hai bà trước nhưng thường cùng chồng chia sẻ vui buồn, âm no hoạn nạn có nhau nên lâu ngày tình nghĩa cũng mặn nồng, keo sơn gắn bó.

Duy có bà thứ tư là người mà ông hờ hững nhất, dường như không ai màng đến chuyện có mặt của bà nhưng được cái tánh của bà cũng dễ dãi, ai sao mặc kệ, lúc nào bà cũng hết dạ trung thành lẽo đẽo theo ông như hình với bóng.

Ngày tháng dần qua, trăng tròn rồi khuyết. Giờ chia tay phải đến. Một hôm thấy mình không thể sống lâu hơn nữa, ông gọi các bà vợ đến bàn tính việc nhà và ngỏ ý với bà cả:

-Tấm lòng của tôi đối với bà ra sao thì ai ai cũng biết. Vậy hôm nay đến ngày từ giã cõi đời bà hãy sắp sửa hành lý để đi theo tôi... chồng đâu vợ đó.

Bà cả thản nhiên, vừa nhóch nhách nhai trà vừa đáp:

-Nói gần nói xa chẳng qua nói thiệt, ông chết thì tôi cũng không sống nổi nhưng theo ông sang kiếp khác thì tôi không thể nào theo được. Thôi thì một miếng trà này gọi là tiễn đưa và vĩnh biệt với ông vậy.

Sửng sốt ông trường giả hờn giận quay sang bà thứ hai:

-Còn mình, mình có theo tôi không?

Bà hai cũng đáp bằng một giọng ráo hoảnh:

-Làm sao mà theo ông được, sống chết có số mệnh và ngày giờ, lại khi ông còn đây, tôi cũng nói trước một lời: ông chết đi thì tôi cũng ở lại đây... nhưng nếu trong nhà này không còn chịu đựng tôi như lúc ông còn sống thì tôi cũng mạn phép xin ông được tìm chỗ khác mà núp bóng tùng quân, nương nhờ tấm thân liễu yếu.

Hết sức bất ngờ, ông trưởng giả lặng người giây lâu rồi quay sang bà thứ ba:

-Còn mình?

Bà ba liền sụt sịt khóc:

-Ông mất đi tôi đau lòng lắm... vợ chồng mình bao năm chia bùi xẻ ngọt, ấm lạnh có nhau... nhưng mà đi theo ông thì tôi không thể nào theo được. Khi ông chết tôi sẽ đưa ông đến tận huyệt, rồi về nhà làm chay tuần thờ cúng ông cho đến hết đời của tôi.

Lòng buồn rười rượi, ông chồng đau khổ quay sang bà thứ tư, người vợ mà ông hết sức hững hờ và lạnh nhạt. Không đợi hỏi, bà này đã nhanh nhẩu:

-Mình yên tâm... Em sẽ theo mình đi đến bất cứ nơi đâu. Dù đó là thiên đàng hay địa ngục đi nữa.

Em thân mến!

Bà vợ thứ nhất là dụ cho xác thân của chúng ta, bà vợ thứ hai ám chỉ cho tiền tài của cải, bà thứ ba là thân bằng quyến thuộc của mỗi người. Duy có bà thứ tư là người có số phận hẩm hiu, hờ hững nhất là những tạo tác lành dữ của chính mình... bà này sẽ đi theo mỗi người chúng ta như hình với bóng đó em ơi!

---o0o---

Khi Thần Chết Đến

Một ông già đôn xong đồng củi và mang về. Phải mang đi xa, ông cụ kiệt sức, đặt bó củi xuống rồi nói:

-Chà! Giá mà thần chết cứ đến ngay đi có phải hơn không?

Thần chết liền đến và bảo:

-Ta đây, lão cần gì nào?

Ông già sợ hãi bảo:

-Xin nhắc hộ bó củi lên cho lão.

Em thân mến!

Thế thì... mình đừng có tin và sợ khi nghe thiên hạ đòi (tự vận) chết, trời chết, hãm chết, dọa chết... nghe. Thế gian này thiếu gì người đi xuống sông để tự tử nhưng thấy nước ròng liền chạy trở lên!

---o0o---

Chú Ngựa Tinh Khôn

Thuở xưa có một chú lừa và một chú ngựa cùng ở chung với nhau một chuồng. Một hôm, người chủ bắt lừa chở đồ đi xa, lừa nài nỉ ngựa:

-Tôi đuối sức quá, bạn mang hộ tôi một ít... chút ít thôi!

Ngựa lắc đầu nguây nguây:

-Đó là cái số của chị dây dưa gì đến tôi...

Lừa im lặng chịu đựng... cuối cùng có gục chết với gánh nặng trên lưng. Người chủ bèn chất hết đồ đạc trên lưng lừa sang cho ngựa. Bây giờ ngựa rên rỉ:

-Khôn khổ thân tôi! Phải mang ngàn ấy đồ lại còn thêm bộ da lừa nữa.

Em thân mến!

Phê bình, chỉ trích, mỉa cười chế nhạo công việc của người khác đang làm là một điều dễ nhất thế giới mà bất cứ khách bàng quan nào cũng có thể làm được. Nhưng kê vai gánh vác công việc lại là một điều khác. Chúng ta đôi khi cũng xử sự ngờ nghệch và ích kỷ chẳng khác nào chú ngựa non dại trên đây... Trong quãng đường vừa qua, ít nhất cũng hơn một lần chúng ta đã nhẫn tâm đẩy gánh nặng sang vai người bạn của mình và cho rằng: “Cái số của họ như vậy...” Cũng may là người bạn đáng thương của chúng ta chưa gục chết vì gánh nặng nên cho đến bây giờ chúng ta vẫn còn nhởn nhơ mà ngắm kiếng xem huê chứ chưa đến nỗi phải than thở như chú ngựa trên đây...

Nên gọi sự kiện này là may hay rủi hờ em?

---o0o---

Chồn Hôi

Chồn hôi tìm đến người thợ đồng và đưa lưỡi liềm cái giữa. Máu ở lưỡi chảy ra, chồn hôi mừng rỡ liếm tiếp. Vì nó nghĩ là máu từ cái giữa chảy ra, kết quả là nó làm rách toạc cả cái lưỡi của nó.

Em thân mến!

Trong Tứ niệm xứ có câu “thọ thị khổ” kể cả những thọ lạc. Khi nào đeo đuổi thọ lạc, chúng ta cũng ngu dại hết như chú chồn hôi này vậy. Nếu máu không chảy ra từ cái giữa bằng sắt mà chính từ chiếc lưỡi của con chồn, thì những niềm vui khoái lạc của ngũ dục mà chúng ta tìm được trên cõi đời này có lẽ cũng nhạt ra từ cõi lòng tan nát của chúng ta vậy.

---o0o---

Ông Hoàng Lưu Lạc

Ngày xưa, ngày xưa có một vị hoàng tử chào đời trong sự vui mừng vô hạn của đức vua, hoàng hậu và thần dân cả nước. Cậu bé vương giả này lớn lên trong cung vàng điện ngọc, giữa sự cao sang tột đỉnh cũng như những nghi lễ rắc rối nhất trần đời của hoàng gia.

Như một mầm xanh thiếu nắng, vị hoàng tử thơ bé này đâm ra khao khát được chơi đùa chạy nhảy như bao nhiêu chú bé dân giả cùng trang lứa khác... nghịch đất, tạt nước, tung bụi vào bạn bè, la cà trên các hang cùng ngõ hẻm, đầu trần chân trụi chạy rong giữa phố phường... là những khát vọng khôn nguôi của hoàng tử. Cậu sẵn sàng đánh đổi cả ngai vàng để lấy một ngày tự do, thoát khỏi cặp mắt lạnh lùng của quan thái sư, sự canh phòng cẩn mật của quan thái giám, vòng dây của ngục lâm quân cũng như sự chăm sóc đến độ phiến toái của đám cung nữ doanh vầy.

Ô! Chỉ có một ngày thôi mà cũng xa vời hút khỏi tầm tay như một cánh điều no gió thấp thoáng giữa bầu trời đầy mây mà hoàng tử thường bắt gặp sau các cành cây kẽ lá um tùm của vườn ngự vậy.

Ngày tháng trôi qua. Hoàng hậu lìa trần lúc hoàng tử còn thơ bé quá... Đúc vua lại lâm bệnh nặng, việc chăm sóc dạy dỗ hoàng tử được giao cho quan thái sư lớn tuổi, uy nghiêm và rất mực khó tính. Như một cánh chim phượng hoàng non dại, hoàng tử thường ngồi hàng giờ bên trang sách học tỳ tay vào cửa sổ của chiếc lồng son thả hồn mơ mộng đến ngày một cuộc tung cánh viển du giữa bầu trời rực sáng...

Cái ngày chờ đợi ấy đã đến. Hoàng tử đòi y phục lẫn chỗ ở của mình cho một cậu bé ăn xin mà định mệnh đã xếp đặt cho hai chú bé giống nhau như đúc... Và chim phượng hoàng đã tung cánh trong một buổi chiều lặng gió.

Vừa bước chân ra khỏi cung hoàng cung, hoàng tử đã không vỡ lẽ ra rằng cuộc đời của một chú bé thường dân không tự do và tươi đẹp như cậu lầm tưởng. Khi cởi bỏ lớp áo cao sang xinh đẹp của một ông hoàng thì cậu đã cởi bỏ luôn tất cả uy quyền cùng lợi lộc mà địa vị đã dành cho cậu từ tấm bé. Bị tổn thương nặng nề, hoàng tử vội vã quay lại hoàng cung nhưng... đã quá muộn. Trong lớp áo ăn mày, chú bé có nguồn gốc vương giả chỉ nhận được những cái tát tai của bọn lính ngự lâm gác cổng.

Trận đòn đầu tiên trong đời là cho cậu bé nổi giận đến phát điên lên được. Nhưng cơn thịnh nộ của cậu chỉ làm khách bàng quan thương hại, kẻ qua đường ngạc nhiên, bọn trẻ con tò mò trêu chọc và sau cùng hoàng tử đành từ giã cung điện với những lần roi ngang dọc trên thân hình cùng tâm hồn ấu thơ của cậu.

Từ đó, hoàng tử bắt đầu sống một cuộc đời lưu lạc, lang thang của một kẻ ăn mày, cũng đầu trần chân trụi, y phục tả tơi, ăn bờ ngủ bụi như bao nhiêu kẻ vô gia cư khác, có khác chăng là lúc nào lòng dạ chú bé cũng nôn nóng nhớ đến phụ hoàng đang lâm bệnh nặng và chú bé không tài nào nuốt trôi được những thức ăn của khách hảo tâm.

Rất mực chân thành, hoàng tử nói cho tất cả thần dân mà chú được diện kiến rằng mình sẵn sàng chia đôi vương quốc cho ai nếu đưa được chú bé trở về hoàng cung, nơi mà chiếc ngai vàng và những uy quyền tột đỉnh đang chờ chú bé. Nhưng ngoài hoàng tử ra, không có một ai tin lời chú. Mọi người đều trêu chọc và đối xử với chú bé như một thằng điên.

Em thân mến!

Câu chuyện ông hoàng lưu lạc này còn rất dài với nhiều tình tiết ly kỳ hồi hộp và không kém phần hấp dẫn, những điều đó em có thể đọc thẳng vào các chuyện cổ tích, hay một ngày đẹp trời rỗi rảnh nào đó, tôi sẽ kể cho em nghe khi chúng ta đang ngồi nhặt rau trong bếp, kéo nước bên giếng, nhổ cỏ trên luống đậu hay xáo đất ngoài ruộng... Riêng trong phạm vi của trong giấy này, tôi chỉ có thể tóm tắt cho em nghe rằng nhờ lòng tự tin không hề lui sụt về nguồn gốc vương giả của mình mà vị hoàng tử đáng thương kia, sau muôn cay nghìn đắng đã trở về hoàng cung, không phải để xin cơm thừa canh cặn nơi nhà bếp, làm một tên quét lá nơi vườn ngự uyển hoặc những chức quan nhỏ quan lớn... mà chính là leo lên ngôi cửu ngũ trị vì trăm họ. Và tôi cũng muốn hỏi với em rằng:

Tại sao từ khi bước chân vào chùa, ê a học hai đường công phu, thời công phu chiều nào chúng ta cũng đọc thông thiết vô cùng những câu như thế này: “Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu, như thiên phước báu, thỉnh văn duyên giác nãi chí quyền thừa chư vị Bồ Tát.. duy y tối thượng thừa...” có nghĩa là “Ngày hôm nay con phát tâm không vì cầu cho mình những phước báu cõi trời, cõi người, con cũng không cầu những quả vị thỉnh văn duyên giác cho đến những quả vị tạm đặt ra, các địa vị Bồ Tát mà con con chỉ cầu tối thượng thừa...” Đã biết bao lần tôi và em vô tư đọc đi đọc lại lời phát nguyện trên giữa tiếng chuông nhịp mõ và mùi trầm hương lừng. Tâm nguyện đó có giống tâm trạng của vị hoàng tử lưu lạc khi chú bé nhất quyết rằng: “Ta ngày hôm nay muốn trở về hoàng cung không phải để cầu xin cơm thừa canh cặn nơi nhà bếp hay làm một tên phu quét rác nơi vườn ngự uyển cho đến bất cứ chức tước nào trong triều dù là quan nhỏ hay quan lớn mà ta chỉ trở về để bước lên ngôi cửu ngũ mà thôi.

Và em ơi! Chính nhờ tâm nguyện sắt đá đó, niềm tin không tài nào lay chuyển nổi mà chú bé đã thành công... chỉ khôn khổ cho em và tôi... đã quá lâu bị lưu lạc trong dòng sinh tử, chúng ta đã quên đi nguồn gốc giác ngộ của mình... Nếu bộ y phục rách rưới kia đã làm cho vị hoàng tử bị nhạo báng khi chú ta nói về nguồn gốc cao sang của mình, thì những tâm niệm xấu xa như tham lam, sân hận, tật đố, dối trá đã làm cho thế nhân cười vào mũi chúng ta, khi ta tự xưng là Phật tử... và đau đớn nhất là... sau chuỗi ngày dài phen bạt, khổ rách đói cơm, chúng ta cũng không dám tự tin nơi mình nữa... chúng ta chỉ cầu sao cho mình được cơm no áo ấm, tiền tài, sắc đẹp, danh vọng... là những phước báu vụn vặt nơi cõi như thiên... cùng lắm là chúng ta mơ ước được chứng một quả vị nào đó thấp nhất trong tứ quả Thỉnh văn như Tu Đà Hoàn chẳng hạn để bảo đảm rằng dòng luân hồi sẽ chấm dứt, để chúng ta được nghỉ mệt sau những ngày cát bụi phiêu linh.

Còn những gì cao xa hơn thì... phận hèn nào có dám mơ... Có phải thế không nào?

May mắn thay chúng ta có một phụ hoàng rất đổi từ bi. Ngài đã không ngớt kêu gọi khẩn nài, sai người tìm kiếm gọi chúng ta về... và lời phát nguyện trên đây là một thông điệp mà Đức Phật đã nhờ chư Tổ chuyển đến cho chúng ta. Trở ngại duy nhất và lớn lao nhất là tôi và em không còn niềm tin nơi khả năng giác ngộ của mình nữa. Chúng ta nghe nói về chân tâm thường còn, về pháp thân bất sanh bất diệt không hề ô nhiễm vì trần lao của mình. Nhưng... dường như lúc nào chúng ta cũng đối mặt bắt gặp phải những hình dạng méo mó khó ưa, xảo quyết của vọng tâm. Đó là lý do tại sao chúng ta không dám trở về hoàng cung, hay nói đúng hơn là không dám tin mình có khả năng giác ngộ, có Phật tính. Em có thấy như thế không?

Bây giờ tôi muốn rủ em cùng tôi chơi trò chơi thợ nhuộm. Tôi sẽ đưa em một mảnh vải... để em chọn màu và nhuộm. Vì là trò chơi nên tôi chỉ trao cho em những màu rẻ tiền, không ăn màu, dễ giặt, tẩy xóa để rồi cuối cùng chúng ta vẫn còn mảnh vải trắng tinh. Phải ngắt một bông hồng để dâng tặng và ca ngợi khả năng bất nhiễm của mảnh vải này... đi em.

Và tôi xin hỏi nhỏ em rằng có bao giờ em thấy lòng mình cũng trắng trong và bất nhiễm như mảnh vải kia không? Chỉ trong một ngày thôi chúng ta đã chồng chất lên bản tâm của mình không biết cơ man nào là vui, buồn, giận, ghét, tính toán, lo toan. Và hết như mảnh vải trắng trong kia, tâm ta cũng không hề bị ăn hay nhuộm màu chi hết. Nếu mảnh vải đã bị đen thì sau đó chúng ta không thể biến nó thành đỏ được. Nếu tâm ta đã bị nổi buồn làm ô nhiễm buổi sáng thì buổi trưa ta không thể nào vui được... đã giận thì không thể thương... Vậy mà em thấy không, sau những lúc bị phiền não ồ ạt bao vây, em vẫn có thể lắng nghe tiếng chim hót, nhìn một nụ hồng ngậm sương, đùa với con mèo và cười thoải mái vì trò nghịch ngợm của một chú chó con. Thế thì chần chờ gì nữa mà chúng ta không hoan hô khả năng bất ô nhiễm của bản tâm mình? Tin vào khả năng đó tức là chúng ta bắt đầu quay về hoàng cung, nơi người cha thân yêu đang chờ mong. Đường về có thể là còn lắm chông gai... Nhưng hỏi ông hoàng bé bỏng lưu lạc kia ơi! Em không cô đơn và khốn khổ như ông hoàng trong truyện cổ tích đâu. Vì chung quanh em còn có biết bao nhiêu là thầy là bạn sẵn sàng dìu dắt giúp đỡ em... Nói cho cùng, nếu em có phải đi đơn độc một mình không thể như vị hoàng tử bé bỏng kia, đầu ngẩng cao, lòng tự tin, chân bước đi trong mùi trầm ngào ngạt, tiếng mõ lời kinh rặng.

“Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu như thiên phước báu, tinh văn, duyên giác, nãi chí quyền thừa.”

Xin gửi em, bạn đồng hành của tôi một nụ cười và lời chúc lành... Chúng ta cùng lên đường nhé!

---o0o---

Chiếc Áo Mới

Tý mới được má sắm cho chiếc áo mới, mừng lắm vội mặc liền và chạy ra ngã tư đứng để khoe với thiên hạ.

Nhưng lạ quá! Người qua kẻ lại dập diu mà sao chẳng thấy ai nhìn thấy Tý có áo mới vậy cả!

Tý đang tui ngó thì thấy một con heo chạy qua. Rồi cu Tèo hót hơ hót hải chạy đến hỏi:

-Tý có thấy con heo của Tèo chạy ngang qua đây không?

Được dịp Tý mừng quá đáp ngay:

-Từ hồi Tý mặc cái áo mới này đến giờ... Tý có thấy một con heo chạy qua Tèo ạ!

PC: Kiểm được một tiếng khen không phải là dễ.

---o0o---

Vô Minh Từ Đâu Ra?

Sư Bất Không cùng vua Đường Đại Tông đang bàn luận Phật pháp thì quan hầu Ngũ Triều Ân xen vô hỏi:

-Phật bảo tất cả chúng sanh đều là Phật thì vô minh từ đâu ra?

Sư gạt ngang:

-Ông không được phép hỏi câu đó.

Triều Ân giận đỏ mặt. Thiền sư mỉm cười tiếp:

-Vô minh từ đó mà ra.

---o0o---

Con Công

Loài chim hợp nhau bầu ra vua. Con công xoè cái đuôi to ra và tự ứng cử. Muôn thú đều đồng ý. Trong buổi đăng quang chim ác là hỏi:

-Này anh công, anh hãy cho chúng tôi biết là khi lên ngôi anh sẽ làm cách nào để ngăn bọn điều hâu không ăn thịt chúng tôi?

Vua công bí tịt.

PC: Đẹp mã là một điều đáng quý và đáng hãnh diện. Phải có phước báu nhiều lắm, ta mới có được bộ dạng bề ngoài đẹp như công... nhưng mà, để đối chọi với bao sóng gió của biển đời, ta cần có một trí tuệ bén nhạy, lòng từ bi vô lượng và kiên nhẫn vô bờ kia!

Vì thế nên trong kinh Pháp Hoa, Phật dạy người trì kinh nên ngồi tòa Như Lai và mặc áo Như Lai, không cần phải “đẹp cỡ Như Lai.” Tòa Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục và áo Như Lai là lòng từ bi vô lượng đó em ơi!

---o0o---

Thả Mồi BẮt Bóng

Một con chó mõm ngoạm thịt ... đi trên tấm ván bắc ngang suối. Thoạt trông thấy bóng một con chó đang ngậm thịt dưới nước, nó liền nhả miếng thịt đang ngậm ra và lao ùm xuống suối để cướp miếng thịt kia. Sục sạo hồi lâu, chó ta vừa đói vừa lạnh và chẳng được gì cả!

Em thân mến!

Nên bằng lòng với miếng thịt hiện tại của mình đi nhé!

Thiền sư Đạo Giai Phù Dung (1043-1113) một cao tăng Trung Hoa, trước khi chết có làm một bài kệ như thế này:

“Ngô niên thất thập lục
Thế duyên kim dĩ túc
Sanh bất ái thiên đường
Tử bất phạ địa ngục
Tán thủ hoành thân tam giới ngoại
Đằng đẳng nhậm vận hà câu thúc.”

Dịch:

Tuổi ta bảy mươi sáu
Duyên đời nay đã đủ
Sống chẳng thích thiên đường
Chết đâu sợ địa ngục
Buông tay đi ngang ngoài ba cõi
Mặc tình bay bổng buộc ràng chi...

---o0o---

Bát Phong Suy Bất Động

Tô Đông Pha khi ở Trấn Giang có làm bài kệ tán Phật gửi cho thiền sư Phật Ấn, kệ rằng:

“Thánh chúa thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong suy bất động
Đoan tọa tử kim liên.”

Ngài Phật Ấn phê:

“Đánh rắm! Đánh rắm!”

Xong gửi trả lại ngài Tô Đông Pha.

Tô Đông Pha chèo thuyền sang hỏi:

-Thơ tôi chỗ nào không trúng mà ông phê như vậy?

Phật Ân trả lời:

“Bát phong suy bất động
Nhất thí đã quá giang.”

---o0o---

À Ra Thế

Sư một hôm có dịp đi ngang nhà người anh bèn ghé thăm. Người lớn đều đi vắng cả chỉ có thằng cháu mới lớn nằm ở nhà. Sư đành đi ra đi vào, nhìn thơ thần và chờ đợi. Thằng cháu quan sát vị khách quý hồi lâu, buột miệng nói:

-Có phải chú tính ăn vụng kẹo không? Ba má cháu đi vắng cả rồi, chú cứ lấy ăn cho đã thèm... cháu không mách lại đâu!

Sư: -???

Em thân mến!

Không riêng gì thằng cu này mà dường như toàn thể loài người chúng ta, bất kể già trẻ bé lớn, ai ai cũng nhìn người khác bằng cách “suy bụng ta ra bụng người” cả. Và có lẽ cũng vì thế mà đi đến bất cứ nơi đâu trên bất kỳ ngõ đường nào, chúng ta đều gặp cảnh các tôn giả chúng sanh đang đấm ngực, bút tóc than: “Trời ơi! Sao mà khổ như ri! Sao chẳng ai chịu hiểu giùm tôi hết chơn hết chọi! v.v... và v.v...”

---o0o---

Phần 4

Chiếc Áo Kỳ Diệu

Ngày xưa có một vị hoàng đế thích quần áo mới đến nỗi suốt ngày Ngài chỉ làm một việc duy nhất là thay quần áo mới. Ngài chẳng ngó ngàng gì đến binh sĩ, triều chính. Người ta thường nói: “Hoàng đế đang lâm triều” nhưng đối với vị vua này người ta phải nói “Hoàng đế đang mặc quần áo.”

Một hôm có hai người lạ đến hoàng cung, tự xưng là thợ dệt và khoe rằng: Họ có thể dệt ra thứ vải tuyệt đẹp, quần áo may bằng thứ vải ấy có một đặt tính kỳ lạ. Ai không làm tròn bốn phận hoặc ngu xuẩn thì không thể nhìn thấy quần áo, dù đứng rất gần. Hoàng đế tự nhủ: “Đấy mới là bộ quần áo quý nhất. Ta chỉ cần mặc vào là biết ngay trong đám quan lại của ta đứa nào không làm tròn bốn phận. Ta phải may một bộ mới được.”

Hai người lạ bày ra hai khung cửi rồi ngồi vào làm như đang dệt thật, nhưng tuyệt nhiên trên khung chẳng có gì. Họ đòi bằng được thứ sợi tơ đẹp nhất, thứ vàng quý nhất, đem bỏ túi, rồi giả vờ làm việc trên khung cửi rỗng tuếch. Hoàng đế nóng lòng muốn đến xem họ làm việc nhưng lại nhớ đến đặc tính kỳ lạ của thứ vải ấy, tự nhiên Ngài dậm ngại. Ngài bèn sai quan thừa tướng đến xem.

Quan thừa tướng vừa gương to đôi mắt tự nhủ: “Lạy Chúa! Ta chẳng nhìn thấy gì cả.” Nhưng may mà ngài nén lại được, không nói ra điều ấy. Hai người lạ đến gần và hỏi ngài xem vải có đẹp không?

- Thật là tuyệt! Hoa văn màu sắc không thứ vải nào sánh nổi.

Quan tể tướng trả lời nhưng trong bụng lo ngay ngáy. Họ bắt đầu ngờ mình trở nên ngu ngốc và trở nãi với công việc.

Hai người lạ lợi dụng dịp may lại kỳ kèo xin thêm vàng để thiêu vào vải. Họ lại thủ vàng vào túi và say sưa làm việc trên khung cửi rỗng không.

Chẳng bao lâu hoàng đế lại cử một viên đại thần khác đến xem vải. Hai người này chỉ vào tấm vải tưởng tượng và chứng minh cho quan đại thần đây là tấm vải không đâu có. Quan đại thần tự nhủ: “Mình đâu phải là thằng ngu hay là mình không làm tròn phận sự. Dầu sao cứ giấu biến đi là hơn cả.” Nghĩ vậy, ngài bèn vờ ngắm nghía và quả quyết với hai người kia là ngài “chưa thấy vải nào đẹp bằng, và cũng như quan thừa tướng lần trước, ngài lại trở về và kính cẩn tâu với hoàng đế: “Muôn tâu bệ hạ, không có gì đẹp bằng.”

Khấp kinh thành nô nức bàn tán về thứ vải kỳ lạ ấy.

Không thể dằn lòng được, hoàng đế đành phải đến xem vải. Ngài không quên dắt theo một kẻ nịnh thần. “Quái ta chẳng nhìn thấy gì cả. Chẳng lẽ một vị hoàng đế lại ngu ư?” Ngài bèn gật đầu lia lịa: “Đẹp lắm!

Đẹp lắm!” Ngài ra vẻ hài lòng ngắm nghía hai chiếc khung cửi, không dám thú nhận là chẳng nhìn thấy gì.

Lũ nịnh thần suýt soa phụ họa: “Thật là tuyệt vời!” Và chúng khuyên hoàng đế nên mặc bộ quần áo vô song đó trong ngày lễ rước thần sắp tới.

Hoàng đế ban cho hai thợ dệt mỗi người một tấm bội tinh với danh hiệu “thợ dệt của nhà vua”. Suốt hôm trước ngày lễ rước thần, hai thợ dệt ngồi làm việc “cật lực dưới ánh sáng mười sáu ngọn đèn.” Họ cật may, khâu, đính suốt đêm... Cuối cùng bộ quần áo coi như may xong, kịp cho ngày lễ rước thần. Hoàng đế và các vị đại thần tới. Hai ông thợ dệt của nhà vua vờ gơ tay lên trời nâng vật gì và tâu:

- Đây là quần, còn đây là áo thừa bệ hạ, quần áo này nhẹ như mạng nhện, mặc vào mà tưởng như không và đây cũng là một trong những đặc tính quý báu của thứ vải này.

- Đúng đấy ạ!

Bọn nịnh thần phụ họa, tuy chẳng đưa nào thấy gì.

Hai ông thợ may lại nói:

- Muôn tâu thánh thượng, cúi in Ngài cởi quần áo ra và đứng trước gương lớn, chúng thần xin mặc quần áo mới cho bệ hạ.

Hoàng đế cởi sạch quần áo, hai ông thợ dệt của nhà vua làm bộ như mặc từng cái quần, cái áo mới vào người hoàng đế, rồi quàng tay quanh thân Ngài như khoác đai lưng. Hoàng đế quay đi quay lại ngắm nghía trước gương. Bọn nịnh thần đồng thanh hô to:

- Trời! Bộ quần áo sao mà đẹp quá chừng!

Quan trưởng lễ báo tin:

- Long tâu đã đến chờ hoàng thượng đi rước thần.

Nhà vua đáp: “Ta đã sẵn sàng.”

Rồi ngài lại nhìn vào gương mà ngẫm nghĩ. Các quan thị vệ có nhiệm vụ đỡ đuôi áo, thò tay sát đất giả dò như cầm vật gì đó, rồi vừa đi vừa đỡ cái vật vô hình ấy trên không, chẳng dám nói là mình không nhìn thấy gì.

Ngoài phố mọi người cũng trầm trồ khen ngợi bộ quần áo mới của hoàng đế vì không ai muốn mang tiếng là ngu xuẩn hoặc không làm tròn trách nhiệm. Nhưng rồi, từ một góc nào đó, một đứa bé thốt lên:

- Kia! Hoàng đế cởi truồng kìa!

Mọi người chung quanh đều nghe rõ câu nói của cu Tèo, nhưng ai cũng giả bộ như chẳng nghe. Chỉ biết là đương không đức vua truyền lệnh quay về lập tức. Có lẽ Ngài cảm thấy choáng váng, một chiếc kiệu vàng được vờ đến, bốn chiếc rèm ngọc được buông xuống và đoàn quân nhạc cất cao bản “hồi cung.”

PC: Cái bản ngã của mỗi người chúng ta có lẽ cũng huyền ảo và kỳ diệu như chiếc áo của đức vua này chẳng?

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện cổ nước ngoài mà tôi đã đọc đâu đó thật lâu rồi. Câu chuyện chấm dứt khi nhà vua hồi cung. Nhưng để câu chuyện có hậu hơn, tôi xin kể rằng: “Khi đức vua trở về, mười hai tên ngự lâm quân chực sẵn trước thềm để nâng cái đuôi áo kỳ diệu, mười hai cô quỳ xà phòng bột sẵn để giặt áo cho vua, mười hai cô chực phơi, mười hai cô quạt bàn là để sẵn v.v...”

Sau khi thay đổi thường phục hàng ngày, ngự một ly sâm lạnh, đức vua của chúng ta nằm duỗi chân giữa mười hai chiếc quạt lông ngỗng xoa trán thảm nhũ: “Có thể mà mình lại sợ bỏ vúa. Rồi đâu lại vào đây... Chả nhẽ thằng nhóc con đó lại khôn ngoan hơn cả bàng dân thiên hạ. Hừm! Con cái nhà ai mà mất dạy thế, báo hại mình thót cả tim!

Nàng Lọ Lem Ngày xưa ngày xưa, có một thiếu nữ mồ côi mồ cút nhà lại nghèo khó, phải đi làm thuê cho người ta. Quần quật suốt ngày trong bếp, đầu tắt mặt tối, người thiếu nữ có nhan sắc khá mặn mà này biến thành một cô gái lọ lem. Và người ta gọi nàng là “Nàng lọ lem.”

Thời xa xưa, khi cánh cổng nhà trời còn mở rộng, chư tiên hay xuống trần dạo chơi và làm phúc, thấy hoàn cảnh của cô bé đáng thương, một bà

tiên động mỗi từ tâm, bà hiện ra và dặn dò cô hãy tìm cho được một trái dưa gang còn xanh, bốn con chuột bạch và một chú cào cào thật to, nàng lọ lem y lời.

Một đêm trăng sáng, hoàng thái tử mở hội hoa đăng để kén vợ, các cô gái đẹp nhất, đẹp nhì, đẹp ba, đẹp tư, đẹp năm... trong nước đều được mời đến, các cô gái đẹp nhất xứ được khiêu vũ cùng hoàng tử, còn các cô gái khác thì đã có các vương tôn công tử con nhà danh gia vọng tộc thù tiếp. Chỉ có nàng Lọ Lem hiền hậu đáng thương của chúng ta là nước mắt doanh tròng đang loay hoay với hàng tá nồi niêu, song chảo.

Bà tiên nhân hậu liền vung chiếc đũa thần lên. Trái dưa gang hóa thành một cỗ xe kết đầy hoa hồng đỏ, trắng, bốn con chuột bạch biến thành bốn con ngựa hùng dũng, chú cào cào trở nên một anh chàng kỳ mã hầu cận rất ưa là oai phong... Bộ y phục hội hám đính đầy dầu mỡ của nàng Lọ Lem hóa thành một bộ y phục khiêu vũ rất hợp thời trang, sự nồng nàn mùi hoa lài, hoa bưởi, hoa dạ lý... Người đẹp “Lọ Lem” của chúng ta bèn lên đường tiến thẳng đến hoàng cung. Cả đại hội đều ngây ngất và sửng sốt trước sự xuất hiện của Lọ Lem, các chàng trai nhìn nàng với vẻ triu mến chiêm ngưỡng, các cô gái tức tối ganh tỵ. Hoàng thái tử nghiêng mình trước xe tứ mã, đưa tay xin phép được dìu người ngọc xuống. Và Lọ Lem cùng chàng khiêu vũ cho đến khi chuông đồng hồ gõ mười hai tiếng. Sự nhớ lời bà tiên dặn, Lọ Lem hối hả từ giả hoàng tử leo lên xe và cho phi nước đại giữa ánh mắt nuối tiếc của hoàng tử. Chiếc xe vừa khuất sau một khúc quanh, thì Lọ Lem “mèo lại hoàn mèo.” Nàng Lọ Lem của chúng ta đứng bơ vơ giữa đường dưới ánh trăng... tay trái cầm một cái lồng nhốt bốn con chuột bạch, tay phải ôm trái dưa gang và chú cào cào thì nhảy chơi chơi trong túi áo...

Em thân mến!

Câu chuyện cổ trên đây là một câu chuyện tình có hậu đẹp như mơ... Nàng Lọ Lem được kết duyên cùng hoàng tử, bà tiên chúc lành cho họ rồi trở về thượng giới với một nụ cười thật tươi trên đôi môi nhân hậu. Đôi vợ chồng xinh đẹp và giàu sang này sống bên nhau cho đến ngày đầu bạc răng long. Họ sanh ra những đứa con kháu khỉnh như tiên đồng ngọc nữ. Hoàng tử yêu nàng Lọ Lem say đắm nên không có một cuộc đánh đập gây gổ nào xảy ra trong đời sống lứa đôi của họ. Khi nào gặp phải một chuyện rắc rối, nàng Lọ Lem chỉ cần ngồi ôm mặt khóc thì bà tiên nhân ái đã vội vã vén mây bay xuống với chiếc đũa thần lấp lánh trên tay. Và đó cũng là tất cả kết cấu của các câu chuyện đời xưa.

Viết lại câu chuyện này, tôi chỉ muốn hỏi nhỏ với em, những cô bé Lo Lem đáng thương đang loay hoay trong bếp, tất tả ngược xuôi bán hàng ngoài đường phố, hoặc nhễ nhại mồ hôi trên ruộng lúa nương khoai, có phải chẳng trong một đời người ít nhất cũng có một lần, tôi và em, những cô bé lo lem bỗng trở thành xinh đẹp, rực rỡ rất ư là cần thiết đối với một người khác nào đó khi mà thân ái tình đã vung đôi đũa ngọc? Chúng ta sẽ trở thành một nàng công chúa kiều diễm đẹp nhất xứ cho đến lúc đồng hồ điểm 12 tiếng... Đó là lúc chúng ta rơi tòm vào chiếc bẫy của thượng đế, như một tư tưởng gia tây phương đã nói: “Tình yêu là một chiếc bẫy mà thượng đế đã gài ra để bắt con người truyền giống.” Cái giờ phút định mệnh này thật là bi thảm biết bao. Hôm qua ta còn là một bà chúa đầy quyền uy, nghiêng thành đổ nước... thì hôm nay ta đã biết thành một con mụ bán mắm, con mẹ bán hột vịt lộn nào đó. Cánh cửa nhà trời đã đóng nên mặc tình cho các nàng Lo Lem của thời đại chúng ta ôm mặt khóc, hoàng thái tử vẫn thẳng tay nện củi, búa cuốc, cán rựa hay bất cứ thứ gì mà chàng vớ được vào người ngọc. Những đứa con “tiên đồng”, “ngọc nữ” của họ thì đang bò lê trên mặt đất đầy ruồi. Vậy thì nên cao bay xa chạy, leo lên ngựa phi nước đại trước đôi mắt thần thờ tiếc nuối của hoàng thái tử trước khi đồng hồ điểm 12 tiếng hay là nán lại để chàng cùng ta đồng chứng kiến cái giây phút “mèo lại hoàn mèo.”

Em tính sao đây?

---o0o---

Dải Áo Đứt

Xưa, một vị vua Trung Hoa mở dạ tiệc thiết đãi trăm quan. Yên tiệc đang linh đình thì một cơn gió mạnh ập đến, tất cả đèn đuốc đều phụt tắt. Trong bóng tối một cung nữ đến tâu với nhà vua:

- Muôn tâu bệ hạ, thừa dịp tối lửa tắt đèn, một tên vô lại đã cợt nhã với thần thiếp. Thiếp đã bứt được dải áo của hắn... xin bệ hạ cho truy tầm tội phạm ngay lập tức ạ!

Nghe xong vua liền truyền lệnh:

- Hỡi bá quan! Để tỏ dạ trung thành và hết lòng vui say với trẫm đêm nay, các khanh hãy bứt hết dải áo đi!

Mọi người y lời. Tiệc tan, nàng cung nữ đến nũng nịu trách nhà vua đã không chịu bắt tội phạm mà còn tạo cơ hội cho hắn phi tang.

Nhà vua mỉm cười đáp:

- Tử sắc là những điều mà thường nhân khó ai tránh khỏi. Cho ta uống rượu say chiuến choáng, cận kề bên nữ sắc, gặp cơ hội thuận tiện thì chính ngay bản thân trăm cũng khó mà tự chủ. Còn như biết được tội phạm mà không trừng trị thì phép nước hết nghiêm minh... Lòng trăm chưa được vô tư như thánh nhân khi biết rõ người phạm lỗi thì thà rằng chẳng biết còn hơn.

Về sau, nhà vua lâm nạn mọi người đều bỏ chạy, duy chỉ có một viên quan trẻ liều mình cứu giá. Nhà vua thoát chết, hỏi tên họ ân nhân. Chàng trẻ tuổi cung kính thưa:

- Muôn tâu thần chính là người bị bứt dải áo trong buổi dạ yến năm xưa.

Hai vui tôi đều xúc động.

Em thân mến!

Vị vua này xử sự thật thông minh và tế nhị biết là bao. Đọc đến câu chuyện này, tôi và em đều bồi hồi cảm động. Vậy mà trong chuyện tương giao hằng ngày, chúng ta lại cư xử hết sức thô tháo và khờ khạo. Có lẽ vì thế mà chúng ta đã làm tổn thương cho chính mình và bạn bè không ít. “Nếu biết lỗi người mà lòng mình chưa thể vô tư như thánh nhân thì thà rằng không biết còn hơn.” Chúng ta có nên ghi đậm nét câu này vào trong lòng không đây?

---o0o---

Thân Giáo

Thuở xưa có một nhà sư sống ẩn dật tại một triền núi, được mọi người xem là đạo cao đức trọng.

Một hôm nhà sư tiếp một bà lão cùng cậu con trai của bà.

Bà lão thưa:

- Bạch sư thằng bé này mắc phải cái tật là ưa sưu tầm hoa kiểng. Nó đã làm cho tôi tốn hao không biết bao nhiêu là tiền của trong cái thời củi que gạo châu này... Xin sư làm ơn chữa trị hoặc răn dạy giùm kéo tội nghiệp cho tôi cùng vợ con nó.

Nhà sư ngẫm nghĩ giây lâu nói:

- Bà hãy dắt nó về khoảng nửa tháng sau trở lại tôi sẽ giúp cho.

Bà lão y lời. Đến ngày hạn nhà sư chỉ thốt một câu đơn giản:

- Đó là một thú vui hao tài tốn của con hãy bỏ đi, để tiền mà thờ mẹ nuôi con.

Bà lão bất bình:

- Tưởng thầy có phương cách gì té ra chỉ có bao nhiêu lời đó. Thế sao thầy không làm ơn nói giùm ngay bữa trước mà còn hẹn đến hôm nay? Đường xá xa xôi biết là bao!

Nhà sư mỉm cười:

- Chẳng giấu gì bà... tôi cũng mắc phải cái tật như cậu nhà đây. Nửa tháng gia hạn là thời gian để tôi bỏ cái cố tật đó. Nay mọi việc đã xong tôi mới dám mở miệng khuyên can cậu em này.

Chàng trai từ đó ăn ở rất vừa lòng mẹ.

Em thân mến!

Trong một quyển kinh A Hàm, Đức Phật đã giải thích vì sao Ngài được gọi là Như Lai. “Như Lai là làm sao thì nói vậy, lời nói và việc làm đi đôi với nhau nên gọi là Như Lai.” Và chúng ta có thể gọi vị sư này là Như Lai theo nghĩa ấy.

Người xưa có thể chỉ với một câu nói giản dị mà cảm hóa được lòng người là do thân giáo. Còn chúng ta, nói ra rả suốt ngày mà chẳng ai chịu nghe là vì miệng nói một đằng mà hành động một nẻo, chứ không phải tại chúng sanh đời mạt pháp càng cường khó dạy đâu nghe!

Đạo Sĩ Am Mây

Xưa có một đạo sĩ sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc đầy mây phủ nọ. Rau rừng, nước suối, quạt gió, đèn trăng tuy đạm bạc nhưng khá đầy đủ đạo vị đối với con người tri túc cắt đứt duyên trần như đạo sĩ.

Trở ngại duy nhất của nhà tu là các chú chuột nhắt trong hang động, thường quấy phá gặm nhấm bất kể đêm ngày.

Ngày lại tháng qua bọn chuột cứ sinh sôi nảy nở đông đúc và ngày một lộng hành chịu hết nổi. Đạo sĩ đành mang một chú mèo về ở chung, nhờ sự cảm hóa của đạo sĩ, chú mèo chỉ hãm he lũ chuột nhắt chứ riêng chú hoàn toàn trường chay khổ hạnh. Lâu ngày mèo chỉ còn da bọc xương. Chạnh lòng, đạo sĩ phải hạ sơn đi xin sữa bò về bồi dưỡng cho ân nhân, cũng là bạn đồng hành trên đường cầu đạo.

Để tránh tối thiểu chuyện đi lại thường làm gián đoạn công phu tu tập, đạo sĩ xin một con bò sữa về nuôi để lấy sữa cho mèo uống. Nhân vật mới này thật là ngu như bò... ả ta cứ nhón nhờ đi dạo khắp vùng núi ẩn cư và thường quên lối về... Một chú mục đồng được vờ đến để trông nom con bò và vắt sữa mỗi ngày. Rừng núi hoang sơ xem chừng không mấy thích hợp lắm với một chàng trai mới lớn và nặng lòng trần tục... Đạo sĩ đành mượn sợi tóc nữ nhi cột chân chàng trai trẻ... Bằng cách đó chẳng bao lâu vùng núi ẩn dật biến thành một thôn trang trù phú với đông đảo những tập đoàn chuột, mèo, bò, đàn ông, đàn bà và con nít...

Không ai biết đạo sĩ đắc đạo khi nào, tịch ở đâu và truyền pháp cho ai... Lâu dần người ta cũng quên mất tên tuổi ông và chỉ gọi nhà tu là “Đạo sĩ am mây.”

Em thân mến!

Như vậy không phải là khi không khi không mà đức Phật dạy hàng tu sĩ chúng ta nên tu hạnh “thiểu dục tri túc” tức là hãy bằng lòng với tình trạng vật chất hiện có của mình... Lâu lâu có lẽ chúng ta nên kiểm kê tài sản một lần xem nó đã sinh sôi nảy nở đến đâu rồi, kéo mà “cái sậy nó nảy cái ung” biết đâu chừng, có phải thế không?

Hóa Thân Bồ Tát

Pháp sư Đỗ Thuận, sư tổ của tông Hoa Nghiêm ở Trung Hoa, có nuôi một chú đệ tử thân cận rất lâu. Một hôm chú thị giả này xin phép Ngài đi núi Ngũ Đài để đánh lễ Đức Văn Thù vì nghe đâu Bồ Tát thường hiện thân xuống chốn đó. Ngài Đỗ Thuận không bằng lòng và đọc một bài kệ:

“Du tử mạn ba ba
Đài sơn lễ thổ pha
Văn thù chỉ giá thị
Hà xứ mịch Di Đà.”

Tạm dịch:

Những chàng du tử lên đên
Đến Đài Sơn lễ những ghênh đất thô
Di Đà tìm ở chốn mô
Văn Thù kẻ cận hồ đồ không nghe.”

Chú đệ tử vẫn ra đi... bằng ngàn vượt tuổi một thời gian mới đến núi Ngũ Đài. Chú tha thiết đánh lễ cầu mong được thấy hóa thân của Bồ Tát, lòng thành được đáp ứng, một ông già hiện ra bảo chú:

- Đức Văn Thù nay ở núi Chung Nam, tên Ngài là Đỗ Thuận.

Chú thị giả hồi hả quay về. Đến cố hương Ngài Đỗ Thuận đã thị tịch.

Em thân mến!

Chỉ cần giản dị một chút thôi là chúng ta có thể gặp không biết cơ man nào là thiện hữu tri thức trên khắp nẻo đường đời. Ngược lại chỉ cần một tí kiêu mạn thì dù ở kề cận bên Phật và Bồ Tát, chúng ta vẫn lâm vào tình trạng “Vô duyên đối diện bất tương phùng” như chú thị giả trên đây.

---o0o---

Những Điều Vô Lý

Thiền sư Triệu Châu nói:

- Lúc ở Thanh Châu ta có may một cái áo bằng lông rùa nặng đến bảy cân.

Câu nói này vô lý đến bốn lần:

1. Rùa làm gì có lông?
2. Lông đã không thì làm sao dệt thành vải được?
3. Vải không làm sao may thành áo?
4. Áo đã không thì làm sao cân nặng đến 7 cân?

Em có đồng ý như thế không? Vậy mà, có một chuyện này càng vô lý hơn nữa, nhưng chúng ta vẫn chấp nhận.

1- Ta khởi lên những vọng tưởng, nhìn cho kỹ thì chúng biến mất, tìm không ra tung tích, cũng hư ảo như là lông rùa vậy.

2- Những vọng tưởng hư ảo đó được nối kết với nhau thành một cái “tâm của ta.”

3- Cái tâm này khác cái tâm kia nên dường như có những bản ngã cá biệt nhau, cái xấu cái tốt, thánh phàm lộn xộn.

4- Và chúng ta than thở “Cái nghiệp của tui nó nặng quá chời” (thế là hơn 7 kí lô của Ngài Triệu Châu rồi đấy).

---o0o---

Ông Thầy Kỳ Lạ

Xưa có một vị sư già nuôi một đồng tử nhưng không dạy phép tắc qui củ gì cả.

Một hôm, có vị tăng hành cước đến thấy tình trạng đó liền dạy cho đồng tử những nghi lễ thông thường của một chú tiểu sơ cơ.

Chiều đến, khi vị sư già trở về, đồng tử liền ra chào hỏi. Vị sư già lấy làm lạ gạn hỏi nguyên do. Xong, sư gọi vị khách tăng đến bảo:

- Thượng tọa đi hành cước là thực hành cái tâm gì? Tôi nuôi thằng bé này đã hơn ba năm nay rồi. May mắn là nó có thể tự thương xót nó. Ai bảo thượng tọa làm hư hoại nó. Thôi! Mời thượng tọa đem hành lý đi chỗ khác.

Vị khách tăng đành phải ra đi giữa lúc trời đang đổ mưa.

Thiền sư Pháp Nhãn bình rằng:

“Người xưa làm sao hiển lộ cái gia phong của chùa mình ra rất là quái lạ, hãy nói ý tại chỗ nào? Một khi đã có động tác thì vi liền chẳng phải là Bốn lai diện mục. Thánh đã chẳng thể được thì làm gì có phạm. “An nhiên mặc cho nó động tĩnh vô tâm, thánh hay phạm, năng hay sở, trí hay ngu, phiền não hay bồ đề đều là đạo như như bất động.”

Em thân mến!

Chúng ta có thể bắt chước rập khuôn theo Thánh hiền, tiên Phật, Bồ Tát về các khoản oai nghi đi đứng nằm ngồi, ăn mặc, nói năng, cúi ngược, ho hen, tăng hắng... nhưng không thể bắt chước các ngài về khoản giác ngộ và thái độ tự tại trước bát phong. Không thể bắt chước nhưng không phải là chúng ta vô phân. Có điều hâm mộ và bắt chước người khác đôi khi cũng có nghĩa là tự khinh khả năng của chính mình. Có lẽ vì thế mà vị sư này không chịu dạy dỗ đồng tử về những oai nghi phép tắc chẳng?

---o0o---

Mạng Đền Mạng

Xưa có bác thợ hồ đang lúi húi xây một bức tường cao thì bỗng trượt chân té nhàu. Sau khi quay lộn đi mấy vòng, bác rơi trúng một khách bộ hành đang đi phía dưới. Kết cuộc là bác thợ hồ bình an vô sự còn người bộ hành thì gãy cổ chết. Gia đình nạn nhân liền đâm đơn kiện. Quan huyện xử bác thợ hồ phải bỏ tiền ra mai táng nạn nhân. Thân nhân người chết không bằng lòng, nhất định bắt đương sự phải “mạng đền mạng.” Quan huyện liền phán:

- Thế thì gã thợ hồ phải chết theo cách thức mà hắn đã giết người. Lần này chính hắn phải đứng dưới đường, gia đình nạn nhân cử một người leo lên bức tường và nhảy xuống đầu hắn để hắn gãy cổ chết mà đền tội.

Thân nhân người chết liền bãi nại.

Em thân mến!

Nên tạ ân thưởng để những gì mà ngài không chuẩn nguyện cho ta.

Chum Vàng Bất Được

Xưa có anh nông dân mua được thửa đất mới. Một hôm, đang cày đất anh bắt được chum vàng. Vốn thật thà, anh ngẫm nghĩ:

“Chum vàng này chắc của người chủ cũ.”

Anh liền mang đi trả. Người chủ cũ cũng đáp rất vô tư.

- Tôi không có vàng để chôn nên chum vàng đó không phải là của tôi.

Anh nông dân cãi lại:

- Khi tôi mua thửa đất, không hề nói là có chum vàng. Vì vậy nên tôi xin trả lại cho bác.

Lúc tôi bán đất tôi cũng không biết là có chum vàng. Vậy thì bác cứ lấy.

Hai người cứ nhượng qua nhượng lại mãi cho đến lúc trời sụp tối, đành phải chia tay. Sau một đêm suy nghĩ cặn kẽ, cả hai đều hối hả đi tìm nhau. Gặp nhau ở giữa đường, hai người cùng nói:

- Bác dạy thật chí lý! Chum vàng ấy là của tôi.

Hai người lại tranh cãi cố chứng minh chum vàng là của mình... Cuối cùng nội vụ phải đưa lên quan.

Em thân mến!

Hóa ra càng suy đi ngẫm lại, chúng ta càng bóp méo sự thật, càng làm cho sự việc rắc rối thêm lên có lẽ vì thế mà chư tổ thường dạy chúng ta nên tiếp ứng với ngoại vật bằng bản tâm bình thường không bị những tính toán lo toan làm xao động. Mảnh tâm ấy đã có đủ khả năng làm lành lánh dữ (giới), sáng suốt (huệ) và không bị dao động vì những tư dục cá nhân

(định). Đó là lúc mà cả hai bác nông dân đều thấy rõ mồn một rằng: “Chum vàng ấy không phải là của tôi.”

---o0o---

Tri Dị Hành Nan

Ngày xưa ngày xưa, có một lũ chuột đang sống rất hạnh phúc tại một xóm nhà lá nọ.

Dân chúng đang an cư lạc nghiệp thì một chú mèo xuất hiện.

Để đối phó với tai họa mới này, một đại hội nhà chuột liền được triệu tập khẩn cấp.

Các nhà đại biểu nhà chuột lục đục kéo về dự đại hội.

Hội nghị kéo dài ba ngày, toàn thể đại biểu đều nhất trí đồng ý ở đề nghị: “Phải treo một cái chuông nơi có chú mèo để đồng bào nhà chuột biết hung thần sẽ đi đến đâu mà chạy cho lẹ.”

Hội trường vang dội tiếng vỗ tay. Giọng họ nhà chuột cũng thông minh đấy chứ!

Nhưng... ai là kẻ dám đi treo chuông nơi cổ chú mèo?

Té ra biết thì dễ nhưng làm thì khó biết bao!

---o0o---

Chấp Chỉ Vọng Nguyệt

Lía là tên tớ của ông Bảy mập, nó thật thà giỏi dẫn chỉ phải cái hơi ngu.

Một hôm ông Bảy có việc đi vắng, dặn Lía ở nhà rằng:

- Phải con chùng cửa nẻo kéo ăn trộm!

Ông Bảy đi rồi có một đoàn cải lương đi về làng.

Lía rất khoái coi cải lương... nhưng nhớ lại lời dặn của ông Bảy.

Nó đứng ngồi không yên mãi đến lúc tìm ra một điệu kè.

Và Lía thực hành liền.

Lía tháo hết mấy cánh cửa, chắt lên xe đạp chở đi xem hát.

Tan hát, Lía chở cửa về nhà lắp lại như cũ.

Khi ông Bảy về nhà ông thấy cả gia sản chỉ còn mấy cánh cửa, chiếc xe đạp và cậu tớ quý.

Em thân mến!

Nếu chúng ta chỉ cho rằng khi đi bất cứ nơi nào, chỉ cần mang theo đầy đủ ba y, bình bát là sẽ làm xong lời Phật dạy... thì coi chừng! Chúng ta sẽ giống thằng Lía này đây!

---o0o---

Lý Do Giải Dị

Xưa có một tòa lâu đài rất nguy nga tráng lệ bỗng dung sụp đổ. Mọi người đều đổ xô đến xem và xôn xao bàn tán.

Một người ra vẻ hiểu biết, hăng giọng kết luận:

- Khi này, đang ở đầu ngõ, tôi thấy một con ruồi xanh bay qua... Và sau đó thì “ầm” một cái ngôi nhà này sụp đổ. Chính hấn là thủ phạm chứ ai trồng khoai đất này nữa... thừa bà con cô bác.

PC: Dường như những lời kết luận vội vã của chúng ta khi giải thích cho các sự kiện hàng ngày đều giống hệt như anh chàng thông thái trên cả.

Em nghĩ sao?

---o0o---

Tên Cướp Độc Đoán

Ngày xưa ngày xưa, có một tên tướng cướp hùng cứ ở một sơn trại hiểm trở. Hấn có rất nhiều lâu la bộ hạ cùng vô số ngọc ngà châu báu, nhưng tướng chỉ quý nhất là một chiếc giường bằng vàng giát ngọc bích.

Tướng cướp rất hãnh diện về chiếc giường này và hẳn tìm được một cách quảng cáo tên tuổi mình cùng chiếc giường được nổi danh ngang nhau.

Mỗi khi bắt gặp người lạ mặt lai vãng đến gần sơn trại, tướng cướp cho lâu la áp đặt nạn nhân lên chiếc giường quý. Ba trường hợp có thể xảy ra:

1- Nếu tầm thước nạn nhân dài hơn chiếc giường, bọn cướp sẽ cắt phần đầu hoặc chân thừa ra.

2- Nếu nạn nhân có khổ người ngắn hơn chiếc giường, bọn cướp sẽ kéo dài người bị nạn cho đến lúc y nằm vừa vặn trên giường mới thôi.

3- Nếu tầm thước nạn nhân vừa vặn với chiếc giường, bọn cướp sẽ không tha cho y được trở về quê quán.

Bằng cách quảng cáo này, bọn cướp và chiếc giường nổi danh ngang nhau.

Em thân mến!

Loài người chúng ta ai cũng có sẵn một cái giường như thế và chúng ta cũng độc đoán không thua gì tên cướp nọ. Khuôn theo những vọng tưởng điên đảo của riêng mình, chúng ta cũng lập nên những khuôn vàng thước ngọc để đo lường thiên hạ. Vì vậy mà trong cuộc tương giao với nhau, chúng ta thường bực bội khó chịu khi thấy sao mà chẳng có ai làm vừa bụng mình hết.

Chiếc giường của tướng cướp còn có một tầm mức cố định, trong khi thước đo của mỗi người chúng ta thì lại được cấu tạo bằng những vọng tưởng sinh diệt vô thường nên rất cuộc, chúng ta chỉ tự làm khổ mình và khổ người mà thôi.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Con Chó Vô Ôn

Thầy kể chuyện:

“Tu viện có nuôi một con chó tên là Tiểu Bạch, nó bị xà mâu ăn lở loét cùng mình. Sư khám bệnh thấy vậy động lòng trắc ẩn, chế thuốc bôi cho nó,

thuốc thật công hiệu nên chỉ mới xức có một lần mà ghẻ đã khô mặt. Nhưng cũng từ dạo đó, mỗi lần thấy bóng “ân nhân” Tiểu Bạch bèn hậm hực bỏ đi nơi khác.”

Xong, thầy kết luận:

“Mấy đứa tụi con, khi có lỗi được huynh đệ nhắc nhở, đâm ra tức tối, tìm cách trả đũa lại... thì coi chừng giống con Tiểu Bạch.”

PC: Chúng sanh trong cõi này dù là nhân đạo hay súc sanh đạo cũng giống nhau chỗ này. Nhớ ân và đáp ân là một điều thật khó, trong khi đem oán trả ân là một chuyện dễ ợt. Có lẽ vì thế mà chúng thường thấp hươg đánh lễ những kẻ biết ghi ân chăng? Và trong kinh, Đức Phật cũng thường tán thán tôn giả Xá Lợi Phất là người mà “một chút ân nhỏ xíu cũng không quên!”

---o0o---

Cách Làm Một Hạt Ngọc Trai

Em có biết người Nhật Bản họ làm một hạt ngọc trai như thế nào không?

- Họ lấy một con dao nhỏ thật sắc, rạch bụng con trai ra, bỏ vào đấy một hạt cát và khâu lại. Xong, họ thả con trai ấy vào một cái hồ chứa đầy nước biển.

Những con trai sau khi lãnh một hạt cát vào trong bụng như thế, có thể lâm vào hai trường hợp sau:

1- Những con trai yếu đuối sẽ chết vì vết thương làm độc.

2- Những con còn lại, sau một thời gian đau đớn oằn oại vì vết thương, sẽ tiết ra một chất nhờn để bao bọc hạt cát đang nằm sâu trong da thịt.

Hạt ngọc trai được thành hình từ đó.

Còn chúng ta, cuộc đời cũng đã mổ bụng ta và nhét vào đấy những niềm sầu nỗi khổ.

Nếu chúng ta cứ than van hờn trách thì ta sẽ chết lần chết mòn như những con trai yếu đuối nọ.

Ngược lại, nếu ngay trong những nghịch cảnh oái ăm ấy mà chúng ta biết tiết ra một chất thức tinh thì một vị Phật được bắt đầu như thế đó em ạ!

Đạt Ý Vong Ngôn

Tý cấp sách đến trường học.

Một hôm cô giáo kể chuyện rằng bản cửu chương của bọn Tý chưa học thuộc đó là kết quả của một nhà toán học đại tài. Ông đã mất hết 13 năm dài nghiên cứu ròng rã mới tìm ra được.

Kể xong, cô giáo kết luận:

“Các em phải gắng học cho thuộc kẻ phụ công khó của người xưa!”

Tý nghe xong đâm ngán. Thông minh cỡ ông toán học đó mà phải mất 13 năm. Ngu cỡ mình chắc phải 1300 năm mới học thuộc nổi... chết cha rồi!

Tý bèn trốn học, trong khi bạn Tý đều học thuộc lòng cửu chương và ứng dụng nó để làm toán nhân chia rất dễ dàng.

Em thân mến!

Nếu em nghe kể rằng Đức Phật của chúng ta phải trải qua vô số kiếp tinh cần khổ nhọc mới được giác ngộ, chừ tổ phải mất ba bốn chục năm mới xong việc... rồi em đâm ngán mà thôi tâm đâu có khác gì thằng cu này!

Có phải thế không nào?

---o0o---

Bản Kinh Kỳ Lạ

Vào thời đương lại, cách đây hằng sa số A tăng kỳ kiếp, có một vị Phật ra đời tên là Hạnh Đ.

Một hôm Đức Phật đang ngự giữa rừng trúc cùng 1250 vị tỳ kheo doanh vây thì có một tên vô lại đến dùng đủ lời bất nhã thóa mạ Phật. Phật Hạnh Đ. bèn dậm chân mếu máo:

- Này chư tỳ kheo! Tên Bà La Môn này vô cớ đến mạ nhục Như Lai!

Chúng tỳ kheo đồng thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rằng chư Phật đều bất động trước lời khen tiếng chê...

Phật Hạnh Đ. liền òa lên khóc:

- Hu hu! Như Lai không thích ức ức... Như Lai không muốn hấn nói những lời khó nghe như thế đối với Như Lai... ức ức... Như Lai sẽ nhập Niết Bàn cho mà coi... ức ức!

- Bạch Thế Tôn, xin ngài hãy bình tĩnh, tên vô lại đã đi... xa rồi ạ!

Nhưng Phật Hạnh Đ. vẫn còn tấm tức...

- Mà Như Lai vẫn chưa hết tội thân... ức ức!

Lúc bấy giờ 1250 vị tỳ kheo bèn vội vã “thiên đàn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn.”¹

1. “Kéo áo bầy vai mặt, chấp tay hướng Phật mà thưa thế này.”

“Hạnh Đ. vô thượng tôn
Ba cõi chẳng ai bằng
Thầy dạy khắp trời người
Cha lành chung bốn loài...”

Khi ấy rừng tre cười nghiêng ngả, ông trăng đỏ ké mặt.

Phật Hạnh Đ. bèn đưa cánh tay Đâu La Miên thò vào túi, móc lấy chiếc khăn mù soa bằng vải tẩm ra hỉ mũi, quẹt nước mắt và nhoèn miệng cười.

1250 vị tỳ kheo cũng bật cười theo.

(Trích Đương Lai hạ sanh Phật)

PC: Coi chừng bản kinh này sẽ được kèm vào hồ sơ lý lịch của mình đây... Thưa chư Phật đương lai!

Thuận Nghịch

Cu Bi là con trai một của ông Cả. Ông rất cưng chiều nên suốt ngày nó chỉ biết ăn chơi và khóc nhè.

Một hôm rong bờ ruộng bụi thế nào mà cu Bi lọt phải một bụi tre gai. Bi la khóc âm ỉ, chó Vá chạy quanh tìm cách cứu bạn như vô ích.

Vá đành chạy về nhà báo cho ông Cả hay.

Được tin, ông Cả tức tối đi ngay đến bụi tre. Nhưng ông cũng đành bó tay vì hễ vừa động đậy mấy cành tre là cu Bi ré khóc inh ỏi.

Ông Cả chỉ còn cách xách cà mèn ngày ba bữa đến bụi tre nuôi cu Bi.

Thời mai, hôm ấy có chú Tư ở Saigon về thăm nhà.

Chú liền đi với ông Cả đến thăm cu Bi. Gặp nó chú Tư liền nảy ra một kế. Chú Tư bảo ông Cả về trước, còn chú ở lại để kể chuyện cho cu Bi nghe vì nó rất khoái mục này.

Chuyện rằng: “Có một con ma cà rồng mắt đỏ lưỡi xanh, nanh dài... chuyên môn ăn thịt con nít. Mỗi khi bắt được đứa nào, nó liền bỏ ba hột muối lên đầu đứa bé và nhai rạo rạo.

Chú Tư còn kể thêm: Nghe đâu nó mới xuất hiện và nhai hơn một chục đứa ở xóm trên.

Kể xong, chú Tư bỏ về, mặc cho cu Bi ré khóc inh ỏi.

Vừa được vài bước, chú Tư đã nghe tiếng chân cu Bi rượt theo.

Hai chú cháu cùng về. Chó Vá mừng vô kể.

Em thân mến!

Chúng ta đã hiện diện trên cõi đời này chẳng khác nào thằng cu Bi lọt phải bụi tre gai.

Ông Cả, con chó Vá và ngăn cà mèn tốt bụng quả là những thuận cảnh rất cần thiết cho bọn mình, nhưng những nghịch cảnh như chú Tư và con ma cà rồng thì cũng chẳng hẳn là vô ích.

Vậy thì, bọn mình có nên vòng tay cảm ơn tất cả những điều trái tai gai mắt, rối trí, khổ lòng mà cuộc đời không ngớt dồn dập trao tặng hay không?

---o0o---

Chàng Rể Đa Sự

Ngày xưa ngày xưa, có một chàng trai nọ, chúng ta cứ tạm gọi anh chàng là An cho tiện.

An được cha mẹ hứa hôn với một cô gái láng giềng đồng trang lứa. Hai đảng chưa hề giáp mặt nhau. An chỉ nghe phong phanh rằng vị hôn thê của mình là một thiếu nữ khá diễm lệ, tam tòng tứ đức đều đầy đủ. Và các bạn chàng vẫn thường kín đáo tỏ bày niềm ao ước được một người bạn đường tốt đẹp như chàng.

Để chứng tỏ cho cô dâu và mọi người biết rằng đảng gái đã không làm khi chọn mình làm rể đông sàng. An cương quyết sẽ không bao giờ rước vợ nếu chưa lập được công danh với đời.

Từ đó người ta thấy An ngày đêm sôi kinh nấu sử, luyện võ ôn văn.

Ngày tháng dần qua, biết bao lần đảng gái bắt tin cho An biết rằng họ không đòi hỏi nơi chàng gì hết, rằng tân nương sẽ được đưa đến vô điều kiện như lời giao ước năm xưa.

Nhưng lòng tự tôn của An đã không cho phép chàng hành động như bao nhiêu con người tầm thường khác... Chàng vẫn thường hình dung đến nhan sắc diễm lệ của nàng để tự an ủi và sách tấn mình trong những lúc thất chí sa cơ... Tất cả những gian truân khó nhọc mà chàng đã vượt qua há chẳng là vì nàng đó sao? Người thiếu nữ mà dung nhan còn mơ hồ dần dần trở thành một điểm tựa, một lý tưởng, một hải đăng định hướng cho đời chàng.

Mười năm trôi qua, An tạm hài lòng với con đường công danh của mình. Và một hôm hôn lễ được cử hành rất tưng bừng. Cô dâu được đưa về nhà chồng với vô số đồ trang sức và một tấm khăn voan che kín mặt.

Và trước mặt rất đông quan khách, An đưa tay gỡ tấm khăn che mặt tân nương. Bỗng nhiên người ta nghe tiếng kêu thảng thốt của An:

- Chèn ơi! Tưởng ai đâu xa lạ. Té ra nàng chính là người vẫn thường xắt chuối cho heo ăn và vớt bèo nuôi vịt mà tôi thường thấy thường ngày qua song cửa đó ư?

Người ta không đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. Có người cho rằng sau đó An bỏ nhà đi biệt biệt vì tân nương đã làm cho chàng quá sức thất vọng. Nàng đã không chịu ăn hoa uống sương và thêu vàng giác ngọc như chàng hằng mơ tưởng... mà lại là một thiếu nữ hoàn toàn bình thường và đảm đang như bao nhiêu người vợ hiền khác.

Nhưng lại cũng có kẻ quả quyết rằng sau ngày hôn lễ, An đã tuyên bố rằng tân nương tuy không giống như người trong mộng của chàng nhưng mà nàng cũng không đến nỗi xấu xí... Và chàng kết luận rằng chỉ vì tánh khí cao ngạo ngông cuồng mà chàng đã phí mất mười năm dài lao nhọc trong khi lúc nào nàng cũng ở bên cạnh chàng...

Nhưng nơi đây người kể không cốt ý trình bày một câu chuyện tình có hậu trong thế gian, mà chỉ thừa hứng nghĩ lan man về tu hành giới, về chuyện hạ thủ công phu của nhà thiền... cũng như lao tâm khổ trí, những niềm sầu nỗi chán trên đường tầm đạo... Chân lý là một cái gì khi ẩn khi hiện như thực như hư. Hành giả thường không biết mình đang làm gì và ở nơi đâu trên đường tìm kiếm, đang đi hay sắp đến. Đạo ở nơi đâu, ra sao mà thiền sư Nam Tuyên lại khẳng định rằng: “Tâm bình thường là đạo.” Và tổ Đạt Ma lại dạy “Càng cố tâm tìm càng chẳng biết.” Nhất là câu nói sau đây của Cổ Đức “Đáo xứ phùng nhân mạch diện khinh” có nghĩa nôm na rằng “Sau khi lội suối trèo non mất bao nhiêu năm cần cù tìm kiếm, rốt cuộc ta sẽ gặp lại người mà ta vẫn thường khinh dễ mỗi khi ta gặp mặt hàng ngày... giống hệt như anh chàng An trên đây. Sau mười năm khó nhọc tìm sinh lễ đã rước về một vị tân nương khác xa người trong mộng của chàng... Là người mà chàng thường thấy thấp thoáng qua song cửa mỗi ngày, khi xắt chuối cho heo, lúc vớt bèo nuôi vịt.

---o0o---

Phần 5

Thằng Bọn Bất Lương

Ngày xưa ngày xưa, có một anh chàng nọ mặt mũi cũng dễ coi nhưng phải cái hơi ngu, chúng ta gọi anh là Tâm cho tiện.

Một hôm Tâm kết bạn với Ý là một tên du thủ du thực, đa mưu túc trí, chuyên nghề lường gạt chôm chia mà sống. Thấy Tâm chất phác dễ tin, Ý bèn dỗ ngọt dẫn Tâm đến một chốn xa xôi hẻo lánh chặn dê cho người để lấy tiền lập nghiệp. Tên bất lương lấy trước sáu tháng tiền công của bạn rồi ra đi với hứa hẹn là sẽ tìm nơi tậu nhà cửa ruộng vườn cho Tâm.

Sáu tháng sau, Ý đến vui vẻ báo tin:

- Chú Ba à! Số chú thật là may mắn. Món tiền hôm trước chú đưa cho anh chả thấm vào đâu... anh phải bù đắp thêm gấp bội và đã tậu cho chú đầy đủ cả nhà cửa ruộng vườn khang trang lắm! Anh những ước mong sao chú được trở về đó để anh lo bề gia thất cho chú xong xuôi thì có chết anh cũng cam lòng... ngặt vì tiền cưới xin hơi đắt. Vậy chú hãy cố gắng làm công thêm một năm nữa nhé.

Chàng Tâm cảm động trước lòng lo lắng của ông anh kết nghĩa nên “y giáo phụng hành.” Và tên bất lương lại cuỗm thêm một năm tiền công nữa... rồi ra đi.

Một năm sau, Ý lại trở về báo tin là đã lo cưới hỏi xong xuôi cho bạn. Cô vợ đảm đang hiện ở trong ngôi nhà mới mua dạo trước và hết lòng chăm sóc tài sản cho đàng phu quân.

Từ dạo đó, chàng Ý thường lai vãng đến trại dê để báo tin nhà và thúc hối Tâm lo tiền thang thuốc cho vợ, hiếu hỷ cho ông nhạc, quà biếu bà mẹ vợ, đồ chơi cho lũ em vợ v.v...

Vài năm sau, Tâm lại phải làm thêm ca đêm để có tiền gửi cho ông anh kết nghĩa chăm sóc dưỡng nuôi giùm bày con đông đúc cả gái lẫn trai.

Đàn con tưởng tượng mỗi ngày một gia tăng, bốn phận làm cha làm chồng càng ngày càng nặng, rút dần mòn sức khoẻ chàng trai khờ dại.

Một hôm biết mình sắp kiệt sức, Tâm ngỏ lời với bạn rằng chàng muốn về nương cậy vợ con trong lúc tuổi già sức yếu, thì Ý liền sa sầm nét mặt, giọt ngắn giọt dài, báo hung tin:

- Chú ơi! Biết nói sao bây giờ đêm qua một cơn hỏa hoạn đã thiêu rụi cả nhà cửa ruộng vườn lẫn vợ con chú cả rồi... cuộc đời quả thật là vô thường. Anh không biết làm gì hơn là cùng chia sẻ những cái tang đau đớn này với chú vậy!

Em thân mến!

Câu chuyện được ngừng lại nơi đây, vì khó mà tin nổi rằng trên đời này lại có một người khờ dại như chàng Tâm.

Nhưng... phần chúng ta, có làm chẳng khi chấp nhận những vọng tưởng điên đảo chợt có chợt không là bản tâm của mình? Dưới sự dẫn dắt của cái tâm này chúng ta có đầy đủ quê hương cha mẹ họ hàng thân quyến. Và nếu thêm nữa là những thứ phụ tùng rắc rối như vợ chồng con cái.

Cho đến lúc sức mòn lực kiệt... thì cuộc đời vô thường đòi lại tất cả những cái “có” của chúng ta... Phần ta còn trơ trọi hai bàn tay không.

---o0o---

Một Cách Trả Thù

Tý bắc ghế định lấy kẹo ăn vụng. Ngờ đâu trượt chân té nhào. Tý lồm cồm bò dậy, tức tối muốn khóc...

Chợt thấy con nô đứng bên cạnh, Tý móc cho nó một đá, mắng:

- Ai bảo mày nhìn lom lom cho ông té vậy? Đồ khốn khiếp!

Xin lỗi nhỏ:

Mỗi lần té nặng vì bắc ghế trèo lên cao để ăn vụng kẹo ngũ dục, chúng ta có nên tìm một con chó để đá cho đỡ tức và trút hết trách nhiệm lên cái mông vô tội của nó không? (Đỡ tức lắm thưa chư tôn giả! Nhất là loài cầu vồng không biết nói nên chỉ biết cong đuôi vừa chạy vừa kêu ăng ẳng... Nhưng coi chừng! Đừng đá nhầm loài người mà bị chửi và bị đòn đấy!)

Tóm lại cách tốt nhất là trút hết trách nhiệm lên đầu ông trời, thượng đế, con tạo hoặc nhân quả, nghiệp báo, định mệnh... còn khỏi thứ đỡ đòn cho chúng ta đấy, bạn ạ!

---o0o---

Thuốc Thành Bệnh

Bé đi về thăm ngoại, bà ngoại đãi bé Tý một tô cháo gà nóng hổi, thơm phưng phức. Tý húp liền một miếng nhăn mặt:

- Sao hồng ngon chi hết ngoại ơi!

Ngoại nghe Tý chê, vội vã đem lên một ít muối bỏ vô tô khuấy đều.

Tý thưởng thức xong reo:

- Ngon số dzách ngoại ơi! Hồng dè có thêm một chút xíu muối mà cháo ngon chi lạ!

Lúc chào ngoại ra về, Tý xin ngoại một gói muối bự, đến một chỗ vắng, Tý trút hết gói muối vào miệng... Eo ơi! Nó mặn đến dộp lưỡi, bỏng miệng.

Em thân mến!

Tất cả các pháp dù là Phật pháp đi nữa, chúng ta đều dùng một cách dè dặt như là muối biển vậy. Vừa miệng hay dộp lưỡi đều tùy thuộc vào cách sử dụng của ta chứ muối thì hoàn toàn vô tội.

Nếu bây giờ khi đọc sách bắt gặp những đoạn văn kể chuyện người xưa tu hành quên ăn, nhịn ngủ ngồi mãi chẳng nằm... em cảm thấy thán phục và nghĩ rằng có lẽ nhờ những điều đó mà cô nơn đắc đạo và em bắt chước cái hình ảnh mà em vừa tưởng tượng ra và thán phục ấy, em cũng nhịn ăn, bỏ ngủ, cái mặt chừ bự thì coi chừng em sẽ bị dộp lưỡi như bé Tý vậy.

Tô cháo ngon lành là do rất nhiều yếu tố đóng góp chứ đâu phải chỉ nhờ muối không thôi đâu, phải không nhỏ?

---o0o---

Bắt Chước Thầy

Thuở xưa tại một vùng biên địa hạ tiện dân chúng đều mù chữ. Mãi cho đến một hôm có người đến tự xưng là thầy giáo đến thăm làng và đồng dục tuyên bố:

- Mọi người ai ai cũng có khả năng biết chữ hết. Nhiệm vụ của tôi khi xuất hiện ở ngôi làng này là giúp cho bà con cô bác phát triển khả năng đó, để thành một người biết chữ như tôi không khác. Mọi người nghe nói đều hồ hởi phấn khởi với sự hướng dẫn của thầy giáo. Nhiều lớp học được thành lập, nhiều người đến lớp học. Thầy giáo phát cho mỗi người một quyển vần A B C.

Trong nhóm người tỵ hội nơi lớp học người ta ghi nhận có những sự kiện sau:

Một số người cho rằng khả năng biết chữ chỉ là một ân sủng thiên liêng dành cho hạng người ưu tú nhất trong nhân loại, nên sau khi trêu chọc số người ghi danh học, họ bỏ về.

Riêng phần học trò với chút ít niềm tin rằng mình có thể biết chữ, đã tìm cách phát triển khả năng ấy bằng những cách như sau:

1- Những người rất cảm kích trước tấm lòng của thầy giáo đã khổ công lặn lội đến đây, nên họ xin ảnh của thầy giáo về thờ chung với quyển vần A B C, sớm hôm lễ bái dâng hương hoa không hề chểnh mảng.

2- Hạng người kẻ vô cùng cảm phục tài năng của thầy giáo nên cùng nhau rắp tâm bắt chước thầy từ cách đi đứng, nói năng, ăn mặc đến nếp sinh hoạt hàng ngày. Họ bắt chước tài tình đến độ giống thầy giáo như đúc có khác chẳng là họ hoàn toàn không biết chữ.

Dĩ nhiên bằng lối học trên, chúng ta dự đoán được kết quả là sau bao nhiêu cố gắng không anh học trò nào biết chữ cả.

Em thân mến!

Câu chuyện được dừng lại nơi đây vì trên thế gian này không có một lớp học nào kỳ quặc như thế cả. Các học trò đi học dần dần đều được biết chữ hết. May mắn biết là chừng nào... Nhưng còn chúng ta, những người học Phật và chưa giác ngộ (như Phật), có nên xét lại lối học của mình không? Như ông thầy giáo kia, chư Phật đều tuyên bố: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và chư Phật ra đời đều một lý do duy nhất: chỉ cho chúng sanh nhận ra và hằng sống với tri kiến Phật của chính mình.” Và chúng ta đã học đạo giác ngộ bằng cách nào?

Nếu chúng ta chỉ tôn thờ lễ bái và cúng dường kinh tượng bên ngoài thì coi chừng, ta sẽ vấp phải lỗi lầm của hạng học trò thờ cuốn văn A B C như trên.

Hoặc chúng ta chỉ hâm mộ tôn kính thầy, tổ chư Phật, rồi rập khuôn cuộc đời ta y hệt như cuộc sống của những người mà ta hâm mộ thì có lẽ, bề ngoài chúng ta sẽ có một cái vỏ đĩnh đạc nghiêm trang, nhưng bên trong lại đầy đầy phiền não, tương tự như hạng học trò bất chước thầy trên không khác.

Vậy thì chúng ta học Phật bằng cách nào đây?

---o0o---

Một Bông Hồng Cho Em

Em

Tôi định viết cho em

Một bài thơ tuyệt diệu

Kết hợp bằng những ngữ từ

Chân thành và âu yếm

Xong

Tôi sẽ trang trọng đặt cho nó một cái tên thật kêu

Như “Tình yêu” chẳng hạn

Tôi định vẽ cho em

Một bức tranh cực kỳ thanh tú

Những nét mực sẽ nhẹ nhàng

Như sóng vỗ lao xao

Và trước khi ký tên

Tôi sẽ hạ một dòng chữ bay nghiêng

(A ROSE TO...)

“Một bông hồng cho...”

Cầm bút tay run

Hồn say lão đảo

Tim đập đập dồn

Tôi bối rối nhìn lên

Giữa những cành lá xanh tươi của khu vườn mùa hạ

Bình minh lên rực rỡ

Dịu dàng êm từng đọt là chồi cây

Mộng đêm qua...

... Chỉ còn là...
... Một thoáng mây...
Bất chợt
Tôi nhận ra rằng:
Em
Chỉ là một hình bóng của chính tôi
Một nhân dáng về em
Dù đẹp như thiên thần
Hay tệ như ác quỷ
Cũng chỉ là
Một ảo tưởng
Trong trăm nghìn ảo tưởng
Sinh khởi liên miên
Bất kể đêm ngày
Nếu tôi bảo rằng: “Đã yêu em”
Thì hóa ra
Tôi đã yêu
Một ảo tưởng của chính mình
Cũng vì thế mà
Thay vì
Làm một bài thơ tuyệt diệu
Chân thành và âu yếm
Hay
Vẽ một bức tranh
Đẹp như mơ
Tôi đành chỉ bật cười
Với những giọt nắng long lanh
Trên ngàn cây hoa lá
Từ đạo đó
Trên những con đường trái cỏ xanh
Hay phủ đầy góc gai sỏi đá
Tôi vẫn đi bằng bàn chân trần trụi
Với nụ cười và ánh mắt sơ khai
Ngôn từ đã khép lại
Như những lối mòn sau bước chân phiêu lãng
Và
Những bước chân ra đi
Cũng chính là những bước quay về.

Ba Bà Hoàng Hậu

Ngày xưa ngày xưa, có một ông vua trẻ. Đức vua cai trị một vương quốc giàu có xinh đẹp nhưng đẹp nhất có lẽ là ba bà hoàng hậu của đức vua.

Ba vị hoàng hậu này vừa có sắc vừa có tài nên cả ba đều được đức vua sủng ái như nhau. “Mỗi người có một vẻ, mười phen vẹn mười.”

Cho đến một hôm, nhà vua bỗng nảy ra một ý nghĩ: “Trong ba mỹ nhân này thế nào cũng có một người tuyệt diệu hơn hai người kia... Nhưng ta không tài nào nhận ra được, có lẽ vì nhìn mãi có quen mắt đi chăng? Hay là ta hỏi ý kiến bọn cung phi vậy.”

Đức vua bèn mở một cuộc trưng cầu dân ý tại hậu cung để tìm xem trong ba mỹ nhân ai là người đẹp nhất, kết quả cũng không lấy gì làm sáng sủa lắm vì ai cũng cho rằng cả ba vị hoàng hậu đều đẹp ngang nhau.

Nhà vua lại đem nội vụ ra bàn với đình thần. Kết quả cũng tương tự như trên. Quan tể tướng khuyên đức vua nên dừng cuộc khảo nghiệm lại vì e nó chẳng được lợi ích gì mà đôi khi lại mang đến hậu quả khó lường được. Thay vì nghe theo lời khuyên sáng suốt của vị trung thần lão thành ấy thì đức vua của chúng ta lại nổi cơn thịnh nộ, truyền lệnh cho quan tể tướng phải giải quyết cho xong công việc trong vòng ba hôm.

Sau một lúc im lặng, quan tể tướng kính cẩn thưa:

- Muôn tâu thần trộm nghĩ rằng bọn hạ thần chỉ sở trường về chuyện cung kiếm văn thơ... còn chuyện đẹp xấu, tướng hảo ra sao thì chắc phải nhường cho những vị bốc sư. Kinh thành ta có một vị bốc sư nổi tiếng. Hay là bệ hạ cho mời y vào y sẽ phân biệt rõ ràng hơn chăng?

Nhà vua nguôi giận. Một ông thầy bói được lập tức triệu vào cung để chiêm ngưỡng dung nhan ba người đẹp. Vị bốc sư không chịu cho biết kết quả ngay mà xin khát lại ngày hôm sau để về “tra tự điển” lại.

Lão bốc sư đi rồi, quan tể tướng bèn bỏ nhỏ với đức vua:

- Muôn tâu thánh thượng! Hạ thần trộm nghĩ rằng quý đức bà mỗi người một vẻ đẹp riêng, tùy theo nhãn quan và sở thích của từng người, ý kiến của chúng thần có thể bất đồng nhau, nhưng vì sợ uy quyền của đức bà nên bọn hạ thần không dám nói lên ý kiến của mình mà chỉ kết luận chung

rằng cả ba đều tài sắc ngang nhau... Nếu thần không làm thì lão bốc sư này cũng lâm vào một tình thế khó xử như bọn hạ thần nên lão mới khát lại vào ngày mai đó thôi!

- Thế thì khanh giải quyết bằng cách nào?

- Muôn tâu bệ hạ giả mạo ba bức thơ, ký tên của ba đức bà, hẹn lão ấy đến ba địa điểm riêng. Nếu y đến địa điểm nào thì đức bà ấy sẽ là người đẹp nhất.

- Hay lắm! Khanh hãy thi hành ngay cho trẫm.

Ba bức thư tức tốc được gửi đi và lão bốc sư liền đi đến chỗ hẹn với bà hoàng đẹp nhất.

Đức vua truyền lệnh chém đầu lão thầy bói.

Và từ đó đức vua đặc biệt sủng ái vị hoàng hậu vào chung kết này. Hai bà hoàng hậu còn lại vô cùng tức tối, họ âm mưu với nhau dùng độc dược giết chết bà hoàng hậu đẹp nhất.

Chuyện bại lộ, đức vua truyền lệnh xử tử luôn hai hoàng hậu còn lại.

Ba vị hoàng hậu xinh đẹp nhất nước đều chết hết. Đức vua còn lại một mình để thấy hoàng cung sao mà trống trải lạnh lẽo, bất kể xuân hạ thu đông.

Em thân mến!

Vạn pháp trên thế gian này mỗi pháp đều có một đặt tính riêng những chi chúng ta bắt đầu “ưu tiên một” cho pháp nào tức là hệ tâm vào nó thì sự việc bắt đầu trở nên rắc rối. Có lẽ vì vậy mà đức Phật thường khuyên chúng ta là hãy để yên cho các pháp trụ ở bản vị của nó, chớ xen vào phân biệt để tự chuốc khổ cho mình và làm di họa cho người chung quanh.

Cũng thế, trong sự tương giao với bạn bè lân cận, mỗi người của chúng ta đều mang một cá tính riêng biệt, chiếm một vị trí, cách thế khác nhau, chẳng ai giống ai... Và chúng ta cũng khó mà kết luận rằng ai quan trọng cho ai... Mùa xuân có hoa lan, mùa thu có hoa cúc, mỗi loài hoa đều có hương sắc riêng của nó, không thể bắt loài hoa này bắt chước hoa kia được. Em có thấy rằng số phận rủi ro luôn luôn đến với người mà chúng ta đặc biệt

ưu ái không? Vậy thì, ta có nên ngu ngơ đem cái tình thức phân biệt của mình xen vào các mối tương giao ấy, để cảm thấy cuộc đời này sao mà lạnh lẽo, bất kể bốn mùa xuân hạ thu đông hay không?

---o0o---

Làm Sao Đây

Một hôm đến ngày chợ phiên, bác Xả dắt con đi chợ mua một con lừa. Hai cha con vui mừng leo lên lưng lừa cho nó chở về nhà. Đi được một quãng bác nghe tiếng người bình phẩm:

- Trời đất ơi! Ác thế thì thôi. Cả hai cha con đều thượng lên lưng con lừa thì nó sống làm sao cho nổi. Bác Xả nghe nói có lý, vội tụt xuống để con cỡi lừa còn mình đi bộ. Khi ấy bác lại nghe người qua đường bình phẩm:

- Thật là thời thế đảo điên, con đi lừa, cha đi bộ... bất hiếu thế thì thôi, thảo nào!

Bác Xả lại lên lừa, thằng con xuống đi bộ. Bấy giờ người ta liền nói:

- Tôi chưa từng thấy thằng cha nào nhẫn tâm như thế, con thì đi bộ còn mình thì vắt lưng trên lưng lừa... chao ôi!

Hai cha con đành đi bộ, con lừa lững thững theo sau. Khách bàng quan lại bình phẩm:

- Rõ khô! Có một con lừa để làm gì mà cả hai bố con phải đi bộ. Ngu ơi là ngu...!

Em thân mến!

Trong cuộc tương giao với người chung quanh, chúng ta cần lưu ý đến dư luận để sửa sai những khuyết điểm của mình. Nhưng dư luận không phải là một thước đo hoàn hảo lắm nên đôi khi chúng ta không khỏi lúng túng như hai cha con bác Xả trên đây. Có phải thế không em?

---o0o---

Ba Cái Bánh Ít

Xưa có một lão thầy pháp đi hành nghề, dắt theo một chú đệ tử nhỏ.

Trong lúc cầu đảo cho gia chủ, lão lén lấy được ba cái bánh ít và dúm cho thằng đệ tử đang đứng quạt hầu sau lưng.

Đám xong, hai thầy trò ra về. Trên đường về lão thầy pháp bảo đồ đệ lấy bánh ít ra ăn lót dạ. Thằng bé ấp úng nói:

- Khi ấy con tưởng thầy cho con nên con ăn hết cả rồi...

Hai thầy trò đành tiếp tục đi, thầy trước trò sau. Được một quãng, ông thầy quay lại mắng đệ tử:

- Bộ tao là tù nhân sao mà mày đi tò tò phía sau như công an áp giải tội phạm vậy?

Trò nghe quở, lật đật chạy đi trước. Ông thầy lại nạt nộ:

- Bộ mày là thầy tao sao mà dám đi trước tao?

Chú bé liền đi ngang hàng với ông thầy, bấy giờ ông thầy liền trợn mắt quát:

- Bộ mày là bạn bè tao sao mà dám đi ngang hàng với tao?

Chú học trò khỏ sở, lúng túng, đành vòng tay thưa:

- Bạch thầy, vậy đệ tử phải đi cách nào cho đúng lễ đây?

Đến lúc này, ông thầy pháp mới chịu nói rõ ý mình:

- Mày muốn đi kiểu nào cũng được... miễn sao có ba cái bánh ít trả lại tao thì đúng lễ ngay.

PC: Sự thật, đôi khi khó nói biết là bao. Có lẽ vì vậy mà loài người phải có thật nhiều từ ngữ để nói một cách dài dòng như lão thầy pháp trên đây vậy.

---o0o---

Kỹ Thuật Nhà Nghề

Xưa, có một vị quan muốn may áo mới. Quan cho vời một chàng thợ may đến. Thợ may nhận vải đo ni tắc xong kính cẩn thưa:

- Bẩm quan, xin Ngài cho con biết Ngài đã làm quan được bao nhiêu năm rồi ạ?

Ông quan ngạc nhiên hỏi:

- Cái nhà chú này thật lắm chuyện! Công việc của chú là may áo thì cứ gắng mà may cho khéo, hỏi chi thêm những chuyện chẳng dính dáng gì đến mình làm chi thế?

- Bẩm quan! Con hỏi câu ấy cũng nằm trong phạm vi nghề nghiệp của con. Con mà may khéo cũng nhờ những câu hỏi ti mỉ ấy!

Ông quan ngạc nhiên:

- Hử! Chú mày nói rõ cho ta nghe... xem sao.

- Bẩm quan... khó nói quá!

- Mi cứ nói đi.

- Bẩm, nhưng nếu có điều gì sơ suất thì xin Ngài thứ lỗi cho con.

- Ừ!

- Bẩm... theo kinh nghiệm nhà nghề của con thì đực ông nào mới được bổ nhiệm... đều phải may vạt áo trước dài hơn vạt áo sau, ngực to và bụng nhỏ...

- Sao thế?

- Bẩm! Vì các ngài thường hay ngẩng mặt lên và ưỡn ngực ra phía trước ạ...

Bẩm... ngược lại, đức ông nào đã nhậm chức lâu năm thì con phải may vạt áo sau dài hơn vạt áo trước... vì quý ngài thường phải vào lòn ra cúi với cấp trên mới giữ chức lâu như thế...

Dạ bẩm, còn các quan trung niên, nghĩa là được tiến cử không quá lâu hay quá mau thì con may cả hai vạt bằng nhau. Ngài đã hỏi thì con xin thưa như thế.

Xin đức quan thí cho những điều không phải và cho con biết ngài làm quan đã bao lâu rồi ạ!

Em thân mến!

Kỹ thuật của bác thợ này, đâu chỉ áp dụng may áo cho các quan thôi đâu... có phải thế không?

---o0o---

Đông Thi Nhãn Mặt

Thuở xưa, có một thiếu nữ tên là Tây Thi rất xinh đẹp. Tây Thi có bệnh đau bụng, mỗi lần gặp cơn đau, nàng ôm mặt rên rỉ, nhan sắc càng yếu kiêu, khiến ai nấy cũng phải tấm tắc mũi lòng.

Cùng làng có Đông Thi một thiếu nữ xấu xí. Nghe dân chúng trầm trồ về sắc đẹp của Tây Thi trong những cơn đau bụng, muốn được mọi người chú ý khen ngợi như Tây Thi, Đông Thi cũng giả vờ đau bụng và ôm mặt nhăn nhó rên la.

Nào ngờ, dân chúng tưởng đâu quý hiện hình nên gọi nhau bồng con cồng vợ chạy trốn cả.

Em thân mến!

Như một người đẹp thì nhăn nhó, ho hen, tăng hắng gì, người ta cũng chiêm ngưỡng cả. Một bậc đã giác ngộ thì nhấc tay cất bước đều là hành vi giác ngộ. Nếu chúng ta chưa phải là Tây Thi thì chớ có biểu diễn... sắc đẹp, chưa phải là thiên sư Đôn Hà thì hãy khoan đốt tượng, chửi Phật, mắng Tổ đó ghen!

---o0o---

Ăn Trộm Dạy Con

Xưa, có một tên đạo chích rất lành nghề, một hôm con trai y ngộ ý học nghề của cha, tên ăn trộm liền dẫn con đi thực tập.

Hai cha con đến một nhà giàu có đánh bả cho lũ chó chết mê một xong đạo chích đào ngạch khoét vách, dắt con chun vào nhà.

Cả nhà đang ngủ say như chết, tên trộm thấy một cái rương to còn trống bèn giở nắp rương ra, bảo con:

- Con chun vào đây, hốt hết đồ đạc bỏ vô bao cho cha.

Thằng con y lời, đạo chích bèn đóng nắp gài khoen lại ... rồi lên ra khỏi nhà, hô hoán lên âm ỉ:

- Ăn trộm! Ăn trộm!

Chủ nhà bừng tỉnh, thấy nhà bị khoét vách, dáo dác tìm kiếm hồi lâu, không thấy động tĩnh chi hết liền đi ngủ lại.

Thằng con lão chích nằm chết đìng trong rương, tái tê vì sợ và hận cha khôn tả. Hồi lâu hẩn nghĩ ra một kế thoát thân, bèn lấy tay sọt soạt vào thành rương và giả tiếng chuột kêu “chí chí” để đánh lừa chủ nhà.

Nghe chuột kêu, chủ nhà vội thức giấc đốt đèn mở rương đuổi chuột, thằng bé liền nhòm dậy, tắt đèn, xô té chủ nhà tông cửa chạy một mạch. Chủ nhà lục tục kéo nhau, vừa chửi vừa đuổi theo.

Thằng bé chạy đến đường cùng thì gặp một cái giếng, nó vội vàng ôm một cục đá to liệng xuống giếng và tri hô.

- Thằng ăn trộm rớt xuống giếng rồi làng xóm ơi! Mọi người đồ xô nhau kéo đến giếng để bắt trộm, thằng bé chạy một mạch về nhà.

Gặp cha, thằng bé òa lên khóc và không tiếc lời để oán trách cha, đạo chích chỉ mím cười nói:

- Khoan đã, con hãy kể cho cha nghe con đã thoát thân bằng cách nào?

Cậu con thuật lại từ đầu chí đuôi, lão chích vỗ tay cười ha hả:

- Hay quá! Con tôi đã thành nghề rồi!

Em thân mến!

Hốt của bỏ vô bao và vác về nhà xài khi có người dắt đi đào ngạch, khoét vách sẵn... là một điều mà bất cứ thằng cu con nào cũng làm được, nhưng phải tìm cách thoát thân một mình thì chỉ có thằng cu này. Vì như vậy mà lão chích mới cười ha hả khi nghe con mình thuật lại đầu đuôi câu chuyện.

Còn chúng ta nhờ nghiệp lực dẫn dắt chui vào thế gian này, tôi và em giống như thằng cu con, đang lúi húi hốt ngũ dục nhét cho đầy túi tham của mình thì “ầm” một cái cửa rương khóa chặt. Đó là lúc chúng ta bị bủa vây và đối diện với bát phong: lợi, xúy, mắng nhiếc, khen tặng, vinh nhục, vui buồn v.v... òa lên khóc than và không tiếc lời oán trách cha mẹ, thương đố... thì ai cũng làm được. Nhưng làm sao để tự tại trước bát phong thì... tùy theo sự khéo léo của từng người. Nghệ thuật ăn trộm, nghệ thuật sống hay nghệ thuật học thiên chỉ là một mà thôi em ạ!

---o0o---

Quyển Kinh Đi Lạc

Điền Bi có một quyển kinh nhật tụng rất quý. Một hôm tụng xong Điền đi ngủ quên cất quyển kinh đi.

Một chú chuột chạy qua thấy quyển kinh mừng rỡ:

- Má bày trẻ mà được món này lót tổ thì còn gì bằng.

Thế là chú chuột na quyển kinh về một chiếc hang ở dưới gầm tủ. Bà chuột định xé quyển kinh ra lót tổ cho sắp nhỏ thì bỗng nghe tiếng “meo meo” của ông mèo. Bà chuột liền lẩn mất.

Mèo đi đến gặp quyển kinh liền leo lên nằm khoanh đánh một giấc ngon lành. Ngủ xong, mèo vươn vai, xoa bụng nói: chiếc chiếu này êm quá, mình ngủ một giấc ngon chi lạ! Và mèo bỏ đi.

Con lu lu đang đi chơi thơ thần, bỗng thấy quyển kinh bèn than tuốt ra vườn, nghĩ bụng: “Mình đem cái này ra kiếm con Nô, hai đứa chơi trò ném banh mới được.”

Chơi chán, Nô và Lu bỏ quyển kinh giữa đường. Cu Bình đi học về bắt được reo: “A! Mình có giấy dán điều và xếp ghe chơi rồi.”

Thế là quyển kinh được dán thành con điều bay lên trời, xếp thành ghe trôi bênh bồng trong mương nước.

Một phần còn lại, được lũ mối xé nhỏ ra, khênh về tổ, nấu nướng và ăn tiệc mừng sinh nhật của mối chúa.

Em thân mến!

Chỉ có quyển sách thôi mà Diệu Bi gọi là kinh nhật tụng, chú chuột cho là đồ lót ổ, con mèo dùng như một chiếc chiếu, chó Lu đem làm đồ chơi, cu Bình dán thành con điều và lũ mối thấy đó là món ăn khoái khẩu.

Tại sao thế?

Đức Phật dạy rằng, tùy theo từng biệt nghiệp của chúng sanh mà mỗi kẻ có một lối nhìn kiến chấp, quan niệm về vạn hữu hoàn toàn khác nhau. Và điều rắc rối nhất ai ai cũng cho rằng quan điểm và cách sử dụng của mình là hay nhất, thông minh nhất, hợp lý nhất v.v...

Và đó cũng chính là điều điên đảo nhất của chúng ta. Có phải thế không?

---o0o---

Người Hướng Đạo

Một hôm, trên đường đi dạo, sư bỗng khám phá ra một khoảng đường trơn trượt trong khuôn viên chùa, ai sơ ý là té dễ như chơi.

Động lòng bi mẫn, sư bỏ cả một buổi ngủ trưa để hí hục đóng, sơn và vẽ một tấm bảng báo động.

Xong, đem cắm ở quãng đường trơn trượt dễ té.

Ngẫm lại công trình của mình, sự khoan khoái đi tới đi lui, nhìn ngắm nghĩ bụng:

- Thật là an toàn! Có tấm bảng báo động nơi đây thì bảo đảm chẳng có ai trượt chân cả...

Ngờ đâu sau một bước đi lui, sự trở thành người trượt chân đầu tiên.

Em thân mến!

Trong quãng đường vừa qua, ít nhất cũng đã hơn một lần chúng ta bị té kiểu này. Cái đau của thể xác không thấm vào đâu so với niềm tủi hổ, có phải không?

Nhưng không sao! Mỗi lần té xong, mình vẫn còn có thể đứng dậy được... Và nếu còn gặp quãng đường nào cần vẽ bảng báo động chúng ta vẫn sẵn sàng bỏ ngủ trưa để “ăn cơm nhà đi làm chuyện hàng xóm” miễn sao có người nhờ tấm bảng của mình mà khỏi bị trượt chân thì... dù té bao nhiêu lần, mình vẫn thấy vui...

Em có thấy thế không?

---o0o---

Khi Người Về

Xưa có một chú bé tên là cu Lém. Lém đi chơi và ngủ quên ở một miếu thờ thổ thần.

Nửa đêm Lém giật mình tỉnh giấc vì bước chân của một con quỉ trắng. Con quỉ này mang trên vai một xác chết của cụ già. Nó hí hửng ngồi xuống định ăn thịt xác chết thì bỗng có tiếng chân hối hả chạy đến. Lại thêm một con quỉ đen xuất hiện. Cả hai con đều tranh nhau xác chết, không ai chịu thua ai. Quỉ trắng bèn nhờ cu Lém làm trọng tài. Cu Lém đành phải tuyên bố:

- Tôi thấy ông trắng vác xác chết vô trước. Vậy cái xác này là của ông.

Quý đen liền tức giận bẻ một cánh tay của cu Lém bỏ vô miệng nhay rau rầu.

Quý trắng thấy cu Lém vì binh vực mình mà bị cụt tay bèn bẻ một tay của xác chết đền cho cu Lém, nhờ pháp thuật của con quỷ, tay cu Lém liền ngay không hề hấn gì.

Quý đen thấy vậy, bèn bẻ thêm một cánh tay kia của cu Lém cho vào miệng nhai. Quý trắng lại đền cho Lém cánh tay còn lại của xác chết.

Cứ thế, lần lượt hai chân, đầu và mình của cu Lém đều chui vào bụng con quỷ đen. Ngược lại, đầu mình tay chân của xác chết cụ già được ráp cho cu Lém.

Gà gáy sáng, hai con quỷ biến mất, cu Lém trở về nhà. Thấy nó bước vào, ba má cu Lém ngạc nhiên chấp tay chào hỏi:

- Thưa cụ! Cụ tìm chúng cháu có việc chi ạ!

Em thân mến!

Ngày và đêm cũng đã tranh nhau biến đổi thân xác của chúng ta, y hệt như hai con quỷ trắng và đen đã thay đổi thân xác của thằng cu Lém. Đó là một điều hiển nhiên... Không ai còn lạ lùng gì nữa. Có lạ lùng chẳng là loài người của chúng ta, ai cũng ngỡ rằng mình không bao giờ già và không bao giờ chết vậy. Hỡi ơi! Chuyện khó tin mà lại có thật!

---o0o---

Chỉ Một Giới Thôi

Uttiga là một thanh niên Bà La Môn ở kinh thành Xá Vệ. Sau khi làm đầy đủ bổn phận của một cư sĩ tại gia như bố thí cúng dường. Uttiga đến yển kiến Phật và xin được xuất gia. Đức đạo sư chấp nhận cho chàng được toại nguyện.

Sau ngày xuất gia và thọ tỳ khuru giới, Uttiga đắm hoảng chàng tự nghĩ:

“Không ngờ muốn làm một sa môn phải giữ đến 250 giới... chỉ nhớ thôi cũng đã đủ mệt rồi... Nói gì đến thọ trì... Thôi chết rồi!

Và thầy tỳ kheo Uttiga đâm ra lúng túng vì thầy không tài nào nhớ nổi 250 giới cấm. Uttiga đến gặp Phật và xin hoàn tục vì chàng không tài nào xoay sở với ngần ấy giới luật phải giữ. Đức đạo sư ân cần khuyên hỏi:

- Nay tỳ kheo! Con xin hoàn tục vì các điều giới quá nhiều khiến con không nhớ nổi, chứ không phải vì con nuôi tiếc dục lạc thế gian, có phải thế không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Con nghĩ rằng khi sống đời cư sĩ, chỉ phải giữ có năm giới cấm... là những điều mà con có thể thi hành được. Còn hôm nay, 250 giới của tỳ kheo, con không tài nào nhớ hết thì làm sao mà vâng giữ chi bằng con xin hoàn tục để khỏi vi phạm đến giới pháp cao sâu vi diệu của tăng đoàn.

- Nay tỳ kheo! Nếu Như Lai rút 250 giới lại thật tóm tắt, chỉ còn một vài điều giới thôi, thì con có thể tiếp tục đời sống xuất gia hay không?

- Bạch Thế Tôn, được như thế thì còn gì bằng.

- Nay tỳ kheo bắt đầu từ hôm nay, con chỉ giữ có một giới này thôi. Đó là canh chừng thật chặt chẽ những móng tâm động niệm của con, biết rõ từng ý nghĩ khởi lên là thiện hay ác.

Này tỳ kheo! Làm sao biết đó là ý tưởng thiện hay ác? Ý tưởng ác là những ý tưởng mà nếu đem ra nói hay làm, sẽ gây tai hại cho mình cho người hoặc cả hai. Đối với những ý tưởng như thế, con phải canh chừng theo dõi nó từ lúc mới sanh khởi, lan rộng cho đến khi diệt mất.

Này tỳ kheo! Thế nào là những ý tưởng thiện. Đó là những ý tưởng mà khi đem ra thi hành sẽ không làm hại mình, hại người hoặc hại cả hai... Đối với những ý tưởng loại này con cũng phải theo dõi từ lúc chúng sanh khởi, lan rộng cho đến khi hoại diệt mất.

Này tỳ kheo! Với một điều giới như thế, con có thể giữ được hay không?

Thầy tỳ kheo Uttiga cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn, con có thể giữ được và con xin Thế Tôn cho phép con ở lại tịnh xá tu học.

Rồi thầy tỳ kheo Uttiga với một điều giới duy nhất như thế tinh cần tu tập. Không may cho thầy một cơn bệnh nặng chợt đến khiến thầy phải gián đoạn công phu. Cơn bệnh này tiếp nối cơn bệnh khác, không dứt khiến thầy Uttiga vô cùng sầu khổ, một hôm trên giường bệnh thầy chợt nghĩ:

“Trong khi ta lâm bệnh khổ, thân thể khó chịu vô vàn như thế này, các ý tưởng sinh khởi liên miên không bao giờ dứt. Nếu cái thân xác thịt này không được tiếp tế thức ăn, nước uống và không khí thì có lẽ nó đã chết từ lâu. Còn cái vọng tâm của ta, nếu không được tiếp tế bằng những ý niệm thì có lẽ nó cũng đã chết từ lâu lắm rồi. Thân ta tuy hiện đang bị bệnh khổ bức bách nhưng nó không phải là một cái cớ để ta buông lung. Huống chi đáng đạo sư đã thương tình tóm tắt 250 điều giới trong chỉ mỗi một giới mà ta còn lơ là thì thật là đáng trách.

Nghĩ như thế tỳ kheo Uttiga tinh cần tu tập. Chẳng bao lâu thầy đắc A La Hán ngay khi còn nằm trên giường bệnh. Người ta còn ghi lại được một bài kệ đơn giản của vị La Hán này như sau:

“Trong khi ta lâm bệnh
Niệm khởi lên nơi ta
Trong khi ta lâm bệnh
Không phải thời phóng dật.”

Trường hợp của thầy tỳ kheo Uttiga cũng là trường hợp của em và tôi. Dù đã thọ năm giới, 10 giới, 250 giới hay 348 giới đi nữa, tuy số lượng có sai biệt nhưng tinh thần của giới luật không ngoài hai điểm: “Dứt ác, làm lành.” Đó chính là giới răn mà đáng đạo sư đã tóm tắt cho thầy Uttiga. Giữ gìn giới đạo này, nhà thiền gọi là “chăn châu” đó em.

Thử thời thuyết đạo hãn tri âm
Chỉ vị như tư tán đạo tâm
Hề tợ Từ Kỳ đa sáng sấm
Thính lai nhất đạt Bá Nha cầm.

---o0o---

Thiền sư Tịnh Giới

Đời nay hiếm kẻ tri ân
Đến nghe thuyết giảng đạo tâm mơ màng
Từ Kỳ lòng quả chừ nhàn
Thoảng nghe đã hiểu cung đàn Bá Nha.

Ôi dư cốt đốt độc hoàng chương
Khẩu đáp sơn đồng vấn đoản chương
Thủ ba suy thương hòa mộc dục
Tùng giao nhân tiểu lão tăng mang.
Thiền sư Huyền Quang (VN)

Củ hết lò còn vương vấn khói nhẹ
Sơn đồng hỏi nghĩa một chương kinh
Tay cầm dùi mõ tay nâng sáo
Thiên hạ cười ta cứ mặt tình.

Song triều nguyệt đảo thiên sàng mát
Tùng thiếu phong xuy tĩnh khách miên...
Đầu giường trăng đợi song thưa
Gió ru thông hát khách đưa giấc nồng.

---o0o---

Dasaka

Trong thời Phật còn tại thế Dasaka sinh trưởng trong một gia đình nô bộc dưới quyền của nhà cự phú Cấp Cô Độc. Chàng giữ nhiệm vụ canh gác tinh xá Kỳ Hoàn để chư tăng không bị khách lạ khuấy nhiễu trong khi tọa thiền.

Được chiêm ngưỡng từ dung của đấng đạo sư cùng nếp sống thanh tịnh của tăng đoàn, Dasaka ao ước được thoát kiếp nô lệ và xuất gia tu học. Nguyện vọng này được thực hiện ngay, với sự bảo trợ của trưởng giả Cấp Cô Độc, chàng gác dan Dasaka biến thành tỳ kheo Dasaka.

Sau ngày xuất gia Dasaka vẫn giữ nguyên thói lười cố hữu. Mỗi ngày, sau khi khất thực và nhận đầy đủ thức ăn, tỳ kheo Dasaka thường tìm một chỗ thanh tịnh và nằm khoèo xuống ngủ. Trong những giờ học kinh, sư thường tìm cách lẩn tránh ra phía sau hội chúng, ngồi tựa lưng vào một gốc cây và thả hồn vào cõi mộng. Những sự kiện này không thoát khỏi ánh mắt của đức đạo sư. Một hôm nhằm lúc Dasaka vừa mở mắt sau một giấc ngủ dài, đang vờn vai để ngủ tiếp, đức đạo sư liền đọc một bài kệ:

“Những ai mê ngủ ham ăn
Lăn qua trở lại ngủ lăn suốt ngày
Như con heo mập ăn hoài

Người ngu tiếp tục chuỗi ngày thai sanh.”

Bài kệ rõ ràng đang chỉ trách một người ham ăn mê ngủ là Dasaka... khiến sư hốt hoảng và hồ thẹn đến toát mồ hôi. Từ đó tỳ kheo Dasaka tinh cần tu tập. Công khó của thầy cuối cùng cũng được đền bù xứng đáng. Sau một thời gian hạ thủ, tỳ kheo Dasaka đắc quả A La Hán.

Đức A La Hán Dasaka không làm thêm một bài kệ mới nào. Ngài chỉ đọc lại bài kệ cảnh tỉnh của đấng đạo sư đối với ngài trên, như một lời tuyên bố về chánh trí của La Hán Dasaka.

Em thân mến!

Chúng ta có đồng minh rồi đó!

---o0o---

Bảng Chỉ Đường

Tu viện ở cách xa đường tráng nhựa, tận cùng trong một thôn xóm hẻo lánh nên khách thập phương đến viếng chùa thường ngao ngán và bị lạc đường vì lối vào chùa là một con đường có nhiều ngã ba.

Theo lời yêu cầu của nhiều người, chư sư cho cắm các bảng chỉ đường tại các lối rẽ.

Từ khi có bảng chỉ đường số người lạc đường lại tăng lên gấp bội, ngay cả những người đã đến chùa nhiều lần. Chư sư ngạc nhiên, liền mở cuộc điều tra.

Thì ra... các chú mục đồng tinh nghịch đã thừa lúc vắng người, đem bảng chỉ đường cặm sang một lối khác.

Chư sư liền đem tám bảng chỉ đường về chùa cất.

Em thân mến!

Tám bảng chỉ đường vẫn còn đó, chữ đẹp và rõ ràng trên nền sơn còn mới, nhưng lại bị một bàn tay chơi xấu hướng về một lối đi sai, thì cũng phải dẹp bỏ gấp, vì chẳng những nó không làm tròn bốn phận chỉ dẫn, mà còn làm sai lạc cho những người quen lối nữa... Trong trường hợp ấy duy trì bảng chỉ đường là một điều ngu xuẩn, em có thấy như thế không?

Vậy thì, em đã hiểu tại sao Tổ Bồ Đề Đạt Ma người khai đường cho Thiền tông Trung Hoa đã tuyên bố:

“Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật”... chưa?

Thiền Tông không câu nệ vào văn tự kinh điển, không phải vì chur su xem thường lời Phật dạy. Nhưng trong trường hợp này, kinh điển giống như những tấm bảng chỉ đường đẹp và rõ ràng thật đấy song đã bị những bàn tay tinh nghịch đổi chỗ mất rồi, thì đành phải “truyền riêng ngoài giáo” vậy.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Bát Cháo Lú

Xưa, có một vị thú y mệnh chung thân hồn xuống âm phủ, sau khi được diêm vương xét xử, hồn ma được đưa đến quán cháo lú ăn trước khi đi đầu thai. Vào quán cháo, hồn ma tình cờ gặp phải một bầy chó mà thuở sanh tiền ông thường chữa bệnh cho chúng. Bầy chó vốn có nghĩa rất mừng rỡ khi gặp lại ông. Đến lúc bà hàng dọn cháo, ông nhin phần mình cho bầy chó ăn.

Công an ở diêm phủ dắt hồn ma đi đầu thai làm một thằng Cu. Nhờ không ăn cháo lú, nên thằng Cu này nhớ rõ tiền kiếp mòn một. Được 5 tuổi, thằng Cu khẩn khoản xin ba má dắt đi thăm thân bằng quyến thuộc cũ. Ba má nó thấy lạ nhưng vẫn chịu con. Cuộc tao ngộ giữa thân quyến và thằng Cu diễn ra trong một không khí éo le và cảm động. Thằng Cu được gặp lại bà vợ cũ, con trai, con gái, cháu nội, cháu ngoại. Bằng giọng nói ngọng nghịu của đứa bé lên 5, Cu kể vanh vách tiền kiếp của mình cùng thăm hỏi hàn huyên với vợ con, cháu chít nữa.

Sau câu chuyện này thằng Cu không thể sống bình thường như bao nhiêu thằng bé khác, gánh nặng của tiền kiếp hằn sâu trên thân xác thơ dại của thằng bé, những mối dây thân ái trong quá khứ khiến thằng bé quên mất nhíp sống hiện tại. Cuối cùng ba má nó đành đưa nó vào chùa, không phải để tu học mà là để đi dưỡng tâm thân. Cậu con trai út của ông bác sĩ thú y

cũng tình nguyện vào chùa để chăm sóc người cha bé con của mình và tu tâm dưỡng tánh luôn thể.

Em thân mến!

Ba Kiến Châu đã kể câu chuyện trên cho tôi và các bạn nghe, mẩu chuyện mà ông đã lược lặt được trên những nẻo đường xuôi ngược. Ba tôi còn quả quyết rằng câu chuyện trên hoàn toàn có thật. Những nhân vật trên hiện còn, thằng Cu trong câu chuyện là một vị tăng tuổi trạc tứ tuần. Tôi không dám cam đoan với em về tầm mức chính xác của câu chuyện, có điều kể lại cho em nghe, tôi chỉ muốn ngỏ ý với em rằng, nhớ được tiền kiếp là một khả năng mà bất cứ người nào cũng có.

Các bậc đức đạo gọi nó là “túc mạng minh” Trong kinh đức Phật cũng từng khuyên cáo các hành giả tu tập, nếu chưa được lậu tận thông tức là khả năng hóa giải hết thảy phiền não, mà lại có thần thông thì phải xả bỏ đi lập tức... Có lẽ Ngài e rằng chúng ta sẽ lâm vào hoàn cảnh dở khóc dở cười như thằng Cu trên đây. Trong quãng đời hiện tại, chỉ nhớ đến những chuyện vui buồn quá khứ chúng ta đã bị lụy khổ sâu vô hạn rồi hướng chi là nhớ lại những ân oán buồn vui trong tiền kiếp. Đức Phật và các bậc đức đạo nhớ rõ quá khứ với từng tình tiết chi ly mà tâm các Ngài hoàn toàn bình thản, trong khi chúng ta lại nhìn quá khứ với biết bao là nuối tiếc, buồn thương càng sống với dĩ vãng, tâm chúng ta càng rối bời xao xuyên, mắt mở mà vẫn chiêm bao. Có lẽ vì thế mà chư tổ Thiên Tông đã khuyên chúng ta:

“Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến chẳng lo

Chuyện hiện tại chẳng đem lòng vọng tưởng” chẳng? Có nghĩa là nếu chưa có khả năng hóa giải phiền não, chúng ta phải ăn cháo lú mỗi ngày để tâm ta được thoát khỏi những nuối tiếc của dĩ vãng, những xao xuyên khi hoài vọng về tương lai.

Hay nói cho rõ hơn, quá khứ hoặc tương lai có hay chẳng là do những vọng niệm rối bời trong hiện tại chiêu vờ đến mà thôi, cũng vì thế mà thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đã bảo người đệ tử khi chú này xin lên đường đi tham học rằng:

“Niệm khởi đừng tiếp tục bằng mười năm đi tham thiền học đạo” đó em!

---o0o---

Bát Cháo Lú

Năm xưa nghe kể chuyện
Cháo lú ở diêm Đài
Hồn ma nào cũng phải
Cạn chén mới đầu thai
Tôi nghe lòng tự nhủ
Nhất định sẽ một lần
Không thèm ăn cháo lú
Để được nhớ tiền thân
Ba mươi năm xuôi ngược
Mang thân xác con người
Bao nhiêu lần tôi ước
Bát cháo lú, trời ơi!
Lần ni xuống âm phủ
Nhất định vét sạch nời
Để được quên tuốt luột
Như một dòng nước xuôi...

---o0o---

Hai Thằng Đệ Tử

Xưa, có một thầy đồ già không có con cái thân quyến, chỉ có hai chú đệ tử nhỏ mà ông thương yêu như ruột thịt.

Hai chú bé chưa được dạy dỗ nên người thì cụ Đồ lâm bệnh nặng, phải nằm liệt giường. Hai chú đệ tử tuy xung khắc, chẳng ưa nhau nhưng đều kính yêu thầy, lúc nào cũng túc trực bên giường bệnh.

Bệnh cụ đồ ngày càng một nặng, đôi chân cứng đờ, nhức nhối khôn tả, cụ phải nhờ hai chú nhỏ đấm bóp suốt ngày đêm. Trò Tý săn sóc chân mặt, còn trò Tèo thì săn sóc chân trái của thầy.

Kề cận bên nhau cùng lo một việc nhưng hai chú bé lúc nào cũng hiềm khích, ghét bỏ nhau. Một hôm Tý được cụ đồ sai đi chợ. Tèo ở nhà hầu thầy. Thừa dịp Tý đi vắng, Tèo ở nhà dùng búa đập gãy chiếc chân mặt,

ngĩ bụng rằng: “Để cho thằng Tý về thấy cái chân của nó sần sóc bị gãy sẽ tức bẽ bụng cho mà coi!”

Tèo đoán không lầm, Tý về thấy có sự giận vô kể. Có lẽ sợ để cơn giận sục sôi làm bẽ bụng, Tý dùng búa nện gãy luôn chiếc chân trái của cụ Đồ. Kết cuộc là cả Tý lẫn Tèo đều hả dạ, duy có cụ Đồ là gãy hết hai chân.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây được phóng tác theo một đoạn trong kinh Bách Dụ...

Đọc xong, ai cũng tức giùm cho ông Đồ vì lẽ có hai thằng đệ tử ngu ơi là ngu!

Nhưng coi chừng, ông Đồ là dụ cho đức Phật, hai thằng Cu nọ chính... không ai xa lạ... chính là tôi và em đấy. Phật pháp có vô lượng pháp môn để tùy cơ đáp ứng với chúng sanh, nếu chỉ khuôn theo sở thích, định kiến của riêng mình mà tôi hay em, tận lực đã kích, đập cho bằng... gãy pháp môn tu của người khác... thì chúng ta chính là hai thằng cu trên đây. Có lẽ vì thế mà trong bốn hoằng thệ nguyện của chúng ta là: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” đó em!

---o0o---

Ô Sào Thiên Sư

Ô Sào là một cao tăng Trung Hoa vào đời Đường. Khi bà mẹ hạ sinh sư, bà không ưng ý lắm nên đem bỏ con vào một chiếc tổ quạ trên cội đại thọ trước hiên chùa rồi lẫn mất. Sư xuất gia từ đó... và người ta gọi sư là thầy Ô Sào (ô: quạ, sào: tổ)

Tuổi ấu thơ và tráng niên của sư trôi qua bình thản trong bóng mát của các tàng lâm cổ kính. Sư thường hành thiền trên quê hương của mình, tức là nơi cháng ba có đặt tổ quạ ngày xưa mà theo năm tháng, cội cây đã to và rộng đầy đủ cành nhánh có thể cho sư đặt một chiếc tọa cụ trên ấy. Cho đến khi ngộ đạo và hành đạo, thiên sư vẫn không rời “quê mẹ.”

Một hôm quan thị lang Bạch Cư Dị, một thi hào lừng danh đương thời, đi dạo ngang cổng chùa trông thấy nhà sư đang ngồi vắt vẻo trên tàng cây, vốn không ưa hạng người “lánh nợ đời” như thế, ông cau mày hỏi:

- Bộ hết chỗ rồi hay sao mà thầy lựa chỗ hiểm nghèo như thế để ngồi?

Thiền sư bình thản đáp:

- Chỗ của tôi xem ra còn vững vàng hơn chỗ của quan lớn đang an tọa nhiều....

Quan thị lang nhìn lại chiếc kiệu của mình đang ngồi, ngạc nhiên:

- Chỗ tôi đang ngồi có gì đáng ngại đâu?

- Thưa, chỗ của đại quan là dưới vua trên các quan và trăm họ, vua thương thì quần thần ghét, được lòng dân thì mất lòng vua... Tính mạng của đại quan cùng thân quyến đều lệ thuộc vào lòng yêu ghét của vua, sự tạt đổ ty hiềm của bạn bè. Một chiếc ghế được kê trên đầu lưỡi của thiên hạ thì làm sao bì được với sự cứng nhắc của cội cây này được... Có phải thế không?

Bạch Cư Dị nghe nhà sư nói, chỉ im lặng cúi đầu. Giây lâu, vị quan lão thành mới cất tiếng hỏi:

- Thầy có thể cho tôi biết thế nào là đại ý của Phật pháp chăng?

Thiền sư đáp liền:

- Không gì dễ bằng câu hỏi này. Đại quan hãy nghe tôi trả lời đây, đó là:

“Chư ác mạn tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo.”

Nghĩa là:

Các điều ác chớ làm
Các điều lành vâng giữ
Tự thanh lọc ý mình
Đó là lời Phật dạy.

Bạch Cư Dị nghe xong bảo:

- Những lời thầy vừa đáp con nít lên ba cũng nói được.

Thiền sư mỉm cười:

- Thưa đại quan, con nít lên ba nói được nhưng ông lão 60 chưa chắc làm xong... Ngài có thấy như thế không?

Bạch Cư Dị lại im lặng cúi đầu.

Ông bắt đầu học đạo với thiền sư Ô Sào từ đó. Người ta kể rằng, dưới sự dẫn dắt của thiền sư “Tổ quạ” không bao lâu vị đại quan này “hoát nhiên đại ngộ.” Chuyện kể chỉ có thế, còn việc ổng đại ngộ cái gì chúng ta đành chịu vậy.

Câu chuyện này xin phép khép lại nơi đây, xin thân ái chào tất cả những người em áo vải của tôi.

---o0o---

Phần 6

Cuộc Chiến Hai Bàn Tay

Xưa có anh chàng con nhà giàu đẹp trai học giỏi, nhưng chỉ có cái tật cố chấp cùng mình. Một hôm, dùng búa đóng đinh lơ dềnh thế nào mà bàn tay trái của anh nện phải tay mặt một cái đau điếng. Từ đó, anh đâm ra ác cảm cố chấp đối với bàn tay trái. Luôn luôn anh rập tâm tìm dịp trả thù.

Bữa nọ, tay trái đóng cửa vô ý làm kẹt bàn tay phải đau điếng. Anh chàng liền nổi giận lôi đình, mở một cuộc chiến sống chết giữa hai bàn tay.

Kết cuộc người ta không rõ bàn tay nào thắng trận, chỉ biết thân nhân anh phải chở anh vào nhà thương để bó bột hai cánh tay và chữa bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Không có câu chuyện nào vô duyên và vô lý bằng câu chuyện trên đây cả. Trên thực tế, ta không bao giờ thấy có một trận thư hùng giữa hai bàn tay.

Thế mà trong mỗi con người chúng ta, giây phút nào lại vắng bóng những cuộc chiến giằng dai giữa những vọng niệm thiện và ác.

Cũng như anh chàng trên, hàng tu sĩ chúng ta, ai cũng dành nhiều cảm tình, sẵn sàng khoan dung đối với những tư tưởng thiện và ngược lại, chúng ta rất bức bối, đầy thù hận, ác ý với những vọng niệm xấu ác của chính mình.

Em đã từng nghe nói đến Phật tính chân tâm, nhưng chưa bao giờ em biết cái thực thể ấy nằm ở đâu, trong ngõ ngách nào. Từ không thể tin nó ở bên ta. Trên xác thân vô thường sinh diệt này và chỉ có một lối cuối cùng là tìm nó nơi tâm mình mà thôi.

Nhưng hỡi ơi! Khi nhìn lại bản tâm của mình em sẽ thấy không biết cơ man nào là những vọng tưởng thiện ác đua nhau trình diễn, chúng sinh diệt loạn động liên miên. Vì đã được trui rèn từ thuở nhỏ, lúc nào ta cũng có khuynh hướng thiên về chân, thiện, mỹ và ghét cay ghét đắng những gì ngược lại. Do đó, mà trong ta, lúc nào cũng có những cuộc chiến dai dẳng giữa hai thế lực đối nghịch nhau. Phe nào thắng thì ta cũng mệt nhoài, vì cả hai đều là những vọng niệm của mình cả.

Em thân mến!

Nếu em thấy rằng mình còn sức để mở thêm một cuộc đọ sức giữa hai bàn tay nữa thì xin em cứ tiếp tục! Bằng ngược lại, em đã mệt nhoài, nắm không xong mà thả cũng chẳng ra, thì tôi xin đề nghị, chúng ta hãy thử một lần nhìn thẳng vào những vọng niệm sinh diệt ấy, bất kể nó là thiện hay ác, ta vẫn nhìn nó bằng một thái độ từ hòa như nhìn hai bàn tay của mình không thiên trọng các nào hết... thì cái gì sẽ xảy ra? Khi anh chàng trên khi không còn thù nghịch bàn tay trái nữa... thì... anh ta sẽ được ra khỏi nhà thương điên và tùy tiện sử dụng hai bàn tay. Chỗ này người xưa bảo: “Lượn sóng nào cũng là nước cả” hay “Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật vậy.”

Em có thấy thế không?

---o0o---

Chiếc Lu Vô Tận

Xưa, có một chú tiểu phu cần cù chất phác rất tốt bụng và nghèo ơi là nghèo.

Bụt thương tình, ban cho chàng một chiếc lu kỳ diệu. Sau khi chỉ dẫn cách sử dụng cái lu cho chú tiểu, Bụt biến dạng sau một đám mây lành.

Chú tiểu mừng lắm, mang chiếc lu về giấu trong buồng và bỏ vào đó một đồng tiền nhỏ, số tiền bán củi độc nhất trong ngày.

Sáng hôm sau, chú lấy đồng tiền ấy ra mua gạo thì một đồng tiền khác xuất hiện ở đáy lu. Những đồng tiền không bao giờ chấm dứt và nhờ vậy cuộc sống của chú dễ thở hơn, dù mỗi ngày, chú chỉ xin cái lu vồn vện có một đồng tiền.

“Không nên lạm dụng lòng tốt của Bụt,” chú tiểu thật thà nghĩ và làm thế.

Những tưởng chỉ có chú tiểu và Bụt biết chuyện cái lu, nào ngờ “nhà có ngạch, vách có tai,” câu chuyện kỳ diệu này lan truyền khắp nơi và đến tai ông bá hộ trong vùng.

Vội uy quyền sẵn có, ông phú hộ đoạt cái lu của chú tiểu một cách dễ dàng. Ông cho dấu chiếc lu trong phòng kín và hối hả gom góp vàng bạc đang trữ giấu rải rác về để trút hết vào lu.

Trong lúc ông bà phú hộ đang vội vã vận tải vàng bạc vào phòng thì cậu ấm Tèo, đứa con trai cung độc nhất của họ đang nô đùa với bạn bè. Bọn trẻ đang chơi trò đi trốn đi tìm... Và cu Tèo chợt khám phá ra chiếc lu là một chỗ nấp tuyệt diệu, thằng bé liền chui tọt vào lu.

Nhưng vào thì dễ... ra mới khó... Mãn cuộc chơi, Tèo vẫn chưa ra khỏi chiếc lu. Cu cậu la khóc ầm ĩ.

Nghe tiếng con khóc bà phú hộ vội chạy đến bên cái lu và nhất bồng thằng bé ra. Vừa đặt cậu con xuống đất, bà lại thấy thêm một thằng cu nữa, giống hệt thằng trước đứng trong lu la khóc inh ỏi...

Và cứ thế, mãi đến lúc bà nhắc thẳng cu thứ 100 ra thì cái lu, sau cái đập chân quá mạnh của thẳng bé, vỡ đôi. Sự kỳ diệu liền chấm dứt.

Từ ngày đó, ông bà phú hộ vì phải nuôi đến 100 cậu quý tử giống nhau như tạc, nghịch ngợm và đòi ăn suốt ngày nên họ trở thành sa sút, nghèo nàn khổ sở còn hơn là anh chàng tiêu phu nọ.

Em thân mến!

Mỗi người chúng ta, dường như ai cũng có một chiếc lu vô tận như thế. Và tùy theo cách sử dụng mà chúng ta sẽ lôi ra nhằm “tri kiến Phật” hay “tri kiến chúng sanh.” Lỗi không phải ở cái lu điều này chắc đứt đuôi đi rồi, em có thấy thế không?

---o0o---

Chú Chuột Vô Hình

Bé mới lên ba, thường đi lẫm đẫm lấy bút, thước, vở của anh chị nghịch phá. Mỗi khi muốn thu hồi sản vật lại anh chị bé thường lấy giấu và bảo là “chú chuột tha rồi”, cho bé khỏi đòi.

Một hôm bé cầm hộp quẹt của ba đi chơi. lát sau ba gọi bé đến đòi hộp quẹt. Bé đưa hai tay không bảo: “Chú chuột tha rồi.” Ba đành chịu mất chiếc hộp quẹt. Chú chuột vô hình là như thế đó.

Em thân mến!

Lúc mới vào chùa, chúng ta thường được nghe nói về nghiệp như một nguyên nhân chính chi phối hầu hết đời sống của con người. Em nhớ mẹ ư? - Nghiệp đó! Em thích ăn quà vặt ư? - Nghiệp đó! Em hay cãi lời, biếng học, ham chơi, buồn, thương, giận ghét ư? - Nghiệp đó! Nghiệp được đưa ra như một chú chuột vô hình mà người lớn dùng để rầy la hay hăm dọa, trấn an em. Em làm quen với nghiệp như con bé làm quen với chú chuột vậy.

Cho đến một ngày nào đó, em thấy bất lực trước cả khối “nghiệp chướng” nặng nề, em lao đao, mệt mỏi, chán nản.

“Đường lối đi chân chực bước quay về” mặc kệ những lời rầy la, hăm dọa, trách móc... em bỏ cuộc tu vì thấy sao mà cái nghiệp của mình nặng

quá sức. Đây chính là lúc con bé đưa hai tay lên nói: “Chú chuột tha cái hộp quẹt của ba” rồi vậy.

Nếu tình trạng đã đến mức này, thì ... cũng đã đến lúc tôi phải làm người lớn, dù không lớn hơn em bao nhiêu, dắt em đi tìm chú chuột đó vậy.

Nghiệp không phải là một định mệnh cứng ngắt, bất di bất dịch mà chỉ có nghĩa là một cái thói quen. Thói quen này hoàn toàn do ta tự do lựa chọn và cũng có quyền tự do sửa đổi. Chẳng hạn lúc mới sinh ra, em hoàn toàn không biết ăn ớt. Thói quen ăn ớt được em tập dần qua năm tháng. Cho đến một ngày nào đó, đến bữa ăn thiếu ớt là em bực bội khó chịu, ăn ớt đã thành một thói quen - một cái nghiệp vậy.

Như thế, do những thói quen lâu ngày, em đã có những hành động xấu, lời nói xấu và ý nghĩa xấu. Đây tức là những nghiệp ác chướng đạo... Bây giờ, em sửa đổi dần, đổi những lời nói dối trá thành lời chân thật, dua nịnh thành lời ngay thẳng, những hành động xấu như trộm cướp thành hành động tốt như bố thí, giúp đỡ người... thì lâu ngày em sẽ tạo thành những thói quen tốt, những nghiệp lành. Em đã chuyển nghiệp dữ thành nghiệp lành, việc này được gọi là tu.

Tiến thêm một bước nữa... là dứt nghiệp. Nghiệp được chia làm ba: thân, miệng và ý. Ý là cái chủ động, thân miệng chỉ thừa hành. Dứt được cái chủ động thì thân miệng hết còn mệnh lệnh để thừa hành, lúc ấy hành giả không biến thành một con búp bê mà thành một ông Phật đó em... Về cách tu dứt nghiệp có rất nhiều đường lối, nếu muốn biết em có thể tham hỏi các bậc cao minh. Phần tôi, tôi chỉ muốn dắt tay em đi tìm con chuột. Em đã thấy rõ nó rồi chưa? Không đáng sợ lắm phải không nào?

---o0o---

Bàn Tay Đã Mất

Xưa, có một chàng trai lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Giặc tan, chàng trở về và bỏ lại một bàn tay ở chiến trường.

Từ dạo đó, trong những đêm hôm khuya khoắt chàng mơ hồ cảm thấy mình đau nhứt dữ dội ở bàn tay đã mất. Con đau ngày càng gia tăng, bệnh tưởng đã thành bệnh thật, chàng tìm đến một y sĩ. Y sĩ hỏi:

- Anh đau ra sao?

- Thưa tôi bị nhức nhối ở bàn tay mặt nhất là khi về đêm.

Y sĩ mỉm cười:

- Anh đưa bàn tay đau cho tôi xem nào.

Bệnh nhân sờng sốt hồi lâu áp ứng:

- Thưa bác sĩ, bàn tay mặt của tôi không có ạ!

- Thế thì tôi đã chữa bệnh cho anh rồi.

Bệnh nhân liền ra về với một nụ cười. Hóa ra lâu nay chàng mắc loại bệnh tương.

Ít lâu sau thanh niên cùng đến thăm y sĩ với một thanh niên bạn, người bạn này cũng mắc một chứng bệnh tương tự để nhờ y sĩ chữa giùm. Lần lần bệnh nhân tự bảo:

- Thưa bác sĩ, dù rằng đã biết bàn tay mình không có nhưng trong giấc ngủ chập chờn tôi lại thấy đau nhức dữ dội ở bàn tay đã mất xin bác sĩ chữa bệnh cho tôi.

Y sĩ liền hí hoái biên toa, xong căn dặn:

- Toa thuốc này có hai loại, một để uống và một để thoa lên vết thương. Anh về điều trị tuần sau khám lại.

Bệnh nhân thứ hai y lời về mua thuốc, nhưng chàng không biết bôi thuốc vào đâu, vì bàn tay đã không còn thì làm gì có vết thương. Loay hoay tìm kiếm hồi lâu anh bật cười bảo:

- Lão bác sĩ này gạt mình thật!

Từ dạo đó anh lành bệnh. Hai anh bệnh nhân đã lành bệnh trên, về sau lại gặp một người bạn cũng mang chứng bệnh tương tự. Cả hai đều trở hết kinh nghiệm và sở trường của mình điều trị song cơn đau vẫn không thuyên giảm. Bệnh nhân liền được đưa đến phòng mạch. Y sĩ hỏi:

- Những lúc nào anh bị đau nhức?
- Thưa, tôi bị đau nhức liên tu bất tận.

- Thế không có lúc nào ngừng đau à?
- Thưa có, những lúc nào tôi say mê đọc sách hay nghe nhạc thì cơn đau dường như không còn nữa.
- Thế thì... toa thuốc của anh đấy, khi nào thấy đau đớn hãy lấy sách báo đọc hoặc là nghe nhạc...

Bệnh nhân y lời, bệnh tình ngày một thuyên giảm.

Em thân mến!

Có phải chúng ta tất cả đều mang một chứng bệnh tương như ba anh chàng trên đây không?

Chúng ta cứ than van suốt ngày “Tôi buồn, tôi khổ, tôi mệt mỏi, tôi chán nản, tôi tuyệt vọng...” Và nếu có ai hỏi “cái tôi” ấy ở đâu thì chúng ta không khỏi giật mình. Thấu đáo cho rõ CÁI TÔI này thì căn bệnh mới chữa tận gốc. Tôi là thân hay tâm?

Thông thường, chúng ta cho cái suy nghĩ phân biệt, thương ghét, buồn giận đó là tôi. Và cái tôi này quả là loạn động, rối bời, xao xuyên. Chúng ta nghe cuộc gặp gỡ giữa hai người y sĩ Bồ Đề Đạt Ma và bệnh nhân Huệ Khả như sau:

Bệnh nhân thưa:

- Tâm con bất an, xin Ngài dạy con phương pháp an tâm.

Y sĩ mỉm cười bảo:

- Đưa tâm ra đây ta xem!

Bệnh nhân lúng túng:

- Con tìm tâm không ra

Y sĩ:

- Vậy thì ta đã chữa bệnh an tâm cho ông rồi.

Huệ Khả liền đại ngộ, tức là hết bất an, hết kêu than là khổ sở, đau đớn quá nữa.

Trường hợp của Tổ Huệ Khả tương tự như trường hợp anh thương binh thứ nhất, sau một lần đến phòng mạch là lành bệnh.

Trường hợp bệnh nhân thứ hai là những hành giả phải gia công quán chiếu tu trị những tâm thức vọng động của mình bằng các phương pháp trị tâm hay tu tâm. Cho đến bao giờ hành giả chợt thấy rằng “năm uẩn đều không” thì “vượt qua tất cả khổ ách” Đây là lúc anh chàng thương binh đang loay hoay tìm cách rịt thuốc lên vết thương thì bỗng khám phá ra bàn tay mình không có, vết thương cũng không luôn nên rút gói thuốc đi và lành bệnh.

Trường hợp thứ ba, chỉ những lúc hì hục tu hành, say mê hạ thủ, tụng kinh lễ bái, niệm Phật trì chú... hành giả mới cảm thấy vui sầu, bớt khổ não, tâm dần an định... giống như anh chàng thương binh thứ ba, khi nghe nhạc hoặc đọc sách thì không thấy đau đớn gì cả.

Ba chàng thương binh trên đây mang bệnh tưởng vì ngờ rằng bàn tay có thật, bàn tay có thật nên sự đau nhức cũng có thật, sự đau đớn có thật nên thuốc chữa cũng có thật:

“Có thì tự mảy may”

(Tác hữu trần sa hữu)

Bệnh của họ được chữa lành khi họ khám phá ra rằng bàn tay không có, bàn tay không có nên bệnh cũng không, bệnh không nên thuốc cũng không.

“Không thì cả thế gian này cũng không.”

(Vi không nhất thiết không)

Chúng ta cũng thế, bao nhiêu khổ đau rắc rối đều thành hình khi ta ngỡ rằng mình là một cái này, một cái nọ... Do có “ta” nên có cái “của ta.” Và hỷ, nộ, ái, ố... cũng bắt đầu từ đó. Hành giả chỉ hết khổ khi thấu hiểu được rằng “cái ta không có.” Chỗ này, Lục Tổ bảo rằng: “Bản lai vô nhất vật” vậy!

Thầy thuốc xem bệnh nhân bình đẳng như nhau, nhưng tùy theo tình chấp của mỗi người mà cách chữa trị có khác. Các pháp môn tu của Phật cũng thế, tùy theo tình chấp của chúng sanh mà có thiên sai vạn biệt. Chúng ta không thể nói rằng pháp môn này cao pháp môn kia thấp... mà chỉ có thể nói rằng: “Cố chấp của tôi nhiều, tình chấp của anh ít hơn mà thôi.”

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Môi Tình Có Duyên

Vua Kinh có một người thiếp rất xinh đẹp mà vua đặc biệt sủng ái. Hoàng hậu thấy vậy cũng đem lòng yêu mến cung chầu mỹ nhân này như con gái yêu của mình. Một hôm hoàng hậu bảo người thiếp:

- Bệ hạ bảo em rất xinh đẹp, duy có chiếc mũi hơi thô. Nếu em tìm cách che mũi đi mỗi khi diện kiến ngài thì chắc bệ hạ sẽ yêu em hơn.

Thiếu nữ ngậy thơ tin lời. Mỗi khi gặp mặt vua, nàng thường dùng một chiếc khăn lụa che mũi. Vua trông thấy thế ngạc nhiên hỏi hoàng hậu. Hoàng hậu nhất định không nói. Vua gạn hỏi mãi, bà mới thưa:

- Muôn tâu thần thiếp nghe cô ta bảo rằng mồ hôi của bệ hạ có mùi khó ngửi quá! Xin bệ hạ rộng lòng dung thứ cho...

Vua nổi giận lôi đình, truyền cắt mũi mỹ nhân. Hoàng hậu chỉ chờ có thế, liền sai một người tâm phúc đang chực sẵn, thi hành ngay mệnh lệnh.

Nàng ái thiếp bị thất sủng từ đó.

Em thân mến!

Tham sân và tật đố là những thứ phụ tùng mà ai ai cũng có. Vua Kinh yêu mến nàng ái thiếp là do lòng tham lam háo sắc mà ra. Hoàng hậu hại nàng là do tâm tật đố ganh ghét. Và vua truyền lệnh cắt mũi mỹ nhân là do lòng tự ái - tự yêu mình - bị tổn thương nên đổi thành sân hận. Mọi tương giao của loài người chúng ta được lập cước trên những tâm sở vô thường như thế... nên tình yêu, tình thương chỉ là những thứ tham lam, sân hận, ganh ghét trá hình mà thôi. Nếu bây giờ, có ai bảo rằng họ yêu em thì em

phải coi chừng cái lỗ mũi của mình và lòng đố kỵ của người chung quanh đấy nhé!

Trong các kinh, đức Phật có đề cập đến lòng từ vô duyên - tức là tình yêu thương vô điều kiện – hoàn toàn vắng bóng sự toan tính, lọc lừa của bản ngã. Ta cảm thấy yêu thương người chung quanh vì lòng ta vắng bóng muộn phiền, nhìn người quay quắt khổ đau, ta cảm thấy thương xót nên tìm đủ mọi cách giúp đỡ cho người vui khổ. Đó là một sự tương giao hoàn toàn vắng bật những ý niệm về ta, của ta, không có sự đam mê nồng nàn, ganh ghét nháng lửa và sân hận lôi đình... nên hồng có ai bị xẻo mũi hết. Muốn chiêm nghiệm và thể hiện tình yêu này, lòng chúng ta phải vắng bóng các tâm sở - tức là những vọng niệm thương ghét sanh khởi liên miên ấy - thấu rõ “mình là ai.”

Biết rõ ta là ai? Ta là gì? Rồi mới thoát khỏi lằm lẩn khi đem cái ta ấy đi yêu thương người khác, và cũng không “tá hỏa tam tinh” tim đập loạn xạ khi nghe người ta tuyên bố là yêu mình say đắm. Và khi ấy, chúng ta mới có thể yêu thương tha hồ, vô kể mà không sợ làm hại mình và khổ người. Đó chính là chỗ mà người xưa nói: “Đa tình thị Phật tâm” nghĩa là “Tâm Phật rất nhiều tình.” Do nhiều tình nên Phật mới yêu thương muôn loài... còn tâm chúng sanh chỉ có một tình yêu duy nhất, đó là lòng yêu thương độc nhất có một cái mạng mọt của mình mà thôi.

---o0o---

Tưới Dưa Cho Người

Lương và Sở là hai nước láng giềng ở cạnh nhau vào thời Chiến quốc.

Ở một vùng biên giới của hai nước, dân chúng đều trồng dưa. Dân nước Lương siêng năng chăm sóc tưới nên dưa tốt. Trái lại, dân Sở lười biếng nên dưa xấu. Dân Sở thấy vậy, sanh lòng đố kỵ, mỗi đêm lén chạy qua nước láng giềng Lương cào dưa của người. Dân Lương thấy dưa của mình mỗi ngày chết một ít, lấy làm lạ, theo dõi và phát giác ra nguyên nhân, bèn dự định sẽ lén qua rẫy của dân Sở cào dưa để trả thù.

Quan huyện nước Lương là Tống Tụ, biết được ý đồ ấy, bèn ngăn lại và dạy dân mình rằng:

- Thay vì đi cào dưa mỗi đêm, ta hãy lén sang bên ấy tưới dưa cho người thì có phải tốt hơn không?

Dân Lương bèn y lời. Nhờ đó mà rẫy dưa của dân Sở ngày một xanh tốt. Dân Sở ngạc nhiên, theo dõi và biết được nguyên do, lấy làm hổ thẹn.

Chuyện đến tai quan huyện, rồi vua Sở. Nhà vua bèn sai người mang lễ vật sang tạ tội vua Lương và kết tình giao hữu.

Em thân mến!

Lòng đố kỵ, ganh ghét là một trong những tật xấu của con người ở trần gian này. Ta đố kỵ khi ta thềm thuồng, ước mơ những gì mà người khác được còn ta thì mất, người khác có và ta thì không. Ta ganh ghét vì mê mờ không rõ lý nhân quả... như bọn người nước Sở trên đây chẳng hạn. Đâu phải khi không mà dưa người ta tốt hơn là dưa của mình? Người ta siêng, ta lười biếng... Vậy mà khi thấy kết quả tốt đẹp của người ta, mình lại vác cào sang phá hoại kết quả ấy thì thật là thô lỗ và hết sức trẻ con!

Cũng thế, đâu phải đương không mà người ta đẹp đẽ ta xấu xí, người giàu sang thông minh, còn ta nghèo hèn ngu tối? Khi đã thấu rõ lý nhân quả thì không còn ganh ghét và đố kỵ nữa.

Thời Chiến quốc, Phật giáo chưa phổ cập đến Trung Hoa nhưng Tống Tụ đã có một cách xử lý nột vụ thật tài tình. “Lấy đức báo oán” và dạy mọi người lý nhân quả bằng hành động thiết thực nhất: “Tưới dưa cho người” để dưa người cùng mình đều được sai quả, nhờ đó mà hai nước tránh khỏi những sự hiềm khích, đổ vỡ, có thể đưa đến chiến tranh.

Đọc xong câu chuyện này tôi và em, những người còn đầy nhóc lòng đố kỵ, có nên vòng tay bái phục ông Tống Tụ và sắm sẵn một cặp thùng thay vì cái cào để “tùy hỷ công đức” với đồng loại cho kíp mỗi khi ta nổi cơn ganh ghét hay không đây, hử nhỏ?

---o0o---

Câu Hỏi Khó Trả Lời

Mạnh Tử hỏi vua Tề Tuyên Vương:

- Giả sử có người đem vợ con tài sản gửi gắm cho một người bạn thân nhờ trông nom giùm, vì anh ta bận việc đi xa. Lúc trở về mới hay người ấy để vợ con mình đói rét, tài sản bị chiếm đoạt hết thì nên có thái độ với người bạn ấy như thế nào?

Vua đáp:

- Tuyệt giao!

Mạnh Tử lại hỏi:

- Giả sử có người làm quan, công việc cầu thả, bê trễ mọi việc thì bệ hạ sẽ xử y ra sao?

Vua đáp:

- Cách chức!

Thầy Mạnh lại hỏi:

- Thế thì, người làm vua một nước mà không chăm lo đời sống dân chúng cho no ấm, bình trị lại đắm mê tửu sắc... thì nên xử như thế nào?

Đức vua tìm cách nói lảng sang chuyện khác.

Em thân mến!

Tại sao Tề Tuyên Vương không trả lời câu hỏi thứ ba? Nếu nhà vua kém trí hay chậm chạp thì ông đã không trả lời hai câu hỏi trên một cách mau lẹ và dứt khoát như thế. Cái gì đã làm cho ông vua này “chuyện người thì sáng mà chuyện mình thì quáng” như thế?

Thời quân chủ đã qua rồi, các ông hoàng bà chúa cùng thầy Mạnh, thầy Khổng đều biến mất nhưng câu hỏi trên vẫn chưa được trả lời.

Chúng ta chưa hề làm vua và cũng sẽ không bao giờ làm vua nên ta cũng không biết trả lời giùm Tề Tuyên Vương ra sao hết. Chỉ nhân câu hỏi em cũng có nghĩa là tôi tự hỏi chính mình vậy.

- Nếu có người nhận tiền hàng xóm gởi, đi ra chợ mua gạo. Lúc trở về, người bạn đến hỏi, gạo cũng không mà tiền đã xài hết, thì nên đối xử với họ ra sao?

- Lại có người, nhận một số tiền lớn của bạn hứa sẽ mua giùm đất đai, nhà cửa ruộng vườn... rồi quyt luôn, nên xử với họ ra sao?

Và, có người nhận tiền của, nhà cửa, y phục, thuốc men, ẩm thực, quà bánh, sự thanh nhàn, lòng cung kính tôn trọng... của người chung quanh đóng góp, với lời hứa sẽ đi tìm đạo giải thoát cho mọi người. Xong, người ấy sáng ngấm kiếng, chiều xem huê, nay dạo làng thăm thân thuộc, mai rảo xóm viếng người quen, chưa đói đã lo ăn, chưa lạnh đã lo đắp, mùa nào thức nấy, vui thú thanh nhàn. Nhận lãnh của mọi người từ những thứ phụ tùng xa xỉ cho đến các nhu cầu cần thiết... để rồi suốt ngày vào than ra thở, đòi hỏi tìm cầu không chán mỗi... Những hạng người như thế nên đối xử ra sao đây?

Câu hỏi này, đức Phật đã trả lời giúp cho tôi và em khỏi lúng túng:

“Thọ của tín thí, tiêu dùng không đúng chỗ sẽ bị đọa vào tam đồ, chịu sự khổ sở, mang lông đội sừng mà đền nợ cũ...”

Đây không phải là lời hăm dọa suông đâu. Chúng ta chớ có xem thường, các thiền sư cũng đã từng nhắc nhở chúng ta:

“Liễu đạo rồi thì ngày tiêu muôn lượng vàng ròng cũng được. Bằng ngược lại thì một hạt cơm, giọt nước cũng không tiêu nổi.”

Hay:

“Học đạo bất thông lý

Hoàn thân đều tín thí...

v.v... và v.v...

---o0o---

Phá Táo Đọa

Xưa có một thiền tăng vô danh, đi hành cước. Trên đường du phương, sư có đi ngang qua một miếu thờ thần táo, được cư dân đồn đãi là rất mực hiển linh. Tò mò, sư đến trước miếu thờ Táo thần, xem xét. Thấy miếu thờ chỉ có ba viên gạch bắt sơ sài, sư ngạc nhiên buột miệng:

- Ủa, chỉ là ba viên gạch nung kê thành cái bếp, hiển linh ở chỗ nào cà?

Sư vừa nói xong, ba viên gạch liền nát vụn, miếu thờ cũng sụp đổ. Sở cư dân nghĩ mình phá miếu, sư vội vàng rảo bước.

Đi được một quãng sư gặp một ông cụ áo xanh quỳ bên vệ đường, kính cẩn thưa:

- Xin tạ ơn thầy đã vì con mà thuyết pháp vô sinh.

Thiền tăng ngạc nhiên:

- Tôi đã gặp cụ lúc nào nhỉ?

Ông lão mỉm cười:

- Thưa con nguyên là vị Táo thần ở ngôi miếu thờ khi nãy. Đã từ lâu con mê muội tưởng đâu ba viên gạch là thân mình nên cứ phải lần lượt quanh ngôi miếu mà ban phúc giáng họa. Ai đến cung kính lễ bái ba viên gạch ấy thì con tự cao hãnh diện, gặp kẻ khinh dễ ba viên gạch thì con nổi giận lôi đình. Hôm nay nhờ câu nói của thầy mà con tỏ ngộ lý vô sinh. Một lạy này xin đền ơn tri ngộ.

Lễ xong, cụ già biến mất. Từ đó người ta gọi vị tăng này là Phá Táo Đọa, tức là người đã giúp ông Táo hóa kiếp vậy.

Em thân mến!

Câu chuyện trên hư thực ra sao chưa ai rõ. Song điểm kỳ thú của câu chuyện là sự giác ngộ của ông táo. Ai đã bắt ông ta phải làm thần Táo để ban phúc giáng họa cho cư dân trong vùng? Gây tạo không biết bao nhiêu nghiệp thiện và ác? Và ai đã giải thoát cho ông thoát khỏi kiếp Táo?

Chỗ này em hãy nhớ lại câu chuyện giữa Tam Tổ Tăng Xán và chú Sa di Đạo Tín:

Đạo Tín thưa:

- Xin thầy dạy cho con pháp môn giải thoát.

Tổ hỏi:

- Ai trói buộc chú?

Đạo Tín liền đại ngộ.

Còn chúng ta, ai đã trói chúng ta vào những niềm sầu khổ, sự lo âu, bối rối, dằn vặt thường xuyên? Nếu ông Táo chỉ vì chấp vào ba viên gạch nung cho là thân mình, nên phải làm thần Táo. Một ông Táo có nhà cửa, tên tuổi, đồ đệ, người thương kẻ ghét hẳn hoi... thì chúng ta chỉ do chấp vào thân tứ đại vô thường này cho là mình, nên cũng thành một kẻ có tên họ, cha mẹ, quê hương, thân thuộc, kẻ oán, người thân... và luôn cả hỷ, nộ, ái, ố.

Khi ông Táo không còn bám víu vào ba viên gạch, ông ngộ lý vô sinh – vô sinh tức là hiểu rõ lý vô ngã và thật ngã – ông không phải là ba viên gạch này, không là niềm vui khi được thờ phụng, không là nỗi buồn tức khi bị khinh dể, ông không là những thứ đó, nhưng không phải vì thế mà ông trở thành hư hỏng... Do đó mà ông đến lay tạ vị sư để đền ơn khai ngộ.

Vậy thì, khi em không còn nghĩ, không còn chấp rằng mình là cái thân này, là dáng dấp kia là khuôn mặt nọ... là những đức tánh, những cố tật, những sở thích, những buồn thương giận ghét đố kỵ liên miên... thì cái gì sẽ xảy ra? (xin bảo đảm với em rằng, chúng ta sẽ không nát ra thành bụi như ba viên gạch kia đâu!)

Hiểu rõ được chỗ này, chúng ta sẽ thoát được kiếp đọa đày của loài người, tức là “phá nhân đọa” vậy.

---o0o---

Tử Uyên Thê

Tử Uyên Thê là một quan đại thần thờ vua Tề Giản Công đời Chiến quốc. Vua Tề bị một quyền thần giết. Giết xong, y sai bộ hạ đến dụ Tử Uyên Thê theo phe mình, Tử Uyên Thê ung dung nói:

- Người muốn cho ta vào cùng phe là vì cho ta là người trí chăng? Bầy tôi giết chết vua mà ta không can ngăn nổi, tức là vô trí. Cho ta là nhân chăng? Nếu thấy lợi mà làm chuyện bất chánh thì ta là hạng bất nhân, cho ta là dũng chăng? Bị người uy hiếp mà sợ hãi thì chẳng phải là dũng. Nếu ta không có đủ ba điều kiện ấy thì dù có về cùng bè đảng với người cũng chẳng lợi ích gì cho người. Còn nếu ta đủ ba điều kiện ấy thì đời nào ta chịu theo người mà dổ với dành.

Tên quyền thần nghe xong đành chịu, không thể bắt tội mà cũng không dụ dỗ Tử Uyên Thê được.

Em thân mến!

Người quân tử thời xưa lấy ba đức tính TRÍ NHÂN DŨNG làm tiêu chuẩn để thờ vua giúp nước. Câu đáp ung dung mà hay tuyệt diệu của Tử Uyên Thê đã giúp ông thoát khỏi một tình trạng nan giải. Đây không phải là một điều luận biện suông ngoài môi mà thật là phải thực nghiệm mỗi ngày, ông mới có một câu đáp đơn giản mà hiệu dụng như vậy.

Nho gia có ba tính TRÍ NHÂN DŨNG để xử thế thì chúng ta – hàng tăng đồ nhà Phật cũng TRÍ BI DŨNG là ba đức mà không ai có thể thiếu được.

Trên bước đường học đạo, tu đạo, hành đạo, người tu Phật thường vấp phải lỗi lầm vì thiếu TRÍ, BI và DŨNG. Do thiếu Trí nên nhiều lúc chúng ta luống cuống không biết đặt để tay chân vào đâu, thiếu Bi nên chỉ thấy có mỗi một cái bản ngã của mình cùng với những niềm vui nỗi sâu của nó, thiếu Dũng nên mỗi khi gặp bất phong nghịch cảnh là nước mắt doanh trông.

Học đạo, tu đạo, hành đạo là ba danh từ nhưng chỉ là một giai đoạn mà thôi. Cả ba đều được thực thi trong mỗi khoảnh khắc ngắn ngủi của hiện tại. Nếu kẻ sĩ người đời, trên đường phò vua giúp nước, bị sa vào cảnh “thân bại danh liệt” vì bị rơi vào cạm bẫy của ngũ dục: tài sắc danh thực thù (tài, sắc, danh, ăn và ngủ) thì hàng sứ giả của Như Lai cũng bị lâm vào một hoàn cảnh tương tự.

Thông thường chúng ta sợ bệnh hoạn, đói khác làm gián đoạn đường tu, sợ công việc đa đoan trong một tập thể đại chúng làm phí thời giờ tu học. Vậy mà oái ăm thay, như em thấy đó, chúng ta chưa nghe hay thấy một vị tăng hay ni nào bị chết vì sốt rét, kiệt sức vì những công việc rầy bái ruộng nương, bỏ tu vì những chức vụ đa đoan trong tu viện... Mà nhan nhản trước mắt em và tôi vô số tu sĩ bỏ cuộc vì chạy theo những miếng mồi “tài, sắc, danh lợi...”

Như vậy ta có nói như Tử Uyên Thê mỗi khi có người đến rủ rê ta cộng tác làm những việc khu danh trục lợi, được mệnh danh là Phật sự rằng:

- Nếu bản đạo có đủ Trí, thì bản đạo biết rõ điều gì nên làm, nếu bản đạo đầy có đủ Bi thì chuyện lợi tha là một điều dĩ nhiên, nếu bản đạo có đủ Dũng lực thì không bị tiền tài danh lợi quyến rũ được. Ngược lại, nếu bản đạo thiếu ba đức tính đó, thì quý vị có rủ rê cũng chẳng ích lợi gì đâu!

Ày... tôi xin nhắc lại, câu nói trên chỉ nên nói thầm trong bụng thôi nghe... kéo lọt vào tai người khác, họ sẽ bực ghê lắm đó! Tự nói thầm với mình để ngăn ngừa những tâm niệm tham đắm vừa nảy sinh trước miếng mồi ngũ dục.

Nhưng, còn ba đức tính Trí Dũng Bi thì chúng ta phải kiếm nơi đâu đây?

Em thân mến!

Thật là vui mừng biết bao khi trong một bản kinh như Hoa Nghiêm chẳng hạn, đức từ phụ đã quả quyết: “Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí huệ như ta không khác.”

Như vậy muôn đức còn có nữa là ba đức. Và muốn phát huy ba đức này, nói theo Tổ Bồ Đề Đạt Ma thì chỉ cần quán tâm là đủ. Công việc quán tâm là chuyện chúng ta làm hằng ngày. Hay nói một cách giản dị hơn, khi nào em tỉnh táo, lòng rảnh rang, không vướng mắc về những ý niệm, tính toán TA và CỦA TA... lúc ấy, chính là TRÍ. Chính cái tâm không việc này mới làm em an vui thoải mái, do đó mà ta mới có một tình yêu thương giao cảm thật sự với tha nhân, đó chính là BI. Và cũng chính nhờ cái tâm không ấy em mới có thể tiếp ứng dễ dàng với ngoại cảnh đương đầu với bát phong, mà không phải sụt sịt khóc. Đây chính là DŨNG vậy.

Như thế, học đạo chính là học những “đường đi lối về của vọng tâm, của những ý niệm ngã và ngã sở.” Tu đạo là “bình tĩnh sáng suốt, không để những ý niệm ấy đánh lừa phi phối.” Hành đạo tức là thực hành những điều mình đã học và tu ngay trong cái khoảnh khắc hiện tại này vậy.

Tự lợi bao gồm cả lợi tha – tu đạo tức là hành đạo. Em có thấy như vậy không? Nếu em chưa thấy rõ điều này, thì tôi xin... thú thật với em rằng, những điều vừa viết trên đây, chỉ thỉnh thoảng mới có trong tâm tôi, chứ chưa được thường hằng. Do không thường hằng nên ba đức BI TRÍ DŨNG dù có sẵn đầy đủ như lời Phật dạy, chúng ta cũng thật là lúng túng và vụng về mỗi khi đem ra sử dụng. Vì vậy mà thỉnh thoảng, tôi cũng như em vẫn thường cứ bối rối không biết đặt tay chân vào đâu, có lắm khi

không thương ai hết (nếu dám nói là ghét, là ganh...) và òa lên khóc mỗi khi thấy bát phong lẳng vẳng đến gần.

Nhưng mà không sao đâu! Lúc lúng túng ta cứ việc lúng túng, lúc ghét ganh cứ biết rõ là mình ghét ganh, khi muốn khóc cứ òa lên khóc, xong chúng ta chậm rãi hỏi mình rằng: “Ai lúng túng? Ai ghét? Ai ganh? Ai buồn? Ai khóc?” Chẳng có gì đáng sợ hãi khi phải lâm vào những tình trạng đó vì... ai cũng như ai “như nhau dọc mũi ngang mày” mà lị.

Trăng khuyết nhưng sẽ có ngày tròn. Xin hẹn gặp em vào một ngày mà “lòng ta vằng vặc trăng rằm trung thu” vậy!

---o0o---

Khi Quạ Trở Tài

Một chú quạ đang đậu trên cành cây cao, thấy chim đại bàng cắp một chú cừu con tha đi, liền lên tiếng phảm bình:

- Đòng! Tha một con cừu bé tí tẹo thế kia làm gì cho bổ công. Phải tay tôi thì...

Muôn chim nghe thế liền hỏi:

- Thế bác làm sao?
- Tôi chọn con to nhất đàn kia chứ!
- Nói thì dễ nhưng làm thì khó lắm bác ơi!

Quạ liền trở tài, giăng cánh bay lượn mấy vòng. Xong giương móng quặp vào lưng một con cừu to béo nung núc. Nhưng khôn nổi sức quạ không tài nào nhắt nổi con cừu... mà quạ cũng không biết làm sao để gỡ đôi chân ra khỏi đám lông cừu dày cộm. Ông chần cừu thấy thế đến nện cho quạ một trận thừa chết bán sống.

Em thân mến!

Chê bai dèm pha, chỉ trích việc của người là một điều rất dễ dàng, nhưng làm bằng người là một điều rất khó khăn gấp bội. Có lẽ vì vậy mà chúng ta thường làm chuyện dễ dàng ấy hằng ngày chẳng?

---o0o---

Chiếc Gương Soi Mặt

Xưa, có một anh nhà quê lên phố chơi. Đến hàng bán gương soi mặt, cầm lấy một tấm, thấy gương mặt của mình phản chiếu trong đó, anh ngạc nhiên thầm nghĩ:

- Hay là ta mua chú chàng này về để sai vặt vậy!

Và anh liền mua tấm gương.

Về đến nhà, anh vội vàng gọi vợ:

- Bu nó ơi! Ra mà xem. Tôi lên phố mua được cái này hay lắm!

Chị vợ tất tả chạy ra, anh mở giấy báo, chìa tấm gương cho chị vợ xem. Nhác trong thấy chị đã ngồi bệt xuống nền nhà, bù lu bù loa khóc kể âm ỉ.

- Hu hu... hu hu...! Anh đi lên phố rước con quý cái đó về đây... để tôi tự vặt, tôi chết, tôi giết hết mấy đứa nhỏ cho anh rảnh rang mà sống với con quý cái đó.. hu hu hu hu...

Anh chàng chung hửng, không biết nói gì thì chị vợ đã vật vã kể lể:

- Ôi, cha mẹ ơi! Đàn ông năm bảy lá gan... lá ở với vợ... lá toan cùng người... Một tay tôi trong nhà ngó cửa, nuôi mẹ dạy con... để người ta đi lên phố mà rước con quý cái đó về...

Bà mẹ chồng ở nhà sau, nghe tiếng ồn ào, chạy ra, cầm lấy tấm gương ngó con dâu:

- Mụ đó già cúp bình thiết rồi, đáng tuổi tao mà mày còn ghen tương nổi gì... không biết.

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện vui mà chúng ta nghe kể thường trong những lúc trà dư tửu hậu. Nhưng có bao giờ em thấy rằng, mỗi người chúng ta đều lầm lẫn giống hết các nhân vật trong câu chuyện trên chăng?

Trong cuộc tương giao với em, tôi ít khi nào được nhìn em như hiện diện trước mắt tôi, hồn nhiên, vui tươi, trong sáng như tiếng nói nụ cười, khuôn mặt của em đang hiện hữu. Mà, dường như bao giờ, tôi cũng phủ chụp lên hình ảnh em những bóng dáng của quá khứ, trong những lần tương giao trước, khi em xúc phạm hay làm vừa lòng tôi ra sao đó. Hay nói đúng hơn là tôi chỉ nhìn em bằng những gì trong tâm thức tôi phóng chiếu ra. Và theo hình ảnh phóng chiếu đó, tôi sẽ mỉm cười như anh chồng hoặc bù lu bù loa khóc như chị vợ trong câu truyện trên đây.

Ngược lại, em cũng nhìn tôi bằng tất cả những gì em nghĩ hay tưởng tượng về tôi... rồi buồn thương giận ghét tiếp liền theo đó.

Sự lầm lẫn này, danh từ chuyên môn của duy thức học gọi là “BIẾN KẾ SỞ CHẤP.” Do cái tình chấp này mà tôi cũng như em, sống giữa cõi đời đầy trăng thanh gió mát nhưng muộn phiền khôn nguôi.

Hiểu rõ những hình ảnh đó chỉ tùy duyên thôi, không có tính cách cố định, nhất thời chứ không vĩnh cửu trường tồn... thì chúng ta cũng sẽ đỡ khổ ghê lắm. Hiểu như thế, duy thức học gọi là Y THA KHỞI.

Và cho đến khi nào, chúng ta gỡ hết những hoài niệm, ngôn từ, không để chúng xen vào giữa ta và nhân vật đối diện... Vẫn thấy nghe, hiểu biết, lãnh hội rất rõ ràng nhưng không còn dấu vết của tình chấp nữa... Cái nhìn này được gọi là VIÊN THÀNH THẬT, đó em!

Như thế, trong sự tương giao, nhìn ai, ta cũng thấy sự phản chiếu của chính mình. Do đó mà đức từ phụ của chúng ta nhìn thấy chúng sanh nào ngài cũng bảo: “Các con đều có đầy đủ Phật tánh.” Còn chúng ta thì luôn luôn cần nhắc: chị này sân, anh nọ tham, bà kia xảo quyết, mụ nọ làm hồ, anh nớ chanh chua... Ối, giới đất ơi! Làm sao tôi ở với mấy người cho nổi? Cây muốn lặng mà sao gió chẳng ngừng...”

Vì thế, chúng ta chỉ còn một lối thoát cuối cùng là cầu về cõi cực lạc để câu hội cùng Phật và thánh chúng Bồ Tát mà thôi.

Ngựa Nhà

Ngựa rừng thấy ngựa nhà bèn phân bì và khen ngợi:

- Anh trông mập quá, thức ăn của anh mới ngon ngọt làm sao!

Đến khi thấy người ta chắt đồ lên lưng ngựa, tra hàm thiếc vào và thúc nó bằng roi gậy, bắt kéo xe thì ngựa rừng bèn nói:

- Ô, này người anh em! Bây giờ thì tôi không ganh tỵ nữa, vì tôi đã biết anh trả giá cho cuộc sống sung túc bằng những gì rồi.

Em thân mến!

Không có món quà nào mà cuộc đời trao tặng cho ta lại không ghi giá phải trả ở phía dưới.

---o0o---

Cụ Già Tu Mướn

Thiền sư Bạch Ân Huệ ở Nhật Bản có một tục gia đệ tử. Ông đệ tử này thường đến than phiền rằng cha già của y, dù tuổi đã cao, vẫn cứ mãi mê làm việc kiếm tiền chứ không chịu tu hành gì ráo. Mỗi lần y nhắc nhở thì ông cụ quả quyết khăng định:

- Nếu chuyện tu hành mà té tiền té bạc thì hãy nói với ta, bằng không thì đừng hòng!

Hôm nọ nghe xong nỗi băn khoăn của người đệ tử, thiền sư bảo:

- Chiều nay con hãy về bảo với cha con rằng: Hòa thượng Bạch Ân bận bịu công việc quá đỗi nên không thể tu hành như ý muốn được. Ngài nhờ con tìm một người tu mướn. Cứ 10 chuỗi niệm Phật là một quan tiền. Cần chọn người trung hậu làm ăn sòng phẳng để ký giao kèo trao đổi. Người làm mướn có thể lãnh tiền mỗi ngày hoặc hàng tuần cũng được.

Ông đệ tử y lời, trở về thưa với cha mình. Nhận thấy rằng đây quả là một công chuyện làm ăn té tiền té bạc hẳn hoi, ông lão sốt sắng nhận lời. Thêm vào đó, ngoài 10 xâu chuỗi niệm Phật ăn tiền ông còn hoan hỷ biếu không cho Hòa thượng hai xâu nữa.

Giao kèo đã ký kết, ông cụ cứ đến chùa lãnh tiền hàng ngày. Về sau để khỏi mất thì giờ, cụ để dồn hàng tuần mới lãnh.

Bẵng đi một thời gian không thấy ông cụ đến lãnh tiền. Người con theo lời dạy của Hòa thượng, cứ để cha già làm theo ý muốn. Ngoài ba bữa ăn ông cụ ngồi ngay ngắn trước điện Phật và làm mướn. Cho đến một hôm, thấy cha mình cơ hồ đã ngưng hẳn chuỗi, mắt khép nhẹ, hơi thở điều hòa, nhẹ nhàng. Người con liền đến báo tin cho Hòa thượng hay.

Thiền sư Bạch Ẩn đến tận nơi quan sát. Thấy cụ già dáng ngồi có hơi nghiêng, do tuổi tác chất chồng, nhưng mặt mũi hồng hào. Gương mặt ông phảng phất một niềm bình thản khinh an.

Hòa thượng nói khẽ với người con, nhẹ như một hơi gió thoảng:

- Cha con đã nhập định.

Thiền sư đã dạy thiền cho ông cụ bằng cách này.

---o0o---

Ương Quật Ma La

Ương Quật Ma La là tên mà dân chúng Kiều Tát La đặt cho Ahimsaka từ khi chàng bắt đầu chuỗi ngày tàn bạo giết người, chặt lấy ngón tay và đeo lên cổ như một vòng hoa (Tên Ahimsaka do cha chàng đặt có nghĩa là “Người vô tội”)

Ahimsaka nguyên là một thanh niên khôi ngô anh kiệt của vương quốc Kiều Tát La (Kosala). Chàng được sinh ra từ một vọng tộc Bà La Môn. Cha chàng làm quan quốc sư cho vua Ba Tư Nặc.

Được gởi đến Hoa Thị Thành (Taxila) từ thuở bé, Ahimkasa chỉ thụ giáo với danh sư Mani, và trở thành một sinh viên lỗi lạc. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka chỉ chiếm được lòng tin yêu của sư phụ chàng nhưng lại chuốc lấy nhiều sự ganh tỵ ghét ghen của bạn đồng môn. Để lung lạc ông thầy, các bạn đồng môn của Ahimsaka phao tin rằng chàng có tình ý với cô vợ của Mani. Trước những tin đồn bất chánh ấy, danh sư Mani đều tỏ ra dửng dưng không chút xao xuyến, nhưng bà vợ trẻ của anh lại xúc động vì ngỡ rằng chàng trai trẻ thâm yêu mình thật. Thấy chàng khôi ngô tuấn tú, bà

tìm cách lân la dò ý, và chẳng bao lâu bà trở nên say mê Ahimsaka một cách điên cuồng.

Một hôm thừa lúc vắng người, bà cho gọi Ahimsaka đến và ngỏ hết nỗi lòng. Bị chàng trai thẳng thắn cự tuyệt, bà Mani xấu hổ đến cùng cực và bèn rắp tâm mưu hại chàng cho bỏ ghét.

Khi nghe chính miệng vợ mình thuật lại hành vi đê tiện của tên đê tử thân tín. Mani phùng phùng nổi giận. Nhưng vốn là một tay đa mưu nham hiểm, ông không lộ vẻ bất bình ra mặt chỉ mời Ahimsaka đến, tỏ lời thân ái rồi bí mật bảo:

- Nay Ahimsaka! Con theo thầy học đạo đã khá lâu. Lòng cương trực và ý chí cầu tiến của con khiến thầy rất đẹp lòng. Vì vậy thầy nhất định chọn con làm người kế thừa tông môn ta.

Trước thâm tình của sư phụ, Ahimkasa bồi hồi xúc động, chàng kính cẩn thốt lời tạ ân, thì Mani đã tiếp:

- Môn phái của ta có một bí pháp vô cùng tuyệt diệu. Bí pháp này chỉ được truyền trao cho những căn cơ siêu việt. Trước khi thụ huấn bí pháp này con phải tuyệt đối thanh tịnh vô nhiễm. Những ác nghiệp quá khứ của con phải được rửa sạch bằng máu người thay vì máu cừu dê như bọn phàm phu tục tử. Vậy bây giờ ta trao cho con thanh gươm thừa kế này, con phải lập tức khởi hành đi đến rừng Jalam để khởi đầu cuộc sám hối, con chỉ trở về đây gặp ta khi đã giết xong một nghìn người không hơn không kém.

Ahimkasa sững sờ, chàng không muốn tin rằng những lời vừa nghe lại được thốt ra từ miệng của con người khả kính thánh thiện mà chàng đã hết dạ kính yêu. Thấy chàng trai do dự, Mani liền đem hết tài hùng biện ra thuyết phục. Cuối cùng Ahimsaka đành phải vâng lời, gắng gượng ra đi mà lòng hoang mang khôn tả.

Khi vừa hạ sát xong nạn nhân đầu tiên, Ahimkasa kinh hoàng đến điên dại. Từ đó gặp ai chàng cũng vung gươm chém liên, bất kể nam nữ, già trẻ thân sơ. Tiếng than khóc của các gia đình nạn nhân vang đến tai vua quan, nhưng tất cả đều bất lực, bó tay trước tài nghệ vô song của Ahimsaka. Dân chúng run sợ gọi chàng là vô não - tức là người mất trí.

Vô não chặt lấy ngón tay út của nạn nhân suu tập thành một chuỗi dài treo lòng thòng trên cây, về sau sợ quạ điều tha mất bộ suu tập độc đáo ấy,

chàng lại đeo vào cổ giữ khư khư như một bảo vật. Dân chúng lại đổi tên chàng thành Angulimala, có nghĩa là “chuỗi ngón tay.”

Câu chuyện về Angulimala đến tai Phật, nên một hôm trên đường du hóa, Đấng đạo sư cố ý chọn con đường xuyên qua rừng Jalini, nơi tên hung thủ khát máu đang hùng cứ, bất chấp những lời can ngăn của cư dân vùng lân cận.

Trong các kinh sách còn ghi lại rằng: Đức đạo sư xuất hiện lúc chàng Angulimala vừa giết xong nạn nhân thứ 999. Thấy bóng ngài Angulimala vô cùng mừng rỡ, nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để chàng hoàn tất sứ mạng mà tôn sư chàng đã giao phó. Angulimala rảo bước đuổi theo Phật, chiếc gươm đâm máu cầm sẵn nơi tay, đức đạo sư dùng thần thông khiến Angulimala không tài nào đuổi kịp ngài, dù y đã thi triển hết tài nghệ. Cuối cùng Angulimala đành dừng chân cất tiếng gọi:

- Đứng lại! Đứng lại! Bớ sa môn!

Đấng đạo sư bình thản đáp:

- Này Angulimala! Dù Như Lai đang đi Như Lai đã dừng bước. Còn con, con đã dừng bước hay chưa?

Angulimala ngạc nhiên thầm nghĩ:

- Hàng sa môn đầu trọc này không bao giờ nói láo. Vậy mà ông sư này ông lại nói là ông đã dừng chân, còn ta thì đang đi. Thế nghĩa là sao?

Angulimala liền hỏi:

- Này sa môn! Ông đang đi chính tôi mới là người dừng chân. Sao ông lại nói năng tương phản thế, ông muốn nói gì?

- Đúng vậy, này thanh niên! Như Lai đã dừng chân và dừng chân mãi mãi. Như Lai đã khước từ, vứt bỏ không còn hành hung hay gây thương tổn cho một sinh vật nào. Còn con, bàn tay đang đâm máu của đồng loại. Sao con lại đem sự đau khổ hãi hùng cho người khác để mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình? Vì thế mà ta bảo rằng Như Lai đã dừng còn Angulimala thì đang tiếp tục.

Angulimala bối rối. Chàng im lặng, lặng lẽ nhìn đấng đạo sư hồi lâu. Thái độ từ ái cùng dung mạo phi phạm của ngài khiến chàng cảm thấy an tâm và lấy lại được sự bình tĩnh khi xưa: “Trước đây còn thơ ấu, ta có nghe thiên hạ đồn đãi rằng sa môn Cồ Đàm là một bậc giác ngộ. Ngài có một dung nhan sáng rõ và một giọng nói rất là từ hòa thân ái, có lẽ đây là ngài chăng?”

Angulimala bèn vứt gươm và quỳ gối trước mặt đức Phật, hỏi:

- Bạch sa môn! Ngài có phải là sa môn Cồ Đàm không? Là con của đức vua Tịnh Phạn?

- Đúng vậy, này Angulimala! Con đã vứt bỏ thanh gươm đâm máu kia, có nghĩa là con đã vứt bỏ con đường lầm lạc cũ, con có cần Như Lai giúp đỡ điều gì không?

- Bạch sa môn, đã từ lâu, con không hề quỳ lạy một ai, mà ngược lại ai thấy con cũng run rẩy quỳ mọp van xin được tha mạng. Con đường này không ai dám lai vãng một mình, mà thiên hạ thường rủ nhau đi từng đoàn hàng trăm người. Bạch sa môn! Con đã từng nghe rằng có những sinh vật bị khắc phục bằng võ lực, bằng cù móc hay roi vọt. Nhưng con, một con thú hoang đàng cuồng dại, lại được chế ngự bởi một người không gươm dao hay roi vọt.

- Bạch sa môn! Hình bóng từ ái của người đã khiến con muốn trở về với con đường thuần lương sống yêu thương và giúp đỡ đồng loại như những ngày xa xưa, lúc con chưa điên loạn... Nhưng ai, ai có thể cho phép chở che và giúp đỡ một con người như con - người đã giết chết nghìn nhân mạng?

- Này thanh niên, trên thế gian này có hai hạng người được xem là thanh tịnh: hạng thứ nhất là người không hề gây tội lỗi, hạng thứ hai là kẻ gây tội nhưng biết ăn năn và không bao giờ tái phạm. Nếu lòng con tha thiết muốn hoàn lương Như Lai sẽ giúp con toại nguyện.

- Bạch sa môn, con không dám nghi ngờ gì về lòng từ bi bao la của ngài đối với con. Nhưng con đã gây tạo một ác nghiệp mà có lẽ không một ai trên thế gian này dám làm. Làm sao con có thể ước mơ làm đệ tử của sa môn Cồ Đàm, một người mà suốt đời chưa hề làm xúc não bất cứ ai?

- Này thanh niên! Ví như có một gian phòng tắm tối suốt cả nghìn năm dài. Nếu muốn thắp sáng cho nó, con cần phải đốt bao nhiêu ngọn đèn và mất bao nhiêu lâu để đẹp cho nó tươi tắn?

- Bạch sa môn, bóng tối dù đã ngự trị căn phòng suốt nghìn năm nhưng chỉ cần mỗi một ngọn đèn được thắp lên thì bóng tối sẽ tan ngay, và thời gian để dọn dẹp căn phòng thì tùy thuộc vào khả năng siêng hay nhác của từng người.

- Cũng vậy, này thanh niên dù con đã sát hại cả nghìn đồng loại, nhưng nếu con thành tâm cải hối, thắp lên ngọn đèn bằng ánh sáng trí huệ của con thì bóng tối ác nghiệp u mê sẽ tan biến ngay. Con vẫn có cơ hội ngộ đạo như bao nhiêu người khác. Đó là điều mà Như Lai xác quyết với con.

Và trưa hôm ấy đức Thế Tôn đi khất thực về với Angulimala làm thị giả, chàng đã vứt bỏ chuồn ngón tay, xuất gia làm tỳ kheo. Nhưng các bạn đồng phạm hạnh vẫn theo cư dân gọi chàng là huynh Angulimala.

Một hôm vua Ba Tư Nặc, vua nước Kiều tát lai đến yết kiến Phật. Thấy long nhan có vẻ u sầu, đấng đạo sư bèn thăm hỏi:

- Này đại vương! Vì sao mà mặt mũi ủ dột như thế?

- Bạch Thế Tôn, suốt mấy tháng qua con mất ngủ vì hành vi khát máu của một tên du đãng ở rừng Jalini. Dân chúng gọi nó là Angulimala vì hắn chuyên giết người để lấy ngón tay kết vòng đeo cổ. Chính quyền địa phương cùng quân triều đình mắt không biết bao nhiêu công của mà vẫn chưa trừ khử được tên vô hại ấy. Ngày nào con cũng nghe báo cáo có người bị giết về tay hắn. Chính vì vậy mà trong thời gian qua con không có thời giờ rảnh rỗi đến thăm viếng đức Thế Tôn.

- Đại vương! Nếu hiện giờ có người báo cáo với đại vương hay rằng Angulimala đang ở cách đại vương chưa đầy 50 bước thì đại vương nghĩ sao?

Vua Ba Tư Nặc liền đứng phắt dậy dòm nhìn nhác tóc râu đều dựng ngược, mặt biến sắc nói nhanh:

- Con sẽ huy động quân sĩ giết hắn ngay lập tức để trừ hậu hoạn cho cư dân Kiều Tát La.

- Nhưng nếu Angulimala cạo bỏ râu tóc xuất gia làm tỳ khuru, thì đại vương sẽ đối xử với y như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Nếu đó là một chuyện có thật thì con sẽ đầu thành đánh lễ đáng điều ngự hy hữu của muôn loài. Nhưng con không tin rằng tên mất dạy ác ôn đó lại có thể thay tâm đổi tánh cho được.

Đức Phật mỉm cười, đưa tay chỉ một sa môn trẻ tuổi, hình dung tuấn tú, uy nghiêm đang ngồi trầm tư trên một tảng đá gần hương thất bảo:

- Này đại vương! Vị tỳ kheo có dáng điệu từ hòa kia trước đây ba ngày được dân chúng gọi là hung thần rừng Jalini.

Vua Ba Tư Nặc giật mình kinh ngạc hồi lâu mới nói:

- Bạch Thế Tôn! Nếu những lời nói trên không được thốt ra từ kim khẩu của Thế Tôn thì con không thể nào tin được. Bạch Thế Tôn! Con muốn được diện kiến cùng tôn giả ấy.

- Đại vương cứ tự tiện.

Vua Ba Tư Nặc bèn rời chỗ ngồi, e dè đến chỗ tôn giả Angulimala đang rồi vái chào và hỏi:

- Thưa tôn giả, ngài tên là gì?

- Thưa đại vương, tên của tôi là Vô Hại, nhưng vì một ác nghiệp trước ngày xuất gia nên mọi người đều gọi tôi là Angulimala, nghĩa là “Chuỗi ngón tay.”

- Thưa tôn giả, trước đây một tuần, ngài ở đâu và làm gì?

- Tôi đại dương, tôi trú ngụ tại rừng Jalini và làm tên hung thần ở vùng ấy.

- Bạch đại đức, thật là hy hữu! Thật là kỳ diệu. Xin đại đức cho phép trẫm được cúng dường y bát và ngọa cụ.

- Thưa đại vương! Các bạn đồng phạm hạnh đã cho tôi đầy đủ mọi thứ cần dùng...

Và đại vương Ba Tư Nặc sau khi đánh lễ đấng đạo sư tán thán và cáo từ ra về, lòng nhẹ nhõm như một phiến mây.

Tỳ kheo Angulimala tuy đã xuất gia và được đấng đạo sư ân cần khai thị nhưng lòng thầy luôn luôn bị xao động. Lúc nào và ở đâu, thầy cũng nghe văng vẳng tiếng than khóc cùng rên la của các nạn nhân bị chính thầy sát hại đạo trước. Trên đường đi khát thực dân chúng thường nhìn thầy với đôi mắt thù hận lẫn sợ hãi. Tuy đã có lệnh bảo hộ của vua Ba Tư Nặc, nhưng cũng rất nhiều khi, thầy trở về tinh xá với y bát tả tơi, thương tích đầy mình, thầy vẫn im lặng chịu đựng không hề kêu van hay lẩn trốn.

Ngày kia, lúc đi thọ bát tôn giả Angulimala gặp một thiếu phụ đang lâm bồn. Gặp sản phụ nằm rên siết bên đường, động lòng bi mẫn, thầy trở về bạch đấng đạo sư, xem có cách gì cứu giúp nạn nhân không? Phật dạy:

- Con hãy đến gặp người thiếu phụ ấy và chúc lành cho nàng như thế này:

- Thưa chị, từ ngày sinh ra đến nay, tôi chưa hề có ý tiêu diệt đời sống một sinh vật nào. Do lời nói chân thật này, ước mong chị được mẹ tròn con vuông.

Tỳ kheo Angulimala bối rối:

- Bạch Thế Tôn! Làm sao con dám thốt ra câu ấy... khi con là “chuối ngón tay”?

- Nay tỳ kheo, từ ngày sinh ra cho đến nay có nghĩa là từ khi con xuất gia, sanh vào thánh tộc vâng giữ đời phạm hạnh.

Thầy tỳ kheo trẻ tuổi liền hoan hỷ hồi hã ra đi. Người thiếu phụ vẫn còn nằm rên siết bên vệ đường. Tôn giả Angulimala liền gởi lời chúc lành đến cho nàng sau một bức màn trúc. Kỳ diệu thay, một chú bé kháu khỉnh liền chào đời trong sự vui mừng của tất cả mọi người hiện diện... Từ ngày đó các bạn đồng phạm hạnh gọi thầy Angulimala là Paritta có nghĩa là “chúc lành.”

Và cũng kể từ ngày hôm ấy, tôn giả Paritta thêm vững niềm tin, tinh cần tu tập, chẳng bao lâu thầy đắc quả A La Hán. Câu chúc lành của thầy gởi đến người thiếu phụ lâm bồn đạo nọ được xem như một bài kệ cầu an và được lưu truyền làm mọi người đều kinh ngạc. Người ta muốn biết rằng tại

sao một con người hung bạo, đầy dẫy nghiệp chướng như thế mà lại có thể đạt đến A La Hán quả, một quả vị mà các bậc hiền nhân đầy phước báu như tôn giả A Nan vẫn chưa chứng đắc.

Để giải đáp, đức đạo sư đã dạy:

- Trên thế gian này, mọi người đều bình đẳng với nhau ở khổ đau cũng như giác ngộ. Thầy Angulimala trước kia là người hung bạo, đầy dẫy nghiệp chướng như thế, nhưng về sau thầy đã tinh cần miên mật phát huy trí huệ sẵn có của thầy, đánh bật hết ác nghiệp, giống như vàng trắng lộ dạng ra khỏi mây mù, chiếu sáng thế gian. Lời dạy của đấng đạo sư đã được kết tập thành câu pháp cú 173 lưu truyền cho đến ngày nay. Cũng như trong kinh Pháp cú câu thứ 422 đã ghi lại lời khen ngợi của đấng đạo sư khi ngài đề cập đến đức vô úy lòng khiêm tốn của tỳ kheo Angulimala tức là La Hán Paritta:

“Người vô úy, cao thượng như một bậc đại thánh, người đã tự khắc phục không còn dục vọng, người đã rửa sạch mọi nhiễm ô, đã giác ngộ, người ấy Như Lai gọi là Bà La Môn.”

Danh từ Bà La Môn trên được người Ấn Độ dành để gọi những kẻ thuộc giai cấp cao sang quyền quý nhất trong xã hội loài người.

---o0o---

Vakkali

Vakkali là một thanh niên Bà La Môn thành Xá Vệ. Thời niên thiếu và thanh xuân của chàng trôi qua bình thản trong tình yêu của cha mẹ và các bạn hữu đồng trang lứa. Cho đến một hôm, tâm tư chàng trẻ tuổi bỗng dưng bị xáo động bởi một hình bóng của sa môn áo vàng. Tư thế uy nghiêm, cốt cách phi phàm cùng tướng hảo vô song của vị tu sĩ khiến chàng trai trẻ vô cùng kinh ngạc. Vakkali đứng ngây người ra chiêm ngưỡng phong cách vị tu sĩ và bỗng cảm thấy lòng nheo nhúm một sự tôn kính vô bờ đối với con người xa lạ đó. Chàng nghĩ thầm:

- Quái lạ! Không ngờ trên cõi đời này lại có một người đẹp trai lạ lùng đến thế! Ôi! Ước gì ta được kề cận bên người để nhìn cho thỏa thích.

Vakkali dò hỏi và được biết rằng vị sa môn đó xưa kia là một ông hoàng vương giả, đã từ bỏ ngai vàng đi tầm đạo và giác ngộ. Người ta bèn

gọi Ngài là sa môn Cồ Đàm và hàng đệ tử thì cung kính gọi Ngài là Thế Tôn.

Vakkali bèn xin xuất gia vào tăng đoàn sống đời khát sĩ. Vì mục đích xuất gia của chàng không lấy gì làm cao xa cho lắm, nên hằng ngày ngoài những giờ đi bát cần thiết, tỳ kheo Vakkali luôn luôn tìm một chỗ ngồi thuận tiện để được chiêm ngưỡng từ dung đức đạo sư cho thỏa thích. Thấy chẳng quan tâm gì đến việc học kinh hay những bổn phận của một chú tiểu sơ cơ. Đấng đạo sư biết rõ tâm niệm của Vakkali nhưng Ngài vẫn im lặng chờ đợi, như chờ đợi ngày “trăng đến rằm thì tròn” vậy. Và ngày ấy đã đến.

Một hôm, đức đạo sư quay lại bảo Vakkali khi chàng đang say đắm nhìn Ngài:

- Nay Vakkali! Đâu có gì thích thú khi nhìn ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân ta. Chỉ khi nào Vakkali nghe lời Như Lai dạy, thấy được pháp sinh diệt thì mới gọi là thấy Như Lai.

Nhưng, bất kể lời khuyên của Phật, Vakkali không thể nào buông tầm mắt khỏi đức đạo sư... Cuối cùng đức đạo sư đành rời Xá Vệ và cấm không cho Vakkali đi theo.

Ba tuần trăng trôi qua Vakkali không được nhìn thấy hình bóng và nghe pháp âm của đấng đạo sư. Lòng sầu khổ vô hạn, chàng tự nghĩ rằng: mình đã từ bỏ gia đình, cởi lớp áo cao sang của một chàng công tử danh giá để vào cuộc sống bần hàn khát sĩ, chỉ với một mục đích duy nhất là được gần gũi chiêm ngưỡng đấng đạo sư. Thế mà Ngài hắt hủi ghét bỏ chàng trong khi Ngài rất mực từ bi dịu dàng đối với tất cả chúng sanh, chí, đến con sâu cái kiến.

Một hôm quá sầu não, Vakkali nảy ra ý định quyên sinh, chàng leo lên một đỉnh núi cao, định buông mình xuống vực sâu cho rảnh nợ. Biết được ý định ngông cuồng của người đệ tử trẻ tuổi, đức đạo sư hiện thân đến gần Vakkali và cất tiếng gọi:

- Nay Vakkali! Hãy đến đây với Như Lai.

Vakkali run lên vì vui mừng:

- Có thật chăng? Có thật Thế Tôn gọi con? Ngài không xua đuổi con nữa chứ?

Và dưới bóng mát của một cội cây rừng bên tảng đá, đức đạo sư ôn tồn bảo:

- Nay Vakkali! Tại sao con có ý định quyên sinh?

- Bạch Thế Tôn, vì con cảm thấy quá sâu khổ, quá phiền muộn. Con không tìm thấy niềm vui nào trong cuộc đời khát sĩ đạ mạt này, ngoài sự chiêm ngưỡng tướng mạo phi phạm của Thế Tôn.

- Nay Vakkali! Niềm vui nào cũng phải ủa tàn... sắc thân Như Lai dù là phi phạm đi nữa rồi cũng phải chịu sự chi phối của già, bệnh, chết. Bất cứ pháp gì trên đời này có sinh đều phải có diệt. Đó là một định luật đương nhiên. Nếu biết rõ điều ấy, ta có nên đặt hết lòng hy vọng, ước mong bám víu vào những pháp sinh diệt ấy mưu cầu một hạnh phúc vĩnh cửu không?

Vakkali im lặng cúi đầu. Đấng đạo sư liền giảng trạch thêm cho chàng về tính chất phù du tạm bợ của hợp thể gọi là sắc thân Ngài. Sau thời thuyết pháp, Vakkali xúc động thưa:

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu rồi. Từ lâu con đã chạy theo những bóng dáng phù hoa do tâm thức con phóng chiếu ra, lấy đó làm niềm vui độc nhất của mình. Khi niềm vui ấy bị cản trở con đâm ra buồn phiền, sâu khổ, con quá si mê không biết rằng cái gì có sinh cũng phải có diệt. Sắc thân Như Lai tuy đẹp đẽ vô song thật nhưng trước kia không nay có, thì thế nào cũng sẽ trở về không. Nguồn vui của con cũng chính là một cảm xúc nhất thời, nếu không được nuôi dưỡng thì nó cũng sẽ lụi tàn. Con đã hiểu rồi và con cũng xin hứa cùng Thế Tôn là từ nay Vakkali chỉ thực hành những lời giáo huấn của Như Lai thay vì chiêm ngưỡng từ dung của Ngài như đạo trước.

- Hay lắm! Nay tỳ kheo, nếu lòng con đầy phỉ lạc, đầy niềm tin nơi lời dạy của Như Lai thì chẳng bao lâu con sẽ đạt được hạnh phúc tối thượng.

Và thế rồi, Vakkali từ giã đức đạo sư, độc cư thiền định ngay trên đỉnh núi mà chàng định quyên sinh đạo nọ. Đúng như lời tiên đoán của đấng đạo sư, chẳng bao lâu Vakkali đắc quả A La Hán. Từ đó đức Thế Tôn xếp Vakkali vào hàng môn đệ có lòng tin chân thật nhất. Lời dạy của Ngài cho Vakkali trên đỉnh núi đạo nọ cũng được kết tập vào kinh tạng, thành câu pháp cú 381 lưu truyền cho đến ngày nay:

“Thầy tỳ kheo nào tâm đầy hoan hỷ thành tín theo lời Phật dạy sẽ đạt tới cảnh giới tịch tĩnh, an lạc giải thoát khỏi các hành” (pháp cú 381)

---o0o---

Khi Công Tử Chê Tiền

Kàla là con trai của nhà cự phú Cấp Cô Độc, một vị trưởng giả đầy lòng kính tin, đã xuất của cải kho vàng ra mà mua vườn cây của Thái tử Kỳ Đà về xây tịnh xá cúng dường Phật. Vậy mà công tử Kàla lại không có cảm tình với đức Thế Tôn và tặng chúng tí nào cả.

Vốn được sinh trưởng trong một gia đình thế phiệt lại thông minh tài giỏi nên Kàla được vời làm quan cận thần dưới triều vua Ba Tư Nặc khi hãy còn rất trẻ.

Một hôm, vua Ba Tư Nặc cùng hoàng hậu Mạt Lợi thiết trai cúng dường Phật và tặng chúng tại hoàng cung, toàn thể triều thần và hoàng tộc đều hoan hỷ, duy có công tử Kàla là nhún vai phẩm bình:

- Hoàng thượng tiêu xài thật vô lối, chẳng khác gì ông bố của ta. Mấy ông lão áo vàng kia ăn no nê xong đi về tịnh xá đánh một giấc tới chiều, thật là vô ích.

Đức Thế Tôn đoán biết được ý niệm của Kàla nên sau buổi lễ Ngài đọc một bài kệ: “Người xan tham không thể sanh lên cõi trời, kẻ ngu không ưa việc bố thí. Nhưng người thiện trí lại sanh lòng tùy hỷ và do đó cũng được dự phần an lạc.” (Pháp cú 177)

Chuyện đến tai vua Ba Tư Nặc, Kàla liền bị đuổi ra khỏi hoàng cung, chàng công tử nhân đó càng thêm ác cảm với Phật và tặng chúng.

Kàla thường tìm cách lánh mặt Phật mỗi khi cha chàng thiết trai cúng dường. Trước thái độ của cậu con cưng, trưởng giả Cấp Cô Độc rất lấy làm khổ tâm. Sau nhiều phen rầy la vô hiệu, ông nghĩ ra một diệu kế, gọi con đến dỗ ngọt:

- Này Kàla! Mai này cha bận việc không thể đi đến Kỳ Viên thọ bát quan trai được. Nếu con đi giúp cha sẽ thưởng cho 100 đồng tiền vàng.

Vừa nghe nhắc đến tịnh xá, Kàla đã cau mày, nhưng số tiền quá hấp dẫn khiến chàng phân vân.

- Mấy cái giới đó có khó giữ lắm không, thưa cha?
- Dễ ợt! Tụi con nít trong nhà này còn làm được huống chi là thanh niên như con.
- Đâu cha nói sơ cho con nghe thử...
- Có gì đâu! Con chỉ phải giữ vồn vẹn tám điều răn sau đây trong 24 giờ thôi. Đây này:

1. Không giết
2. Không trộm cắp
3. Không dâm dục
4. Không nói dối
5. Không uống rượu
6. Không trang điểm
7. Không nằm giường cao chiếu rộng
8. Không ăn quá no

Đó, dễ quá phải không con?

Kàla chật lưỡi thâm tính:

- Thôi kệ! Mình chịu khó ép xác trong một ngày một đêm để lãnh 100 đồng tiền vàng, ngày một ta ăn bù cũng được.

Và Kàla bằng lòng, không quên mặc cả:

- Nhưng cha phải nhớ giữ đúng lời. Một trăm đồng tiền vàng hẳn hơi đầy nhé!
- Được rồi! Con yên tâm!

Hai cha con đều yên lòng vui mừng.

Sáng hôm sau, công tử Kàla cởi hết đồ trang sức, khoác một manh áo thô, ăn một bữa điểm tâm thịnh soạn đến căng bụng và gọi gia nhân thẳng kiệu đi thẳng đến tịnh xá Kỳ Viên. Đến nơi chàng cho kiệu về, tặng lờ như

không thấy ai hết, kiếm một chỗ mát mẻ, trái rom nằm đánh một giấc cho qua “tai nạn.”

Tờ mờ sáng hôm sau Kàla đã đến nhà khua vang âm ỉ và quát tháo, hối thúc gia nhân dọn điếm tâm.

Ăn uống và phục sức đom dáng xong, Kàla đến gặp cha đòi tiền công:

- Con đã hoàn tất nhiệm vụ mà cha giao phó, xin cha cho con số tiền đã hứa.

Tất cả hành động của người con không lọt khỏi cặp mắt người cha tốt bụng. Ông trưởng giả vẫn không nản lòng, trao tiền cho con và điếm tĩnh bảo:

- Này Kàla! Tốt lắm! Con đã làm một việc tốt đẹp lòng cha. Và ngày mai này cha muốn đi nghe đức đạo sư thuyết pháp nhưng lại không rảnh. Nếu con đi giúp cha, cha sẽ thưởng cho con 200 đồng tiền vàng. Con nghĩ sao?

Kàla nghe nói đến tiền là sáng mắt, chàng vội vã nhận lời và nghĩ bụng:

- Cha mình ngó bộ mê mấy lão đầu trọc đó dữ dội rồi! Thây kệ! Cờ tới tay ai nấy phát. Đây quả là một cách kiếm tiền lương thiện và khoẻ khoắn nhất.

Thế là hết bữa trước, công tử Kàla lại đến Kỳ Viên len vào giữa đám thính giả chen chút trước pháp tòa dự thời pháp của đức đạo sư, chàng hết ngoáy mũi đến gãi tay, rung đùi... Không một pháp âm nào lọt vào đôi tai hồ hững của chàng.

Và Kàla lại được lãnh 200 đồng tiền vàng sau những thủ tục như bữa trước.

Vài hôm sau, trưởng giả Cấp Cô Độc lại gọi Kàla đến bảo:

- Này con độ rày chuyện nhà quá bề bộn khiến cha không thể nào đến hầu thăm đức đạo sư và nghe Ngài thuyết pháp được. Nếu con có thể đi nghe và về nói lại cho cha biết dù chỉ một bài kệ ngắn thôi, cha cũng sẽ thưởng cho con 500 đồng tiền vàng.

Đã có kinh nghiệm qua hai lần trước, Kàla lập tức bằng lòng ngay vì chàng nhận thấy rằng không có công cuộc làm ăn nào mau phát tài bằng việc đi thăm khu vườn của mấy ông sư đầu trọc.

Sáng hôm ấy, Kàla đến Kỳ Viên thật sớm định bụng sẽ chỉ nghe và nhớ một bài kệ thôi rồi sẽ bỏ trở về đi xem hát. Với trí thông minh sẵn có, Kàla thuộc lòng ngay một bài kệ mà đức đạo sư vừa đọc, chàng vội vã quay về. Đi được một quãng, sực nhớ ra là mình chưa rõ ý thú của bài kệ. Không muốn ấp úng trước mặt cha, Kàla đành phải quay lại chăm chú nghe đức đạo sư thuyết pháp. Như một trái cây vừa chín tới gặp phải cơn gió giao mùa liền rơi rụng, nhờ những cơn duyên lành đời trước, sau thời thuyết pháp của đức đạo sư, Kàla chứng ngay sơ quả Tu Đà Hoàn.

Lần đầu tiên, công tử Kàla đến quỳ bên gối đức đạo sư, đặt vàng trân thông minh, chưa có một vết nhăn của chàng lên đôi chân trần của đức đạo sư, bày tỏ một niềm tri ân vô bờ bến. Đức Thế Tôn bình thân bảo chàng:

- Nay Kàla, hôm nay cha con có mời Như Lai đến nhà thọ trai... đã sắp đến giờ ngọ rồi, chúng ta đi thôi.

Kàla cung kính đón lấy chiếc bát của Phật và khép nép đi sau Ngài như một chú thị giả thuần thục chính hiệu.

Cử chỉ của Kàla ngày hôm ấy đã khiến trưởng giả Cấp Cô Độc rất đẹp lòng, ông hân hoan mang tiền ra thưởng con trước mặt quan khách:

- Nay con trai cung! Thái độ của con làm cha vui sướng vô hạn, dù con chưa thuyết giảng lại cho cha nghe một lời pháp nào của đấng đạo sư, cha vẫn sẵn sàng trao cho con 1000 đồng vàng thay vì 500 đồng như cha đã hứa.

Công tử Kàla thẹn đỏ mặt, cúi đầu nói nhỏ:

- Thưa cha, con không cần tiền...
- Hãy cầm lấy tiền thưởng của cha cho con cơ mà!

Kàla vẫn khăng khăng từ chối. Người cha ngạc nhiên sững sốt nhìn con rồi quay sang bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Lần đầu tiên cháu nó mới chê tiền.

Đức Phật mỉm cười giải thích thái độ của Kàla:

- Nay trưởng giả, Kàla đã chứng sơ quả Tu Đà Hoàn và kể từ giờ phút ấy không một của cải trên trần gian này có thể làm lung lạc được tâm của chàng ta.

Ngài đọc kệ:

*Dù là vua cõi đất
Hay là chúa cõi trời
Cũng không sao sánh được
Quả vị Tu Đà Hoàn*

Bài kệ này được ghi thành pháp cú số 174 và lưu truyền cho đến ngày nay.

---o0o---

Ni Đề

Trước khi Phật xuất thế, xã hội Ấn đã được phân định thành bốn giai cấp chính:

1. Bà La Môn: tức giai cấp giáo sĩ, sáng chế luật pháp, nắm độc quyền về tôn giáo và văn hóa.
2. Sát Đế Ly: giai cấp vua chúa, chủ trì việc cai trị, được hưởng quyền thế tập, cha truyền con nối, nắm toàn quyền sinh sát đối với nhân dân và xem lãnh thổ cai trị như tư hữu của riêng mình.
3. Phệ Xá: gồm các giới công nông thương không được quyền học hỏi, có nhiệm vụ cung phụng hai giai cấp giáo quyền và chánh quyền trên.
4. Thủ Đà La: giai cấp cùng đinh, nô lệ, gồm những tiện dân và các giai cấp trên không xem họ là con người, đời sống của họ còn cùng khổ hơn là thú vật, chuyên làm các nghề đồ tể, đạo tỳ, tội tở...

Luật Mã nỏ, hiến pháp thành văn của xã hội Ấn Độ thời ấy, Chương 8, tiết 270-272 quy định rằng:

- Thủ Đà La là giai cấp được trời sinh ra để làm nô lệ. Nếu Thủ Đà La kêu tên của giai cấp Bà La Môn thì bị cắt lưỡi, không tuân thượng lệnh từ ba giai cấp trên thì sẽ bị nấu dầu đổ vô lỗ tai v.v...

Sự phân chia trên đã được quy định và không chế xã hội Ấn trong hàng nghìn năm trước khi đức Phật xuất hiện, tạo nên những điều bất công cùng cực. Hai giai cấp giáo sĩ và vua chúa chiếm thiểu số người, sống ung dung nhàn hạ trong khi hàng Phệ Xá phải nai lưng ra làm và cung phụng họ, còn Thủ Đà La thì đời sống còn tàn tệ hơn cả thú vật, mặt mũi lúc nào cũng ướt đầm mồ hôi và nước mắt.

Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử Ấn đã chỉ trích sự vô lý và bất công trong sự phân chia ấy. Lúc vừa thành đạo, chưa rời khỏi Bồ đề đạo tràng, Ngài đã khẳng định:

- Hết thầy chúng sinh đều có đủ đức tánh trí huệ để giác ngộ.

Và sau đó, trên đường du hóa, Ngài đã không ngừng nỗ lực để xóa tan những thành kiến mặc cảm tự tôn cũng như tự ty đã bắt rễ sâu xa trong tâm tưởng của người dân Ấn. Rất nhiều lần Ngài giảng dạy:

“Là cùng đinh không phải do sinh trưởng, là Bà La Môn không phải do sinh trưởng. Do hành động người này là cùng đinh, do hành động người kia là Bà La Môn.”

Lời kêu gọi của Ngài đã mở ra một chân trời mới cho hai giai cấp dưới nhưng đồng thời cũng gây luôn sự bất bình trong hai giai cấp trên, nhất là hệ tộc Bà La Môn. Sự bất mãn này được gia tăng tột độ khi đức Phật công nhiên công nhận hàng Thủ Đà La vào tăng đoàn. Các tỳ kheo thuộc dòng Thủ Đà La cũng được tôn trọng và đối xử ngang hàng như các tỳ kheo dòng Bà La Môn.

Người tiện dân đầu tiên được gia nhập giáo hội là chàng trai Ni Đề, chuyên sống bằng nghề gánh phân – công nhân viên của sở vệ sinh thành Xá Vệ, có nghề nghiệp hãnh hoi nhưng lại vô gia đình lẫn gia cư.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuộc tao ngộ kỳ thú giữa chàng trai này với Phật pháp cùng quý độc giả.

Sáng hôm ấy, đức đạo sư cùng tôn giả A Nan đang đi bát ở ngoại ô thành Xá Vệ thì gặp phải Ni Đề đang gánh hai thùng phân nặng trĩu đi

ngược lại. Thấy dáng các vị sa môn, Ni Đề luống cuống vội vã rẽ vào một ngõ hẻm để tránh bước, vì theo luật pháp quy định chàng không được phép gặp mặt và để mùi xú uế xông lên làm các giáo sĩ khó ngửi. Thoáng thấy vẻ sợ sệt của chàng, đức Phật dạy tôn giả A Nan cứ tiếp tục đi thẳng, còn Ngài thì rẽ vào một ngõ hẻm khác và thành linh xuất hiện trước mặt chàng gánh phân. Sự xuất hiện của đấng đạo sư khiến Ni Đề kinh hoàng, chàng vội vã đặt gánh phân xuống, quỳ mọp bên vệ đường, kêu van:

- Kính bạch sa môn! Thật là một lỗi lầm to lớn khi con lại hiện diện trước mặt Ngài với những thứ bẩn thỉu như thế này. Xin sa môn dung thứ cho vì đây chỉ là một việc rủi ro ngoài ý muốn của con.

- Ni Đề! Con hãy đứng dậy!

Nghe đức Phật gọi đích danh mình, chàng nô lệ kinh ngạc nhưng vẫn bối rối quỳ mọp bên vệ đường không dám nhúc nhích.

- Ni Đề, con có muốn vứt bỏ gánh nặng này, bỏ hẳn cuộc đời nô lệ để theo Như Lai tu tập không?

Ni Đề càng sửng sốt và lúng túng hơn... Đã từ lâu, chàng vẫn thường nghe người ta kháo nhau rằng sa môn Cồ Đàm, thuộc thế cấp Sát Đế Lợi, đã giác ngộ và tuyên bố rằng, người sẵn sàng tiếp độ bất cứ ai, kể cả những kẻ thuộc tập cấp Thủ Đà La. Câu chuyện đồn đãi ấy đẹp như một giấc mơ nên không bao giờ Ni Đề dám tin rằng có thật... Vậy mà giờ đây, vị sa môn uy nghiêm, nhưng chẳng kém phần từ ái này hỏi chàng có muốn xuất gia tu học theo ông ta không. Ni Đề thu hết can đảm, ấp úng hỏi:

- Bạch sa môn! Phải chăng Ngài là đệ tử của sa môn Cồ Đàm?

- Sa môn Cồ Đàm chính là ta.

- Bạch Thế Tôn từ lâu con đã nghe nói đến uy danh và lòng từ ái vô bờ của Ngài đối với hàng tiện dân chúng con. Nhưng làm sao Ni Đề lại có thể được phép gia nhập tăng đoàn, một đoàn thể chỉ dành riêng cho các ngài danh gia vọng tộc?

- Nay Ni Đề, một người hạ, tiện không do ở dòng họ hay nơi ăn chốn ở. Như Lai chỉ gọi là hạ tiện khi kẻ ấy đang đắm chìm trong tham dục, giận tức và si mê.

- Nhưng... bạch Thế Tôn! Tăng đoàn của Ngài chỉ toàn là các thầy Bà La Môn cao cả, những quốc vương, hoàng tử, đại thần, cháu chúa con vua. Còn con... con chỉ là một tên nô lệ hèn hạ... Dầu Thế Tôn có thương xót định cứu vớt con, nhưng e rằng sự có mặt của con sẽ gây xáo trộn và phiền toái cho đại chúng.

- Này Ni Đề, mọi người sinh ra vốn bình đẳng, bình đẳng trước khổ đau cũng như giác ngộ. Dù là Bà La Môn hay Thủ Đà La, nếu đã làm những hành động bất thiện thì phải chiêu vời những quả khổ như nhau. Cũng thế, ta xác quyết với con rằng bất cứ ai dù ở giai cấp nào cũng đều có đầy đủ khả năng giác ngộ. Nếu con chấp nhận điều ấy, phát huy trí tuệ sẵn có bằng năng lực của riêng con, thì con sẽ chứng đạo không khác các sa môn thuộc dòng Bà La Môn hay Sát Đế Lợi khác.

- Bạch Thế Tôn, nghe Ngài nói xong con có cảm tưởng như mình được sinh ra đời một lần thứ hai nữa, như một người mù chợt sáng mắt. Nhưng, ngoài Thế Tôn ra, có ai dám tin rằng tên Ni Đề gánh phân lại có khả năng giác ngộ? Con e rằng nếu gia nhập tăng đoàn, những lúc vắng bóng Thế Tôn các thầy Bà La Môn và hàng vương tử sẽ nọc con ra và nấu chì đổ vào lỗ tai con. Vì vậy, dù rất ước mong được thân cận Thế Tôn và nghe những lời dịu dàng an ủi của Ngài, con lại e rằng, chẳng những không được chứng quả như lời Thế Tôn dạy mà còn bị mất mạng nữa... Vì ai cũng có quyền đánh đập hành hạ con hết...

- Ni Đề, nếu những người thuộc giai cấp nô lệ như con chưa được giải thoát thì sự xuất hiện của Như Lai trên thế gian này sẽ vô nghĩa. Chính vì muốn phá tan sự phân chia vô lý và bất công ấy mà Như Lai đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc để ra đi tìm đạo. Như Lai đã đắc quả vô thượng, giáo pháp đã được tuyên dương khắp nơi, cửa giải thoát đã mở ra cho tất cả chúng sanh. Như Lai tin rằng, nếu Ni Đề xuất gia và chứng đạo, sẽ có vô số người Thủ Đà La nối gót Ni Đề gia nhập tăng đoàn, mở đầu một kỷ nguyên mới, xóa bỏ những đạo luật bất công tàn bạo, phục hồi lại giá trị giác ngộ đích thực của mỗi chúng sanh trên thế gian này.

Và thanh niên Ni Đề, sau khi được đức đạo sư thân hành cạo bỏ râu tóc, tắm rửa sạch sẽ, thay đổi y phục... liền trở thành một vị tỳ kheo rất mực khôi ngô đường bệ. Thầy tỳ kheo Ni Đề tỏ ra rất xứng đáng với lòng tin yêu của đức đạo sư vì chưa đầy một tuần trăng tinh cần tu tập, thầy đã đắc quả A La Hán với đầy đủ thân thông phụ tùng.

Tin chàng Thủ Đà La Ni Đề gia nhập tăng đoàn làm chấn động dư luận cư dân thành Xá Vệ. Giai cấp Bà La Môn tràn đầy phẫn nộ khi thấy giáo quyền bị xâm phạm lâm nguy. Quốc vương Ba Tư Nặc cùng đình thần đều lấy làm khó nghĩ. Hai giai cấp Phệ Xá và Thủ Đà La thì khắp khởi hy vọng nhưng không kém phần lo ngại.

Sau một tuần trăng phân vân suy tính, vua Ba Tư Nặc thân hành đến gặp Phật. Vừa đến cổng Kỳ Viên, nhà vua nom thấy một sa môn trẻ tuổi phong cách uy nghiêm như tượng vương đang ngồi dưới một tàng cây. Đức vua tiến đến vái chào và xin phép được vào gặp đức đạo sư.

Thầy sa môn trẻ tuổi liền dùng thầy lục rã đôi tảng đá và bước vào khuôn viên tịnh xá để báo tin đức đạo sư hay là có nhà vua đến bệ kiến.

Đức vua vào hương thất đánh lễ đấng đạo sư, lui ngồi một bên và cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Lúc mới vào cổng, con được trong thấy một vị sa môn trẻ tuổi rất mực khôi ngô đang thi triển thần thông. Con đoán rằng có lẽ đó là một thanh niên con nhà danh gia vọng tộc mới xuất gia và đã đắc quả nên mới có nhiều thần lực như thế.

- Đúng thế, này đại vương! Đó là một sa môn vừa gia nhập tăng đoàn và đã đắc quả A La Hán.

- Thật là hi hữu! Thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, con muốn đánh lễ và cúng dường vị sa môn ấy.

- Đại vương sẽ được toại nguyện... Nhưng mục đích chính của cuộc viếng thăm này là gì?

- Bạch Thế Tôn từ ngày con vào hoàng tộc quy y tam bảo cho đến hôm nay, chúng con vô cùng sung sướng khi được tầm gọi mưa pháp. Để tỏ lòng khát ngưỡng và tri ân, mỗi khi gặp đức Thế Tôn và tăng chúng, con đều thành tâm đánh lễ cúng dường. Gần đây con có nghe đình thần xôn xao về việc Thế Tôn đã chấp nhận cho một tên Thủ Đà La làm nghề gánh phân gia nhập tăng đoàn. Bạch Thế Tôn! Dù biết rằng lòng từ bi của Thế Tôn vô hạn lượng... nhưng con không khỏi lấy làm kinh hoàng. Thật là một điều sỉ nhục cho các tỷ kheo dòng Bà La Môn và Sát Đế Lợi khi phải chung đụng với tên tiện dân đốn mạt đó... Và chúng con sẽ xử sự ra sao khi đánh lễ chư tăng? Chẳng lẽ chúng con phải khấu đầu dưới tên khốn kiếp đó... Vì thế,

hôm nay con đến đây nhân danh quốc vương Kiều Tát La, kính mong Thế Tôn trực xuất Ni Đề ra khỏi tăng đoàn, để đoàn thể xuất gia của Thế Tôn còn giữ nguyên vẹn được phong cách cao sang và thanh tịnh như trước.

- Nay đại vương! Nếu như tên nô lệ ấy đã xuất gia, tinh cần tu tập và cũng đã đắc quả A La Hán rồi thì đại vương nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, làm sao có chuyện đó khi vô số thanh niên dòng Bà La Môn đã xuất gia mà chưa đắc quả... thì tên cùng đinh ấy...

- Như Lai xác nhận điều đó đã xảy ra.

- Vậy thì... Nếu có thể... Đức Thế Tôn cho phép con giáp mặt hẳn mới được!

- Đại vương đã gặp rồi.

- Ủa!

- Đó chính là thầy sa môn ngồi trước cổng tinh xá mà đại vương đòi đánh lễ cúng dường khi nãy.

Vua Ba Tư Nặc sững sờ ngồi yên lặng như một pho tượng. Đức đạo sư nói tiếp:

- Nay đại vương! Ví như ao nước tù đọng hôi thúi bỗng xuất hiện một đóa sen thơm, tỏa hương ngào ngạt, người khôn ngoan có nên vì chút ty hiềm bùn nhơ mà không chịu thưởng thức hương sắc của bông hoa chăng?

- Bạch Thế Tôn, con đã hiểu... Chúng con được sinh ra và lớn lên trong muôn nghìn hoàn cảnh cá biệt, giàu nghèo, đẹp xấu, sang hèn... nhưng ai cũng có đầy đủ khả năng giác ngộ. Không thể nào vì bùn nhơ mà bỏ quên sự hiện diện của đóa sen đang tỏa ngát hương thơm kia. Con quốc vương Kiều Tát La, xin khấu đầu đánh lễ sám hối tôn giả Ni Đề và xin Thế Tôn cho phép con được cúng dường tứ sự¹ cho Ngài, kể từ ngày nay cho đến mãn đời.

- Tốt lắm! Nay đại vương, nên làm những gì mà đại vương nghĩ là hợp thời...

1. Tứ sự: bốn nhu cầu cần thiết phải có của một tu sĩ: thức ăn, y phục, mền mùng, và thuốc men.

---o0o---

Pháp Sư Đậu Hũ

Thuở xưa có một ông Đồ thông minh, bác học. Ông ta làm khổ vị hòa thượng trụ trì chùa lảng giềng không ít vì những câu hỏi lý sự cùng mình của ông ta. Vì thế, mỗi lần nghe tiếng guốc lộp cộp của ông Đồ đến gần, dù đang bận làm bất cứ công việc gì, xem kinh hay cuốc đất... hòa thượng đều vội vàng leo lên thiền sàng để “tỵ nạn” tham vấn của ông Đồ đa sự.

Một hôm, đang ăn mấy củ khoai lữ bữa, chợt nghe tiếng khua ngoài cổng tam quan, hòa thượng vội vàng lau miệng, tức tốc trở về phương trượng. Thấy chủ nhà lật đật, khách cũng hối hả không kém. Nhờ vậy, ông khách bắt được hòa thượng lúc ngài mới leo lên bờ đoàn mà chưa kịp gác tréo chân. Cực chẳng đã, hòa thượng phải quay lại chào khách. Ngài thở phào nhẹ nhõm:

- A, thì ra bác đậu hũ! Vậy mà bác làm tôi sợ đến bỏ vía...

Chàng đậu hũ ngạc nhiên:

- Có chuyện gì vậy, bạch thầy. Hôm nay bán ế quá, con tạt vào chùa, nài thầy mua giùm vài miếng chứ con có làm gì đâu nào?

- Ấy, không phải vậy!

Và, hòa thượng bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Xong, ngài than thở:

- Hôm nào cái tên đa sự đó đến đây thì ta vô phương làm ăn... Cứ phải ngoáy tai ra nghe nào là pháp thân, niết bàn, tối thượng thừa, đệ nhất nghĩa đế, chơn đế... thiếu điều điếc con ráy...

Chàng đậu hũ bất bình:

- Rồi thầy chịu trận chứ không có cách nào tống cổ hắn à?

Hòa thượng nhắm mắt:

- Ta có mở miệng được tiếng nào đâu. Hấn cứ thao thao bất tuyệt đến lúc nào khô cổ mới chịu ngừng lại hớp nước, lấy hơi và nói tiếp...

- Thế hôm nay hấn có đến không ạ?

- Hôm nào lại khỏi, quả là một đại họa của ta.

Gã đậu hủ thuộc loại người có máu Lục Vân Tiên, nghĩa là thấy chuyện bất bình thì phải ra tay nghĩa hiệp, hăng hái:

- Thầy để đó cho con... Con sẽ trị hấn một mẻ, thế nào cũng cách đến già...

- Chú có cách nào? Đừng có chọc người ta mà phải tội!

- Ấy, thầy cứ cho con mượn cái mũ ni, áo tràng cùng y bá nạp nữa... Rồi thầy trò mình sẽ làm như vậy... như vậy...

Hai thầy trò còn đang bàn tính thì đã nghe tiếng guốc của ông Đồ. Dương sự mới đến sân ngoài đã đánh tiếng: “A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Bạch hòa thượng, con mới đến ạ!”

Hòa thượng vội bước ra, suýt nhỏ:

- Im nào! Ông bạn... Hôm nay chùa có khách!

- Ai thế nhỉ?

- Một thiên sư vừa hạ sơn. Ngài ở Tà Lơn mới xuống....

- Ô, quý hóa quá! Thật là “hữu duyên thiên lý năng tào ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng.”

- Suýt, ngài còn trẻ nhưng đạo cao đức trọng lắm...

- Ô... vạn hạnh, vạn hạnh... Thật là vị tăng hữu... Sư tử lên ba còn hơn dĩa can đầu bạc...

- Nhưng mà... ngài không thích nói nhiều.

- Đó mới là... “vô ngôn thông, tri giả bất ngôn.” Người biết thì không nói... mà lại.

- Đạo hữu có hầu chuyện với ngài thì nên ít lời một tí...
- Thế thì... con xin phép được hầu chuyện với ngài bằng lối im lặng... Một cuộc im lặng như sấm sét của những tâm hồn vĩ đại và chơn thật...

Hòa thượng ngơ ngác:

- Thế nghĩa là sao?
- Im lặng, im lặng và im lặng. Đó là sự đối thoại của Bồ Tát cư sĩ Duy Ma Cát, một lối mặc ngữ mà pháp âm vang như sấm rền.

Hòa thượng đành lắc đầu:

- Thôi thì... chú cứ làm những gì mà chú thấy là cần thiết.

Ông Đồ liền tuột guốc, rón rén bước đến vái chào vị thiền sư Tà Lơn. “Thiền sư” vẫn im lặng, hai mắt hơi hé ra rồi nhắm tít lại như cũ. Khách và chủ cùng phân tòa ngồi. Hòa thượng cũng kiếm một chỗ ngồi, hồi hộp theo dõi cơ sự.

Thoạt tiên, ông đưa tay lên, nhưng đến ba ngón. Ông Đồ gật gù, tỏ vẻ thông cảm tiếp thu kịp.

Ông Đồ lại đưa lên 5 ngón tay. Thiền sư mỉm cười, lắc đầu ra vẻ khoan dung rồi đưa hai bàn tay lên, xòe đủ mười ngón.

Ông Đồ chặc lưỡi tỏ vẻ thán phục, đưa tay vẽ một vòng tròn. Thiền sư có vẻ bất bình, đưa tay hất mạnh, chỉ ra ngoài ngõ.

Ông Đồ sụp lạy, cung kính cáo từ ra về. Tiễn y đến tam quan hòa thượng hỏi:

- Sao chú thấy thế nào?
- Ô, quả là “thiên niên thiết thọ khai hoa dị...,” nghìn năm cây sắt đơm bông dễ... nhưng tìm được người như thiền sư Tà Lơn thì quả là khó. “Tam sinh hữu hạnh” mới có một cuộc đối đáp như chớp xẹt lửa nháng như thế.
- Ngài đã nói với chú những gì?

- Ô hòa thượng làm sao hiểu thấu!

Hòa thượng khấn khoản:

- Tôi ở chốn rừng núi quê mùa, dốt đặc cán mai. Xin chú làm ơn, thuật lại tí mĩ cho tôi mở rộng tâm con mắt. Tại sao chú lại đưa lên một ngón tay?

- Đó là chỉ “nhất tâm”...

- Còn ông đưa ra ba ngón tay là sao?

- Đó là, nhất tâm... tam giới. Một tâm nhưng bao trùm cả ba cõi, đầy đủ thể tướng dụng. Đó là “chân không mà diệu hữu.” Nhất tâm sinh ra muôn pháp. Ngài đã đưa ra “tam giới” để trả lời cho “nhất tâm.” Thật là hay, hay tuyệt!

- Rồi khi chú đưa năm ngón tay lên?

- Đó là ý hỏi: “Nhưng đối với kẻ đã lỡ tạo tội ngũ nghịch thì sao?”

- Rồi ông đưa mười ngón tay?

- Ý dạy: “Phải khuyến dương sự tu mười điều thiện.”

- Ô, hay quá! Chỗ này thì tôi đã hiểu kịp. Thế, lúc chưa tay vẽ một vòng tròn?

- Tôi muốn nói: “Chúng ta đang đi quanh quẩn trong vòng luân hồi vô tận.”

- Và ông lắc đầu, hất tay chỉ ra ngoài ngõ.

- Ý ngài nhắc chúng ta có chí hướng thượng, vĩnh xuất tam giới... xong, ngài buông thông hai tay, lắc đầu, tỏ ý là đến chỗ vô ngôn tuyệt lộ, bất lập văn tự. Tôi khi ấy chỉ còn nước im lặng, đành lẽ ra về mà vẫn nghe pháp âm rền vang như sấm nổ.

Ông Đồ cáo từ, hòa thượng trở vào, gặp thiền sư Tà Lơn, tức chàng bán đậu hủ đang đứng lúng túng trong đồng y cùng áo. Hòa thượng tiếp tay, giúp anh ta xếp y cất áo mào xong, hỏi:

- Chú ra dấu hiệu gì mà hấn ta chạy một mạch vậy?

Anh bán đậu hủ cười hề hề:

- Có chi đâu! Cũng chuyện làm ăn mà! Đâu có gì ngoài việc mua với bán. Hấn gạt hòa thượng chứ đâu có qua mắt thằng Tư này nổi!

- Chú thuật lại đầu đuôi ta nghe thử!

- Đầu tiên hấn ta đưa lên một ngón tay, ý hỏi: “Bao nhiêu một miếng đậu hủ?” Con liền xòe ba ngón, tức “ba đồng bạc.”

Hấn liền đưa ra năm ngón tay, tức là ngỏ ý mua 5 miếng. Con nghĩ hôm nay mình bán ế, mình để giá vốn cho hấn, nên đưa lên 10 ngón, ra giá là 10 đồng. Thấy rẻ, hấn động lòng tham, đưa tay ra dấu đòi mua hết cả thúng... Con nổi sùng hất tay bảo hấn ra chợ hỏi xem có ai chịu bán giá đó không. Còn thúng đậu ế này, thà con đem cúng thầy làm chao cúng rằm cho có phước...

Từ đó ông Đồ không còn làm phiên hòa thượng nữa. Có lẽ ông đã nghe được đầu đuôi câu chuyện vì bác đậu hủ không phải là một người kín miệng cho lắm. Và cũng nhờ vậy mà câu chuyện được đồn đãi cho đến ngày nay đó em ạ!

---o0o---

Xa Đầu Tụ Lạc

Thuở ấy, đức Thế Tôn đang ngự tại Xa Đầu Tụ Lạc (Cātuma) thì hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dẫn một phái đoàn gồm 500 vị tân tỳ kheo đến yết kiến Phật.

Đang ngự trong hương thất, chợt nghe tiếng ồn ào nổi lên, đức đạo sư gọi tôn giả A Nan đến hỏi:

- Này A Nan, ra xem vì sao bỗng dung khu rừng yên tĩnh này lại ồn náo như một cái chợ cá vậy?

Tôn giả A Nan vâng lời, đi quan sát tình hình xong, trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tiếng ồn ào đó là do các vị tỳ kheo trong phái đoàn do hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dẫn về. Các vị tỳ kheo

ấy mới gia nhập tăng đoàn, chưa thuần thục sa môn hạnh nên đã gây ra những tiếng động như thế.

- Nay A Nan, hãy ra bảo với Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên rằng ta không muốn gặp một ai trong đám người ấy cả. Hãy bảo họ đi cho thật xa.

Tôn giả A Nan y lời Phật dạy và rùng cây Xa Đầu trở lại không khí trầm lặng như xưa.

Lúc ấy, có một số tục gia đệ tử đến thăm Phật, biết được câu chuyện vừa xảy ra, họ liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, lời quở trách của Thế Tôn đối với quý vị sa môn thật là quý báu. Và, chúng con trộm nghĩ rằng, như những con bê còn thơ dại, chưa dứt sữa thì không thể sống xa bò mẹ quá lâu. Xin Thế Tôn tha lỗi cho quý vị ấy và cho phép họ được gặp mặt kéo họ thối thất tâm lạnh.

Trời Phạm Thiên cũng đứng ra can thiệp, nài nỉ đức đạo sư bằng một thí dụ tương tự:

- Những cây con mới gieo trồng, không thể nào chĩnh mẵng việc vun phân tưới nước như các cây trưởng thành được. Xin Thế Tôn tha lỗi và chăm sóc cho các tân sa môn ấy...

Thấy đã đủ thời gian cần thiết cho các thầy tỳ kheo ăn năn hối lỗi, đức đạo sư cho vờ hai môn đệ tử trưởng tràng đến.

Trước một hội chúng đông đảo, đức Phật hỏi:

- Nay Xá Lợi Phất, ông nghĩ sao khi Như Lai đuổi 500 vị tỳ kheo ấy?

Tôn giả Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng Thế Tôn sẽ được ít bận rộn và nhờ đó mà con được rảnh rang.

Đức đạo sư bèn quở tôn giả:

- Nay Xá Lợi Phát! Chớ để tâm niệm như thế khởi lên nơi ông nữa.

Và đức đạo sư quay sang hỏi tôn giả Mục Kiền Liên:

- Còn Mục Kiền Liên, ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng Thế Tôn sẽ được ít bận rộn. Nhưng riêng con và tôn giả Xá Lợi Phát phải có trách nhiệm hướng dẫn hội chúng này.

- Lành thay! Nay Mục Kiền Liên, chỉ có Như Lai và hai ông mới có đủ khả năng hướng dẫn các tỳ kheo ấy.

Và đức đạo sư bèn truyền lệnh vời 500 thầy tỳ kheo đến, an ủi và dạy rằng:

- Nay các tỳ kheo! Có bốn điều nguy hiểm cho những ai lạc xuống nước. Đó là: sóng, cá sấu, nước xoáy và cá dữ. Cũng vậy, đối với người xuất gia chưa đoạn trừ phiền não thì cũng có bốn điều đáng sợ. Những gì là bốn?

1. Nay tỳ kheo! Có những vị hảo tâm xuất gia nhưng không tránh khỏi những lỗi lầm nhỏ nhặt. Khi được các bạn đồng phạm hạnh nhỏ tuổi hơn nhắc nhở về sa môn hạnh, vị ấy cảm thấy tổn thương, nghĩ bụng:

“Ồ ngoài đời, ông đây đã từng dạy dỗ bao nhiêu người. Vậy mà bây giờ, ông phải chấp tay đứng nghe những gã đáng con đáng cháu, đáng đầy tớ ông bày khôn chỉ khéo, dạy với dỗ.”

Và, vị tỳ kheo này lấy làm bất mãn, hoàn tục. Đó là hạng người bị sóng cuốn.

2. Nay các tỳ kheo! Có những tu sĩ bị kèm thúc về việc ăn uống, bực bội nghĩ rằng:

“Hồi trước mình muốn ăn gì cũng được! Còn bây giờ... hễ mở miệng ra là nghe cấm với đoán. Có bao nhiêu thức ăn ngon lành, bổ dưỡng đều bị chặn họng hết...”

Vị ấy bất mãn và hoàn tục. Đó là hạng người bị cá sấu nuốt.

3. Nay tỳ kheo! Có những tu sĩ trên đường đi khát thực, thấy các tục gia đệ tử thọ hưởng ngũ dục, liền khởi nghĩ:

“Đời sống xuất gia thật là tù túng khôn khổ. Ngày trước mình còn ở nhà, thọ dụng tùy ý, lòng lúc nào cũng hân hoan, vui vẻ. Còn bây giờ thiếu thốn đủ thứ. Lúc nào cũng mệt mỏi và chán ngán... Chi bằng mình về nhà cất một cái cốc tu vừa khoẻ thân lại an tâm... Của mình mình ăn, khỏi sợ mắc nợ đàn na tín thí. Còn dư tiền mình đem bố thí cúng dường, kiếm thêm công đức...”

Và, vị ấy bất mãn hoàn tục. Đó là hạng người bị nước xoáy.

4. Hạng thứ tư, là những tỳ kheo trên đường khát thực, không biết phòng hộ tâm mình. Vị ấy nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hở hang, kêu gọi... liền khởi lòng tham dục, chán ngán đời sống phạm hạnh. Vị này trở về tinh xá... kiếm chuyện giận hờn, bất mãn gây gỗ với bạn đồng tu rồi hoàn tục. Đó là người bị nạn cá dữ.

Này các tỳ kheo! Đó là bốn điều đáng sợ của người xuất gia. Các ông phải cẩn thận.

Đức đạo sư dạy xong, chư tỳ kheo đều hoan hỷ tín thọ phụng hành. Các thiện nam tử này, dưới sự dẫn dắt tận tâm của hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, tinh cần tu tập, chẳng bao lâu đắc A La Hán quả.

---o0o---

Tôn Giả Thất Lai

Thất Lai là tên mà các bạn đồng phạm hạnh đặt cho tôn giả Citta không phải vì thầy đắc quả Tu Đà Hoàn mà vì Citta đã xuất gia đến bảy lần trong một đời người.

Citta nguyên là một thanh niên nông dân nghèo khó, cả gia sản của chàng chỉ vón vện có một cây cuốc, ít hạt giống và một thửa đất đầy sỏi đá. Vì thế, dù đã làm quần quật suốt cả ngày Citta vẫn không tìm đủ lương thực cho cái dạ dày háu đói của chàng.

Một hôm, có dịp ra phố, Citta trông thấy một thầy sa môn áo vàng, đầu cạo trọc được thiện tín cúng dường hậu hỷ. Nhìn chiếc bát chứa đầy thức ăn của vị tu sĩ, Citta thầm nghĩ:

- Té ra vẫn còn một cách kiếm ăn khá hơn cái nghề mạt rệp của mình, cứ xem sư thầy này da dẻ hồng hào thì biết. Có lẽ ngày nào ông cũng nhận được vài bát đồ ăn cỡ này.

Citta bèn đến thăm hỏi:

- Thưa sa môn, con có thể làm sa môn như ngài được không?

Vị tu sĩ từ tốn đáp:

- Lành thay! Nay thiện nam, đức đạo sư dạy: mọi người đều bình đẳng với nhau về khổ đau cũng như giác ngộ. Nếu cha mẹ con cho phép con có thể gia nhập tăng đoàn.

Citta cảm tạ vị sa môn và quay ghót trở về vừa đi vừa nghĩ ngợi:

“Thủ tục cũng không có gì rất rối rắm, hay là ta đổi nghề một chuyến xem sao. Đành hy sinh cái đầu vậy, đổi mấy cọng tóc để lấy bát cơm mà nuôi thân.”

Citta bèn thu xếp gia duyên, rửa sạch gậy cuốc đem giấu vào một bọng cây kín đáo, gài sơ sài căn chòi xiêu vẹo của chàng lại và lên đường. Đến một tỉnh xá, Citta được hướng dẫn cạo tóc, làm những việc vặt vãnh của một chú tiểu sơ cơ. Và sáng hôm sau chàng đắp y mang bát vào thành phố khát thực lòng đầy hy vọng.

Nhưng cuộc sống mới không phải cũng lúc nào cũng xuôi chèo mát mái, nhàn hạ, êm ấm như Citta thầm nghĩ. Không phải hôm nào chàng cũng nhận được những thức ăn hảo hạng, mà rất thường khi, chàng phải uống một bát nước lã dần bụng cho qua ngày. Thêm vào đó còn có những giới luật uy nghi, những giờ tĩnh tọa phải ngồi xếp tay xếp chân một chỗ hàng mấy giờ liền, không được nhúc nhích dù chỉ là để đuổi ruồi muỗi hay gỡ đầu, chàng phải làm thinh không được trả miếng khi bị người trêu chọc, khinh dễ, nhất là không được bỏ gì vô bụng cả khi mặt trời đã quá đỉnh đầu. Citta đâm ngán. Vì thế, sau một buổi đi bát về không chàng liền ôm bát về nhà, nhập gia và hành nghề nông dân như cũ.

Được vài tháng, có chuyện cãi cọ với một anh chàng hàng xóm, Citta chợt nhớ đến khung cảnh an tịnh của rừng cây Kỳ Viên với những người bạn đồng phạm hạnh hiền hòa, dễ tính, Citta liền đem cây cuốc rửa sạch giấu vào họng cây, ôm y bát đến gặp thầy tế độ xin được xuất gia lần thứ hai.

Được vài tháng, hết giận anh hàng xóm, lại gặp một chuyện bất hòa với bạn đồng tu, Citta bèn hoàn tục lần thứ hai.

Và cứ thế, Citta cứ nhập gia rồi xuất gia đến lần thứ năm. Việc thay đổi nhanh như chong chóng của chàng khiến cho các bạn đồng tu vừa buồn cười, vừa khó chịu.

Nghĩ rằng vì mình không có sợi dây nào ràng buộc của cuộc đời thế tục nên cứ mãi long đong trôi dạt, Citta cũng đâm ra ngán cái tật hay thay đổi của mình nên sau lần hoàn tục thứ năm chàng vội vã đi cưới một cô hàng xóm cũng nghèo khó và cô đơn như chàng, để may ra cuộc đời mới với những thứ phụ tùng rắc rối hơn, có ổn định hơn chăng?

Không ngờ cuộc sống lứa đôi, một túp lều tranh hai quả tim vàng cũng không lấy gì làm êm đẹp cho lắm. Những trận cãi vã giận hờn xảy ra như cơm bữa. Một đêm khuya giật mình tỉnh giấc, Citta bàng hoàng nhìn người bạn đường của mình đang say ngủ. Dưới ánh trăng cô vợ trẻ đang há hốc miệng, nước dãi chảy đầy trên mặt gối, đầu tóc rối bù, xiêm áo xộc xệch... Citta bỗng dựng thía và chán nản đến tột độ về những hoa hòe giả dối của ngũ dục mà chính bản thân chàng đã trải qua. Vừa đến cổng tinh xá Citta dắt ngay qua Dự lưu.

Chư vị tỳ kheo im lặng đón Citta trở lại tăng đoàn với những đôi mắt nghi ngờ. Lần này Citta hăng hái tập để xóa tan những thành kiến không mấy tốt đẹp mà chàng để lại tu viện sau năm lần hoàn tục. Nhờ thế mà sau một tuần trăng nỗ lực tỳ kheo Citta phát triển thiền quán và đắc tứ thiền. Điều này làm thầy hân hoan vô cùng. Citta luôn luôn tìm cách biểu diễn thành quả của mình... Các bạn đồng tu sơ cơ chia sẻ niềm vui của Citta một cách nhiệt thành. Nhưng các trưởng lão đều dừng dừng và còn khuyến cáo chàng nên dè dặt kéo lại rơi vào một mạng lưới khác của vô minh.

Chẳng hạn, như có một bữa thừa dịp các tôn giả đang luận đạo, Citta bèn xen vào không ngớt ngắt lời các sư huynh để đưa quan điểm của mình vào. Trưởng lão Câu Hy La thấy thế bảo:

- Này Citta! Chú hãy đợi cho chư vị Thượng tọa nói xong cái đã... rồi sẽ phát biểu ý kiến của chú.

Các tỳ kheo trẻ tuổi bên vực Citta:

- Bạch Thượng tọa, huynh Citta đã đắc pháp nhân, huynh ấy có quyền nói lên những gì đã thực chứng...

- Ta không phủ nhận rằng chú ấy có thực chứng về thiền, nhưng điều ấy không đủ sức giữ chú ấy lại trong đời sống phạm hạnh lâu dài được.

- Ô! Sao lại thế, bạch Thượng tọa?

- Giống như một con bò khi được buộc chặt vào một cái ách thì nó rất là ngoan ngoãn, nhưng khi tháo ách ra thì thế nào?

- Thưa... nó có thể đâm nát lúa mạ.

- Cũng thế, một tăng sĩ có thể rất khiêm cung và đạo hạnh khi đứng trước đức đạo sư, chư trưởng lão hay một đám đông bè bạn nhưng y vẫn có thể buông lung thối đọa khi ở một mình có phải thế không nào?

- Thưa, đúng như vậy.

- Một hành giả có thể đạt đến tứ thiền, nội tâm tạm thời an tĩnh, ổn định nhưng đến lúc xuất thiền, y lại ba hoa không thể kiềm chế, ưa thích khoe khoang thành quả của mình. Lòng kiêu căng, ngã mạn nổi dậy, y đâm ra khoác lác, khen mình chê người và sẽ thối đọa dễ dàng. Khi y hoan hỷ tự mạn về những thành quả đã chứng, những thiền chứng sẽ trở thành tai họa cho y.

- Thưa Thượng tọa, chúng con đã hiểu nhưng xin Ngài giải thích thêm cho tại sao mà thiền chứng lại trở thành tai họa cơ chứ?

- Vì những cấu uế của nội tâm rất nhỏ nhiệm, những thiền chứng chỉ làm nó tạm thời lắng xuống chứ chưa tiêu diệt hẳn.

- Thưa... nhưng đâu phải là ai cũng chứng thiền được dễ dàng? Tâm của hành giả thiền chứng ít ra cũng lắng dịu và an tịnh hơn tâm của các hàng phàm phu chứ, bạch Thượng tọa?

- Điều này giống như khi có một đạo binh đi qua rừng, tiếng voi, kèn, trống, loa, xe cộ, sẽ làm cho ta có cảm tưởng rằng những côn trùng nhỏ nhít trong các bờ cỏ bụi cây đã biến mất... nhưng khi đoàn quân đi qua côn trùng lại nỉ non như cũ.

Và đúng như lời tiên đoán của chư vị trưởng lão, thiên chúng và tài hùng biện của Citta không đủ sức giữ chân chàng bằng mùi ngũ dục. Citta lại hoàn tục lần thứ sáu.

Một hôm, Citta trong bộ áo cư sĩ cùng với người bạn là một nhà tu khổ hạnh lang thang đến yết kiến đức đạo sư. Những câu giải của đức đạo sư với vị tu sĩ ngoại giáo này làm Citta xúc động và bừng tỉnh, chàng lại xin xuất gia lần thứ bảy. Đức đạo sư bằng lòng và tặng đoàn lại đón chàng bằng ánh mắt tin tưởng vừa phải. Các bạn đồng phạm hạnh cùng trang lứa gọi Citta là Thất Lai, với hy vọng rằng chàng sẽ không đổi ý đến lần thứ tám.

May mắn hơn sáu lần trước, tỳ kheo Thất Lai tinh cần và đắc A La Hán trước sự kinh ngạc lẫn vui mừng của bạn bè, nhiều người tỏ ý nghi ngờ về thành quả của tôn giả Thất Lai. Vì thế đức đạo sư trước một hội chúng đông đảo đã xác định kết quả tốt đẹp của La Hán Citta bằng hai câu kệ, giải thích trạng thái tâm của ngài trước và sau khi đắc quả:

“Người tâm không an tịnh, không thấu rõ chánh pháp, niềm tin dao động, không thể nào thành tựu được trí huệ cao siêu.”

Và: “Người nào tâm đã thanh tịnh không còn bị chi phối bởi tham ái và sân hận, người đã vượt lên khỏi hai lẽ thiện và ác của thế gian. Người ấy đã giác ngộ, không bao giờ còn sợ hãi một điều gì.”

Hai câu này được ghi vào thành kinh Pháp cú (số 38-39) và được lưu truyền cho đến ngày nay.

---o0o---

Phần 7

Châu Lợi Bàn Đặc (Cù Lapanthaka)

Châu Lợi Bàn Đặc là một tăng sĩ có trí nhớ kém cõi lạ lùng, dù thầy hãy còn trẻ và mặt mũi rất khôi ngô. Cùng xuất gia một lượt với ông anh,

cùng nghe giảng pháp từ đức đạo sư và các thầy giáo thọ, A Xà Lê. Vậy mà, trong khi ông anh đã đắc quả A La Hán thì Châu Lợi Bàn Đặc vẫn chưa thuộc nổi một bài kệ có bốn câu, dù thầy đã gắng hết tâm sức để học nó suốt hàng mấy tuần trăng.

Trí nhớ kém cõi của Châu Lợi Bàn Đặc đã làm khổ lòng chư vị giáo thọ không ít. Đa văn như tôn giả A Nan, trí huệ cỡ ngài Xá Lợi Phất cũng đều lắc đầu thúc thủ. Sau nửa năm dài cố gắng vô hiệu quả, Châu Lợi Bàn Đặc bị ông anh dẫn ra chỗ vắng nói nhỏ:

- Nay chú! Chỗ tình thân với nhau, anh nói thật cho chú biết, chú nên hoàn tục là hơn. Công việc của một người xuất gia là học kinh và hành thiền. Một bài kệ vồn vện có bốn câu mà chú còn thuộc không nổi thì nói chi đến chuyện tu với hành. Thôi chú hãy đem y bát cúng dường lại cho những vị mới phát tâm xuất gia trở về nhà ở với bố mẹ, sống đời cư sĩ, bố thí thiết trai, tu phúc để gieo duyên về sau vậy.

Châu Lợi Bàn Đặc òa lên khóc. Dù không đủ tài miệng lưỡi văn chương để diễn tả nỗi lòng mình như những người khác, chàng vẫn cảm thấy một nỗi niềm thống khổ đang tràn ngập tâm tư. Tuy không thuộc được kinh kệ, giới luật nhưng Châu Lợi Bàn Đặc vẫn mơ hồ cảm thấy có một cái gì rất thiêng liêng, tha thiết trong cuộc đời tu sĩ. Đã biết bao lần chàng đi kinh hành qua lại dưới những tàng cây rậm lá, nhìn các bạn đồng phạm hạnh đọc kinh hay tọa thiền một cách kính ngưỡng, khác khau. Phải chi mình thuộc được một bài kệ, chỉ bốn câu thôi để mình thực hành lời dạy của đức đạo sư... Và, dù không tài nào nhớ được lời dạy bảo của Ngài, chàng cũng đã im lặng lắng nghe với tất cả tấm lòng thành kính, trân trọng như đám bạn bè đồng trang lứa.

Thế mà, giờ đây, chàng lại sắp sửa từ giã nếp sống thanh tịnh này, cõi bỏ chiếc y vàng quen thuộc, những người bạn hiền hòa để trở về với nếp sống đa đoan của thế tục.

Không dám cãi lời anh, Châu Lợi Bàn Đặc lủi thủi đi ra khỏi tinh xá, vừa đi vừa khóc lóc rất bi thảm. Được một quãng, sức nhớ là mình chưa từ giã đức đạo sư, Châu Lợi Bàn Đặc quay lại, tìm đến hương thất của đức Phật.

Thấy chàng nước mắt ràn rụa, đức Phật hỏi:

- Nay Châu Lợi, có chuyện gì vậy?

Châu Lợi tấm tức:

- Bạch Thế Tôn... ức... ức... con bị đuổi về nhà... ức... Không được tu nữa.. ức... ức...
- Con đã phạm lỗi gì?
- Dạ, bạch Thế Tôn! Con không thuộc được một bài kệ... dù con đã cố gắng hết sức, nên anh con bảo đi về nhà ở, đừng tu nữa...
- Nhưng lòng con thì còn muốn tiếp tục cuộc sống xuất gia phải không?

Châu Lợi Bàn Đặc khóc to lên, đức từ phụ đã nói đúng tâm nguyện của chàng. Ngài an ủi:

- Nay Châu Lợi! Không thuộc nổi một bài kệ quả là một điều khá bất tiện cho việc tu học nhưng đó không phải là một lỗi lầm cố ý đến nỗi phải hoàn tục. Nếu lòng con còn tha thiết muốn tiếp tục cuộc đời phạm hạnh thì bấy nhiêu đó cũng đủ lắm rồi. Đây là một mảnh vải trắng, con hãy cầm lấy.

Châu Lợi Bàn Đặc ngơ ngác cầm chiếc khăn tay mà đức Phật vừa trao cho, Ngài dạy tiếp:- Mỗi ngày, con chỉ việc chăm chú theo dõi sự biến chuyển của chiếc khăn này... Chỉ có mỗi một việc đó thôi, con liệu có làm nổi không?

Châu Lợi Bàn Đặc hớn hờ:

- Bạch Thế Tôn, được ạ!
- Tốt lắm! Nếu con kiên nhẫn làm theo lời Như Lai dạy, con sẽ đạt được kết quả tốt trong một ngày gần đây.

Từ đó, ai cũng ngạc nhiên khi thấy Châu Lợi Bàn Đặc thường ngồi im lặng trên một tảng đá nhìn chăm chăm vào một mảnh vải treo phía trước. Vì biết rõ ràng đó là một đề tài thiền quán do đức Phật đưa ra nên mọi người đều tôn trọng sự tu tập của thầy, không một người nào dám trêu chọc hỏi han.

Sáng chiều nối gót nhau, ngày qua tháng lại, sau những giờ đi bát về Châu Lợi Bàn Đặc vẫn theo thông lệ bất di bất dịch, đến cội cây quen thuộc ngồi nhìn mảnh vải đã ố màu thời gian. Sự thay đổi dần dà của chiếc khăn, từ màu trắng ngà sang đen đúa đã giúp chú khám phá ra sự vô thường của vạn hữu: “Chiếc khăn này, lúc đức đạo sư đưa cho ta còn trắng và mới. Vậy mà bây giờ đã nhợt nhúa, lấm lem. Và không bao lâu nữa, nó sẽ bị mục nát. Cũng thế, con người sanh ra, lớn lên, già nua rồi phải chết hết như chiếc khăn tay này vậy.”

Và như lời tiên đoán của đức đạo sư, sau một thời gian tu tập với đề mục “khăn mouchoir” Châu Lợi Bàn Đặc đắc quả A La Hán trước sự kinh ngạc của các bạn đồng phạm hạnh. Đức đạo sư bèn xác nhận thành quả ấy và Ngài kết luận rằng: Bằng tất cả nhiệt tâm, tinh thành Châu Lợi Bàn Đặc đã tự tạo cho mình một hòn đảo mà không một lượn sóng tham ái nào hay tà kiến nào có thể làm chìm đắm được. Đó là ý nghĩa câu pháp cú thứ 25:

“Bằng sự cố gắng, hăng hái không buông lung tự khắc chế lấy mình, người thiện trí đã tạo cho mình một hòn đảo mà không ngọn thủy triều nào có thể nhận chìm được.”

---o0o---

Einstein Giải Thích Thuyết Tương Đối

Có một người đến gặp Albert Einstein nhờ ông giải thích thuyết tương đối của ông một cách giản đơn và dễ hiểu. Einstein liền kể câu chuyện này:

“Tôi đi chơi với một người bạn bị mù từ thuở nhỏ. Tôi hỏi anh ta có muốn uống sữa không. Anh mù liền hỏi:

- Sữa là cái gì?
- Sữa là chất lỏng màu trắng.
- Chất lỏng thì tôi biết nhưng màu trắng là cái gì?
- Trắng là màu lông của con chim hạc ấy mà.
- Lông thì tôi biết nhưng con hạc là vật như thế nào?
- Hạc là con chim có cái cổ cong.

- Cổ thì tôi biết rồi nhưng cong là gì?

Tôi liền nắm cánh tay anh ta kéo thẳng ra và bảo: “Thế này là thẳng nhé.” Sau đó tôi gập cánh tay của anh lại và bảo: “Thế này là cong nhé. Anh hiểu chưa?”

Mặt anh mù sáng bừng lên, anh ta gật đầu lia lịa:

- A... Thế thì tôi hiểu sửa là gì rồi!

Thuyết tương đối của tôi cũng tương tự như vậy.

---o0o---

A Xà Thế (Ajatasattu)

Vua Bình Sa (Bimbisara) là một anh quân trị vì vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) đóng đô tại Vương Xá. Ngài lên ngôi lúc vừa 15 tuổi.

Khi gặp thái tử Tất Đạt Đa đi tìm đạo, vua Bình Sa rất lấy làm cảm kích trước tướng mạo uy nghiêm thanh tú của ngài, nên đã cho vời đến hầu chuyện. Sau đó ngỏ lời nhường phân nửa lãnh thổ Magadha cho thái tử và bị ngài từ chối. Vua Bình Sa đã khấn khoản xin thái tử hứa cho rằng sau ngày thành đạo sẽ ghé thành Vương Xá để hóa độ cho vua. Thái tử đã chấp nhận lời thỉnh cầu này nên khoảng một năm sau ngày giác ngộ, đức đạo sư cùng chúng đệ tử đến thành Vương Xá.

Cuộc tái ngộ này khiến nhà vua rất hoan hỷ, sau thời thuyết giảng của đức đạo sư, vua Bình Sa đặc sơ quả Tu Đà Hoàn, xin quy y tam bảo dâng khuôn viên Trúc Lâm cho Phật và chúng tăng làm ngôi tịnh xá đầu tiên.

Sau ngày quy y, vua Bình Sa sống một cuộc đời đạo hạnh gương mẫu. Đức vua thọ bát quan trai giới vào những ngày lục trai rất đều đặn. Ngài cũng đã khéo léo hướng dẫn một hoàng phi tên là Khermà xuất gia, đặc quả A La Hán và trở thành một trong những người lãnh đạo ni đoàn.

Vua Bình Sa có một hoàng nam duy nhất là A Xà Thế. Sử sách còn ghi rằng lúc tuổi đã khá cao mà chưa có con nối dõi, nhà vua rất buồn rầu, và sau không biết bao nhiêu lễ cầu tự tốn kém lẫn phiền toái, hoàng tử A Xà Thế mới chào đời trong sự vui mừng tột độ của vua Bình Sa.

Hoàng tử A Xà Thế là tục gia đệ tử của Đề Bà Đạt Đa. Sau khi chứng kiến một cuộc biểu diễn thần thông của thầy, hoàng tử bèn xây cất một tinh xá thật lộng lẫy để cúng dường Ngài cùng hàng môn đệ tùy tùng. Do sự xúi giục của Đề Bà Đạt Đa, hoàng tử âm mưu giết cha để đoạt ngôi. Công việc bị bại lộ, vua Bình Sa không nỡ giết đứa con yêu quý độc nhất, đành ân xá và còn làm lễ chánh thức thoái vị nhường ngôi cho A Xà Thế vì thấy chàng hoàng tử quá khát khao ngai vàng.

Đáp lại “tấm lòng bi mẫn của cha”, vừa lên ngôi xong A Xà Thế liền hạ ngục cha và truyền lệnh bỏ đói cho đến chết.

Trước nghịch cảnh thương tâm ấy, vua Bình Sa vẫn thản nhiên chịu đựng không một lời than van hay oán trách con. Thấy cha vẫn vui tươi bình thản A Xà Thế càng điên tiết, ông cho người đến giết cha bằng một hình phạt vô cùng dã man: lấy dao gọt da chân, xát dầu và muối vào và hơ lên lửa cho đến chết.

Thấy người cầm dao đến cửa ngục, vua Bình Sa vô cùng mừng rỡ, ngỡ là A Xà Thế đã ăn năn cho người thợ cạo râu và rước mình về hoàng cung. Ngờ đâu đức vua đã chịu một cực hình vô cùng đau đớn trước khi chết.

Trong khi vua Bình Sa đang giãy giụa trong ngục tù thì A Xà Thế được tin đứa con trai đầu lòng của ông chào đời. Tình phụ tử lần đầu tiên chớm nở khiến A Xà Thế hân hoan khôn xiết. Ông vội vã tìm mẹ báo tin mừng và tâm sự:

- Thưa mẫu hậu, vừa được tin hoàng nhi chào đời, con liền cảm thấy lòng dấy lên một niềm yêu thương dạt dào, một cảm xúc mà xưa nay con chưa từng biết đến. Con yêu thương hoàng nhi còn hơn chính bản thân con nữa. Không biết ngày con còn bé, phụ hoàng có yêu con không hở mẹ?

Hoàng hậu Vi Đề Hy ghen ngào đáp:

- Sao con lại hỏi mẹ điều ấy? Mẹ chắc rằng trên đời này không tìm đâu được người cha từ mẫn như là phụ hoàng con đâu. Lúc vừa được tin mẹ cần thai, cha con đã vui mừng đến mất ăn mất ngủ. Lúc ấy bỗng dưng mẹ thềm ném một vài giọt máu của cha con nhưng không dám nói ra. Thấy mẹ càng xanh xao gầy yếu, cha con gạn hỏi, mẹ đành thú thật. Cha con bật cười vui vẻ lấy dao cắt tay cho mẹ nếm máu. Các nhà tiên tri đoán rằng do điềm ấy con sẽ là kẻ thù của phụ hoàng, vì thế mà con được đặt là A Xà Thế, kẻ thù mai sau. Khi được nghe lời tiên đoán ấy, mẹ có ý định giết con ngay

khi con còn là một bào thai, nhưng cha con đã hết lời ngăn cản. Và, con đã chào đời trong niềm vui vô hạn của phụ hoàng, trong sự lo âu hãi hùng của mẹ.

A Xà Thế sững sờ, ngồi ngây người ra. Hoàng hậu Vi Đề Hy lại tiếp tục kể lễ:

- Thuở nhỏ, có lần con bị một cái ung nhọt ở móng tay. Nghe tiếng con gào khóc, phụ hoàng vội vã bãi triều, vào nội cung ôm lấy con, ngậm ngón tay đau của con vào miệng, con mới nín khóc và ngủ yên. Cái nhọt thành linh vỡ ra, máu mủ tuôn chảy. Cha con đã nuốt cả máu lẫn mủ sợ làm đau và kinh động đến giấc ngủ của con.

A Xà Thế đứng bật dậy, kêu lên thất thanh:

- Hãy thả người cha yêu quý của trẫm ra! Ngay lập tức, nhanh lên!

Một tên ngự lâm quân liền quỳ xuống thưa:

- Tâu bệ hạ! Thượng hoàng vừa mệnh chung.

A Xà Thế buông mình xuống ghế, vặn hai bàn tay tuyệt vọng. Khi ông bắt đầu làm cha và hiểu thế nào là tình phụ tử thì người cha bi mất của ông không còn nữa. Người đã chết một cách vô cùng đau đớn do chính lệnh của ông.

Từ đó, A Xà Thế ưu sầu vô hạn, lúc nào ông cũng bị tội lỗi dày vò ám ảnh nên chẳng bao lâu lâm trọng bệnh, toàn thân đầy ghẻ lở. Các ngự y đều bó tay. A Xà Thế tuyệt vọng, than với mẹ:

- Thưa mẫu hậu, có lẽ thân bệnh của con là do tội giết cha mà nên. Và không chắc bao lâu nữa, con sẽ rơi vào hỏa ngục.

Hay tin nhà vua lâm trọng bệnh, các đình thần tụ họp, tìm đủ phương giúp đức vua của họ vui sầu. Nhưng A Xà Thế lúc nào cũng rầu rĩ:

- Trẫm nay cả thân lẫn tâm đều đau khổ vô hạn. Phụ hoàng hiền đức vô tội mà trẫm lại đành lòng gia hại. Trẫm từng nghe nói rằng giết cha

là một trong năm tội đại nghịch, thế nào cũng rơi vào địa ngục vô gián. Có lẽ thân bệnh của trăm mới là hoa báo, địa ngục mới là quả báo thật sự.

Thấy nhà vua quá bi lụy và sầu não, các quan đại thần đều an ủi và lần lượt hiến kế. Đại thần Nguyệt Ứng thưa:

- Tâu bệ hạ! Như người ưa ngủ nghỉ, càng ngủ nghỉ thì càng mệt mỏi. Nếu người nào bảo với bệ hạ giết cha bị đọa địa ngục thì đã có ai tận mắt thấy địa ngục chưa? Thần có biết một tôn sư tên là Phú Lô Na Ca Diếp (Purassapa) thần thông quảng đại, trí tuệ siêu quần. Ngài thường tuyên thuyết đạo vô thượng rằng hoàn toàn không có nghiệp báo, họa phúc, tất cả những việc khổ vui lành dữ đều do ngẫu nhiên mà có. Nếu bệ hạ đến gặp Ngài thì chắc chắn sẽ vui sầu ngay.

- Nếu đúng như lời khanh nói, ta sẽ đến quy y với tôn sư.

Đại thần Tạng Đức quỳ xuống tâu:

- Muôn tâu thánh thượng! Xin ngài chớ quá sầu muộn giết cha so với pháp sa môn là một tội nặng nhưng theo vương pháp thì hoàn toàn vô tội như trùng Ca La phải cắn thủng bụng mẹ để chui ra vậy. Nhằm bảo vệ ngài vàng đức vua có quyền giết cha mẹ anh em hay bất cứ ai đều không phải tội. Chỉ có hàng sa môn mới không được phép giết thậm chí đến con ong cái kiến. Tôn sư của hạ thần là đức Mạt già lê câu xa ly tử (Makkali Gosala) là một bậc đại thánh, đại y vương.. có lòng từ bi thương chúng sanh như con đẻ. Ngài thường dạy rằng các loài hữu tình đều do 7 nguyên tố: đất, nước, gió, lửa, khổ, vui và thọ mạng hòa hợp thành. Bảy nguyên tố này không thể bị hủy hoại nên hoàn toàn không có người giết và kẻ bị giết.

Tôn sư thường thuyết pháp như thế và ai gặp Ngài cũng đều được cứu rỗi cả.

- Nay Tạng Đức, nếu đúng như lời khanh nói, trăm sẽ đến quy y với tôn sư.

Đại thần Thiệt Đức lại thưa:

- Muôn tâu bệ hạ! Xin ngài chớ quá ưu sầu. Nếu tiên vương là sa môn thì bệ hạ giết người là có tội. Tôn sư của hạ thần là đức San Xà dạ Tỳ la chí tử (Sanjaya Belathi putta) là một bậc đại thánh thần thông quảng đại, oai đức cao cả khôn lường. Ngài thường dạy rằng: Hàng vua chúa có quyền

năng tự tại, tùy ý làm gì cũng được. Chúng sanh chết đi thì đầu thai lại liền nên không thể gọi là giết. Hơn nữa mọi người sinh ra đều có số mạng định sẵn, không ai có thể trốn thoát được. Chính tiên vương đã có số bị bệ hạ giết thì dù có chạy đàng trời cũng không tránh khỏi. Định mạng đã an bài như thế... thì bệ hạ nào có lỗi gì?

- Hay lắm! Nay Thiệt Đức, trẫm sẽ đến thọ giáo với tôn sư.

Đại thần Tất Tri Nghĩa lại tâu:

- Muôn tâu thánh thượng! Xin ngài chớ quá buồn lo. Thần đã từng nghe rằng: thời quá khứ có các vị vua La Ma, Mạt Đề, Tỳ Lô Chơn... đều giết cha để lên ngôi, mà chẳng ông vua nào sinh lòng buồn rầu ân hận cả, dầu thiên hạ bảo rằng có địa ngục, nhưng đó chỉ là lời tuyên truyền mị hoặc không có chứng cứ. Bậc tôn sư của hạ thần là đại sĩ A Kỳ Đa Xúy Xa khâm bà la (Ajirita Kesakamli) là một đấng toàn tri vạn năng. Ngài dạy rằng: “Hoặc giết hay tha, trộm cướp hay bố thí dâm dục hay phạm hạnh không thành vấn đề. Thiên đường địa ngục đều không có. Con người chẳng qua là một tổ hợp vật chất, chết là hết. Vì thế mà còn sống được ngày nào, chúng ta nên tận hưởng ngày ấy. Nếu bệ hạ đến gặp tôn sư thì hạ thần tin rằng bệ hạ sẽ hết lo ngay lập tức.

- Hay lắm, nay Tất Tri Nghĩa! Nếu đúng như lời khanh nói, trẫm sẽ quy y với tôn sư.

Đại thần Kiết Đắc tâu:

- Muôn tâu, ai dám phỉnh gạt với bệ hạ rằng có địa ngục? Kẻ ấy đáng tru di để làm gương cho bọn láo khoét. Bà tâu tiên nơn có dạy: “Người giết dê sẽ được quả vui cõi trời.” Bệ hạ nhờ phước giết tiên vương, nên hiện đời được làm vua tôn quý tốt bụng, lúc mệnh chung thế nào cũng sinh thiên. Lại như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, giết người được quả báo cõi người, phá địa ngục mới rơi vào cõi ngục. Tôn sư của hạ thần là đức Ca La cư đa ca chiên diên (Pakudha Kaccayana) có dạy rằng: “Nếu người sát hại chúng sanh mà lòng không ăn năn hối hận thì chẳng chịu quả báo, ví như hư không chẳng dính bụi nước. Trái lại, nếu cứ ăn năn ray rứt mãi thì sẽ bị rơi vào cảnh khổ, như nước ngấm vào đất vậy. Tất cả đều do trời Đại tự tại tạo ra, nhất cử nhất động của ta đều do ý ngài, chúng ta chỉ vâng theo thiên ý nên không phải chịu một trách nhiệm gì về hành vi của mình hết.” Nếu bệ hạ muốn rõ hơn thì nên đến gặp tôn sư.

- Hay lắm, này Kiệt Đắc! Nếu đúng như lời khanh nói, trẫm sẽ đến gặp tôn sư.

Đại thần Vô Sở Úy tâu:

- Muôn tâu thánh thượng! Xin ngài chớ quá bận tâm về những chuyện thật nhỏ nhặt như thế. Hàng vua chúa có toàn quyền giết bất cứ ai, ngay cả cha mẹ mình để bảo vệ ngai vàng và chiêu an bá tánh mà không có tội lỗi chi cả. Huống chi tiên vương chẳng chịu tôn thờ Bà la môn mà lại đi cung phụng hàng sa môn đầu trục là một đoàn thể tạp nhạp, du thủ du thực, chứa chấp cả bọn cùng đinh nô lệ trong đó nữa. Thần trộm nghĩ, khi giết tiên vương, bệ hạ đã lập nên một kỳ công vĩ đại tái dựng lại trật tự xã hội theo truyền thống cổ truyền của tổ tiên ta từ xưa đến giờ. Đấng tôn sư của hạ thần là Ni Kiên Nhã Đề Tử (Nigandha Nataphutta) một đấng chí tôn thần thông bạt tụy, trí tuệ siêu quần, có phán rằng: “Tất cả chúng sanh lần lượt trải qua bốn muôn kiếp, bất luận thiện hay ác, trí hay ngu... đều được giải thoát cả. Nếu bệ hạ đến yết kiến ngài, bệ hạ sẽ thấy tội lỗi tiêu ngay.

- Hay lắm, này Vô Sở Úy! Nếu đúng như lời khanh nói, trẫm sẽ đến quy y với tôn sư.

Theo lời mách bảo của đình thần, vua A Xà Thế lần lượt đến yết kiến các vị đạo sĩ thời danh nhưng không một ai có thể làm cho nhà vua vui sâu. Nỗi ân hận tiếc thương người cha nhân hậu vẫn canh cánh bên lòng.

A Xà Thế có một viên ngự y rất là thân tín tên là Kỳ Bà. Thấy bệnh tình của nhà vua ngày càng trầm trọng, Kỳ Bà khuyên nhà vua nên yết kiến đức Phật, khi ấy đang ngự tại vườn xoài của Kỳ Bà. A Xà Thế bần khuôn:

- Này Kỳ Bà! Khanh há không nhớ rằng trước kia có một đạo ta từng thân cận với sa môn Đề Bà Đạt Đa, tùy hỷ cho ông mượn voi say để giết hại sa môn Cồ Đàm nhưng bất thành... hay sao? Ta e rằng ông ta còn hiềm chuyện cũ, đời nào chịu tiếp ta?

- Tâu bệ hạ, thần xin lấy cái đầu của hạ thần để cam đoan với bệ hạ rằng đức đạo sư sẽ không thù oán gì bệ hạ cả... mà ngược lại...

- Khoan, khoan! Hãy để cho trẫm nói hết cái đã! Sa môn Cồ Đàm trước kia là bạn cố tri của phụ hoàng ai ai cũng biết. Trẫm e rằng vì tình thâm xưa, ông sẽ nhục mạ và bêu rêu trẫm trước một đám đông hội chúng không biết chừng!

- Muôn tâu! Những điều lo lắng của bệ hạ không phải là hoàn toàn vô căn cứ, nhưng đó là vì bệ hạ chưa từng gặp đức đạo sư. Ngài là một bậc giác ngộ phải có một nhân cách phi thường thế nào mới có thể chinh phục được lòng kính tin của ba vị giáo sĩ báỉ hỏa lừng danh Ca Diếp, những bà la môn thông thái cỡ Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... Chí đến hạng cùng hung cực ác như Ương Quật Ma La mà Ngài còn hóa độ cho thành một bậc A La Hán...

- Ương Quật Ma La nào? Có phải tên du đảng chuyên môn giết người rồi cắt lấy ngón tay đeo quanh cổ đó chăng?

- Muôn tâu, chính hăỉ! Một kẻ từng khuấy động cả nước Kosala... Sau khi giết hàng nghìn nhân mạng hăỉ đã được đức đạo sư hóa độ, đi xuất gia và đặng thánh quả rồi...

- Nay Kỳ Bà! Đó là những điều khanh nghe thiên hạ đồn đăỉ hay là chính khanh được mục kích?

- Tâu bệ hạ! Trong những lúc rỗi rảnh, ngu thần thường lui tới các tinh xá để yết kiến đức đạo sư và khám bệnh cho chư tăng. Chính mắt hạ thần đã trông thấy và sờ vào người vị La Hán tên Ương Quật Ma La.

- Thế à!

- Muôn tâu! Nếu một kẻ như Ương Quật Ma La còn được hóa độ và trở thành một vị thánh thì hàng anh tài như bệ hạ đâu lẽ nào đức đạo sư lại từ chối? Xin bệ hạ đừng ngăn ngại nữa. Thần có trộm nghe rằng được gặp chư Phật xuất thế là một điều hy hữu “thiên tải nhất thì” mới được. Huống chi, thuở sinh tiền tiên vương rất quý kính Ngài. Nếu bệ hạ còn chút tình tưởng nhớ đến tiên vương thì cúi xin bệ hạ hãy xa giá đi với thần ngay lập tức...

- Kỳ Bà! Khanh có điên không? Đi ngay bây giờ đang đêm như thế này à?

- Muôn tâu! Du hành ban đêm quả là một điều bất tiện thật đăỉ nhưng hạ thần trộm nghĩ rằng thần chết không bao giờ chịu gia hạn, bệnh tình của bệ hạ mỗi ngày một thêm nguy kịch. Hơn nữa, sáng mai sẽ có đình thần bàn ra tán vào mà hạ thần thì chỉ có một cái lưỡi thòi, làm sao có thể địch nổi hàng trăm cái miệng dẻo dai của họ?

- Nay Kỳ Bà! Đúc đạo sư ra sao thì ta chưa rõ nhưng tấm lòng tha thiết của khanh làm ta cảm động. Khanh hãy gọi quản tượng chuẩn bị voi cho ta lên đường xem!

Rồi A Xà Thế, ngự y Kỳ Bà cùng một số quan lớn quan nhỏ và hàng tá lính ngự lâm quân lên đường đi đến vườn xoài của Kỳ Bà.

Sắp đến cổng vườn, vua A Xà Thế bỗng nhiên biến sắc, tuốt gươm khỏi vỏ, quát mắt nhìn Kỳ Bà gằn giọng:

- Nay Kỳ Bà! Khanh không mưu phản ta chứ?

Kỳ Bà kinh ngạc lắp bắp nói:

- Muôn tâu! Vì sao thánh thượng lại nghi ngờ lòng dạ của hạ thần?

- Kỳ Bà! Ta thường nghe nói rằng đúc đạo sư mỗi khi ở đâu thường có hàng nghìn môn đệ doanh vây... Vậy mà, nơi đây lại im lặng như tờ, thì chẳng phải người đưa ta vào một ổ phục kích là gì?

- Muôn tâu! Đúc đạo sư hiện đang cư ngụ nơi đây cùng 1250 vị tỳ kheo tùy tùng, nhưng các vị ấy thường rất ít nói, đang tọa thiền nên khung cảnh mới tịch tĩnh như thế ạ...

- Nay Kỳ Bà! Chỉ cần vài ba tu sĩ luận đạo cộng thêm dăm tiếng vịt kêu nữa là đủ tạo thành một cái chợ, huống chi hàng nghìn người mà lại không một tiếng ho hen tăng háng?

- Muôn tâu! Bệ hạ tuy không phải là cha đẻ của hạ thần nhưng chính là người cứu vớt và nuôi dưỡng ngu thần từ tấm bé. Đời thần chỉ có hai người cha khả kính... Đó là bệ hạ và đúc đạo sư.

- Kỳ Bà! Ta cũng tin tưởng nơi tấm lòng trung hiếu của khanh lắm nên mới ra đi trong đêm hôm tăm tối như thế này. Nhưng đã đến chưa?

- Tâu bệ hạ! Đã đến lúc thỉnh bệ hạ xuống xe để vào tinh xá rồi.

Vua A Xà Thế liền “hạ tượng,” đưa mắt nhìn quanh. Qua các tầng cây rậm lá, nhà vua trông thấy tháp thoáng màu áo vàng của chư tăng đang ngồi tĩnh tọa trong ánh trăng tỏa sáng dịu dàng. Màu trắng huyền ảo phủ lên

những thân hình gầy gò, ngồi nghiêm trang trên các tảng đá, thảm cỏ hoặc bên một cội cây... gây nên một ấn tượng kỳ diệu trong lòng vị vua sầu muộn. Nhà vua vươn vai, hít thở làn không khí an lành, ngao ngạt hương hoa, lẩm bẫm:

- Ước gì hoàng nhi Ưu Đà Di Bạt Kỳ (Udayi Bhaddha) của ta cũng có được sự trầm tĩnh bình an như các sa môn này.

Kỳ Bà đưa tay chỉ về phía hương thất của đức đạo sư, thì thầm:

- Muôn tâu! Trong gian thất nhỏ thấp thoáng ánh đèn, giữa các thầy tỳ kheo im lặng ngồi vây quanh, chính là hình bóng khả kính của đức đạo sư!

Với sự hướng dẫn của quan ngự y, A Xà Thế tiến vào hương thất của Phật, đánh lễ Ngài, vái chào chúng tỳ kheo và lui ngồi một bên.

- Nay đại vương! Đức đạo sư dịu dàng cất tiếng. A Xà Thế đảo dác nhìn quanh...

- Vì nguyên do nào mà đại vương thân hành đến đây trong đêm tối như thế này?

- Bạch Thế Tôn! Con chính là A Xà Thế, vua nước Magadha. Con đang trị vì một quốc gia trù phú với những đình thần tuấn kiệt, các hoàng phi diễm lệ, bao cung điện nguy nga. Nhưng tất cả những thứ ấy đều trở thành vô nghĩa đối với con, vì con lỡ tay giết hại người cha bi mẫn của mình. Hiện giờ thân xác con mắc phải một chứng bệnh nan y, đêm ngày đau đớn khôn tả, lòng con lúc nào cũng bị ray rứt về cái chết thê thảm của phụ hoàng. Con kinh sợ khi nghĩ rằng lúc mệnh chung con sẽ bị rơi vào hỏa ngục...

- Đại vương cứ tiếp tục, Như Lai đang lắng nghe!

- Bạch Thế Tôn! Theo lời mách bảo của đình thần, trước khi đến đây, con đã tham vấn sáu vị tôn sư, lãnh tụ của các giáo phái thời danh trong nước, nhưng chưa có ai làm cho con vơi sầu...

- Ra thế!

- Vậy mà, khi vừa đặt chân đến đây, khung cảnh tịch mịch cùng hình bóng trầm lặng của chur tăng khiến lòng con nhẹ nhõm, con cảm thấy như mình đang sống lại thời thơ ấu, lúc chưa bị những khát vọng điên cuồng dày vò xâu xé. Con liền khởi lên ước muốn rằng, giá mà hoàng nhi Ưu Đà Di của con cũng có được sự bình an của chur vị sa môn nơi đây...

- Đại vương cứ nói hết những gì mà đại vương thấy là cần thiết!

- Bạch Thế Tôn! Trước khi đến đây con lo sợ rằng vì những lỗi lầm cũ, Thế Tôn sẽ không chịu cho con tiếp kiến, nên lúc nghe Thế Tôn gọi hai tiếng “đại vương” con đã đảo mắt nhìn quanh để xem có phải đích thực là đức Thế Tôn gọi con không? Và quả đúng như những lời tán thán của quan ngự y, Thế Tôn quả là một bậc tôn sư vĩ đại, khả kính nhất trong các giáo chủ thời danh mà con từng diện kiến!

- Nay đại vương! Hãy trân trọng! Chớ vội tin tưởng vào những gì do lời đồn đãi, những gì do người mình thương mến tin cần nói lại. Vì một niềm tin được xây dựng trên những cơ sở ấy sẽ không còn tồn tại được lâu dài. Chỉ khi nào một điều gì, do chính đại vương đích thân nghe, suy gẫm và thực hành, thấy có kết quả thiết thực mà không gây tổn hại cho ai, thì đến lúc ấy, đại vương có thể tuyên bố rằng đây là một giáo pháp chân chính được nói ra từ một vị đạo sư sáng suốt chân thật.

- Bạch Thế Tôn! Những lời Thế Tôn vừa nói cũng đã đủ gây một niềm kính tin cho con. Từ trước khi gặp bất cứ vị đạo sư nào, con cũng đều được họ hoặc hàng môn đệ không đủ lời diễn tả sự cao quý khôn lường của giáo pháp mình. Họ thường vạch ra một cảnh thiên đường huy hoàng dành riêng cho hàng môn đệ kính tin và những hỏa ngục hãi hùng để dày những kẻ chẳng tin. Và, nếu con ngó ý muốn quy y với vị đạo sư nào thì chúng đệ tử của vị ấy đều hơn hờ, cơ hồ muốn đặt con lên một chiếc kiệu vàng để công kênh đi khắp thành phố. Duy có Thế Tôn là người độc nhất khuyên con không nên đặt niềm tin đi trước trí tuệ, và chúng tỳ kheo nơi đây đều bình thản nghe những lời tán dương của con. Ước mong sao con có thể để lại hoàng nhi sự thanh thản ấy hơn là chiếc ngai vàng được gây dựng bằng xương máu và nước mắt.

- Nay đại vương! Có phải mục đích chính của cuộc viếng thăm này là để giải tỏa nỗi phiền muộn của đại vương về cái chết của phụ hoàng không?

- Bạch Thế Tôn! Chính thế. Từ ngày phụ hoàng thác đi, lòng con chưa hề có một phút giây thanh thản. Bất cứ lúc nào và nơi đâu, con cũng nghe văng vẳng tiếng rên la tha thiết của người. Lúc đang ngồi con muốn đứng dậy, lúc con đứng con lại muốn đi, khi đang đi lại muốn nằm và lúc nằm thì con lại muốn ngồi bật dậy.

- Nay đại vương! Có hai hạng người có thể đạt được hạnh phúc chân thật! Hạng không gây tội và hạng đã làm lỡ rồi sau lại biết ăn năn, không tái phạm. Cả hai hạng đều có đầy đủ khả năng giác ngộ như nhau.

- Nhưng... con đã phạm một trong năm tội đại nghịch...

- Đành rằng nhân quả không sai, hạt giống đắng không thể nào sanh trái ngọt. Nhưng nếu cho rằng ai cũng phải chịu những khổ báo do mình đã làm lỡ gây nên thì có lẽ trên thế gian này không có một ai đặng thánh quả được.

- Bạch Thế Tôn, làm sao con có thể ăn năn cải hối được một khi phụ hoàng đã mất?

- Nay đại vương! Người chết không thể hồi sinh được bằng nước mắt của thân nhân. Nếu đại vương cứ ngồi than khóc về một lỗi lầm trong quá khứ thì không ích lợi gì. Chi bằng đại vương tận dụng hết chuỗi ngày còn lại, từ bỏ phi pháp, giúp dân chúng an cư lạc nghiệp, dùng chánh pháp trị dân thì cái chết của tiên vương sẽ trở thành một tiếng chuông cảnh tỉnh, đánh dấu một ngày mới, một cơ hội tốt giúp đại vương chuyển hóa một triều đại được xây dựng bằng máu lệ và hận thù thành một triều đại anh minh và nhân ái.

- Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Từ đây con xin trọn đời quy y tam bảo, dùng chánh pháp để chiêu an bá tánh. Con sẽ thương yêu và chăm sóc thần dân như chính hoàng nhi của mình. Riêng phần tội lỗi gây ra, con xin can đảm chấp nhận lấy hậu quả. Đêm cũng đã khuya, con xin được phép bái từ.

Sau ngày gặp đức đạo sư, bệnh tình của A Xà Thế ngày một thuyên giảm. Cả triều đình lẫn nội cung đều ghi nhận có một sự thay đổi dị thường nơi nhà vua hung bạo cũ. Tuy những tập khí vương giả độc đoán cũ chưa gột sạch hẳn, nhưng đức vua cũng đã tỏ ra khoan hồng, bớt khe khắt hơn. Để tránh những điều đáng tiếc có thể xảy ra, mỗi khi sắp quyết định một việc hệ trọng, A Xà Thế đều cho người đến thỉnh ý Phật, chẳng hạn như lúc

định đem binh đánh nước cộng hòa Bạt Kỳ, nhà vua đã sai đại thần Vũ Xá đến trình Phật. Đức đạo sư nhân dịp ấy đã gián tiếp ngăn cản đức vua bằng cách nêu ra 7 điều kiện khiến cho quốc gia hùng cường tương ứng với 7 yếu tố giúp tăng đoàn thanh tịnh, trong thời thuyết pháp thường nhật. Đó là:

1. Vua quan và nhân dân thường tụ họp với nhau trong tinh thần đoàn kết.
2. Đoàn kết để làm tròn trách nhiệm
3. Nhà cầm quyền không ban hành những luật lệ mới, trái với những đạo luật cổ truyền còn thích hợp.
4. Kính trọng những bậc trưởng thượng.
5. Không quyền rũ và cưỡng ép phụ nữ.
6. Tôn trọng cái mỹ tục cổ truyền.
7. Ủng hộ các sa môn chân chánh.

Nhận được thâm ý của đức đạo sư, A Xà Thế truyền lệnh bãi binh ngay. Từ dạo đó, thay vì mở các cuộc binh đao với các nước láng giềng, đại vương A Xà Thế dốc hết tâm lực ủng hộ chánh pháp. Đức vua trở thành một Phật tử thuần thành không kém vua Bình Sa thuở trước.

Khi được tin đạo sư nhập niết bàn, đại vương A Xà Thế đã khóc than không ngớt. Nhà vua thân hành đứng ra trong nom việc phân chia xá lợi Phật và cũng nhờ sự bảo trợ của nhà vua, tôn giả Ca Diếp đã mở một đại hội triệu tập chư vị thánh tăng tại hang Kỳ Xà Quạt để kết tập lại những lời huấn thị của đức đạo sư trong suốt 49 năm hoàng pháp.

Các sử gia còn ghi nhận rằng, dưới triều đại của quốc vương A Xà Thế, nước Magadha rất trù phú hùng mạnh, mở đầu cho việc thống nhất lãnh thổ Ấn Độ về sau.

---o0o---

Ca Lưu Đà Di

Ưu Đà Di (Udayi) là một viên đại thần rất được sủng ái của đức vua Tịnh Phạn, ông có biệt tài tổ chức các vấn đề kinh tế, hành chánh và ngoại giao... nhưng cũng có một tật khá lớn là vô cùng đắm nguyệt say hoa. Chính ông là người đã hiến kế cho vua Tịnh Phạn lập tam cung lục viện, tuyển mộ cung phi, đem sợi tóc mỹ nhân để cột chân hoàng tử Tất Đạt Đa dạo nọ.

Khi được tin con mình đã thành đạo, đang đi bố giáo nhiều nơi mà không chịu về thăm nhà, vua Tịnh Phạn vô cùng nôn nóng. Liên tiếp, ngài phái liền 9 vị cận thần thân tín đi mời đức đạo sư về thành Ca Tỳ La Vệ. Đáp lại sự chờ mong của đức vua, sau khi gặp Phật và nghe pháp, 9 vị sứ giả đều tỉnh ngộ, quên phứt đi sứ mệnh của mình, xin cáo túc sống đời sa môn và lần lượt đắc quả cả. Lần thứ 10, đại thần Ưu Đà Di phụng mệnh ra đi thỉnh đức đạo sư trở về thăm quê cũ. Dù rất lầy làm cảm động khi nghe những lời giảng dạy của đức Thế Tôn, Ưu Đà Di vẫn trở về phò vua giúp nước như cũ.

Mãi đến khi vua Tịnh Phạn mất, Ưu Đà Di mới từ quan, bỏ lại hàng chục tòa dinh thự nguy nga cùng hàng trăm thê thiếp lộng lẫy, cáo túc lần râu, sống đời khất sĩ. Để ghi dấu lần thay đổi vĩ đại này, ông đổi tên là Ca Lư Đà Di (Kàludàyi).

Tuy đã đổi thức ăn, hình thức cùng nếp sinh hoạt hẳn hoi nhưng các cô tật của Ca Lư Đà Di vẫn còn. Vì thế, thầy đã gây ra khá nhiều rắc rối cho tăng đoàn, đức đạo sư cũng như bản thân mình.

Vừa gia nhập tăng đoàn, Ca Lư Đà Di đến gặp đức đạo sư, than phiền rằng diện tích tám tọa cụ do ngài hạn định cho chư tăng thật là khiêm tốn so với thân hình đồ sộ của sư. Đức Phật liền chế luật, cho phép sư được mở rộng kích thước tám nệm ngồi, mỗi bề thêm nữa tất nữa.

Có được tám tọa cụ ưng ý, Ca Lư Đà Di vẫn chưa thể tọa thiền được vì tiếng quạ kêu ồn ào làm tâm tư xao động. Thế là trong lúc các bạn đồng phạm hạnh đang ngồi thiền định, Ca Lư Đà Di liền đi chẻ tre, chuốc cung tên để bắn quạ. Sau giờ tĩnh tọa, các thầy tỳ kheo đi kinh hành, ngạc nhiên khi thấy xác quạ chết nằm đầy vườn, mới hay có sự. Chuyện đến tai Phật, Ca Lư Đà Di bị khiển trách một trận nên thân. Chưa hết, một hôm, trên đường vào thành Xá Vệ, đức đạo sư bắt gặp một sàng tòa cao ngất nghểu, đặt giữa ngã ba đường và Ca Lư Đà Di đang nằm đong đưa trên đó. Đương sự liền được mời xuống và đức đạo sư phải chế thêm một giới cấm nữa: “Không được giăng võng cao quá đầu người.”

Nhờ sự hướng dẫn của đức đạo sư và các bạn đồng phạm hạnh. Ca Lư Đà Di gột rửa dần dần những tập khí quan liêu, vương giả, duy có một điều gây rắc rối không ít cho sư cùng tăng đoàn là sư khó lòng tự chủ khi thấy bóng mỹ nhân.

Một hôm đang ngồi trong tịnh thất, chợt thấy một thiếu nữ điếm lệ đi ngang, quên phớt là mình đã xuất gia, Ca Lư Đà Di liền tuột khỏi giường thiền, chạy ra chặn đường người đẹp. Chuyện đến tai Phật, sư bị la rầy nặng nề và thẻ chùa hẳn. Lời thẻ này chỉ giữ được có một nửa. Lần khác, Ca Lư Đà Di không chạy ra chặn đường người đẹp nhưng ngồi trong tịnh thất, sư không thể nín được dăm lời trêu chọc. Kết quả là Ca Lư Đà Di phủ phục dưới chân Phật, phát nguyện sẽ không bao giờ buông lời chọc ghẹo người đẹp nữa. Nhưng xui xẻo cho sư, ngay ngày hôm sau, có nhiều hoàng phi và cung nữ của vua Bình Sa, trên đường lễ Phật, lại đi ngang qua tịnh thất của sư. Đương sự liền khua chìa khóa “leng keng” để gây sự chú ý của mỹ nhân. Để trừ hậu họa, đức đạo sư cho phép Ca Lư Đà Di được dời tịnh thất ra cuối vườn để... tránh cảnh.

Chuyện rắc rối lại xảy ra với nhà sư đa tình này trên đường đi khát thực. Người ta bắt gặp sư ôm bát đứng bất động trước nhà “người đẹp.” Nghe chuyện đức Phật bèn ra lệnh cấm: “Tỳ kheo khát thực xong phải đi ngay, không được nấn ná trước nhà người ta.” Điều luật này được Ca Lư Đà Di hết sức tôn trọng: sư chỉ đứng ngoài đường lộ dòm vào thôi. Có người mách Phật, Ngài lập tức chế giới, Ca Lư Đà Di bèn ngồi trên ngạch cửa. Phật cấm ngồi trên ngạch cửa, sư bèn chui vào kẹt cửa của gia chủ... Và, rất nhiều phen, sư bị thiên hạ vây đánh, phải chạy thoát thân, vất hết cả y cùng bát...

Tai tiếng của Ca Lư Đà Di tới tấp bay đến hương thất của Phật, sau những lời khiển trách, Ngài đích thân giáo hóa sư, cấm không được rời xa Ngài. Nhờ vậy, Ca Lư Đà Di lần lần bỏ được tật cũ, tinh cần tu tập không bao lâu sư đắc quả A La Hán. Việc lớn đã xong, tôn giả đem hết năng lực của mình để phụng sự mọi người. Tôn giả tỏ ra có nhiều sáng kiến trong việc giúp Phật tổ chức tăng đoàn và hướng dẫn quần chúng bình dân về hành chánh và ngoại giao là một trong những biệt tài sở trường của tôn giả. Tôn giả thường được Phật cử đi giảng hòa những vụ tranh chấp trong dân chúng. Và, bất cứ cuộc hiềm khích nào dù có gay go cách mấy, khi tôn giả đã nhúng tay vào đều được hóa giải rất tốt đẹp.

Về sau, do những dư nghiệp của quá khứ, tôn giả Ca Lư Đà Di đã điếm nhiên thị tịch dưới nhát dao của một tên gian phu hung bạo khi tôn giả muốn ngỏ lời cứu hẳn ra khỏi bùn nhơ của dục vọng.

Em thân mến!

Các nhà chú giải Luật tạng theo hệ Bắc phương xem tôn giả Ca Lưư Đà Di như một vị hóa thân Bồ Tát, thị hiện đa dục để hóa độ chúng sanh.

Riêng tôi, khi kể lại câu chuyện này, tôi chỉ muốn giới thiệu với em hương thơm của một đóa sen nở giữa ao bùn. Thông thường, chúng ta ai cũng vồn vã hái hoa nhưng lại cau mày với bùn như nước đọng. Chúng ta không tiếc lời ca ngợi các bậc tài hoa nhưng lại khó chịu khi thấy những cái tật của họ. Chỉ có những tấm lòng từ bi và nhân hậu mới có thể chịu đựng nổi những cái tật để giúp đương sự chuyển hóa nó thành cái tài. Đó chính là trường hợp của đức đạo sư và tôn giả Ca Lưư Đà Di vậy.

---o0o---

Hai Bà Hàng Xóm

Ngày xưa ngày xưa, có hai thiếu phụ ở cạnh nhà nhau. Một người làm nghề thợ dệt, một người buôn bán lụa là gấm vóc.

Một hôm, có cụ hành khất đến nhà người bán lụa xin cơm. Vốn keo kiệt, người chủ nhà liền đuổi ông lão ra khỏi nhà kèm theo những lời quát mắng phũ phàng. Người hành khất liền mò sang nhà bên cạnh, chị thợ dệt tuy nghèo nhưng đón chào vị khách không mời này bằng một nụ cười và nửa phần ăn trưa của mình. Ăn uống xong, ông lão cáo từ ra đi với một lời chúc tốt lành gửi lại:

“Việc gì làm lúc sớm mai
Sẽ phải làm đến hết ngày mới xong.”

Sáng hôm sau, chị thợ dệt thức dậy thật sớm để tiếp tục công việc thường ngày. Khi kéo tấm vải ra khỏi khung cửi để đo và xếp, chị ngạc nhiên khi thấy xấp vải kéo dài dường như bất tận. Mãi đến lúc hoàng hôn, căn nhà đã chật đầy những cây vải mới, sự kỳ diệu của lời chúc lành mới chấm dứt.

Câu chuyện được truyền đi rất nhanh. Chị hàng xóm bán lụa là người nhận được trước tiên. Chị không ngớt than van, hối tiếc về việc đã để thoát khỏi nhà mình một con người kỳ lạ có thể đem đến cho gia chủ một nguồn lợi to lớn như thế.

Từ hôm đó, chị ngong ngóng chờ đợi người hành khất tái hiện.

Ngày ấy rồi cũng đến. Lần này, ông cụ được tiếp đón niềm nở và trịnh trọng như một vị tiểu vương. Sau bữa tiệc linh đình, người hành khất cáo từ và cũng gởi lại cho gia đình chủ lời nguyện hôm xưa:

“Việc gì làm lúc sớm mai
Sẽ phải làm đến hết ngày mới xong.”

Đêm hôm ấy, chị bán lụa cứ trần trọc mãi để tính toán xem phải làm việc trước tiên vào sớm mai cho khỏi “phí của trời” và tiếc nuối về sau. Mãi đến lúc gà gáy sáng, chị mới thiu thiu ngủ sau khi mang một túi vàng để sẵn dưới gối, định bụng sẽ đem ra đếm ngay lúc thức giấc.

Chị bán lụa giật mình thức giấc khi mặt trời đã lên cao, rọi những tia sáng huy hoàng vào khuê phòng của chị. Sập sừ ngời dậy, chị quên tuốt hết mọi dự định. Thấy ngứa ngái ở vành tai, chị bán lụa đưa tay sờ và tóm được một chú rệp no tròn, vút xuống nền gạch. Thế là suốt ngày hôm ấy, chị ta cứ phải đưa tay lên xuống như một con thoi... Và, cho đến chiều tối, chị mới kinh hoàng chạy ra khỏi ngói ngà đầy nhung nhúc những rệp.

Truyện cổ Thụy Sĩ

Em thân mến!

Hèn chi mà trong các kinh, đức đạo sư thường khuyên chúng ta nên bỏ thí một cách Ba La Mật, nghĩa là làm một cách hồn nhiên vô tư như chị thợ dệt trên đây vậy.

---o0o---

Hòa Thượng Cua

Thuở trước ở miền Bắc nước ta có một chú bé mồ côi cha sống với mẹ tại một miền quê heo lánh nọ. Năm chú bé được 12 tuổi, bà mẹ vẫn còn buôn tảo bán tần để nuôi con.

Một hôm trong khi mang hàng ra chợ bán, bà mẹ trao cho con một giỏ cua đồng, bảo giã ra nấu canh làm cơm trưa. Chú bé y lời mẹ dặn, mang giỏ cua ra làm. Bất ngờ, vừa giáng chày đập con cua đầu tiên, thấy con vật quỳnh quáng quờ quạng tay chân tìm đường chạy trốn, chú bé chợt động lòng bi悯, không nỡ tiếp tục, liền đem giỏ cua ra trút xuống ruộng cả.

Tan chợ, bà mẹ mang hàng về. Nhìn thấy mâm cơm đạm bạc, bà ngạc nhiên hỏi:

- Thế... món canh cua đâu? Chú bé ấp úng:

- Khi sáng, con mang cua ra làm, thấy chúng nó khóc, con thương quá nên thả hết rồi, mẹ ạ.

Vừa đói vừa giận, bà mẹ vợ lấy cây đũa bếp gõ cho con một cái. Chú bé hoảng sợ, co giò chạy ra khỏi nhà. Chú đi, đi mãi và các trận chiến liên miên đã ngăn cách chú với bà mẹ cùng quê nhà từ đó.

Ba mươi năm trôi qua... Bà mẹ đã già nua. Sau những năm di tản, đã trở về quê cũ, vẫn bán chè theo từng buổi chợ để mưu sinh.

Một hôm, đang buổi chợ, bà gặp một vị tăng trung niên, ghé qua hàng hỏi thăm gia thế và đề nghị giúp đỡ bà cụ bằng cách đem về chùa nuôi dưỡng. Bà cụ nhận lời và vào chùa công quả từ dạo đó.

Ngày tháng dần qua, đã đến lúc bà cụ từ giã cõi đời. Hòa thượng trụ trì, tức vị tăng đã đề nghị đưa bà vào chùa thọ trước, có việc phải đi bố giáo phương xa. Trước khi đi, ngài dặn các môn đệ rằng, nếu bà cụ có mất thì chớ tăng cứ tẩm liệm chớ đừng mai táng mà phải đợi ngài về. Mọi người đều y lời.

Bà lão mất được một hôm thì Hòa thượng trở về. Đứng trước quan tài, Hòa thượng thắp hương khấn rằng:

- Trong kinh Phật có dạy, một người con tu hành đạt đạo, cha mẹ sẽ được sanh thiên, nếu lời dạy ấy không ngoa thì xin cho chiếc quan tài này vỡ ra để con thấy mặt mẹ lần cuối.

Hòa thượng vừa dứt lời, mọi việc xảy ra như lời nguyện, trước sự kinh ngạc của toàn thể hội chúng.

Hòa thượng bèn thuật lại thân thế của mình chẳng ai khác hơn là chú bé thả cua năm xưa. Từ đó, người ta gọi ngài là Hòa thượng cua. Và, cũng theo lời người kể thì mảnh vỡ của chiếc quan tài hiện còn lưu trữ tại một ngôi chùa Bắc Việt, để mọi người ghi nhớ câu chuyện lạ lùng và cảm động về Hòa thượng Cua và vị thân sinh ra ngài.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây, thầy Viện chủ đã kể cho tôi và các bạn nghe trong dịp người ghé thăm thiền viện. Trong thời thuyết giảng ngày hôm ấy, thầy có giảng trách cho đại chúng rõ rằng, chân tinh thần của nhà Phật là dùng trí tuệ giải thoát hơn là sự cầu nguyện suông. Nếu sinh hoạt của Phật giáo nằm trong phạm vi cầu an cầu siêu không thôi thì không khéo quần chúng Phật tử, nếu thiếu sự dắt dẫn sẽ đi vào con đường mê tín. Sự cầu nguyện sẽ có một mãnh lực siêu hình nếu đương sự hiểu rõ luật nhân quả, cái ác từng thiện, như trường hợp của Hòa thượng Cua và bà mẹ ngài vậy. Bằng không, kết quả sẽ sai lệch như lời Phật dạy trong các bộ A Hàm: “Nếu có kẻ mang một tảng đá ném xuống sông rồi tụ họp các tu sĩ đứng hai bên bờ cầu nguyện cho nó nổi lên, lời cầu nguyện sẽ không được đáp ứng vì quá nặng. Cũng thế, nếu người gây nghiệp dữ mà nhờ các tu sĩ cầu nguyện cho được sinh thiên... thì không có chuyện đó vậy.”

---o0o---

Chúa Và Quỷ

Một hôm quỷ Sa Tăng đến hỏi Chúa:

- Tại sao ai cũng ca ngợi Ngài mà chửi rủa tôi?

Chúa đáp:

- Tại người hay làm hại người ta, làm điều xấu ác cho người nên bị chúng chửi là chuyện đương nhiên.

Quỷ Sa Tăng không bằng lòng với lời giải thích trên cho lắm, nên Chúa bèn dắt hẳn xuống trần gian để tìm bằng chứng cụ thể. Quỷ bay theo Chúa xuống đến trần gian vào một sớm còn mờ sương. Cả hai đáp xuống bờ đê của một thôn xóm thanh bình trù phú. Một chú bò đang đứng nhơi cỏ bên vệ đường, Sa Tăng chỉ con bò và đề nghị Chúa hãy thử nghiệm trước. Chúa bèn bước đến gần con bò, hào quang sáng rực từ trên thân hình Ngài tỏa ra làm con bò kinh hoàng bước lui và sa chân vào một hố sình bên cạnh đường. Người chủ con bò thấy thế bước đến, cặp mắt phàm tục của anh không thấy cả Chúa lẫn quỷ mà chỉ thấy tình thế tệ hại của con bò. Anh ta cuống quýt vừa kéo con bò lên vừa chửi rủa:

- Quý Sa Tăng kéo mào xuống hố đẩy hổ? Đồ súc sinh!

Nghe anh nông phu chửi mình, quý Sa Tăng lờm Chúa, giọng ai oán:

- Có sự tại Ngài mà người ta lại chửi tôi đấy!

Con bò vẫn còn sa lầy, nhiều người kéo đến giúp nó nhưng vẫn không kết quả. Một bác nông phu già buột miệng:

- Nặng quá, có quý mới kéo nổi con bò này lên khỏi vũng sinh!

Nghe người ta cầu viện đến mình, quý Sa Tăng bèn ra tay, con bò bước lên bờ dễ một cách dễ dàng. Mọi người reo hô:

- Hoan hô, đội ơn Chúa! Nhờ ơn đức cao cả của Ngài mà con bò thoát nạn.

Quý Sa Tăng lại buồn bực bảo Chúa:

- Tôi giúp họ thì họ lại cảm ơn Ngài.

Truyện cổ Ba Lan

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện vui mà tôi đã đọc đâu đó trong các sách phương Tây. Chúng ta có thể mượn lời đức Phật để an ủi ông quý trên như thế này:

“Không phải do lời tôn xưng của người khác mà ta thành cao quý, không phải vì lời nguyện rửa của thế nhân mà ta thành đê tiện, nhưng chính những tâm niệm, lời nói và hành vi của chính ta sẽ làm cho chúng ta thành cao quý hay đê tiện.”

Hành động của ông quý Sa tăng ở trên là một việc làm đáng ca ngợi. Vì vậy, khi thiên hạ hoan hô Chúa, tức là đã hoan hô người đã làm hành động tốt lành ấy. Các danh từ - huyền danh CHÚA hay QUÝ đối với Phật giáo không quan trọng.

Trong thiên sử có một bài thơ như thế này:

Tạc nhật Dạ xoa tâm
Kim triều Bồ Tát diện

Bồ Tát dữ dụa xoa
Chỉ cách nhất điều tuyền.

Nghĩa là:
Hôm qua lòng dụa xoa
Sáng nay mặt Bồ Tát
Bồ Tát cùng dụa xoa
Cách nhau trong tơ tóc.

Các em có đồng ý tặng bài thơ này cho ông quý Sa tăng trên không?

---o0o---

Viên Ngọc

Ngày xưa ngày xưa, có một vị vua nhân từ thương dân như con đẻ. Ân đức của nhà vua làm cảm động đến các vị thần nơi cõi vô hình. Bữa nọ, nữ thần bề cả gọi ngư phủ đến, nhờ bác ta truyền trao lại đức vua bốn viên ngọc quý.

Bác ngư phủ ấy là một người thật thà, tốt bụng. Cầm bốn viên ngọc quý trên tay, bác tất tả bỏ hết công ăn việc làm, khăn gói về kinh thành bệ kiến dâng quân vương. Thấy tấm lòng hiêm có của vị thần dân lương hảo, đức vua cho phép bác ngư phủ được quyền chọn một trong bốn viên ngọc. Trước ân sủng bất ngờ ấy, bác ngư phủ không khỏi lúng túng. Sau một lúc bóp trán suy nghĩ, bác phủ phục trước bệ rồng, tâu:

- Muôn đội ơn chúa thượng! Một mình thần không thể quyết định được công việc trọng đại này, xin chúa thượng gia ân cho hạ thần trở về hỏi ý kiến của bu nó và bầy trẻ.

Đức vua hoan hỷ tán thành và gia ân cho bác lương dân nửa tháng chọn lựa.

Về nhà, bác ngư phủ cho hội họp tất cả thành viên trong gia đình, gồm bà vợ và hơn nữa tá con trai, con gái để trưng cầu dân ý. Trước hết, bác ngư phủ trình bày sơ qua sự kiện và nhấn mạnh công dụng của từng viên ngọc.

1. Viên ngọc thứ nhất sẽ đem lại cho người chủ nó những thức ăn ngon lành, béo bổ mà không một tiệm cao lâu nào trên trần gian có thể nấu nướng được.

2. Viên thứ hai sẽ tuôn ra những lụa là gấm vóc, các loại y phục thời trang, dầu thơm hảo hạng, đủ sức biến một cô bé lọ lem thành người đẹp nhất xứ.

3. Viên ngọc thứ ba có công dụng mang lại các thứ binh khí, dụng cụ chiến đấu tối tân hiện đại nhất dư sức giúp cho bất cứ chàng trai tầm thường nào trở thành một danh tướng lẫy lừng khắp bốn vùng chiến thuật.

4. Viên thứ tư có khả năng mang lại tất cả các loại tiền bạc thông dụng đang hiện hành trên thế giới, mà chủ nhân của nó không cần phải đổ một giọt mồ hôi nước mắt nào cả.

Xong, bác ngư dân trân trọng báo tin:

- Đức vua cho phép chúng ta được chọn một trong bốn viên ngọc ước đó. Tôi không thể quyết định hấp tấp được nên phải về hỏi ý kiến của mọi người trong gia đình mình. Vậy, ta nên chọn viên ngọc nào nhỉ?

Tức thì, mọi người tranh nhau phát biểu ý kiến không ai chịu nhường ai. Bác gia trưởng đành phải yêu cầu các thành viên giữ trật tự và lần lượt phát biểu theo tuổi tác. Bà vợ là người lên tiếng đầu tiên:

- Theo tôi thì nên chọn cái viên ngọc ước ra đồ ăn đó. Hạnh phúc trên trần gian này không gì bằng ăn no, ngủ kỹ mà khỏi phải bận tâm lo mua sắm nấu nướng, bổ nó ạ!

Đám con gái liền nhao nhao phản đối:

- Mẹ nói thế mà nghe được à? Ăn nhiều lắm chỉ tổ mập phịch như mẹ thôi... Chúng con thà rằng ăn cháo với muối qua ngày mà được có lụa là son phấn. Chọn viên ngọc thứ hai đi, bố ạ!

Đám con trai nhún vai bảo:

- Rõ là đàn bà con gái... Suốt ngày chỉ ăn với mặc. Chúng con sắp đến tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự cả rồi, thừa với bố mẹ! Xin bố hãy chọn viên ngọc thứ ba để tụi con có đủ khả năng phò vua giúp nước, lập công trạng mà lưu danh thiên cổ...

Tức thì bà vợ bác ngư phủ chu chéo lên, đám con gái khóc rầm rức, bọn con trai đập hết mấy tá tô chén bát đĩa... Bác gia trưởng đành giảng hòa:

- Thôi... thôi! Cho tôi xin một phút bình an có được không nào? Âm ỉ thế này thì đến thánh cũng chịu. Tôi tính thế này: Bu nó muốn ăn ngon, con gái muốn mặc đẹp, con trai muốn đồ binh khí... thì ta cứ chọn viên ngọc thứ tư, ước ra tiền bạc... Có tiền mua tiên cũng được... nữa là những thứ quái quỷ ấy... Phải không nào?

Bà vợ quát lên:

- Có tiền mua tiên cũng được đấy nhưng rồi ai chịu đứng ra nấu nướng, hay cũng chỉ con mọi già này?

- Thì ra ăn tiệm vậy.

- Nhưng có tiệm nào nấu được các thứ sơn hào hải vị của thần tiên đâu? Ôi, tôi cực khổ suốt đời vì bếp núc...

Đám con gái thì nhì nhằng:

- Bố ạ! Làm sao mua được những y phục, son phấn của cõi trời. Thứ gì mình mua được thì thiên hạ cũng có, đâu còn sang và quý nữa, hở bố?

Đám con trai biểu đồng tình:

- Tiền bạc cho lắm cũng chỉ mua được ba lưỡi gươm của bọn thợ rèn... “Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.” Xưa nay chinh chiến mấy ai về... Thương cho chúng con với bố ạ!

Người gia trưởng lúng túng khổ sở... Một tuần lễ trôi qua, gia đình bác ngư phủ như có đám tang. Trong khi bác ôm đầu ngồi rầu rĩ, bỏ mặc ghe chài cùng lưới câu thì bọn con trai cũng vất hết cày bừa, đám con gái chẳng sờ đến khung cửi... Hết cãi nhau rồi ngồi khóc ti ti... Mụ vợ làm hư nằm ăn vạ trong bếp, bò bê không người chăn, bày lợn sữa kêu eng éc.

Chưa đến ngày hẹn, đức vua đã thấy bác ngư dân tất tả đến, phủ phục trước sân rồng. Nhà vua vui vẻ hỏi:

- Thế nào? Gia đình khanh nhất trí chọn viên ngọc nào?

- Muôn tâu! Bọn ngu thần xin phép được từ chối không nhận viên nào cả...

Đức vua ngạc nhiên:

- Ủa, sao thế?

Bác ngư phủ bèn thuật lại tự sự và kết luận:

- Muôn tâu! Trên thế gian này không điều gì quý bằng hạnh phúc. Từ lâu thần lầm tưởng rằng phải có vàng bạc, binh khí chiến đấu cùng những thức ăn sơn hào hải vị thì người ta mới sống hạnh phúc được. Ngờ đâu, khi những thứ đó mới vừa lăm le bước chân vào ngưỡng cửa nhà hạ thần thì hạnh phúc chạy đâu mất. Hơn tuần nhật qua thần có cảm tưởng như mình đang sống trong địa ngục. Mọi người trong gia đình thần đều cảm thấy khổ sở và chán nản vì cứ nghĩ đến mình cùng những nhu cầu riêng tư. Thần xin được mạn phép trả lại bệ hạ các viên ngọc... báo hại này để trở về với nếp sống bình thường. Ngụ thần hoàn toàn hài lòng với thứ hạnh phúc nhỏ nhoi, tầm thường mà bọn thần phải đổi bằng mồ hôi và tâm sức của mình.

Từ đó, bác ngư phủ lại đi đánh cá như cũ, vợ bác mỗi ngày đi chợ, làm cơm và trông nom bày gia súc trong nhà, đám con gái dệt cửi công cốc suốt cả ngày đêm, bọn con trai thì cày ruộng trồng khoai, tía lúa. Họ sống bình thường bên nhau trong thứ hạnh phúc khiêm tốn ít ỏi của kiếp người cho đến lúc mãn đời..

Em thân mến!

Thế thì, em đã hiểu tại sao mà chúng ta phát tâm tu hành không vì cầu nơn thiên phước báu, những dục lạc của cõi người và cõi trời mà chỉ cốt trở về với cái tâm bình thường như lời Phật dạy. “Không có gì hạnh phúc cho bằng sự an tĩnh của tâm thức” hay chưa?

Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật nghìn thu
Pháp cú

Bảy Mươi Năm Cuộc Đời

Ngày xưa ngày xưa... khi thượng đế vừa khai sinh lập địa, tạo ra loài người và muôn vật xong, Ngài cho mỗi sản phẩm hữu tình của mình được tự do phát biểu ý kiến, muôn loài lũ lượt kéo nhau đến thưa kiện xin xỏ, kèo nài và dâng yêu sách lên thượng đế.

Thấy chàng lừa bước đến, đáng chí công từ bi bảo:

- Ta cho con tuổi thọ 30 năm!

Lừa lắc đầu than van:

- Tâu thượng đế! Không lẽ con trách móc ngài đã sinh con ra trên trần gian này chứ... với loài lừa chúng con, sống thêm một ngày là một ngày nhọc nhằn mỗi mệt, chở nặng mang nhiều chứ có sung sướng thanh nhàn gì đâu? Ba mươi năm quả là một hình phạt quá dài đối với chúng con.

Lừa kì kèo mãi, thượng đế phải giảm tuổi thọ hẳn một con giáp, còn 18 năm.

Đến lượt chó, thượng đế cũng rất mực anh minh và công bằng:

- Ta cho mi sống 30 năm!

Chó giẫy nẩy lên:

- Trời ơi! Bộ ngài tưởng làm thân chó sung sướng lắm hở? Muốn ăn được một ít cơm thừa canh cặn của con người, cũng phải xum xoe, tíu tít vẫy đuôi, lè lưỡi đến đỏ mồ hôi, sôi nước mắt ra đấy...

- Thôi thì 18 năm... bằng thẳng lừa vậy!

- Ôi giờ! Anh lừa thì dù có chở nặng thật nhưng còn được đi đây đi đó, ngủ nghỉ có giờ giấc... còn thân con thì suốt ngày đêm phải giương mắt ra mà canh trộm, đuổi gà, lần quần hết xó nhà đến góc bếp... Xin đên trời soi xét giùm cho.

- Thôi thì, ta giảm cho mi thêm nửa kỷ nữa... 12 năm vậy!

Chó bằng lòng, ngoác đuôi chạy đi!

Thấy khi vừa chuyền cây nhảy xuống, thượng đế bảo:

- Ba mươi năm đợc không, hờ thằg khi kia?

Khi vôi vàng chấp tay báidài:

- Khổ thân con lắm, xin Ngài giảm bớt cho!
- Bọn mi nhảy nhót, nô giỡn cả ngày kia mà.
- Ấy... “Bề ngoài cười nụ bề trong khóc thầm.” Muôn tâu, chúng con đói khát khổ sở đến nỗi loài người thường bảo: “Óm như khi,” “nhăn như khi” ấy... Nếu không tin Ngài hỏi lại loài người xem.

Thượng đế chau mày:

- Thôi thì 18 năm vậy!
- Tâu... vẫn còn quá dài! Chúng con ở rừng thì sợ hãi, không móng vuốt để hộ thân...
- Ta cho phép con về sống chung với con người và giảm bớt tuổi xuống bằng con có: 12 năm đấy nhé!
- Muôn tâu, ở chung với con người cũng chẳng sướng ức gì. Tụi con phải nhăn nhó làm trò khi suốt ngày cho bọn con nít tiêu khiển. Đến lúc nhảy nhót hết nỗi thì họ mang chúng con ra nấu chầu khi.

Thượng đế mũi mòng dụi giọng:

- Ta giảm cho con nữa: 8 năm tuổi thọ vậy!

Đến lượt con người bước ra, thượng đế bảo:

- Ta cho con 30 năm tuổi đời!

Lập tức thẳng người, ông tổ của chúng ta, hoảng hốt kêu lên:

- Muôn tâu, ngần ấy thời gian chỉ mới đủ cho con cất nhà, đào giếng, trồng cây, chưa kịp hái quả đầu mùa thì đã...

Thượng đế ngạc nhiên:

- A, thằng nhãi! Thế mi muốn gì? Thêm tuổi thọ à?
- Thưa, đúng như vậy! Thà rằng Ngài đừng sinh chúng con ra. Sống chi mà ngắn ngủi như thế thì thà rằng đừng sống còn hơn.
- Thôi được! Ta cho con thêm 18 năm của con lừa chê bỏ lại đó... đủ chưa?

Con người gãi đầu, nài nỉ:

- Vẫn còn ít lắm ạ! 48 năm nào có là bao?
- Thế thì... cộng thêm tuổi thọ của loài chó nữa nhé?
- Thưa... đáng toàn năng vô song, quyền phép tối linh cao thượng của Ngài nào có tổn kém chi, cho con xin thêm một ít nữa, kéo sau này đấm con cháu, hậu duệ của con sẽ trách là ông tổ của chúng, miệng lưỡi để đầu ấy!

Thượng đế nghiêm nét mặt phán:

- Người là loài sinh vật quấy rầy ta nhiều nhất từ mới đến giờ. Nhưng thôi, ta cộng thêm cho người 8 năm của loài khi, vị chi là 70...

Chẳng để con người kịp phản ứng, thượng đế rũ tay áo biến mất sau một đám mây lành.

Từ đó, mọi sinh vật đều sống theo tuổi thọ mà thượng đế đã ban cho đáng cao tổ đầu tiên của chủng loại: lừa 18, chó 12, khi 8 v.v... Riêng loài người, sau 30 năm sống đời tươi đẹp của kiếp người, phải trải qua 18 năm làm quần quật để trả nợ phục vụ một cách ngu ngốc cho thiên hạ, hết như loài lừa. Khi thời gian làm “kiếp con lừa” đã trôi qua, con người lại bắt đầu sống “kiếp con chó” trong 12 năm, thờ thần nơi hóc nhà, xó bếp, trông cửa ngõ nhà và ăn cơm thừa canh cặn của con cháu họ thái ra cho. Cuối cùng lúc đã ngoài lục tuần, con người đâm ra lẩn thẩn khi nhăn nhó, lúc càu nhàu, bông chấu trông chất... làm những trò buồn cười, trẻ con để mua vui cho thiên hạ... Đó là những quãng đời cuối cùng 8 năm làm “trò khi” vậy!

Ngoài 70 năm có giấy phép hăn hoi trên, nếu đáng nhân loại nào lạm phát thêm vài năm nữa thì các đẳng sinh vật của tạo hóa không biết xếp họ và loài nào, khi mà răng rụng, mắt mờ, tai điếc, râu tóc đã bạc phơ... Không

thể đứng vững trên đôi chân mình, cũng không thể xin xỏ gì thêm nơi đấng chí tôn, con người bèn đau khổ nhất một cây gậy làm chân giả. Khi ấy, thiên hạ mới dè dặt kết luận rằng con người là sinh vật... ba chân độc nhất, rắc rối nhất, kỳ cục nhất... nơi cái trần gian đa sự này đây.

Truyện cổ Đức

---o0o---

Ma Đấng Già Mục Đế Lệ

Ma Đấng Già Mục Đế Lệ là một thiếu nữ thuộc thế cấp tiện dân Ấn. Tuy không phải là dòng dõi danh gia vọng tộc, nhưng Mục Đế Lệ có nhan sắc khá diễm lệ.

Một hôm, đang gánh nước bên bờ suối, Đế Lệ gặp một thanh niên trẻ tuổi đến chĩa bát ra xin nước uống. Thiếu nữ sợ hãi che mặt thưa:

- Bạch sa môn! Con thuộc hàng tiện dân nô lệ. (Luật pháp Ấn không cho phép hàng tiện dân gặp mặt hay trò chuyện cùng với các thế cấp khác, nhất là với giai cấp tu sĩ hay vua chúa).

Vị sa môn từ tốn đáp:

- Đức đạo sư của tôi có dạy rằng, không thế nào có giai cấp riêng biệt khi máu của mọi người cùng đỏ và nước mắt cùng mặn như nhau. Nếu không có gì phiền lòng, xin cô cho tôi một bát nước uống.

Mục Đế Lệ bỡ ngỡ rót nước vào bát cho nhà tu. Ông ta nhận lấy, cảm ơn rồi cáo biệt. Vị tu sĩ này không phải là ai đâu xa lạ. Chính là tôn giả A Nan, người thị giả đồng thời là người em chú bác với đức đạo sư, rất mực đẹp trai và giàu lòng bi mẫn.

Sau một lần hội kiến trên, Mục Đế Lệ lâm bệnh tương tư, biếng ăn bỏ ngủ, dung nhan ngày một võ vàng tiều tụy. Mẹ cô thấy lạ gạn hỏi và biết được duyên cớ, khuyên dỗ mãi chẳng xong, bèn dắt con đến tinh xá tìm tôn giả A Nan bắt đền và “mắng vồn” đức đạo sư. Đức Phật viện lẽ rằng tôn giả A Nan không thể nào hoàn tục để đi ở rẻ được, nếu Mục Đế Lệ muốn gận gũi thì nên xuất gia là thượng sách. Thiếu nữ bèn bằng lòng cạo tóc dù mẹ cô đã hết lời ngăn cản, cô cảm thấy rằng không thế nào sống nổi nếu không được gặp mặt người sa môn trẻ tuổi dễ thương đó.

Nhờ sự hướng dẫn khéo léo của đức đạo sư và chư ni, Mục Đế Lệ tinh cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A La Hán, một quả vị mà mãi đến lúc đức đạo sư nhập niết bàn rồi, tôn giả A Nan mới với tới được.

Mọi chuyện rắc rối đều chấm dứt vì một vị A La Hán thì không còn tí tạo phiền não nào cả nên những chuyện yêu thương sầu khổ hay lục đục thất tình đều trôi tuột luột cả. “Sanh đã tận, việc làm đã xong.” Các kinh điển theo hệ Pali đều kể về các ngài như thế đó.

Em thân mến!

Đó là truyền thuyết về cô Ma Đăng Già Mục Đế Lệ theo kinh điển Nam Tông. Chúng ta có thể thông cảm những niềm sầu nỗi khổ của cô một cách dễ dàng vì bất chấp khoảng cách của không gian và thời gian. Chúng ta những phụ nữ trẻ tuổi đều được cấu tạo bằng những thứ tâm và sinh lý như nhau, nếu không nói là giống hệt nhau. Ngoại trừ các bậc thánh mà tâm tư các ngài đã trắng bạch như vỏ ốc ra, người trẻ tuổi nào lại tránh khỏi chuyện bồi hồi, nao nao cảm xúc khi giáp mặt với người khác phái, mặt mũi dễ coi, ăn nói dịu dàng và tế nhị cỡ tôn giả A Nan (hay xấu hơn một tí cũng được). Đây quả là một tai nạn xảy ra ngoài ý muốn của hàng tu sĩ chúng ta. Kinh điển Nam phương chỉ ghi lại thật tóm tắt sự kiện xảy ra, nhưng điểm then chốt “tỳ kheo Mục Đế Lệ đã làm thế nào để thành A La Hán” thì chúng ta hoàn toàn mù tịt, chỉ biết là vị nữ tu sĩ này “tinh cần tu tập nên chẳng bao lâu được đắc quả A La Hán.”

Để bổ túc cho điều khiếm khuyết trên, kinh điển theo hệ Bắc phương đã chỉ cho chúng ta thấy biết nên chuyển phiền não thành Bồ đề bằng cách nào. Mời em hãy cùng chúng tôi đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, một bản kinh quan trọng của Phật giáo Bắc phương có ghi rõ như thế này.

“Sau khi thấu rõ nỗi lòng con cái, bà mẹ của Mục Đế Lệ đã truyền cho cô một bài thần chú tên là “Ca tỳ lê phạm thiên”, bảo cô học thuộc lòng, và chờ cơ hội thuận tiện. Ngày ấy đã đến, một ngày rằm tháng bảy, tôn giả A Nan vì đi xa về trễ nên ôm bát đi khát thực một mình. Mục Đế Lệ bèn đọc bài thần chú báo hại đó. Thật là linh nghiệm! Vị sa môn trẻ tuổi bị bùa phép của thần chú, ôm bát chạy một mạch vào nhà người đẹp.

Thời may, đức đạo sư ngày hôm ấy đang thọ trai ở hoàng cung vua Ba Tư Nặc, biết người đệ tử cung của mình đang lâm nạn nên thọ trai xong, đức Phật vội vã trở về. Đến kỳ viên Ngài tuyên thuyết thần chú Thủ Lăng Nghiêm và trao cho Bồ tát Văn Thù bảo phải đi thẳng tới nhà Ma Đăng Già

để cấp cứu tôn giả A Nan. Ngài Văn Thù y lời, dắt được tôn giả A Nan về tinh xá gặp Phật và chúng tăng.

Vừa trông thấy Phật, vị sa môn trẻ tuổi liền òa lên khóc và sụt sùi kể lể:

- Con những tưởng mình là em cung của Phật, được hầu hạ một bên thì thế nào cũng được giác ngộ ké...Ngờ đâu hôm nay bị thiên hạ bắt cóc, suýt nữa thì tiêu ma hết sự nghiệp tu trì.

Thấy tôn giả khóc lóc quá sức, đức đạo sư bèn an ủi và hỏi:

- Này A Nan! Nguyên do nào khiến con phát tâm xuất gia?

- Thưa, vì con thấy tướng mạo của đức Thế Tôn quá đẹp, con nghĩ bụng rằng những tướng mạo ấy không thể nào do ái dục mà có được. Nhân đó mà con phát tâm xuất gia.

- Thế con lấy gì để thấy và dùng gì để biết?

- Con dùng mắt để thấy và dùng tâm để biết.

- Thế mắt ở đâu và tâm ở đâu?

Tôn giả A Nan liền đáp là mắt ở dưới lông mày và tâm ở trong thân. Đức Phật chỉ chấp nhận vị trí của mắt nhưng không đồng ý về vị trí của tâm, dù tôn giả A Nan đã chỉ đi chỉ lại đến 7 lần.

Ở những đoạn kinh sau, đức Phật mới dùng các thí dụ cho tôn giả nhận rõ đâu là chân tâm đâu là vọng tâm. Sau khi phân biệt rõ ràng hai thứ tâm ấy, tôn giả A Nan mừng vô kể, liền quỳ xuống đọc một bài phát nguyện thật hùng hồn, thật lớn lao và tha thiết. Lời phát nguyện ấy từ thuở mới vào chùa, tôi và em đã chấp tay đọc hàng bao nhiêu lần trong thời kinh nửa sáng:

... Nguyện trở lại trong đời mê trước
Cứu chúng sinh hàn vết đau thương
Đề báo đền ơn đức Thế Tôn
Xin đem hết thân tâm phụng sự
Đời ngũ trước con thề vào trước
Dù gian nguy chí cả không sờn
Cứu chúng sinh là báo Phật thâm ân

Lời ngọc vàng con hằng ghi dạ
Nếu còn một chúng sanh chưa chứng quả
Cõi niết bàn con đâu dám tự an...

Em thân mến!

Tôn giả A Nan quả là đồng minh của chúng ta ở phần đầu đoạn kinh, từ lúc ngài ôm bát chạy một mạch vào nhà người đẹp cho đến lúc được ngài Văn Thù dắt về tinh xá, òa lên khóc khi gặp thầy bạn. Tôn giả đã đại diện cho chúng ta đưa lên những câu hỏi và đáp hết sức chân thành nhưng lúng túng... Mãi đến khi ngài quỳ xuống, đọc bài phát nguyện hùng hồn trên, chúng ta mới bị lạc lối.

Cái gì đã khiến chàng thanh niên mới hồi nãy còn sợ sệt, khổ sầu, khóc lóc... mà chỉ trong khoảng khắc đã biến thành những tâm niệm dũng mãnh, từ bi và sung mãn trí tuệ như thế?

Sự biến chuyển trong tâm tư của chàng thanh niên trẻ A Nan có khác chi việc “hoạt nhiên đại ngộ” của các thiền tăng Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam suốt cả nghìn năm lịch sử. Họ giống như chú sư tử con lạc mẹ từ thuở bé thơ, phải sống chung với đoàn cừu hiền lành nhút nhát, ăn cỏ, uống nước bản, lòng đầy sợ hãi... lúc nào cũng lo lắng sợ sệt những điều bất trắc sẽ xảy ra cho tấm thân yếu ớt của mình?

Cho đến một hôm, sư tử vàng, vị chúa tể của rừng xanh bắt gặp sư tử con đang lúc thúc theo đàn cừu ăn cỏ, kêu be be và yếu đuối hết như chú cừu non. Vị chúa rừng bèn tóm cổ sư tử con, chú nhỏ ngất đi vì sợ. Đến lúc tỉnh dậy thấy mình đang nằm dưới chân sư tử, chú cuống quít máu, xin được tha mạng. Sư tử vua bèn dí mũi chú xuống dòng suối trong vắt bên cạnh, và bắt chú phải mở mắt nhìn xuống...

Sư tử con vâng lời... và lạ lùng thay... sau làn nước trong leo lẻo chú nom thấy bóng một con sư tử thiếu niên lông vàng bên cạnh sư tử chúa, với đầy đủ vẻ oai phong lẫm liệt của nòi sư tử. Sau tiếng gầm vang dội cả núi rừng, sư tử con, tức chú cừu non bé bỏng dạo nào, mới thật sự nhận mình là nòi sư tử. Kể từ giây phút ấy, chú nhỏ dứt khoát từ bỏ chuỗi ngày yếu đuối sợ sệt, hèn nhát của loài cừu, hoàn toàn dũng mãnh, can đảm, thừa sức đối phó với bao nhiêu điều bất trắc của rừng thiêng.

Em thân mến!

Sau khi nhận rõ chân tâm, tôn giả A Nan đã rống lên như sư tử, tiếng rống đầy tự tin ấy là bài kệ mà chúng ta cũng tập gầm như sư tử nhưng lòng đầy hãi hùng lo sợ khi phải đối mặt với bát phong, phải hiện diện trong cõi đời mê trước mà thiếu bàn tay dìu dắt của thầy, bạn.

Em ạ!

Tôi chưa đắc A La Hán quả lần nào hết và cũng không phải là một tu sĩ mật tông chính hiệu nên tôi không dám nói với em về sự linh nghiệm của thần chú đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm, tôi chỉ có thể giải thích cho em nghe về các sự kiện xảy ra trong đoạn kinh trên bằng nhãn quan của một kẻ phàm phu đa sự mà thôi.

Có phải trong quãng đời thiếu tráng của một nhà tu trẻ tuổi nào chúng ta cũng có ít nhất một lần tôi hay em đều bị vướng vào cái thần chú “Ca Tỳ Lê” quý quái của bà mẹ cô Ma Đăng Già nọ (dù rằng cô Ma Đăng Già đã đăng thánh quả và nhập niết bàn hơn 25 thế kỷ rồi). Bất kể đẹp xấu, sang hèn giỏi dở... đến một lúc nào đó, chúng ta bỗng dưng thấy mình mở mắt ra, thức dậy. Cuộc đời sẽ lạ lùng hơn khi tâm tư chúng ta bắt đầu xúc động vì hình ảnh khó phai mờ của người khác phái... Đó chính là lúc ta mắc phải cái thần chú quý quái của ông phạm thiên, vì trời cai quản thế gian theo tín ngưỡng Ấn giáo. Khi không khi không chúng ta bị sao vào mê hồn trận, vừa cảm nghiệm một trạng thái lạ lùng kỳ diệu, khi cái ngã nhỏ nhoi của chúng ta bỗng dưng bẻ ra để rước thêm một cái ngã nữa của tha nhân, vừa cảm thấy một nỗi niềm thống khổ đau xót vô hạn... Ta thấy mình yếu đuối như một cành lau trước gió, nửa muốn đuối đeo tiếp tục, nửa trốn chạy hãi hùng, nhưng đành nào cũng nan giải cả. Đây chính là lúc tôn giả A Nan ôm bát đứng phân vân trước nhà người đẹp vậy.

Bồ tát Văn Thù, người lãnh xứ mạng đi giải cứu tôn giả A Nan, chẳng ai đâu xa lạ, chính là trí huệ sẵn có của mỗi người chúng ta.

Khi đã sa vào cái mê hồn trận này, có đôi lúc chúng ta sực tỉnh, thấy được sự vô lý và phi lý của chuyện “Người dưng khác họ đem lòng nhớ thương.” Đó là những lúc ta bất chợt khám phá ra chân tướng của đối tượng mình tôn thờ, họ không được toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ như ta lầm tưởng mà dường như họ là hình bóng phản chiếu của chính mình... Đối tượng ấy giống như mảnh vải mắc trên giá vẽ, ký ức ta là bột màu, sự tưởng tượng phong phú là bàn tay tài hoa. Chúng ta đã đi say mê thờ phụng một hình ảnh của chính mình tưởng tượng vẽ ra hơn là con người hiện thực của

tha nhân. Thấu đáo được điều này thì Bồ tát Văn Thù đã mang chúng ta về tinh xá vậy.

Bây giờ, tôi và em hãy đọc lại lời đối đáp của tôn giả A Nan, nếu ngài bảo rằng: “Vì thấy Phật đẹp trai xuất gia” thì khi thấy “thiếu nữ Ma Đăng Già đẹp gái” tôn giả A Nan sinh tâm nhập gia là một chuyện rất thường tình, có phải thế không nào?

Nhìn lại nguyên nhân, động cơ thúc đẩy mình đi xuất gia, chúng ta phải e dè mà thú nhận rằng cũng na ná như tôn giả A Nan, nghĩa là do thấy những cảnh sắc thanh hương vừa ý đẹp lòng mà chúng ta phát tâm xuất gia... Vậy thì, một ngày đẹp trời nào đó, gặp phải những đối tượng tương tự làm đẹp ý vừa lòng, chúng ta có thể sinh tâm... nhập gia trở lại... em có thấy như thế không?

Kinh Kim Cang có một bài kệ như thế này:

Nếu do sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người ấy hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai...

Như vậy, con đừng tìm cầu giác ngộ (kinh Kim Cang gọi là Như Lai) không thể nào cầu bằng sắc tướng âm thanh, dù là sắc tướng và âm thanh của Phật, mà phải dùng trí tuệ quán chiếu, thấu cho rõ thật tướng của vạn pháp. Vì thế ở đoạn kinh kể trong Thủ Lăng Nghiêm, đức đạo sư giúp ngài A Nan biện diệt rõ chân và vọng của bản tâm. Nhận rõ chân tâm rồi, tôn giả liền hết sợ hãi, nín khóc và phát những lời thệ nguyện đại hùng đại lực như thế đó. Phần chúng ta, không thể nào gỡ cái thần chú Ca Tỳ Lê rất quý quái và lạ lùng với kẻ tu hành, nhưng rất bình thường đối với thế nhân, bằng cách khóc lóc, kể lể, hối hận hay biện minh được. Chúng ta phải dùng phương thuốc mà đức đạo sư đã bày cho tôn giả A Nan, để biến chú cừ non thành sư tử lông vàng vậy.

Em hãy đến dòng suối thiêng của rừng xanh để soi lại mặt mũi của mình. Phần tôi, tôi cũng sẽ đi tìm một dòng suối mát, rửa mặt và chờ đợi em, chúng ta sẽ cất tiếng rống vang rừng núi một lượt em nhé!

Người tưới nước lo phân dẫn nước
Thợ cung tên lo chuốt cung tên
Thợ hồ tô vách xây nền

Cũng như người trí ngày đêm luyện lòng
Pháp Cú 80

---o0o---

Quả Bí Đầu Mùa

Ngày xưa ngày xưa, có anh nông dân hiền lành chất phác làm ăn chân chỉ hạt bột. Thu được quả bí đầu mùa vào ngày sinh nhật của đức vua, anh nông dân liền mang quả bí vào hoàng cung dâng đức vua với tất cả tấm lòng thành kính của anh.

Nhận được món quà mộc mạc của người thần dân lương hảo, đức vua - vốn là một vị minh quân - rất lấy làm cảm động và đẹp dạ. Ngài truyền lệnh đặt quả bí lên một chiếc mâm vàng, ân cần hỏi thăm gia thế của vị khách dân giả. Trước khi anh nông dân ra về, đức vua trân trọng đổi cái bị rách của anh bằng chiếc túi gấm nạm ngọc, một chiếc khăn voan đắt tiền được gửi về cho người vợ trẻ của anh. Chưa hết, nhà vua còn ban cho con trai anh một thanh gươm báu để sau này lớn lên cậu sẽ phò vua giúp nước, một chiếc nhẫn ngọc cho cô con gái làm của hồi môn.

Anh nông dân về làng, đôi chân đất của anh cuống quýt vì chờ quá nhiều niềm vui. Nửa giờ sau, câu chuyện tốt lành của anh bay khắp làng trên xóm dưới, đến tai vị phú hộ giàu có nhất vùng. Lập tức vị phú hộ nghĩ bụng:

- Chết tiệt cái đầu óc của ta đi! Chết tiệt cái đầu óc của mụ vợ ta. Tại sao nhà ta lại không nghĩ đến việc chúc mừng sinh nhật của đức vua trước cái thằng bần cố nông đó. Một trái bí đao mà đôi ngàn ấy đồ đặc quý giá.

Và ông phú hộ bèn gọi bà vợ cùng đám con trai, con gái, cháu chắt đến. Hai vợ chồng ông cùng đám cháu chắt đầy nhóc hai cỗ xe tứ mã. Đám thần dân này mang đến hoàng cung một số lượng phẩm vật kếp sù gồm bò bê, cừ, ngựa và không biết cơ man nào là sơn hào hải vị... cùng những tấm lòng thắc thỏm chờ mong của họ.

Một lần nữa đức vua lại cảm động và ân cần tiếp đón đám thần dân tốt bụng, hết như việc đón tiếp chàng nông dân ngày hôm qua. Có điều nhà vua lấy làm khó nghĩ... Ngài không biết nên dùng phẩm vật gì để đáp lại tấm lòng tập trung của toàn thể gia đình ông phú hộ. “Bò, bê, cừ, ngựa... vàng,

ngọc, lụa là thứ gì người ta cũng có. Phải ban cho họ một thứ gì quý giá và hiếm hoi nơi trần gian này.”

Đức vua bóp trán suy nghĩ, không bao lâu ngài đã nghĩ ra một món quà tuyệt hảo đó (các em phải nhớ rằng, đức vua là một vị anh quân tài trí mà li). Ngài ghé tai nói nhỏ với quan tể tướng. Mười phút sau, đức vua trân trọng cầm chiếc bị rách (bên trong có chứa quả bí đầu mùa) và trước đám lương dân đang quỳ mọp bên bệ rồng đức vua long trọng đọc một bài đích của ứng khẩu để tạm biệt và tống biệt. Bài văn rất dài đại ý nhà vua nhắc lại lai lịch của chiếc bị cùng trái bí, đức vua nhấn mạnh đến tấm lòng trung thực của anh nông dân đến hai lần... Vì theo ngài thì trên thế gian này không gì quý bằng trung thực. Cuối cùng đức vua trao tặng tấm lòng trung thực ấy cho toàn thể gia quyến ông phú hộ, được gói ghém trong cái bị rách.

Ông phú hộ kính cẩn nhận chiếc bị cùng trái bí đầu mùa, nâng ngang trán trong khi vợ con ông tung hô vạn tuế vang rền.

Em thân mến!

Câu chuyện xin được ngừng lại nơi đây vì “văn bất tận ngôn,” câu chuyện cổ của nhân dân Hungary trên làm tôi chợt nhớ đến hai câu thơ của một thiền sư Trung Hoa:

“Cố ý trồng hoa, hoa chẳng nở
Vô tình tiếp liễu, liễu xanh tươi.”

Xin nắn nót ghi vào đây thay cho lời kết luận vậy.

---o0o---

Dây Vạn Niên Thanh

Xưa, có một bác tiều phu vào rừng đốn củi theo con đường mòn thường nhật, bác bỗng ngửi thấy một mùi hương lạ tỏa ngát. Đi tìm xuất xứ của nó, bác nom thấy một trái đào chín mọng treo lơ lửng trong tầm tay. Vừa với tay định hái, bác xiết bao kinh ngạc khi thấy một thanh niên lạ mặt đưa tay cản:

- Này, chớ có đụng vào đấy!

Bác tiều lùi lại hỏi:

- Cậu là ai?

Chàng thanh niên dũng dạc bảo:

- Ta là thần trường sinh, cứ mỗi một trăm năm ta cùng trái đào này xuất hiện một lần. Ai ăn được đào trường sinh thì sống hoài không chết.

Bác tiều phu mừng rỡ quỳ mọp xuống, vái lạy vái đê:

- Thật là nghìn năm một thuở, xin đức thần cho tôi được ăn trái đào này.

Thần trường sinh lắc đầu:

- Từ thuở xa xưa đến nay đã hơn 12 kẻ tục được nếm trái đào này, nhưng chưa có ai trong số đó cảm thấy hạnh phúc hơn, nếu không nói là ngược lại... vì thế, ta chỉ xuất hiện với phép màu này ở các thâm sơn cùng cốc.

Bác tiều cứ một mực nài nỉ. Cuối cùng thần trường sinh đành trao trái đào tiên cho bác với lời dặn dò:

- Cho đến khi nào ngươi cảm thấy cần gặp ta để chấm dứt phép lạ thì nên đến chốn này.

Và vị thần biến mất.

Từ đó, bác tiều phu sống hoài sống mãi, trong khi vợ con, cháu chắt, chít chít của bác lần lượt qua đời... đã hàng trăm, hàng nghìn lần bác nhìn mặt trời bình thản xuống lên, trăng khuyết rồi tròn, các triều đại thay vua đổi chúa, sự thăng trầm vinh nhục, tham lam, tráo trở cũng như những tai họa của kiếp người. Cho đến hôm bác đến nơi ước hẹn với thần trường sinh, chán nản thốt:

- Thừa, đã quá đủ cho con, đã quá dài đối với kiếp sống của một con người... Con xin trả lại ngài trái đào năm củ.

Thần trường sinh lạnh lùng trao cho bác tiều phu một con dao. Bác cung kính đón lấy và đâm thẳng vào tim.

Thần trường sinh cùng con dao vàng biến mất, bác tiều khép mắt ngủ giấc sau cùng như bao nhiêu đồng loại bác, nhưng giòng máu trường sinh từ cơ thể bác chảy ra ngấm vào lòng đất, một loại cây leo hút từ mảnh đất ấy liền đâm chồi thay lá và sống mãi cho đến ngày nay. Người ta gọi loài dây leo đó là dây vạn niên thanh. Khác hẳn với loài người, cây cỏ sống hoài vì chúng vô tình không có trái tim. Riêng nhân loại thì ai cũng ham sống sợ chết, nhưng trái tim nhỏ bé của họ không đủ sức chịu đựng những sự biến đổi vô thường của một kiếp người. Vì thế, khoảng thời gian ngắn ngủi chỉ tới đa 100 năm, đã vừa đủ cho họ... Cái chết đôi khi là một đặc ân, như lời hứa tái ngộ của thần trường sinh với bác tiều đạo nọ vậy.

---o0o---

Chiếc Giày Chờ Đợi

Chuyện xảy ra tại một chung cư.

Một cụ già mắc bệnh đau tim ở căn phòng dưới. Căn phòng trên đầu cụ thuộc quyền sở hữu của một thanh niên chưa quá 30 tuổi. Hôm nào đi làm về anh thanh niên cũng tháo giày ra và liệng xuống nền sàn rầm rầm, chịu hết nổi, bữa nọ cụ già tìm gặp anh, bảo:

- Nay cậu em, qua có bệnh đau tim nặng, không chịu nổi những tiếng động mạnh bất ngờ, Vậy cậu thông cảm và giúp cho qua bằng cách mỗi lần cởi giày, cậu để nhẹ tay xuống sàn giùm nhé!

Chàng trai bối rối xin lỗi ông cụ và hứa sẽ thực hành lời yêu cầu.

Ngay hôm ấy, vẫn theo thói quen chàng trai nằm dài trên đi văng cởi giày và liệng xuống nền nhà. Vừa quăng chiếc giày thứ nhất xong, chàng ta chợt nhớ đến lời dặn của ông cụ, bèn ngồi bật dậy và đặc chiếc thứ hai xuống một cách nhẹ nhàng.

Ba mươi phút sau, thanh niên nghe tiếng gõ cửa phòng. Anh mở cửa và bắt gặp ông cụ đang ôm ngực, thở hào hển bảo

- Chú em! Chú làm phước liệng nốt chiếc giày thứ hai cho... qua không chịu nổi thời gian chờ đợi.

Em thân mến!

Thói thường, chúng ta hay đem những kinh nghiệm đã trải qua trong quá khứ để tiên đoán, đề phòng và chuẩn bị đối phó với các sự kiện tương lai. Và rất nhiều khi chúng ta lấy làm tự hào về những kinh nghiệm mình đã trải qua... Nhưng cũng có... nhiều lần, chúng ta bị lâm vào cảnh ngộ của ông cụ trên đây, ôm ngực thở hào hển để chờ đợi chiếc giày thứ hai rơi xuống sàn nhà. Có lẽ vì thế mà các thiền sư thường khuyên chúng ta: “Việc qua rồi chẳng nhớ, việc chưa đến chẳng lo, việc hiện tại đừng đem lòng vọng tưởng.” nghĩa là hãy giáp mặt với cuộc đời với một bản tâm trong sáng bình thường, bình thản đón nhận mọi việc xảy đến, không phê phán, dự đoán chẳng?

---o0o---

Giá Trị Lời Nói

Ngày xưa ngày xưa, có một thiếu nữ con nhà dân giả, nhan sắc cũng mặn mà dễ coi, chỉ phiền một nỗi là có mắc phải bệnh nói suốt ngày, cha mẹ cô thường than van:

- Phải chi mà một lời nói của nó đáng giá một đồng xu thì còn đỡ khổ, đàng này...

Cô gái mỗi ngày một lớn, căn bệnh cũng lớn theo, cô cứ nói ra rả cả ngày, đến lúc đi ngủ cũng còn nói, ngôn ngữ cứ tuôn ra từ miệng cô như súng liên thanh.

Sức chịu đựng của lỗ tai con người có hạn. Bữa nọ cha mẹ cô đành đuổi cô ra khỏi nhà vì họ sắp phát cuồng lên cả. Cô gái buồn tủi vừa đi vừa khóc vừa nói cho đến một bờ biển thì dừng lại. Tiếng nói của cô ồn ào át cả tiếng sóng biển, bay đến tai của một thanh niên đang thả lưới ngoài khơi. Chàng ngư phủ bèn chèo thuyền vào và sững sốt trước dung nhan khá thu hút của thiếu nữ.

Sau khi biết rõ xuất xứ cùng nguyên do lạc loài của cô gái, thanh niên thu hết can đảm ngỏ ý muốn cưới nàng ta làm vợ. Thiếu nữ bằng lòng không quên nhắc cho chàng rể biết là nàng có tật hay nói. Anh ngư phủ gật đầu lia lịa bảo:

- Càng hay! Tôi mò côi cha mẹ, ở thui thui một mình hơn 15 năm nay, chỉ nghe tiếng sóng bể rì rào chứ chưa được nghe tiếng thủ thỉ của con người bao giờ. Nàng tha hồ mà nói cho vui nhà vui cửa...

Thanh niên quỳ xuống hôn lên tay người đẹp và dắt nàng về túp lều tranh của mình.

Tuần trăng mật trôi qua. Chàng trai bắt đầu cảm thấy mệt mỏi vì cứ phải nghe tiếng nói liên hồi của cô vợ. Những ngày sóng yên bể lặng chàng dong buồm ra biển lớn cả ngày thì còn đỡ khổ, gặp khi biển động, phải ở nhà suốt ngày thì tình thế quả là vô phương cứu chữa.

Một hôm, chàng tình cờ cứu thoát nữ thần bể cả khi bà tuần du và mắc cạn trên bãi cát trong lốt một con cá nhỏ. Thần biển đền ơn chàng bằng một điều ước... Chàng ngư phủ mang điều ước ấy về nhà thay cho giỏ cá nặng như thường lệ.

Thấy chồng trở về tay không, cô vợ liền cất tiếng hỏi, câu hỏi này tiếp nói câu hỏi kia khiến anh chồng tối tăm cả mặt mũi. Không cách nào mở miệng trả lời được, anh chồng nổi cáu hét lớn:

- Phải chi mà mỗi lời nói của em mà rớt ra một đồng xu cho tôi nhờ...

Anh chồng vừa dứt lời thì... lèng kèng... lèng kèng... các đồng xu bắt đầu văng tung tóe từ khe miệng vợ xuống nền nhà. Cô vợ kinh ngạc vừa nhặt tiền vừa nói nên chẳng bao lâu các đồng xu đã ngập đến mắt cá chân đôi vợ chồng trẻ. Tình thế bắt đầu nguy ngập khi chiếu chõng tre của đôi vợ chồng sụp đổ trước sức nặng của các đồng xu kềm.

Tờ mờ sáng, chàng ngư phủ vội vã đi tìm thần bể, xin bà giúp anh giải quyết tình thế, anh van xin:

- Khô thân con! Bây giờ ngoài tiếng nói liên tu bất tận của cô ả, con còn phải nghe thêm tiếng rơi lèng kèng nữa...

Thần bể hiện tử bảo:

- Vậy thì, kể từ bây giờ, cứ mỗi câu nói khoảng năm lời của vợ con mới rơi một đồng xu kềm.

Hai hôm sau, chàng trai lại tất tả tìm thần bể than:

- Thưa, số đồng xu vẫn còn nhiều, con gặp phải nó trong bất cứ nơi nào: nồi com, trách cá, ấm nước, niêu tôm... Chỉ đến lúc vợ con ngủ rồi

mà nó còn mớ khiến tiền rơi lộp cộp trên mặt con... Xin ngài giải quyết giùm con ạ!

Thần biển suy nghĩ giây lâu bảo:

- Hãy về bảo với vợ con rằng, nếu cô ta chịu nín nói suốt ngày thì câu nói đầu tiên của cô vào buổi tối sẽ làm rơi ra một đồng tiền bạc.

Ba hôm sau, anh chồng lại tìm đến thần bể thuật lại tự sự:

- Thưa... Cô vợ con đang lâm nguy... vì nín nói nên cô ta bị mắc cam tích, tay chân mình mảy đều sưng phù... Bây giờ thì nom cô ả hệt như một con cá nóc... sắp vỡ bụng tới nơi... xin ngài giải quyết giùm.

Lần này sau 10 phút suy nghĩ, thần bể phán:

- Hãy về bảo với cô ả, cứ mỗi lời nói khôn ngoan là một đồng vàng.

Từ ngày đó, chàng ngư phủ không phải tìm thần biển nữa. Mỗi ngày chàng dong thuyền ra khơi đánh cá, cô vợ ở nhà làm bếp trồng rau và dầm bữa cầm một đồng tiền vàng ra chợ mua gạo. Cô nàng không còn nói nhiều nữa, vì những lời nói khôn ngoan thường là kết quả của một thời gian dài lặng thinh. Những đồng tiền vàng không nhiều và cũng nhờ vậy mà đôi vợ chồng trẻ sống bên nhau thật hạnh phúc. Câu nói cuối cùng của người đàn bà ấy dặn dò thân nhân khi đương sự từ giã cõi đời là:

“Nói là bạc, nhưng im lặng là vàng... người ít nói không phải là người nói ít, mà chính là không nói những lời vô ích.”

Câu nói sau cùng vừa dứt thì ba chục đồng tiền vàng đã văng tung tóe... khắp nơi. Người đàn bà trút hơi thở cuối cùng. Đám tang của bà nghe nói là rất linh đình vì chi phí của nó là ba chục đồng vàng.

---o0o---

Chùm Nho Mơ Ước

Một con cáo đi ngang vườn nho của người. Thấy một chùm nho chín mọng, treo lơ lửng. Cáo thèm rỏ dãi, cố đứng trên hai chân sau, với hai chân trước để hái. Loay hoay hì hục mãi, cáo mệt bỏ hơi tai, thở hồng hộc mà

vẫn chưa nếm được trái nào. Cuối cùng, cáo liếm mép bỏ đi. Cho đỡ tức, cáo ta tự an ủi: “Còn xanh lắm!”

Em thân mến!

Lép Tôn tôi đã kể lại câu chuyện ngụ ngôn trên trong quyển sách học văn của ông. Chuyện chấm dứt khi con cáo bỏ đi, để lại lời bình phẩm “còn xanh lắm.”

Tác giả không nói gì thêm nhưng chúng ta có thể hiểu rằng, nếu với được chùm nho ngon lành đó, cáo ta sẽ không nói như vậy.

Trên thực tế, không có chú cáo nào thốt ra câu nói và có hành động như trên, tương tự như loài người đa sự của chúng ta. Nếu chùm nho “ngũ dục” nằm trong tay ta thì hái được dễ dàng, giá mà ta không mệt nhoài, bỏ hơi tai vì nó... thì có lẽ ta sẽ không thèm thuồng bỏ đi, sau khi hạ một câu: “Độc lắm!” “Dở lắm!” “E lắm!”

Và có lẽ, lâu lâu chúng ta cũng nên cứu xét xem động cơ nào khiến chúng ta đòi “vạn duyên buông hết”, “nhất đao đại đoạn”, “cắt đứt duyên trần”, hoặc “ẩn tích mai danh”... Nhất là, hãy xem mình có cái danh nào để “mai,” để chôn không đã nhé!

Làm sao để biết rằng chùm nho đó “còn xanh lắm,” “ghê lắm” thật sự, rằng ta hoàn toàn cóc cần, không màng đến nó? Dễ lắm, em ạ! Nếu đúng như vậy thì lòng ta sẽ hoàn toàn bình thản, an nhiên khi thấy có kẻ phồng tay trên, chộp được nó đưa lên miệng. Bằng ngược lại, ta sẽ cảm thấy tức giận, bực bội, ganh tỵ... đầy bụng liền.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Ván Cờ Định Mệnh

Đaito là một thanh niên được sinh trưởng từ một gia đình vọng tộc giàu có. Quãng đời tráng thiếu của chàng trôi qua trong nhung lụa, khoa cử cùng các chén rượu nồng ở khắp trà đình tửu điểm. Chưa đến tuổi tứ tuần, Đaito đã cảm thấy dường như mình đã nếm khá nhiều mùi chung đỉnh, danh vọng cùng tất cả những trái ước của trần gian. Chàng đâm ra chán đời, sau một đêm trác táng miệt mài, Đaito rời bỏ kinh thành với hai bàn tay trắng.

Qua mấy tuần trăng tròn non lợi suối, Đaito tìm đến xin học thiền tại một tu viện thời danh. Chàng tham gia nhiệt tình vào trò chơi nói, thức khuya dậy sớm, làm hầu hết những công tác cần thiết của một kẻ tầm đạo sơ cơ.

Năm năm trôi qua, chàng công tử lừng danh của kinh thành đạo nọ đã biến mất... Một hôm, soi mình bên suối, Đaito sững sờ nhìn khuôn mặt xanh xao của một thiền tăng lung linh qua làn nước. Hình bóng chàng y hệt như dáng dấp của các người bạn đồng đạo chung quanh: vàng trán cao và rộng, vài nét nhăn trầm tư cùng những phong thái đặc biệt chỉ có nơi hạng người lánh tục, mà những niềm sầu nỗi khổ của trần gian không làm xao gợn đôi mày yên tĩnh của họ.

Duy có một điều, Đaito chắc chắn rằng chàng hoàn toàn không giống họ, đôi mắt chàng vẫn còn lao xao những ước vọng mơ hồ, tiếng cười giọng nói hãy còn phảng phất những cuộc tìm kiếm mệt mỏi, vô vọng và xa xăm. Đaito chưa đạt được sự bình an, niềm hạnh phúc duy nhất mà các nhà tu được quyền thụ hưởng nơi cõi đời này. Một đêm trăng lạnh mờ sương, không chịu nổi những ray rút mơ hồ đang nặng trĩu cõi lòng, Đaito tìm đến Hòa thượng đường đầu - thầy tế độ của chàng cũng là vị lãnh chúa không ngại vàng của vùng trời thoát tục này.

Hòa thượng lặng yên nghe Đaito kể lể, chàng mô tả tỉ mỉ các con đường mình đã đi qua và ngộ cụt trước mặt. Cuối cùng, chàng kết luận:

- Con không thể đi lại con đường cũ dù đó là con đường mơ ước của hầu hết nhân loại. Con cũng không thể bước vào con đường mới mà các bạn con đang bình thản dạo chơi trên đó, con đang đứng trên một bờ vực... Lòng không hề chờ mong, ước muốn hoàn toàn lạnh nguội... Sự nguội lạnh kinh tởm giống như những năm xưa khi chứng kiến cảnh hoa héo, rượu nhạt trà ôi sau những đêm trác táng, con thấy mình không còn tha thiết gì đến ngũ dục trần gian lẫn niết bàn xuất thế.

Thấy chàng im lặng khá lâu, Hòa thượng hỏi:

- Thế con muốn gì?

Đaito nhẹ giọng, bình thản:

- Con muốn chết!

Sư phụ chàng nhướng mày, ông ngã lưng xuống giường, ra dấu tạm biệt và bảo:

- Sáng mai con đến đây... ta sẽ giúp cho con đi vào cõi chết. Daito vái chào ông lui về. Vừa ra khỏi phòng chàng nghe tiếng ông ngáy như sấm. Đêm đầu tiên trong tu viện, Daito đặt lưng xuống chõng và ngủ liền một giấc hoàn toàn không mộng mị.

Daito giật mình thức giấc khi ánh nắng ban mai tò mò xuyên qua cửa sổ. Các bạn chàng đã lên núi hái trà. Cử chỉ tế nhị của các bạn đồng liêu làm chàng hơi xúc động. Những người bạn nhỏ tuổi biết Daito đang lâm vào một cơn biến động nên họ đã nhẹ nhàng thức giấc, ngồi tĩnh tọa, dùng cơm sáng rồi đi chấp tác, không quên khép nhẹ cánh cửa sổ cho chàng được yên giấc.

Daito tìm đến phương trượng, sư phụ chàng đang ngồi đợi dưới một cội tùng già, bên một bàn cờ là thanh kiếm để trong chiếc bọc làm bằng da cừu. Hòa thượng chỉ tay bảo Daito ngồi xuống một phiến đá bên cạnh.

Bằng một cử chỉ lạnh lẽo và nhẹ nhàng, ông rút thanh gươm ra khỏi vỏ. Daito rùng mình, ánh thép sáng và lạnh như một làn gió mùa đông. Hòa thượng cất tiếng nói giọng chậm rãi, uy nghiêm:

- Lúc ta còn ở kinh thành, hoàng thượng có ban cho ta thanh kiếm này. Uy quyền của nó là... uy quyền của người nhận nó là “tiền trăm hậu tấu...”

Ông tra gươm vào vỏ, bảo Daito:

- Ta nghe phong phanh rằng trước khi vào tu viện con là một tay cờ vô địch?

Daito chấp tay cúi đầu. Hòa thượng tiếp:

- Hãy ngồi xuống và đánh một ván cờ bằng sinh mạng của chính con...

Daito ngơ ngác đưa mắt nhìn quanh... đến giờ phút này chàng mới khám phá ra sự hiện diện của nhân vật thứ ba, y đã đến lặng lẽ như một tia nắng. Gương mặt trong sáng an tĩnh của đối thủ làm Daito khó chịu.

Chàng ngồi xuống tảng đá phủ rêu, vừa bày cờ vừa quan sát người mới đến.

Đó là một thanh niên chưa đến 30 tuổi, gương mặt khá thanh tú. Bộ y phục nhà tu đơn sơ làm tăng thêm vẻ thanh thoát của một gương mặt có nhiều dáng dấp trẻ thơ...

Hai đối thủ chấp tay vái chào nhau và vào cuộc. Đaito nhận ra đối thủ không phải là ai đâu xa lạ mà chính là vị sư huynh lừng danh của mình, thường được các thiền tăng trong tu viện nhắc đến bằng một giọng kính phục. Vị tu sĩ trẻ tuổi này là người môn đệ ung ý nhất của Hòa thượng. Anh ta được đặc cách hạ sơn đi bố giáo khắp nơi, thỉnh thoảng mới về hầu thăm sư phụ, đến âm thầm và đi lặng lẽ như nhau... Suốt năm năm nội trú, Đaito chỉ thấy tà áo của vị thiền sư này thấp thoáng dưới ánh trăng có đôi ba lần. Dưới ánh nắng mai nom ông ta có vẻ trẻ trung và tầm thường hơn uy danh của ông.

Đaito di động quân cờ một cách chậm rãi, đối thủ của chàng có một nước cờ khá điêu luyện. Đôi bàn tay tài hoa của anh ta trông có vẻ giống họa sĩ hơn là người chơi cờ. Nhìn đôi tay nhẹ nhàng của chàng trai trẻ tuổi cùng những nước cờ giản dị Đaito sức nhớ đến quãng đời niên thiếu của mình, khi mắt hãy còn trong ngôi sồi kính nấu sủ bên đèn, trong khi hoa trạng nguyên nở đỏ ngoài sân. Đaito lại thấy bồi hồi cảm xúc... ngưng ngừng ném phong thơ tỏ tình đầu tiên vào vườn hoa của nàng thiếu nữ con quan tổng đốc... Và cứ thế, từng quãng đời trôi qua lần lượt sống dậy trên ván cờ định mệnh. Cho đến lúc giật mình sức tỉnh, Đaito bắt gặp mình đang ở trong một tình thế hết sức nguy ngập. Chàng cảm thấy luồng nhân quan lạnh lùng của Hòa thượng đang di động trên cổ mình. Có lẽ ông ta chọn chỗ để đưa thanh gươm đi cho ngọt.

Đaito đưa mắt nhìn đối thủ, gương mặt y vẫn bình thản đến độ dễ ghét, viền môi thanh tú của y còn đọng mơ hồ một nụ cười... Đaito cảm thấy giận dữ, mồ hôi đầm lưng, nhưng chàng biết mặt mình đang đỏ bừng. Con giận bừng sôi khiến chàng đâm ra khao khát được thấy chiếc đầu lâu của đối thủ lăn long lóc trên mặt đất đầy rêu.

Thời gian trôi qua... Mặt trời đã chệch về phía tây... Ngoại trừ đôi bàn tay di động, cả ba người đều im lặng như tượng đá... Đaito sững sờ khi khám phá ra chàng chưa muốn chết, mà ngược lại chàng còn tha thiết sống hơn bất cứ con người nào trên trần gian này. Bỗng dưng chàng cảm nghiệm

được tất cả những vẻ đẹp mê hồn kỳ ảo của cuộc sống. Thật là lạ lùng khi dưới ánh mặt trời, mỗi đóa hoa đều có một màu sắc đường nét riêng, cả đến những loại hoa bờ cỏ bụi, thạch thảo, dây leo đều góp mặt bằng sự sáng tạo độc đáo, cá biệt như đã tuân theo một sự sắp xếp màu nhiệm...

Làm thế nào có thể chán ghét cái trần gian thơ mộng này? Đaito có cảm tưởng như mình là một thiếu niên mới lớn, cùng chơi đùa nghịch ngợm mới các cô bạn gái đồng trang lứa... thì bỗng nhiên thân ái tình hiện đến. Các cô gái đều rực rỡ huy hoàng với những hương sắc thắm kín cá biệt khiến chàng ngây ngất... Chàng đã sống trên cõi đời này hơn 40 năm, luôn luôn gấu ó, tranh giành, càu nhàu một cách xuẩn ngốc với ngoại cảnh. Mãi đến hôm nay trong ván cờ định mệnh, khi tánh mạng chàng như sợ chỉ mảnh thì Đaito lại cảm thấy choáng voảng, ngất ngây với cái trần gian kỳ ảo mà mới đêm qua chàng hãy còn ghét bỏ. Đaito biết rõ chàng phải làm gì... Chàng phải sống với bất cứ giá nào... Khi ván cờ kết thúc phải có một chiếc đầu rơi xuống, chiếc đầu ấy nhất định không phải là của Đaito.

Chàng kỳ thủ lòng danh của kinh thành đã hồi sinh. Bàn tay của Đaito di động một cách điêu luyện và tự tin. Nước cờ của chàng trẻ tuổi bắt đầu rối loạn. Đaito đưa mắt nhìn đối phương, đôi mắt mày dài lưỡi kiếm của y vẫn bình thản, hai cánh mũi bất động một cách lạnh lùng chứng tỏ hơi thở y vẫn đều đặn... Đôi hàng mi rậm của y rủ xuống che khuất nửa cặp mắt trong xanh.

Lòng Đaito chùng lại... Trong quăng đường cũ chàng đã bỏ rơi hàng chục đứa trẻ thơ. Những đứa trẻ gọi chàng bằng cha nếu còn sống sót có lẽ đã bằng tuổi vị thiên tăng tài hoa này. Đaito bỗng co rúm người lại vì xấu hổ. Bên cạnh chàng tuổi trẻ sáng ngời như một viên ngọc, Đaito thấy mình chỉ là con sâu róm gớm ghiếc. Có nên đem cái mạng sống không đáng giá đồng xu của mình để đánh đổi một ngọn hải đăng của nhân loại hay không?

Đaito thở dài... Chàng đưa mắt nhìn ánh hoàng hôn đang hồi hả trên đọt tùng bên kia thung lũng, gởi lại trần gian lời chúc tốt đẹp nhất qua một hơi thở nồng nàn, rồi đưa tay mở một sinh lộ cho đối thủ.

Ván cờ đã đi đến cuối điểm. Đaito khép mắt lại nhưng vẫn nghe tiếng chân sư phụ mình đi đến gần, lưỡi thép sáng và lạnh như sương chiều. Chàng cảm thấy làn gió mát rười rượi khi vị sư hươi lưỡi gươm lên. Lòng chàng vẫn bình thản... “Phụp!” Đaito mở mắt ra, chàng ngỡ khi thấy mình chưa chết... Trước mặt chàng, bàn cờ bị chẻ đôi, vết chém ngọt và

sắc. Tiếng nói của Hòa thượng trầm ấm, uy nghiêm trong khi làn sương mù bắt đầu dày đặc:

- Trong ván cờ định mệnh, Đaito đã đi lại những nẻo đường xưa cũ của mình. Sau đó là sự bực tức ganh tỵ, thù hằn... Nhưng cuối cùng, khi nắng chiều sắp tắt, hoa từ bi đã nở trong lòng con. Đóa hoa ấy đã mọc lên từ mảnh đất ưu phiền tuyệt vọng, và chắc chắn sẽ kết quả vào một ngày không xa lắm. Mỗi vị Phật đều được bắt đầu như thế đó Đaito ạ!

Đaito ở lại tu viện và chẳng bao lâu, chàng đạt được những cái gì mà chàng đã bỏ quên.

Riêng vị thiền tăng trẻ tuổi thì Đaito vẫn chỉ thấy được tà áo rộng bạc màu của ông ta, thấp thoáng trong các cội tùng xanh lá, trong những đêm trăng lạnh mờ sương vì bao giờ con người ấy cũng đến âm thâm và đi lặng lẽ...

---o0o---

Ba Tội Đáng Chết

Tề Vương có con ngựa quý chẳng may bị bệnh chết. Vua tức giận, truyền lệnh phanh thây quan giữ ngựa. Quan tướng quốc là Ân Tử thấy vậy tâu:

- Muôn tâu, vua Nghiêu vua Thuấn lúc xử tội người phanh thây, chẳng rõ các ngài phanh từ đâu trước?

Tề Vương ngơ ngác, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi truyền giam tội phạm vào ngục.

Ân Tử lại thưa:

- Tên tội đồ này chưa rõ tội trạng của nó, xin bệ hạ cho phép thần kể tội để hãn khỏi kêu oan.

Vua đáp:

- Phải

Ân Tử bảo:

- Nhà người có ba tội đáng chết:
 1. Đúc vua sai nuôi ngựa để ngựa chết
 2. Đó là một loài ngựa rất quý.
 3. Làm cho nhà vua mang tiếng là vì một con ngựa mà giết chết một mạng người.

Tội trạng nhà người như thế thật là đáng xử tử. Chỉ hiềm một nỗi là người chết đã yên thân mà để lại cho thiên hạ vì lỗi lầm của nhà người, khinh oán đức vua...

Tề Vương nghe đến đây ngậm ngùi than:

- Thôi, tha cho nó! Kéo ta lại mang tiếng bất nhơn...

Em thân mến!

Krishnamurti có nói: “Trong mỗi tương giao với tha nhân, ta chỉ giữ lại sự tương giao nào có lợi cho ta mà thôi.” Câu nói này nghe nói trái tai mà lại đúng biết mấy.

Vua Tề định phanh thây quan giữ ngựa vì ông ta không làm như ý, thiệt hại cho nhà vua. Đến khi nghe lời Ân Tử nói, giết tên giữ ngựa lại làm thiệt cho uy danh của mình, vua mới chịu tha. Lời can của Ân Tử thật là khôn khéo, nhưng biết kèm chế được cái khí giận đang sôi sục, nuốt hờn mà tha thứ như Tề Vương không phải là một chuyện dễ làm. Vì thế, đây là một câu chuyện thuộc thế gian giới nhưng cũng đáng cho hàng nạt tử chúng ta suy gẫm vậy.

---o0o---

Hoa Vương

Ngày xưa ngày xưa, có vị minh quân cai trị một vương quốc thanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ một điều bất như ý là dù tuổi đã khá cao, nhà vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được một hoàng nam nối dõi.

Một bữa tốt trời, đức vua cho yết bảng, truyền lệnh với các đồng tử, tuổi từ lên 7 đến 12 vào sân rồng cho ngài tuyển chọn người kế nghiệp. Các thân dân của đức vua trong lứa tuổi ấn định lần lượt kéo nhau về kinh đặng

ký... Bất kể gia tộc, giàu nghèo, sang hèn, mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về, tự tay gieo trồng, chăm bón... Đến bao giờ hạt giống nảy mầm, nứt lộc đâm chồi, ra nụ, kết hoa... thì sẽ mang đến hoàng cung dự thi. Ngày khảo thí được ấn định vào đêm trăng rằm tháng tám. Chậu hoa nào được đức vua và hoàng hậu chấm giải nhất thì người gieo trồng đó được vào cung làm hoàng tử, người sẽ kế vị đức vua lên ngôi cửu ngũ sau này.

Cái ngày chờ đợi đó đã đến. Vườn ngự uyển chật đầy các lồng hoa không chệ vào đâu được... nhưng đức vua và hoàng hậu xem chừng vẫn chưa hài lòng, vừa mắt.

Sau cùng, một chú bé khoảng lên tám, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào gặp đức vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú bé khur khur ôm cái chậu đất nung chứa đầy phân và đất mịn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:

- Muôn tâu! Con đã gắng hết sức mình. Con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, đặt vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào chậu thứ phân hoai nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức vua ban cho con vào đó. Con đã phơi sương, ủ nắng và tưới nước cho nó. Vậy mà, nó không chịu nứt cái mầm nào cả...

Nghe đến đây, nhà vua không giấu được nỗi xúc động, Ngài bước xuống ngai, ôm chầm lấy chú bé dân giả, reo lên:

- Ôi, con chính là vị hoàng tử mà ta và toàn thể thần dân chờ mong...

Mọi người đều kinh ngạc lẫn bất bình. Đức vua vuốt râu, mỉm cười giải thích:

- Tất cả hạt giống trước khi trao cho thí sinh đều đã được hấp chín nên nó chỉ có thể nở một đóa hoa vô hình nhưng trung thực mà thôi!

Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bần của chú bé, nhà vua tiếp:

- Đóa hoa ấy đã đâm chồi nảy lộc trong có mỗi một chiếc chậu này mà thôi. Con người đã gieo trồng được loài hoa ấy nhất định sẽ là vị minh quân mà đất nước chúng ta chờ đợi.

Đức vua đã không lầm trong sự lựa chọn ấy.

---o0o---

Người Đánh Xe

Người đánh xe cho quan tướng quốc Ấn Anh có một người vợ trẻ, đã xinh người lại đẹp nét.

Bữa nọ, người đánh xe về nhà gặp cô vợ đang thu xếp tư trang cho vào tay nải. Ngạc nhiên, bác vặn hỏi, cô vợ buồn rầu đáp:

- Tôi chuẩn bị về nhà cha mẹ tôi...
- Sao thế?
- Tôi xấu hổ quá đi mất!

Bác đánh xe cuống quít căn vặn mãi, cô vợ mới đáp:

- Khi sáng có việc ra chợ, tôi nom thấy mình ngồi đánh xe cho quan tướng quốc. Mặt mũi mình vênh váo, quát mắng ốm tỏi, vung voi vi vút ra bộ dưới gầm trời này không ai bằng mình...

- Thế, mình tưởng tôi không có chức vị gì đây phỏng?

- Vâng, tôi biết. Chức vị của mình là bác tài đánh xe cho quan tướng quốc. Tôi nom thấy quan tướng quốc ngồi trong xe với một dáng vẻ nhũn nhặn, khiêm tốn... nên tôi xấu hổ thay cho mình...

Bác đánh xe cũng là một người tốt nên bác nhận lỗi hứa sẽ sửa chữa. Hôm sau, thái độ mềm mỏng của bác ta làm cho tể tướng ngạc nhiên, ông dò hỏi, biết rõ nguyên do và cho trọng thưởng vợ người đánh xe.

Em thân mến!

Câu chuyện ngắn trên đây có ba hình ảnh thật đẹp. Đó là gương mặt khiêm tốn và nhân hậu của quan tướng quốc, sự khuyên can tế nhị và sáng suốt của người vợ hiền cùng sự sửa sai hiếm có của bác đánh xe. Có lẽ nhờ thế mà câu chuyện được ghi vào sử sách và còn truyền tụng cho đến ngày nay.

Trông người lại gãm đến ta, tôi và em đôi khi cũng hành động trơ trên như bác đánh xe nọ. Cao tóc, khoác y vàng... chúng ta tự xưng là Phật tử... rồi cũng vênh váo, ngạo mạn, coi mình là cái rún của vũ trụ... là một nhân vật quan trọng nhất thế giới, trong khi đức đạo sư, người được nhân loại kính ngưỡng lại là người từ thuở lâu xa đã tu hành Thường Bất Khinh Bồ Tát...

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Công Chúa Xử Kiện

Thuở xưa, có ba anh em trai cùng thừa hưởng gia sản của cha mẹ họ để lại. Vốn tin cậy và thương yêu nhau, họ không phân chia tài sản mà cùng chung hưởng...

Được ít lâu người anh cả chợt khám phá ra rằng viên ngọc quý, gia tài chung của ba người bỗng nhiên biến mất. Ba anh em đồng ghi nhận rằng, ngoài họ ra, không ai có thể đánh cắp viên ngọc và ai cũng lặc đầu lên án thủ phạm cả. Nội vụ được đưa lên huyện tỉnh, rồi triều đình... mà vẫn chưa tìm ra manh mối.

Quốc vương của họ có một nàng công chúa trẻ tuổi, rất mực thông minh. Biết được sự bế tắc của vụ án, công chúa xin phép cha cho nàng được làm quan tòa xử kiện. Đức vua bằng lòng, công chúa bèn mặc áo thẩm phán, ngồi ghế quan chánh thẩm và xét khẩu cung ba người tình nghi. Họ đều nhất trí rằng một trong ba anh em, phải có một kẻ đánh cắp viên ngọc. Công chúa bèn kể cho họ và đình thần nghe một câu chuyện cổ tích. Chuyện rằng:

“Ngày xưa ngày xưa, có một công chúa nhỏ. Mỗi ngày, bác giữ vườn đều tặng cô một đóa hoa hồng đỏ thật xinh xắn. Công chúa thường nhận đóa hoa với một nụ cười và câu nói đã thành thông lệ: “Ngày nào ta về nhà chồng ta sẽ đến nhà thăm bác với một đóa hoa hồng bằng vàng.”

Bác làm vườn chỉ mỉm cười, vái chào công chúa rồi ra về. Nét mặt và nụ cười của bác khiến công chúa đoán rằng bác không tin mình nói thật. Vì thế công chúa giận dỗi bảo:

- Rồi bác xem, ta sẽ đến ngay đêm tân hôn và chỉ đến một mình.

Ngày tháng dần qua, đã đến ngày công chúa về nhà chồng. Trong đêm tân hôn, công chúa thủ thỉ kể lại lời hứa năm xưa với vị phò mã và xin phép chàng cho mình giữ tròn lời hứa. Vị tân lang bằng lòng... Công chúa bèn lên ra vườn ngự uyển một mình trong y phục cô dâu và một đóa hồng vàng trên tay.

Trên đường đi công chúa gặp một tên cướp, hấn chặn đường đòi giết nàng và cướp nữ trang.

Công chúa kể lại câu chuyện, van xin hấn cho phép nàng làm tròn lời hứa rồi bặt về sẽ hành động tùy thích. Tên cướp bằng lòng, công chúa lại tiếp tục lên đường.

Được một đoạn, nàng gặp một con cọp đói, cọp đòi ăn thịt công chúa... Nhưng rồi cũng giống như tên cướp, con cọp gia hạn cho công chúa được sống đến lượt về.

Công chúa đến nhà bác giữ vườn, bác ta nhận đóa hồng vàng mà nước mắt rung rung vì xúc động. Bác tình nguyện đưa công chúa về hoàng cung với những đóa hồng đẹp nhất trong vườn. Thấy bóng dáng vạm vỡ của bác, con cọp cùng tên cướp đồng trốn mất.”

Kể xong câu chuyện, công chúa bèn hỏi ý kiến ba anh em về các nhân vật trong đó, ai là người có tâm hồn bao dung, rộng lượng nhất.

Người anh cả đáp:

- Tâu công nương, đó là vị phò mã... Một tâm hồn nhỏ nhoi không thể nào cho phép vợ mình mới cưới đi như thế được...

Người thứ hai bảo:

- Đó là con cọp, nó đã chiến thắng cái đói.

Người em út:

- Đó là tên cướp, hấn đã chiến thắng lòng tham.

Công chúa bèn hỏi lại người anh cả:

- Người có vợ rồi chứ?

- Thừa đã có.
- Thế còn các em người?
- Thừa, chưa ạ!

Công chúa hỏi người thứ hai:

- Có phải bình thường, người là một kẻ phàm ăn?

Người anh cúi đầu, hai người kia xác nhận là đúng. Công chúa bèn kết luận:

- Người anh cả đã ca ngợi phò mã vì anh ta đứng cương vị một người chồng, người thứ hai ca ngợi con cọp vì anh ta là kẻ phàm ăn, người thứ ba ca ngợi tên cướp... vì anh ta là kẻ trộm ngọc... Thông thường, ta hay ái mộ ca ngợi kẻ nào đồng khí với mình... Có phải thế không nào?

Người em út đành thú nhận rằng anh đã lấy viên ngọc. Mọi người vỗ tay vang rền để ca ngợi nàng công chúa xử kiện.

Em thân mến!

Vậy thì... hóa ra khi chúng ta ái mộ, ca tụng thần tượng... một nhân vật nào đó, không phải vì những đức tánh cao thượng của họ, mà chỉ vì họ đã có những cái... tật giống hệt ta. Chuyện khó nghe và khó tin, nhưng có thật, phải không nào?

---o0o---

Phần 8

Những Con Ngựa Dữ

Phật ví những người hung dữ trong môn đệ Ngài giống như những con ngựa dữ khó điều phục. Đó là:

1. Hạng người khi được bạn bè chỉ lỗi lầm cứ chối bai bãi bảo: “Tôi không nhớ, tôi không nhớ.” Giống hệt con ngựa dữ bị tra

hàm thiếc và quất roi da vào mông, mà vẫn còn hục hặc không chịu đi.

2. Hạng thứ hai, khi được chỉ lỗi, bèn đứng làm thinh không nhận cũng không chối, giống như con ngựa dữ đứng dựa gọng xe không chịu đi.

3. Hạng thứ ba là vị tu sĩ khi bị chỉ lỗi, liền hỏi lại người chỉ lỗi mình: “Huynh cũng phạm lỗi như tôi, sao dám chỉ lỗi tôi,” giống như con ngựa dữ ngã nhào xuống đất, trầy đầu gối, gãy gọng xe.

4. Hạng thứ tư là loại người phản ứng bằng cách quạt lại người chỉ lỗi mình: “Đồ ngu! Phận huynh còn phải nhờ người chỉ bảo, sao dám lên mặt dạy tôi,” giống như con ngựa dữ cứ thụt lui không chịu bước tới.

5. Hạng thứ năm là kẻ hay nói trớ sang chuyện khác, đem lòng thù hiềm, oán hận người nhắc nhở mình. Như con ngựa dữ chạy bừa vào đường hiểm, làm cho xe bể bánh, gãy trục.

6. Hạng thứ sáu, là kẻ không sợ tội lỗi, không ngán chúng tăng, không cho ai chỉ lỗi, lấy đồ bỏ đi. Giống như con ngựa dữ bất kể nài và roi, ngậm hàm thiếc chạy càng vô phương kềm chế.

7. Hạng thứ bảy phản ứng bằng cách lộn ngược y, đứng giữa hội chúng, khoa tay nói lớn: “Ai cho phép mấy người dạy khôn tui?” như con ngựa dữ, dựng ngược hai chân và sùi bọt mép.

8. Hạng thứ tám, thuộc loại dữ dằn nhất, nói ong óng: “Mấy người có cho tôi y bát, tọa cụ, thuốc men không mà dám sửa sai tui?” Nói xong chưa hả giận còn xả giới, lột y vứt bên đường nghênh mặt hỏi chúng tăng: “Tôi đã hoàn tục rồi, mấy người vừa lòng hả hạ chưa?” Hạng người này, giống như con ngựa dữ nằm bẹp giữa đường.

Kể xong về tám loại người hung dữ trên, đức Phật khuyên hàng môn đệ của Ngài nên dễ dạy, bình tĩnh khi nghe người ta nhắc nhở mình dù lời chỉ dạy đó đúng hay sai, đều nên giữ lòng bình thản và chân thật. Riêng người chỉ lỗi cho bạn phải biết đúng thời đúng lúc, nói năng dịu dàng nhỏ nhẹ và nhất là thật tâm yêu thương muốn giúp đỡ bạn bè chứ không vì ganh tỵ, ghét bỏ.

Xong Phật kết luận:

“Này các tỳ kheo, ta đã nói đầy đủ, đằng kia là các cội cây, các hang trống. Các ông nên đến đó mà tọa thiền, chớ có buông lung mà về sau hối tiếc không kịp. Đây chính là lời nhắn nhủ của ta với các ông.”

---o0o---

Chú Đĩa Vô Tội

Một cô gái phố thị về thôn quê chơi, rong bờ ruộng bụi thế nào mà chiều đến, cô mang cổ chân ra hỏi người em trai:

- Nơi chân chị có gì đen đen trong thật lạ?

Cậu em cười to bảo:

- Đĩa đó! Chị chưa thấy nó bao giờ sao?

Nghe chưa dứt câu, cô gái đã té xỉu vì kinh hãi.

Em thân mến!

Công bình mà nói chú đĩa hoàn toàn vô tội trong việc gây kinh hãi cho cô gái, vì nếu chú là tác nhân duy nhất thì ngay khi bị chú đeo, lúc vừa nom thấy chú, chưa biết tên và lai lịch của chú đĩa, thì cô đã phải ngất xỉu liền. Đằng này, cô ung dung mang chú về nhà, đem giới thiệu với cậu em một cách rất bình tĩnh thoải mái. Cho đến lúc nghe tên con vật là đĩa, cô gái mới chịu ngất xỉu thì quả... đúng là – tác nhân chính làm cô sợ hãi chính là sự tưởng tượng phong phú, vốn liếng kinh nghiệm của cô về chú đĩa, hơn là chính bản thân “hiền lành” của chú. Có phải thế không nào? Cũng thế khi chúng ta nghe những danh từ, tự thân của chúng – không có danh từ tốt hay xấu mà chính chúng ta, người sử dụng gán cho nó những ý nghĩa tốt hay xấu mà thôi. Do đó, với những âm thanh đồng một tính chất hư huyền mà có danh từ làm chúng ta vui tươi phấn khởi, có danh từ làm chúng ta mệt mỏi chán nản. Như danh từ “vô học” có nghĩa chê trách đối với thế gian nhưng lại có nghĩa tán thán đối với Phật học. Thấu đáo rõ được điều này để có thể tùy thuận chúng duyên mà vẫn “vô quái ngại,” bình thản gỡ chú đĩa đang đeo trên chân mình mà không bị... ngất xỉu, tức là hành đạo đó, em ạ!

Thế thì, tôi có thể đặt tên cho bài này là “Chú đĩa vô tội” rồi chứ?

---o0o---

Thế Nào Là Thượng Tọa

Thuở ấy, đức đạo sư đang ngự tại tinh xá Kỳ Viên. Mai sớm, có 30 vị tỳ kheo từ Câu Thi Na đến yết kiến Ngài. Lúc mới vào tinh xá, nhóm sa

môn này gặp một chú tiểu ra vái chào họ. Sau khi đánh lễ đức đạo sư, đoàn sa môn lui ngồi một bên. Phật hỏi họ:

- Sáng giờ, các thầy có gặp một vị Thượng tọa vừa rời khỏi nơi đây không?

Các thầy sa môn đồng thưa:

- Bạch Thế Tôn, không ạ!
- Các thầy không gặp ai cả sao?
- Thưa, chúng con có gặp một chú tiểu chưa đến 20 tuổi....
- Này tỳ kheo! Vị ấy không phải là một chú tiểu. Đó chính là bậc Thượng tọa mà ta muốn nói.
- Nhưng... chú ấy còn quá trẻ, thưa Thế Tôn.
- Này tỳ kheo! Ta không gọi ai là Thượng tọa vì tuổi tác, vì họ được ăn trên ngôi trước hay đã xuất thân từ dòng dõi danh gia vọng tộc. Chỉ có người nào thấu đạt chánh pháp, cư xử tốt với mọi người, ta mới gọi vị ấy là Thượng tọa.

*Dù tuổi cao mà bạc
Không tịnh hạnh tu trì
Tôn xưng là Hòa thượng
Danh suông chớ ích chi?*
(PC 260)

*Những ai thấu chánh pháp
Tự điều phục thân tâm
Thanh tịnh không nã hại
Mới đáng gọi thượng nhơn*
(PC 261)

Người Được Ca Ngợi

Thời Phật còn tại thế, có một vị lão tăng ẩn cư trong rừng sâu, người ta gọi ngài là Hòa thượng Nhất Cú vì ngài chỉ biết đọc nhất có một câu kệ. Đó là câu:

“Sa môn nào với tư tưởng thanh cao, tinh tấn luyện mình trong sự yên lặng thì vị ấy sẽ được an tịnh, thông suốt và không còn phiền não.”

Vào những ngày Bồ tát, vị lão tăng chỉ đọc câu kệ ấy và được chư thiên trong vùng tán thán bằng những tràng pháo tay vang rền.

Một hôm, cũng vào ngày Bồ tát, có hai vị tỳ kheo thông suốt tam tạng cùng đi với một hội chúng đông đảo đến khu rừng ẩn cư. Hòa thượng Nhất Cú vui vẻ tiếp họ và cầu thỉnh:

- Các tôn giả đến đây thật quý hóa! Xin quý vị đọc luật cho tôi và chư vị nơi đây cùng nghe!

Các vị khách ngạc nhiên:

- Nhưng ngoài thầy ra, khu rừng này còn có thêm ai nữa đâu?

- Có chứ! Vào những ngày tuyên giới, khu rừng này vang dội tiếng vỗ tay của chư thiên.

Sau khi phân tòa, một vị tỳ kheo bắt đầu đọc luật và vị kia giảng rộng ra, nhưng chẳng có ông trời nào chịu vỗ tay cả. Các tỳ kheo khách đều ngạc nhiên:

- Thế này là thế nào?

Lão tăng cũng thắc mắc:

- Mấy bữa trước họ đều vỗ tay, sao hôm nay lạ vậy cả? Được rồi, thưa các tôn giả, để tôi đọc thử coi!

Tôn giả Nhất Cú bèn đọc câu kinh thường nhật và chư thiên lại vỗ tay vang rền.

Nghe vậy, hai tỳ kheo khách cùng toàn thể đồ chúng tùy tùng rất bất bình.

- Chư thiên ở vùng này quả là có lòng thiên vị. Khi người ta giảng suốt về giáo pháp thì họ im lặng, không một tiếng tán dương. Vậy mà khi vị lão tăng này chỉ đọc có một câu thì họ lại hoan hô ầm ĩ.

Các tỳ kheo trở về bạch Phật tự sự. Nghe xong, đức đạo sư dạy:

- Nay các tỳ kheo! Ta không gọi ai là người thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đã đọc nhiều kinh điển. Nhưng kẻ nào, dù chỉ biết một câu, hiểu rõ như thật, theo đó hành trì, ta mới gọi kẻ ấy là người thông suốt kinh điển.

Nói nhiều lời hư vọng
Thêm huyền hoặc cuồng si
Học ít nhưng tâm đắc
Mới là bậc hộ trì.
(PC 259)

---o0o---

Bài Thơ Của Phật

Thời Phật tại thế, ở kinh thành Xá Vệ có một vị Bà La Môn giàu có. Gia sản của ông gồm bốn thằng con trai và 8000 đồng tiền vàng. Khi các con ông khôn lớn, vị Bà La Môn thành lập gia thất cho chúng và chia phần mỗi đứa 1000 đồng tiền vàng để làm vốn sinh nhai. Khi bà vợ ông từ trần, đám con bây giờ đã ra riêng, họp nhau lại bàn tán:

- Nếu cha mình cưới vợ khác, gia tài còn lại chắc chắn sẽ rơi vào tay mấy thằng con trai giòng thứ, chi bằng chúng ta luân phiên chăm sóc cha để hưởng trọn số gia sản.

Bàn tính xong, bốn thằng con cắt nhau hầu hạ ông cụ rất mực chu đáo. Đám con dâu cũng tranh nhau dâng món ngon vật lạ, thay đổi y phục và chăm sóc cha chồng mỗi bữa. Những sự kiện đó khiến ông cụ rất đẹp lòng.

Một hôm, bốn thằng con cùng đến tụ tập ở chân giường, chờ ông lão thức giấc dù lúc đó trời đã sáng lăm rồi. Khi ông Bà La Môn vừa thức dậy, đám con tranh nhau hầu hạ, rửa mặt lau tay, đấm bóp cho ông. Trong khi người cha dùng điềm tâm, chúng nhỏ nhẹ khuyên ông nên dành hết quãng đời còn lại để tu tâm dưỡng tánh. Phần chúng sẽ thay nhau phụng dưỡng cho ông được rảnh rang tu tập.

Trước những tấm lòng chí hiếu ồn ào đó, ông Bà La Môn rất hài lòng và cảm động, nên chia nốt phần gia sản còn lại cho bốn đứa con. Phần mình, ông chỉ giữ lại bộ y phục đang mặc trong người. Đám con ông cũng hài lòng và xúc động không kém. Chúng hôn chân cha, cắt phiên hầu hạ và phụng dưỡng ông Bà La Môn.

Ngày tháng dần qua trăng tròn rồi khuyết, đám con trai ông Bà La Môn viện cớ bận việc túi bụi, giao hẳn sự chăm sóc ông cha cho mấy mẹ vợ của họ...

Được ít lâu, đám dâu quý lại viện lẽ bận bịu con cái nên giao phần phụng dưỡng cha chồng cho đám gia nhân trong nhà.

Đám gia nhân viện cớ bận tối mắt tối mũi về công việc nhà cửa, mùa màng, gia súc, tiệc tùng, nên mỗi ngày, người ta thấy ông lão Bà La Môn bảy giờ đã ốm yếu, y phục tả tơi, thất thểu gọi công nhà từng đứa con một... Giọng nói yếu ớt của ông bị chìm mất giữa tiếng sủa inh ỏi của đám chó canh công nên cuối cùng, vừa đói vừa giận ông lão cầm gậy, lê chân đi xin ăn khắp nơi... Không ai biết được ông lão hành khát ốm yếu dơ bẩn kia, có thời đã từng là chủ nhân của một gia sản kếch sù, có đến bốn đứa con trai, cả chục bà dâu và hàng tá cháu nội.

Một hôm trên đường đi khát thực, vừa đói vừa mệt ông lão ngã quy bên vệ đường. Trong giờ phút tuyệt vọng ông chợt nhớ đến những lời đồn đãi về một đấng giác ngộ.

“Người ta bảo rằng sa môn Cồ Đàm có một dáng dấp từ hòa, vẻ mặt chân thật và cởi mở. Thái độ đối đãi của ngài thật mát lòng, ngài đón tiếp mọi người đều thân thiện và bình đẳng như nhau! Có lẽ đó là người duy nhất sẽ đón tiếp ta một cách thân thiện trên cõi đời này chăng?”

Ông lão liền nhồm dậy, chống gậy lê chân đi tìm Phật. Đến nơi, ông chào Phật và lui về một bên. Đức đạo sư đón chào ông cụ với vẻ hoan hỷ cố hữu của ngài, ngài thân ái hỏi:

- Nay cụ Bà La Môn! Vì sao cụ đến đây với vẻ tiêu tụy và quần áo rách tả tơi thế này?

Ông lão rơi nước mắt:

- Thưa ngài Cồ Đàm! Tôi có bốn đứa con trai giàu có, nhưng đứa nào cũng nghe lời vợ, hắt hủi và bạc đãi tôi... Tôi đành bỏ nhà đi lang thang, vì thà rằng nhận sự bạc đãi của kẻ bàng quan hơn là sự dẫn xéo của những người thân thuộc.

- Nay ông cụ! Ngày trăng tròn đến đây, dòng Bà La Môn và vua qua sẽ họp mặt với nhau, trước đông đảo quần chúng. Ông cụ hãy gắng học thuộc bài thơ sau đây và xin đọc nó trước đại hội. Đám con ông thế nào cũng phải thay đổi cách cư xử:

“Chúng là những người khi sinh ra
Tôi mừng vui tôi hy vọng.
Vậy mà chúng nghe lời vợ
Đuổi tôi ra khỏi nhà
Như đuổi con chó già vô dụng.
Giả dối thay! Vô ích thay!
Khi chúng thủ thi:
Cha thân yêu! Cha thân ái!
Ma quỷ nào đội lột con tôi
Bỏ rơi tôi lúc tuổi già?
Như con ngựa già bị bỏ đói
Làm cha lũng u phải đi xin ăn từng nhà
Một cây gậy còi
Còn có ích hơn lũ con bất hiếu
Trong đêm tối
Cây gậy dẫn đường
Trong vũng nước bùn sinh
Cây gậy đỡ chân...”

Ông Bà La Môn học thuộc lòng bài thơ và ra về. Đến ngày hội, đám con ông lão cũng có mặt. Chúng ăn mặt sang trọng, đeo đầy đồ trang sức và được ngồi ghế danh dự giữa cuộc họp. Thật là một cơ hội hiếm có. Ông lão len vào giữa hội nghị, vái chào mọi người thưa:

- Tôi muốn đọc một bài thơ, xin quý vị cho phép.

Sau bữa tiệc no say mọi người đều hoan hỷ, tưởng ông lão định ngâm thơ giúp vui nên họ liền đồng ý:

- Cứ đọc đi, ông già!

Ông lão đứng giữa đám đông, đọc lớn bài thơ đã học. Giọng đọc khàn khàn cùng hình dung tiêu tụy của ông khiến ai cũng xúc động và phẫn nộ.

Sau khi tìm hiểu rõ tự sự, chiếu theo luật pháp hiện hành, những đứa con được thừa hưởng gia tài mà không phụng dưỡng cha mẹ đều bị tuyên án tử hình. Hội chúng đồng ý xử tử bốn thằng con bất hiếu. Lũ con ông hoảng hốt, nhào đến ôm chầm chân cha, khóc rống lên:

- Cha ơi! Cứu con với!

Tấm lòng người cha mềm lại, ông lão đứng ra xin bảo lãnh đám con:

- Xin quý tòa khoan hồng! Bầy trẻ đã hối hận. Thế nào tụi nó cũng nuôi dưỡng tôi tử tế.

Hội chúng hăm dọa đám con bất hảo:

- Từ nay, chúng tôi sẽ cắt người theo dõi, nếu mấy anh không phụng dưỡng cha già, chúng tôi sẽ thi hành pháp luật.

Đám con ông Bà La Môn run rẩy làm tờ tự kiểm và cam đoan sẽ không tái phạm lần thứ hai.

Sau buổi họp, chúng kiệu ông về nhà, tắm rửa sạch sẽ, xị dầu thơm, thoa phấn, đánh kem và thay y phục đẹp cho ông lão. Xong, chúng gọi bốn bà vợ đến, quát mắng họ và căn dặn:

- Bà nào không săn sóc cha chu đáo thì phải ăn roi thay cơm đầy nhé!

Các nàng dâu vội vã làm tiệc đãi cha chồng. Sau một tuần lễ được chăm sóc nghỉ ngơi, bồi dưỡng ông lão đã phục hồi sức khỏe. Ngày thứ tám ông chọn một xấp vải thật tốt, sai gia nhân thặng xe song mã đưa ông đến tinh xá thăm Phật. Ông đặt xấp vải dưới chân đức đạo sư và kính cẩn nói:

- Thưa ngài Cồ Đàm! Người Bà La Môn của chúng tôi sẽ rất sung sướng khi một vị thầy nhận lễ vật giáo thọ. Xin đức Cồ Đàm kính mến, vị thầy của tôi, nhận cho món lễ mọn này.

Để giúp ông vui lòng đức Phật nhận xấp vải và hỏi han về đời sống hiện tại của ông. Ông cụ cảm động nói:

- Thưa ngài Cồ Đàm! Các con tôi thường cho tôi ăn bốn bữa mỗi ngày, tôi đã trải qua quãng đời hành khát nên tôi đã hiểu rõ sự cơ cực thiếu thốn của nó. Từ nay, tôi xin chia hai phần ăn cúng dường cho ngài Cồ Đàm, vị thầy của tôi mỗi ngày hai bữa ăn.

Trước nhiệt tình của ông lão, đức đạo sư cảm ơn và từ chối, viện lẽ rằng ngài có thói quen đi khát thực khắp nơi.

Ông lão về nhà bảo con:

- Nay mấy đứa, sa môn Cồ Đàm là bạn thân của cha, khi nào ông đến, tụi con phải tiếp đãi cho tử tế.

Đám con dạ rân, hứa sẽ y lời.

Một hôm, nhằm ngày lễ lớn, đám con ông Bà La Môn tổ chức tiệc tùng linh đình và hỏi ý cha:

- Ai là khách danh dự của nhà ta?

Ông lão đồng dạc:

- Chỉ có sa môn Cồ Đàm thôi! Không còn ai hết...

Đám con liền đi thỉnh đức đạo sư đến nhà dự tiệc. Họ khoe với ngài:

- Thưa ngài Cồ Đàm, chúng tôi đã biết lỗi nên chăm sóc cha mình rất chu đáo, không dám thiếu sót. Ngài hãy nhìn xem, ông cụ hồng hào mập mạp ra.

Đức Phật dạy:

- Tốt lắm! Người khôn ngoan bao giờ cũng có hiếu với cha mẹ. Nên kính thờ cha mẹ như vị trời Đại Phạm. Một người Bà La Môn nếu muốn sinh lên cõi trời thì nên phụng dưỡng cha mẹ thay vì đốt hương dâng hoa cúng dường thần linh. Loài súc sinh có hiếu còn được sinh thiên nữa là loài người.

Đám con ông lão ngạc nhiên:

- Thưa ngài Cồ Đàm! Loài súc sinh mà cũng biết ơn cha mẹ nữa ư?

Đức Phật bèn kể chuyện con voi Tài Hộ, dù được nhà vua thương mến, săn sóc kỹ lưỡng, ăn ngon ở nhà đẹp mà vẫn khóc lóc u sầu vì nhớ cha mẹ ở rừng sâu.

Câu chuyện con voi làm mọi người đều xúc động. Biết tâm niệm họ đã thuần thực, đức đạo sư bèn nói pháp. Sau thời pháp mọi người hiện diện đều chứng sơ quả. Kinh Pháp Cú còn ghi lại sự kiện này bằng một câu đơn giản nhắc đến chuyện con voi chí hiếu: “Con voi Tài Hộ bất trị, rơi nước mắt bỏ ăn vì nhớ mẹ ở rừng sâu.”

(PC 324)

---o0o---

Người Học Trò Hư Nhất

Thomas Edison là một nhà kỹ thuật nổi tiếng của Hoa Kỳ hồi đầu thế kỷ thứ 20. Người ta kể rằng số lượng những phát minh sáng chế của ông nhiều đến nỗi, chỉ riêng những vết chân ông đi từ nhà đến phòng cấp bằng phát minh cũng đủ làm mòn cỏ để tạo nên một con đường rồi.

Khi Edison phát minh ra chiếc máy ghi âm đầu tiên cho nhân loại, ông được tổng thống Mỹ mời đến tòa bạch cung để làm quen. Tổng thống rất hài lòng và kính trọng nhà phát minh nên sau khi nghe máy hát, tổng thống hỏi:

- Ông đã tốt nghiệp kỹ sư ở nước ta hay ở Âu châu?

Nhà phát minh thời danh mỉm cười, rút ví lấy ra một mảnh giấy đã ó vàng, nói:

- Thừa tổng thống, đây là bằng cấp của tôi.

Tổng thống Hayes cầm mảnh giấy đọc và không giấu được vẻ bất bình. Đọc xong, ông có dáng sững sờ. Cả cử tọa đều ngạc nhiên. Một vị bộ trưởng lấy mảnh giấy và đọc to lên:

- “... Trò Thomas, con trai ông là một học sinh dốt lười và hư, hỗn láo. Nếu còn giữ trò lại trường e rằng hương thơm mà lâu nay trường chúng tôi vẫn có vinh dự được mang, sẽ bị thương tổn. Tốt nhất là ông nên cho trò này đi chăn lợn thì hơn vì chúng tôi nhận thấy rằng, dù trò có mất công đi học thì sau này cũng không làm nên trò trống gì cả.”

Dưới bức thư là chữ ký và con dấu của ông hiệu trưởng trường tiểu học Po. Burôn.

Tổng thống Hayes quyết định chuộc lại lỗi lầm của ông hiệu trưởng đối với nhà kỹ thuật thiên tài bằng cách ký sắc lệnh đổi tên các trường tiểu học ở Po. Burôn thành trường tiểu học Thomas Edison.

Em thân mến!

Sự giáo dục mà Edison nhận được do nhà trường truyền trao thật là ngăn ngui. Chưa qua khỏi cấp một thì đã bị cấp bằng.... đuổi học nhưng, thời hàn vi gian khổ, cuộc phấn đấu, tranh sống không ngừng nơi trường đời đã giúp cậu bé xui xẻo ấy thành một thiên tài kỹ thuật với hơn hai ngàn mảnh bằng về sáng chế và phát minh.

Những kiến thức kinh nghiệm mà chúng ta nhận được do nhà trường trao thật ít ỏi và thiếu sót, so với sự phong phú và đa dạng của cuộc sống. Người ta, thầy bạn, người chung quanh có thể đánh giá em một cách hơi hợt như ông hiệu trưởng trường tiểu học Po Burôn đã đánh giá Edison. Nhưng nếu riêng em, em biết tự đánh giá mình như cậu bé Edison, điều này không phải là tự cao ngã mạn, mà chính là tự tin đó em ạ.

Trong nhà thiền, đi gieo rắc cho mọi người có niềm tin rằng họ có thể thành Phật, được xem là một công tác cực kỳ trọng đại và khẩn cấp, người làm việc này được gọi là sứ giả Như Lai hay Bồ Tát Thường Bất Khinh. Phải gọi là khẩn cấp vì các nhà bác học đều bắt đầu từ những cậu học trò nhỏ bé, cũng như các đức Phật đều khởi nguyên từ một chúng sanh vậy. Không tội nào lớn bằng tội giết chết một đức Phật, một thiền sư Nhật Bản có bảo rằng:

“Ai phủ nhận sự giác ngộ của một người, kẻ ấy giết chết một vị Phật tương lai.”

Kể lại câu chuyện này, tôi chỉ muốn nhắn nhủ em rằng, sự tin tưởng của thế nhân đặt và mình không bằng niềm tin của chính mình. Xin chúc em, người bạn đồng hành bé bỏng của tôi, có được niềm tự tin vững chắc như Thomas Edison vậy.

Sự Khiêm Tốn Của Một Thiên Tài

Mặc dù được giới khoa học tôn xưng là một trong những người vĩ đại nhất thế giới, nhưng mà nhà bác học Einstein vẫn rất khiêm tốn. Một lần, cậu con trai lên 9 của ông phỏng vấn:

- Vì sao bố được nổi tiếng như thế?

Einstein giải thích:

- Một con ruồi bò trên mặt của quả địa cầu nhưng nó không biết được rằng nó đang bò trên một đường cong. Còn bố, bố may mắn hơn nó là bố biết được điều đó. Nhờ thế mà bố nổi tiếng con ạ!

Lần khác, một nhà báo phỏng vấn, đề nghị ông hãy cho biết nhờ đâu mà ông tìm ra được học thuyết tương đối. Nhà bác học đáp:

- Mọi người được may mắn hơn tôi là hiểu rõ thời gian và không gian ngay từ thuở bé. Riêng tôi thì do trí khôn ngoan chậm phát triển nên đến lúc lớn rồi mà tôi vẫn chưa hiểu thế nào là không gian và thời gian. Vì vậy tôi phải gắng công tìm hiểu và tình cờ đi đến thuyết tương đối.

Bữa nọ có người hỏi ông rằng:

- Thưa bác học, những tư tưởng vĩ đại thường nảy sinh trong đầu óc ngài vào lúc nào trong ngày ạ?

Einstein mỉm cười:

- Suốt cả đời, tôi chỉ may mắn có được một tư tưởng tạm dùng được là thuyết tương đối, còn hầu hết đều là những ý tưởng tụn mủn.

Người ta kể rằng, khi đến nhận chức giáo sư tại trường đại học Prinxtôn (Mỹ), Einstein bảo người tùy phái hãy mang vào phòng cho ông một cái sọt rác to nhất. Trước sự ngạc nhiên của người tùy phái, ông giải thích:

- Tôi cần nó để đựng giấy loại vì tôi thường hay mắc phải sai lầm.

Em thân mến!

Phải may mắn lắm mới được làm một thiên tài nhưng quên cái thiên tài của mình đi thì sự may mắn ấy được trọn vẹn. Đó là trường hợp của Albert Einstein.

---o0o---

Danh Và Thực

Đại văn hào Lép Tônxtôi (1828-1910) một hôm gửi tác phẩm của mình đến một tạp chí, nhà văn không ký bút hiệu thường dùng, mà lại lấy tên là “ông dân Xê-Mi-Ô-Nốp”. Ban biên tập hẹn cụ già đến tòa soạn. Một biên tập viên trả lại bản thảo cho cụ với lời nhận định:

- Chúng tôi đã đọc kỹ tác phẩm của cụ. Nói chung cụ có nhiều cố gắng nhưng tiếc rằng nó còn rất yếu, thực khó mà đăng được....

Anh chàng bỗng đỏ mặt, nín ngang khi thấy mình đang phê bình một đại văn hào mà cả nước đều kính mộ.

Em thân mến!

Thấy mặt không bằng nghe danh là thế! May mà cụ già ông dân Xê-Mi-Ô-Nốp còn có thêm một cái tên thời danh là Lép Tônxtôi nên chúng ta mới đọc được câu chuyện này, chứ không thì tác phẩm của Xê-Mi-Ô-Nốp sẽ bị quẳng vào sọt rác... Cái nhãn hiệu trên một món hàng đôi khi lại quan trọng hơn chính sản phẩm. Chả trách chi mà thiên hạ hay bán đồ dỏm và đồ dỏm bao giờ cũng đắt và bán chạy hơn là đồ thật vì cái nhãn báo đời của nó. Chúng ta tính sao đây?

---o0o---

Trương Tụ Tâm Sinh

Ngày xưa ngày xưa, có một cô gái nghèo, mồ côi cha mẹ phải đi ở mướn cho người.

Hôm nọ, đi gánh nước ở bờ giếng, cô gặp một cụ già xin cơm ăn. Cô liền trao cho cụ phần cơm sáng của mình. Ngờ đâu, cụ già ấy chính là bụt hóa thân để thử lòng cô. Thấy cô tốt nết, bụt ban cho cô mấy giọt sương đọng trên đầu cỏ, bảo uống đi thì sẽ thành tựu điều mơ ước tốt đẹp nhất. Cô

gái y lời và hóa thành một cô gái xinh xắn dễ coi, ai thấy cũng đem lòng thương mến.

Khi cô trở về nhà, chủ cô vô cùng kinh ngạc. Sau khi gạn rõ duyên cớ, họ vội vã quảy thùng ra giếng, hy vọng sẽ gặp may như cô.

Ông lão ăn xin, hóa thân của bụt vẫn còn đó. Mọi việc đã lập lại như một vở kịch được tập dợt sẵn. Bụt cũng trao mấy giọt sương màu nhiệm cùng lời chúc lành cho họ rồi biến mất sau một đám mây lành.

Sau khi uống xong mấy giọt sương, chủ nhân cô gái bỗng thấy ngứa khắp người. Phép màu nhiệm vẫn còn hiệu dụng nhưng tánh tình xấu xa của các ông chủ ích kỷ khiến họ biến thành các sinh vật khó coi, ai thấy cũng kinh tởm. Họ xấu hổ trốn biệt vào rừng và thành thủy tổ của loài khỉ, con cháu họ vẫn còn nhớ nhớ cho tới ngày nay.

Truyện cổ Việt Nam

Nếu gặp bậc hiền minh
Chỉ lỗi và khiển trách
Hãy cung kính khép mình
Nhu được gặp kho tàng
Thân cận bậc hiền trí
Bảo đảm được tốt lành
PC 76

Con đường đến niết bàn
Ngược nẻo đường thế lợi
Tỷ kheo đã biết rõ
Hãy tu hạnh từ bỏ...
PC 75

Con tôi, tài sản tôi
Người ngu thường nghĩ vậy
Thân này còn không có
Con của từ đâu ra.
PC 62

Ý Kiến Thống Nhất

Hôm nọ, đức vua Akba tranh luận cùng một nhà hiền triết. Nhà hiền triết bảo:

- Muôn tâu! Giữa hàng trăm nghìn con người dị biệt, ta vẫn có thể tìm ra một ý kiến thống nhất.

Đức vua không chấp nhận điều ấy và phải làm một cuộc trắc nghiệm theo lời đề nghị của nhà hiền triết.

Nhà vua cho đặt một cái bể chứa trước cung điện, trên chiếc bể được phủ một tấm vải trắng mỏng rồi truyền lệnh cho hết thầy thần dân trong kinh thành, mỗi người phải đổ một lít sữa vào bể trong đêm tối.

Nhận được lệnh ấy, các thần dân yêu quý của đức vua đều nghĩ bụng:

- Trong đêm nay có đến hàng khối người mang sữa đổ vào bể, mình có trút vào đấy một lít nước lã cũng chẳng ai biết!

Sáng hôm sau, đức vua cùng nhà hiền triết đến thăm chiếc bể. Sau khi lật tấm vải trắng lên, họ thấy bể chứa đầy nước lã. Đức vua nhìn đăm đăm vào làn nước trong leo lẻo, gật gù:

- Khanh nói đúng, có khi hàng trăm hàng nghìn người lại suy nghĩ và hành động hệt nhau.

Em thân mến!

Thông thường, loài người chúng ta, do các môi trường sinh hoạt khác nhau, sự học tập, đào luyện đã khiến ta có những lẽ lối suy nghĩ nói năng theo kiểu “chính người mười ý.” Nhưng cũng lắm khi, ý kiến của chúng ta lại gặp nhau. Đó là lúc chúng ta hành động để bảo vệ cái bản ngã và ngã sở của mình trong lúc tối lửa tắt đèn như câu chuyện trên đây vậy.

Dựa vào những điểm thống nhất này, các luận sư Phật giáo đã lập ra bộ môn Duy Thức học để giúp các hành giả theo dõi, quán sát và thấu đáo rõ đường đi lối về của tâm thức đó em!

Quan sát, theo dõi và thấu đáo rõ ràng các hoạt dụng của tâm thức là một việc khó khăn nhưng không kém phần kỳ thú. Thật là ngỡ ngàng biết

bao khi ta bắt gặp những con thú dữ đội lột thánh thần trong khu rừng âm u của nội tâm. Đó là một cuộc dạo chơi hoàn toàn không thể biết trước và đoán trước..., một nghệ thuật hơn là một kỹ thuật để truyền trao. Các thiền sư được ẩn tâm đều là những bậc thầy cự phách trong bộ môn nghệ thuật này vậy.

---o0o---

Ba Con Búp Bê

Ngày xưa, có một đức vua. Để thử tài của đình thần, nhà vua cho làm ba con búp bê bằng vàng giống hệt nhau về hình dáng, kích thước cũng như trọng lượng.

Đức vua truyền lệnh rằng, giá trị của ba con búp bê hoàn toàn khác nhau: một con rẻ, một con đắt và một con rất đắt. Rồi ngài trao giải thưởng cho ai tìm ra nguyên do sự khác biệt đó.

Sau một thời gian dài tìm kiếm, các quan đều bó tay và nhà vua của họ nổi giận lôi đình về sự kiện này. Túng thế đình thần cho treo bảng cầu hiền. Nhiều người gỡ bảng nhưng không ai tìm ra manh mối.

Cho đến một hôm, quan tể tướng gặp một chàng thanh niên khổ rách áo ôm đến xin thử thời vận.

Chàng trai trầm ngâm quan sát ba con búp bê khá lâu. Thấy ở mỗi tai con búp bê đều có dùi một lỗ nhỏ, chàng lấy rơm đút vào tai chúng và thấy có những sự khác biệt lạ lùng:

- Ở con búp bê thứ nhất, cọng rơm xuyên vào tai và chui qua môn.
- Ở con thứ hai, cuống rơm xuyên tai này liền chui qua tai kia
- Nơi con thứ ba, cuống rơm chui vào tai liền tụt xuống bụng và nằm sâu ở đó.

Chàng trai liền giải đáp:

- Thừa tể tướng, ba con búp bê này giống hệt như người. Con thứ nhất là kẻ bộp chộp, giống kẻ vừa nghe đã nói, việc gì qua tai cũng tuôn cả ra miệng. Đây là hạng không thể tin cậy được, nên dù có làm bằng vàng ròng đi nữa, giá của nó cũng rẻ rẻ. Con búp bê thứ hai giống kẻ vô tâm chệnh

mãng, nghe tai này lọt qua tai kia mất. Hạng này khó mà học hành hay thu tiếp thu điều hay lẽ phải. Con thứ ba giống như người nghe xong để trong lòng. Hạng này kín đáo thâm trầm có thể tin cậy được... nên giá của nó phải cao nhất.

Chàng trai này là người duy nhất trúng giải.

---o0o---

Cái Chết Của Chim Ưng

Thuở xưa, có một con chim ưng được nhà vua nuôi dưỡng và yêu mến, thường mang theo trong những cuộc đi săn. Đáp lại, chim cũng hết mực trung thành với đức vua.

Bữa nọ, trong một cuộc săn, vua bị lạc vào rừng, chỉ có một người một ngựa và chú chim ưng thân tín. Vua khát nước đến tả người, đi mãi mới tìm được một mạch nước nhỏ, rỉ ra từ kẽ đá của vách núi. Đức vua mừng rỡ, hái lá rừng để làm bát hứng nước uống. Chờ đợi hồi lâu, nước mới rỉ được lưng lửng bát, vua mới dạm lên miệng uống thì chim ưng đã dùng cánh hất đổ. Vua nén giận, kiên nhẫn hứng thêm bát nữa. Đợi nước đầy miệng chén, chim lại hất đổ sạch. Nhà vua điên tiết, quật chim vào vách đá chết tươi.

Vào lúc đó, đội ngự lâm quân phi ngựa đến. Nhà vua đòi nước uống, một tên thị vệ liền dâng nước cho vua nhưng ngài gạt đi, bảo:

- Ta muốn uống nước lạnh rỉ ra từ khe đá kia. Người hãy trèo lên vách núi, múc cho ta bát nước đầu nguồn chứ ta không thể đợi cho nó rỏ từng giọt như thế được.

Gã thị vệ vâng lời, trèo lên vách đá, tìm đến nguồn nước và thấy một cảnh đáng kinh hãi: giữa bể nước trong veo, một con rắn độc nằm chết ngay đó. Dòng nước đã hòa nọc độc của con rắn rỉ dần qua kẽ đá.

Biết được cội nguồn, đức vua ôm xác con chim ưng mà nhỏ lệ đầm đìa.

Em thân mến!

Có một người bạn cận thị, tức là không thể nhìn rõ được những vật ở xa, như đức vua trên đây thì dù họ có yêu thương và tin cậy mình thật đó,

nhưng kết cuộc đôi khi lại bi thảm giống như cái chết của chú chim ưng trong câu chuyện trên đây vậy.

---o0o---

Chim Sẻ Mái

Thuở xưa, có đôi chim sẻ đang đậu giữa đường. Nhạc thấy một người khoác áo tu sĩ đang đi đến, chim sẻ mái bảo chồng:

- Kìa mình! Có người đang đi đến, chúng ta hãy bay lên cây kéo hẩn bắt nạt thì khốn.

Chim sẻ trống cười lớn:

- Má nó khéo lo! Đó là một tu sĩ khả kính chớ nào có phải bọn phàm phu tục tử đâu mà sợ. Ngài đã không che chở cho mình thì thôi chớ khi nào nữ làm hại...

Chim mái không đợi chồng nói hết câu, bay vụt lên cây. Chim trống thần nhiên tiếp tục nhặt thóc. Gã tu sĩ xuất hiện, nhặt một hòn đá ném chim trống. Chim bị thương bay loạng choạng theo vợ.

Chim mái sấn sóc vết thương cho chồng xong trách:

- Em đã bảo mà mình không nghe. Đây! Đáng kính với che chở. May mà chưa vật trụi lông mình.

Chim trống thở dài:

- Biết thế nào được! Chiếc áo không làm nên nhà tu. Thôi, bu nó đừng có nhieếc anh nữa. Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi, cũng có kẻ tu hành đàng hoàng chứ không phải ai cũng như tên giả hiệu kia đâu, bu nó ạ!

Sẻ mái nguyệt chồng:

- Hừ! Bọn tu sĩ ngoan đạo đó có làm ích lợi gì cho mình đâu nào! Có rước họ đến nhà, dâng cơm hậu nước... họ cũng chỉ ăn căng bụng xong là ngồi mơ tưởng đến thần đến thánh, nào có đếm xia gì đến gia chủ đâu. Thứ cái ngữ ưa ai thì đem làm vua, ghét ai thì đem thiêu sống ấy mà mình còn để mắt tới họ làm gì nữa?

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây được trích từ tập truyện cổ Ấn Độ, do nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội ấn hành năm 1985. Đó là một câu chuyện được những người đồng hương với đức Phật lưu truyền trong nhân gian, nhằm chỉ trích thái độ xấu xa và vô công rồi nghề của hàng tu sĩ.

Ghi lại câu chuyện này vào đây, tôi không có ý muốn đưa lên một lời bào chữa hay biện minh gì về màu áo do tu sĩ mà tôi và em đang khoác. Tôi chỉ muốn gợi ý cho em biết tại sao có sự xuất hiện của Phật giáo Đại thừa cùng phương châm. “Thượng cầu bồ đề, hạ hóa chúng sanh.” Nghĩa là, người tu sĩ Phật giáo trên không bao giờ bỏ lý tưởng giác ngộ nhưng trong nếp sinh hoạt thường nhật, lấy việc giúp đỡ và phụng sự chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh cơ cực lầm than đang chung sống với mình tức là cúng dường chư Phật rồi vậy.

Các sứ giả thường có thái độ xem Phật giáo Đại thừa như là một cái gì sản sinh ra do sự pha trộn của các dị giáo Ấn về sau mà quên rằng đức Phật, vị thủy tổ của Phật giáo là một người thực hành phương châm ấy hơn ai hết. Suốt cuộc đời ngài, trong 49 năm đăng đặng, với ba tấm áo chắp vá mong manh và một bình bát ăn xin, đấng giác ngộ có nguồn gốc vương giả đó đã bồn ba khắp hang cùng ngõ hẻm, kêu gọi con người xóa bỏ những giai cấp phân chia giả tạo, sót cơm chia áo, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, trước mặt cũng như sau lưng...

Đức Phật đã thành công trong vai trò làm vị sứ giả hòa bình của nhân loại. Riêng phần chúng ta, tôi và em, không nên làm chim sẻ mái thất vọng bằng những lời hứa hẹn hay lý luận suông, trong hiện tại, ngoài việc đừng đóng góp vào thế giới điên đảo này bằng những vọng tưởng rồi nùi, đục ngầu ngã kiến, ngã dục, ngã chấp v.v... chúng ta còn phải thay một bộ đồ công tác lành lặn, vác lên vai, vừa đi ra đồng, vừa hát:

“Một ngày không làm, một ngày không ăn” vậy.

---o0o---

Dê Hóa Chó

Thuở xưa, có một tu sĩ Bà La Môn ra chợ mua dê về tế thần. Nhìn con dê béo tốt, một bọn lưu manh rắp tâm đánh cắp. Sau một hồi bàn tính, một tên bước ra, giả bộ ngạc nhiên hỏi ông Bà La Môn:

- Ủa, sao ngài cũng chó lên lưng mà đi như thế kia? Nó bị đau chân hả?

Tu sĩ nổi câu quát:

- Mất với mũi, dê mà mi dám bảo là chó à?

Tên lưu manh bỏ đi sau cái nhún vai bất cần. Chập sao, một tên khác lại chặn đường hỏi tu sĩ:

- Thưa ông Bà La Môn, chó là một con vật khá ó, sao ông lại để nước miếng nó dầy vào người thế kia?

Tu sĩ cãi:

- Này cậu, đây là dê chó không phải là chó.

Gã lưu manh lắc đầu, mỉm cười bỏ đi. Ông Bà La Môn bắt đầu nao núng, đặt con dê xuống đất buộc vào cổ nó rồi kéo đi. Tên lưu manh thứ ba bước đến hỏi:

- Thưa ngài, chắc ngài chuẩn bị dắt chó đi săn?

Vị tu sĩ cãi:

- Đây là con dê mà!

Gã lưu manh bỏ đi sau một chuỗi cười dòn dã. Ông Bà La Môn ngờ ngẩn đứng đợi mắt hồi lâu vẫn nom thấy rõ ràng là mình đang dắt một con dê.

Tên lưu manh thứ tư lại đến, chào ông và hỏi:

- Ngài mua con chó này giá bao nhiêu thế?

Vị tu sĩ vô cùng hoang mang nghĩ bụng:

- Có lẽ đây là con chó thật. Tên lái buôn phù thủy đã làm mù mắt ta. Một vị Bà La Môn cao cả như ta mà dắt chó đi thì còn ra cái thể thống gì.

Ông bèn quăng dây, thả rong con dê và bương bả đi tìm gã lái buôn để ăn thua đủ. Gặp cơ hội bằng vàng, bọn lưu manh tóm lấy con dê và chuồn mất.

Em thân mến!

Sự giả dối được lập đi lập lại nhiều lần lại hóa thật. Ông Bà La Môn trên đây bị lừa mất con dê là tại vì “quý lỗ tai mà khinh con mắt.” Mà nào có mỗi mình ông ta đâu! Tôi và em cùng tất cả những ai trên thế gian này đều bị lừa, tự lừa và lừa gạt lẫn nhau cả.

Từ cái “bản lai vô ngã,” nghĩa là trong những lúc ở một mình, quán chiếu lại mình, ta thấy rõ ràng, thân và tâm ta đều là những tổ hợp nhân duyên tạm bợ, rất đổi mong manh và vô thường. Không có cái gì là ta, thường tồn, bất biến... vậy mà, vừa gặp mặt nhau, chúng ta đã tay bắt mặt mừng:

- Ô, sao lúc này bạn đẹp ra thế? Trẻ hơn lúc trước nhiều (trong khi sự thật thì càng ngày càng già càng xấu thì có!)

Có lẽ vì thế mà kinh điển thường ca tụng chữ TÍN: “Tín là cội nguồn và đạo, là cha mẹ chư Phật!” Tín đây là niềm tin vững chắc nơi mình, không bị những trò giả dối của trần cảnh lường gạt đến độ “thấy dê hóa chó” đó em ạ!

Nghiệp ác chưa thuần thực
Người ngu tưởng ngọt ngon
Nghiệp ác đã thuần thực
Người ngu chịu khổ sầu.
PC 69

---o0o---

Lòng Mẹ

Thuở xưa, có một bà mẹ bồng con ra sông tắm. Tắm xong, chị đặt nó ngồi dưới bóng cây, choàng khăn cẩn thận rồi mới xuống bến sông giặt giũ.

Một người đàn bà hiêm hoi đi ngang qua, bế lấy đứa bé đi thẳng. Người mẹ mất con, cuống quít đuổi theo, bắt kịp, nhưng chị đàn bà kia trở mặt bảo đứa bé là con của y và nhất định giữ lấy. Vì vậy, nội vụ được đưa lên quan.

Quan vạch một đường dưới đất, đặt đứa bé ngồi ở giữa rồi ra lệnh cho hai bà mẹ, mỗi người nắm lấy một tay đứa bé:

- Ai kéo được đứa bé về phía mình, người ấy có quyền giữ lấy nó.

Hai chị đàn bà y lời, thi nhau kéo. Đứa bé đau quá khóc thét lên, người mẹ ruột thương con buông tay và ôm mặt khóc. Quan phân xử:

- Chị kia kéo được đứa bé về phía mình nhưng lòng chị không có sự bi mẫn, đích thị không phải là mẹ ruột của nó rồi. Chị này thương con, không nỡ làm nó đau, mới thật là mẹ nó.

Người mẹ lau nước mắt, bế con vào lòng.

Em thân mến!

Một bà mẹ, không phải do nhan sắc, quyền uy, tài sản hay chức tước có thể tạo thành, mà chính là tấm lòng đối với đứa con.

Cũng thế, một bậc giác ngộ không phải chỉ do hình dáng bên ngoài, công phu tu luyện, sự cung kính của người khác đối với ngài, mà chính là tấm lòng từ bi, yêu thương đối với tha nhân. Do đó mà trong kinh thường nhắc nhở chúng ta rằng, lòng yêu thương của đức Phật đối với chúng sanh hết như tấm lòng bi mẫn. Có khác chăng là một bậc giác ngộ yêu thương hết thảy chúng sinh bất kể thân sơ, vì các ngài không còn cái tính chấp về ta và của ta nữa. Một bậc giác ngộ mà không có tấm lòng bi mẫn đối với chúng sinh thì chỉ được gọi là độc giác mà thôi.

Như người đang hái hoa

Lòng say đắm lạc thú

Bị tử thần lôi xa

Như lạt trôi làng ngữ.

PC 47

---o0o---

Tại Ai

Xưa, có một nhà tu, trên đường hành đạo, ông gặp một khách bộ hành có dáng điệu dị thường. Ông chăm chú nhìn và hỏi y:

- Người là ai?

Người ấy đáp:

- Quý sa tăng.

Nhà tu cau mặt:

- A, chính ra mi là tên khốn khiếp chuyên làm những điều đốn mạt trên thế gian này đó à?

Con quỷ mỉm cười:

- Ai cũng nghĩ như thế, nhưng thật ra, tôi chính là người nhận chịu tất cả tội lỗi mà thế nhân gây ra rồi đổ cho tôi. Nếu ngài không tin, chúng ta hãy làm một cuộc thí nghiệm vậy.

Tu sĩ bằng lòng. Sa tăng bèn vào tiệm mua một ít mật, phết lên cánh cửa tiệm rồi lánh sang cửa hàng đối diện.

Ngay tức khắc, một bầy ruồi kéo đến bu kín cả cánh cửa. Vài chú nhện vội sà xuống bắt ruồi và một con chim leo xuống bắt nhện.

Vừa hay, một viên quan đi săn cỡi ngựa đi ngang, tay cầm một con chim ưng. Chim ưng liền bay ra, liệng cánh định bắt chú chim nhỏ. Chủ quán thấy chim ưng, ngỡ là điều hâu, sợ nó hại đàn gà của mình, liền chộp lấy quả cân, ném chết chim. Viên quan nổi giận, quát roi vào người chủ quán. Đám con chủ quán bênh cha, đánh viên quan bị trọng thương, bọn tuần dinh liền bao vây cuộc ẩu đả...

Quý sa tăng bèn bảo nhà tu:

- Thế ngài đã rõ rồi chứ? Tôi chỉ là kẻ phết mật lên cánh cửa, còn tất cả chuyện khác là do con người gây ra. Bao giờ cũng vậy, hễ gây nên một lỗi lầm là loài người của ngài liền đổ lỗi cho tôi.

Kẻ thù hại kẻ thù

Oan gia hại oan gia

Không bằng tâm niệm tà

Gây hại cho tự nhân

Đười Ươi

Xưa, có một anh chàng kết bạn với đười ươi và rủ nó về nhà chơi. Gặp khi trời lạnh, anh chàng nọ cồng cả tay chân nên không ngót đưa tay lên miệng hà hơi để sưởi cho ấm. Đười ươi thấy lạ hỏi:

- Anh thổi thế để làm gì?
- Tôi hà hơi cho ấm.

Chập sau, anh chàng pha chè đãi khách. Chè nóng quá, anh ta lại phải nâng tách lên thổi cho nguội bớt. Đười ươi lại hỏi:

- Anh thổi thế để làm gì?
- Để cho nước nguội bớt.

Đười ươi nổi giận:

- Sao mà anh tráo trở thế! Anh vừa lấy mồm thổi cái lạnh cho nóng, giờ lại lấy mồm thổi cái nóng cho lạnh. Tôi không thể nào tin hạng người nói láo như anh.

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện cổ Ấn Độ. Dĩ nhiên là trên thực tế, không có ai kết bạn với đười ươi và cũng không có con đười ươi nào biết nói tiếng người cả. Tác giả chỉ muốn mượn hình ảnh của đười ươi ám chỉ cho chúng ta thấy hạng người ngu xuẩn mà lại tưởng mình khôn ngoan, biết một nhưng chẳng biết hai. Hạng này trong kinh điển gọi là bị “sở tri chương” đó, em ạ!

---o0o---

Tri Âm

Bá Thúc Nha, người tự cho mình là một danh cầm, thường than thở rằng chưa có ai hiểu được tiếng đàn của mình. Cho đến một hôm, khi có việc đi sứ, xuôi thuyền trên sông, ông gặp được Chung Tử Kỳ, người đầu tiên hiểu được những gì mà Bá Thúc Nha muốn diễn tả qua tiếng đàn. Ông bèn kết bạn tri âm với Tử Kỳ và hứa sẽ gặp lại chàng ở chuyến về.

Việc sứ xong xuôi, Bá Nha quay thuyền tìm Tử Kỳ thì chàng không còn nữa. Bên nắm mộ còn thơm mùi đất mới, Bá Nha ôm đàn gảy khúc cuối cùng rồi đập vỡ cây đàn, thề không bao giờ gảy nữa vì người bạn tri âm duy nhất của ông đã mất rồi.

Câu chuyện giữa hai người được truyền tụng mãi về sau:

Em thân mến!

Chúng ta đã được nghe giai thoại trên từ những năm mới vào học cấp II. Nhưng ở đây, tôi không có cốt ghi lại câu chuyện tình đẹp của hai người bạn trong cổ sử Trung Hoa, tôi chỉ muốn hỏi nhỏ em, cũng là tự vấn lòng mình rằng: nếu chúng ta có tài thật sự thì tiếng đàn của ta sẽ làm rung cảm được người chung quanh. Bằng không với tài năng quá khiêm tốn của mình, ta không tìm được đôi tai nào vừa ý để thấu rõ âm thanh chói tai của ta. Cho đến một ngày nào đó, kẻ “tri âm” chính là người nhận ra tán tụng và thưởng thức cái nghệ thuật, tài năng mà ta chưa hề có... thì coi chừng khách tri âm ấy chỉ là một kẻ xiêm nịnh mà thôi. Hay nói như một tư tưởng gia Tây phương: “Tên ngu nhất, thế nào cũng tìm ra một tên đàn độn hơn để tán tụng nó.” Em nghĩ sao đây?

Ngờ đâu thiên tài nhất thời
Hèn lâu mới gặp được người tri âm
So đây nắn phím âm thầm
Ngờ đâu người điếc tự năm tháng nào!

---o0o---

Kiểm Sư Munenori

Kiểm sư Yaya Taijima-no-Kami Munenori là một tay kiếm lừng danh của Nhật Bản, ông cũng là một đệ tử của thiền sư Trạch Am (Tabwan).

Hôm nọ Munenori đi dạo hoa viên với một tên biểu đồng theo hầu, đang trầm ngâm nhìn hoa đào nở, kiếm sư bỗng quay phắt người lại, đảo mắt nhìn quanh với vẻ tìm kiếm.

Quan sát hồi lâu, không thấy gì, kiếm sư bỏ về phòng riêng và bỏ luôn buổi ăn trưa thường nhật.

Môn đồ Munenori thấy lạ, lên vấn an thầy và hỏi duyên cớ vì sao ông bỏ cơm trưa. Monenori đáp:

- Ban sáng, lúc đi dạo vườn, thầy bắt gặp một cảm xúc: có người sắp đâm lên mình. Thầy chưa bao giờ làm về những linh cảm này. Vậy mà, cho đến bây giờ, thầy vẫn chưa tìm ra hung thủ. Vì thế thầy bỏ cơm.

Các môn đệ bối rối nhìn nhau, riêng tên tiểu đồng theo hầu Munenori lúc sáng thì tái mặt, bước ra thưa:

- Bạch sư phụ, tên vô lại ấy chính là con. Lúc đi theo hầu sư phụ, con khởi lên ý tưởng rằng: “Dù cho thầy là một kiếm sư lừng danh đi nữa, nhưng chắc ông không thể nào đỡ nổi những nhát kiếm đâm lên từ sau lưng được...” Con đã nghĩ như vậy, xin sư phụ tha tội cho con!

Munenori cười ha hả:

- Đáp số đã tìm ra rồi, các con hãy dọn cơm cho thầy dùng nhanh lên.

Em thân mến!

Một kiếm sư lỗi lạc không cần lúc nào cũng lăm lăm cây kiếm trong tay, vừa múa, vừa la, mặt mũi oai phong lẫm liệt như những kịch sĩ mà ta thường thấy trên sân khấu... Rất có thể, vị ấy không còn dùng đến kiếm nữa nhưng vẫn đỡ được bất cứ đường gươm nào, trước mặt hoặc sau lưng. Hay tuyệt diệu hơn, như kiếm sư trên đây, khám phá ra những đường gươm của đối phương từ khi chúng hãy còn trong tâm tưởng.

Cũng thế, một thiền sư cự phách không phải lúc nào cũng kè kè bỏ đoàn tọa cụ một bên, miệng lái nhai các thiền ngữ hoặc lấp ba lấp bấp về thiền về đạo... mà phải là một con người tự tại trước bát phong, ung dung đón bất cứ thuận hay nghịch cảnh từ mọi phía... Và cũng như kiếm sư Munenori, các ngài có thể khám phá ra những tên giặc ti tiện ngay lúc chúng mới manh nha trong tâm thức, như lời một thiền sư bảo:

“Quan bất dung châm,
Tư thông xa mã.”

Nghĩa là, hành giả sẽ kiểm soát tâm mình thật miên mật như một nhân viên thuế vụ, một cây kim không thể lọt qua cửa nữa là xe ngựa rộn ràng, đồ sộ.

Em có thấy như thế không?

Chúng ta biệt ly nhau
Từ ngàn vạn kiếp lâu
Nhưng không hề xa cách
Dù một giây phút nào.
Chúng ta đối diện nhau
Hằng ngày suốt ngày lâu
Suốt ngày nhưng không gặp
Không bao giờ gặp nhau.
Thiền sư Godaito
Gởi vua Daito
(1318-1338)

---o0o---

Đôi Mắt Người Giác Ngộ

Một thuở nọ, đức đạo sư lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho chư thiên nghe. Do oai thần của ngài và căn cơ của chư thiên ở vùng trời này đức Phật hiện thân giống hệt vị vua cõi Đao Lợi để thuyết pháp hóa độ chúng thiên.

Dưới nhân gian, mọi người đều thương nhớ đức đạo sư nên tứ chúng đồng đề cử tôn giả Mục Liên, vị đại đệ tử thần thông đệ nhất đi thỉnh Phật về. Tôn giả Mục Liên nhận lời ủy thác của hội chúng, vượt qua bao tầng trời cõi dục, đến tầng tam thập tam thiên để tìm Phật. Khi ấy đức đạo sư đang ngồi đối diện với trời Đế Thích. Ngài Mục Liên vận hết sức thần thông mà vẫn không phân biệt nổi giữa hai vị vua trời giống nhau như tạc ấy, vị nào là đấng giác ngộ. Sau cùng, tôn giả phải quay sang vấn kế người bạn đồng hành của mình là đức Đại Trí Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất bèn mách nước:

- Này hiền hữu! Bạn hãy nhìn xem, dù hai vị Đế Thích trước mặt chúng ta có giống hệt nhau về nhan diện, dung mạo, hình vóc và y phục chẳng nữa... thì vẫn còn một điểm khác biệt. Hiền hữu hãy nhìn vào đôi mắt của từng vị một: vị Đế Thích ngồi bên trái có đôi mắt lảo liên, luôn luôn giao động, trong khi vị bên phải, đôi mắt biểu lộ một sự an tĩnh hồn nhiên và trong sáng, có phải thế không nào?

Tôn giả Mục Liên gật gù, thầm khen bạn và hai vị thánh tăng bước đến, cung kính làm lễ thỉnh Phật giáng trần.

Em thân mến!

Đây là một mẩu chuyện nhỏ mà tôi đã đọc được đâu đó trong các bộ A Hàm thuộc hệ Bắc phạn. Điều lý thú ở câu chuyện trên là chỗ giống nhau của Phật và một chúng sinh cõi trời. Chúng ta có thể mang hình dáng, dung mạo, màu da, tiếng nói, cung cách hết như một đấng giác ngộ nhưng vẫn không phải là một vị Phật chính hiệu khi tâm ta còn bị giao động bởi tham lam, sân hận, si mê... Nếu không nuôi tiếc quá khứ thì cũng ngong ngóng về tương lai hay đắm say quay cuồng theo trần cảnh trong hiện tại. Dù có sung sướng như trời Đế Thích chẳng nữa, đôi mắt vẫn lảo liên, biểu lộ một trạng thái tâm thức trạo cử, lãng xãng. Vậy thì, em đã hiểu vì sao Phật giáo lại nhấn mạnh đến sự tĩnh lặng của tâm thức qua câu: “Không có gì quý bằng sự an tĩnh của tâm thức” chưa!

Sự an tĩnh đó, kinh điển Nam phương thường gọi là niết bàn, tức sự dập tắt, nguội lạnh của các mầm móng tham sân si... Trong khi, các kinh thuộc hệ Bắc phương gọi đó là trạng thái vô sinh, vô niệm v.v...

Nhưng làm thế nào để đạt được sự an tĩnh đó? Đây là một câu hỏi dễ nêu lên và thật khó trả lời. Cũng giống như một kẻ nằm mơ vậy. Trong đoạn đường vừa qua, ít nhất cũng hơn một lần tôi và em thoát khỏi một cơn mộng dữ nên... câu hỏi này chúng ta hãy tự mình tìm lấy lời giải đáp vậy.

---o0o---

Phần 9

Chiếc Chăn Còn Lại

Thuở xưa có một vị tu sĩ nổi danh là thánh thiện, đạo cao đức trọng. Toàn thể vật sở hữu của Ngài trên thế gian này chỉ vồn vẹn có hai chiếc chăn da sờn rách và một cái muống dừa dùng để khát thực sống qua ngày. Tu sĩ sống một cuộc đời vô định, rày đây mai đó, hạc nội mây ngàn, ngủ dưới cội cây ăn cơm của bá gia bá tánh.

Hương danh của tu sĩ bay theo các chiều gió nam, bắc, đông, tây tản mạn qua các đầu lưỡi của bàng dân thiên hạ và chui vào tai của một đức vua

cao tuổi, đã quá chán ngán với sự vô thường thay đổi của sự vật và lòng người.

Một hôm, đức vua của chúng ta ngự giá đến thăm tu sĩ, lúc ấy đang tĩnh tọa dưới bóng mát của cội đa ở phía nam ngoại thành.

Vị tu sĩ đón tiếp đức quân vương của mình bằng những lời khuyên minh triết vô giá, chứa đựng trong các thời pháp cao siêu... mà khả năng hạn hẹp của ngôn ngữ trần gian có thể diễn đạt được.

Trong bầu không khí thanh cao đó, đức vua ngồi nghe mê mẩn, quên hết mọi buộc ràng của thế giới cung đình. Ngai vàng, điện ngọc, bầu đoàn thể tử... đối với đức vua trong giây phút ấy chính là những trò hợp tan của mây nổi.

Thình lình, ngự lâm quân thẳng thốt bước đến, lạy bập:

- Muôn tâu, kinh thành đang có biến, xin bệ hạ hồi cung gấp!

Đức vua bình tĩnh bảo tên cận vệ thân tín:

- Im ngay, ta không muốn gián đoạn thời thuyết giảng vô giá của tôn sư.

Và, đức vua vẫn từ tốn, bình thản nghe những lời nói của vị tu sĩ đã bắt đầu rời rạc. Sau cùng tu sĩ bảo vị quân vương kính tìn:

- Muôn tâu, xin đại vương cho phép bản đạo được chấm dứt cuộc hội kiến này vì một việc riêng vô cùng khẩn cấp.

Nhà vua đành bái tạ, cáo từ tu sĩ với một tấm lòng sùng kính và luyến tiếc rồi cùng đoàn ngự lâm quân hồi cung.

Tu sĩ hồi hải đi vào kinh thành, đến một bờ rào ở mạn hồ tây, nơi ông đã phơi chiếc chăn ban sáng vì e rằng cơn binh lửa có thể thiêu hủy một nửa gia sản hiếm hoi của mình.

Không ai biết được tu sĩ tên gì, tịch lúc nào và ở đâu, nên câu chuyện này đành lấy tựa đề là “Chiếc chăn còn lại” vậy.

Em thân mến!

Chúng ta có thể biểu diễn sự tu hành, phong thái cao siêu thoát tục của mình bằng cách buông xả hết các thứ sở hữu, ngoại trừ các món phụ tùng hết sức cần thiết như vị tu sĩ trên đây chẳng hạn.

Nhưng em ơi! Đôi khi, chúng ta xả bỏ các thứ phụ tùng gồ ghề như quốc thành thê tử, vàng bạc châu báu... cho bàng dân thiên hạ nom thấy thật là dễ dàng... nhưng buông bỏ các thứ sở hữu gớm ghiếc, rẻ mạt như chiếc chăn rách thì lại đòi hỏi một sự nỗ lực kiên trì hơn nhiều. Và, việc buông xả khó khăn, tối quan trọng của một tu sĩ không phải chỉ nằm trong phạm vi các vật sở hữu bên ngoài, mà chính là các thứ phụ tùng ngủ ngầm trong tâm thức của mỗi con người chúng ta như tham, sân, mạn...

Chiếc áo không làm nên nhà tu là vì vậy.

Bạc trí như vách đá
Gió cuồng nộ chẳng lay
Lời tán dương hủy báng
Không sao gọn đôi mày.

---o0o---

Đồng Một Chiếc Xiêm

Chuyện xảy ra tại một tu viện.

Tôn giả nọ, trong giờ chấp tác, đi ngang giếng nước, nhòm xuống, chợt thấy một cái quần đen nổi lều bều trong đó, liền hét toáng lên:

- Chèn đét ơi! Cái giếng nước này người ta dùng để nấu ăn, nấu uồng, rửa hoa cúng Phật, rửa chén cặp tăng... mà ai ăn ở bất nhơn, làm rớt cái quần xuống đây, hổng biết nữa...

Sau một hồi la lối, đương sự bèn dòm dáo dác, tìm tới tìm lui xem có ai đứng gần đầu đó để ngoắc tới phân bua... Nhưng thật xui xẻo, chung quanh vắng bặt như tờ.

Tôn giả này bèn dòm xuống giếng một cách bực tức... Và chợt bùm miệng la lên:

- Í, chết cha rồi!

Lập tức đương sự vội vàng lấy cây khoè cái quần đa sự lên, vừa dáo dác canh chừng xem có ai nom thấy không. Và cũng thật là may mắn.. chưa có ai nom thấy hết.

Đương sự vội vàng làm thình, đi phơi cái quần và giữ im lặng như là thánh vậy.

Em thân mến!

Đây là một mẫu chuyện nhỏ rất thường xảy ra trong đời sống thường ngày của chúng ta. Cũng đồng thời là một sự kiện đó, một lỗi lầm đáng trách nhưng nếu do người khác gây ra thì chúng ta sẽ sẵn sàng hô hoán la rùm beng lên. Nhất là nếu người ghét cay ghét đắng thì... ta chỉ còn thiếu một việc là bắt loa phóng thanh lên đề rao cho làng trên xóm dưới cùng nghe, cùng biết, cùng hay.

Nhưng, nếu lỗi lầm đó, do chính ta vô tình hoặc cố ý gây nên thì phải dáo dác nhìn xem có ai ngó thấy không và khóa lấp đi thật lẹ... như vị tôn giả trong câu chuyện trên đây vậy.

Có lẽ vì vậy mà Phật khuyên chúng ta như thế này:

Không nên nhìn lỗi người
Có làm hay không làm
Hãy nên nhìn lỗi mình
Có làm hay không làm.
(PC 50)

Và:

“Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình mới khó. Lỗi người, ta cố phanh tìm như tìm thóc lẫn trong gạo, còn lỗi mình, ta cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài.”

(PC 252)

Trong pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ cũng có một lời khuyên chúng ta như thế này:

“Nhược chân tu đạo nhân
Bất kiến thế gian quá...”

Nghĩa là:
Nếu thật người tu đạo
Đừng thấy lỗi thế gian.

Ghi lại câu chuyện này cùng lời Phật Tổ dạy, để gởi cho em, người bạn đồng hành nhỏ tuổi của tôi, cũng có nghĩa là tôi tự viết cho riêng mình vậy.

---o0o---

Năm Con Lừa

Xưa, có một anh chàng nọ, thuộc hàng danh gia vọng tộc, con nhà nhàu có, đẹp trai hảnh hoi nhưng lại ngu ơi là ngu. Vì thế, thời nhân gọi anh ta là chàng ngốc.

Hôm nọ, Ngốc đi chợ phiên mua được năm con lừa với một giá rất phải chăng. Lòng mừng khắp khởi, anh thót lên lưng một con lừa và dắt bốn con kia về.

Đọc đường, Ngốc chợt nảy ra ý định phải kiểm lại số lừa của mình:

- Một, hai, ba, bốn... Chết cha! Đâu mất một con rồi?

Hốt hoảng, Ngốc tụt xuống lưng lừa, đếm lại cẩn thận:

- Một, hai, ba, bốn, năm... A, đủ rồi!

Yên tâm, Ngốc leo lên lưng lừa. Đi một đỗi anh bắt đầu đếm:

- Một, hai, ba, bốn... Í, đâu mất một con rồi?

Ngốc lại tuột xuống:

- Một, hai, ba, bốn, năm... đủ rồi!

Sự tình cứ thế mà tiếp diễn, hễ chàng Ngốc cỡi lừa thì cả bầy chỉ còn lại bốn con, nhưng nếu chàng đi bộ thì bầy lừa còn đủ năm con. Cuối cùng, Ngốc đành tuột xuống đi bộ.

Khách qua đường thấy anh mồ hôi nhễ nhại, chạy lúp xúp theo bầy lừa, ngạc nhiên:

- Sao anh không cõi một con đi cho đỡ mệt?

Ngốc đáp một cách quả quyết:

- Cứ mỗi lần tôi leo lên lưng lừa là mất một con. Vì vậy, thà rằng tôi đi bộ để còn nguyên cả bầy... Cực khổ một chút mà không phải mất mát, mỗi con đến hàng trăm quan đấy, bác ạ!

Em thân mến!

Trên đây là một câu chuyện vui, có thể là không bao giờ xảy ra, nhưng tôi và em, há chẳng ngốc nghếch giống hệt anh chàng trong truyện đó sao?

Chả phải là mỗi lần hạ thủ công phu, giải quyết sinh tử, miên mật, tinh tấn, khẩn thiết, ta đều bị mệt nhoài vì đã phí không biết bao nhiêu tâm lực để chần trầu, hàng phục, điều ngự vọng tâm... Những lúc ấy, có ta, có pháp, có người tu và có pháp tu hẩn hời đấy nhé! Có tất cả nhưng mệt ơ là mệt!

Rồi cũng có những lúc lòng ta êm ả, trống vắng, không còn phảng phất một ý niệm nào về ta và người, thiện lẫn ác, phải quấy, tốt xấu, tăng tục... những phút giây như thế, ngày nào chả có? Thật thoải mái, khỏe khoắn, nhẹ nhàng... nhưng eo ơ! Sao mà trống trải, mất mát quá đỗi! Ta đâu rồi, cái gì là ta đó nhỉ? Cái ta thân yêu cùng vô vàn phụ tùng quen thuộc nhưng không kém phần rắc rối của nó bỗng dưng biến đâu mất như chú lừa của chàng ngốc trên đây.

Anh chàng ngốc trong câu chuyện đã tuột xuống lưng lừa vội vàng ra sao thì chúng ta cũng khởi niệm mau lẹ như thế đó. Phải tu, phải hành, phải hạ thủ, phải dán chữ tử trên trán, phải hì hà hì hục... Một, hai, ba, bốn, năm... A, đủ cả rồi! Cả ta lẫn người, ta và pháp đấy nhé! Bởi giống hệt nhau nên thay vì vô tâm, buông xả hoàn toàn những thứ vướng vít trong lòng thì lúc nào ta cũng dăm dăm, đau đầu, nhăn nhó, nhí nhí lo chuyện tu hành. Chẳng thà mệt một chút mà được có, được còn... hơn là khỏe khoắn mà mất sạch sành sanh.

Để kết thúc câu chuyện này, tôi kể em nghe một giai thoại nhà thiền:

Tăng hỏi thiền sư Cư Tuần ở Lang Nha:

- Trong 12 giờ, dụng sức như thế nào?

Sư đáp:

- Như người không tay muốn đánh người.

Tăng khác hỏi:

- Người xưa được cái gì liền thôi?

Sư đáp:

- Như giặc vào nhà trống.

---o0o---

Chiếc Gương Khả Ô

Thuở xưa, có một cô gái tầm thường và bình thường như bao nhiêu cô gái khác trên thế gian này. Nghĩa là, cô không đẹp nhưng cũng không xấu, không giàu cũng không nghèo..., lứa tuổi dậy thì đã giúp cô khá mặn mà duyên dáng... và cũng như bao nhiêu thiếu nữ đồng trang lứa khác, cô ao ước muốn biết được mặt mũi của mình ra sao.

Địp may đã đến, thiếu nữ mua được một tấm gương soi mặt. Vừa nhác thấy nhan diện mình hiện trong gương, cô đã rú lên như một cánh chim bị đạn, lòng đau khổ tột độ vì thấy sao mà mình không giống như mình tưởng.

Chuyện xảy ra sau đó rất thường tình, nghĩa là, khi nào phải chường mặt ra giữa đám đông, thiếu nữ không còn hồn nhiên vô tư như dạo trước nữa. Cô thường xấu hổ, cúi mặt xuống hết cỡ đến vân vê tà áo, lúng túng không biết để tay chân vào đâu, chớp mắt nhú mày, cười mỉm chi theo một cách mà cô nghĩ là có duyên nhất v.v... và v.v...

Và, trong những lúc vắng người, cô gái đáng thương kia thường ngồi hàng giờ trước tấm gương soi, tỉ mỉ tỉa tủa sợi lông mày, tần mẩn nặn từng hạt mụn... và cũng nhú mày trợn mắt mỉm cười để tìm cho ra một kiểu thức nào đó, hy vọng mình sẽ dễ coi hơn trước mắt mọi người...

Em thân mến!

Một thiền sư Nhật Bản có dạy chúng ta như thế này:

“Ta hãy đặt một tấm gương soi bên trong lòng mình. Mọi tư tưởng, ý niệm, toan tính vừa xuất hiện trong tâm trí đều được phản chiếu trong tấm gương một cách đầy đủ trọn vẹn. Tấm gương tuy thu trọn vẹn các hình ảnh diễn biến của các tư tưởng, ý niệm nhưng hoàn toàn không phê phán.

Và, khi các tư tưởng, ý niệm toan tính đó tan biến thì gương vẫn trong suốt, không hề vương vấn một dấu vết nào của tư tưởng, ý niệm, toan tính vừa qua.”

Self-Knowledge, Meditation course
B.H. Viên Thông

Đây là một lời khuyên sáng suốt nhưng thật khó thực hiện vì chúng thường hành động hệt như thiếu nữ soi gương trong câu chuyện trên.

Suốt ngày và suốt đời, chẳng phải chúng ta cứ lải nhải: “Tôi thiết nghĩ, tôi quan niệm, tôi muốn, tôi cần, tôi yêu cầu...” Nhưng, TÔI là ai, là gì nhỉ? Bất cứ người tu hành nào cũng thao thức muốn thấy được gương mặt thật của mình, nhan diện đích thực của cái TÔI đó. Và, mỗi giờ tĩnh tọa chính là những lúc ta soi gương vậy.

Việc gì xảy ra cho cô gái trên cũng na ná như những chuyện xảy ra cho tôi và em vậy.

Phản ứng đầu tiên thì chúng ta vừa nhìn lại bản tâm mình thì... thật là hỡi ơi! Ta đã từng nghe nói rằng mình có chân tâm, Phật tánh chơn như... ở đâu thì chả biết. Nhưng nơi lòng ta, chỉ phản chiếu bóng dáng của một khuôn mặt thật khá ố. Đó là những cái tôi thoáng hiện: tham lam, bực tức, ganh tỵ, thù hằn, dối trá, siểm nịnh... ôi, ta không đẹp như mình làm tưởng mà thật là quá đỗi xấu xa! Ta không phải là con người mà là một con thú, một ác quỷ hiện hình. Phải làm sao đây? Tại sao như thế nhỉ? À, tại vì nghiệp chướng nặng nề, tội nhiều phước ít chẳng?

Và cũng y hệt như cô gái soi gương trên, ta thường xử lý như thế này:

Cách tốt nhất là lui vào khuê phòng, tức là nhập thất kín ấy, rút tấm gương ra (leo lên bờ đoàn ngồi), nhìn thật chăm chú (bắt đầu tĩnh tọa), tĩa bớt mấy sợi lông mày mọc vô trật tự (đàn áp những tâm niệm xấu), nặn mấy hạt mụn (dẹp trừ tham sân si), cười đủ kiểu: mỉm chi, cười ruồi... để xem

cách nào dễ coi nhất... (ráng uốn nắn tâm thức mình, lôi ra cho bằng được mấy đức tánh từ bi, hỷ xả), ông ẹo đi vài bước, ngược mắt nhìn lên ngó xuống... theo kiểu một tài tử xi-nê nào mà mình ái mộ... (tập nhìn, tập đi, tập đứng hệt như những lời diễn tả về oai nghi của Phật và các bậc tu hành đắc đạo mà sách vở còn ghi lại...

Xong, khi nào bắt đắc dĩ phải giáp mặt cuộc đời, ta sẽ từ từ bước ra, đi đứng nói cười nín thính... một cách lúng túng, cứng nhắc, thiếu hồn nhiên như cô gái trên hoặc là điều luyện như một kịch sĩ đại tài.

Có phải phản ứng của tôi và em đối với con người thật “bản lai diện mục” của chính mình là như thế không?

Bây giờ tôi xin chép ra đây lời khuyên của thiền giả trên thay cho lời của chính mình vì thú thực với em, tôi cũng rất u là khô tâm khi thấy bóng mình trong gương và vô vàn lúng túng khi phải hiện diện trước đám đông, hệt như em vậy: “... Khi bắt gặp một cơn giận nổi lên, ta hãy thả nhiên theo dõi như xem anh hề đóng kịch trên sân khấu, theo dõi với tất cả sự chăm chú của một kẻ tò mò, từ khi cơn giận bắt đầu cho đến lúc nó tan biến. Rồi quý vị sẽ học được nhiều điều hay, phát giác ra lắm cái lạ lùng thích thú. Đừng tỏ một thái độ nào hết. Khi thái độ được đưa ra là vấn đề bị méo mó rồi. Và ta cũng sẽ không phát giác được điều gì, cũng như không giải quyết được vấn đề.

Đối với nỗi buồn, đừng tìm cách lẩn trốn. Mỗi lần trốn không giải quyết được vấn đề. Hãy bình thản đối diện với nỗi buồn đó, theo dõi tất cả diễn biến và chuyển hướng của nó, lắng nghe cái ray rứt của nó, trong tâm trí cũng như trong bắp thịt, các tế bào, trong hơi thở... lắng nghe, theo dõi trọn vẹn tiến trình của nó, xem cách thức nó hình thành và biến dạng ra sao. Rồi quý vị sẽ khám phá ra nhiều điều thật lạ lùng. Các vấn đề khác cũng được áp dụng như thế.

Buổi đầu hẳn hơi khó, nhưng dần dần, từng lớp tư tưởng hỗn độn sẽ trở nên trong suốt, rõ ràng, khả năng tự tri của ta, mỗi lúc một cao hơn...

... Tâm trí lẩn lẩn rỗng rang, tĩnh lặng, tất cả những tư tưởng ý niệm thoáng qua đều được nhận diện một cách trọn vẹn mà không cần đến một cố gắng nào...

... Các vấn đề xưa kia thường gây hỗn loạn và làm nặng trĩu tâm trí thì nay khó mà hình thành và tồn tại được lâu. Đây là cao độ mà một tinh thức

nội tại đương nhiên phải xảy đến. Khi một tình thức trỗi dậy sẽ gọi nhiều tình thức kế tiếp và các quan niệm của ta sẽ nối đuôi nhau sụp đổ ngay khi một tình thức đầu tiên trỗi dậy... Cá nhân bắt đầu buông rơi các kinh nghiệm để sống theo một đường hướng mà tình thức nội tại đã soi sáng. Nhân cách cá nhân cũng bắt đầu thay đổi, cá nhân bắt đầu nhìn đời một cách bình thản tinh tảo, hành động trong sự xuất hiện qua tâm trí được giải quyết tức khắc. Trong mọi sinh hoạt, cá nhân luôn ý thức được con người mình, ý thức một cách trọn vẹn, tự nhiên không cần đến một cố gắng nào.”

Self-knowledge Meditation course 18-10-1986

Một Nhà Bác Học

Thuở xưa, có một nhà bác học rất u là tài ba, và giàu tâm huyết. Ông sống một cuộc đời giản dị, cô độc, không vợ con, quyền thuộc, dành hết thì giờ vào việc nghiên cứu hoa học. Nhà bác học của chúng ta may mắn có một gia sản vừa đủ sống qua ngày, công trình nghiên cứu của ông thuộc lãnh vực toán học nên chỉ tốn phân và giấy mực. Do đó, cuộc sống của nhà bác học tuy không dư giả lắm nhưng chẳng đến đời nào. Ông chi rất dè xẻn, các nhu cầu ăn mặc giải trí, giao thiệp, đọc sách, nói năng đều được hạn chế tối đa. Hầu hết thì giờ của nhà bác học đều được sử dụng để giải các bài toán hóc búa, rắc rối nhất.

Một hôm, có vài nhà hảo tâm giàu có đến thăm và đề nghị ủng hộ nhà bác học hoàn toàn đầy đủ các nhu cầu cần thiết để ông an tâm dành hết thì giờ và tâm sức cho cuộc nghiên cứu. Từ đó, thế giới loài người không còn thấy được bóng dáng của con người tài ba ấy nữa, nhà toán học đã khép chặt “khuê phòng,” thề chẳng ra ánh sáng mặt trời nếu ông chưa tìm được cách giải bài toán hóc búa nhất của thế hệ mình. Năm mươi năm trôi qua...

Một hôm, nguồn tin nhà bác học đã mở cửa để công bố kết quả nghiên cứu loan ra khắp nơi như một trái bom nổ chậm. Báo chí, đài phát thanh, truyền hình, thân băng... đều được chuẩn bị để tiếp kiến với con người tài ba vĩ đại đó.

Buổi gặp gỡ giữa nhà bác học và cộng đồng nhân loại sau 50 năm xa cách thật là éo le và cảm động. Trong khi đám đông nín thở, thán phục nhìn con người già nua, râu tóc bạc phơ, khoác những y phục của ông bà họ, ngỡ ngàng bước ra ánh sáng của những ngọn đèn 220v thì nhà bác học cũng sững

sờ không kém! Ông hấp háy nhìn đám người lạ lùng, khoác các thứ y phục kệch cỡm đủ màu sắc, lở lợng và trần tráo nhất... Một thanh niên chừng chạc đến bắt tay ông, tự xưng là con trai người bạn cố tri, thay mặt đám đông, xin được nghe và thấy công trình khám phá của nhà toán học.

Cố nén vẻ khó chịu, nhà bác học tội nghiệp của chúng ta trao cho chàng trai một tập giấy dày cộm, đầy chi chít chữ rồi bước lui vào thư phòng, tiếp tục công trình nghiên cứu khác.

Ngày hôm sau, báo chí nhất loạt đăng tin mới và sốt dẻo nhất về nhà bác học như thế này:

“... Theo nguồn tin đáng tin cậy nhất, nhà toán học, sau 50 năm ròng rã nghiên cứu, bỏ ngủ quên ăn, cắt đứt duyên trần, chẳng giao thiệp với cộng đồng nhân loại, đã tìm ra cách giải phương trình bậc hai... và đang tiếp tục nghiên cứu cách giải phương trình bậc ba...”

Câu chuyện về nhà bác học chỉ gây xôn xao trong dư luận khoảng một tuần lễ rồi rơi vào quên lãng, vì kết quả 50 năm dài nghiên cứu của ông đã được nhân loại tìm ra cũng gần 50 năm rồi. Và các học sinh cấp ba đang giải phương trình bậc ba bằng những công thức ngắn và giản dị nhất.

Nhưng vì lòng kính trọng người cao tuổi, toàn thể nhân loại đều im lặng, không ai nói cho nhà toán học biết được điều ấy. Các nhà hảo tâm vẫn tiếp tục cung cấp các nhu cầu cần thiết để ông có thể... tiếp tục nghiên cứu cách giải các bài toán hóc búa mà các thế hệ con cháu đã tìm ra đáp số từ lâu.

Em thân mến!

Có những cuộc thí nghiệm được thực hiện và thành công trong phòng thí nghiệm nhưng không ít các nhà bác học đã phát minh ra cái sáng kiến vĩ đại ở ngoài phòng thí nghiệm. Newton đã khám phá ra định luật hấp dẫn, sức hút của trái đất tác dụng lên mọi vật khi đi dạo tình cờ nhìn thấy một quả táo rơi. Archimède khám phá ra sức đẩy của nước lúc đang tắm... có những cuộc thí nghiệm thành công do công trình của một người nhưng cũng có những cuộc thí nghiệm cần sự đóng góp của tập thể.

Mỗi hành giả chúng ta đều là các nhà thí nghiệm. Có khác chăng, đối tượng nghiên cứu của chúng ta không phải bên ngoài mà chính là tâm thức của mình. Những thời tĩnh tọa nghiên cứu trong các tịnh thất vắng lặng, rất

ư cần thiết cho hành giả, như những lúc đi dạo trên bờ đê, dưới các tàn cây rậm lá, khi cuốc đất, lúc bừa cùi, nhổ cỏ, trồng rau tiếp khách, trò chuyện... đều không phải là vô bổ... cho việc tu hành.

Trong các bộ Nikaya hay kinh A Hàm, đức Phật thường khuyên hàng môn đệ sơ cơ:

- Này các tỳ kheo! Hãy tỉnh giác khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi co, khi duỗi, khi cúi, khi ngược, khi mặc áo hay ăn cơm, khi đại tiểu tiện...

Ngài muốn nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ hạn cuộc việc tu hành của mình trong một thời gian không gian cố định..., mà nên uyển chuyển, linh động tùy thuận tu tập theo ngoại cảnh. Về sau, kinh Duy Ma Cát, một bộ kinh thuộc hệ phát triển, có nêu lên đề nghị: “Nơi nào cũng có thể tu tập, đâu cũng là đạo tràng” cũng không ngoài việc khai triển và tiếp tục lời nhắc nhở của đức đạo sư trên.

Trong việc tương giao với tha nhân, chúng ta sẽ gặp nhiều việc phiền phức nhưng không kém phần thú vị. Những điều làm ta ngạc nhiên khi nhìn thấy ở người chung quanh chẳng phải là các khám phá lạ lùng đó sao? Gặp một việc bất như ý, bực bội, quạu quọ... phát ra ngôn ngữ, hành động rồi ân hận nuối tiếc... Đó là một diễn trình tâm lý thường gặp mà ta khó tìm được khi ở một mình. Và đôi khi, trong trạng thái cô lập ta phát minh ra nhiều việc mới mẻ hay ho, đối với riêng ta... nhưng thật tầm thường và cũ rích đối với mọi người..., y hệt như công trình của nhà toán học trên đây vậy.

---o0o---

Người Đi Chợ

Xưa, có một bà đi chợ, nhằm ngày rằm, bà xác lản vào chợ, định bụng chỉ mua ít rau cải, đậu khuôn về cho cả nhà dùng vì toàn thể gia đình bà đều ăn thập trai. Nhác trông thấy bà, mụ bán cá đã đon đả mời:

- Mua ký cá tươi chị hai!

Bà đi chợ bực dọc, cau mặt đáp:

- Hôm nay tôi ăn chay.

Đi được vài bước, nghe cô hàng thịt gọi:

- Có mấy ký bắp đùi ngon lắm, chị hai ơi!

Bà Hai liền sùng sộ:

- Tui ăn chay, không biết sao mà mời?

Và, cứ thế, bà Hai của chúng ta cứ nhăn nhó, quạu quọ, cãi cọ, gậy gõ và suýt chút nữa thì sinh ấu đả với các bà đã mời bà mua đồ mặn: tôm tép, gà vịt, mắm... Mãi đến lúc chợ gần tan, bà vẫn chưa mua được món nào mình cần vì cứ mãi đôi co với những kẻ không biết bà ăn chay.

Em thân mến!

Trong thực tế, không có bà đi chợ nào vụng về và ngu ngốc như bà Hai trên đây cả, các bà nội trợ đều đến chợ vội vàng tìm và mua các thứ cần dùng, mỉm cười từ chối lời mời mọc của các bà hàng rồi hồi hả quay về với biết bao công việc đang chờ đợi họ ở nhà.

Nhưng, nếu chúng ta có thể ví môi trường của mình đang sống với một cái chợ thì y như là, tôi và em đều giống bà Hai đi chợ ở trên.

Từ khi bắt đầu cuộc sống mới, từ giã những rắc rối của thế gian giới, điều mà chúng ta cần tìm cho mình là sự giải thoát, giải thoát khỏi những niềm sầu nỗi khổ, những lo toan tầm ruồng đang ray rứt, vướng bận tâm trí mình. Trong cuộc tương giao với người chung quanh, ta chỉ giữ một giới hạn tối thiểu để dành hết thì giờ cho việc hộ tâm, chặn một con trâu hoang đang xấu nét.

Và, thật là bực mình, dễ giận khi những người chung quanh cứ đến bày hàng, rao hàng, mời chúng ta mua những món mà mình đang cố tình lẩn tránh (dù hết sức thềm thuồng) như: thị phi, nhân ngã, bỉ thử, thương ghét... tin đầu làng cho chí cuối xóm..., chuyện từ trái đất đến cung trăng chẳng hạn.

Và, cũng y hệt như bà Hai nọ, chúng ta bực bội, tỏ phản ứng mạnh mẽ: “Hôm nay tui ăn chay” tức là “tui đang mắc tu hành đây.” Ta cũng nhăn nhó, quạu quọ, cãi lầy với những lời mời mọc, cho đến giận hờn, tuyệt giao... Và rốt cuộc, món hàng ta cần là sự an tĩnh của tâm thức thì hoàn toàn vắng bóng.

Đành rằng hôm nay bà Hai ăn chay, nhưng hôm qua và ngày mai bà còn ngã mặn. Vì bà có ăn mặn nên người ta mới cố mời, phải không nào?

Đành rằng, hôm nay ta tỉnh giác, không “ưa” nói chuyện thị phi, ta nhiếp niệm không muốn tán dóc, nhưng mới ngày qua, ta còn phê bình anh kia, nói xấu chị nọ... Và ngày mai biết đâu chừng ai biết được ra sao? Vậy thì, sở dĩ trong cuộc tương giao, người ta thường mời mọc, tặng mình những món ấy là vì ta ưa thích, khoái sử dụng đến... Có phải thế không nào?

Thế thì, tại sao ta không bắt chước các bà nội trợ khôn ngoan kia, mỉm cười từ chối các món hàng không cần thiết để đi thẳng đến sạp hàng có món ta cần mua, rồi nhanh chân về nhà với biết bao công việc đang chờ đón... thay vì gay gổ, cãi cọ, nhằn nhó cùng các bà hàng như bà Hai trong câu chuyện trên đây.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Ba Loại Học Trò

Trong bất cứ trường học nào trên thế giới, chúng ta đều có thể tìm thấy ba loại học trò sau đây khi phải làm một bài toán của thầy giáo:

- 1- Loại một, tự mình loay hoay, kiên nhẫn giải bài toán một mình.
- 2- Loại hai, “cọp dê,” sao y bản chánh của bạn, không cần tìm tòi thắc mắc chi cả.
- 3- Loại ba, nhờ người khác hướng dẫn, biết đáp số và tập giải cho đến lúc tìm ra đáp số ấy.

Thông thường ba hạng học trò trên đều có thể được đến số điểm giống nhau. Nhưng đến lúc vào trường thi, sẽ có ba kết quả khác nhau:

- 1- Hạng một, nhờ đã tự giải một mình nên khi gặp lại đề cũ hoặc tương tự, trúng tủ liền.
- 2- Hạng hai, do “cọp dê” bạn hoặc chép sách nên đến lúc phải xoay sở một mình, liền bí tịt, xoi luôn một cặp trứng ngỗng.

3- Hạng ba, vừa “cọp dê” vừa tập giải theo nên dăm thuở mười thì, cũng có thể giải lấy một mình.

Em thân mến!

Cuộc đời này há chẳng phải là một bài toán nan giải của mỗi người chúng ta đó sao? Đức Phật và các bậc đức giác là hạng học trò số một tự giải lấy bài toán một mình. Các vị thánh đệ tử của ngài cùng chư tổ... có thể ví với hạng thứ ba... còn chúng ta, là hạng thứ hai, chuyên môn “cọp dê” lời của Phật và tổ vậy.

Thế thì, em đã hiểu tại sao khi thấy có nhiều người, trong số ấy có tôi và em, nói rất giỏi lưu loát và hay ho hơn cả Phật tổ và các bậc thầy của mình, nhưng vẫn òa lên khóc, trốn chui trốn nhủi, dọa sẽ cắn lưỡi tự vận mỗi khi thấy bát phong lảng vảng đến gần... rồi chứ?

Hèn chi mà thầy chúng ta đã xem bát phong như trường thi và “xuy bất động” là số điểm cần thiết để chấm đậu vậy.

---o0o---

Huyền Sư

Xưa, có một anh nông dân chất phác, đang ngồi nghỉ mệt trên một bờ đê thì gặp một nhà ảo thuật, tức Huyền sư đi đến.

(Xưa có một cô sư ngụ trong tu viện nọ, đang ngừng tay chấp tác ngồi nghỉ mệt trong vườn chùa thì gặp một cô bạn từ thành đô đến.)

Hai người hàn huyên tâm sự, chàng nông dân yêu cầu nhà ảo thuật trở ít tài mọn cho anh em.

(Hai bên tay bắt mặt mừng, cô sư hỏi bạn những chuyện xảy ra từ phố thị...)

Huyền sư bèn thí thố xảo thuật. Ông há miệng và phun ra một mù vợ...

(Cô bạn bèn bắt đầu kể lể: Hôm nọ, em gặp chị Hai ở chợ Bến Thành...)

Mụ đàn bà này lại há miệng phun ra một chàng thanh niên...

(Chị Hai kể lại với em rằng, hôm rằm chị đi chùa Từ Nghiêm và chị gặp cô Ba...)

Chàng thanh niên lại há miệng phun ra một thiếu nữ...

(Cô Ba bảo rằng đích thân cô nghe mụ Tư nói lại rằng...)

Thiếu nữ há miệng phun ra một bé trai...

(Mụ Tư bảo có một đứa em là bé Năm, đang tu ở chùa Dược Sư...)

Bé trai này há miệng phun ra một, hai, ba, bốn bé gái... Các bé gái này đồng thanh cất tiếng thóa mạ anh nông dân...

(Cô bé Năm bảo rằng, rất nhiều người nói về cô sư, họ đồng ý rằng... cô sư là một người hữu danh vô thực, chỉ được cái ăn nói leo mép chứ bất tài vô tướng, xài không vô, ngữi không thấu...)

Quên phứt rằng mình đang xem ảo thuật, chàng nông dân đứng dậy, vớ lấy cây cuốc, phang vào đám trẻ...

(Quên phứt mình đang tiếp chuyện với bạn cô sư ứa nước mắt, chảy nước mũi, đỏ mặt, nghẹn lời, sực sực nói: Mô Phật, tui có làm gì đâu... ôi, cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng...)

Nhà ảo thuật bị một cán cuốc vào đầu, tức tối bỏ đi...

(Cô bạn cụt hứng, bụng đói meo, khát nước nữa, ngồi củ rữ...)

---o0o---

Chú Sói Thông Minh

Một sư tử và chín chó sói đi săn với nhau. Chúng bắt được cả thảy 10 con nai. Đến lúc chia phần, sư tử hỏi ý kiến đồng đội:

- Chúng ta nên chia phần như thế nào đây?

Một con sói nhanh nhẩu:

- Bẩm, chúng ta có 10 người, chia đều ra là tiện và bình đẳng nhất.

Nói vừa dứt lời, sói đã bị sư tử tát cho một cái, lòi cả mắt. Xong sư tử lại hỏi:

- Chúng ta nên chia thế nào đây, hỡi bạn sói thân mến?

Sói nâu run rẩy thưa:

- Bẩm, nên để hết 10 con nai cho ngài ăn dần... lấy thảo ạ!

Sư tử lại vẫn cho sói nâu một tát, rách toạt cả má, bảo:

- Mi chưa thói phỉnh nịnh nhé!

Xong, sư tử cất tiếng hỏi lần nữa:

- Chúng ta nên chia phần như thế nào đây, hỡi các bạn thân mến?

Bầy sói sợ xanh mặt, không dám đáp, sư tử bực bội hỏi:

- Sói đen, ý kiến bạn như thế nào?

Sói đen hồi hộp thưa:

- Bẩm... đoàn chúng ta có cả thầy 10 người săn được 10 nai tơ. Phần ngài chín nai, phần chúng tôi một nai chín sói. Hai bên tổng cộng đều thành số 10... Đó là cách chia khoa học và công bình nhất ạ!

Sư tử gật gù khen:

- Hay lắm! Công bình và khoa học lắm. Bạn tốt nghiệp phân khoa nào mà thông minh thế nhỉ? Ta không muốn là kẻ mạnh hiếp yếu, ta căm thù sự bất công và phỉnh nịnh nhất đấy.

Sói đen cung kính tâu:

- Bẩm, thần không biết chữ, nhưng nhờ hai trường hợp thực nghiệm của bạn thần vừa rồi, tự nhiên thần nảy ra sáng kiến đấy ạ!

Sư tử gật gù:

- Giỏi đấy! Này đồ chết tiệt kia... lũ bay phải ngoáy tai ra mà nghe và học khôn như sói đen đấy nhé.

Bầy sói đồng thanh đập đầu, gào lên:

- Vâng ạ!

Em thân mến

Gã sư tử trên đây là một tay tham lam hạng nặng. Vừa tham danh nữa. Nhưng, thật ra, loài vật không đáo đê và gian hùng thế đâu. Theo thú tính, chúng chỉ sát hại con mồi khi đói lòng và hoàn toàn dừng dưng khi no bụng. Chỉ có loài người đa sự của chúng ta là khôn khéo và tinh ranh, lừa gạt đồng loại, cướp công cướp của người ta... mà vẫn dương dương tự đắc, xem mình là một kẻ công bình và liêm chính nhất mực vậy.

Và, những bài học đau thương đó, chúng ta đã thấm lượm qua nỗi tủi nhục, thất bại của người đi trước... Đôi khi là của chính mình nữa.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Cặp Kính Mới

Thuở xưa, có anh chàng nọ, con nhà giàu, đẹp trai học giỏi... Anh sẽ là mẫu người lý tưởng hoàn toàn nếu không có cái tật ưa bắt chước thiên hạ chạy theo thời trang.

Thấy bạn bè đeo kính trắng, có vẻ sang trọng và trí thức, anh cũng đi khám mắt và mua một chiếc. Bác sĩ tuyên bố anh bị cận. Thế là anh chàng tậu ngay một cặp kính cận, gọng vàng hảnh hoi.

Từ khi mang kính, anh thường bị nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn. Nên được vài bữa, anh lại đi khám mắt ở một bác sĩ khác. Bác sĩ này tuyên bố anh bị viễn thị và bắt anh mua một cặp kính viễn.

Anh chàng mua kính mới, chứng chóng mặt buồn nôn lập tức biến mất... nhưng khổ nỗi, anh lại bị chảy nước mắt sống cả ngày. đành phải tìm một bác sĩ khác vậy.

Vị bác sĩ thứ ba, một người du học từ ngoại quốc về, quả quyết anh bị chứng loạn thị và đề nghị nên mua một cặp kính khác. Lần này anh thấy sự vật lùì ra xa thay cho chứng chảy nước mắt sống.

Và, cứ thế, mỗi cặp kính mới lại mang đến cho anh một chứng bệnh mới. Để trị bệnh, anh đành phải thay kính liên tục... Cho đến một hôm trượt chân vấp té, anh đột nhiên thấy trời đất phong quang, mọi vật sáng sủa rõ ràng hiện ra trước mắt.

Mừng vô kể anh bước vội về nhà, người nhà chào anh, ngạc nhiên hỏi:

- Ủa, cặp kính anh làm sao thế?

Anh lột kính, cầm lên xem, hóa ra đôi tròng kính đã vỡ đầu mắt, từ cú trượt chân khi nãy.

Từ đó, anh chàng không thèm mang cặp kính nào nữa cả.

(Theo Axit Nêxin, trong “Những người thích đùa”)

Em thân mến!

Qua câu chuyện trên, em đã hiểu lý do tại sao các kinh A Hàm dạy, muốn bước vào thánh quả đầu tiên, người ta phải đoạn KIẾN HOẶC rồi chứ?

Kiến hoặc là những thứ nhận định, thấy làm hiểu bậy của chúng ta về thân, tâm của mình và tha nhân, về môi trường thế giới của chúng ta đang sống. Những niềm sầu khổ của chúng ta đều bắt nguồn từ các nhận định sai lầm đó.

Khi hành giả đã trừ sạch kiến hoặc, vị đó được gọi là “Đặc pháp nhãn tịnh.” Nghĩa là, được con mắt pháp thanh tịnh. Vẫn đôi mắt ngày xưa, đôi mắt mà thuở còn kiến chấp, tư dục nặng nề, nhìn đâu cũng thấy bực dọc, muộn phiền... Một khi đã gột sạch tình chấp, hành giả sẽ thấy cuộc sống vui tươi, thoải mái, an tịnh hơn, nên đôi mắt ấy gọi là mắt pháp.

Trong câu chuyện trên, điều buồn cười và lý thú nhất là anh chàng đó, vốn biết rõ mắt mình không bệnh, không đau, nhưng vì lòng háo danh, ưa thích thời trang, chạy theo mốt mà anh cố tình hành hạ đôi mắt của mình.

Từ bệnh tưởng hóa ra bệnh thật. Đến lúc tình cờ vấp ngã, bị vỡ kính, anh mới trở lại với đôi mắt bình thường dạo trước.

Cũng thế, từ một bản tâm bình thường, thoải mái, trong sáng... do xã hội môi trường chung quanh huân tập, chúng ta đã khoác lên nó không biết bao nhiêu là thành kiến, cố chấp, quan niệm, lý tưởng, truyền thống... cho hợp thời trang. Từ chủ động biến thành thụ động, dần dần, bị đè nặng dưới hàng khối vọng tưởng rồi ren đó, tâm ta bắt đầu loạn động, xao xuyên, bất an... rất là thường xuyên.

Muốn trở lại với bản tâm bình thường, cũng hệt như anh chàng trong truyện, chúng ta không nên đổi thầy thay kính, không buông pháp này chụp pháp kia, mà chỉ cần buông xả hết tình chấp quan niệm, thành kiến mà ta đang khư khư nắm giữ, chấp nhặt như những thứ gia bảo của mình.

Khi anh chàng trong truyện thấy trời đất phong quang, mọi vật rõ ràng là lúc chiếc kính anh đeo bị bể nát. Đây cũng là chỗ mà người xưa đại ngộ, la lên: “Chèn ơi! Ai đè tâm mình vốn không ô nhiễm...” (Lục Tổ) hay là: “Bây giờ, nói một vật cũng trật lất...”

Sau khi khám phá ra sự sai lầm của mình anh chàng nọ mới biết đã bị thầy thuốc, bác sĩ lừa. Vì thế, người xưa sau khi ngộ, liền quả quyết: “Từ đây không bị ai lừa nữa...” (Kể cả những bậc thầy trứ danh như Phật và tổ...)

Và, một thiền sư, khi có vị tăng năn nỉ dạy cho pháp môn tu hành đã nhất định:

- Ta không nói đâu! Nếu ta nói ra, mai kia một nọ, khi khám phá ra được, người sẽ chửi ta.”

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Những Chiếc Ngục Vô Hình

Ngày xưa, có một anh chàng, tên là Trí. Trí sinh ra và lớn lên bình thường như bao nhiêu con người khác. Duy có một điều là chàng luôn luôn ngạc nhiên, thắc mắc. Tại sao con người chỉ đi bằng hai chân, trong khi con bò đi bốn chân? Tại sao con cá biết lội, con chim biết bay? Tại sao con cò

trắng, con quạ đen?... Những câu hỏi liên tục của Trí về mọi vấn đề đã làm rối trí và bức mình bà mẹ chàng không ít. Một hôm, chịu hết nổi, bà mẹ chàng nổi cáu, bảo con:

- Đi tìm thần mặt trời mà hỏi!

Câu nói của bà mẹ khơi động dòng máu phiêu linh của chàng trai mới lớn. Trí liền khăn gói lên đường, tìm thần mặt trời mà hỏi cho thỏa dạ.

Trên đường đi, trải qua không biết bao nhiêu là núi sông ao hồ, làng mạc và phố thị... chàng hỏi thăm rất nhiều người nhưng chưa có ai chỉ cho chàng mặt trời trú ngụ ở nơi đâu cả. Tiện thể, người ta còn gởi gắm cho chàng nhiều câu hỏi, nhờ thần mặt trời giải quyết giùm.

Trong số đó, có ba câu hỏi sau đây là lạ lùng nhất:

- Trường hợp thứ nhất là câu hỏi của một anh chàng chuyên hành nghề bói rác, anh đã hành nghề khá lâu rồi, đến ngán ngẫm mà cứ phải bói hoài bói mãi, chẳng rõ duyên cớ tại sao.

- Trường hợp thứ hai là một anh thanh niên giàu có, suốt ngày cứ thơ thẩn đứng vịn bờ rào của mình, không sao dứt áo đi một chỗ khác được.

- Trường hợp thứ ba, dưới tàng cây rậm lá, trên một tảng đá bằng phẳng, có anh chàng cứ ngồi mãi nơi đó, không có cách nào dứt áo ra đi cho được.

Trí nhận tất cả các câu hỏi của bầy dân thiên hạ, đơn thân độc mã mà đi tìm thần mặt trời.

Cuối cùng, tâm thành của anh được đáp ứng: một thiếu nữ đẹp tựa hăng nga mách cho chàng biết chỗ ở và cách thức để gặp thần mặt trời.

Đó là một ông lão vạm vỡ, toàn thân hừng hực hơi nóng. Không đợi chàng trai nêu rõ hàng lô hàng lốc câu hỏi, thần đã vội vã quơ các tia nắng lại, bó thành một cây hèo và đập lên trán chàng trai dững cảm.

Ăn xong ba hèo của thần mặt trời, Trí cảm thấy đầu óc mình bừng sáng lên. Bao nhiêu băn khoăn thắc mắc bỗng bay vào đâu mất... nhưng đồng thời, chàng cảm thấy con tim mình lạnh lẽo như băng giá mùa đông. Các

niềm sầu khổ, những lo toan của kiếp người trở nên nhỏ nhoi, tũn mủn như trò chơi trẻ con.

Trên đường về, Trí đáp lại lời khẩn cầu của những kẻ gởi gắm chàng bằng một nụ cười khinh mạn. Trí óc chàng thấu hiểu cội nguồn mọi việc nhưng con tim băng giá không chịu đập cùng một nhịp với tha nhân. Chàng vẫn ăn ngủ hít thở, nói nín như mọi người, nhưng ánh mắt làn môi chàng đã như ngọn gió lạnh lẽo cách ly chàng cùng ngoại cảnh.

Đến một ngã ba đường, Trí tình cờ tao ngộ với cô gái đẹp tựa hăng nga dạo trước chỉ đường cho chàng. Nhan sắc xinh tươi của thiếu nữ đã sưởi ấm con tim chàng trai thông thái. Trí ngỏ lời cầu hôn và đưa nàng về nhà. Nhờ tình yêu của cô gái Trí trở nên từ hòa, cảm thông với mọi người hơn.

Gặp lại anh chàng bới rác, Trí đáp ngay:

- Ban sơ anh là một khách bộ hành đi ngang qua đồng rác này, vô tình làm rơi một đồng xu ten. Anh vội vã ngồi xuống bươi rác tìm. Bới mãi, anh quên mất mục đích của mình là bị trói buộc vào công việc. Nếu anh biết rõ rằng đồng xu đã mất không giá trị bao nhiêu, nên dùng thời gian bới rác làm những việc hữu ích hơn, có thể tạo ra hàng trăm hàng ngàn đồng xu mới thì anh sẽ thoát được đồng rác kinh khủng này.

Với anh chàng vịn hàng rào, Trí giải đáp:

- Anh đã đóng được một bờ rào rất ưng ý. Vì vậy anh luôn luôn lo sợ nó bị hư gãy, hoặc bị phá hoại. Đó là lý do tại sao anh cứ đứng bịn rịn với nó mãi. Nếu anh biết rõ rằng cái gì có sinh thành đều có hoại diệt. Khi nó hư hoại ta sẽ tu bổ hoặc làm cái mới. Nên dùng thời giờ vào những việc hữu ích hơn là đứng lưu luyến mãi một cái bờ giậu.

Gặp anh chàng cứ bò lê trên tảng đá, dưới bóng một tàng cây, Trí đáp:-

Cách đây mấy năm, sau khi đi qua một đoạn đường chói chang ánh nắng, anh tình cờ gặp được tảng đá và bóng cây này. Vì sợ người khác chiếm mất chỗ nên anh cứ bò lê mãi trên tảng đá. Cái khung cảnh lúc đầu gây thoải mái dần dà trở thành chốn ngục tù của anh. Nếu anh biết rõ rằng nó chính là chiếc cùm vô hình tước đoạt sự tự do của mình thì anh có thể rời bỏ nó bất cứ lúc nào.

Sau lời giải đáp của Trí, ba anh chàng đều lìa bỏ những chiếc ngục vô hình của mình.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây tôi đã tóm tắt, viết theo một cổ tích của nước cộng hòa Bê Lô Ru Xia. Điểm kỳ thú của câu chuyện là nó vô tình trùng hợp với lời dạy của Phật tổ, một cách lạ lùng hèn chi mà các thiền sư gọi là “vạn lý đồng phong” – muôn dặm cùng một ngọn gió. Phải chăng cổ nhân đã để lại cho chúng ta những bài học nghìn vàng qua các câu chuyện cổ ngô nghệ, thần thoại. Trong tôi và em dường như có đủ mặt của ba anh chàng trên?

Đang sống trong hiện tại, bỗng dung tâm ta khởi lên một hoài niệm về quá khứ (đồng xu bị rơi vào đồng rác), hoài niệm này dẫn theo hoài niệm khác (ngồi xuống bới rác liên tục) cho đến lúc thời gian và khung cảnh hiện thực hoàn toàn bị ngoại cảnh làm u tối (không làm sao thoát khỏi thói quen bới rác).

Nếu không bị chìm ngập trong đồng rác quá khứ, chúng ta lại lo lắng về tương lai. Biết đâu mai này mình sẽ già, sẽ xấu, sẽ bệnh đau? Người thân yêu sẽ chia lìa tử biệt? Lúc lo ra, chìm đắm những viễn tượng xấu tốt của tương lai, chính là lúc chúng ta làm anh chàng bịn rịn, vịn mãi một cái hàng rào bao quanh khu vườn ngã chấp của mình vậy.

Nhưng nếu không hoài niệm về quá khứ, lo lắng cho tương lai, tâm trí chúng ta cũng không thể nào an tĩnh vì cứ mãi đắm say, níu bắt, chấp thủ những sự vật vừa lòng thích ý trong hiện tại (đích thị là anh chàng đang bò lê trên tảng đá rồi nhé)

Như vậy, muốn làm một con người tự do sáng suốt, ta phải rời khỏi đồng rác như nhộp của quá khứ, thả tay khỏi chiếc hàng rào bao bọc chúng ta (khi nào nó đổ thì mình sửa lại)... và sẵn sàng nhường chỗ mình cho kẻ đến sau... Đây chính là điều mà một Tổ sư thiền tông đã nhắc nhở:

“Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến đừng lo
Việc hiện tại chớ đem lòng đắm trước”
Thiếu thất lục môn

Em thân mến!

Chỉ sử dụng trí tuệ trong đời sống không thôi chúng ta dễ trở thành một con người lạnh lùng khô khan, có trái tim băng giá như anh chàng trong chuyện. Phải nhờ tình yêu của cô thiếu nữ xinh đẹp, trái tim chàng trai mới

hồi sinh, đập cùng nhịp điệu với nhân loại. Chính vì vậy mà yếu tố “từ bi” được đề cập song hành với “trí huệ” trong Phật giáo. Một con người có trí huệ thấy rõ các pháp trên thế gian này mơ hồ như “mộng huyễn bào ảnh,” nhưng phải có từ bi mới có thể thông cảm với các “khổ não, ưu, bi” mà kiếp thường nhân nào cũng vướng mắc.

Từ bi không phải là một kết quả của quá trình tập luyện lâu dài, chúng ta sẽ dễ dàng thông cảm và yêu thương những người đang nằm mộng dữ khi mình đã hoàn toàn thức tỉnh, ra khỏi cơn mơ của chính mình. Vì thế mà trong kinh Duy Ma Cật có một đoạn như thế này:

“Do giác ngộ mà khởi tâm từ, do giác ngộ mà khởi tâm bi, do giác ngộ mà khởi tâm hỷ, do giác ngộ mà khởi tâm xả...” vậy.

---o0o---

Một Ngón Tay

Sư Câu Chi, một tăng sĩ thời văn Đường, lúc đầu ở trong một tịnh thất và tạm hài lòng với tình trạng tu học của mình.

Hôm nọ, có một ni cô tên tên Thực Tế, đi thẳng vào cốc của sư, nghênh ngang đầu đội mũ ni, tay cầm tích trượng, nhiều ba vòng thiền sàng, chỗ sư Câu Chi đang ngồi bảo:

- Nói đi, nói rồi ta đỡ nón!

Ni cô lặp lại câu ấy ba lần, Câu Chi không biết nói gì đành ngậm miệng.

Chiều đến ni cô toan cáo từ, Câu Chi bảo:

- Trời tối rồi cô nán lại qua đêm.

Ni cô đáp:

- Nói đi! Nói đi, rồi ta ở lại.

Câu Chi lại ngậm miệng, không biết đáp sao cho ổn. Ni cô bèn bỏ ra đi.

Sự kiện xảy ra là một đòn nặng cho Câu Chi. Sư than:

- Tuy ta mang thân trọng phu mà không có khí trọng phu.

Sư bèn nhất quyết thu xếp mọi việc, tìm thầy học đạo. Tình cờ sư gặp hòa thượng Thiên Long đi ngang tịnh thất, sư bèn đón ngài, lại rước vào tịnh thất, cặn kẽ kể hết nỗi xấu hổ vừa qua. Nghe xong, hòa thượng im lặng giơ lên một ngón tay, Câu Chi hoát nhiên đại ngộ.

Từ đó, ai hỏi gì về thiền, sư chỉ giơ lên một ngón tay.

Câu Chi có nuôi một đồng tử, có người hỏi chú bé:

- Thầy chú trông tầm thường như thế, thì dùng pháp gì để dạy người?

Đồng tử bắt chước thầy giơ lên một ngón tay.

Khi gặp Câu Chi, đồng tử thuật lại tự sự. Sư bèn rút dao cắt đứt ngón tay của đồng tử. Chú bé sợ quá cắm cổ chạy. Câu Chi rượt theo cất tiếng gọi. Đồng tử ngoảnh mặt lại. Câu Chi bèn đưa lên một ngón tay, đồng tử hoát nhiên sáng tỏ. Câu Chi gật gù bảo:

- Ta được hòa thượng Thiên Long truyền cho một ngón tay, bình sanh dùng hoài không hết.

(Bích Nham Lục, tác 19)

Xưa, có một lão tiều phu già, hiếm hoi chỉ có một mụn con trai. Khỏi nói hai vợ chồng ông tiều cưng con như trứng mỏng.

Thói thường, con cưng là con hư. Theo năm tháng, chú bé đã trở thành một thanh niên lực lưỡng, khôi ngô, nhưng chỉ biết ăn chơi tùy thích và sống bám vào cha mẹ. Biết mình không còn sống được bao lâu, ông tiều dành dụm chút ít tiền bạc cất vào một nơi kín đáo, hứa sẽ trao cho cậu con ngay lúc nào mà cậu ta có thể làm ra đồng bạc đầu tiên do chính sức lao động của mình. Chàng thanh niên thích hũ bạc nhưng không chấp nhận điều kiện của cha. Bà tiều thương con, giấu chồng bán một ít gia súc trong nhà cùng với tư trang của bà, đem cho con trai.

Cậu con trai mang số vốn độc nhất của mẹ vào một tửu điếm nhậu gần hết sạch.

Còn mấy đồng lẻ cậu ta mang về nhà trao cho cha, nói dối rằng đó là số tiền chàng kiếm được trong ngày. Ông tiều chẳng nói chẳng rằng, cầm số tiền ấy quăng ngay xuống ao. Bà mẹ tiếc của ôm mặt khóc, riêng cậu con trai thì cứ tươi tỉnh như không có chuyện gì xảy ra.

Ông tiều lập lời giao ước và đuổi cậu con quý ra khỏi nhà ngay lập tức. Cậu con ra đi tha phương cầu thực. Đến lúc đói bụng thì đầu gối phải bò, chàng đành phải khuân thuê vác mướn, kiếm ăn qua ngày. Đến lúc dành dụm được ít tiền chàng mới đi về thăm bố mẹ.

Cầm số tiền ít ỏi của cậu con, ông tiều vẫn giữ nguyên thái độ cũ, quăng ngay vào bếp than hồng.

Cậu con xót của, vội vã cào than ra nhặt tiền quên cả bồng tay. Khi ấy ông tiều mới cười ha hả:

- Bây giờ, cha mới tin số tiền này là do con làm ra, con trai ạ!

Ông bèn trao hết gia tài cho con.

Em thân mến!

Cậu con trai trong truyện, chỉ biết sống bám vào cha mẹ, chưa từng làm ra đồng tiền nên chưa biết giá trị của nó. Đến lúc phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt, chàng mới thấy quý trọng nó.

Cũng thế, trong nhà thiền, sự thực nghiệm tu và chứng có giá trị hơn là tri giải suông. Qua công trình của người khác, ta có thể sưu khảo, biên chép, dẫn giải, trích yếu... để làm thành kiến giải, sở tri của riêng. Cái sở tri đó giống hệt như đồng tiền của kẻ khác, chỉ làm chúng ta thêm nhác nhúa, y lại... y như anh chàng ăn bám trên.

Đến lúc phải giáp mặt với cuộc đời, đối phó cùng bát phong, chúng ta mới thấy mình là một kẻ ăn bánh vẽ, tri và hành hoàn toàn khác xa nhau.

Như ông cha trong truyện đã kiểm chứng sự chơn thật của cậu con một cách tài tình, các thiền sư cũng thế, các ngài thường tra vấn, gạn lọc để xem đồng tiền nào là của chính mình. Và may mắn thay, loài người chúng ta có thể mạo, bắt chước đủ thứ, ngoại trừ sự giác ngộ.

Đồng tiền của chàng trai làm ra, tuy ít ỏi nhưng giá trị gấp trăm ngàn lần số tiền ăn bám. Vì vậy mà ông tiều đã cười ha hả khi nhìn thấy thái độ quýnh quáng của cậu con. Cũng vậy sự thực nghiệm tu chứng của chúng ta, dù vụng về nhưng có giá trị gấp nghìn gấp trăm lần những kiến giải mà ta ăn cắp của người khác. Quý báu vì nó giúp chính đương nhân chống chỏi hữu hiệu với cuồng phong theo dòng đời mà không hề ô nhiễm, và nhất là nó có thể giúp hành giả biện biệt rõ chân giả... giúp cho thế hệ đàn em có được sự vững chãi của chính mình mà không cần viện đến hàng hà sa số kinh sách, ngôn từ vậy. Đó là ý chỉ câu nói của thiền sư Câu Chi.

- Ta được hòa thượng Thiên Long truyền cho một ngón tay, bình sanh dùng hoài không hết.

Được uống dòng nước pháp
Lòng thanh tịnh an lạc
Người trí thường hoan hỷ
Nghe bậc thánh thuyết pháp.

PC 79

---o0o---

Thiền Sư Niệm Phật

Tăng Nhất Biến (1229-1280) đến học thiền với thiền sư Pháp Đăng (1203-1298). Thiền sư muốn kiểm chứng trình độ của học trò, bắt Nhất Biến làm kệ. Nhất Biến liền ứng khẩu đọc một bài kệ:

Khi xưng tụng danh hiệu
Không Phật cũng không ta
Duy chỉ nghe có tiếng
Nam mô A Di Đà

Thiền sư không chấp nhận. Nhất Biến bèn trình bài thứ hai:

Khi xưng niệm danh hiệu
Không Phật cũng không ta
Chỉ có
Nam mô A Di Đà
Nam mô A Di Đà

Thiền sư bèn gật đầu.

---o0o---

Kẻ Mạnh Nhất

Thuở xưa có một con mèo. Vốn yếu đuối và thích nương tựa. Mèo nghĩ bụng rằng phải tìm một người bạn thật khỏe mạnh để nhờ cậy. Nhìn tới ngắm lui, chỉ thấy có sư tử là khỏe nhất trong các loài thú. Mèo liền mon men đến kết bạn với sư tử.

Một thời gian sau sư tử bị voi giày chết mất, mèo mới khám phá ra voi còn mạnh hơn người bạn cố tri của mình. Thế là mèo đánh bạn với voi.

Hôm nọ, voi bị một chàng thợ săn bắn chết, mèo liền theo anh thợ săn về nhà.

Về đến nhà trông thấy chị vợ của anh thợ săn chạy ra lấy hết thịt săn, mũ áo và cả khẩu súng của anh đem cất. Mèo ngạc nhiên nghĩ bụng: “Không ngờ mụ đàn bà này còn khỏe hơn anh thợ săn. Anh ta bị tước khí giới, đồ đạc mà chỉ làm thình chớ không dám hó hé một tiếng.”

Mèo liền đi theo chị vợ vào bếp, chị ta cho mèo ăn, vuốt ve nó. Thế là mèo quyết định ở lại làm bạn với phái nữ, nhân vật mảnh mai, yếu đuối mà lại mạnh hơn cả đàn ông, voi và sư tử. Nếu bạn không tin thì cứ hỏi các chú mèo đang lẩn quẩn bên chân các bà ấy.

Em thân mến!

Người ta thường gọi phái nữ là phái yếu. Điều này chưa chắc đã đúng. Sự thật lịch sử cho ta thấy rằng nhiều đấng tu mi vạm vỡ có thể hạ một con bò tót bằng đôi tay trần của anh ta, nhưng lại bó tay quy hàng khi bị trói bằng một sợi tóc của mỹ nhân kia đấy. Nụ cười của Bao Tự đáng giá bằng cả cơ nghiệp của U Vương. Chính đức đạo sư của chúng ta cũng có lần than thở rằng, nếu trên thế gian này, có sức mạnh nào tương đương với nữ sắc thì chắc chắn là không có ai thành Phật nổi... May mà cõi hồng trần chỉ có mỗi một hạng sinh vật nguy hiểm nhất: phụ nữ.

Các bậc tu hành, giáo tổ, thánh nhân là đàn ông... đều nhất loạt lên án đàn bà... khiến bọn phàm phu nhao nhao bắt chước nói theo mà quên rằng, chính lòng đam mê, háo sắc của người đàn ông mới là nguyên nhân chính

làm cho họ bủn rủn tay chân, tiêu tan hết dũng khí. Vì thế, đức Phật thường canh chừng nhắc nhở đám con trai của Ngài rất kỹ. Phật thường khuyên các thầy tỳ kheo: “Tốt nhất là tránh xa phụ nữ, rủi ro có kẻ cận thì chớ có nói chuyện, nếu có nói chuyện thì chớ có nhìn (thật là bất lịch sự)... nên... nếu phải nhìn thì chớ có dại mà nhìn từ mắt cá chân họ trở lên... Đừng bao giờ tin tưởng vào tâm mình khi chưa chứng A La Hán, tức là đã gột sạch các kiết sử: tham, sân, si, mạn, nghi... v.v...

---o0o---

Con Người Hạnh Phúc

Ngày xưa, có một ông vua. Như bao nhiêu vị vua khác, ông có vô số vợ con, đất đai, vàng bạc châu báu... cùng tất cả thú vui mà trí óc hạn hẹp của con người có thể tưởng tượng ra. Ông chỉ thiếu có một điều độc nhất là hạnh phúc.

Nhà vua đáng thương của chúng ta ra lệnh cho đình thần phải tìm đủ mọi cách để ông có được hạnh phúc. Thế là, người ta dâng lên ông đủ thứ phương án: yến tiệc, hội hè, ca vũ, săn bắn... Chí đến ngắm trăng cùng sao.. Nhưng... tất đều không kết quả. Đấng quân vương của họ vẫn cứ nhăn nhó suốt ngày... than phiền rằng:

“Bao nhiêu đau khổ của trần gian
Trời đã dành riêng để tặng chàng.”

Như thường lệ, một người bình thường mà u sầu, bực bội thì chỉ làm khổ họ và vợ con, người chung quanh... Nhưng một vị vua mà nổi sùng (khi buồn... người ta dễ nổi sùng) thì quả là một đại họa cho thần dân cả nước. Công việc cấp bách nhất của bầy dân thiên hạ nước đó là làm sao cho nhà vua được hạnh phúc.

Cuối cùng nhà tiên tri xử quẻ rằng: “Phải lấy chiếc áo của một người hạnh phúc cho vua mặc thì vua sẽ được hạnh phúc kẹ...”

Đáp số đã tìm ra, nhưng người hạnh phúc đó là ai, ở đâu mới được chứ?

Thế là, theo thượng lệnh, hàng trăm, hàng nghìn ngự lâm quân, công an mật vụ, tình báo được tung ra khắp chốn, từ thâm sơn cùng cốc chí đến hang

cùng ngõ hẻm để tìm ra cái con người dám tự nhận là hạnh phúc trên trần gian.

“Tìm ắt sẽ gặp,” Chúa Kito đã bảo như thế nên rốt cuộc, người ta dẫn về hoàng cung một gã thợ rèn nghèo khổ đã đại mồm, đại miệng thốt lên:

“Ôi hạnh phúc thay!”

Đấng quân vương bèn truyền lệnh phải lột ngay chiếc áo tên thần dân hạnh phúc ấy cho ngài lập tức. Nhưng than ôi! Gia tài của chàng thợ rèn chỉ vụn vụn có hai chiếc quần xà lỏn..

Biết làm sao bây giờ?

Truyện cổ Phi Châu

Em thân mến!

Thế thường, chúng ta thường quan niệm hạnh phúc là khi chúng ta được có càng ngày càng thêm hơn những cảm thọ lạc và hỷ... nhưng cảm thọ nào sau sự kích thích mới lạ lúc đầu, cũng mang đến sự nhàm chán lúc đã quen thuộc. Đó là lý do giải thích tại sao ông vua dù đã có tất cả những phụ tụng mơ ước của trần gian mà vẫn không thấy hạnh phúc.

Động lực thúc đẩy đấng đạo sư đi tìm đạo là khi mục kích sự đau khổ của tha nhân và chính mình. Sau khi giác ngộ, Ngài đi rao truyền giáo pháp để diệt khổ, khổ đau chấm dứt, thì đương nhân sẽ chiêm nghiệm một cảnh giới an lạc, hạnh phúc gọi là niết bàn. Trong một đoạn kinh đức Phật có dạy:

“Không có khổ đau với người không sở hữu”. Danh từ “vô sở hữu” có nghĩa là không chấp thủ, bám víu v.v... và v.v... nhưng nếu hiểu theo một ý nghĩa khác thì đó là sự diễn tả cái nghèo của nội tâm, lúc hành giả trực ngộ cái “vô nhất vật” của chính mình, như ngài Hương Nghiêm đã nói:

“Năm xưa nghèo chưa thật là nghèo
Năm nay nghèo mới thật là nghèo
Năm xưa nghèo không đất cắm dùi
Năm nay nghèo đến dùi cũng không có.”

Và phàm tục hơn, chúng ta có thể nói với chàng thợ rèn như thế này:

“Đau khổ không đến với người chỉ có... hai cái quần xà lỏn” vậy.

---o0o---

Chàng Xạ Thủ

Thuở xưa, có một chàng trai tên là Kỳ Dương. Kỳ Dương nuôi ước vọng được trở thành một xạ thủ lừng danh, nên đã tìm đến Vệ Phủ, một đệ nhất thiện xạ thời đó.

Vệ Phủ hứa sẽ truyền nghề cho chàng trai với điều kiện là Kỳ Dương phải tự mình tập luyện sao cho khỏi chớp mi mắt trong bất cứ trường hợp nào.

Kỳ Dương bèn về nhà, chui xuống dưới khung cửa của vợ, nhìn không chớp mắt vào con thoi đang chạy thoăn thoắt trên khung cửa. Tập luyện ròng rã suốt hai năm dài như thế, đôi mắt của Kỳ Dương đã đạt đến trình độ bất động, ngay cả lúc con thoi chạm vào mi mắt làm đứt mấy sợi lông nheo của chàng. Ngay trong giấc ngủ, đôi mắt Kỳ Dương vẫn mở trao tráo. Đến lúc ấy, chàng tìm gặp Vệ Phủ. Lần này, Vệ Phủ bảo Kỳ Dương hãy tập nhìn. Phải tập nhìn bằng cách nào cho một con sâu biến thành bự như con gà mới được.

Kỳ Dương lại trở về, chàng bắt một con sâu nhỏ, dùng dây cước treo lủng lẳng ở đầu giường và ngồi trên giường, tập trung hết tinh thần và nhãn lực để nhìn con sâu.

Ngày này qua ngày khác, Kỳ Dương chỉ ngồi nhìn con sâu, quên hết ngoại cảnh. Được chừng mười hôm, Kỳ Dương thấy con sâu to hơn trước. Cuối tháng thứ ba, chàng nhìn thấy con sâu to bằng con tằm, và nhìn thấy rõ cả những sợi tơ óng ánh trên xác con sâu.

Trong suốt ba năm, Kỳ Dương không ra đến cửa, chỉ ngồi nhìn con sâu.

Cuối cùng, chàng thấy con sâu to bằng con bò, chỉ có mỗi một con sâu thôi, còn toàn thể vũ trụ đều tan biến đâu mất. Kỳ Dương bèn đứng dậy, lấy cung tên, lắp tên, lùi ra xa, tập trung nhãn lực nhìn con sâu rồi phóng tên. Đầu mũi tên cắm trúng con sâu vào cánh cửa gỗ.

Kỳ Dương bèn đến thăm Vệ Phủ. Vệ Phủ bảo:

- Người đã đến đích rồi.

Từ ngày hôm đó, Kỳ Dương bắn tên bách phát bách trúng. Chàng có thể đứng xa hàng trăm thước bắn trúng xuyên tâm chiếc lá liễu bay phất phơ trước gió. Chàng có thể giương chiếc cung rất nặng, đặt trên khuỷu tay phải một cái chung đầy nước rồi bật dây cung phóng tên mà chén nước vẫn không sánh đổ ra ngoài một giọt. Chàng đã hoàn toàn làm chủ được tay chân và tâm thức trong lúc bắn cung. Tài nghệ nghiêm nhiên ngang hàng với Vệ Phủ, không cần phải học hỏi gì thêm nơi ông ta nữa. Kỳ Dương bỗng nảy ra một ý nghĩ: “Nếu Vệ Phủ còn sống, Kỳ Dương không thể nào là đệ nhất xạ thủ trong thiên hạ được.” Chàng quyết tâm sẽ giết Vệ Phủ nếu tiện dịp.

Dịp may đã đến. Một hôm, đang đi dạo ven rừng chàng bắt gặp bóng dáng đơn độc của Vệ Phủ bên kia sườn núi. Kỳ Dương bèn dương cung, nhắm nhay vị thầy cũng là địch thủ duy nhất của chàng trên đường danh lợi. Nhưng Vệ Phủ, nhà vô địch thiện xạ thời danh, cũng không phải là tầm thường. Đã từ lâu, ông ngâm đọc được bản án tử hình của mình trong đôi mắt của đệ tử đầy tham vọng. Vệ Phủ cũng rút cung, lắp tên, bắn trả lại kịp thời. Hai mũi tên gặp nhau trong hư không đồng rơi xuống. Hai người tiếp tục bắn, và lần nào, hai mũi tên cũng gặp nhau và rơi xuống đất.

Cuối cùng, Vệ Phủ hết cả tên trong khi gã học trò phản phúc hãy còn một mũi định mệnh.

Túng thế, Vệ Phủ bẻ vôi một cành cây phóng trả... Nhánh cây gặp mũi tên của Kỳ Dương và cùng rơi xuống đất. Khi đã bắn hết tên Kỳ Dương cảm thấy hối hận, chàng vui mừng chạy về phía Vệ Phủ, như gặp lại một người thân yêu trở về từ bên kia cửa tử. Phần ông thầy già quá vui thích trước sự thành công của mình và tài nghệ của học trò nên đã mở rộng vòng tay ôm lấy tên bội bạc. Cả hai đều bật khóc.

Vệ Phủ bảo Kỳ Dương:

- Đến nay, ta đã truyền cho con hết khả năng của mình. Nếu con muốn tiến thân nữa, hãy đến ngọn Tây Sơn, bên sườn núi phía Nam mà thọ giáo với một dị nhân nơi đó. Tài nghệ của ta so với người cách xa như mặt đất và bầu trời vậy.

Kỳ Dương liền bỏ ra đi. Sau nửa năm dài trèo non lội suối, chàng tìm đến chỗ ở của dị nhân và thành khẩn xin thọ giáo.

Sau mười năm học tập, chàng trở về quê nhà mà không mang theo cung lẫn tên. Trên gương mặt đầy kiêu khí và ngạo mạn ngày xưa, chỉ còn lại một vầng trán rộng, đôi mày dài là của Kỳ Dương thừa nọ. Không bao giờ người ta thấy Kỳ Dương sử dụng cung tên hay nhắc đến chúng. Duy có một điều là, theo lời người ta kể lại, chỉ cần một cái nhìn, chàng bắn rơi cả bầy chim đang bay... và những tên bắt lương đều né chàng như gặp đao phủ vậy.

Có một lần Vệ Phủ tìm đến thăm học trò. Vừa nhìn thấy Kỳ Dương, ông đã vội vã thi lễ:

- Bây giờ người mới đích thị là đệ nhất thiện xạ. Ta không đáng rửa chân cho người.

Và, nếu lời đồn không ngoa thì, đã có lần Kỳ Dương trả lời cho những người hiếu kỳ, tại sao chàng không dùng cung tên nữa:

- Giai đoạn tối thượng của hữu vi là vô vi. Giai đoạn tối thượng của lời nói là im lặng. Giai đoạn tối thượng của nghệ thuật bắn cung là không còn biết đến cung tên nữa.

Em thân mến!

Câu chuyện trên được đề cập trong quyển Trung Hư Chân Kinh, thiên 6, một bản kinh của đạo gia Trung quốc. Qua đó, ta có thể thấy nghệ thuật cung cũng na ná như nghệ thuật học thiền.

Nếu Kỳ Dương phải bỏ hai năm tập không nháy mắt, ba năm để nhìn một con sâu hóa to bằng con gà thì một hành giả thiền tông cũng phải bỏ một khoảng thời gian vô định để tập tự chủ và chú trọng vào tâm thức mình bất kể trời đất xoay vần ra sao.

Một sự tập trung tư tưởng cao độ có thể giúp hành giả điều luyện trong nghệ thuật thiền, nhưng chưa thể hàng phục tham, sân, si.. mà bất cứ tâm thức điên đảo nào cũng có. Đó là lý do giải thích vì sao mà Kỳ Dương nảy ra ý định giết chết ân sư của mình.

Bây giờ, chúng ta chưa khám phá ra bộ mặt đích thực của chính mình thì chúng ta có thể bị sai sử bởi vô minh, ta vẫn thèm khát những hư danh hoa hòe của trần thế. Và thật là tai hại khi nghệ thuật, tài hoa được sử dụng bởi một bản tâm ô nhiễm, đầy dẫy thù hận, ghét ganh.

Sau 10 năm dài thọ giáo với dị nhân, Kỳ Dương không còn là Kỳ Dương ngạo mạn và hiếu danh thuở trước. Đến lúc ấy, Vệ Phủ, vị ân sư của chàng mới thành thật bái phục: “Ta nay không bằng nhà ngươi.”

Thông thường, chúng ta cứ nghĩ, hễ là xạ thủ thì phải có cung tên để sử dụng. Thiền sư thì phải kè kè bồ đoàn tọa cụ một bên, pháp sư thì phải nói lách vấp cả ngày, tu sĩ thì phải hì hục tụng công đối trị, tập trung tư tưởng, kèm tâm, chấn trầu v.v... có lẽ vì vậy mà chúng ta hụt hẫng khi nghe câu nói sau cùng của Kỳ Dương hoặc ngỡ ngác khi đọc các trang kinh đề cập đến hạnh “vô công dụng” của nhà Phật.

Thiền sư Viên Ngộ, một cao tăng lừng danh đời nhà Tống, cũng có lần rơi vào trường hợp của chúng ta:

“Hôm nọ, Viên Ngộ vào thất để luận đạo cùng thầy mình là Pháp Điền. Lúc cáo từ, sư bắt gặp một nét bất như ý trên gương mặt của ông thầy. Sư liền hỏi:

- Bẩm, cuộc luận đạo hôm nay có gì khiếm khuyết?
- Ngươi đề cập đến Phật, đạo, thiền, tu hành nhiều quá!

Viên Ngộ ngạc nhiên:

- Thưa con là một tu sĩ Phật giáo thì đề cập đến những vấn đề đó... là chuyện thường tình chứ!
- Người ta hay nói đến cái gì mà người ta thiếu.
- Nếu không nói những chuyện đó... thì con biết nói gì với thầy bây giờ?
- Một cuộc trò chuyện bình thường thôi, đồ đệ ạ!

---o0o---

Mũi Tên Vàng

Theo thần thoại Hy Lạp, Eros là một vị thần bất tử, đẹp trai, trông coi về tình ái của chư thần và nhân gian. Eros được hình dung là một cậu bé có cánh, một tay cầm tên, một tay cầm cung, sau lưng là ống tên, tóc quăn đôi khi bịt mắt.

Eros thường bay lượn trên đôi cánh bằng vàng, qua các lục địa và đại dương nhanh như gió, tay cầm chiếc cung bạc và bằng những mũi tên vàng nhỏ xíu. Không ai có thể thoát khỏi những mũi tên của thần, “những mũi tên chinh phục mọi con tim và thắng những lời khuyên sáng suốt.” Tuy không làm chết ai nhưng lại gieo rắc cái dục vọng mãnh liệt vào tâm hồn người trúng tuyển. Nhưng Eros cũng không thoát khỏi những mũi tên của mình. Mọi tình Eros và Xisê khá cảm động và đẹp như mơ.

Xisê là người trần có sắc đẹp lộng lẫy đến nỗi Aphrôdít, thần sắc đẹp, là mẹ của Eros phải đem lòng ganh tỵ.

Aphrôdít sai Eros xuống bắn tên, dàn xếp cho Xisê phải kết duyên với một con độc long khủng khiếp. Nhưng sắc đẹp của Xisê làm thần ái tình bàng hoàng, chàng bỡ ngỡ thế nào mà làm mũi tên vàng cắm sâu vào tim mình. Thế là Eros mang người đẹp lên lâu đài của chàng cung sống với người ngọc... nhưng Xisê không bao giờ thấy mặt chồng, nếu nàng muốn hạnh phúc mãi mãi.

Xisê bằng lòng sống với tình yêu toàn mãn của con người giấu mặt đó.

Cho đến một hôm, hai bà chị Xisê đến thăm, họ nghi ngờ Eros phải là một con quái vật hung bạo và xấu xí. Vì thế, Xisê nhất định nhìn mặt chồng.

Đêm hôm đó, chờ Eros ngủ say, nàng thắp đèn ngắm dung nhan con người bí ẩn. Trong ánh sáng lung linh của ngọn nến, trước mắt nàng là một chàng trai má đỏ môi hồng, tóc vàng lượn sóng vô cùng xinh đẹp. Xisê đang mê mẩn ngắm người chồng yêu quý thì Eros bừng tỉnh và biến mất cùng với toàn bộ lâu đài nguy nga, vườn hoa ngào ngạt hương thơm.

Xisê thấy mình ngồi trên tảng đá khô cằn, bơ vơ và hối hận, nàng không biết làm gì hơn là úp mặt vào đôi tay, khóc than thảm thiết.

Em thân mến!

Đó là một câu chuyện nhỏ trong thần thoại Hy Lạp. Tương truyền rằng, khi thần ái tình chào đời, thượng đế đã đoán trước rằng thần sẽ mang lại cho trần gian nhiều thống khổ bằng những mũi tên vàng, định giết đi nhưng không đành.

Kể lại câu chuyện này cho em nghe, tôi muốn nhấn mạnh đến câu chuyện tình của thần Eros, đến niềm hạnh phúc của nàng Xisê và điều kiện hạnh phúc: không được thấy mặt người tình. Đôi tình nhân phải sống trong bóng đêm đen kịt. Chỉ cần một chút ánh sáng le lói là toàn thể cung vàng điện ngọc, tình yêu... đều biến mất, đương sự sẽ thấy mình đứng bơ vơ một mình, khóc than cho mối tình đã mất và niềm hạnh phúc chỉ được nuôi dưỡng bằng bóng tối sẽ không bao giờ trở lại.

Người Hy Lạp đã có lý khi xây dựng cốt truyện trên. Tình yêu ở thế gian này là một cái gì thật lạ lùng, chỉ được tồn tại trong bóng tối, khi ta gặp mặt người tình và nhắm tít mắt lại... nó sẽ biến mất cùng bao nhiêu hoa mộng khi bị phơi bày ra ánh sáng phũ phàng.

Tình yêu đó, trong Kinh gọi là dục, là ái, là đầu mối của sinh tử cùng đau khổ. Đức Phật có đề cập đến tình yêu không khổ, không biến mất khi bị ánh sáng dội vào. Đó là tấm lòng đại từ, đó là lòng yêu thương không duyên cớ, không đối tượng, không còn ranh giới giữa năng và sở. Muốn với tới loại tình yêu này, tâm hồn chúng ta phải an tĩnh, vắng bật những lo toan, vọng động, xao xuyên... nên câu chuyện xin dừng lại nơi đây vậy.

---o0o---

Tu Hành

Đạo Nguyên là một thiền tăng Nhật Bản. Khi mới sang Trung quốc, ông lưu lại dưới thuyền của một thương khách.

Hôm nọ, gặp một vị sư già, làm chức điển tọa, trông nom việc bếp núc trong chùa A Dục Vương đến thuyền mua nấm. Đạo Nguyên mời ông sư dùng trà và thăm hỏi tình hình Trung quốc. Lúc khách cáo từ, Đạo Nguyên hỏi:

- Sao thầy không lo việc tọa thiền, chỉ chuyên bếp núc, lại lặn lội đi xa xôi mua nấm thế này?

Vị sư già cười lớn bảo:

- Nay ông khách Nhật Bản, thật ông chưa biết gì là học đạo, tu hành cả.

Đạo Nguyên chợt nhận ra sự sai lầm của mình và từ đó, ông có một quan niệm về hai chữ tu hành mới mẻ và thực tiễn hơn.

Khi đã thành một thiền sư chính hiệu, Đạo Nguyên viết trong quyển Hành Trì, những dòng sau:

“Hành trì hằng ngày là báo tạ ơn lớn của thầy tổ.”

Em thân mến!

Quan điểm về chuyện tu hành của thiền tăng Đạo Nguyên cũng chính là quan điểm của tôi và em.

Thông thường, chúng ta cứ nghĩ rằng tu có nghĩa là cạo tóc, ăn chay, tọa thiền, tụng kinh, lễ Phật... mới là tu. Còn ngoài ra các động tác khác trong đời sống thường ngày như ăn cơm, mặc áo, tiếp chuyện, quét nhà, gánh nước, đều là phạm phu tục tử ráo rọi.

Cũng chính vì vậy mà chúng ta thường hành trì thành kính trang nghiêm rất mực trong thời gian tu và “xả giàn” trong những lúc “không tu”, từ hòa nhẫn nhục trong khi tọa thiền, lễ Phật, và náo loạn, cau có, nói sùì bọt mép trong lúc chấp tác... chẳng hạn.

Quan điểm sai lầm này không phải chỉ có ngài Đạo Nguyên, tôi và em vấp phải mà thuở xưa, các vị tỳ kheo sống cùng thời với Phật hằng ngày cũng vậy. Do đó mà đức đạo sư đã nhắn nhủ với chúng ta rằng:

“Này các tỳ kheo! Các con phải tỉnh giác khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi co, khi duỗi... khi cúi, khi ngước, khi mặc áo tăng già lê, khi đại tiểu tiện...v.v...”

Trong kinh Duy Ma, Bồ tát Duy Ma Cật tuyên bố: “Đâu cũng là đạo tràng...” cũng là tiếp nối chiều hướng đó.

Hiểu được điều này, chúng ta mới thấy thời giờ tu hành của mình thật là dồi dào và đạo tràng của chúng ta cũng sẽ hết sức là rộng rãi. Nơi điện Phật, trong tịnh thất, hay ngoài ruộng rẫy, chúng ta có thể dụng công lúc tọa thiền và chẳng mất công phu hạ thủ những khi nấu cơm, gánh nước, cuốc đất, trồng rau v.v... Hành động nào cũng cần thiết và quan trọng như nhau, cũng là báo ân Phật tổ, là cúng dường chúng sanh hết... cả! (miễn là biết tỉnh giác).

Em có thấy như thế không?

“Misuya kun
Asu wa chiri mambaha da nino
Chikara no kagiri hito toki o saku”
Kuji Takerko

Người thấy chăng?
Ngày mai hoa sẽ rụng
Đời hoa chỉ một lần.

“Sự báo ân không có cách nào khác hơn là chân thật hành trì hằng ngày. Đó là cách báo ân đúng đắn nhất.” TS Đạo Nguyên

---o0o---

Trăng Sao

Trong những đêm trăng mờ, nhìn lên bầu trời, chúng ta thấy màn đêm chi chít những sao là sao! Rõ ràng nhất là sao hôm và sao mai... Đó là những vì sao nằm trong thái dương hệ với hành tinh của chúng ta.

Theo các nhà khoa học, mặt trăng và sao mai không tự phát ra ánh sáng nhưng nhờ ánh sáng mặt trời chiếu soi mà chúng trở thành sáng lấp la lấp lánh như thế.

Ánh sáng phát ra từ mặt trời, tung tóe khắp nơi, trở nên rực rỡ khi có vật cản và dường như khó nhận thấy khi không có vật phản chiếu. Chính vì vậy mà chúng ta thấy trăng sao lóng lánh và màn đêm đen thẫm.

Em thân mến!

Tôi tạm mượn bầu trời, trăng cùng sao để nói về tâm thức của chính mình.

Trong những lúc lòng ta vắng bật mọi vấn đề: tham, sân, từ bi, hỷ xả, vui buồn ta thấy dường như mình biến đâu mất. Trạng thái này gọi là TỊCH (tịch tĩnh).

Ngược lại, trong các giờ tĩnh tọa, vấn đề ta đang cuu mang, bận tâm (như bỏ thẻ chứng minh nhân dân đâu mất tiêu) bỗng dung sáng bừng lên,

dù ta không cố gắng nhớ, nghĩ tới. Trạng thái này tạm thời gọi là CHIẾU, sáng soi, sáng tỏ.

Như ánh sáng mặt trời, luôn luôn chiếu soi bất kể đêm ngày trong ta không giây phút nào vắng bóng trí tuệ. Ánh sáng mặt trời chỉ được nhận thấy khi có vật cản (trăng sao)... thì trí tuệ chỉ biểu lộ rõ ràng khi vấn đề trong tâm thức đang cuu mang được tháo tung... Và, ngay cả lúc lòng ta vô sự, trí tuệ vẫn không vắng bóng.

Trăng sao, ánh sáng, mặt trời hay nói đúng hơn là chứng CÓ mà dường như KHÔNG vào những ngày giông bão, mây mù giăng bủa khắp nơi.

Cũng vậy, khi tâm ta bị vây bủa bởi các triền cái: tham lam, giận tức, nghi ngờ, náo loạn, hôn trầm... thì trí tuệ, tịch, chiếu... đều biến mất, chỉ còn lại sự buồn phiền, mệt mỏi, chán ngán mà thôi.

Muốn phục hồi trở lại ánh sáng trí tuệ sẵn có, hành giả phải chọn một pháp môn thích hợp với căn cơ của mình như: tọa thiền, quán tưởng, niệm Phật, trì chú... pháp môn nào cũng được, miễn sao lúc hành trì nó giúp cho hành giả quét sạch tham, sân, si, nghi... chuyển các tâm rối loạn, đa sự thành nhất niệm, một tâm niệm chuyên nhất, từ nhất niệm tiến dần đến vô niệm, không còn tưởng niệm nào hết, thì khi ấy, như bầu trời trong đã hết mây mù, trăng sao, mặt trời đều hiện rõ, tha hồ mà chiếu hay tịch gì cũng được.

---o0o---

Khi Phật Làm Thầy Đám

Một thuở nọ, đức đạo sư đi du hành đến một khu làng của Bà La Môn tên là Khanumunata.

Nơi đó, gia chủ giàu có òa Kùtadanla đang chuẩn bị một đại lễ tế đàn với 3500 súc vật gồm:

- 700 con trâu đực
- 700 con nghé đực
- 700 con nghé cái
- 700 con dê
- 700 con cừu

Mọi việc đang được chuẩn bị thì Kùtadanla nghe danh Phật, ông nghĩ bụng: Thiên hạ đồn rằng sa môn Cồ Đàm là một thầy tu nổi danh vĩ đại... Tu sĩ nào cũng rành rẽ mấy nghề bùa chú, cúng quảy, bói toán... hơn là thường nhân... mình phải tới hỏi ông về cách thức lập đại lễ tế đàn mới được! Chắc chả có tổn kém gì mấy vì nghe đâu ông ta ít có nhận tiền thù lao như mấy ông thầy cúng, thầy đám khác.

Nghĩ xong, Kùtadanla thân hành đến gặp Phật nói:

- Thưa sa môn Cồ Đàm! Tôi đang chuẩn bị lập một đại lễ tế đàn để cầu phước, xin Ngài chỉ giùm cách thức cho tôi với.

Đức đạo sư đáp:

- Nay cụ Bà La Môn! Từ thuở làm sa môn đến nay, ta chưa hề đứng ra tổ chức một cuộc lễ cầu an, cầu siêu, cầu tài, cầu phúc, chẩn tế... gì cả...

Nhìn nét thất vọng của Kùtadanla, Phật tiếp:

- Nhưng... xem nào! Trong các tiền kiếp ta rất rành về chuyện này...

Ông Bà La Môn hỏi:

- Thưa Ngài Cồ Đàm! Thế Ngài còn nhớ rõ cách làm lễ trong các tiền kiếp đó không ạ?

- Nhớ chắc đi chứ!

- Thưa, vậy thì chẳng dám nào, Ngài kể cho tôi nghe về một cách tế lễ nào mà Ngài đã từng tổ chức trong quá khứ và đem lại nhiều phước cho gia chủ nhất... tổn kém bao nhiêu tôi cũng không từ.

- Vào thuở xa xưa, ta làm vị Bà La Môn, cố vấn nghi lễ cho vua Māvijita. Hôm nọ, đức vua vời ta đến ngõ ý muốn tổ chức một lễ tế đàn để cầu nguyện cho quốc thái dân an, âm siêu dương thái, phước thọ tăng long... Ta bèn thưa với vua rằng: Nghi thức đầu tiên để làm cho quốc thái dân an trong khi nước nhà còn đầy dẫy giặc cướp là chớ nên đặt thêm thuế mới, cũng chẳng nên trừng phạt dân chúng, vì đó chỉ là cách giải quyết tạm thời. Phương pháp hữu hiệu nhất là nên cung cấp hạt giống và thực vật cho

nông dân, mở ngân hàng thêm vốn đầu tư cho thương gia, tăng lương và nhu yếu phẩm cho cán bộ công nhân viên nhà nước. Làm như vậy nhân dân sẽ được an cư lạc nghiệp, giặc cướp chấm dứt và quốc khố sẽ dồi dào ra...

Nhà vua thực hành theo lời chỉ dẫn và quả nhiên là mọi việc thật mỹ mãn. Khi đó ta mới đề nghị vua nên tìm cách hội đủ các điều kiện sau:

1. Thân thể khỏe mạnh
2. Dung sắc tươi vui
3. Ngân khố dồi dào
4. Binh lực hùng mạnh
5. Biết kính trên thương dưới
6. Có trình độ văn hóa cao
7. Thông thuộc nội ngữ và ngoại ngữ
8. Sáng suốt để xử lý đẹp mọi vấn đề.

Riêng vị giáo sĩ chủ tế Bà La Môn là ta, cũng phải hội đủ bốn điều kiện:

1. Thân thể khỏe mạnh
2. Thông thạo nghi lễ
3. Có giới đức
4. Trình độ văn hóa cao

Sau đó, ta đề nghị vua triệu tập một quốc dân đại hội đến kinh đô để nêu rõ ý định của vua. Mọi người đều hoan hỷ. Ta yêu cầu vua phải có một cách xử sự như sau:

1. Đối với mọi người, bất kể lành dữ tốt xấu, đều nên đối tiếp lịch sự, bình đẳng.
2. Có tinh thần đoàn kết, thông cảm với các đại biểu.
3. Không giết hại súc vật, không cưỡng bách mọi người nô dịch mà nên để họ tùy hỷ đóng góp của. Lễ đàn chỉ dùng toàn đồ chay giản dị như: dầu, sữa, bơ, mật đường tán.

Vua và các đại biểu nhân dân đều hoan hỷ và tế đàn được tổ chức thật nghiêm trọng, giản dị nhưng đem lại niềm an vui, hòa ái cho tất cả mọi người.

Kùtadanla nghe Phật kể xong, hỏi:

- Thưa Ngài Cồ Đàm, tôi không thể là vua nên tôi không thể thực hiện mọi việc đúng như lời Ngài dạy trong chuyện vừa kể. Xin Ngài chỉ cho tôi cách tế lễ nào đơn giản và mang lại nhiều phước báu hơn cả.

- Nay Kùtadanla! Muốn vậy ông nên thường xuyên bố thí cúng dường cho các tu sĩ có giới đức, hơn là lập đàn chuẩn tế...

- Thưa, tại sao thế ạ?

- Vì các tu sĩ chân chánh sẽ không bao giờ hiện diện tại các tế đàn có sự đánh đập, tùm cổ lôi kéo... cúng dường các ngài, giúp phương tiện cho người ta tu học sẽ có phước báu nhiều hơn là giết hại súc vật.

- Thưa còn có cách tế lễ nào đơn giản và mang lại phước báu nhiều hơn nữa không ạ?

- Có chứ, nếu có đủ phương tiện, ông nên xây dựng các tinh xá cho tứ phương tăng đến tu học.

- Thưa, còn cách nào hay hơn nữa?

- Tâm thành quy y Tam bảo.

- Cách nào đơn giản và có nhiều phước báu nhiều hơn nữa?

- Giữ năm giới cấm: sát, trộm, dâm, vọng và không uống rượu.

- Thưa, tôi xin nêu một câu hỏi cuối. Phương cách nào giản dị nhưng mang lại nhiều phước báu an lạc nhất cho người tổ chức tế đàn?

- Nên tu đạo theo pháp giới, định, huệ...

Bà La Môn nghe xong, vui mừng xin tổ chức đại lễ tế đàn bằng cách tâm thành quy y Tam bảo và giải phóng cho 3500 tế vật đang bị cột trói tại tế đàn của ông.

(Kính chùng Đức Trường Bộ I)

Em thân mến!

Ước muốn được bình an hạnh phúc, tiêu tai, trừ họa, giải nạn, nhiều tài, nhiều của, nhiều con là một khát vọng muôn đời của con người.

Nhằm thỏa mãn nhu cầu đó, các nghi thức cầu nguyện của tôn giáo được thiết lập càng cầu kỳ rắc rối, tốn kém càng được thế nhân tin tưởng hâm mộ. Đức Phật cũng được thời nhân tìm đến hỏi ý kiến về vấn đề này. Điều lý thú là đức đạo sư đã không bác bỏ sự hiệu dụng cũng như niềm tin ngây thơ của người đời vào các tế lễ, như lời khẳng định của ngài đối với hàng môn đệ thân tín, mà chỉ khéo léo chuyển hướng các nghi thức đã man, tốn kém, đến các nghi lễ đơn giản, ít tốn kém nhưng đem lại kết quả thiết thực cho đương nhân là tự thanh lọc lấy nhân cách mình, cùng giúp đỡ cho những người chung quanh tu học hơn là sát hại sinh linh để cúng tế một vị thần vô hình nào đó, như một hình thức hối lộ mà trí óc mê muội của loài người có thể tưởng tượng ra.

Lối dạy đó thật là đáng cho chúng ta suy gẫm vậy.

---o0o---

Phần 10

Hoa Thủy Tiên

Nacxit là một chàng trai hết sức xinh đẹp nhưng chẳng yêu ai ngoài bản thân mình.

Một ngày xuân Nacxit đi săn. Đến một dòng suối chàng dừng chân để uống nước. Chàng sững sờ nhìn bóng mình dưới nước suối, đưa tay vẫy, mê mẩn tỏ tình... và chỉ gặp phải dòng nước lạnh buốt đáp ứng.

Nacxit cứ ngắm bóng mình mãi, không cách nào dứt được. Người chàng cứ héo dần, không còn thiết gì đến ăn hay ngủ.

Cuối cùng chàng chết gục bên dòng suối. Từ xác chàng mọc lên một bông hoa trắng muốt, thoang thoang mùi hương. Đó là hoa thủy tiên (vì theo thần thoại Hy Lạp, Nacxit là con trai của một ông thần sông và một nàng tiên nữ).

Em thân mến!

Trong đời sống thường nhân, đôi khi ta bắt gặp những mẫu người còn đầy đủ tham sân si, nghĩa là chưa đặng thánh quả nhưng không hề vướng vào lưới tình, xem chừng như họ thoát khỏi lưới ái... nhưng biết đâu lại

thuộc vào hạng thủy tiên, nghĩa là chỉ mê say yêu quý độc nhất có cái mạng mọt của mình, đến nỗi không còn thiết gì đến trời đất và tha nhân nữa... như anh chàng Nacxit trên đây.

Một tấm lòng giác ngộ không phải là khô kiệt, vắng bóng thương yêu mà ngược lại, tràn trề tình yêu. Loại tình yêu vắng bật sự tính toán thủ xả, khổ đau (như loại mà phàm nhân chúng ta thường ném phải). Có lẽ vì thế mà một số sư đã ca tụng đức Phật như thế này:

“Đa tình thị Phật tâm.”

---o0o---

Con Nhện

Xưa có một vị tăng nhập thất để hạ thủ công phu. Sau vài tuần trăng, sư đến gặp hòa thượng, vị thầy tế độ của sư để giải bày vấn đề nan giải đang làm bận lòng sư.

- Cứ mỗi lần nhập định, con lại thấy có một con nhện to gồm ghiếc hiện ra, càng ngày càng to và càng gồm ghiếc hơn...

- Thế... con đã làm gì?

- Thừa con đã dùng đủ mọi cách: gọi từ bi quán đến nó, quán không, quán duyên hợp... v.v... nhưng, tất cả đều bất lực... nên con quyết định rằng...

- Sao?

- Con định trong giờ tĩnh tọa chiều nay, con sẽ đâm vào bụng nó. Thà rằng con giết nó để có thể tiếp tục công phu hơn là tấn thối lương nan.

- Đành là phải làm vậy. Nhưng trước khi đâm nó bằng dao, ta muốn con hãy ghi dấu chỗ con định đâm rồi đem trình cho ta xem sao?

Vị tăng y lời. Chiều hôm đó, thầy mang theo một quản bút lông đi tĩnh tọa. Lúc con nhện ra thầy lạnh lẽo lấy bút đánh một dấu chữ thập ngay bụng con vật.

Xả thiền xong, sư vội vã đến trình hòa thượng tự sự. Nghe xong, hòa thượng bảo đồ đệ:

- Con vạch bụng ra xem!

Vị tăng y lời. Lạ lòng thay, chữ thập đỏ chính tay sư ghi dấu lại nằm ngay trên rún của sư.

Hòa thượng điềm nhiên bảo:

- Việc gì sẽ xảy ra nếu con đâm vào bụng con vật?

Vị tăng toát mồ hôi lạnh. Sư đánh lễ thầy trở về thiền thất. Từ dạo đó, con nhện hắc ám không còn ám ảnh sư nữa.(Truyện PG Tây Tạng)

Em thân mến!

Trong những lúc tọa thiền hay ngồi im lặng một mình, tâm thức chúng ta thường bị xao động bởi các hình ảnh âm thanh của người thương kẻ ghét hoặc các hình bóng vô thường vô phạt cỡ chú nhện trên đây. Và cũng y hệt như nhà sư trong chuyện, chúng ta cứ ngỡ rằng các hình bóng đó là ở ngoài tâm mình. Vì thế chúng ta thường cười, khóc, vui, giận hoặc tỏ thái độ quyết liệt dứt khoát không kém vị sư trên.

Nếu vị sư đâm con nhện chính là đâm vào bụng mình thì chúng ta, thương ghét thù hận cười khóc với những “người trong mộng” nào có khác?

Có phải thế không nào?

---o0o---

Con Ma

Xưa, có một đôi vợ chồng trẻ sống bên nhau rất là hạnh phúc. Duyên tình đang mặn nồng thì cô vợ mang bệnh nặng lia trần. Trước khi nhắm mắt, cô bịn rịn mãi khiến anh chồng phải thè thốt là ở vậy một mình để thấp hương cho cô chứ không tái giá.

Chàng giữ lời thề được ba tháng thì đi hỏi một thiếu nữ khác làm vợ. Đêm hôm đó, cô vợ cũ hiện về khóc kể và trách móc chàng thậm tệ. Và cứ thế, đêm nào con ma cũng hiện về, kể vanh vách những chuyện anh chồng làm hằng ngày khiến anh ta sợ hãi quá đâm ra bệnh tật.

Thân nhân anh cho vờ một thiền sư đến. Bệnh nhân cứ quả quyết là hương hồn của vợ mình về thật... Thiền sư liền hốt một nắm đậu trong tay đưa cho anh bảo: tối nay, khi cô ta hiện về, anh hãy đưa tay hốt một nắm đậu như thế này và hỏi nó rằng: “Nếu em quả là một con ma thông minh, mọi việc đều biết rõ thì hãy cho anh biết nắm đậu trong tay này có bao nhiêu hạt?”

Anh chàng vâng lời và dĩ nhiên là con ma bí tịt. Khi ấy thiền sư mới bảo:

- Thế thì con ma đó chỉ kể vanh vách những điều anh đã làm, đã biết ban ngày... còn đối với những điều anh không hoặc chưa biết thì nó cũng bí tịt... ta tin chắc rằng kể từ đêm mai nó sẽ không đến nữa.

Sự việc đã xảy ra đúng như vậy.

Em thân mến!

Trong giấc mơ ta thường gặp lại những người, vật và cảnh mà chúng ta đã thấy hay tưởng tượng lúc ban ngày, đôi khi lại chấp nối kiểu đầu cua tai heo... Do một giấc ngủ, tâm thức ta có đủ khả năng thành lập một cái chợ với đủ tình tiết chi ly: người vật, hàng hóa, âm thanh, màu sắc. Bóng dáng của ta trong mơ cùng với ngoại cảnh tuy có khác nhau nhưng đều bắt nguồn từ một tâm thức. Thấu đáo rõ điều này thì ta có thể tiếp tục mơ (đó ai nằm ngủ mà không mơ?) nhưng sẽ thoát khỏi nạn đem mộng làm thực rồi đổ bệnh như anh chàng sợ... ma vợ trên đây.

Biết rõ như vậy, ta cũng sẽ thôi băn khoăn: “Làm sao giết được người trong mộng” vì có thật đâu mà giết với tha?

Có phải thế không nào?

---o0o---

Cố Nhân

Xưa, có một anh chàng đi sang sông cùng thuyền với một thiền sư, đường dài, anh bắt chuyện làm quen và được nhà sư cho biết là ông ta đang đi về kinh đô để in bộ đại tạng kinh, bằng số tiền mà các Phật tử vùng quê ông ở đã hỷ cúng.

Số tiền kénh sù làm động lòng tham của chàng thương khách. Thế nên, nhân một cơ hội thuận tiện, chàng ta đẩy nhà sư thật thà xuống sông và cuỗm số tiền đem về kinh tậu nhà cửa ruộng vườn, thê thiếp.

Người ta bảo, có tiền mua tiên cũng được, thương khách đã biến gia trang của mình thành một tiên cảnh trong phạm vi mà đầu óc hạn hẹp của ông có thể tưởng tượng nổi, nhưng ông không thể bỏ tiền ra mua sự an tĩnh của tâm thức.

Vào lúc ngoài ngũ tuần, ông ta bị lâm bệnh nặng, đêm nào cũng thấy một con ma trọc đầu, ướt loi ngoi về than đói và lạnh, đòi ông đền mạng.

Ông nhà giàu đã tốn hằng hà sa số tiền để lập đàn chẩn tế, cầu siêu, làm chay cho đến trừ tà ám quỷ... nhưng tất cả đều vô ích, con ma vẫn cứ hiện về bất kể ngày đêm. Cho đến một hôm, vợ ông mời được một thiền sư vừa hạ sơn từ một đỉnh núi phủ mây, về gia trang để chữa bệnh cho chồng. Nhạc trong thấy sư, bệnh nhân đã hét lên và lắp bắp nói một câu đầy vẻ kinh hoàng:

- Nó đó! Chính nó! Bữa nay nó hiện hình về ban ngày... cứu tôi với...

Mọi người đều ngạc nhiên, riêng nhà sư, từ tốn mỉm cười bảo con bệnh:

- Bình tĩnh nào! Anh bạn. Chính tôi đến đây bằng xương bằng thịt chứ có phải là hồn ma bóng quế nào đâu. Đêm hôm đó, sau khi rơi xuống sông, tôi bèn lặn một mạch và lội vào bờ... Sau đó, tôi phải đi làm mướn kiếm tiền in kinh trả nợ cho thí chủ... Mọi việc đâu vào đó cả rồi.

Ông nhà giàu, tức chàng thương khách năm xưa liền khỏi bệnh.

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện cổ Nhật Bản do thiền sư Muji ghi lại. Vị sư chưa chết nhưng ông nhà giàu lại thấy một con ma đội lốt nhà sư đến đòi mạng... Đây quả là một loại bệnh tưởng rồi nhé!

Thông thường, chúng ta chỉ sợ người ta biết mình gây tội, cứ tưởng khóa lấp mọi việc đừng cho ai biết là xong. Nào ngờ, ta chỉ có thể dối với người chứ không thể dối mình được.

Theo tín ngưỡng bình dân thì có những vị thần thượng thiên phạt ác, bắt chúng ta phải ân đền oán trả... nhưng thật ra, giáo lý nhà Phật không chấp nhận điều đó.

Vị thương khách trong truyện đã khởi lên một ác tâm và làm một ác hạnh là giết người cướp của. Hành động của ông ta không thành công toàn mãn, nạn nhân không chết nhưng vì chưa rõ điều đó, tâm thức ông tự tạo lên một hình ảnh của nạn nhân đến đòi đền mạng... Cũng thế, những hành động tạo tác cố tâm mà danh từ chuyên môn gọi là chủng tử - hạt giống. Đương sự có thể xê dịch hộ khẩu, thay đầu đổi mặt nhưng hạt giống vẫn không mất, hễ gặp thời cơ thuận tiện là nó nảy mầm, sinh trưởng. Nếu mọi việc xảy ra là do sự sắp xếp của một vị thần nào đó thì chúng ta còn có thể van xin lay lục, cầu khẩn và... hối lộ để chạy tội được. Đàng này, do chính mình làm, mình chịu... thì chúng ta đành phải... rút kinh nghiệm mà cẩn thận trong từng hành động, như lời Phật dạy trong một câu pháp cú:

“Kẻ thù hại kẻ thù
Oan gia hại oan gia
Không bằng tâm niệm tà
Gây ác cho tự thân” vậy.

---o0o---

Máy Điện Tử

Chuyện xảy ra vào năm 2000.

Bà Hai là một phụ nữ trung lưu, có học, có chồng con, có tài sản và đủ tiền để tậu những máy móc tân thời cần dùng như truyền hình, đầu băng tự động. Một hôm có bà bạn thân đến chơi, tên là bà Năm. Bà Hai gặp bạn, tay bắt mặt mừng, hàn huyên tâm sự. Chuyện vẫn một hồi, hai bà bất đồng ý kiến, cãi cọ rồi xô xát nhau. Bà Năm bỏ ra về trong khi bà Hai ở lại tím tím khóc hờn bạn vô kể.

Khóc một hồi cho nguôi ngoai, bà Hai vặn truyền hình và truyền thanh tự động, các bộ phận điện tử của chiếc máy liền phát ra các hoạt cảnh buổi sáng, bà Hai nhìn lại cuộc gây gổ của mình với bà Năm diễn ra trên màn ảnh nhỏ với đầy đủ hình ảnh và âm thanh... Bà liền ôm mặt, vừa khóc vừa chửi...

Và cứ thế, sự kiện đau buồn được lập đi lập lại hằng chục, hằng trăm lần... nhờ các máy truyền hình, truyền thanh điện tử.. Đó là một câu chuyện thuộc loại khoa học giả tưởng nhạt nhẽo vậy.

Em thân mến!

Có phải trong tâm thức của chúng ta, người nào cũng có một máy móc tinh xảo, bén nhạy cỡ này hay không?

Nếu không thì tại sao khi có người mắng chửi đánh đập hoặc làm gì phiền lòng ta, chúng ta cứ nhớ hoài, nhớ mãi với đầy đủ chi tiết chi ly (còn định sống để dạ chết mang theo nữa đấy).

Sự kiện đau buồn và bực dọc có thể chỉ xảy ra trong vòng 10 phút nhưng cái bà Hai trong chúng ta, cứ thỉnh thoảng lại mở máy ra ôn lại và sâu khổ ưu bi với chuyện cũ không biết bao nhiêu lần.

Muốn giúp bà Hai thoát cơn sầu muộn, tạm thời phải dẹp cái máy thu hình và thu thanh tự động ấy đi, cho đến bao giờ bà Hai tự chủ được không còn dễ xúc động nữa, chúng ta mới cho bà sử dụng.

Cũng thế, thấy nghe hiểu biết và ghi nhớ là đặc tính kỳ diệu của tâm thức loài hữu tình. Nhưng nhớ lại chuyện cũ để rồi sâu khổ ưu bi, đem quá khứ khóa lấp hiện tại... là một trong những điều điên đảo của nhân loại. Vì thế, tạm thời, trên bước đường tu đạo, hành giả muốn bớt khổ thì phải thu giùm cái khả năng đó lại “việc qua rồi chẳng nhớ” là vậy.

Cho đến bao giờ chúng ta có đủ sức tự chủ, không bị huyễn cảnh của quá khứ làm ô nhiễm tâm thức hiện tại thì tha hồ mà nhớ. Các bậc đắc đạo còn nhớ được các tình tiết chi ly của vô lượng kiếp nữa là khả năng đó, kinh điển gọi là “Túc mạng minh” đấy em ạ!

---o0o---

Đại Sư Bất Nhị

Xưa, có một vị tăng dốt, không biết chi về Phật pháp hết, nhưng được cái lớn gan. Thấy đồng thời với mình có các thiên sư dụng pháp tràng, không cần dạy kinh thuyết pháp chi cả mà đồ đệ tứ chúng đông đảo vô số,

danh tiếng lẫy lừng và, dĩ nhiên, danh đi trước thì lợi đi sau... Những mối lợi này làm vị tăng chóa mắt, thêm thường và cuối cùng ông nghĩ ra một kế.

Ông sư đốt kiểng đầu ra một cái tịnh thất, vài công đất có đầy đủ hoa, lá, cảnh, trời, mây, non, nước, thơ... để lập nên một đạo tràng, lấy tên là Bất Nhị. Ý chừng ông muốn bắt chước vị Bồ Tát lừng danh trong kinh Duy Ma Cật, khi được hỏi về Phật pháp đã im lặng mà được ngài Văn Thù khen là hay vô kể.

Để hoàn thành chương trình, ông sư kiểng đầu được hai đồng nghiệp thuộc loại cùng chí hướng, nhưng lạnh mồm lạnh miệng hơn ông, để dùng ngôn ngữ diễn tả cho bần dân thiên hạ thấu rõ vì sao sư cả lại làm thỉnh.

Công việc của ba nhà sư đang xuôi chèo mát mái, ngày một khả quan, danh tiếng và lợi dưỡng của họ ăn đứt các thiền sư chính hiệu đương thời... một hôm, hai sư trợ giáo bận việc ra phố, sư cả ở nhà phải tự lực xoay sở với một gã cầu đạo khá uyên thâm kinh luận.

Khách tăng hỏi:

- Bạch sư, thế nào là Phật?

Sư cả không biết đáp sao cho đúng, hoảng hốt nhìn đảo dác tứ phía, miệng rửa thậm hai tên trợ giáo trốn trách nhiệm.

Tăng lại hỏi tiếp:

- Thế nào là pháp?

Sư cả càng lúng túng hơn, ông không biết làm sao để tránh đôi mắt dò hỏi của đối phương ngoài cách hết dòm trời lại ngó đất...

Vị tăng bồi thêm:

- Thế nào là Tăng?

Lần này, sư cả đành chịu phép. Hết chỗ ngó ông nhắm nghiền mắt lại. Thôi thì muôn sự nhờ trời.

Tăng xin hỏi thêm câu cuối:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư cả tuyệt vọng, dang hay tay ra dấu đầu hàng.

Vị tăng sụp lạy rồi cáo từ, mặt mũi hân hoan lui bước.

Trên đường về, gặp hai sư trợ giáo, vị tăng rồi rít khen nhà sư Bất Nhi:

- Quả là danh bất hư truyền...

Một sư trợ giáo ngạc nhiên dò hỏi, vị tăng kể lại đầu đuôi cuộc tham vấn:

- Khi tôi hỏi Phật là gì, ngài liền nhìn khắp bốn phương tám hướng, ý đáp “chỗ nào là không có Phật.” Tôi hỏi tiếp: “Pháp là gì?” ngài liền nhìn lên cao và ngó xuống thấp, ý bảo rằng: “Chính tâm vô phân biệt: cao thấp, thiện ác, phải quấy, có không là pháp.”

Đề trả lời câu “tăng là gì?” ngài nhắm mắt lại đề tôi thầm hiểu rằng: “Là người vô sự, đói ăn, khát uống, mệt ngủ... vậy.” Cuối cùng, “thế nào là đại ý Phật pháp?” thì thật là tuyệt vời. Ngài dang rộng hai tay, “buông xả... vậy.” Ôi! Thật là tam sinh hữu hạnh mới có được một bậc đại tăng như thế...

Hai sư trợ giáo vừa về đến nhà, đã bị sư cả chặn lại, nạt nộ:

- Đi đâu vậy? Vừa rồi có một tên vô lại đến đây hỏi bốn câu âm ớ. Ta không biết đáp sao cho xuôi... Suýt chút nữa thì tiêu mà hết sự nghiệp.

Hai sư trợ giáo nhìn nhau. Một người bảo nhỏ với người kia.

- Đừng kể lại cho hắn biết mà bẻ nồi cơm của hai ta nhé!

Em thân mến!

Ai đã tạo nên những vị sư như thế này?

- Chính chúng ta vậy! Một món hàng ế ẩm là vì không có ai mua. Và món hàng ế đó sẽ trở thành “treo cao giá ngọc” nếu có người giành giật. Đừng trách kẻ bán, mà nên trách người mua ế dãi. Bọn lên đồng sống nhờ sự mê tín của bần dân thiên hạ ra sao thì các nhà sư làm ăn trên đây cũng sống bằng cái vốn liếng tấp nham về kinh điển của chúng ta như thế đó.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Cây Bên Đường

Trang Tử đi dạo núi, thấy một cội cây lớn, cành lá xanh tươi, có người phu xách búa đứng kề bên mà không thêm đốn. Hỏi duyên cớ, bác tiều thưa:

- Cây này hết xài, không dùng vào chỗ nào cho được.

Trang Tử gật gù bình:

- Nhờ bất tài mà yên thân.

Một hôm khác, Trang Tử đi thăm bạn. Người bạn mừng rỡ, cho làm thịt chim đãi khách. Gia nhân thưa:

- Làm thịt con nào?

Chủ bảo:

- Thịt con không biết hót, chừa con biết hót lại cho vui nhà vui cửa... Trang Tử nghe được, lại gật gù:

- Bất tài cũng chưa chắc được yên thân.

Môn đồ hỏi Trang Tử về cách xử thế, ông đáp:

- Có tài và bất tài đều như nhau, không tránh khỏi lụy vào thân. Người biết đạo không màng khen, chả sợ chê. Khi lên thì bay như rồng, lúc xuống cứ bò như rắn. Không có khư khư một thái độ bất định... thì làm sao mà lụy được.

Em thân mến!

Trang Tử và các nhà viết kinh Kim Cương gặp nhau ở chỗ “Phật pháp thị bất định pháp.” Người giác ngộ hay học đạo giác ngộ phải biết sự bất định của môn pháp, của dòng đời, của tình người... mà tùy nghi uyển chuyển sống. Một quan niệm cứng ngắc, một lối sống cố định, một cái khuôn... bao giờ cũng đưa tới khổ lụy ưu bi.. cả.

Suy cho cùng, một khi ta đã không màng đến việc khen chê, vinh nhục, được mất... thấu rõ tâm như chớp, thân như mộng thì cái lụy còn biết tác hại, trói buộc vào chỗ nào nữa?

---o0o---

Bó Cỏ Xanh

Xưa, có một anh chàng đánh xe, gặp phải chú lừa cứng cổ, hễ chở nặng là không chịu đi, càng đánh đập chửi mắng, càng đồ lì ra.

Chàng ta bèn nghĩ ra một diệu kế: đem bó cỏ tươi treo trước mặt con lừa.

Lừa thấy cỏ ngon, bước tới ăn. Nhưng bó cỏ luôn luôn ở trước mặt, lừa không bao giờ chộp được dù đã hàng trăm, hàng nghìn lần bước tới, bước tới và bước tới.

Em thân mến!

Đã hơn một lần, chúng ta bị gạt như con lừa nọ. Hạnh phúc, lý tưởng, niết bàn... đều giống như những bó cỏ treo trước mõm, để chúng ta dòm vào, thòm thèm, nuôi hy vọng mà kéo lê kiếp sống đọa đày.

Chú lừa trong chuyện phải chở nặng vì những đồ đạc thiên hạ ra sao thì chúng ta cũng phải kéo một cái tâm thức chứa đầy bóng dáng của sáu trần lết lê từ ngày này qua tháng khác như vậy.

Gánh nặng phải được vứt đi lập tức, sự an tĩnh của tâm trí phải tìm ngay trong khoảnh khắc hiện tại, trong bất cứ khoảng không gian nào mà chúng ta đang hiện diện, nó không phải là một món quà ở ngày chung cuộc, ở cuối đường, một phần thưởng được long trọng trao cho hành giả sau những tháng ngày bơ phờ hạ thủ, áp dụng một pháp môn kèm thúc thân hay tâm nào đó...

“Niết bàn ngon như một bó cỏ xanh
Treo trước mõm chú lừa đi khắp khếnh
Lòng biển rộng nên không tìm thấy bến
Giữa cuồng phong lưng áo dầm mồ hôi
Lạc tay chèo ta khóc giữa cuộc chơi
Hoa đóm nở trên mỗi đầu bạc sóng...”

Lừa chột thấy mình bỏ mỗi bắt bóng
Cỏ xanh non ngay ở gót chân này
Mộng mơ chi trái hứa quá tầm tay?
Bao người thấy sát na này vĩnh viễn?

---o0o---

Lời Đáp Sau Lưng

Xưa, có một chàng trai lên kinh đô. Trên đường đi, vừa mệt vừa khát, anh ghé vào vệ đường nghỉ mệt và hỏi thăm một bác nông dân đang cấy lúa.

- Thưa bác, từ đây lên kinh đô còn khoảng mấy ngày đường nữa?

Bác nông dân làm thinh. Chàng trai lập lại câu hỏi lần thứ hai, rồi lần thứ ba, vẫn không nghe câu đáp. Bực bội, anh tiếp tục lên đường.

Được vài mươi thước, anh nghe tiếng gọi với theo:

- Này anh kia, khoảng hai ngày đường ấy!

Anh chàng cau có hỏi:

- Sao khi này bác không bảo giùm cho, đợi tôi đi một đoạn rồi mới nói cho mất công hao hơi tổn sức?

Người chỉ đường mỉm cười thủng thẳng đáp:

- Làm sao mà qua có thể đáp được ngay khi chưa tận mắt thấy khả năng của chú em? Phải biết rõ sức đi mau chậm của chú rồi qua mới dám trả lời chứ!

Chàng trai nghe xong, cung kính bái chào và lên đường.

Em thân mến!

Thông thường chúng ta hay đánh giá mình qua những ước mơ, hy vọng, tính toán mà ta sẽ thực hiện ở mai kia một nọ... Trong khi người chung quanh đánh giá ta bằng những gì ta đã làm, hay thiết thực hơn là đang làm vậy.

Thái độ chỉ đường của bác nông phu trên đây không khác lối xét người trong nhà thiền là mấy.

Bất kể những danh vọng, chức tước sự nghiệp lẫy lừng của người cầu đạo to nhỏ ra sao, khi bắt đầu học đạo, họ đều phải trải qua giai đoạn hành điệu, tức là đương sự bắt buộc phải làm những việc xem ra rất hạ cái nhân cách đồ sộ (mà họ thường tự hào) như rửa chén, quét nhà, chạy việc lật vật... chẳng hạn. Và trong thời gian đó, mọi cử động, phản ứng nhỏ nhất của họ đều không thoát khỏi cặp mắt ông thầy. Nhìn những hành động, khả năng của người học trò trong hiện tại, thầy mới có thể tiên đoán được khả năng của trò trong tương lai. Đó là chưa kể đến việc khi muốn trao sự nghiệp hoằng pháp cho trò, ông thầy còn phải trui rèn, hành hạ và thử thách nó nhiều phen nữa... Thiệt là tội nghiệp cho chú chàng đệ tử, nhưng phần thầy, cũng không sợ gì. Em hãy nghe một đại sư than: “Đệ tử tâm sự dị, sư tầm đệ tử nan,” thấy chưa?

---o0o---

Người Chào Hàng

Xưa, có một người đi bán kem đánh răng. Anh ta bày hàng giữa chợ, gào lên như thế này:

- Kính thưa bà con cô bác! Cái răng cái tóc là góc con người. Khỏi cần nói, ai ai cũng biết là cái răng sâu nó làm người ta điều đứng đến bực nào. Ăn không được, ngủ chẳng yên, ngồi đứng bồn chồn, ra vào mệt... Đó là chưa kể đến cái răng bị nhiễm trùng sẽ dẫn đến các chứng bệnh hậu như đau cổ họng, bao tử, ruột già, ruột non v.v...

Thấy rõ tầm quan trọng của hàm răng, biết rõ châm ngôn “ngừa bệnh hơn chữa bệnh”, bọn hiệu có chế ra thứ kem đánh răng này, dứt sâu, trừ bệnh, khử mùi hôi... thơm miệng, sạch nướu, mát mẻ và khỏe khoắn cái con người... Kính mời bà con cô bác... mại dô!... mại dô!

Hàm răng sẽ trắng như ngà.
Lời thưa tiếng thốt mặn mà cô hai ơi!

Thiên hạ nghe anh nói dẻo quẹo, xúm lại nghe và định mua... thì bắt chợt chàng mỉm cười nhe hai hàm răng vừa sún vừa siết...

Những người chung quanh nhận định:

- Ôi chào! Răng với miệng thế kia mà đi rao hàng bán kem đánh răng... Hàng anh quý ra sao thì cứ nhìn hàm răng của anh, chúng tôi đã rõ cả rồi.

Và họ bỏ đi hết.

Dĩ nhiên là anh chàng bán ế nhẹ.

Em thân mến!

Đây là một câu chuyện có thể xảy ra vào lúc dân ta chưa hề biết đến cây kem đánh răng và cái bàn chải, chứ lúc đã xài quen rồi thì cái nhãn hiệu của món hàng quan trọng hơn cá nhân người bán.

Cũng vậy, biện tài vô ngại là một món của “trời cho” đối với người hoằng pháp, nhưng lời nói sẽ vô giá trị nếu thiếu sự thực hành, thân giáo kèm theo. Các thiền sư chứng đạo, tri hành hợp nhất có thể không cần nhiều lời, nói dầm dểng cục lốc cỡ ngài Vân Môn, im lặng như Vô Ngôn Thông... mà vẫn có thể giúp chúng sinh liễu đạo được là nhờ sự thân chứng của quý ngài. Còn lang băm leo mép, miệng sùi bọt nước..., nói ra rả suốt ngày mà chẳng cảnh tỉnh, hóa độ được ai, như bọn chúng ta đây... là tại vì... hàm răng sún của mình đó vậy.

Em có thấy như thế không?

---o0o---

Phù Hoa

Người nước Tề có hai vợ, cùng ở với nhau một nhà.

Anh chồng ngày nào cũng ra đi, ăn uống no say xong mới về. Vợ anh hỏi ăn uống với ai, anh đọc vanh vách những tên, toàn là hạn công hầu khanh tướng, tai to mặt bự cả.

Hai bà vợ nghe chồng nói cảm thấy hãnh diện lẫn tò mò nên rủ nhau đi xem những bậc quý nhân đã giao du với chồng mình. Sáng hôm ấy, họ âm thầm theo dõi, thấy đáng phu quân cứ mãi miết đi... cho đến khi gặp một đám cúng mã, liền xè vào, nói cười vả lá để xin cơm thừa canh cặn mà ăn. Chưa được no bụng, lại nghễnh đi tìm đám khác. Hai người vợ vừa khinh vừa tức, nắm tay nhau bỏ về.

Chiều đến anh chồng bỏ về, uốn ngực vênh vào bảo vợ:

- Ta tính về sớm mà thằng trưởng ty cứ níu kéo mãi..., mấy cha bộ trưởng cũng vậy... nên đến giờ tôi mới về... mẹ nó!

Hai người vợ nhìn nhau ứa nước mắt.

Em thân mến!

Ra đường thì lòn cúi, không từ nan một thủ đoạn nào để kiếm cơm thừa canh cặn, về nhà thì vênh vào, nạt nộ, khoe khoang với vợ con... chuyện ấy không phải chỉ xảy ra trong chuyện của Mạnh Tử mà thời đại, xứ sở nào cũng có.

Điều lạ lùng nhất, là người nào càng bị xã hội ruồng rẫy khinh chê bao nhiêu thì về nhà lại vênh vào, phách lối, bắt nạt những người chung sống với mình bấy nhiêu. Cổ nhân ta tặng họ câu “khôn nhà đại chợ” là vậy.

---o0o---

À Ra Thế

Xưa, có một ông vua. Đức vua của chúng ta nhận thấy rằng ngài có một chàng ngự lâm quân mỗi lần xấp trận, vô cùng dũng cảm, bất chấp hiểm nguy. Ngài bèn gọi tên lính ấy đến gần để ban thưởng và rất ngạc nhiên khi thấy y quá gầy yếu xanh xao. Chàng tuổi trẻ thú nhận rằng mình mang một chứng bệnh nan y nên không được khỏe mạnh cho lắm.

Đức vua xúc động, cho vời ngự y đến bắt mạch kê toa, ra lệnh phải đặc cách chăm sóc cho người chiến sĩ dũng cảm ấy.

Được vài tháng, anh lính hết bệnh, trở nên vạm vỡ, hồng hào khỏe khoắn. Và cũng kể từ ngày đó, chàng ta trở nên nhút nhát, không còn tả xông hữu đột nữa. Sự kiện này không thoát khỏi cặp mắt tinh tường của đức vua. Ngài bèn vời anh lính đến, trách cứ tấm lòng bội bạc phụ ân đức của đấng quân vương. Anh lính thành thực đáp:

- Muôn tâu, chính ân đức của bệ hạ đã làm cho hạ thần trở nên nhút nhát.

Đức vua ngạc nhiên:

- Ủa!

Chàng tuổi trẻ tiếp:

- Muôn tâu, từ khi được khỏe mạnh, thần đâm ra tham sống sợ chết ạ!

Em thân mến!

Thế thì em đã hiểu điều tâm nguyện đầu tiên trong quyển luận Bảo Vương Tam Muội: “Có thân đừng cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh” rồi chứ?

Một xác thân khỏe mạnh thường dễ dàng phát khởi lòng tham dục, tham cái chi thì chưa biết nhưng tham sống là cái lý đương nhiên. Từ cái cội nguồn tham căn bản này, chẳng mấy chốc đã sinh con đẻ cái: tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, tham ăn, tham ngủ... cũng là một chuyện rất thường tình. Có điều tham cầu mà được thì đâm chán, không toại ý thì đâm bực.v.v...

Tuy vậy, một thể xác gây yếu bệnh hoạn cũng chướng ngại không ít cho người tâm đạo. Lời dạy của chư Tổ nhằm an ủi chúng ta khi rủi ro gặp một cái thân ốm yếu bệnh rề rề, chữa hoài không hết... có cầu mong cũng chưa chắc toại nguyện, để chúng ta an phận thủ thường, tạm xài đỡ cái thân báo hại, làm bè sang sông trước khi nó rã rời xí quách.

Riêng các hành giả may mắn có được tấm thân cường tráng thì chớ có lo, sinh lão bệnh tử là một cái gia tài chung của nhân loại. Đức đạo sư có dạy rằng: “Chúng ta bình đẳng nhau trước khổ đau cũng như giấc ngộ,” cái đau khổ có được chi xẻ đồng đều cho tất cả mọi người, bất kể sang hèn, mập ốm, khỏe yếu v.v...

Chỉ có điều làm sao biến đau khổ thành giấc ngộ là hãy còn nan giải mà thôi

---o0o---

Đôi Dép Da

Thuở xưa, bên Ấn Độ, có một đức vua rất mực là nhân từ. Thấy thần dân của mình đi chân đất, bị gai góc đâm đến tóe máu, vua thương quá, nhóm đình thần lại bảo:

- Lòng trăm thật là đau xót khi thấy con dân cứ bị đá sỏi gai góc đâm vào chân. Vậy các khanh hãy ra lệnh lột da thú khắp các nẻo đường cho dân chúng khỏi bị đau chân.

Lệnh vua sắp sửa ban hành thì một nhà hiền triết góp ý:

- Muôn tâu, theo ngụ ý, mệnh lệnh của bệ hạ có thể thi hành một cách giản dị hơn là cho phép mỗi người cắt hai miếng da vừa bàn chân của mình rồi dùng giầy cột chặt nó vào chân. Như thế, kết quả không khác gì nhau, không bị gai góc sỏi đá đâm vào chân nữa.

Đức vua khen phải, đôi dép da của nhân loại bắt đầu từ đó.

Em thân mến!

Thích ứng mọi hoàn cảnh, thiên nhiên, cộng đồng nhân loại bao giờ cũng giản dị và dễ dàng hơn là bắt hết thấy trời mây non nước bàng dân thiên hạ phải chịu theo ý mình.

Cũng vậy, cấm mọi người nói, làm, nghĩ những điều mình không ưa là một chuyện bất khả trong khi giữ lòng mình không xao động trước mọi biến động của thế gian và thế nhân là một điều có thể làm được. Làm được điều này, nhà Phật gọi là nhẫn nhục Ba La Mật, thiền gia gọi là “Bát phong xuy bất động” đấy em ạ!

---o0o---

Thầy Và Trò

Tử Hạ hỏi Không Tử:

- Nhan Hồi là người như thế nào?

Không Tử đáp:

- Cái nhân của Hồi hơn ta.

- Tử Tổng là người như thế nào?
- Cái biện của y hơn ta.
- Tử Do là người như thế nào?
- Cái dũng của Do hơn ta.
- Tử Trương là người như thế nào?
- Cái nghiêm của y hơn ta.

Tử Hạ đứng dậy thưa:

- Thế thì, sao bốn người ấy phải còn đến học với thầy?

Khổng Tử nói:

- Ngồi đây ta bảo cho: Ôi! Hời biết Nhân mà không biết lúc phải bắt nhân. Tử biết biện bác mà không biết lúc nào phải ấp a ấp úng. Do biết dũng mà không biết lúc nào phải nhút nhát, Trương trang nghiêm mà không biết lúc nào phải ung dung để hòa đồng với mọi người. Gom những cái của họ hơn ta mà đem đổi cái ta không bằng họ, ta không đổi. Vì vậy, bốn người ấy phải thờ ta làm thầy mà không hai lòng.

Em thân mến!

Ở thời đại chúng ta một người học trò chỉ xuất sắc môn chính yếu mà thiếu trung bình các môn phụ, thì cũng khó mà vượt qua các kỳ thi nơi chỉ cần đòi hỏi điểm trung bình của hết thầy các môn. Cũng thế, sự xuất sắc của cá nhân chỉ có nơi những con người phi thường, và phi thường đôi khi cũng đồng nghĩa với hạng bất bình thường. Có lẽ vì thế mà khi ngài Triệu Châu hỏi:

- Thế nào là đạo?

Hòa thượng Nam Tuyền trả lời:

- Tâm bình thường là đạo.

Trong một quyển kinh A Hàm, khi các đệ tử lớn của Phật hội họp nhau để bàn luận về tư cách cần thiết phải có của một tỳ kheo được xem là lý tưởng, mọi người lần lượt trình kiến giải như thế này:

- Ngài Mục Liên: đó là vị tỳ kheo thần thông đệ nhất.
- Ngài A Nan: học rộng nhớ nhiều...
- Ngài Xá Lợi Phất: trí tuệ...

Các ý kiến dị biệt ấy được đem trình Phật để thỉnh một lời kết luận. Đức đạo sư dạy:

“Vị tỳ kheo lý tưởng là người sớm mai, khoác y, mang bát đi vào thành khất thực, đứng ngo về tịnh xá dùng cơm. Ăn cơm xong, rửa chén, dọn dẹp đi vài vòng cho tiêu cơm, nghỉ trưa một chút rồi xếp treo chân, ngồi tĩnh tọa cho đến lúc lậu hoặc không móng khởi.”

Hóa ra, một nhân cách lý tưởng, không cần phải làm một hành động phi thường hay bất thường mà chỉ cần làm những chuyện rất bình thường như vậy.

Điểm thú vị của câu chuyện trên là câu trả lời của Khổng Tử: nhân, biện, dũng, nghiêm... ư? Tốt, nhưng chưa đủ! Cần phải biết lúc dùng, lúc bỏ những đức tính hay khả năng quý báu đó nữa kia. Khổng Tử đã gặp kinh Kim Cang chỗ này: “Phật pháp là pháp bất định.” Một cái pháp, dù cho chính Phật nói ra, tuyệt hảo đến đâu, mà cứ tin đó là một chân lý bất di dịch, lập thành một khuôn khổ, truyền thống cứng ngắc thì... ôi! Thôi rồi! Vì thế mà Khổng Tử đã hóm hỉnh bảo: “Quơ hết những cái hay của họ đổi cái dở của ta, ta chẳng thêm” vậy.

---o0o---

Vùng Trời Mơ Ước

Xưa, có một anh chàng nọ, nghèo đến nỗi không tác đất cắm dùi. Tình cờ anh gặp được thượng đế và ngài dễ dãi cho phép anh được làm vua một tiểu quốc. Lòng tham chưa thỏa, anh chiêu binh bãi mã, định gây cuộc can qua để dành thêm đất. Sợ anh gây họa cho đồng loại, thượng đế ban cho anh một đặc ân, cứ việc phi ngựa suốt một tuần trăng, những vùng đất nào có dấu chân ngựa đi qua đều thuộc vào quyền sở hữu của anh cả.

Anh chàng, tức ông vua của cái tiểu quốc tí tẹo, lòng mừng khắp khởi, thắng liền một con tuần mã và bắt đầu phi ngựa như bay. Người và ngựa đi qua không biết bao nhiêu là làng mạc, thôn xóm, núi đồi, thành quách, sông suối, gần hết một tuần trăng rồi mà lòng vẫn chưa thỏa...

Cuối cùng, anh chàng ngã gục bên suối... và chiếm được hai thước đất để chôn mảnh xương tàn của anh.

---o0o---

Xử Tội

Chúa Jésus đang giảng đạo trước đám đông. Bỗng một nhóm trí thức và tu sĩ mang một dâm phụ đến trước mặt ngài, hỏi:

- Thưa ông! Mụ gian phụ này bị bắt quả tang, theo luật Moise thì phải bị ném đá. Vậy ông nghĩ sao?

Đức Chúa im lặng. Đám đông cứ nhao nhao lên đòi xử cho bằng được. Bất đắc dĩ Chúa bảo:

- Trong quý vị ai thấy mình hoàn toàn trong sạch, chưa hề phạm một lỗi lầm nào, có quyền ném viên đá đầu tiên.

Mọi người dần dần tảng mắt, đức Chúa bảo chị đàn bà:

- Còn ai tố cáo con nữa không?

- Thưa, họ bỏ đi hết rồi, chỉ còn mình Ngài!

Chúa phán:

- Thôi, con về đi!

Em thân mến!

Thánh Gandhi của dân tộc Ấn có dạy: “Hãy ghét tội lỗi, nhưng đừng ghét người phạm tội.” Các tâm hồn cao thượng gặp nhau ở điểm này. Còn hạng phạm nhân của chúng ta, mỗi khi bắt quả tang ai phạm tội là mừng như bắt được vàng. Chúng ta sẵn sàng sỉ vả, la lối, mắng chửi, đánh đập... đương sự để chứng tỏ sự sáng suốt trong sạch của chính mình. Sự hèn học,

khinh miệt đó chẳng qua chỉ phát xuất từ tâm hồn ti tiện, tật đố, nhỏ nhen của chính ta mà thôi.

Có lẽ vì thế mà Lục Tổ đã dạy:

Nếu thật người tu đạo
Chớ nên dòm lỗi người...
... Nếu thấy được lỗi người
Thì... chính lỗi mình vậy!

Và, Ngài đã khuyên chúng ta một cách xử sự thật khôn ngoan:

“Người quấy ta đừng quấy”

nghĩa là, nếu thấy hành động đó là sai lầm, là tội lỗi thì... điều hay ho nhất là... “đừng làm” vậy.

Nói chi đến những việc “vừa ăn cướp vừa la làng.”

---o0o---

Rửa Tai

Hứa Do là một danh sĩ ẩn dật. Vua Nghiêu nghe tiếng, mời đến nhường ngôi, Hứa Do bỏ về, ra sông Đĩnh Thúc rửa tai

Sào Phủ, cũng là một hiền sĩ, dắt trâu ra bờ sông cho uống nước. Gặp Hứa Do đang rửa tai ngọc nhiên hỏi duyên cớ. Hứa Do đáp:

- Vua Nghiêu nhường ngôi cho ta, ta phải đi rửa tai.

Sào Phủ nghe nói, vội dắt trâu lên phía trên dòng cho uống. Hứa Do hỏi, Sào Phủ đáp:

- Ta sợ trâu uống nhầm nước rửa tai của anh.

Và hỏi tiếp:

- Anh đã làm gì đến nỗi vua Nghiêu nghe tiếng đi mời anh vậy?

Em thân mến!

Vua Nghiêu có mời Hứa Do đến nói chuyện nhường ngôi. Hứa Do có nghe và thấy rõ ràng lúc đối mặt...

Nhưng đến lúc vua Nghiêu không còn giáp mặt, lời nói nào còn lưu lại trong tai Hứa Do để ông ta phải đi rửa cho sạch là điều ta cần lưu ý.

Sắc và thịnh là những trần cảnh bên ngoài, tự nó không là tốt xấu, hay dở nhưng chính sự phán đoán của chúng ta đã đặt cho chúng một giá trị tạm thời... chứ không tuyệt đối. Con cóc cái chỉ đẹp và giá trị đối với con cóc đực, ngôi vua là cái đáng thèm với hạng đắm say ngũ dục, là một của nợ đối với kẻ thích thanh nhàn, ghét bồn phận và trôi buộc. Đắm say, giành giật cho kỳ được bằng trăm phương nghìn kế, hoặc biểu lộ cho người ta thấy rằng mình không màng, chả thèm tới, là người hiền, không vương mắc, dính dáng đến danh vọng... (bằng cách rửa tai chẳng hạn). Hai thái độ xem chừng trái ngược nhau nhưng kỳ thực đều bắt nguồn từ một cái tâm vương mắc của phàm phu. Một đảng thích quyền uy, lợi lộc, phú quý vinh hoa..., một đảng thích cái danh hiền nhân “chẳng màng đến quyền uy, lợi lộc, phú quý, vinh hoa...” mà thôi.

Câu hỏi của Sào Phủ: “Anh đã làm gì đến nỗi vua Nghiêu nghe tiếng mà mời anh vậy?” cũng thật là có ý găm.

Chúng ta có ăn mặn, người ta mới mời mình mua thịt, có nhậu rượu người ta mới mời mình nâng chén... Nếu do người ta nhận làm mời mình, thì cứ mỉm cười, từ chối mà đi, cần gì phải gây gổ, phân bua rằng mình không dính dáng đến mấy thứ đó?

Các thiền sư thường nhắc nhở chúng ta rằng: “Thanh tịnh mà thấy rằng mình thanh tịnh đó là hết thanh tịnh rồi” cũng chẳng ngoài ý trên vậy.

---o0o---

Nước Cam Lô

Các đạo sĩ lập đàn cúng tế, cầu nước Cam Lô. Tề Thiên đi ngang thấy được, rủ Bát Giới, Sa Tăng vào ăn hết cỗ bàn hoa trái... và đá vào nồ lô của bọn đạo sĩ...

Các đạo sĩ thấy hồ lô có nước, mừng quỳnh tương là thần tiên giáng thế, ban nước cam lô, liền tranh nhau uống... mới phát giác ra vị cam lô của chư thần có hương vị nước đá heo.

Em thân mến!

Câu chuyện trên được trích từ một đoạn của Tây Du Ký. Đọc xong, không ai khỏi bật cười nhưng đang cười, gãi lại, nụ cười bỗng tắt như mếu vầy. Thói thường, không làm điều gì phi pháp thì ta khỏi sợ công an và mất tiền hối lộ. Nếu những người công chức chân chính, không ai nhận của đút lót để bẻ queo cán cân công lý, thì các bậc thánh thần đâu thể vì một nải chuối, đĩa xôi, con gà... mà ban phúc giáng họa, phát không tài lộc cho chúng ta?

Thế thì, những nhân vật dễ cáu, dễ hờn, dễ giận, dễ nịnh, dễ mua chuộc... tự xưng là Phật Tổ, thánh thần, mẹ cha, cô cậu... là ai? Nếu không phải là các chàng Tề Thiên, Bát Giới, Sa Tăng đội lốt. Tin ở bọn này, có ngày chúng ta sẽ uống Cam Lò bằng nước đái heo đấy!

Loài người chúng ta có hình dáng, tên tuổi, quê hương khai sinh, giấy tờ hần hoi. Vậy mà, khi có ai tự xưng là ông kia bà nọ, chúng ta còn phải kiểm tra bằng mắt thấy tai nghe, hỏi thăm cô bác gần xa. Đàng này, những hạng vô hình vô dạng, phải dựa vào thân xác của một người bất thường, oai nghi thô tháo, hình sắc dật dờ, khi mê khi tỉnh... mà chúng ta có thể tin đó là hiện thân, sứ giả của các đấng thiêng liêng, răm rắp nghe theo lời chỉ dạy, phán truyền của họ thì... thật khó nói giữa người bảo và kẻ vâng lời, ai điên hơn ai? Hèn chi mà các bậc giác ngộ đã gọi chúng ta là “điên đảo”.

---o0o---

Chàng Ghẻ

Xưa, có một ông thầy thuốc hết sức là lạc quan, lại thêm cái tính đặc nhân tâm, không muốn làm buồn hay mất lòng ai.

Gặp các bệnh nhân bị ung nhọt, chưa phát tác hay phát tác, ông đều tìm cách ém nhẹm hay giấu biến đi, bảo người bệnh cứ vui chơi, ăn uống cho thỏa thích, khỏi cần kiêng cử, chữa trị gì ráo trội, vì cơ thể anh bệnh thật là hoàn hảo.

Đến lúc bệnh phát tác dữ dội, ông thầy thuốc vội vàng linh mất.

Em thân mến!

Bi quan hay lạc quan thái quá là những sự nông nổi giả dối tai hại. Đối với một người bệnh nói lên sự thật, bảo phải kiên cữ cho đến lúc chữa trị tận gốc là một thái độ cần thiết phải có của một bậc lương y. Khi người ta mắc bệnh, không thể khóa lấp xem không có gì để mằm bệnh mỗi ngày một tăng trưởng... là một điều tai hại khôn lường mà không vị lương y nào dám làm cả.

Cũng thế, đức Phật được xưng tụng là vô thượng y vương, một người thầy thuốc, đã bắt mạch cho chúng ta căn bệnh đầu tiên là khổ đế... Vừa nghe đến chữ khổ, chúng ta đã dấy nẩy lên, cho rằng đức Phật bi quan, yếm thế, thất nhân tâm v.v... Do đó mà chúng ta bịt tai, không chịu nghe Ngài nói tiếp về nguyên do của căn bệnh: lòng tham ái, chấp trước... (tập đế). Đã không chịu nghe, không chấp nhận căn bệnh, không kiên cữ nên những lời dạy của Ngài về trạng thái hết bệnh (diệt đế) hoàn toàn vô bổ đối với chúng ta. Và, dĩ nhiên, phương thuốc, cách chữa bệnh (đạo đế) của Ngài cũng chung số phận.

Đó là chưa nói đến chuyện những điều Ngài bảo khổ, chúng ta cãi là vui, những thứ Ngài cho là nguy hiểm, phải kiên cữ thì chúng ta... xài xả lảng.

Vì thế, trong một bản kinh, đức đạo sư có đưa ra một thí dụ như sau:

Có anh chàng nọ, bị bệnh ghẻ từ hồi mới sinh nên lúc nào chàng ta cũng gãi, chà... và cảm nhận một cảm giác khoái trá tột độ. Đó là khi cào rách da thịt và hơ chúng lên than hồng.

Bữa nọ, có ông lang đến thăm và hứa sẽ chữa cho chàng ta hết ghẻ. Vừa nghe đến hai chữ “hết” chàng ghẻ đã kêu rầm lên:

- Hết! Bộ thầy muốn giết tôi sao? Đời tôi chỉ có một niềm vui độc nhất là... gãi ghẻ, nếu hết ghẻ rồi thì lấy gì để gãi?

- Này anh, hết ghẻ rồi... anh sẽ được hạnh phúc thú vui hơn nhiều...

- Vui cỡ nào? Vui bằng hơ ghẻ lên than hồng không?

- Hoàn toàn không phải vậy?

- Nếu thế thì ông chớ bày chuyện chi cho mất công, không bao giờ tôi đòi cái hạnh phúc gãi cho đỡ ngứa để lấy cái “không” trơ trọi của ông. Nếu ông thật sự có lòng tốt, xin chữa cho hết cái ngứa nhối, ngứa ngứa, đau buốt... nhưng phải chừa mọt ghẻ lại cho tôi gãi...

- Này chú em! Không một người lành mạnh nào lại ước ao có ghẻ để gãi, có ghẻ thì có đau ngứa có ngứa ngứa, có khổ sở... càng gãi càng hơ lên than hồng, nó càng lở loét và đau đớn hơn... Cái cảm giác mà em cho là sung sướng đó, thật ra chỉ là đau khổ trá hình mà thôi...

- Nếu ông cho cái đó là đau khổ, thì ước mong sao tôi được đau khổ liên miên bất tận... hoài hoài, mãi mãi...

Em thân mến!

Chàng ghẻ nọ, không ai xa lạ, chính là mỗi người chúng ta, ông lang giàu lòng kiên nhẫn chính là đức đạo sư vậy. Từ thuở sơ sinh, chúng ta đã mắc chứng bệnh trầm kha là tham trước. Con bệnh làm chúng ta bồn chồn, bứt rứt, ngồi đứng không yên... nhưng mỗi khi quơ được một món nào (trong ngũ trần) vừa lòng thích ý thì chúng ta thật là hài lòng hả dạ, hết như chàng ghẻ đang hơ tay lên than hồng vậy.

Đức Phật bảo chấp thủ là khổ, ta cãi: vui lắm! Ngài đề nghị chữa bệnh, chúng ta bảo: chữa đến vô ngã thì lấy gì mà hưởng ngũ dục đây? Đòi tôi chỉ có ngũ dục là vui, tu theo Ngài, vô ngã... thì lúa rồi!

Phật dạy:

- Vô ngã, nhưng niết bàn tịch tĩnh...

- Cái niết bàn của Ngài có vui cỡ được tài, sắc, danh, ăn, ngủ không?

- Niết bàn không dính dáng gì đến mấy thứ đó. Một người đạt đạo không bao giờ thấy ngũ dục là vui hết.

- Vậy thì... con không bao giờ mơ tới cái niết bàn không có chi hết của Ngài. Nếu có thể, xin Ngài giúp con thoát khỏi già bệnh chết, cho con càng ngày càng trẻ, càng đẹp trai, càng giàu công danh phú quý của tiền vô số...

- Này con, thọ nào cũng khổ hết, đừng có đại mà mơ mấy cái đó...

- Nếu Ngài cho đó là khổ thì con ước ao được mấy cái khổ đó hoài hoài... Ước sao tôi được nhiều của, nhiều tiền, nhiều vợ, nhiều con, nhiều danh, nhiều lợi... hơn là tu theo Phật, mất sạch sành sanh!

Đức đạo sư của chúng ta biết trả lời sao đây? Thôi thì, thương con không biết gớm, bỏ thì thương mà vương thì tội, Ngài đành phải tương kế tựu kế, trước thỏa mãn lòng tham dục của nhân loại, sau dùng phương tiện hướng dẫn cho chúng sinh giác ngộ (trước dùng dục câu dất, sau dùng trí để nhổ). Vô lượng pháp môn của Phật giáo cũng sản sinh từ đó.

Vì thế, từ bước đầu là một pháp tu trong sáng, thuần trí tuệ, Phật giáo lần lần có đủ pháp môn đáp ứng với mọi nguyện vọng của nhân loại: cầu của, cầu con, cầu tài, cầu lộc, cầu thăng quan tiến chức, cầu an cho người thương, cầu tai họa cho kẻ ghét...

Nếu người hướng dẫn có thể trước thỏa mãn lòng mong cầu của môn đệ, sau khai tâm mở trí cho trí tuệ họ bừng sáng thì các pháp môn đồng gặp nhau ở chỗ “Duy tuệ thị nghiệp: chỉ có trí tuệ là sự nghiệp,” nhưng nếu thầy lẫn trò đều dùng chân ở chỗ “dùng dục câu dất” thì đức Phật sẽ biến thành một vị thượng đế, có đầy đủ quyền uy và khả năng để cáng đáng hết mọi chuyện cho hăng hà sa số chúng sinh. Giúp việc cho Ngài là vô lượng Bồ Tát, quý thần chuyên môn làm mọi không công cho thiên hạ. Và tín đồ nhà Phật, bị tham dục chi phối sẽ không từ nan bất cứ việc nào (miễn sao được gãi ghe thỏa thích): xin xăm, bói quẻ, cúng sao, phát bùa, cho niệt, trừ ma, yém quỳ, cầu của, cầu con, v.v... và v.v... vậy.

---o0o---

Sa Môn Hạnh

Một thầy Bà La Môn tự cho mình đã tinh thông ba tập Veda, chê Phật là hạng sa môn giả hiệu, không xứng đáng để nói chuyện. Đức Phật mới hỏi anh:

- Ta nghe nói các anh được quốc vương Ba Tư Nặc cúng dường trọng hậu nhưng chưa hề diện kiến nếu có gặp gỡ nhà vua thì chỉ gặp gỡ qua một tấm màn, điều ấy có đúng không?

Thầy Bà La Môn đáp:

- Đúng như vậy!

- Này Bà La Môn! Giả sử một chàng nô lệ hạ tiện tuyên bố, lập lại những lời mà chàng ta nghe nhà vua nói, chàng nô lệ có được xem là vị quốc vương hay phó vương không?

- Làm sao được nói!

- Này anh, giả sử có người, đọc tụng, lập lại các lời nói, phù chú... mà anh ta cho rằng được nói ra từ các đại ẩn sĩ hiền triết thời danh... anh ta đọc thuộc lòng các điều mà truyền thuyết ghi lại là do các bậc hiền nhân ấy nói ra... thì anh có thể đạt đến địa vị của các hiền nhân ấy không?

- ... !!

- Thế thì, anh đã rõ lời tự hào của những người thông thuộc các thánh thư Veda có một giá trị như thế nào rồi chứ!

Thầy Bà La Môn lại im lặng.

(Trích kinh Amatrú, Trường Bộ Kinh)

(13-11-1986)

Em thân mến!

Đọc tụng, lập lại lời nói của các bậc giác ngộ (mà ta chưa hề thấy mặt, chỉ biết qua sách vở, truyền thuyết...) rồi tự hào cho mình đã bằng hay nổi dòng nổi dõi các ngài, sanh tật tự cao, khen mình chê người.. là những điều mà đức Phật quả trách thầy Bà La Môn trong đoạn kinh trên... cách đây 25 thế kỷ.

Vậy mà, chính điều ấy, chúng ta đang làm hằng ngày, em có thấy như vậy không? Chỉ cần thuộc lòng hai đường công phu, tụng đọc được dăm ba quyển kinh, chúng ta đã thấy kích thước bản ngã mình nở rộng ra, gồ ghề, cao quý hơn... đặt mình ngang hàng với Phật tổ, khen mình chê người thì... thật là điên rồ và tự phụ hết sức.

Đề chữa trị chứng bệnh này, đức đạo sư dạy:

Dù nói nhiều kinh điển
Không y giáo phụng hành
Như kẻ chăn bò người
Nào hưởng sa môn hạnh
PC 19

Dầu nói ít kinh điển
Nhưng y giáo phụng hành
Từ bỏ tham sân si
Tỉnh giác tâm hiền lành
Thì đời này đời khác
Đều hưởng sa môn hạnh.
PC 20

---o0o---

Phần 11

Người Vợ Góa

Trang Tử là một nhà hiền triết của Trung Hoa. Hôm nọ, đi chơi núi, ông gặp một thiếu phụ mặc tang phục ngồi quạt cho ngôi mộ mới đắp, còn ướt đất. Hỏi duyên cớ vì sao thì cô nàng đáp là người chồng cô mới mất. Trước khi chết, anh chồng có ra điều kiện là nếu nàng muốn tái giá, hãy đợi cho mộ chồng khô đã. Chồng nàng chết chưa được bao lâu, thì thiếu phụ có người đến dạm hỏi. Người vợ sợ chờ lâu mất dịp may nên nàng phải hàng ngày ra mộ quạt cho chóng khô.

Trang Tử về nhà, kể lại sự việc cho bà vợ ông nghe. Bà vợ cất tiếng thóa mạ thiếu phụ quạt mồ. Trang Tử cười, khen người thiếu phụ là thành thật và cho là bà vợ mình chưa chắc đã có đủ kiên nhẫn đợi chờ như nàng ta. Bà Trang Tử nghe nói, giận dữ và thề thốt đủ thứ chuyện.

Để thử lòng vợ, Trang Tử giả bộ chết và ngâm báo với một số học sinh thân tín thử lòng vợ mình.

Thoạt đầu thấy chồng chết, bà Trang khóc kể thảm thiết, vật vã đòi chết theo. Đến khi thấy cậu học trò đến, vừa trẻ tuổi, vừa đẹp trai lại nịnh đầm rất mực, bà liền nín khóc.

Chàng trai giả vờ đau bụng, kêu la dữ dội, đòi phải có óc người hòa thuốc uống mới khỏi. Bà Trang liền cầm vò định đập đầu người quá cố để lấy thuốc. Trang Tử liền nhóm dậy, ngâm ê a:

Lạ thay cho gái quạt mô
Giận thay cho gái lấy vò đập xăng.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây, thực hư ra sao chúng ta chưa thể quyết đoán được. Nhưng có lẽ... chuyện chỉ có thực trong thời sơ khai khi con người chưa đủ khôn ngoan để che giấu những tham vọng của mình dưới những danh từ kêu rồn rảng như ngày nay, lúc mà con người chỉ biết tham lợi, tham tài, tham sắc... nhưng còn ít háo danh nên hai bà vợ trong chuyện đều bày tỏ lòng mình một cách thật thà, công khai, chưa biết cách che giấu theo kiểu “vừa ăn cướp vừa la làng” như hậu duệ của họ: bọn chúng ta ngày nay vậy.

Điều khá thú vị của câu chuyện là thái độ bà Trang Tử, khi nghe kể chuyện người góa phụ quạt mô, bà giận dữ chê trách. Thái độ của bà hoàn toàn chân thật: bà còn chồng, còn sự bám víu, núp bóng vào đấng phu quân mà bà hết lòng yêu mến... nên bà chưa ngờ cũng như chưa lường trước cái giây phút bơ vơ, cô quả, hụt hẫng, ở một mình trên cõi đời với cái thây ma lạnh lẽo. Đến lúc chồng chết, bà gào khóc thảm thiết, vẫn là những giọt lệ chân thành rất mực. Nhưng, than ôi! Khóc người chết chỉ là khóc cái lồng tre lạnh lẽo vô tình mà cánh chim đã để lại sau khi tung cánh. Chim bay không trở lại, người khóc trở vơi với cái xác vô hồn... những giọt lệ xót thương phải dành cho người ở lại. Trong lúc bơ vơ, hoảng hốt vì phải đối mặt với cái vô thường, cái khoảng không hụt hẫng của thần chết cũng là lúc bà cần một sự nương tựa bám víu hơn bao giờ hết. Anh học trò chính là cái phao cấp cứu đó. Đến lúc này, bà Trang mới thấu hiểu rõ hành động, tâm trạng của người góa phụ quạt mô... Và bà đã cầm vò định đập xăng lấy óc người chồng quá cố cho người chồng tương lai xài... hệt như người ta đập bức tường cũ lấy gạch xây bức tường mới vậy.

Em thân mến!

Mỗi khi chúng ta bực tức, giận hờn, muốn cất tiếng thóa mạ hay chỉ trích một hành động xấu của bè bạn, chúng ta đều có một cảm nhận thật thích thú: ta đứng trên người đó một bức hăn hỏi, sao mà họ đê tiện xấu xa, có thể hành động như thế, trong khi ta chưa hề, không bao giờ có thể tưởng

tượng được. Càng kể xấu họ bao nhiêu, ta càng thấy nhân cách mình sáng ngời rực rỡ bấy nhiêu. Ta giống bà Trang Tử ở chỗ này rồi nhé!

Nhưng cuộc đời vô thường, mai kia một nợ ta lại lâm vào một hoàn cảnh y hệt như người mà ta kết tội, phỉ nhổ... thì... như các thiền sư đã nói: “Như nhau dọc mũi ngang mày.” Nếu chưa khám phá ra mình là ai, vẫn còn đeo queo theo nhiều thứ lo sợ: sợ già, sợ bệnh, sợ chết, sợ xấu, sợ bơ vơ, sợ trợ trợ có một mình... và nhất là sợ phải đối mặt với cái hư vô, cái khoảng không vĩnh viễn của chính mình... Còn tất cả những mối lo sợ ấy, chúng ta còn cần phải bám víu, nương tựa, núp bóng... thì ngay lúc ấy, chúng ta lại giống bà Trang lần thứ hai.

Lục Tổ có khuyên chúng ta như thế này:

Nhược chân tu đạo nhân
Bất kiến thể gian quá.

Dịch:
Nếu người thật tu đạo
Không thấy lỗi thể gian.

Không thấy không phải là không nom thấy, trông thấy... Có mắt thì phải thấy chứ! Nhưng không kết án, hằn học, nói hoài nói mãi... Kia! Nhưng, thấy mà không nói, không bàn thì tức không chịu được. Chúng ta chỉ thấy mà không nói, không bàn, gạt qua một bên... khi đó là lỗi của chính mình. Khi bà Trang đặt mình vào hoàn cảnh của người góa phụ, bà sẽ chỉ thở dài chứ không thóa mạ. Cũng thế, khi chúng ta thấu rõ sự vô thường, nhay bén, lắt léo của tâm thức mình, thấu đáo sự bất lực, vô trật tự, mất tự chủ của chính mình đối với cái “hư ảo phù tâm”... thì ta có thể thông cảm được những giọt lệ, nụ cười, tiếng nói, niềm vui, nỗi buồn cũng như sự cay độc, mai mỉa, chua chát, tỵ hiềm của người chung quanh.

Đó cũng chính là bước đầu tiên của người học đạo vào cửa thiền vậy.

---o0o---

Mẹ Thầy Tăng

Thầy Tăng Tử là một hiền nhân, học trò của đức Khổng Tử. Một hôm, thầy vào rừng kiếm củi, bà mẹ ở nhà dệt cửi. Có người đến nhà bảo:

- Tăng Tử giết người rồi.

Bà mẹ điềm nhiên dặt cửi vì bà rất rõ con mình.

Lát sau, lại có người đến báo tin dữ. Bà mẹ vẫn ngồi dặt cửi, lòng không lay động. Đến lúc nhận được tin lần thứ ba, bà quăng thoi, hốt hải đi tìm con... và khám phá ra kẻ sát nhân chỉ trùng tên với con mình.

Em thân mến!

Đây có thể là một bằng chứng của sự kiện “lòng tin chưa đủ” vậy. Bà mẹ của thầy Tăng đã có lý khi quăng thoi đi tìm con, vì Tăng Tử không phải là bà. Còn chúng ta, nếu còn hướng ngoại đi tìm cầu sự giác ngộ bên ngoài mình, các thiền sư cùng Phật tử cũng sắp chúng ta vào hạng niềm tin chưa đủ vậy. Trong nhà Phật, danh từ ngoại đạo không phải dành để chỉ cho hạng người không thờ Phật, không thực hành theo các nghi thức Phật giáo mà chính là chỉ cho hạng “ngoài tâm cầu Phật” hạng người đi tìm sự giác ngộ bên ngoài mình. Cứ theo các định nghĩa này thì bọn chúng ta thành ngoại đạo hết trơn hết trọi rồi còn gì!

---o0o---

Thị Kính

Thị Kính là một thiếu nữ con nhà khuê các, công dung ngôn hạnh đều đầy đủ, được cha mẹ gả cho Thiện Sĩ, một chàng trai phong nhã, thuộc hàng hộ đối môn đăng.

Nhân một việc hiểu lầm, Thị Kính bị chồng từ hôn và gởi trả về nhà cha mẹ. Chán chê cho cái phận nữ nhi trong thời phong kiến, Thị Kính bèn giả dạng tu mi, xuất gia tại một ngôi chùa quê, quyết đoạn tuyệt với cái thế gian đa sự.

Nào ngờ, dung mạo dễ coi của chú tiểu giả trai này lọt vào mắt xanh của nàng Thị Mầu. Bên vô tình bên hữu ý... nhưng rốt cuộc, Thị Mầu cũng đổ cho chú tiểu tội dụ dỗ mình và bắt nuôi đứa bé không cha.

Mọi việc chỉ rõ ràng khi chú tiểu lìa đời. Đó là đại ý câu chuyện của nàng Thị Kính, một thiếu nữ Cao Ly mà người ta cho rằng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Em thân mến!

Câu chuyện của nàng Thị Kính đã được các văn nhân, thi sĩ cùng các nhà viết tuồng, kịch chèo... khai thác khá nhiều nên tôi không cần kể lể dài dòng. Tôi chỉ muốn bổ túc thêm những gì mà người ta chưa đề cập đến (theo kiểu điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa ấy mà).

Chúng ta đã hiện diện trên cõi đời này thì phải thuộc vào một trong hai phái thật rõ ràng nam hay nữ.

Sau khi phân loại về giới tính, chúng ta còn phải trải qua một loạt phân loại nữa: đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, khôn hay ngu, giỏi hay dở, may hay rủi v.v...

Lẽ dĩ nhiên là ai cũng ao ước được như bà Thị Kính: đẹp đẽ, giàu sang, may mắn... kiếm được một tấm chồng ưng ý... thì dùng một cái “bừng con mắt dậy thấy mình tay không.” Sự mất mát quá to lớn khiến bà chịu không nổi và không thể nào nguôi ngoai được. Như một con chim bị đạn, bà né luôn những cành cây cong. Bà đổi giới tính từ nữ ra nam, đổi nếp sống giàu sang thành cơ cực, đổi sự đa đoan của thế tục bằng nếp sống của nhà tu... thì lại gặp ả Thị Mầu. Lần này thì vô phương thoái thác và trốn tránh, bà đành ần nhẫn nuôi đứa trẻ bơ vợ... không giận hờn hay oán trách gì hết. Đến lúc ấy, thế nhân mới thỏa thuận và tôn bà là Bồ Tát, là Phật Bà Quan Âm... là hóa thân chẳng hạn...

Em thân mến!

Ngày hôm qua tôi về thăm thành phố trên một chiếc xe ca. Suốt ba giờ ngồi bó rọ trên xe, tôi và người chung quanh đã bị hành hạ không ít vì một chú bé gần ba tuổi. Chú bé này không chấp nhận nỗi sự bình lặng ù lì của một chiếc xe đang chạy giữa cơn mưa với các hành khách ngồi ngủ gà ngủ gật, nên sau khi ăn quà và nghịch chán chê với cái lưng ghế, chú ta nhất định đòi xuống xe cho bằng được. Chú ta hét, gào khóc vật mình vật mẩy, hành thân hoại thể chú, làm điều đứng bà mẹ và điếc tai người chung quanh chỉ vì một ý định không tài nào thực hiện được.

Em thân mến!

Chúng ta có giống chú bé con trên không nhi? Chúng ta ước ao hạnh phúc nhưng không chấp nhận nổi cái hạnh phúc bình thường, tẻ nhạt đều đều của một nếp sống quân bình: ăn, uống, ngủ, nghỉ, đi làm, bệnh, già rồi chết.

Chúng ta luôn luôn đòi hỏi, vòi vĩnh cái bất khả, hết như thằng cu con trên chuyến xe vậy. Ta phải là người đẹp nhất, khỏe nhất, sang nhất, được chịu chuộng nhất... ta phải trẻ mãi không già, đẹp hoài không xấu, sống nhăn... không bao giờ chết. Chúng ta không chịu nổi sự biến dịch vô thường nhưng cũng không chịu nổi cái vĩnh hằng, bất biến. Không được thì buồn, mà được thì cũng buồn cũng chán. Buông cái này chụp cái kia, phải thay đổi sở thích hoài hoài là trò chơi của con trẻ, gặp sự bất như ý thì khóc la gấu ó và làm phiền người chung quanh bằng các lời cần nhằn cừ nhử của mình... Đó là hành động của chú bé con trên chuyến xe ca, của nàng Thị Kính khi bị từ hôn và của toàn thể nhân loại đang tu hành trong thế gian này vậy.

Khi chú tiểu Kính Tâm bằng lòng ra tam quan ở, bằng lòng nuôi đứa trẻ, cho nó gọi mình bằng cha, ẵm nó vào xóm làng nhận tất cả những lời mắng nhiếc mỉa mai, để xin sữa cho nó bú... thì chú tiểu đã có thái độ của một người lớn đi xe. Không phải chuyện khi không mà chúng ta hiện diện trên cõi đời này. Phải chen lấn, xếp hàng, giành giật, trả tiền, năn nỉ... mới chiếm được một ghế. Tưởng là vui lắm ai dè buồn hiu. Sau một hồi khóc lóc vật vã và khóc kể đòi xuống không được đành phải chấp nhận đi đến đích cuối cùng là bến đỗ.

Khóc la, phản đối, làm âm ỉ lên, hành hạ mình và người chung quanh là hành động của đứa bé con, của hàng phàm phu tục tử, chấp nhận thực tại, không làm khổ mình và người bằng những đòi hỏi viển vông bất khả, tự tại và tự do khi đến và đi, lên và xuống là thái độ của một hành khách người lớn, đã tự lập, không còn nương tựa, bám víu vào ai... Đó cũng chính là thái độ của một vị Bồ Tát, một con người giác ngộ... Vẫn ăn ngủ hít thở trên đời như bao nhiêu người khác, vẫn sinh già bệnh chết hết thường nhân. Có khác chăng là Bồ Tát chấp nhận thế giới hiện thực với một nụ cười thay cho lời than thở, gậy gõ... và nhất là không làm phiền người khác bằng những ước vọng điên cuồng, ích kỷ, bất khả thực hiện của cá nhân mình... Vì các ngài không còn mong ước. “Vô sở cầu hạnh” là một trong những lối để vào cửa thiên thất là thế!

---o0o---

Không Chịu Nói Dối

Thiền sư Đạo Giai (1043-1118) thuộc đời Tống, là đệ tử của thiền sư Nghĩa Thanh núi Đều Tử. Thời học đạo, sư trông coi công việc của nhà trụ. Thiền sư Đều Tử hỏi sư:

- Công việc trong nhà trù không phải là chuyện dễ.

Sư thưa:

- Chẳng dám.
- Ông thổi cơm hay nấu cháo?
- Thưa, hơn công đãi gạo nhúm lửa, trị nhật nấu cháo thổi cơm...
- Còn ông làm gì?
- Thưa, nhờ ơn hòa thượng từ bi, con được rảnh rang.

Đến lúc xuất sư, sư được thỉnh trụ trì ở Thiên Ninh, đạo hạnh cao vút, tiếng đồn đến tai vua. Tống Huy Tông sắc ban cho sư cà sa màu tía và hiệu là thiền sư Định Chiếu. Sư tạ ơn, dâng thơ từ chối, rằng: “Cúi mong thánh thượng từ ân chú tâm làm lành, nêu cao đức tốt... thần đã lỡ phát nguyện chẳng thọ danh lợi nên chẳng dám nhận quà. Chỉ nguyện trọn đời hành đạo để đền đáp thiên ân.”

Nhà vua cho sứ đến khuyên sư nhiều lần nhưng sư vẫn một mực từ chối. Vua nổi cáu, ra lệnh giao sư cho quan Hữu Ty tra khảo.

Quan Hữu Ty vời sư đến bảo:

- Hòa thượng thân gầy ốm quá, có bệnh gì không?

Sư bảo:

- Thường ngày cũng có bệnh nhưng hiện nay thì không?
- Theo phép nước, người bệnh không phải chịu hình phạt. Hòa thượng mắc bệnh gì?
- Thưa, tôi hiện giờ thật tình không có bệnh.

Quan Hữu Ty đành buồn rầu ra lệnh phạt. Sư điềm nhiên thọ nhận. Sau đó, sư bị lệnh đi đày, mặc áo tù đến Tri Châu. Một năm sau mới được tha.

Sau khi được phóng thích, sư cất am nơi hồ Phù Dung. Sống kham khổ nhưng lúc nào cũng có hằng trăm tăng chúng quanh vây.

Sư không phó trai cũng không giao thiệp với công danh quyền quý. Đời sống của chúng tăng chỉ trông cậy vào số hoa màu tự trồng tĩa lấy. Sư ra lệnh chia đều lương thực ra thành 360 phần, dùng cho mỗi ngày trong một năm. Có khách đến bất thường chỉ được thêm nước chứ không thêm gạo. Tăng chúng cùng sư ăn cháo hay nước cháo là việc thường, vậy mà học phong của sư cao vút môn đồ ăn đứt mọi nơi.

Sư còn để lại cho chúng ta một bài kệ tiếp khách như thế này:

Sơn đồng thoát lạt phạn
Đã thái đạm hoàng tê
Khiết tất tông quân khiết
Bất khiết nhật đông tê.

Tạm dịch:

Ruộng núi cơm hạt dẻ
Dưa lạt với rau đồng
Có ăn thì ngồi xuống
Không ăn rảo tây đông
*(Dĩa dưa muối tộ rau đồng
Bát cơm hạt dẻ mời ông qua ngày
Có ăn thì ngồi xuống đây
Không ăn xin thỉnh sư thầy đi cho).*

Năm 76 tuổi, ngày 14 tháng 5 (1118), sư đòi bút mực viết một bài kệ:

Ngã niên thất thập lục
Thế duyên kim dĩ túc
Sanh bất ái thiên đường
Tử, bất, phạ địa ngục
Tán thủ hoàng thân tam giới ngoại
Đẳng đẳng nhận vận hà câu thúc.

Nghĩa:

Tuổi ta 76
Duyên đời thôi đã đủ
Sống chẳng ưa thiên đàng

Chết đâu ngán địa ngục
Thông tay đi ngang ngoài ba cõi
Mặc tình vượn bỗng buộc ràng chi.
Viết xong sư quăng bút thị tịch.

Em thân mến!

Cả một cuộc đời siêu thoát đầy hào khí của thiền sư Đạo Giai chỉ còn lưu lại trong sử sách qua dăm ba câu chuyện nhỏ, nhỏ nhưng vô cùng quý giá cho hàng hậu duệ lấu nháu cỡ chúng ta.

Điều khá thú vị trong câu chuyện trên là câu trả lời của ngài với hòa thượng khi được hỏi về công việc bề bộn của trụ phòng:

- Nhân công nhóm lửa, đãi gạo, trị nhật thổi cơm nấu cháo, riêng phần con thì nhờ hòa thượng từ bi cho phép được rảnh rang vô sự.

Ấy chớ! Chúng ta chớ hiểu lầm rằng ngài ngài ngồi bắt chân chữ ngũ chỉ tay năm ngón, nhìn thiên hạ làm đầu tắt mặt tối nhé! Trong nhà thiền, nhất là hệ thiền đốn ngộ của Trung Hoa, một thiền tăng từ lúc mới tập tễnh vào chùa cho đến lúc làm hòa thượng đường đầu, không có lúc nào mà không bị vây bủa bởi công việc, giây phút nghỉ ngơi thật sự của họ là khi đã chui vào hòm. Nếu hành giả tự đồng hóa mình với xác thân tứ đại này thì tha hồ than thở, rên rỉ, kể lể... thương thân trách phận... (như bọn chúng ta thường làm mỗi ngày vậy). Nhưng nếu nhờ ơn thầy bạn chỉ dạy, nhận ra được người vô sự, chủ nhân ông vẫn thanh nhàn, ung dung trong khi xác thân bị vương vít, vây bủa bởi những điều... đa sự thì chúng ta mới có thể đáp như ngài Đạo Giai, một câu cũng tương tự như thế.

“Nhờ ơn thầy chỉ dạy, con vẫn được rảnh rang!”

Muốn thoát ra được câu này không phải là chuyện dễ. Khó là vì chúng ta có thể nói hết như ngài (hay là hay hơn nữa không biết chừng), nhưng làm chi chưa nổi. Thiền sư đã đạt đến việc hành giải tương ứng nên khi đối thoại với quan Hữu Ty, được quan mách nhỏ cho là nếu cáo bệnh sẽ được miễn hành phạt, thì ngài chỉ đáp:

- “Bình thật cũng có bệnh nhưng hôm nay thì không...!” và điềm nhiên nhận hình phạt. Thà nhận hình phạt và bị lưu đày hơn là nhận những món quà chức tước của Khóa lợi giàu danh.

Nơi đây chúng ta không dám lạm bàn về thái độ xuất xứ hay ẩn tàng của các bậc tiền bối, chúng ta chỉ biết ngạc nhiên và khâm phục trước sự thành thật của ngài. Nói láo một câu, không hại ai cả, tránh được một trận đòn, khỏi một năm lưu đày mà cũng không chịu nói... Có thể các ngài thiếu thông minh và khôn ngoan, không biết quyền xảo phương tiện bằng chúng ta, nhưng có lẽ cũng là điều giải thích tại sao các ngài đạt đạo, tự tại trước sinh tử, chê khen, đố no, ấm lạnh... trong khi chúng ta còn bị buộc ràng.

“Khôn ai dễ bán, đại này khó mua” là thế.

---o0o---

Thiền Sư Duy Chánh

Thiền sư Duy Chánh, một cao tăng Trung Hoa vào cuối đời Tống , được quan Tương Thị Lang mời đến thuyết pháp trong một buổi tiệc có đông đủ quan khách. Thí chủ cố nài, sư phải nhận chịu, hẹn hôm sau sẽ đi. Ngài mai, quan Thị Lang sai người đến rước, sư lấy một bài kệ trao cho. Kệ rằng:

Tạo nhật tăng tương kim nhật kỳ
Xuất môn ỷ trượng hựu tư duy
Vi tăng chỉ hợp cư nham cốc
Quốc độ điên trung thậm bất nghi.

Nghĩa:
Hôm qua lỡ hẹn ngày nay
Chống gậy ra cửa lòng đầy băn khoăn
Núi rừng là chỗ chúng tăng
La cà phố thị rõ ràng chớ nên.

Em thân mến!

Mời mà chẳng thềm đi, khác hẳn với không thỉnh mà đến đấy nhé!

---o0o---

Ni Liễu Nhiên

Liễu Nhiên là một thiền sư ni, nổi pháp ngài Đại Ngu, đồng thời với ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư ni trụ ở Mạt Sơn, thời nhân kính trọng, không dám gọi tên, chỉ gọi là Mạt Sơn Hòa thượng.

Hòa thượng Quán Khê nhân đi du phương đến Mạt Sơn tự bảo: “Nếu tương đương thì ở, chẳng tương đương thì xô ngã giường thiền.”

Sư vừa đến tăng đường, sư ni đã sai thị giả đến hỏi:

- Thượng tọa đi du phương đến hay vì Phật pháp mà đến?

Nhàn đáp:

- Vì Phật pháp đến.

Sư ni liền lên tòa. Nhàn đến thăm bà hỏi:

- Hôm nay thượng tọa vừa rời đâu đến đây?

- Rời cửa đường.

- Sao chẳng đậu lại?

Sư Nhàn không đáp được, lễ bái hỏi:

- Thế nào là Mạt Sơn?

- Chẳng bày đánh.

- Thế nào là chủ Mạt Sơn?

- Chẳng phải tướng nam nữ.

Nhàn quát to:

- Sao chẳng biến đi?

- Chẳng phải thần, chẳng phải quỷ, biến cái gì?

Nhàn kính phục xin ở lại làm tri viên ba năm.

Em thân mến!

Tiểu sử các thiền sư ni còn ghi lại trong thiền sử thật là hiếm hoi và sơ sài. Ni Liễu Nhiên là một trong các vị ấy. Trong Tăng Chi Bộ Kinh, khi công chúa Sumanà hỏi đức Phật về sự sai khác giữa hai hạng người bố thí và không bố thí, đức Phật đáp rằng có sự sai khác rõ rệt giữa hai hạng người trên khi họ mang thân trời, thân người, là kẻ xuất gia hay tại gia. Nhưng hoàn toàn không có sự khác biệt khi cả hai đều đắc A La Hán quả.

Cũng thế, với nhãn quan của hạng phàm phu tục tử, chúng ta thấy có sự cách biệt sai khác rõ rệt giữa tăng tục, nam nữ, sang hèn, đẹp xấu, thiện ác... nhưng nếu nhìn bằng huệ nhãn, sự cách biệt trên chỉ có tính cách giả định, qui ước. Trong xã hội trọng nam khinh nữ thời xưa, có được thái độ cầu pháp như hòa thượng Quán Khê Nhân không phải là chuyện dễ dàng. Phong thái tự tại cùng cách nghị luận của ni Liễu Nhiên đáng cho chúng ta học hỏi thì hạnh khiêm cung của hòa thượng Nhân cũng đáng cho chúng ta đề đầu bái phục. Các nhân cách phi thường ấy đều phát xuất từ tâm vô phân biệt mà ra vậy.

---o0o---

Đức Sơn Tuyên Giám

Sư Tuyên Giám xuất gia và thọ giới năm 20 tuổi. Sư tinh thông luật tạng và rất nhiều kinh điển nhưng sở trường nhất là kinh Kim Cang. Vì sư thường giảng bộ kinh ruột này nên thời nhân gọi sư là Chu Kim Cang.

Nghe thiền tông ở phương Nam thịnh hành, sư bất bình bảo:

“Người xuất gia muôn kiếp học oai nghi, vạn kiếp học tế hạnh của Phật còn chưa được thành Phật nữa là... Vậy mà bọn ma quỷ phương Nam dám tuyên bố rằng: “Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật. Ta nguyện rằng đến tận hang ổ của chúng, diệt sạch bọn quái ấy để đền ơn Phật.” Sư bèn lên đường, không quên mang theo bộ sớ giảng về kinh Kim Cang khá nổi tiếng là Thanh Long số sao.

Đến miền Nam, sư gặp một bà lão bán bánh, bèn hỏi mua ít cái để ăn điểm tâm. Bà nhìn gánh hành lý công kênh của sư hỏi:

- Quảy cái gì mà nhiều quá vậy?

Sư đáp:

- Thanh Long số sao!

- Chắc thầy là một giảng sư?

- Đúng như vậy!

- Thầy thường giảng kinh gì?

- Kinh Kim Cang.

- Già có một câu hỏi, nếu thầy đáp mà già hiểu được, thì xin cúng dường bánh thầy xơi, bằng không, xin mời thầy đi nơi khác.

- Bà cứ hỏi.

- Trong kinh Kim Cang có câu: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc,” xin hỏi nhà thầy muốn điếm cái tâm nào?

Nhà sư đành lặng thinh trước câu hỏi không có ghi trong sách vở này, nhin đói, hỏi thăm đường đến chỗ của thiền sư Sùng Tín và xin cầu học với ngài.

Về sau, sư đại ngộ và nói pháp ngài Sùng Tín, thường được các thiền sư gọi là Đức Sơn Tuyên Giám.

Trước khi từ giã thầy đi du phương, sư mang bộ Thanh Long số sao ra châm lửa đốt sạch.

Em thân mến!

Ca dao Việt Nam có câu:

“Ở nhà nhất mẹ nhì con
Ra đường lắm kẻ còn dòn hơn ta.”

Sư Tuyên Giám lúc về phương Nam có ý định dẹp tan bọn cuồng thiên đã chủ trương trái ngược với những gì ông hiểu về Phật, về pháp. Nhưng mới gặp một bà lão vô danh, đã xếp gươm cỡi giáp quy hàng.

Điều khác biệt rõ rệt nhất giữa nhà sư này và chúng ta cũng chính là điều căn bản để tạo thành nhân cách của vị thiền sư lừng danh này, chính là điểm: “Biết sai liền bỏ.” Trong kinh đức Phật có kể một thí dụ như thế này:

“Có anh chàng nọ đi vào rừng hái củi, được một gánh đầy, liền quay về.

Trên đường về, anh gặp một rừng chiên đàn, đã định bỏ củi ra để gánh chiên đàn, nhưng suy đi nghĩ lại, anh tự nhủ:

- Minh đã bỏ ra cả ngày trời mới chặt được gánh củi này, lại quay nó trên vai hơn 10 cây số, nở lòng nào mà “có mới nói cũ” cho đành.

Và anh bỏ trầm hương, gánh củi về làng. Đến nơi, so giá cả mới hay giá trầm hương mắc gấp trăm gấp nghìn lần gánh củi chà của anh...”

Chúng ta có thể bắt chước hoặc giống ngài Đức Sơn ở đoạn đầu, khi quay một gánh kinh sách lên đường “dẹp loạn,” hàng phục ma quân báo ân Phật tổ... nhưng dám đốt cả gánh kinh, dẹp hết các xí đồ to lớn cỡi giáp qui hàng, xin làm đệ tử người mình vừa hết lời thóa mạ thì... có lẽ chỉ có một mình Đức Sơn Tuyên Giám mà thôi. Thiền sư Sùng Tín quả không làm khi chọn ngài làm người nối pháp vậy!

---o0o---

Thiền Sư Tiếp Khách

Thiền sư Đức Sơn thượng đường bảo:

- Hôm nay không ai được thừa hỏi hết, ai thừa hỏi sẽ ăn 30 hèo.

Một vị tăng bước ra lễ bái, liền bị ăn gậy. Vị tăng thưa:

- Con chưa thốt tiếng nào, vì sao hòa thượng đánh con?

- Ông là người xứ nào?

- Con người Tân La (Triều Tiên).

- Ông khi chưa xuống thuyền đã đáng ăn 30 gậy rồi.

Em thân mến!

Đây là một đoạn tiếp khách rất ư là mất lịch sự, thất nhân tâm, thất lễ nghi... mà các thiền sư thường dùng... khác hẳn với lối tiếp đãi ngọt ngào của chúng ta ngày nay. Vậy mà điều lạ lùng là lối xử sự của các ngài lại chuyển mê khai ngộ cho thiền khách, còn cách đối xử rất ư từ ái của chúng ta chỉ làm cho người ta vừa đeo cồng lại mang gông mà thôi.

Thiền sư Pimo, người Nhật bản, cũng có một lối tiếp khách quý tương tự. Khi thấy có thiền khách nào đến tham vấn, sư liền cặp cổ, kẹp chĩa ba vào đương sự, hùng hổ hỏi:

- Ma quỷ nào xúi mi bỏ nhà đi làm thầy chùa trọc đầu, hử?

Em thân mến!

“Mới hôm nào ngủ vùi trong nệm ấm
Gót son hồng chưa dấy bụi phiêu linh.”

Cái gì đã khiến chúng ta bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ quê hương, cha mẹ, quyến thuộc cùng những tiện nghi của đời sống thế tục để dấn thân trên đường tìm đạo? Phải tự mình tìm cho ra câu trả lời chứ đừng lập lại đáp số của người khác, là điều mà các thiền sư đòi hỏi nơi chúng ta.

Thuở nhỏ chúng ta ham ăn, ham chơi thường bị đòn, lớn lên ham tài, ham sắc liền bị chửi... Vậy mà khi chúng ta ham tu liền được khen tụng, ca ngợi âm ỉ... Đối tượng của lòng ưa thích, ham muốn tuy có thay đổi, nhưng con người, động cơ ưa thích, ham muốn vẫn chỉ là con người năm xưa. Nhà thiền không bằng lòng để chúng ta buông cái này, bắt cái kia, lo chơi thay đổi đối tượng... mà bắt buộc đương nhân phải quay lại, nhìn thẳng vào mình. Kéo mà “bụt nhà không thiêng,” cứ “đi cầu Thích Ca ngoài đường.” Cửa báu nhà mình không đếm xỉa lại đi rong ruổi ăn mày khắp hang cùng ngõ hẻm... nên vừa bước chân rời bỏ quê hương, đơm xuống thuyền để “tha phương cầu thực”... đã đáng ăn 30 gậy rồi. Có phải thế không nào?

Huệ Nam Thiền Sư

Thiền sư Huệ Nam (1002-1069), xuất gia năm 11 tuổi, 19 tuổi thọ giới cụ túc. Sư bản tính thâm trầm, không ưa ồn náo, oai nghi rất đĩnh đạc, mực thước, nên ở trong hội chúng nào cũng đều được tôn làm người mô phạm, quý vị hòa thượng đương đầu tiếp dẫn hậu sinh.

Sư nghe danh thiền sư Từ Minh, bèn khăn gói tìm đến định cầu pháp nhưng đến nơi, thấy Từ Minh oai nghi không tề chỉnh, lời nói thường lừa đảo môn đệ, nên thôi chí trở về.

Về sau, thiền sư Từ Minh tình cờ được bổ nhiệm về ngôi chùa của sư ở, sư thâm vui trong lòng, hết tâm học hỏi.

Mỗi khi sư vào thất thừa thỉnh, thường bị Từ Minh nạt nộ, mắng chửi thậm tệ. Nhiều lần như thế xảy ra, sư rất hổ thẹn. Một hôm Từ Minh mắng sư trước mặt đông người, sư đỏ mắt nhìn đám đông nói:

- Chính vì chưa hiểu nên mới thưa hỏi cầu giải nghĩa, mắng chửi đâu phải là qui củ thí pháp, sao hòa thượng lại thiếu lòng từ bi với kẻ hậu sinh?

Từ Minh cười hỏi lại:

- Đó là lời mắng chửi sao?

Sư hoạt nhiên đại ngộ. Năm ấy sư được 35 tuổi.

Em thân mến!

Oai nghi đĩnh đạc, nhiệt tâm cầu đạo, ở nơi đâu đều là mô phạm, gương mẫu cho hội chúng... Đó là những đặc điểm của ngài Huệ Nam, mà chúng ta có thể cố gắng bắt chước, mô phỏng được.

Trong Trường Bộ Kinh, khi nghe một thanh niên Bà La Môn dùng hết lời tán thán oai nghi, giới hạnh của mình, đức đạo sư đã bảo với hàng môn đệ:

- Chỉ có kẻ phàm phu mới tán thán giới đức của Như Lai, còn người trí thì tán thán trí đức của Ngài. Cũng vậy, khi ta khen là một ông thầy giáo đẹp trai, ăn nói dịu dàng, cử chỉ tế nhị phong nhã thì những lời

khen ấy chưa diễn tả được hết phong thái của một nhà giáo, một tài tử cinéma, một nghệ sĩ sân khấu thượng hạng có thể vượt xa ông thầy về các ưu điểm trên. Điểm đáng tán thán nơi ông thầy giáo chính là khả năng biết chữ của ông cùng khả năng khai hóa, giúp người khác cũng biết chữ hết như mình.

Trí đức của Như Lai là điều kiện tất có và đủ để tạo thành một đấng giác ngộ. Một nhân vật có thể đẹp trai, ăn nói dịu dàng, oai nghi tế hạnh được như Phật... nhưng nếu không có trí tuệ thì chỉ được gọi là đấng phàm phu. Nếu đương sự có trí tuệ mà không tiếp dẫn hậu lai, giúp chúng sinh khác được giác ngộ như mình, đương sự chỉ là một đấng độc giác. Tự mình giác ngộ, giúp tha nhân giác ngộ... Đó mới là một vị Phật.

Trong câu chuyện trên, ngài Hoàng Long Huệ Nam có thể đã thành tựu giới đức như Phật, nhưng phần trí đức thì chưa khai thông. Vì vậy mà khi nghe mắng chửi ngài đã thẹn đỏ mặt, khó chịu trước đám cử tọa doanh vậy.

Lỗi khai ngộ của ngài Từ Minh cũng thật lạ lùng, dùng ngay những điều mà Huệ Nam tối kỵ, không ưa. Vậy mà nếu không có những lời nói trái tai, xia xói, thấu tận ruột gan đó... có lẽ không thể nào có được thiền sư Huệ Nam, người nối pháp Từ Minh và là vị khai tổ cho thiền phái Hoàng Long sau này.

Thủ thuật của ngài Từ Minh đối với Huệ Nam cũng chính là phương tiện khéo léo mà ngài Ca Diếp đã khai ngộ cho tôn giả A Nan.

Theo các kinh điển còn ghi lại thì tôn giả A Nan là một người em họ của đức đạo sư. Tôn giả nổi tiếng là rất mực đẹp trai, ăn nói dịu dàng, oai nghi cốt cách rất được lòng thầy bạn và Phật tử gần xa. Có một trí nhớ tốt, lại ham học, siêng năng hành thiền, có thể trùng tuyên lại những lời dạy như một cái máy khâu băng, được hầu cận Phật suốt mấy chục năm dài, thân cận các bậc cao đức như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... mà tôn giả vẫn chưa đặng thánh quả.

Ngày đức Thế Tôn nhập niết bàn tôn giả đã khóc ròng vì bi lụy... Phải nhờ sự giúp đỡ của ngài Ca Diếp tôn giả mới sạch hết lậu hoặc.

Số là, sau ngày Phật nhập diệt độ khoảng ba tháng, ngày Ca Diếp có triệu tập một cuộc đại hội gồm 500 đại biểu tại hang núi Kỳ Xà Quật (gần Vương Xá) để trùng tuyên lại những lời dạy của đức đạo sư.

Toàn thể thính chúng đều đồng ý đề cử tôn giả A Nan làm vị trùng tuyên kinh nhưng ngài Ca Diếp không đồng ý với một lý do duy nhất là tôn giả chưa đắc A La Hán quả, trong khi toàn thể đại hội đều đã sạch lậu hoặc. Vì thế, khi nghe tin đại hội khai mạc, tôn giả A Nan vội vã tìm đến, nhưng bị sư huynh Ca Diếp ngăn lại, không cho vào dự một cách rất phũ phàng. Chưa hết, ngài Ca Diếp còn hải tội tôn giả, gồm 5 điều cũ rích, đã xảy ra từ thời Phật còn hiện diện, như:

1. Không chịu thỉnh Phật trụ thế.
2. Ráng xin cho nữ giới gia nhập tăng đoàn.
3. Vô ý đập lên y của Phật.
4. Không chịu thỉnh vấn Phật cho rõ ràng về những điều luật không cần thiết, có thể bỏ bớt.
5. Để nước mắt của nữ nhân làm ô uế thân mình.

Lẽ dĩ nhiên là tôn giả A Nan nhận tội và xin sám hối. (Sám hối xong vẫn bị nhốt ngoài hang). Đêm hôm ấy, tôn giả ở trong một tâm trạng bối rối tột độ. Vị thầy, người cha cũng là người anh yêu kính đã khuất bóng, cách đối xử lạnh lùng của người trưởng huynh, sự lạnh nhạt, bỏ rơi của tăng đoàn... là những điều mà lần đầu tiên trong đời tôn giả gặp phải. Tôn giả đi tới đi lui trước hang núi... mãi đến lúc mệt mỏi, kiệt quệ, cả thân lẫn tâm, ngài mới đến một tảng đá, vừa nghiêng mình định đặt lưng xuống nằm nghỉ thì hoát nhiên đại ngộ. Bao nhiêu lậu hoặc đều sạch bong, tôn giả đắc A La Hán quả vào lúc ấy, trong một tư thế mà kinh luận thường gọi là “Ly tứ oai nghi.”

Em thân mến!

Trên đường tu tập, hành giả cũng có chung một nguyện ước là làm sao được sạch lậu hoặc, giải quyết cho xong “đại sự,” sớm chùng nào tốt chùng này. Chúng ta còn thâm hy vọng rằng con đường tu hành của mình sẽ được suông sẻ, xuôi chèo mát mái, nghĩa là ước mong sao gặp thuận cảnh nhiều chùng nào tốt chùng này.

Nhưng, thuận và nghịch là những điều mà phàm nhân phân định căn cứ vào cái móc đo “ngã kiến, ngã chấp” của mình. Trong hai câu chuyện trên của ngài Hoàng Long Huệ Nam và tôn giả A Nan, nghịch cảnh đã đóng một

vai trò quyết định tối hậu... Vì vậy, điều quan trọng trên bước đường học đạo không phải là tìm thuận tránh nghịch, mà chỉ là tùy thuận theo hoàn cảnh, như một thiền giả đã nói:

“Tùy thuận chúng duyên vô quái ngại...”

hay

Quán ác ngôn thị công đức
Thử tác thành ngô thiện tri thức
Bất nhân oán báng khởi oan thân
Hà biểu vô sanh từ nhân lực

Nghĩa là:

Xét lời ác là công đức
Người nói lời ấy là thầy ta
Chớ vì báng bỏ sinh thân, oán
Sao tỏ vô sanh, thành nhân lực?
(Chứng Đạo Ca)

---o0o---

Bài Học Sau Cùng

Ngày xưa, ngày xưa, có một ông vua. Như bao nhiêu vị vua khác không chuyện cổ tích, đức vua của chúng ta làm chủ một giang sơn gấm vóc, có một đám đông đình thần giỏi giang và hăng hà sa số thần dân gương mẫu. Điều đáng nói là đức vua rất sáng suốt, nhìn xa thấy rộng, đáng làm gương cho hết thảy các ông vua khác trong sách vở. Người ta có thể minh chứng điều đó bằng một sắt luật của đức vua khi mới leo lên ngôi cửu ngũ: cho sưu tầm hết tất cả sách vở có trong trời đất, tập trung về hoàng cung cho đức vua tham học.

Hàng trăm quan lớn, hàng nghìn quan nhỏ cùng hàng vạn phu khuân vác đã làm việc cật lực suốt 10 năm dài mới tải hết được số sách của nhân loại đem về kinh đô. Đứng trước một trăm căn phòng chứa đầy nhóc các thủ bản viết tay, đức vua gãi đầu, ra lệnh cho quan tể tướng phải cấp tốc thiết lập một ban quản thủ thư viện, kiêm nhiệm việc phân loại, tóm tắt các văn kiện rồi hãy đem đệ trình cho mắt rồng ngự lâm.

Ban quản thủ thư viện lại làm việc ráo riết bất kể ngày đêm để đạt yêu cầu của đức hoàng thượng họ... Và sau 10 năm dài không ngơi nghỉ, tốn hết 7 tỷ 368 triệu 456,321 kg bạch lạp, họ mới tóm tắt thâu gọn cái thư viện đồ sộ từ 100 gian phòng xuống còn một giang duy nhất, rồi hân hoan đệ trình lên đức vua của họ.

Đứng trước những tủ sách gọn gàng, ngăn nắp, trình bày vô cùng mỹ thuật ấy, đức vua rất ư là cảm động. Sau khi vò tờ vò lui... làm rồi núi chòm râu đã lấm tẩm bạc, đức vua lại truyền lệnh “phải tóm tắt nữa, thu gọn nữa... làm sao để trăm có thể đọc hết tất cả tinh hoa của nhân loại, thâu thái hết những ý kiến khôn ngoan... chỉ trong khoảng 10 cuốn sách mà thôi... Các khanh đã làm việc thật hoàn hảo, nhưng trăm không có thì giờ... các khanh hiểu chứ?” Dĩ nhiên là ban quản thủ thư viện gật đầu lia lịa và lại đốt nến bắt tay vào công việc mới.

Mười năm dài trôi qua, toàn thể sách vở được cô đọng lại trong mười quyển dày cộm, đóng bìa da, gáy mạ vàng, đầy chi chít những chữ.

Lần này, đức vua không tiếc lời khen ngợi đám đình thần mẫn cán, bóc vàng bạc ban thưởng cho họ từng nắm lớn, rồi đồng dặc ra lệnh:

- Hãy tóm tắt thêm nữa... Hãy làm cách nào để chúng chỉ còn vòn vẹn có một quyển thôi, cho trăm gói đầu giường mỗi khi rồi rảnh. Các khanh hiểu ý trăm chứ?

Đám đình thần lại tranh nhau tung hô và gật đầu lia lịa.

Lại 10 năm dài trôi qua. Quyển sách được hoàn thành thể theo lời yêu cầu của người cần đọc. Quan tể tướng long trọng đặt nó lên một cái mâm bằng vàng, dâng lên đức vua của họ, bây giờ đang hấp hối trên long sàng.

Đức vua nhìn quyển sách, rơi lệ, thều thào nói:

- Muộn mất rồi, các khanh hãy tóm tắt đại ý của quyển sách, trong chỉ một câu thôi, để trăm nghe đọc được lần cuối.

Một cuộc đại hội được khẩn cấp triệu tập. Ban quản thủ thư viện lại làm việc ròn rã suốt ba ngày đêm...

Sau cùng, quan tể tướng vội vã đến quỳ mọp bên long sàng, dâng lên một mảnh giấy đỏ, có viết mấy dòng chữ vàng bằng kim nhũ óng ánh. Đức

vua gật đầu, ra dấu cho quan tể tướng đọc lớn lên. Vị trung thần lão thành này cố nén nỗi thương tâm, quệt nước mắt, hít mũi, hắng giọng, lớn tiếng đọc bằng một giọng rõ ràng và trang trọng.

- Sinh... a... già... a... bệnh... a... và chết.

Người bệnh lắng tai nghe xong, gục gật đầu rồi khép mắt, trút hơi thở sau cùng.

Những người chung quanh đồng rống lên khóc, quan tể tướng vấp ngã đập đầu vào long sàng, các đình thần đấm ngực bứt cúc áo... Đám ngự lâm quân hối hả dìu các vị lão thần, ngăn cản các vị trung niên đang nhỏ râu sừng sực.

Trong khung cảnh hỗn loạn đó, tờ giấy đỏ có viết kim nhũ vàng lặng lẽ chao mình theo một cơn gió, bay vèo qua cửa sổ và âm thầm chui vào một cái hốc chứa đầy nước trong máng xối...

Toàn thể công lao của ban quản thủ thư viện đều trôi theo những giọt kim nhũ vàng óng ánh, chậm chậm nhỏ từng giọt xuống bức tường phủ đầy rêu xanh.

Em thân mến!

Con kiến bé có bao giờ lặn độn
Lối đi về trên cỏ lục chiêm bao?

---o0o---

Chó Điên

Xưa, có một anh chàng nọ đi ngang một thôn xóm, gặp con chó cứ theo sủa mãi. Bực mình anh la lên:

- Chó điên! Chó điên! Ôi làng nước ơi!

Nghe tiếng la, làng xóm đổ lại, đập chết con chó.

Em thân mến!

Muốn giết một con chó, cứ gọi nó là chó điên. Muốn hại một con người, ta cứ cho hắn một cái tên, chụp một cái mũ nào đó mà xã hội thường phê phán và ghét bỏ... thì đã có hàng khối người đổ xô lại trừng trị hắn cho ta rảnh tay mà... đi thẳng vậy.

---o0o---

Mê Tín

Xưa, có một anh học trò. Trước ngày ra trường thi, anh mang vàng hương đến một ngôi đền, nhờ thánh mách nước cho được trúng tủ khoa thi này.

Qua sự trung gian của một bà đồng, anh biết được đề thi và cứ thế mà làm sẵn, chuẩn bị trước cho thật chu đáo.

Ngày dự tuyển, anh chàng vào trường đọc qua loa đầu đề rồi cầm bút viết bài tủ mà mình đã soạn sẵn ở nhà. Mãi đến lúc thi xong, trở về nhà trọ, nghe bạn bè bình luận về đề thi, anh mới vỡ lẽ ra rằng mình đã trật tủ, đã làm bài thi theo đầu đề mà anh tưởng tượng ra, chẳng dính dáng gì đến đề tài của ban giám khảo qui định cả.

Em thân mến!

Anh học trò trên đây đã hành động thật là lắm cảm và buồn cười. Ai đời, khi vào trường thi, không chịu đọc cho kỹ đề bài, cứ cầm cổ mà viết theo những gì mà anh ta đã dự tưởng, qua sự mách nước của bà đồng.

Nhưng, anh ta không cô độc mà lại có khá nhiều đồng minh đấy, em ạ!

Khi gặp mặt một người bạn mới chẳng hạn, chúng ta nào có chịu tiếp giao ngay với con người hiện thực của họ, như họ hiện diện trước mặt ta... Mà lập tức, ta lôi ngay các thành kiến, những lời khuyên nhủ, phê bình, mách nước, nhận xét của người xung quanh ta đã nói lên trước, để thành lập một hồ sơ lý lịch cho người bạn mới quen này. Hành động đó, nhà thiền gọi là “quý lỗ tai mà khinh con mắt” đó em ạ!

---o0o---

Cái Bướu

Ngày xưa, có một ông vua. Như bao nhiêu ông vua khác trong truyện cổ tích, ngài trị vì một giang san gấm vóc, có hằng hà sa số thần dân gương mẫu yêu kính và thờ phụng ngài như thần thánh. Đức vua có một hoàng hậu, hơn chục bà cung phi và hàng trăm thế nữ doanh vâ... Nghĩa là ngài không thiếu thốn bất kỳ một thứ phụ tùng cần thiết nào cả. Vậy mà mắt rồng vẫn ử dột, miệng rồng vẫn u sầu. Không ai biết được duyên cớ nỗi buồn của nhà vua ngoại trừ bác thợ cạo của ngài, nhưng dĩ nhiên là bác đã thề độc rằng sẽ giữ kín điều bí mật đó.

Đức vua ngày một võ vàng, sầu muộn. Người ta đoán rằng có lẽ ngài thất tình, thiếu tiền, ưu thời mẫn thế.

Nỗi buồn của nhà vua biến thành một vấn đề thời sự hấp dẫn và nóng bỏng, là nỗi cuu mang nặng nề trong hoàng cung, triều thần và toàn thể nhân dân trong nước.

Một hôm bác thợ cạo của đức vua thỉnh linh lâm trọng bệnh. Nói nào ngay, bác ta không nặng đến nỗi không thể cạo râu cắt tóc cho nhà vua, nhưng quan ngự y không cho phép bác bước vào hoàng cung sợ lây bệnh cho hoàng tộc và thánh thể.

Sau nhiều đêm đắn đo, đứu vua cho vời một bác phó cạo mới đến cắt tóc cho mình. Trước khi hành nghề, bác phó cạo được lệnh phải giữ bí mật hệt như bác thợ trước. Dĩ nhiên là bác ta vâng dạ luôn mồm và gặt đầu lia lia.

Cắt tóc và cạo râu cho đức vua xong, bác thợ mới liền lâm bệnh y hệt như bác thợ cũ: các bác sĩ theo dõi hai bác thợ và ghi nhận họ có triệu chứng bệnh trạng hệt đức vua: mặt mũi buồn rười rượi, bỏ ăn, biếng ngủ, cứ nhìn lên trời và thở dài thườn thượt.

Sau cùng, chịu hết nỗi, bác thợ mới bỏ nhà đi vào rừng. Bác đi, đi mãi, cho đến lúc nghĩ rằng đã xa hẳn tầm tai nghe mắt thấy của loài người, bác nhảy múa như điên và gào lên bằng thích những điều đã thề phải giữ kín với đức vua. Xong, bác ra về, lòng đầy phỉ lặc, bác lành bệnh hẳn.

Ít lâu sau, cái trống cổ trong hoàng cung bị đứt dây, rơi xuống và vỡ nát. Chàng thợ trống của hoàng gia phải tức tốc vào rừng tìm gỗ về làm

chiếc trống mới. Tình cờ anh chàng đi theo lối mòn và đến chỗ mà bác thợ cạo đã trút bầu tâm sự bí mật.

Chiếc trống mới đã hoàn thành. Ngày khai mạc, đức vua đình thần, hoàng gia cùng thân dân lớn bé đều tụ họp để nghe tiếng trống đầu tiên, họ đồng thanh gọi lên ước nguyện duy nhất: “Thánh thượng được an ổn và vui vẻ.”

Quan thượng thư Bộ lễ trang trọng cầm dùi, giáng vào mặt trống, chiếc trống liền gào lên:

- Tùng! Tùng! Tùng! Đức vua có cái bươu ở trên đầu... tùng!

Toàn thể đình thần đều biến sắc. Bàng dân thiên hạ làm ra vẻ nghiêm trang như chẳng nghe thấy gì, chỉ có bọn trẻ con là cười bằng thích, chúng vừa cười, vừa gào lên theo tiếng trống.

- Hi! Hi! Hi! Đức vua có cái bươu ở trên đầu... Hi! Hi! Hi!

Trong tình thế trầm trọng đó, đức vua bỗng bật cười... Nghe tiếng cười của ngài, mọi người đều hoan hô và reo âm ỉ.

So với ân đức của đức vua đã làm cho đất nước, một cái bươu nào có nghĩa gì đâu! Mọi người đều vui sướng khi thấy nhà vua của họ hoan hỉ, vui tươi thoải mái trở lại. Chuyện bí mật đã được tiết lộ, hai chàng thợ cạo liền hết chứng bệnh u uất cũ, hội đồng y khoa họp lại và đồng kết luận: “Bệnh do tâm tạo,” chiếc trống của hoàng cung thì cứ vui vẻ reo tùng, tùng, tùng!

Ai cũng quên hẳn cái bươu đi!

Em thân mến!

Một khuyết điểm ngoài ý muốn của chúng ta là một điều rất bình thường. “Nhân vô thập toàn” mà ily! Chân thành nhận lấy nó, không tìm cách che giấu thì người chung quanh sẽ thông cảm và quên nó đi, ta cũng được thoải mái vì không sợ bị tiết lộ điều bí thông. Đó là những gì mà câu chuyện cổ trên của dân tộc Thái Lan muốn nhắn nhủ chúng ta.

Cũng thế, ráng giấu nhem những tính xấu như tham sân tật đố... gắng trung bày các đức tính như từ bi hỷ xả... là một việc khó bề thực hiện và dễ đưa hành giả đến chỗ mệt mỏi, u uẩn, không thoải mái.

Mình ra sao thì nhận mình như vậy: “Khi tâm có tham biết là có tham, tâm hết tham biết là hết tham...” là một trong những phép quán tâm của Phật giáo, thường được nhắc nhở trong các bộ Nikaya. Các thiền sư dòng thiền đốn ngộ cũng thế. Ngay đến hòa thượng đường đầu, khi vấp phải một sai lầm, được đồ đệ nhắc nhở, các ngài chỉ nói một cách bình thản: “Lão tăng tội lỗi!”

Và, thế là xong chuyện.

---o0o---

Tiếng Chim Đầu Núi

Vương An Thạch và Tô Đông Pha là hai người bạn cùng làm quan đồng triều vào thời Tống (Trung Hoa).

Một hôm, Tô Đông Pha đọc thơ của Vương An Thạch, gặp hai câu:

Minh Nguyệt đầu sơn khiếu
Hoàng khuyến ngọc hoa tâm

Nghĩa là:

Trăng sáng kêu đầu núi
Chó vàng nằm giữa đóa hoa.

Ông cho là Vương làm thơ sai, bèn sửa lại từ cuối cho câu thơ được đúng nghĩa hơn:

Minh Nguyệt đầu Sơn chiếu
Hoàng khuyến ngọc hoa âm.

Nghĩa là:

Trăng sáng soi đầu núi
Chó vàng nằm giữa bóng hoa.

Vương thấy thơ mình bị sửa làm thình không nói.

Mãi về sau, khi có dịp đi ngang vùng Giang Nam Tô Đông Pha mới khám phá ra rằng tại một địa vực, có loài chim tên là Minh Nguyệt và loài

sâu tên là Hoàng Khuyển. Khi ấy ông mới vỡ lẽ ra rằng Vương An Thạch đã làm hai câu thơ trên khi đi qua vùng đất này.

Chim Minh Nguyệt kêu ở đầu núi
Sâu Hoàng Khuyển nằm giữa lòng hoa.

Và, Tô Đông Pha đã sửa thơ bạn vì sự dốt nát của chính mình.

Em thân mến!

Không có kiến thức, dốt nát hơn người nhưng lúc nào cũng sẵn sàng chỉ trích, sửa sai cho người... hơn và cao hơn mình là một điều rất thường xảy ra trong đời sống thường nhật của tôi và em.

Nhưng dám nhận sự sai lầm của mình như thi hào Tô Đông Pha, im lặng bình thản trước sự phê phán vội vã như Vương An Thạch... phải nói là những nhân cách khá hiếm hoi trong cộng đồng nhân loại. Có lẽ vì vậy mà câu chuyện này được truyền tụng mãi cho đến bây giờ chẳng? Và có lẽ, cũng chính nhờ những cách xử sự cao quý ấy mà chúng ta còn giữ được niềm tin yêu với cuộc đời và con người... trong kiếp sống rất mực phù du và quá ư rộng ràng này vậy.

---o0o---

Trái Cấm

Trong Túc Sanh truyện có ghi lại lời đáp của đức đạo sư khi tôn giả A Nan phỏng vấn ngài rằng:

- Tại sao cũng đồng thời là phạm phu như bao nhiêu chúng sanh khác mà trong các tiền kiếp đức Phật đều tỏ ra thông minh, đề cao cảnh giác trước trăm nghìn chạm bẫy, còn chúng sanh thì không?

Đức đạo sư đã thuật lại câu chuyện về cội cây giữa ngã ba đường:

- Giữa ngã ba đường có rất nhiều khách bộ hành qua lại, là giao điểm của các đường thương khách, lại xuất hiện một cội cây to, cành lá xum xuê, chi chít trái chín tỏa mùi hương ngào ngạt... Ngày tháng dần qua, trái cây rụng la liệt nhưng chẳng có ai thèm nhặt thì phải biết đó là một loại cây cực độc.

Cũng vậy, đối với các loại ngũ dục thế gian như tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, lợi dưỡng... ở vừa tầm tay của thiên hạ... mà vẫn còn thì coi chừng! Đó phải là những thứ cực độc, phải tránh xa kéo mà chết không kịp ngáp!

Em thân mến!

Câu chuyện trên, thực hư ra sao, chúng ta chưa thể biện biệt được. Có điều lời khuyên của đức đạo sư, thật là đáng cho chúng ta suy gẫm.

Cõi đời mà chúng ta đang sống đây thuộc về dục giới, thế giới của những ước muốn, hoài mong không bao giờ thỏa nguyện.

Bất kể màu da, chủng tộc, tiếng nói... nhân vật nào trên hành tinh này cũng ưa thích đắm say ngũ dục: tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Ngũ dục đôi khi được xem là những đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân... gây vừa lòng, thích ý cho đương nhân.

Trên đường đời, khi gặp phải một đối tượng vừa bụng, chúng ta thường nghĩ rằng:

- Chèn ơi! Người (hay vật) đâu gặp gỡ làm chi.

Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Ta cứ tưởng bỏ rằng đó là một món quà hậu hỷ mà trần gian đã dành riêng cho mình, một nhân vật đặc biệt quan trọng và dễ thương hết chỗ nói. Vì thế ngay lập tức, ta “nhào vô” vớ lấy “trái cấm,” không hề băn khoăn vì sao trái ấy sực nức mùi hương, nom rõ dãi, ở giữa ngã ba đường cái, trong tầm mắt của bầy dân thiên hạ mà chẳng có ai thèm đoái hoài?

Người trí và kẻ ngu khác nhau là ở chỗ đó vậy.

Phụ chú: Phải coi chừng các món quà cũng như các thành quả mỹ mãn mà chúng ta vớ được một cách dễ dàng, không tốn kém một mồ hôi, nước mắt nào hết... nhé!

---o0o---

Gánh Nặng Trên Vai

Thầy kể chuyện:

Có anh chàng nọ, vác một bao lúa nặng trĩu đi qua không biết bao nhiêu dặm đường.

Đọc đường, có người gởi anh một ít đồ vật, anh đều không từ chối bất kể nặng nhẹ.

Sau cùng, gặp một thiện hữu bảo anh nên vác bao lúa đi vì nó không còn cần thiết nữa. Anh làm theo và cảm thấy khỏe khoắn không biết bao nhiêu khi gánh nặng không còn nữa.

Kê xong, thầy hỏi:

- Vác, khiêng, quảy... đều mệt nhọc. Buông, quăng, bỏ... thiệt là khỏe. Vậy mà tại sao mấy đứa con không chịu buông?

Em thân mến!

Đây là một câu hỏi đơn giản nhưng thuộc loại khó trả lời... vì các gánh nặng của chúng ta đang cưu mang hoàn toàn không có hình tướng, trọng lượng... không thể sờ mó hay chỉ trỏ cho ai xem... vậy mà nó nặng ời là nặng!

Ai bắt chúng ta cưu mang những niềm vui nỗi sầu? Ai khiến chúng ta cứ nhớ hoài nhớ mãi những kỷ niệm đau thương, các lời nhục mạ có phụ đề theo hình ảnh... từ ngày này qua ngày khác, nhất định “sống để dạ chết mang theo” chứ không chịu vác bỏ giữa đường.

Bỏ thì khỏe... nhưng buồn... vì thấy sao mà tay chân mình lóng ngóng, chả biết đặt vào đâu. Buồn vì thấy người ta CÓ, còn mình KHÔNG, người ta ĐƯỢC, mình lại MẤT. Có lẽ vì vậy mà, dù đã mệt le lười về chuyện của mình, chúng ta vẫn sẵn sàng kê vai gánh phụ không biết bao nhiêu là bao bị của người. Và, đó cũng là lý do tại sao hai chữ “buông xả” của nhà thiền mãi mãi là một ẩn ngữ đối với thế nhân vậy.

---o0o---

Vàng Trăng Năm Ngón

Thuở xưa, có một cậu học trò bé tí. Đến trường nghe cô giáo kể chuyện ngụ ngôn về “con chó sói và con cừu non,” cậu tin chắc chắn rằng con sư tử và cừu đều biết nói, hai con thú ấy đã đứng bên một dòng suối

trong khu rừng nào đó, đối đáp với nhau, cô giáo thông thái của chú đã nghe và thấy được rồi kể lại cho học trò.

Lớn lên một chút, chú biết phân biệt, phán đoán rành rẽ rằng:

- Đó là một câu chuyện lão toét, hoàn toàn bịa đặt, không hề xảy ra trên hành tinh này. Sói mà gặp cừ là vồ ngay, cừ thấy sói là bỏ nhào mà chạy chứ làm gì có việc đứng nói chuyện dang ca với nhau.

Mãi đến lúc thành nhân, phải tương giao với xã hội... chú mới thấm thía, gật gù nhớ đến câu chuyện năm xưa:

- Phải rồi! Cái lý của kẻ mạnh bao giờ cũng thắng.

Vấn đề có hay không, thật hay hư của câu chuyện “sói và cừ” không cần thiết... vì chú đã hiểu rõ ý nghĩa của người đặt ra câu chuyện ấy.

Em thân mến!

Chúng ta có phải là cậu học trò trong câu chuyện trên chăng?

Thuở mới vào chùa, chúng ta tin chắc chắn rằng: “Bất cứ điều gì đã ghi trong kinh đều có thật, đã từng xảy ra trong thế giới hiện thực của lịch sử.”

Lớn lên một tí, chúng ta hoang mang, mất niềm tin khi thấy rằng: “Những điều trong kinh nói sao mà huyền hoặc, mê tín, phi khoa học và lịch sử hết sức.”

Và cho đến bây giờ, hiểu rõ được ý chí của kinh, thấu đáo rõ những gì mà tiền nhân muốn trao lại cho chúng ta... thì vấn đề đó có không, hư thực sẽ không còn là một mối bận tâm nữa!

Vì thế mà kinh Viên Giác có câu: “Hết thầy kinh điển giống như ngón tay chỉ mặt trăng...” nghĩa là nên nương vào ngón tay để thấy vàng trăng trên trời, chứ đừng cho rằng “mặt trăng có năm ngón”, đó em!

---o0o---

Hết

